HÀ BÍCH LIÊN – MAI THỊ PHÚ PHƯƠNG (đồng Chủ biên phần Lịch sử)
NGUYỄN ĐỨC HOÀ – NGUYỄN TRÀ MY – TRẦN VĂN NHÂN – HỒ THANH TÂM – NGUYỄN KIM TƯỜNG VY
NGUYỄN KIM HỒNG (Tổng Chủ biên phần Địa lí)
PHAN VĂN PHÚ – MAI PHÚ THANH (đồng Chủ biên phần Địa lí)
VŨ THỊ BẮC – TRẦN NGỌC ĐIỆP – NGUYỄN HÀ QUỲNH GIAO
HOÀNG THỊ KIỀU OANH – HUỲNH PHẨM DŨNG PHÁT – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7

SÁCH GIÁO VIÊN

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên (SGV) đi kèm với sách giáo khoa (SGK) **Lịch sử và Địa lí 7** bộ *"Chân trời sáng tạo"* được biên soạn nhằm cung cấp một cách tiếp cận cho các thầy, cô giáo với tư cách là người tổ chức, hỗ trợ học sinh (HS) chiếm lĩnh tri thức lịch sử và tri thức địa lí, giúp các em phát triển khả năng tự giải quyết những vấn đề được yêu cầu trong chương trình môn học, cụ thể hơn – hướng dẫn HS sử dụng sách trên lớp – gắn với chương trình chung và kế hoạch giảng dạy của từng địa phương và nhà trường.

Các tác giả mong muốn cuốn sách này sẽ góp phần giúp các thầy, cô giáo giảng dạy môn Lịch sử và Địa lí thực hiện sứ mệnh của mình trong sự nghiệp giáo dục, đó là: phát triển ở HS năng lực lịch sử và năng lực địa lí trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á (từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX) và lịch sử Việt Nam (từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI), về đặc điểm tự nhiên, kinh tế – xã hội của sáu châu lục: châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực; giúp HS biết cách sử dụng các công cụ của khoa học Lịch sử, khoa học Địa lí để học tập và vận dụng vào thực tiễn; góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực chung và phẩm chất chủ yếu, đặc biệt là tình yêu quê hương đất nước, ý thức tự hào về quốc gia – dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới và văn hoá nhân loại, khơi dậy ở HS mong muốn khám phá thế giới xung quanh cũng như vận dụng những điều đã học vào thực tế.

SGV được chia làm hai phần:

Phần một: Hướng dẫn chung

Phần này giúp giáo viên (GV) nắm vững ý tưởng biên soạn của SGK và giới thiệu những hỗ trợ căn bản mà GV sẽ nhận được để có thể chủ động thiết kế hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực.

Phần 2: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể trên nguyên tắc gợi mở và giành quyền sáng tạo, chủ động cho GV. Phần này được chia thành hai mục tương ứng với phần Lịch sử và phần Địa lí.

Hi vọng quyển sách là người bạn đồng hành cùng quý thầy, cô giáo trong quá trình giảng dạy môn Lịch sử và Địa lí. Chúc quý thầy, cô gặt hái được nhiều thành công và đạt được nhiều niềm vui trong công tác.

CÁC TÁC GIẢ

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

PHẦN MỘT
HƯỚNG DẪN CHUNG

A. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Môn Lịch sử và Địa lí là môn học bắt buộc của chương trình Trung học cơ sở, hình thành, phát triển ở HS năng lực lịch sử và năng lực địa lí trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về Lịch sử, Địa lí thế giới; các quá trình tự nhiên, kinh tế – xã hội và văn hoá diễn ra trong không gian và thời gian; sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; giúp HS biết cách sử dụng các công cụ của khoa học Lịch sử, khoa học Địa lí để học tập và vận dụng vào thực tiễn; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, thái độ tôn trọng sự đa dạng của Lịch sử thế giới và văn hoá nhân loại, khơi dậy ở HS ước muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

I. PHẦN LỊCH SỬ

Phần Lịch sử góp phần hình thành và phát triển ở HS 5 phẩm chất chủ yếu và 10 năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể. Tuy nhiên, do đặc thù của bộ môn, phần Lịch sử có ưu thế tuyệt đối trong việc bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm và lòng nhân ái.

Bên cạnh đó, phần Lịch sử còn góp phần hình thành các năng lực đặc thù được quy định trong chương trình môn học (phần Lịch sử), thể hiện ở bảng dưới đây:

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
TÌM HIỂU LỊCH SỬ	– Bước đầu nhận diện và phân biệt được: các loại hình và dạng thức khác nhau của các nguồn tài liệu cơ bản của khoa học Lịch sử, giá trị của tư liệu lịch sử trong việc tái hiện và nghiên cứu lịch sử. – Khai thác và sử dụng được thông tin của một số loại tư liệu lịch sử đơn giản.
NHẬN THỨC VÀ TƯ DUY LỊCH SỬ	– Mô tả và bước đầu trình bày được những nét chính của các sự kiện và quá trình lịch sử cơ bản với các yếu tố chính về thời gian, địa điểm, diễn biến, kết quả có sử dụng sơ đồ, lược đồ, bản đồ lịch sử,... – Trình bày bối cảnh lịch sử và đưa ra nhận xét về những nhân tố tác động đến sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử, quá trình lịch sử; giải thích được kết quả của sự kiện, diễn biến chính của lịch sử.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

NHẬN THỨC VÀ TƯ DUY LỊCH SỬ	– Phân tích được những tác động của bối cảnh không gian, thời gian đến các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử. – Bước đầu giải thích được mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử, mối quan hệ tác động qua lại của các sự kiện, hiện tượng với hoàn cảnh lịch sử. – Trình bày được chủ kiến của mình về một số sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử,... như lập luận khẳng định hoặc phủ định các nhận định, nhận xét về một sự kiện, hiện tượng, vấn đề hay nhân vật lịch sử.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC	– Sử dụng kiến thức lịch sử để giải thích, mô tả một số sự kiện, hiện tượng lịch sử trong cuộc sống. – Vận dụng được kiến thức lịch sử để phân tích và đánh giá tác động của một sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử đối với cuộc sống hiện tại. – Vận dụng được kiến thức lịch sử để giải quyết những vấn đề thực tiễn, đồng thời giải thích các vấn đề thời sự đang diễn ra ở trong nước và thế giới.

II. PHẦN ĐỊA LÍ

Phần Địa lí hình thành, phát triển ở HS năng lực địa lí trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về Địa lí thế giới; các quá trình tự nhiên, kinh tế – xã hội và văn hoá diễn ra trong không gian và thời gian; khơi dậy ở HS ước muốn khám phá thế giới xung quanh, giúp HS biết cách sử dụng các công cụ của khoa học Địa lí để học tập và vận dụng vào thực tiễn.

Các năng lực đặc thù của phần Địa lí được quy định cụ thể như bảng dưới đây:

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
NHẬN THỨC KHOA HỌC ĐỊA LÍ	*Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian* – Định hướng không gian: biết sử dụng các phương tiện khác nhau, đặc biệt là địa bàn để xác định chính xác phương hướng; biết xác định vị trí địa lí của một địa điểm và phương hướng trên bản đồ; biết phân tích phạm vi, quy mô của một lãnh thổ. – Phân tích vị trí địa lí: biết phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến các quá trình tự nhiên và kinh tế – xã hội.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

NHẬN THỨC KHOA HỌC ĐỊA LÍ	– Phân tích sự phân bố: mô tả được đặc điểm phân bố của đối tượng, hiện tượng địa lí. – Diễn đạt nhận thức không gian: sử dụng được lược đồ trí nhớ để mô tả nhận thức về không gian; sử dụng được lược đồ để diễn tả mối quan hệ không gian giữa các hiện tượng, sự vật địa lí; mô tả được một địa phương với các dấu hiệu đặc trưng về tự nhiên, dân cư và kinh tế. Từ đó hình thành ý niệm về bản sắc của một địa phương, phân biệt địa phương này với địa phương khác.
	Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội) – Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong thiên nhiên. + Mô tả được một số hiện tượng và quá trình địa lí trên Trái Đất; mô tả được sự phân hoá của thiên nhiên các châu lục; mô tả được các đặc điểm chủ yếu của thiên nhiên Việt Nam; giải thích được một số nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hoá thiên nhiên Việt Nam. + Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình tự nhiên. + Nhận biết và phân tích được quan hệ nhân quả trong mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên trong một số tình huống. – Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong kinh tế – xã hội. + Mô tả được sự phân hoá không gian của các hiện tượng dân cư, quần cư, kinh tế, văn hoá; giải thích được một số nhân tố tác động tới sự phân hoá đó qua một ví dụ cụ thể. + Tìm được các minh chứng về mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong sự phát triển, phân bố dân cư và các ngành kinh tế. + Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình kinh tế – xã hội. + Nhận biết và vận dụng được một số tình huống phân tích quan hệ nhân quả trong đời sống kinh tế – xã hội.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

	– Phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất. + Phân tích được tác động của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến việc lựa chọn phương thức khai thác tự nhiên của dân cư các châu lục. + Đánh giá được tác động của các điều kiện tự nhiên, cơ sở tài nguyên đến sự phân bố dân cư, sự phát triển các ngành kinh tế và hình thành cơ cấu kinh tế thông qua ví dụ cụ thể về Địa lí Việt Nam. – Phân tích tác động của xã hội loài người lên môi trường tự nhiên. Phân tích được cách thức mà con người ở các châu lục, ở các vùng miền của nước ta đã khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
TÌM HIỂU ĐỊA LÍ	*Sử dụng các công cụ của Địa lí học* – Khai thác tài liệu văn bản: tìm được nội dung địa lí trong một đoạn văn; biết đặt tiêu đề, chú thích cho một bức ảnh, tranh vẽ từ góc nhìn địa lí; biết tìm kiếm tài liệu địa lí phục vụ cho một bài tập dự án về địa lí địa phương hay một chủ đề về Địa lí Việt Nam. – Sử dụng bản đồ: nêu được các yếu tố bản đồ; biết đọc bản đồ tỉ lệ nhỏ về Địa lí tự nhiên, Địa lí dân cư, Địa lí kinh tế để rút ra các thông tin, tri thức cần thiết; biết sử dụng tỉ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm; biết đọc lát cắt địa hình. – Tính toán, thống kê: kể được tên một số đại lượng đo các hiện tượng, quá trình tự nhiên; vận dụng được một số chỉ tiêu về gia tăng dân số, phân bố dân cư và một số chỉ tiêu đo sự phát triển kinh tế và cơ cấu kinh tế. – Phân tích biểu đồ, sơ đồ: biết đọc biểu đồ khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa); biết đọc các dạng biểu đồ thông dụng trong phân tích động thái, cơ cấu, quy mô và đặc điểm phân bố của hiện tượng và đối tượng địa lí; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình đơn giản.
	Tổ chức học tập ở thực địa Biết chuẩn bị điều kiện cần thiết trước khi thực hiện khảo sát thực địa; biết sử dụng một số công cụ đơn giản và thông dụng để thực hiện quan sát, quan trắc ngoài thực địa; biết ghi chép nhật kí thực địa; biết viết thu hoạch sau một ngày thực địa.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

	Khai thác internet phục vụ môn học Biết lấy thông tin về tự nhiên, kinh tế – xã hội từ những trang web được GV giới thiệu; biết xác định các từ khoá trong tìm kiếm thông tin theo chủ đề; biết đánh giá thông tin tiếp cận được; có kĩ năng tải xuống các tài liệu media và lưu giữ tài liệu làm hồ sơ cho một bài tập được giao.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC	*Cập nhật thông tin, liên hệ thực tế* Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về các địa phương, quốc gia được học, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí.
	Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn Có khả năng hình thành và phát triển ý tưởng về một chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn; có khả năng trình bày kết quả một bài tập dự án của cá nhân hay của nhóm.

B. GIỚI THIỆU SGK LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7

I. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH

– Nội dung sách được triển khai bám sát Chương trình môn Lịch sử và Địa lí được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 – 12 – 2018, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn SGK mới ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017 ngày 22 – 12 – 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Đảm bảo các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung quy định trong Chương trình tổng thể đồng thời với các năng lực đặc thù của môn học: Nhận thức khoa học Địa lí, Tìm hiểu Địa lí và Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

– Tư tưởng chủ đạo của bộ sách: Đổi mới và sáng tạo, vận dụng triệt để các quan điểm: tích cực hoá hoạt động của HS, dạy học tích hợp. Tư tưởng này được hiện thực hoá bằng các hoạt động thực hành và trải nghiệm phong phú trong tất cả các chương/bài tạo ra các cơ hội hình thành, phát triển các năng lực và phẩm chất.

II. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

1. Cấu trúc sách

Sách gồm hai phần:

Phần Lịch sử: gồm 5 chương và 21 bài, giới thiệu những nội dung cơ bản về Lịch sử thế giới, Lịch sử khu vực Đông Nam Á (từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX) và Lịch sử Việt Nam (từ đầu thế kỉ X đến thế kỉ XVI).

Phần Địa lí: gồm 6 chương và 23 bài, giới thiệu về đặc điểm tự nhiên, xã hội và kinh tế của sáu châu lục: châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực.

Ngoài ra, các em còn được học 2 chủ đề chung: Các cuộc đại phát kiến địa lí; Đô thị: Lịch sử và hiện tại.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

2. Cấu trúc bài học

Mục tiêu bài học

Là những yêu cầu cần đạt đối với HS sau mỗi bài học.

Hình thành kiến thức mới

Nội dung bài học (các kênh thông tin khác nhau) và hệ thống câu hỏi giúp HS khám phá, hình thành kiến thức mới.

Tư liệu lịch sử, sơ đồ, lược đồ,... sắp xếp theo thứ tự 1, 2, 3,... theo từng bài học (ví dụ bài 12, được kí hiệu 12.1, 12.2, 12.3,...).

Kiến thức hỗ trợ, bổ sung, nâng cao, mở rộng, tích hợp hoặc kết nối với hiện tại.

Tư liệu hình của phần Địa lí được sắp xếp theo thứ tự 1, 2, 3,... đứng trước là số bài (ví dụ tư liệu hình ở bài 11 được thể hiện như sau: Hình 11.1, Hình 11.2,...) là cơ sở để tổ chức các hoạt động học tập cho HS.

Luyện tập

Các câu hỏi, bài tập, bài thực hành để học sinh củng cố, hệ thống hoá kiến thức, rèn luyện kĩ năng.

Vận dụng

Sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Cấu trúc trong từng bài học gồm những phần sau:

– Mở đầu: gồm hai phần là yêu cầu cần đạt và dẫn nhập.

– Hình thành kiến thức mới: gồm nhiệm vụ học tập, nội dung bài học, kiến thức bổ trợ, tư liệu hình ảnh.

– Luyện tập: các câu hỏi, bài tập, bài thực hành để HS củng cố, hệ thống hoá kiến thức, rèn luyện kĩ năng.

– Vận dụng: sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

3. Điểm mới về cấu trúc sách, cấu trúc bài học

Các bài học là phần cụ thể hoá các yêu cầu cần đạt trong mỗi chương. Việc sắp xếp, kết nối, phân tách các yêu cầu cần đạt cho phù hợp với cấu trúc các bài học trong mỗi chương đã được cân nhắc kĩ. Mục đích là làm sao để GV và HS đạt được các yêu cầu một cách dễ dàng nhất.

Nội dung các chủ đề được viết thành các bài học cụ thể. Mỗi bài học có bố cục hợp lí, nhằm làm nổi bật các quan điểm biên soạn sách là tiếp cận năng lực và dạy học tích hợp:

– Phần Yêu cầu cần đạt: nêu ngắn gọn các yêu cầu cần đạt trong bài theo đúng Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, nhằm định hướng cho người đọc.

– Phần Mở bài: nêu tình huống gợi sự tò mò của HS để bắt đầu bài học hoặc giới thiệu những điểm nổi bật của bài để HS có định hướng học tập ban đầu.

– Phần Khám phá kiến thức: bắt đầu bằng các câu hỏi tổ chức hoạt động. Ở phần này, hệ thống kênh hình, kênh chữ trong mỗi bài có sự chọn lọc, thể hiện sự sinh động, mang tính sư phạm cao; kết hợp với các câu hỏi khám phá kiến thức từ dễ đến khó nhằm giúp HS cũng có thể tự nghiên cứu bài học. Đặc biệt là hệ thống bản đồ đã được đầu tư kĩ lưỡng, công phu, đảm bảo về nội dung và tính trực quan, đáp ứng các yêu cầu của chương trình.

– Phần Luyện tập và Vận dụng cuối mỗi bài gồm các câu hỏi thể hiện rõ quan điểm và yêu cầu cần đạt về phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS vào trong cuộc sống.

Như vậy, qua một bài học, HS có rất nhiều cơ hội để tiếp xúc với thế giới bên ngoài khi được đặt trong những tình huống có thật, phải vận dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết các vấn đề. Cách tiếp cận này của sách hoàn toàn phù hợp với quan điểm tiếp cận năng lực đã đặt ra cho việc biên soạn sách của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời làm nổi bật các quan điểm biên soạn sách là *Đổi mới, sáng tạo, phát triển năng lực và tích hợp.*

C. MỘT SỐ GỢI Ý VỀ PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

I. PHẦN LỊCH SỬ

1. Một số phương pháp tổ chức hoạt động dạy học phần Lịch sử

Trong việc tổ chức dạy học phần Lịch sử, cần sử dụng, phối hợp nhiều phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức dạy học khác nhau nhằm phát triển năng lực cho HS.

Hiện nay, trong các trường, phổ biến việc kết hợp giữa phương pháp truyền thống (đàm thoại, thuyết trình) và phương pháp dạy học tích cực (phương pháp dạy học quan sát – thảo luận theo nhóm, giải quyết vấn đề, đóng vai, trò chơi, dạy học theo góc,…) và GV cũng áp dụng phổ biến các kĩ thuật dạy học hiện đại như giao nhiệm vụ, khăn trải bàn, phòng tranh, các mảnh ghép, động não, hỏi chuyên gia, sơ đồ tư duy,…

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Ngoài ra, phần Lịch sử còn có một phương pháp dạy học đặc trưng nữa là sử dụng tư liệu. Ở lớp 6, khi HS THCS lần đầu tiên tiếp cận phần Lịch sử, chúng tôi không nhấn mạnh đến sử dụng phương pháp này (nhất là trong điều kiện tư liệu lịch sử thời tiền sử và cổ đại còn ít ỏi). Ở chương trình Lịch sử lớp 7, hệ thống tư liệu (nhất là tư liệu gốc như tư liệu chữ viết, tư liệu hình ảnh, tư liệu hiện vật,…) được cung cấp rất phong phú, đa dạng trong SGK.

Vì vậy, chúng tôi đặc biệt chú trọng tăng các hoạt động yêu cầu HS khai thác tư liệu để qua đó góp phần giúp các em hình thành và phát triển các năng chung và năng lực đặc thù.

Trong việc biên soạn cuốn SGV phần Lịch sử ở lớp 7, chúng tôi có khá nhiều thay đổi so với cuốn SGV ở lớp 6. Ngoài phần cứng như cũ: KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH (HỌC SINH HỌC VỀ…; HỌC SINH HỌC ĐỂ…) và KHỞI ĐỘNG, trong từng bài của mỗi chương, chúng tôi bám sát vào 3 thành phần năng lực đặc thù cần hình thành cho HS thông qua hoạt động ở mỗi bài. Trên cơ sở đó, đưa ra những gợi ý cách thức tổ chức hoạt động để đáp ứng được những yêu cầu đặt ra.

2. Hướng dẫn cụ thể sử dụng SGV môn Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử)

Các bài được hướng dẫn trong cuốn sách này hoàn toàn tương ứng với trình tự của các bài học phần Lịch sử trong SGK Lịch sử và Địa lí 7; với cách thức trình bày có tham khảo mô hình trình bày SGV của một số nước có nền giáo dục tiên tiến. Mỗi bài học gồm có các thành phần chính: Kết nối với chương trình, khởi động bài học, hướng dẫn hoạt động phát triển năng lực, hướng dẫn luyện tập – vận dụng, kiến thức bổ trợ.

Chức năng của mỗi thành phần như sau:

a. Kết nối với chương trình

Phần này sẽ tạo điều kiện để GV nhận thức mối quan hệ giữa bài học đang tìm hiểu với chương trình học. Cụ thể, các câu hỏi khái quát sau đây sẽ được giải đáp: *Nội dung chính của bài học là gì? Các nội dung, tư liệu được SGK trình bày sẽ góp phần hình thành năng lực Lịch sử ở HS như thế nào? Và phẩm chất nào sẽ là lựa chọn chủ đạo để hình thành ở HS qua bài học?*

Ví dụ: **Bài 19. KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 – 1427)**

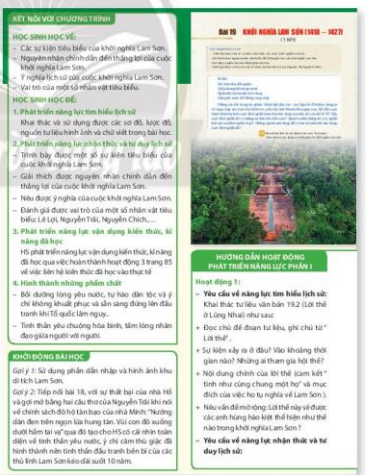
KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:
- Các sự kiện tiêu biểu của khởi nghĩa Lam Sơn.
- Nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Vai trò của một số nhân vật tiêu biểu.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:
1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử
Khai thác và sử dụng được các sơ đồ, lược đồ, nguồn tư liệu hình ảnh và chữ viết trong bài học.
2. Phát triển năng lực nhận thức, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học
- Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,…
3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học
HS phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học qua việc hoàn thành hoạt động 3 trang 85 về việc bàn hệ kiến thức đã học vào thực tế
4. Hình thành những phẩm chất
- Bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào dân tộc và ý chí không khuất phục và sẵn sàng đứng lên đấu tranh khi Tổ quốc lâm nguy..
- Tinh thần yêu chuộng hòa bình, tấm lòng nhân đạo giữa người với người.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

Gợi ý 1: Sử dụng phần dẫn nhập và hình ảnh khu di tích Lam Sơn.

Gợi ý 2: Tiếp nối bài 18, với sự thất bại của nhà Hồ và gió mở bằng hai câu thơ của Nguyễn Trãi khi nói về chính sách đối thị bạo của nhà Minh: "Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn. Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ" qua đó tạo cho HS có cái nhìn toàn diện về tinh thần yêu nước, ý chí cảm thù giặc đã hình thành nên tinh thần đấu tranh bền bỉ của các thủ lĩnh Lam Sơn kéo dài suốt 10 năm.

Bài 19 KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 – 1427)
(1 tiết)

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN I

Hoạt động 1:
- **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** Khai thác tư liệu văn bản 19.2 (Lời thề ở Lũng Nhai) như sau:
+ Đọc chú đề đoạn tư liệu, ghi chú từ " Lời thề".
+ Sự kiện xảy ra ở đâu? Vào khoảng thời gian nào? Những ai tham gia hội thề?
+ Nội dung chính của lời thề (cam kết " tinh như cùng chung một họ" và mục đích của việc họ tụ nghĩa về Lam Sơn).
- Nêu vắn đề mở rộng: Lời thề nay sẽ được các anh hùng hào kiệt thể hiện như thế nào trong khởi nghĩa Lam Sơn?
- **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

b. Khởi động bài học

Nội dung chủ yếu của phần này là gợi ý GV tiến hành hoạt động Khởi động (tương ứng với *Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/ Mở đầu* được đề nghị tại Phụ lục 4 của Công văn 5512/ BGDĐT – GDTrH). Những điều quan trọng mà GV cần chú ý trước khi thiết kế bài dạy hay tiến hành dạy học cũng được nêu ra tại đây.

Chẳng hạn, ở **bài 21. VÙNG ĐẤT PHÍA NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI**, chúng tôi có trình bày một đoạn để mong muốn GV dành nhiều sự quan tâm về cụm từ "vùng đất phía Nam", phân biệt lịch sử của một vùng đất với lịch sử của một vương quốc.

Lưu ý giáo viên: Cần xác định khái niệm "phương Nam":

+ *Vùng đất thuộc vương quốc cổ Chăm-pa, biên giới thiên nhiên là Hoành Sơn thuộc vĩ nam tỉnh Nghệ Tĩnh và bắc tỉnh Quảng Bình. Cư dân Việt và Chăm sinh sống đan xen ở khu vực châu Bố Chính (năm 1075, nhà Lý đổi Địa lý thành Lâm Bình, Ma Linh thành Minh Linh, nhưng giữ nguyên tên Bố Chính vì đó là vùng đất cả Việt và Chăm sinh sống lâu đời).*
+ *Vùng đất Nam Bộ Việt Nam ngày nay được tính từ lưu vực sông Đồng Nai đổ về Mũi Cà Mau, thuộc lưu vực hai sông Đồng Nai và Cửu Long (Ranh giới lịch sử thuộc giai đoạn thế kỉ X – XVI, là vùng đất tiếp giáp biên giới phía Nam của Chăm-pa thuộc tỉnh Bình Thuận ngày nay).*

Như vậy: Vùng đất phía Nam - tên của bài phản ánh lịch sử của một vùng đất chứ không phải lịch sử của vương quốc Chăm-pa mặc dù những diễn biến xảy ra trên vùng đất này có liên quan đến lịch sử Chăm-pa và quá trình Nam tiến của người Việt.

c. Hướng dẫn hoạt động phát triển năng lực

Số lượng các hướng dẫn hoạt động này tương ứng với các đề mục của bài học trong SGK và các câu hỏi bên dưới các đề mục. Ở đây, chúng tôi xác định nội dung của đề mục đáp ứng các thành phần nào của năng lực lịch sử và có những hướng dẫn để GV thiết kế thành các hoạt động dạy học nhằm đáp ứng các thành phần năng lực đó (tương ứng với *Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/ giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ* được đề nghị tại Phụ lục 4 của Công văn 5512/BGDĐT – GDTrH). Dĩ nhiên, phần này cũng có những chỉ dẫn đối với những kiến thức có tính nền tảng, gợi ý về phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học được áp dụng.

Ví dụ 1: **Bài 16. CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC THỜI TRẦN (1226 – 1400)**

Mục 4, hoạt động 2 (trang 68): *Đọc tư liệu 16.7 và cho biết: Theo quan điểm của Hưng Đạo Vương, những yếu tố nào sẽ giúp triều đình tạo nên sự ổn định và bền vững của một xã hội?*

16.7

Hưng Đạo Vương ốm. Vua ngự tới nhà thăm, hỏi rằng: "Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào?".

Vương trả lời: " […] tuỳ thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy".

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, trang 80)

Hoạt động này có 2 yêu cầu:

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

GV sẽ hướng dẫn HS khai thác tư liệu văn bản 16.7 theo các bước sau:

+ Xác định chủ đề của đoạn tư liệu *(kế sách giữ nước).*

+ Tình huống lịch sử đoạn tư liệu phản ánh? *(Hưng Đạo Vương ốm nặng, vua Trần tới thăm).*

+ Những khái niệm mới trong đoạn tư liệu: *"Tuỳ thời tạo thế" (tuỳ hoàn cảnh mà có chính sách ứng đối thích hợp); "Khoan thư sức dân" (làm những gì cho nhân dân đỡ khổ, đỡ lao lực để mà chăm lo cho cái "gốc rễ" của một quốc gia là nhân dân).*

+ Cụm từ, câu văn nào thể hiện quan điểm chính của Hưng Đạo Vương?

+ Quan điểm đó chú trọng điều gì?

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

– Yêu cầu năng lực vận dụng (nâng cao): (GV mở rộng)

Kế sách "khoan thư sức dân" là chăm lo cho đời sống nhân dân, tránh lãng phí sức lực của nhân dân là một quốc sách trị nước mà ngày nay vẫn còn áp dụng.

Trong cuộc sống ngày nay, nhà nước vẫn luôn có chính sách quan tâm đến đời sống vật chất, sức khỏe của người dân, đặc biệt là người dân những vùng kinh tế khó khăn, miễn giảm thuế sau đại dịch,... Mọi công dân đều được hưởng đời sống bình đẳng, ấm no và hạnh phúc, được chăm lo và tự do phát triển. Làm được điều đó, tức là "khoan thư sức dân".

Ví dụ 2: **Bài 17. BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG – NGUYÊN**

1. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ năm 1258

Dựa vào sơ đồ 17.1 và lược đồ 17.2, hãy trình bày diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258.

Năm 1257, Mông Cổ đã cho quân áp sát biên giới Đại Việt rồi ba lần cử sứ giả đến Thăng Long dụ hàng. Vua Trần Thái Tông cho bắt giam sứ giả, đồng thời ra lệnh cả nước ra sức tập luyện, chuẩn bị vũ khí, sẵn sàng đánh giặc.

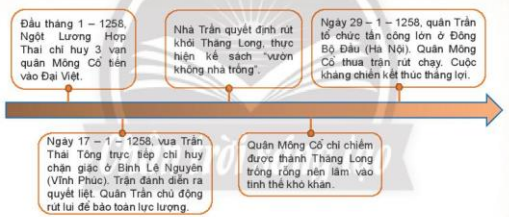

17.1 Sơ đồ diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258

Hoạt động này có 3 yêu cầu:

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

Biết cách khai thác thông tin của một sơ đồ đường thời gian ngang, biểu đồ liệt kê, hiển thị các mốc sự kiện, thời gian theo thứ tự thời gian của các sự kiện xảy ra trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258.

1. Đọc tiêu đề để khám phá chủ đề của dòng thời gian: *Diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258.*

2. Xác định khoảng thời gian, dòng thời gian thể hiện: *Các sự kiện xảy ra trong năm 1258 và trong một tháng (tháng 1 – 1258).*

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

3. Mốc thời gian sớm nhất được hiển thị ở đầu bên trái *(đầu tháng 1 – 1258).*
4. Đọc các sự kiện và theo trình tự.
5. Đọc các sự kiện gắn với các mốc thời gian quan trọng *(17 – 1 và 29 – 1).*
6. Sử dụng thông tin thu thập được, để trả lời các câu hỏi.

+ Khoảng thời gian nào quân Mông Cổ bắt đầu xâm lược và khoảng thời gian quân Mông Cổ thua trận rút chạy?

+ Những trận đánh nào tiêu biểu trong diễn biến cuộc kháng chiến năm 1258?

Biết cách khai thác thông tin lược đồ 17.2.

1. Xác định chủ đề lược đồ: *Lược đồ kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258 (về khái niệm tương đương cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống đế chế Mông – Nguyên).*
2. Kí hiệu khu vực chính lược đồ diễn tả: Dòng sông Hồng đoạn chảy từ Lào Cai đến Bạch Hạc (Việt Trì), còn gọi là sông Thao, đoạn chảy qua Thăng Long (Hà Nội) gắn với địa danh Đông Bộ Đầu (Hà Nội) và đoạn chảy qua Hà Nam, Thái Bình. (Thiên Mạc, Duy Tiên, Hà Nam, nơi đồn trú quân, nơi xây dựng một số chốt chặn quan trọng của vua tôi triều Trần trên chặng đường rút lui chiến lược sau trận Bình Lệ Nguyên).
3. Kí hiệu và màu của kí hiệu thể hiện trên bản đồ (màu xanh của quân Mông Cổ, màu đỏ của quân nhà Trần,...).

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Trình bày được âm mưu của quân Mông Cổ, hoạt động chuẩn bị kháng chiến và thái độ quyết tâm của vua quan và nhân dân thời Trần. Có thể cho HS nắm diễn biến qua những câu hỏi gợi ý khi đọc hiểu sơ đồ 17.1:

+ Trận đụng độ lớn giữa quân Nguyên và quân nhà Trần diễn ra tại đâu?

+ Vì sao quân nhà Trần chủ động rút lui? Nhà Trần đã thực hiện kế sách gì để đẩy quân địch vào tình thế khốn quẫn?

+ Trận đánh quyết định địch phải rút chạy diễn ra tại đâu?

– Yêu cầu về vận dụng (nâng cao): GV có thể mở rộng cho HS trao đổi:

Theo em, vì sao trong vòng 1 tháng, kháng chiến chống quân Mông Cổ đã giành được thắng lợi? *(lực lượng quân Mông Cổ không nhiều – có 3 vạn; những kế sách đúng đắn của nhà Trần (chủ động rút lui bảo toàn lực lượng (GV sử dụng kiến thức bổ trợ về kế sách của Lê Tấn); kế sách "vườn không nhà trống" đẩy quân Mông Cổ vào tình thế khốn quẫn do không có sự chuẩn bị về lương thực,...).*

d. Hướng dẫn Luyện tập – Vận dụng

Cũng tương tự các phần trên, chúng tôi cung cấp những gợi ý ngắn gọn để GV tổ chức hoạt động Luyện tập, Vận dụng (tương ứng với *Hoạt động 3: Luyện tập, Hoạt động 4: Vận dụng* được đề nghị tại Phụ lục 4 của Công văn 5512/BGDĐT – GDTrH). Với một số câu hỏi nâng cao, chúng tôi cố gắng nêu ra các gợi ý trả lời, hay các chỉ dẫn để giải quyết vấn đề.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Ví dụ: **Bài 2. CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ**

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Mô tả hành trình của các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI theo mẫu dưới đây:

Tên các cuộc phát kiến địa lí	Thời gian khởi hành	Con đường đã đi qua	Kết quả
?	?	?	?

Vận dụng

2. Một trong những hệ quả của phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI là sự ra đời của chủ nghĩa thực dân và quá trình xâm chiếm thuộc địa. Em hãy tìm hiểu thêm Việt Nam đã bị xâm lược và trở thành thuộc địa của nước nào.

Gợi ý đáp án:

Câu 1.

Tên các cuộc phát kiến địa lí	Thời gian khởi hành	Con đường đã đi qua	Kết quả
B. Đi-a-xơ	1487	Đi xuống điểm cực nam châu Phi.	Tìm ra mũi Hảo Vọng.
C. Cô-lôm-bô	1492	Đi về phía tây, tới các đảo trong vùng biển Ca-ri-bê.	Khám phá ra châu Mỹ.
V. Gama	1497	Vòng qua điểm cực nam châu Phi, qua Ấn Độ Dương.	Tới được Ấn Độ.
Ph. Ma-gien-lăng	1519	Vòng qua điểm cực nam châu Mỹ, vượt Đại Tây Dương, Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương.	Hoàn thành một vòng quanh Trái Đất.

Câu 2. Việt Nam nhận hệ quả gì từ phát kiến địa lí trong lịch sử? *Việt Nam bị xâm lược và trở thành thuộc địa của thực dân Pháp.*

e. Kiến thức bổ trợ

Được lựa chọn từ các nguồn tài liệu khoa học, GV có thể sử dụng các thông tin này để diễn giải thêm cho HS hay là một tư liệu cần thiết để minh hoạ cho những nội dung trong SGK mà GV cho rằng cần được cung cấp thêm để việc dạy học đạt hiệu quả.

Như vậy, dựa trên những hướng dẫn mang tính định hướng trong cuốn sách này, GV có thể thiết kế chi tiết tổ chức hoạt động dạy học theo hướng hỗ trợ HS chiếm lĩnh tri thức, phát triển khả năng giải quyết vấn đề.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

II. PHẦN ĐỊA LÍ

1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học phần Địa lí

Đồng thời với thay đổi nội dung Chương trình giáo dục phổ thông, nội dung phần Địa lí cũng có sự đổi mới không chỉ trình bày kiến thức để HS dựa vào đó trả lời các câu hỏi GV nêu mà SGK Lịch sử và Địa lí 7 được biên soạn theo hướng tạo điều kiện để GV tổ chức các hoạt động học tập tự giác, tích cực, độc lập, tự khám phá, lĩnh hội kiến thức. Sự thay đổi này đòi hỏi GV phải chuyển từ dạy học thông báo – liệt kê – mô tả truyền thống sang dạy học phát triển tư duy, sáng tạo, năng lực hành động của HS. Do đó, cần chú trọng một số yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học phần Địa lí như sau:

– Đổi mới theo hướng tích cực hoá hoạt động của HS khi tham gia hoạt động học tập, phù hợp với đặc điểm của phần Địa lí, đặc điểm HS, tác động vào tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho HS.

– Đổi mới trong thiết kế kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển năng lực cho HS.

– Đổi mới phương pháp dạy của GV, cải tiến các phương pháp dạy học truyền thống, tăng cường các phương pháp dạy học tích cực hiện nay, phối hợp linh hoạt, hiệu quả giữa phương pháp dạy học truyền thống và phương pháp dạy học tích cực.

– Đổi mới phương pháp học – dạy cách học mới cho HS, giúp HS học tập chủ động, khắc phục những thói quen học tập bị động.

– Đổi mới trong tổ chức dạy học trên lớp: tổ chức và hướng dẫn HS hoạt động và sử dụng các phương tiện dạy học Địa lí như tranh ảnh, bản đồ, bảng số liệu; tổ chức, hướng dẫn HS thu thập, xử lí thông tin trong SGK và trình bày lại vấn đề; tổ chức hoạt động của HS theo nhiều hình thức học tập khác nhau như nhóm, lớp, cá nhân; hoạt động thực hành, trải nghiệm, học trong lớp và trên thực địa,… hướng đến HS khám phá những điều được học và vận dụng được vào thực tế.

– Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, các ứng dụng mới để HS tiếp cận dễ dàng và cập nhật thường xuyên với nguồn tri thức địa lí vô tận.

– Đổi mới phương pháp dạy học phần Địa lí phải chú ý tới đặc trưng về nội dung và phương pháp của môn học, ví dụ phương pháp thuyết trình: trước và trong khi thuyết trình, cần nêu lên vấn đề, tình huống hoặc câu hỏi có liên quan đến nội dung thuyết trình để kích thích tư duy, định hướng hoạt động cho HS; phương pháp đàm thoại cần tăng cường sử dụng đàm thoại gợi mở và nâng cao chất lượng của các câu hỏi; phương pháp trực quan: cần sử dụng các phương tiện trực quan theo một quy trình hợp lí để có thể khai thác tối đa kiến thức từ các phương tiện trực quan, chuẩn bị hệ thống câu hỏi để dẫn dắt HS quan sát và tự khai thác kiến thức; phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề: cần tạo ra các tình huống có vấn đề phù hợp với trình độ nhận thức của HS; phương pháp hợp tác theo nhóm nhỏ: không phải bài học nào cũng thích hợp cho tổ chức HS làm việc theo nhóm, cần lưu ý trách nhiệm của mỗi cá nhân trong nhóm.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

2. Hướng dẫn và gợi ý một số phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, tổ chức hoạt động

a. Dạy học trực quan

Dạy học trực quan là hệ thống các phương pháp cụ thể mà GV dùng khi sử dụng phương tiện trực quan nhằm xây dựng cho HS những biểu tượng về sự vật, hiện tượng, hình thành khái niệm thông qua sự tri giác trực tiếp bằng các giác quan của người học.

Phương tiện trực quan là tất cả những phương tiện được sử dụng trong quá trình dạy học giúp hình thành mục tiêu dạy học. Phương tiện trực quan trong phần Địa lí gồm nhiều loại như: bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh,... Trong dạy học phần Địa lí, GV sử dụng các phương tiện trực quan này để tổ chức hoạt động học tập nhằm hình thành các biểu tượng cụ thể về sự vật, hiện tượng địa lí, hình thành các khái niệm địa lí thông qua sự tri giác trực tiếp bằng các giác quan của HS. Nhờ vậy, HS có thể hình thành, nhận diện các khái niệm, giải thích các sự vật, hiện tượng địa lí, các mối quan hệ nhân quả địa lí một cách chính xác và đầy đủ.

Sử dụng phương pháp dạy học trực quan kết hợp với các câu hỏi, tình huống vấn đề hoặc đàm thoại gợi mở sẽ giúp phát huy tích cực nhận thức của HS, tạo nên nguồn tri thức, phương tiện minh hoạ trực tiếp cho HS, giúp HS huy động nhiều giác quan, dễ nhớ, dễ hiểu, phát triển năng lực chú ý, năng lực quan sát, óc tò mò khám phá của HS, tuy nhiên phương tiện trực quan chỉ là phương tiện nhận thức, nếu lạm dụng sẽ dễ làm HS phân tán chú ý, thiếu tập trung chú ý vào bài học. Ví dụ yêu cầu HS quan sát liên tục các bản đồ, hình ảnh và không có những câu hỏi định hướng cụ thể, hệ thống các câu hỏi nhỏ, thiếu tính khái quát sẽ gây quá tải và giảm khả năng tư duy của HS.

Ví dụ minh hoạ: **Bài 22. Vị trí địa lí, lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.**

Khai thác hình 22.1. Bản đồ vị trí địa lí và một số trạm nghiên cứu khoa học ở châu Nam Cực. GV có thể sử dụng các câu hỏi trong SGK: Dựa vào hình 22.1 và thông tin trong bài, em hãy: Xác định vị trí địa lí của châu Nam Cực"; "Cho biết châu Nam Cực bao gồm những bộ phận nào"; "Kể tên các biển và đại dương bao quanh châu Nam Cực" . Tuỳ vào mức độ câu hỏi mà GV có thể cho HS thảo luận nhóm 3 – 4 HS (câu hỏi 1, 2) hoặc thảo luận nhóm đôi (câu hỏi 2). GV có thể sử dụng kết hợp trò chơi: Nhóm nào có HS trả lời nhanh hơn, đúng sẽ ghi điểm.

Khai thác hình 22.2. Hình ảnh một số trạm nghiên cứu khoa học ở châu Nam Cực. GV đặt câu hỏi: "Dựa vào hình 22.1, hình 22.2 và thông tin trong bài, em hãy: Kể tên một số trạm nghiên cứu khoa học của các quốc gia ở châu Nam Cực". GV cũng có thể sử dụng các câu hỏi bổ trợ như "Xác định các trạm nghiên cứu khoa học ở châu Nam Cực trên bản đồ hình 22.1" hoặc các câu hỏi mở rộng "Mô tả đặc điểm của các trạm nghiên cứu khoa học ở châu Nam Cực" để HS liên hệ, khai thác hiệu quả các phương tiện trực quan trong bài. HS có thể làm theo nhóm nhỏ hoặc cá nhân các câu hỏi này. GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu thảo luận nhóm hoặc phần trình bày cá nhân.

Như vậy, hệ thống kênh hình, bản đồ trong bài kết hợp với các câu hỏi đã giúp GV hướng dẫn HS khai thác tri thức hiệu quả, giúp HS tự quan sát, tư duy để rút ra các thông tin cần thiết, ngoài ra còn có thể liên hệ giữa các hệ thống kênh hình, bản đồ trong bài. Các hình thức tổ chức có thể đa dạng từ hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm tạo không khí thi đua, hứng thú với HS.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

b. Dạy học hợp tác

Dạy học hợp tác hay còn gọi là phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp dạy học hợp tác trong nhóm nhỏ. HS được phân chia thành từng nhóm nhỏ riêng biệt, chịu trách nhiệm về một mục tiêu duy nhất, được thực hiện thông qua nhiệm vụ riêng biệt của từng người. Các hoạt động cá nhân riêng biệt sẽ được tổ chức lại, liên kết hữu cơ với nhau nhằm thực hiện một mục tiêu chung.

Phương pháp này giúp HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, tự học, tự chủ cho HS. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện dạy học phần Địa lí, cần lưu ý một số điểm sau:

– Xác định nội dung cần tổ chức dạy học hợp tác: nhiệm vụ học tập phải đủ độ khó để HS suy nghĩ, tập trung thảo luận, những nội dung quá dễ thường gây tâm lí nhàm chán, chủ quan và không thu hút HS, bên cạnh đó nhiệm vụ cũng phải đảm bảo đáp ứng mục tiêu của bài học và không quá sức đối với trình độ và năng lực của HS.

– Xác định kĩ thuật cho phương pháp dạy học hợp tác: có nhiều kĩ thuật dạy học hỗ trợ cho dạy học hợp tác hiện nay như "Khăn trải bàn", "Công đoạn", "Mảnh ghép", "Trạm – phòng tranh", "Bể cá",… GV cần dựa vào nội dung của bài học để lựa chọn kĩ thuật phù hợp.

– Xây dựng được các câu hỏi định hướng và phân công nhiệm vụ cho HS thảo luận: trong khi giao nhiệm vụ, GV cần giải thích, hướng dẫn rõ ràng cho HS thông qua bộ câu hỏi định hướng, nhiệm vụ được giao phải phù hợp và phân công cụ thể để phát huy mọi sự tham gia của HS.

– Thành lập nhóm hợp tác: có nhiều cách thành lập nhóm khác nhau, không nên áp dụng một cách duy nhất cho một năm học, có thể theo số điểm danh, biểu tượng, màu sắc, giới tính, vị trí ngồi của HS hoặc bốc thăm ngẫu nhiên, theo cùng lựa chọn,…quy mô nhóm có thể lớn hoặc nhỏ tuỳ nhiệm vụ, nhưng nhóm phù hợp thường từ 4 – 6 HS. Đối với lớp đông hoặc không gian nhỏ, cần chú ý hoạt động nhóm gây ồn ào, khi thảo luận ảnh hưởng tới lớp khác.

– Quy định thời gian thảo luận: thời gian thảo luận giữa các nhóm có thể kéo dài, vì vậy GV cần quy định thời gian để xây dựng thang đánh giá cụ thể, rõ ràng: GV cần quy định cụ thể cách đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm, đồng thời ghi nhận được vai trò đóng góp của mỗi cá nhân trong nhóm. Các hình thức đánh giá có thể đa dạng dựa vào bảng phân công nhiệm vụ, sản phẩm thảo luận, bài trình bày của HS,…

Ví dụ minh hoạ: **Bài 7. Bản đồ chính trị châu Á, các khu vực của châu Á.**

Bài này gồm 2 tiết với 2 mục tiêu cụ thể: Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á. Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong những khu vực của châu Á. Với mục tiêu này, GV xác định nhiệm vụ học tập của HS là "Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên các khu vực của châu Á" vì nội dung này phù hợp với hoạt động dạy học hợp tác, các nhóm HS thảo luận để giải quyết tình huống có vấn đề.

Bước 1. Làm việc chung cả lớp. GV phân công lớp thành các nhóm. Quy định số thứ tự các thành viên trong nhóm từ 4 – 5 HS. Tuỳ vào số lượng HS mà phân công số lượng nhóm thực hiện các nhiệm vụ được giao. GV sử dụng kĩ thuật mảnh ghép, phân công nhiệm vụ cho các nhóm HS hoàn thành các phiếu học tập về đặc điểm tự nhiên các khu vực của châu Á, quy định thời gian thảo luận và cách thức đánh giá.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Nhóm 1: Nội dung 1. Khu vực Bắc Á.

Nhóm 2: Nội dung 2. Khu vực Trung Á.

Nhóm 3: Nội dung 3. Khu vực Đông Á.

Nhóm 4: Nội dung 4. Khu vực Tây Á.

Nhóm 5: Nội dung 5. Khu vực Nam Á.

Nhóm 6: Nội dung 6. Khu vực Đông Nam Á.

Bước 2. Làm việc theo nhóm. Mỗi HS trong nhóm làm việc độc lập, ghi lại phần trình bày của mình và thảo luận cùng nhóm.

Bước 3. GV hình thành 6 nhóm mới từ HS của 6 nhóm nội dung trên gọi là các nhóm mảnh ghép.

Bước 4. HS ở các nhóm mảnh ghép chia sẻ lần lượt những nội dung ở bước 1 đã thực hiện.

Bước 5. Các nhóm mảnh ghép trình bày kết quả tìm hiểu của nhóm mình.

Bước 6. GV bổ sung, chốt các nội dung và tuyên dương những nhóm trình bày tốt. GV cho điểm bài tập dựa vào kết quả trò chơi sau khi đã cung cấp đáp án hoặc cho các nhóm HS đánh giá lẫn nhau.

Thông qua ví dụ minh hoạ về vận dụng phương pháp dạy học hợp tác trên, GV đã thực hiện các cách thức tiến hành dạy học hợp tác kết hợp với kĩ thuật dạy học mảnh ghép, qua đó HS sẽ hình thành được năng lực tìm hiểu Địa lí, năng lực nhận thức và tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác nhóm và tự chủ, tự lĩnh hội kiến thức.

c. Dạy học giải quyết vấn đề

Dạy học giải quyết vấn đề là phương pháp trong đó GV tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiển HS phát hiện vấn đề, hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo giải quyết vấn đề và thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kĩ năng và đạt được những mục đích học tập khác. Đặc trưng cơ bản của phương pháp này là "tình huống có vấn đề" vì tư duy chỉ xuất hiện khi gặp tình huống có vấn đề.

Đối với phần Địa lí, có nhiều nội dung bài học có thể áp dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề. Đối với HS lớp 7, việc hình thành dần ý thức tự giác học tập, tích cực tự lập tiếp thu kiến thức thông qua dạy học giải quyết vấn đề là cần thiết, nhờ đó HS liên hệ được những kiến thức đã học và những kiến thức mới, phát triển năng lực sáng tạo và tư duy khoa học. Trong quá trình thực hiện phương pháp này, cần lưu ý một số điểm sau:

– Lựa chọn các vấn đề: các vấn đề GV đưa cho HS xử lí cần phù hợp với chủ đề bài học, phù hợp với trình độ nhận thức và gần gũi với đời sống của HS, vấn đề có thể diễn tả bằng nhiều hình thức khác nhau bằng kênh chữ và kênh hình, vấn đề phải chứa đựng nhiều mâu thuẫn cần phải giải quyết, …thường vấn đề bắt đầu với các từ ngữ như: "Giải thích", "Tại sao", " Chứng minh",…

– Cách thức tổ chức HS giải quyết vấn đề: các nhóm HS có thể giải quyết cùng một vấn đề hoặc những vấn đề khác nhau tuỳ theo mục đích của hoạt động, số lượng nhóm và tình hình học tập cụ thể. HS cần xác định rõ vấn đề trước khi giải quyết vấn đề để tránh lạc hướng, do đó vai trò của GV rất quan trọng, là người đặt vấn đề và định hướng, điều chỉnh cho HS giải quyết đúng vấn đề thông

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

qua các hệ thống câu hỏi định hướng, gợi mở cho HS hoặc gợi ý, điều chỉnh phần thảo luận của HS đúng hướng cần giải quyết. Cách giải quyết của HS có thể giống và khác nhau, vì vậy GV cần có bước so sánh các cách giải quyết và lựa chọn được cách giải quyết tối ưu nhất. GV cũng là người rút kinh nghiệm cho HS trong giải quyết vấn đề, tình huống.

– Yêu cầu về mức độ giải quyết vấn đề: năng lực giải quyết vấn đề phát triển ở HS gồm 4 thành tố, cụ thể là: tìm hiểu – khám phá vấn đề (nhận biết, phát hiện được vấn đề), xác định – sắp xếp các thông tin liên quan đến vấn đề (xác định được cách thức, quy trình, chiến lược giải quyết), lập kế hoạch và thực hiện giải pháp, đánh giá và phản ánh giải pháp. Vì vậy, các mức độ của giải quyết vấn đề cũng khác nhau tuỳ theo yêu cầu của bài học, đặc điểm của HS và thực trạng của lớp học.

Ví dụ minh hoạ: **Bài 11. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Phi.**

GV xác định mục tiêu "Phân tích một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên (vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,...") để áp dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề.

Bước 1. Xác định, nhận dạng vấn đề/ tình huống. GV dẫn dắt HS vào tình huống có vấn đề, sử dụng hình 11.3 SGK và một số hình ảnh về nạn săn bắn động vật hoang dã. Đặt vấn đề với HS thông qua một số câu hỏi gợi ý như sau: "Vì sao săn bắn động vật hoang dã lấy ngà voi, sừng tê giác,…ở châu Phi lại là vấn đề nan giải?", "Tại một số quốc gia ở châu Phi, việc săn bắn động vật hoang dã trong danh mục cấp phép với số lượng giới hạn là hợp pháp, em có đồng tình không? Tại sao?"

Bước 2. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề. GV chia lớp thành 2 nhóm lớn: nhóm số chẵn và nhóm số lẻ. Số lượng các nhóm tuỳ thuộc vào số lượng HS trong lớp, trung bình mỗi nhóm có khoảng 4 – 5 HS. Yêu cầu HS thảo luận để giải quyết hai vấn đề GV vừa đặt ra. Phân chia cụ thể nhiệm vụ và nêu yêu cầu cho từng nhóm. Quy định thời gian cho mỗi nhóm. GV có thể sử dụng kết hợp kĩ thuật khăn trải bàn để phát huy.

Chân trời sáng tạo

Nhóm số lẻ. Giải quyết câu hỏi 1.

Nhóm số chẵn. Giải quyết câu hỏi 2.

Bước 3. Giải quyết vấn đề. Các nhóm HS thu thập thông tin, thảo luận và mỗi cá nhân ghi những ý kiến của mình vào một góc của tờ A0, sau đó cả nhóm thảo luận và ghi các ý kiến thống nhất vào giữa tờ giấy.

Bước 4. Kiểm tra, đánh giá. GV gọi ngẫu nhiên một số nhóm số lẻ và chẵn lên trình bày những ý kiến của mình về tình huống của mình. GV nhận xét và đánh giá phần trình bày của các nhóm.

Ví dụ trên đã đặt ra trước HS các vấn đề nhận thức có chứa đựng mâu thuẫn giữa cái HS đã biết (vấn đề săn bắn động vật hoang dã ở châu Phi) và cái chưa biết (vì sao săn bắn động vật hoang dã vẫn tồn tại và vì sao ở một số quốc gia việc săn bắn động vật hoang dã trong danh mục cấp phép với số lượng giới hạn là hợp pháp), chuyển HS vào tình huống có vấn đề, kích thích HS tự lực, chủ động và có nhu cầu, mong muốn được giải quyết vấn đề. Phương án giải quyết vấn đề của HS mặc dù có thể khác nhau nhưng phương pháp này đã hình thành năng lực giải quyết vấn đề của HS, giúp HS nắm chắc nội dung cơ bản của bài học

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

III. TÍCH HỢP PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT TỔ CHỨC DẠY HỌC

Khi tổ chức các phương pháp dạy học, cần tích hợp với các kĩ thuật dạy học để đạt hiệu quả tốt, tiêu biểu như:

– Kĩ thuật giao nhiệm vụ: nhiệm vụ phải phù hợp với mục tiêu hoạt động, trình độ HS, thời gian, không gian hoạt động và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

– Kĩ thuật khăn trải bàn: thường sử dụng trong hoạt động nhóm từ 4 đến 6 HS. Mỗi nhóm sẽ có một tờ giấy đặt trên bàn, như là một chiếc khăn trải bàn, chia giấy thành phần chính giữa và phần xung quanh thành 4 hoặc 6 phần tuỳ theo số thành viên của nhóm. Mỗi thành viên sẽ suy nghĩ và viết các ý tưởng của mình (về một vấn đề nào đó mà GV yêu cầu) vào phần cạnh "khăn trải bàn" trước mặt mình. Sau đó thảo luận nhóm, tìm ra những ý tưởng chung và viết vào phần chính giữa "khăn trải bàn".

– Kĩ thuật phòng tranh: có thể sử dụng cho hoạt động cá nhân hoặc nhóm, phù hợp với phương pháp giải quyết vấn đề. Khi GV nêu vấn đề cho cả lớp hoặc cho các nhóm, mỗi thành viên hoặc các nhóm phác hoạ những ý tưởng về cách giải quyết vấn đề trên một tờ bìa và dán lên tường xung quanh lớp học như một triển lãm tranh. HS cả lớp đi xem "triển lãm" và có thể nêu ý kiến bình luận hoặc bổ sung nhằm tìm ra phương án tối ưu.

– Kĩ thuật các mảnh ghép: HS được phân thành các "nhóm chuyên gia" để thảo luận, tìm hiểu sâu về một vấn đề của bài học. Sau đó, mỗi thành viên của các "nhóm chuyên gia" sẽ tách ra hợp thành các nhóm mới, trong mỗi nhóm mới sẽ có đủ các "chuyên gia" về các vấn đề và mỗi "chuyên gia" có trách nhiệm trao đổi lại với cả nhóm về vấn đề mà mình đã có cơ hội tìm hiểu sâu ở nhóm cũ.

– Kĩ thuật động não: giúp cho HS trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề nào đó. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra cơn lốc các ý tưởng). Động não thường được sử dụng trong giai đoạn giới thiệu bài học, tìm các phương án giải quyết vấn đề. GV nêu vấn đề, khích lệ HS phát biểu và đóng góp ý kiến, liệt kê tất cả ý kiến lên bảng, phân loại và tổng hợp ý kiến của HS để rút ra kết luận.

– Kĩ thuật sơ đồ tư duy: là một sơ đồ nhằm trình bày những ý tưởng hay kết quả làm việc của cá nhân/nhóm về một vấn đề. Viết tên vấn đề ở trung tâm, vẽ các nhánh nội dung lớn của chủ đề hoặc các ý tưởng có liên quan xoay quanh ý tưởng trung tâm nói trên. Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ để viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó.

– Kĩ thuật Kipling (5W1H – what, where, when, who, why, how): các câu hỏi được đưa ra theo thứ tự ngẫu nhiên hoặc theo một trật tự định ngầm từ trước, với các từ khoá: Cái gì? Ở đâu? Khi nào? Thế nào? Tại sao, Ai? Các câu hỏi cần ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề, bám sát vào hệ thống từ khoá.

– Kĩ thuật KWLH: là một hình thức tổ chức dạy học hoạt động đọc hiểu. HS bắt đầu bằng việc động não tất cả những gì các em đã biết về chủ đề bài đọc. Thông tin này sẽ được ghi nhận vào cột K của biểu đồ. Sau đó, HS nêu lên danh sách các câu hỏi về những điều các em muốn biết thêm trong chủ đề. Những câu hỏi đó sẽ được ghi nhận vào cột W của biểu đồ. Trong quá trình đọc, các em sẽ tự trả lời câu hỏi vào cột L. Cột H ở sau cùng khi HS muốn tìm hiểu thêm về một thông tin, các em sẽ nêu biện pháp để tìm thông tin mở rộng. Kĩ thuật này đặc biệt có hiệu quả với các bài đọc mang ý nghĩa gợi mở, tìm hiểu, giải thích.

BlogTailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

PHẦN HAI
HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

Phần LỊCH SỬ

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Những sự kiện lịch sử liên quan đến quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.
- Lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu.
- Thành thị Tây Âu trung đại.
- Thiên Chúa giáo trong thời kì trung đại.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

- Biết đọc lược đồ các vương quốc của người Giéc-man, đối chiếu với bản đồ châu Âu hiện đại để xác định được khu vực Tây Âu trung đại thuộc quốc gia nào ngày nay.
- Biết giải mã tư liệu lịch sử (đọc – hiểu văn bản 1. 5, biết được nội dung lịch sử thể hiện qua các bức phù điêu, tranh lịch sử,...).

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

- Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.
- Trình bày được những đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu.
- Phân tích được vai trò của thành thị trung đại.
- Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

Từ kiến thức về thành thị Tây Âu trung đại, HS tự tìm hiểu thông tin để mô tả một hội chợ truyền thống, một nét văn hoá đặc trưng của châu Âu ngày nay.

4. Hình thành những phẩm chất

Trân trọng những giá trị văn hoá thời trung đại, những cơ sở quan trọng cho sự hình thành một cộng đồng chung châu Âu hiện tại (những giá trị của văn hoá Thiên Chúa giáo, thành thị, hội chợ, các trường đại học, tinh thần hiệp sĩ,.....).

Chương 1 TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

Bài 1 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN Ở TÂY ÂU

(4 tiết)

Học sinh học bài này, em cần:
- Kể tên được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.
- Trình bày được những đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu.
- Phân tích được vai trò của thành thị trung đại.
- Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo.

Bức tranh khắc gỗ "Người cầu, người đánh, người làm" mô tả những tầng lớp trong xã hội phong kiến ở Tây Âu. Từ phân ngữ thuật có từ thời "trung cổ" này dần đến chúng ta hiểu điều chuyển hành trình lâm phá lịch sử Tây Âu xưa khi đề chế La Mã sụp đổ. Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu đã diễn ra như thế nào?

"Người cầu, người đánh, người làm" (bản in khắc gỗ, tác giả Hay-den Mắc-tanh Liacob-Weydethacth, Đức, thế kỉ XV)

1. Quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu

Đọc thông tin trong bài, quan sát hình 1.2, em hãy:
- Nêu những việc làm của người Giéc-man (Germain) khi tràn vào lãnh thổ đế chế La Mã.
- Trình bày những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến Tây Âu.

Em có biết?

Người Phơ-răng (Franks) tiến vào xứ Gô-lơ Gaul – nước Pháp ngày nay). Tên bộ lạc Phơ-răng sau trở thành tên chỉ nhà nước Pháp: Người Lăng-gô (Lombard) thu phục người Ô-xtrô-gốt (Ostrogoth) lập nên vương quốc có tên gọi là Ita-li-a (Italia). Người Ăng-glô Xắc-xông (Anglos Saxons) tràn vào quần đảo Anh. Tên nước Anh (England) có nghĩa là đất của người Ăng-glô. Ngôn ngữ Ăng-glô Xắc-xông (tiếng Anh cổ) trở thành ngôn ngữ của ngôn ngữ thông dụng nhất trên thế giới ngày nay.

Từ đầu thế kỉ V, đế chế La Mã cổ đại suy yếu, bị chia thành hai phần Tây La Mã và Đông La Mã. Cuộc xâm lược của các bộ tộc Giéc-man sống ngoài biên giới của đế chế làm cho tình hình càng trở nên hỗn loạn hơn. Hệ chiếm đất đai, phế truất hoàng đế La Mã. Năm 476, chế độ chiếm hữu nô lệ La Mã sụp đổ. Nhiều vương quốc của người Giéc-man lần lượt ra đời ở Tây Âu, trên vùng đất trước đó vốn thuộc Tây La Mã.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động 1:

- **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** Khai thác và sử dụng được lược đồ các vương quốc Giéc-man thế kỉ V – VI (xác định được tên và vị trí của các vương quốc tương đương phạm vi đế chế Tây La Mã).
- **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Người Giéc-man đã làm gì khi tràn vào lãnh thổ của đế chế La Mã?

Yêu cầu HS nêu sự kiện: chiếm đất, phế truất hoàng đế, xoá sổ tầng lớp chủ nô, nô lệ, hình thành những vương quốc mới, chiến tranh mở rộng lãnh thổ của vương quốc Phơ-răng và việc phân chia đất đai.

- **Yêu cầu về năng lực vận dụng (GV mở rộng):** Những sự kiện đó diễn ra trên vùng đất tương đương với những quốc gia nào ngày nay ở châu Âu?

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Lược đồ các vương quốc của người Giéc-man thế kỉ V – VI

Từ thế kỉ VI đến thế kỉ IX, chiến tranh vẫn tiếp diễn. Vương quốc Phơ-răng dần dần làm chủ cả vùng Tây Âu lục địa. Cùng với quá trình đó, xã hội phong kiến Tây Âu dần hình thành với sự ra đời của hai giai cấp mới là lãnh chúa phong kiến và nông nô.

Các thủ lĩnh quân sự được ban cấp ruộng đất, phong tước vị, dần dần hình thành nên tầng lớp quý tộc quân sự. Nhà thờ ủng hộ các vị vua nên giáo chủ, giám mục cũng được ban tặng những vùng đất rộng lớn, trở thành tầng lớp quý tộc tăng lữ. Quý tộc quân sự và quý tộc tăng lữ hợp thành giai cấp thống trị, giàu có và nhiều quyền lực. Nó lệ được giải phóng và nông dân tự do dần dần bị mất hết ruộng đất, trở thành nông nô, lệ thuộc vào lãnh chúa.

Đến thế kỉ IX, về cơ bản xã hội phong kiến Tây Âu đã hình thành.

2. Lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu

Đọc thông tin trong bài và quan sát tư liệu 1.3, em hãy trình bày:
– Đặc điểm của lãnh địa phong kiến Tây Âu.
– Mối quan hệ giữa lãnh chúa và nông nô trong xã hội phong kiến.

Dưới thời kì sơ kì trung đại, ở các nước Tây Âu, đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu, là nguồn gốc của sự giàu có và quyền lực. Ai có đất đai, người đó có quyền lực và giàu có. Vì thế, việc chiếm đoạt đất đai là mục tiêu hàng đầu của các thế lực phong kiến.

Dưới sự bảo trợ của nhà thờ, các vua chúa phong kiến đã ban cấp đất đai cho các giáo hội, giáo chủ, giám mục. Nhà thờ trở thành một thế lực phong kiến lớn mạnh, có nhiều đất đai và quyền lực.

Dần dần, các thủ lĩnh quân sự được ban cấp ruộng đất, phong tước vị, dần dần hình thành nên tầng lớp quý tộc quân sự. Nhà thờ ủng hộ các vị vua nên giáo chủ, giám mục cũng được ban tặng những vùng đất rộng lớn, trở thành tầng lớp quý tộc tăng lữ. Quý tộc quân sự và quý tộc tăng lữ hợp thành giai cấp thống trị, giàu có và nhiều quyền lực. Nó lệ được giải phóng và nông dân tự do dần dần bị mất hết ruộng đất, trở thành nông nô, lệ thuộc vào lãnh chúa.

Đến thế kỉ IX, về cơ bản xã hội phong kiến Tây Âu đã hình thành.

Dưới sự bảo trợ của nhà thờ, các vua chúa phong kiến đã ban cấp đất đai cho các giáo hội, giáo chủ, giám mục. Nhà thờ trở thành một thế lực phong kiến lớn mạnh, có nhiều đất đai và quyền lực.

Dần dần, các thủ lĩnh quân sự được ban cấp ruộng đất, phong tước vị, dần dần hình thành nên tầng lớp quý tộc quân sự. Nhà thờ ủng hộ các vị vua nên giáo chủ, giám mục cũng được ban tặng những vùng đất rộng lớn, trở thành tầng lớp quý tộc tăng lữ. Quý tộc quân sự và quý tộc tăng lữ hợp thành giai cấp thống trị, giàu có và nhiều quyền lực. Nó lệ được giải phóng và nông dân tự do dần dần bị mất hết ruộng đất, trở thành nông nô, lệ thuộc vào lãnh chúa

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2 (tt)

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Trình bày được mối quan hệ giữa hai tầng lớp chính trong xã hội phong kiến (sự khác biệt về tư liệu sản xuất, lãnh chúa sở hữu đất đai, nông nô lĩnh canh, sự khác biệt về nghĩa vụ (nông nô nộp tô, thuế), sự khác biệt về đời sống (thể hiện rõ trong tranh vẽ,…).

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

Hoạt động 1:

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Hiểu khái niệm thế nào là một thành thị trung đại (tham khảo hình chụp 1.7), tại sao thành thị ra đời, sự khác nhau về hoạt động kinh tế và thành phần cư dân ở thành thị và lãnh địa.

Hoạt động 2:

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** Đọc – hiểu tư liệu 1.5 để hiểu rõ thành thị là một bước tiến của lịch sử trung đại Tây Âu. Quan sát và hiểu bức phù điêu 1.6 – minh chứng cho sự ra đời và phát triển của trường đại học.

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Phân tích vai trò của thành thị (**về kinh tế:** *các ngành nghề và hội chợ, thống nhất thị trường, phá vỡ kinh tế lãnh địa;* **về chính trị:** *nhu cầu phát triển kinh tế dẫn đến việc thành thị ra đời và phát triển đã góp phần xoá bỏ chế độ phong kiến phân quyền với biểu tượng là lãnh địa;* **về văn hoá:** *mở mang tri thức*). Ví dụ: HS rút ra vai trò quan trọng của thành thị cho sự phát triển của Tây Âu thông qua một số điều khoản của luật thành thị như: *Thành thị mang lại không khí tự do thế nào? (là cơ sở cho sự phát triển và ảnh hưởng đến xã hội Tây Âu về chính trị, kinh tế, văn hoá).*

lãnh chúa. Lãnh chúa có toàn quyền trên vùng đất đai của họ như một "ông vua", có quân đội riêng và tự đặt ra luật lệ trong lãnh địa của họ.

Lãnh chúa xây dựng lâu đài kiên cố, có hào sâu, tường bao quanh. Vùng đất đai ngoài lâu đài chủ yếu là đất canh tác nông nghiệp, đồng cỏ chăn thả gia súc, rừng và nhà ở của nông nô,...

Trong lãnh địa, kinh tế nông nghiệp là chủ yếu. Ngoại trừ muối và sắt được mua từ ngoài, mọi thứ cần dùng như lương thực, thực phẩm, công cụ lao động hay quần áo, giày dép đều do nông nô tự sản xuất trong lãnh địa. Đời sống kinh tế trong lãnh địa khép kín, tự cung tự cấp.

1. Lâu đài 2. Cối xay gió 3. Rừng 4. Đồng cỏ, bãi chăn thả gia súc 5. Nhà thờ
6. Nhà ở của nông nô 7. Nhà ở của lãnh nghề thủ công 8. Đất canh tác nông nghiệp

Hình 1.5. Mô hình lãnh địa phong kiến Tây Âu trung đại (tranh vẽ mô phỏng)

10

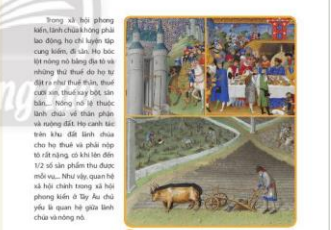

Trong xã hội phong kiến, lãnh chúa không phải lao động, họ chỉ luyện tập cung kiếm, đi săn. Họ bóc lột nông nô bằng địa tô và những thứ thuế do họ tự đặt ra như thuế thân, thuế cưới xin, thuế xay bột, sản bắn,... Nông nô là thuộc lãnh chúa về thân phận và ruộng đất. Họ canh tác trên khu đất lãnh chúa cho họ thuê và phải nộp tô rất nặng, có khi lên đến 1/2 số sản phẩm thu được mỗi vụ,... Như vậy, quan hệ xã hội chính trong xã hội phong kiến ở Tây Âu chủ yếu là quan hệ giữa lãnh chúa và nông nô.

Đời sống của lãnh chúa và nông nô trong lãnh địa (tranh trong ấn phẩm tích cực nguyên của công hước Be-ri (Berry), 1413 – 1416)

3. Thành thị Tây Âu trung đại

– *Thành thị Tây Âu trung đại ra đời như thế nào?*
– *Đọc thông tin trong bài và dựa vào các tư liệu 1.5, 1.6, 1.7, em hãy phân tích vai trò của thành thị đối với sự phát triển của Tây Âu trung đại.*

Thế kỉ XI, sản xuất thủ công nghiệp trong các lãnh địa phát triển dần đến nhu cầu trao đổi sản phẩm. Một số thợ thủ công tìm cách thoát ra khỏi lãnh địa bằng cách bỏ trốn hay dùng tiền chuộc lại thân phận. Họ tập trung ở những nơi có đông người qua lại để bán hàng và lập xưởng sản xuất. Các thị trấn nhỏ bắt đầu xuất hiện, dần dần trở thành những thành phố lớn gọi là thành thị trung đại. Cư dân sống trong các thành thị chủ yếu là thương nhân và thợ thủ công.

11

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Cảnh sinh hoạt ở thành thị thời Trung đại

Sự phát triển của thủ công nghiệp và thương nghiệp trong thành thị đã phá vỡ kinh tế tự nhiên của các lãnh địa, tạo điều kiện cho kinh tế hàng hoá phát triển. Những hội chợ bắt đầu xuất hiện từ thế kỉ XI, nổi tiếng nhất là hội chợ Sam-pa-nhơ (Champagne) ở Pháp.

Thành thị mang lại không khí tự do và nhu cầu mở mang trí thức cho mọi người. Thế kỉ XII, thị dân bắt đầu lập ra những trường đại học như Bô-lô-nia (Bologna) ở Ha-lia, Ô-xphớt (Oxford) ở Anh hay Xoóc-bon (Sorbonne) ở Pháp,...

Thế kỉ XIII, nhiều thành thị là trung tâm kinh tế, văn hoá của Tây Âu như Luân Đôn (London) của Anh, Pa-ri (Paris) của Pháp, Lu-bếch (Lubeck) của Đức, Phlo-ren-xê (Florence) của I-ta-li-a,...

Từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XV, nền kinh tế hàng hoá của các thành thị phát triển đòi hỏi nhu cầu phá bỏ sự cản trở của kinh tế lãnh địa. Nhiều thành thị ở Anh, Pháp, Tây Ban Nha lộng hộ các vị vua tập quyền, xoá bỏ chế độ phong kiến phân quyền.

12

Cảnh viên Đại học Bô-lô-nhơ (Ý) (thế kỉ X)

4. Sự ra đời của Thiên Chúa giáo

Nhà vật lịch sử học về sự ra đời của Thiên Chúa giáo.

Thiên Chúa giáo ra đời từ thế kỉ I ở Pa-le-xtin (Palestin), một tỉnh của La Mã vào thời kì đế chế. Ban đầu, Thiên Chúa giáo là tôn giáo của những người nghèo khổ, bị áp bức. Sau một thời gian bị triều đình cai trị, đến thế kỉ IV, Thiên Chúa giáo đã được hoàng đế La Mã công nhận và có một vị trí vững chắc trong xã hội.

Đứng đầu Giáo hội Thiên Chúa giáo là Giáo hoàng, người có quyền lực chính trị, ảnh hưởng đến sự cai trị của các vị vua. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XII, Giáo hoàng còn phát động "Thập tự chinh" đem quân đi tàn phá, cướp bóc Pa-le-xtin.

Hầu hết người dân Tây Âu đều là giáo dân. Nhà thờ trở thành trung tâm sinh hoạt văn hoá và là nơi diễn ra các nghi thức quan trọng trong cuộc sống của họ.

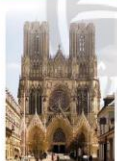

Nhà thờ Rêm (Reims) – nơi Giáo hoàng Ban lí-Đông quang cho các vị vua Pháp thời kì trung đại

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. *Kể tên hai giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến Tây Âu trung đại và nêu mối quan hệ giữa hai giai cấp đó.*
2. *Em hãy hoàn thành bảng sau để thấy rõ những đặc điểm của lãnh địa và thành thị Tây Âu trong thời kì trung đại.*

Nội dung	Lãnh địa phong kiến	Thành thị trung đại
Thời gian xuất hiện	?	?
Thành phần dân cư	?	?
Hoạt động kinh tế	?	?

Vận dụng

1. *Hãy sưu tầm thông tin, tìm hiểu về hội chợ Tây Âu thời trung đại và hiện tại. Trên cơ sở đó, viết một đoạn văn ngắn nói lên sự thay đổi hội chợ truyền thống ở Tây Âu.*

13

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 4

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** HS giải quyết được các vấn đề: Thiên Chúa giáo ra đời ở đâu khi nào? Ai là người sáng lập? Thiên Chúa giáo đã phát triển và có vai trò như thế nào vào thời kì trung đại ở Tây Âu?

Hình 1.8 cung cấp thêm thông tin về vai trò của Thiên Chúa giáo đối với chính trị.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời: GV cho HS khai thác lại thông tin trong tư liệu 1.1. Sau khi học xong bài, các em kể ra hai giai cấp cơ bản trong xã hội và quan hệ giữa hai giai cấp đó thể hiện như thế nào trong bức tranh lịch sử vẽ vào thế kỉ XV (tư liệu 1.4).

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời:

Nội dung	Lãnh địa phong kiến	Thành thị trung đại
Thời gian xuất hiện	*Từ thế kỉ V đến thế kỉ IX*	*Từ thế kỉ X*
Thành phần dân cư	*Lãnh chúa, nông nô*	*Thợ thủ công, thương nhân*
Hoạt động kinh tế	*Nông nghiệp*	*Thủ công nghiệp, thương nghiệp*

– **Câu 3.** GV có thể sử dụng một số trang web sau để hướng dẫn HS làm bài tập:
https://vi.traasgpu.com/william-the-conqueror-su-kien-chinh-va-hoi-cho-thoi-trung-co/.
https://thanhnien.vn/le-hoi-trung-co-provin-post678552.html
https://tuoitre.vn/cho-noel-kieu-trung-co-o-dresden-292629.htm
Hoặc một số từ khoá trên Youtube: Medieval Market, Medieval fair,...

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Sơ đồ cấu trúc xã hội phong kiến Tây Âu trung đại

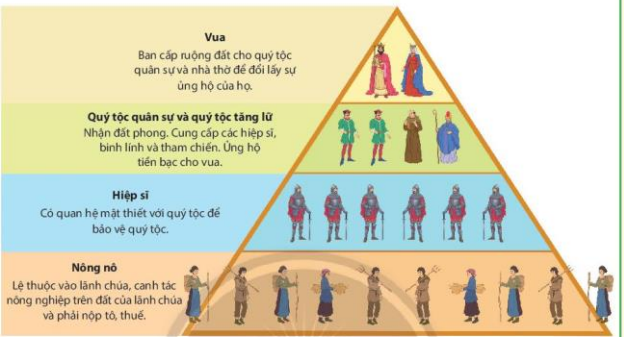

2. Thời đại của hiệp sĩ

Từ thế kỉ VI trở đi, các cuộc chiến tiếp tục diễn ra giữa các vương quốc của người Giéc-man. Xã hội phong kiến Tây Âu dần dần được hình thành cùng với những cuộc chiến tranh đó. Sau mỗi chiến thắng, nhà vua ban cấp những vùng đất đai rộng lớn cho các tướng lĩnh thân cận, lập thành những lãnh địa, đồng thời phong cho họ các tước vị như công tước, hầu tước, bá tước,... Hiệp sĩ là tầng lớp thấp nhất trong thứ tự đẳng cấp phong kiến Tây Âu nhưng lại đông đảo nhất. Phổ biến trong thời trung đại là hình ảnh hiệp sĩ cưỡi ngựa, mặc áo giáp, đeo phù hiệu của lãnh địa họ phục vụ, xông pha trận mạc, đấu kiếm tay đôi trong danh dự. Họ là những chiến binh sẵn sàng chết để bảo vệ tôn chủ của mình, bảo vệ cái thiện chống lại cái ác, hào hiệp, sẵn sàng tha thứ, nhã nhặn và tôn thờ phụ nữ. Ngày nay, hiệp sĩ vẫn là một danh hiệu được Nữ hoàng Anh ban tặng dành cho những người có đóng góp cho sự thịnh vượng và phát triển chung của nước Anh.

Hiệp sĩ, hình khắc trên con dấu bằng bạc (đầu thế kỉ XIII, Bảo tàng Anh, Luân Đôn)

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

3. Năm 496, vua Phơ-răng (Franks) là Clô-vít (Clovis) dẫn 4 000 thân binh tới nhà thờ Rê-mi (Remy) làm lễ rửa tội, chính thức cải đạo theo Thiên Chúa giáo. Đó là sự bắt tay đầu tiên giữa vương quyền với thần quyền trong lịch sử Tây Âu trung đại.

Vương miện của hoàng đế Đức thế kỉ X, mang biểu tượng của nhà thờ và hàng chữ khắc với nội dung: "Những vị vua cai trị thông qua Thiên Chúa".

Clô-vít cải đạo theo Thiên Chúa giáo vào năm 496 (tranh vẽ, năm 1500)

Trong suốt thời trung đại, các hiệp sĩ và tầng lớp quý tộc quân sự chỉ giỏi cung kiếm, nông nô thì hoàn toàn không biết chữ. Linh mục, giáo sĩ là tầng lớp duy nhất trong xã hội biết đọc, biết viết chữ La-tinh nhưng họ chỉ dùng sự hiểu biết để giảng Kinh Thánh. Hầu hết người dân Tây Âu đều là giáo dân của đạo Thiên Chúa. Đứng đầu Giáo hội là Giáo hoàng, người có quyền lực, ảnh hưởng đến sự cai trị của các vị vua.

Nhà thờ thu phí dịch vụ và sản phẩm nông nghiệp từ nông nô sống trong lãnh địa của nhà thờ. Ngoài ra, tất cả nông nô, kể cả một số ít nông dân tự do sống ngoài lãnh địa đều phải nộp "thuế thập phần" – tức là nộp một phần mười sản phẩm của mỗi vụ thu hoạch cho nhà thờ.

Các nghi thức trong đời sống hằng ngày như rửa tội, kết hôn, tang lễ,… đều liên quan đến Thiên Chúa giáo. Tiếng chuông nhà thờ đánh dấu nhịp sống hằng ngày của người dân – cả ở lãnh địa và thành thị.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ

- Hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí qua lược đồ 2.1.
- Hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí qua sơ đồ 2.4.

HỌC SINH HỌC ĐỂ

- Sử dụng được lược đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới.
- Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Biết đọc thông tin trên lược đồ. Ví dụ: Phân biệt được hành trình của 4 cuộc phát kiến. Khai thác được tư liệu 2.2 và 2.3 cho đánh giá kết quả của hai cuộc đại phát kiến. Khai thác được thông tin trong sơ đồ 2.4.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

- Giới thiệu được những nét chính về hành trình của 4 cuộc phát kiến.
- Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.

3. Phát triển năng lực vận dụng

Tìm kiếm, sưu tầm tư liệu về hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí đối với Việt Nam (hệ quả tiêu cực, hệ quả tích cực).

4. Hình thành những phẩm chất

Bồi dưỡng tình thần dũng cảm, khám phá cái mới và tôn trọng các dân tộc khác nhau trên thế giới.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

- **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** Khai thác và sử dụng được lược đồ 2.1. Yêu cầu HS miêu tả đường đi của 4 cuộc phát kiến địa lí theo thứ tự thời gian, xác định những địa danh các nhà thám hiểm đặt chân đến và đặt tên như mũi Bão Tố; eo biển Ma-gen-lăng, Thái Bình Dương,...
- **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Trên cơ sở miêu tả hành trình của các cuộc phát kiến, yêu cầu HS xác định kết quả của các cuộc phát kiến liên quan đến sự kết nối đường biển giữa châu Âu và châu Mỹ (C. Cô-lôm-bô) và giữa châu Âu và châu Á (V. Ga-ma và Ma-gien-lăng). Chuyến đi kết nối tất cả các châu lục (chuyến đi vòng quanh Trái Đất đầu tiên của nhân loại – Ma-gien-lăng).

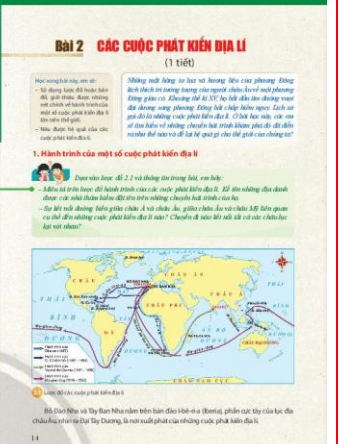

Bài 2 CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ

(1 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
- Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới.
- Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.

Những mặt hàng từ lâu và thường liên của phương Đông lần lượt đến tới tương tượng của người châu Âu về một phương Đông giàu có. Khoảng thế kỉ XV, họ bắt đầu tìm đường vượt đại dương sang phương Đông bắt chấp hiểm nguy. Lịch sử gọi đó là những cuộc phát kiến địa lí. Chúng ta hãy cùng các em tìm hiểu về những chuyến hải trình khám phá đó đã diễn ra như thế nào và để lại hệ quả gì cho thế giới của chúng ta?

1. Hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí

Dựa vào lược đồ 2.1 và thông tin trong bài, em hãy:
- *Miêu tả trên lược đồ hành trình của các cuộc phát kiến địa lí. Kể tên những địa danh được các nhà thám hiểm đặt tên trên những chuyến hải trình của họ.*
- *Sự kết nối thường hiện giữa châu Á và châu Âu, giữa châu Âu và châu Mỹ liên quan tới những cuộc phát kiến địa lí nào? Chuyến đi nào khi nối liền cả các châu lục lại với nhau?*

Lược đồ các cuộc phát kiến địa lí

Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha nằm trên bán đảo Ibê-ri-a (Iberia), phần cực tây của lục địa châu Âu, nhìn ra Đại Tây Dương, là nơi xuất phát của những cuộc phát kiến địa lí.

14

Cô-lôm-bô đặt chân lên châu Mỹ (tranh vẽ, năm 1892)

Năm 1487, nhà hàng hải Bồ Đào Nha là B. Đi-a-xơ (B. Dias) đã đi xuống được tận điểm cực nam của châu Phi. Ông đặt tên là mũi Bão Tố, sau gọi là mũi Hảo Vọng.

Năm 1492, triều đình Tây Ban Nha tài trợ cho C. Cô-lôm-bô (C. Columbus) tìm đường sang phương Đông. Ông cho thuyền đi về phía tây, đến được đảo San Xan-va-đo (San Salvador), Cu-ba (Cuba), Hi-spa-ni-ô-la (Hispaniola) rồi đúng lại vì tưởng đã đến được Ấn Độ. Sự nhầm lẫn của Cô-lôm-bô khiến người ta gọi các dân tộc bản địa ở châu Mỹ là người Anh-điêng (người Ấn) cho đến tận ngày nay.

Con đường sang phương Đông bằng đường biển xuất được khám phá bởi một người Bồ Đào Nha khác là V. Ga-ma (Vasco da Gama). Thuyền của ông đi vòng qua điểm cực nam của châu Phi, cập bến Ca-lích-cát (Calicut), đến được Ấn Độ vào năm 1498.

Năm 1519, đoàn thám hiểm của Ma-gien-lăng (Magellan) tìm đường đến quần đảo gia vị Ma-lu-ku (Maluku) ở In-đô-nê-xi-a (Indonesia). Đoàn thuyền đi vòng qua điểm cực nam của châu Mỹ (sau này được gọi là eo biển Ma-gien-lăng), tiến vào đại dương mà ông đặt tên là Thái Bình Dương. Chưa tới được đảo Ma-lu-ku, ông đã bị thiệt mạng ở Phi-líp-pin (Philippines) trong một cuộc giao tranh với người dân trên đảo.

Vích-tô-ri-a (Victoria), con thuyền duy nhất sót về sau, chuyến thám hiểm của Ma-gien-lăng (tranh vẽ, cuối thế kỉ XVI)

Những người còn lại về đến Tây Ban Nha vào năm 1522, hoàn thành chuyến đi vòng quanh Trái Đất đầu tiên của nhân loại.

15

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

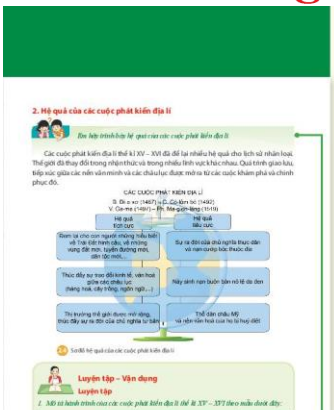

2. Hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí

Em hãy trình bày hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí

Các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI đã để lại nhiều hệ quả cho lịch sử nhân loại. Thế giới đã thay đổi trong nhận thức và trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Quá trình giao lưu, tiếp xúc giữa các nền văn minh và các châu lục được mở ra từ các cuộc khám phá và chinh phục đó.

CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ
B. Đi-a-xơ (1487) C. Cô-lôm-bô (1492)
V. Ca-ma (1498) – Ph. Ma-gien-lăng (1519)

Hệ quả tích cực

Hệ quả tiêu cực

Đem lại cho con người những hiểu biết về Trái Đất hình cầu, về những vùng đất mới, tuyến đường mới, dân tộc mới, ...

Sự ra đời của chủ nghĩa thực dân và nạn cướp bóc thuộc địa

Thúc đẩy sự trao đổi kinh tế, văn hoá giữa các châu lục (hàng hoá, cây trồng, ngôn ngữ, ...)

Nảy sinh nạn buôn bán nô lệ da đen

Thị trường thế giới được mở rộng, thúc đẩy sự ra đời của chủ nghĩa tư bản

Thổ dân châu Mỹ và nền văn hoá của họ bị huỷ diệt

Sơ đồ hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Mô tả hành trình của các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI theo mẫu dưới đây:

Tên các cuộc phát kiến địa lí	Thời gian khởi hành	Con đường đi đến	Kết quả
?	?	?	?

Vận dụng

2. Nêu những hệ quả của phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI là sự ra đời của chủ nghĩa thực dân và quá trình xâm chiếm thuộc địa. Em hãy tìm hiểu thêm Việt Nam đã bị xâm lược và trở thành thuộc địa của nước nào

16

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

– *Gợi ý 1:* GV dùng phần dẫn nhập trong sách để dẫn dắt HS.

– *Gợi ý 2:* GV cho HS xem 3 bức tranh tư liệu sau:

+ *Bức thứ nhất:* Cô-lôm-bô đặt chân lên châu Mỹ, tranh vẽ năm 1892 (SGK trang 15): Lưu ý các em hình ảnh người thổ dân lấp ló trong bụi cây.

+ *Bức thứ 2:* Cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa Cô-lôm-bô với thổ dân trên đảo Hispaniola (tranh khắc gỗ – xin xem dưới phần kiến thức bổ trợ) – lưu ý các em chi tiết làm quen và trao đổi hàng hoá.

+ *Bức thứ 3:* Thực dân Tây Ban Nha phá huỷ kinh đô của người A-dơ-tếch (Aztec) năm 1521 (tranh vẽ – xin xem dưới phần kiến thức bổ trợ) – lưu ý các em chi tiết đối đầu, tàn phá, huỷ diệt.

Đặt vấn đề dẫn vào bài học:

– Điều gì khiến các nhà thám hiểm coi chuyến đi của họ là thất bại hay thành công? Điều gì đã thúc đẩy các cuộc khám phá của người châu Âu thế kỉ XV – XVI? Chi tiết nào trong các bức ảnh diễn tả điều này?

– Mối quan hệ giữa những người châu Âu và người Mỹ bản địa đã thay đổi như thế nào sau những lần gặp gỡ đầu tiên? Chuyện gì đã xảy ra sau các cuộc phát kiến? Chúng ta sẽ tìm thấy những câu trả lời trong bài học này.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

– Phân biệt giữa hệ quả và kết quả:
Kết quả: GV cho HS quay lại câu hỏi dẫn nhập: Điều gì khiến các nhà thám hiểm coi chuyến đi của họ là thất bại hay thành công?
Hệ quả: GV cho HS quay lại câu hỏi dẫn nhập: Chuyện gì đã xảy ra sau các cuộc phát kiến? Mối quan hệ giữa người châu Âu và người bản địa đã thay đổi như thế nào sau các cuộc phát kiến? (Hệ quả gắn với các động từ đầu câu như: đem lại, thúc đẩy, nảy sinh,…).

– Trình bày hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí theo biểu đồ bảng:

+ Đọc tiêu đề và xác định được chủ đề của biểu đồ. (Hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí).

+ Đọc tiêu đề cột và hàng – cung cấp chi tiết hơn thông tin của chủ đề. (Hệ quả tiêu cực, hệ quả tích cực).

+ So sánh, đối chiếu thông tin giữa các cột và hàng. (Hiểu biết về các vùng đất mới, con đường mới – nảy sinh sự thèm khát đất đai; thúc đẩy sự trao đổi kinh tế văn hoá giữa các châu lục – nảy sinh nạn buôn bán nô lệ da đen, …).

+ Rút ra thông tin từ trong các cột. (Hệ quả tiêu cực, hệ quả tích cực).

+ Trả lời câu hỏi của GV để kiểm tra lại thông tin: Hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí. (Bắt đầu bằng các từ: đem lại, dẫn đến, nảy sinh, thúc đẩy,…).

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời:

Tên các cuộc phát kiến địa lí	Thời gian khởi hành	Con đường đã đi qua	Kết quả
B. Đi-a-xơ	1487	Đi xuống điểm cực nam châu Phi	Tìm ra mũi Hảo Vọng
C. Cô-lôm-bô	1492	Đi về phía tây, tới các đảo trong vùng biển Ca-ri-bê	Khám phá ra châu Mỹ
V. Ga-ma	1497	Vòng qua điểm cực nam châu Phi, qua Ấn Độ Dương	Tới được Ấn Độ
Ph. Ma-gien-lăng	1519	Vòng qua điểm cực nam châu Mỹ, vượt Đại Tây Dương, Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương	Hoàn thành một vòng quanh Trái Đất.

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời: Việt Nam nhận hệ quả gì từ phát kiến địa lí trong lịch sử? *Việt Nam bị xâm lược và trở thành thuộc địa của thực dân Pháp.*

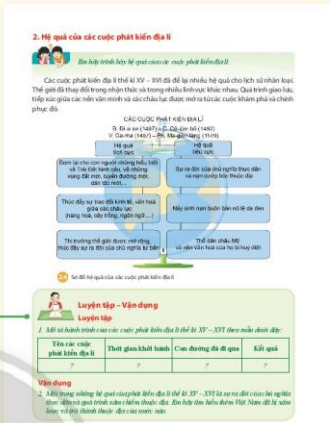

2. Hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí

Em hãy trình bày hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.

Các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI đã để lại nhiều hệ quả cho lịch sử nhân loại. Thế giới đã thay đổi trong nhận thức và trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Quá trình giao lưu, tiếp xúc giữa các nền văn minh và các châu lục được mở ra từ các cuộc khám phá và chinh phục đó.

CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ
B. Đi-a-xơ (1487) – C. Cô-lôm-bô (1492)
V. Ga-ma (1497) – Ph. Ma-gien-lăng (1519)

Hệ quả tích cực
- Đem lại cho con người những hiểu biết về Trái Đất hình cầu, về những vùng đất mới, tuyến đường mới, dân tộc mới,...
- Thúc đẩy sự trao đổi kinh tế, văn hoá giữa các châu lục (hàng hoá, cây trồng, ngôn ngữ,...)
- Thị trường thế giới được mở rộng, thúc đẩy sự ra đời của chủ nghĩa tư bản

Hệ quả tiêu cực
- Sự ra đời của chủ nghĩa thực dân và nạn cướp bóc thuộc địa
- Nảy sinh nạn buôn bán nô lệ da đen
- Thế giới châu Mỹ và nền văn hoá của họ bị huỷ diệt

Sơ đồ hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Mô tả hành trình của các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI theo mẫu dưới đây:

Tên các cuộc phát kiến địa lí	Thời gian khởi hành	Con đường đã đi qua	Kết quả
?	?	?	?

Vận dụng

2. Nêu ý nghĩa những hệ quả của phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI là sự ra đời của hệ nghĩa thực dân và quá trình xâm chiếm thuộc địa. Em hãy tìm hiểu thêm Việt Nam đã bị xâm lược và trở thành thuộc địa của nước nào.

16

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí – những con số biết nói

Người châu Âu còn mang theo một mối nguy hiểm đến Tân thế giới mà họ không thể thấy được. Đó là vi-rút gây bệnh sởi và đậu mùa – căn bệnh mà người bản địa không có khả năng miễn dịch. Trong vòng 150 năm kể từ khi C. Cô-lôm-bô phát hiện ra châu Mỹ vào năm 1492, khoảng 80 – 95% dân số thổ dân châu Mỹ đã chết vì dịch bệnh.

Từ năm 1518 đến 1850, gần 11 000 000 người da đen đã bị đẩy xuống thuyền bán qua châu Mỹ, 500 000 người, tức 5% trong số đó bị bán vào khu vực ngày nay là nước Mỹ. Chế độ nô lệ là nguồn gốc của nạn phân biệt chủng tộc ở Mỹ trong lịch sử.

(John P. Mc Kay, *A History of Western Society*, NXB Houghton Mifflin Company, New York, trang 517)

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

2. Khái niệm "trao đổi Cô-lôm-bô"

Khoai tây từ dãy An-đét (Andes) đã nuôi sống hàng triệu người ở châu Âu và làm cho dân số châu Âu tăng lên nhanh chóng trong vài thế kỉ sau đó. Ngô được người Mỹ bản địa trồng đầu tiên trở thành một loại lương thực chính trên khắp thế giới ngày nay. Lúa mì được người châu Âu mang đến châu Mỹ. Ngựa, dê, cừu từ châu Âu được đưa đến Bắc Mỹ. Đổi lại, gà tây và ngan từ Bắc Mỹ được đưa đến châu Âu và châu Á.

3. Khái niệm "cây trồng Tân thế giới"

Khái niệm để chỉ những loại cây hoa quả và lương thực có nguồn gốc từ châu Mỹ trước năm 1492 và không được tìm thấy ở bất kì nơi nào khác trên thế giới vào thời điểm đó. Nhiều loại cây trồng đó hiện nay đã được trồng khắp thế giới và trở thành một phần không thể thiếu trong ẩm thực của nhiều nền văn hoá trên thế giới.

4. Nhà thám hiểm và người anh hùng dân tộc

Lịch sử Phi-líp-pin kể về vị thủ lĩnh Mác-tan có tên là Lapu-Lapu, người đã giết được nhà thám hiểm Ma-gien-lăng bằng một mũi tên tẩm thuốc độc. Ngày nay, tại Mác-tan, Xê-bu (Cebu) có một bức tượng đồng cao 6 m để vinh danh Lapu-Lapu, như một lời nhắc nhở bản lĩnh của người Phi-líp-pin. Ngày 27 – 4, ngày xảy ra trận Mác-tan được đặt tên là ngày Lapu-Lapu để tôn vinh Lapu-Lapu như là người anh hùng đầu tiên của Phi-líp-pin đánh bại kẻ thù xâm lược.

Tượng Lapu-Lapu

5. Cuộc gặp đầu tiên giữa C. Cô-lôm-bô với người da đỏ trên đảo Hi-xpa-ni-ô-la (tranh khắc gỗ, thế kì XVII)

6. Thực dân Tây Ban Nha phá huỷ kinh đô của người A-dơ-tếch năm 1521 (tranh vẽ)

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Những biến đổi trong xã hội Tây Âu.
- Sự nảy sinh quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Khai thác và sử dụng được thông tin của các tư liệu hình ảnh và chữ viết để tìm hiểu về những biến đổi chính trong xã hội và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

Xác định được những biến đổi chính trong xã hội và sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

Từ kiến thức được học về sự thay đổi trong xã hội Tây Âu, HS tìm hiểu thêm từ các nguồn thông tin ngoài SGK về sự thay đổi trong đời sống của dân nghèo thành thị và người nông dân. Viết được một đoạn văn ngắn mô tả về nội dung tự tìm hiểu được.

4. Hình thành những phẩm chất

Nhân ái: Đồng cảm, chia sẻ với nỗi khổn cùng của người nghèo trong giai đoạn quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa nảy sinh ở Tây Âu; căm ghét áp bức, bất công.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

Gợi ý 1: GV dùng phần dẫn nhập trong sách để dẫn dắt HS: yêu cầu HS đọc, trả lời các câu hỏi liên quan đến phần dẫn nhập.

Gợi ý 2: GV tổ chức cho HS đưa ra ý kiến của mình về một số nội dung liên quan đến bài học, sau đó dẫn nhập vào bài.

Ví dụ: GV trao đổi về cụm từ "biến đổi xã hội" hoặc "quan hệ sản xuất" – hỏi HS những nội hàm liên quan và định hướng trả lời, sau đó dẫn vào bài.

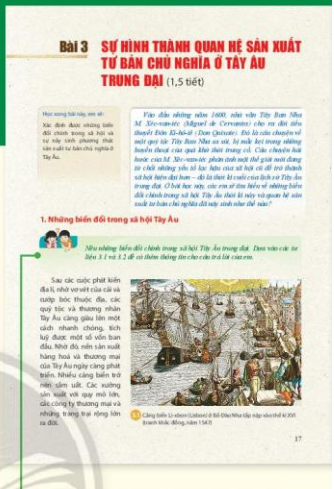

Bài 3 SỰ HÌNH THÀNH QUAN HỆ SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA Ở TÂY ÂU TRUNG ĐẠI (1,5 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:

Xác định được những biến đổi chính trong xã hội và sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu.

Vào đầu những năm 1600, nhà văn Tây Ban Nha M. Xéc-van-tét (Miguel de Cervantes) cho ra đời tiểu thuyết Đôn Ki-hô-tê (Don Quixote). Đó là câu chuyện về một gợi tác Tây Ban Nha sa sút, bị mất lợi trong những buổi thoái của quá khứ thời trung cổ. Các chuyến hoà hước của M. Xéc-van-tét phản ánh một thế giới mới đang từ chối những yếu tố lạc hậu của xã hội cũ để trở thành xã hội hiện đại hơn – dù là theo lí tưởng của tích cực Tây Âu trung đại. Ở bài học này, các em sẽ tìm hiểu về những biến đổi chính trong xã hội Tây Âu thời kì này và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã nảy sinh như thế nào?

1. Những biến đổi trong xã hội Tây Âu

Nêu những biến đổi chính trong xã hội Tây Âu trung đại. Dựa vào các tư liệu 3.1 và 3.2 để trả lời câu hỏi và câu mở.

Sau các cuộc phát kiến địa lí, nhờ vơ vét của cải và cướp bóc thuộc địa, các quý tộc và thương nhân Tây Âu càng giàu lên một cách nhanh chóng. Số lượng được một số vốn ban đầu. Nhờ đó, nền sản xuất hàng hoá và thương mại của Tây Âu ngày càng phát triển. Nhiều cảng biển trở nên sầm uất. Các xưởng sản xuất với quy mô lớn, các công ty thương mại và những trang trại rộng lớn ra đời.

1 Cảng biển Li-xbon (Lisbon) ở Bồ Đào Nha (tập nập vào thế kỉ XVI) (tranh khắc đồng, năm 1543)

17

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

- **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** Khai thác và sử dụng được tư liệu 3.1 và 3.2 để góp phần hoàn thành hoạt động.
  + 3.1: Cảng Lisbon là nơi tập trung vàng bạc, nguyên liệu từ khắp các châu lục để về châu Âu, lưu ý sự sầm uất, tấp nập của cảng biển.
  + 3.2: Đời sống khốn cùng của dân nghèo thành thị và người nông dân, không có con đường nào khác, vô sản, không tư liệu sản xuất, bị nhà nước o ép, hoặc phải bán sức lao động hoặc chết.
- **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

  HS nêu được những biến đổi chính: Xã hội Tây Âu phân hoá sâu sắc. Tầng lớp

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

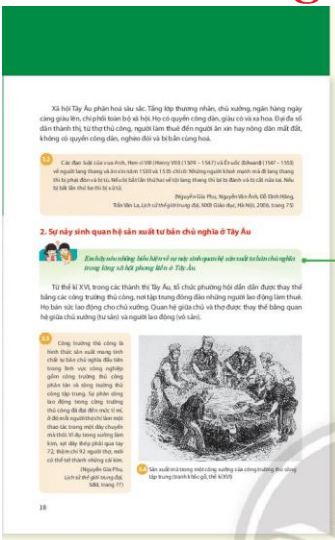

Xã hội Tây Âu phân hoá sâu sắc. Tầng lớp thương nhân, chủ xưởng, ngân hàng ngày càng giàu lên, chi phối toàn bộ xã hội. Họ có quyền công dân, giàu có và xa hoa. Đại đa số dân thành thị, từ thợ thủ công, người làm thuê đến người ăn xin hay nông dân mất đất, không có quyền công dân, nghèo đói và bị bần cùng hoá.

13 Các đạo luật của vua Anh, Hen-ri VIII (Henry VIII) (1509 – 1547) và Ê-đu-ác (Edward) (1547 – 1553) về người lang thang và ăn mày năm 1530 và 1535. Chỉ rõ: Những người khoẻ mạnh mà đi lang thang thì bị phạt đóng và bị tù. Nếu tái tội lần thứ hai sẽ bị lang thang thì bị bỏ đánh và bị cắt mảu tai. Nếu bị bắt lần thứ ba thì bị xử tử.

(Nguyễn Gia Phu, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hãng, Trần Văn La, Lịch sử thế giới trung đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, trang 75)

2. Sự nảy sinh quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu

Em hãy nêu những biểu hiện về sự nảy sinh quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong lòng xã hội phong kiến ở Tây Âu.

Từ thế kỉ XVI, trong các thành thị Tây Âu, tổ chức phường hội dần dần được thay thế bằng các công trường thủ công, nơi tập trung đông đảo những người lao động làm thuê. Họ bán sức lao động cho chủ xưởng. Quan hệ giữa chủ và thợ được thay thế bằng quan hệ giữa chủ xưởng (tư sản) và người lao động (vô sản).

14 Sản xuất mũ trong một công xưởng của công trường thủ công tập trung (tranh khắc gỗ, thế kỉ XVII)

thương nhân, chủ xưởng, ngân hàng ngày càng giàu lên, chi phối toàn bộ xã hội. Họ có quyền công dân, giàu có và xa hoa. Đại đa số dân thành thị, từ thợ thủ công, người làm thuê đến người ăn xin hay nông dân mất đất, không có quyền công dân, nghèo đói và bị bần cùng hoá.

GV trao đổi hoặc đặt câu hỏi tại sao lại có những biến đổi đó.

Nguyên nhân: Sau các cuộc phát kiến địa lí, nhờ vơ vét của cải và cướp bóc thuộc địa, các quý tộc và thương nhân Tây Âu càng giàu lên một cách nhanh chóng, tích luỹ được một số vốn ban đầu. Nhờ đó, nền sản xuất hàng hoá và thương mại của Tây Âu ngày càng phát triển. Nhiều cảng biển trở nên sầm uất. Các xưởng sản xuất với quy mô lớn, các công ty thương mại và những trang trại rộng lớn ra đời.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** Khai thác và sử dụng được tư liệu 3.3, 3.4 và 3.5 để góp phần hoàn thành hoạt động.

+ 3.3: Công trường thủ công và sự phân công lao động trong công trường thủ công.

+ 3.4: Các công đoạn làm mũ – mỗi người thợ sẽ phụ trách một giai đoạn từ đo vải, cắt vải, may vải.

+ 3.5: Sự tập trung đông nhân công nông nghiệp trong việc khai thác lông làm len.

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

HS nêu được những biểu hiện: Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã nảy sinh trong lòng xã hội phong kiến Tây Âu, với sự hình thành của các giai cấp mới – tư sản và vô sản:

+ Tổ chức phường hội dần dần được thay thế bằng các công trường thủ công, nơi tập trung đông đảo những người lao động làm thuê. Họ bán sức lao động cho chủ xưởng. Quan hệ giữa chủ và thợ được thay thế bằng quan hệ giữa chủ xưởng (tư sản) và người lao động (vô sản).

+ Chủ đất ở nông thôn cũng chuyển dần sang kinh doanh tư bản chủ nghĩa, lập các đồn điền, trang trại lớn, thuê mướn nhân công, dần trở thành tư sản nông nghiệp. Nông dân mất đất, phải vào làm thuê trong các đồn điền, trang trại, bán sức lao động, trở thành công nhân nông nghiệp.

+ Các thương nhân, chủ ngân hàng trở thành những nhà tư bản có thế lực lớn trong xã hội.

GV có thể tạo sơ đồ tư duy hoặc hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy để làm rõ hơn nội dung này.

GV có thể cho HS xác định những từ khoá (được tô đậm) để HS thấy được những biểu hiện của chủ nghĩa tư bản đang nảy sinh trong lòng xã hội phong kiến ở Tây Âu.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời: Tư sản và vô sản

+ Tư sản giàu có, có địa vị thống trị, nắm tư liệu sản xuất.

+ Vô sản nghèo khổ, địa vị bị trị, là lực lượng sản xuất ra của cải trong xã hội nhưng không nắm giữ tư liệu sản xuất, phải làm thuê cho tư sản.

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời:

HS sử dụng công cụ internet, sách báo sưu tầm thông tin về đời sống sinh hoạt, sản xuất những người lao động, công nhân, nông dân trong xã hội Tây Âu thời kì xã hội này sinh quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Những từ khoá nên gợi ý như: "Cừu ăn thịt người", "Đạo luật vua Anh Henri VIII".

GV có thể cung cấp cho HS bức tranh cảm động "Bữa ăn của người nông dân" do danh hoạ L. Lơ Nanh (Louis le Nain) vẽ vào thế kỉ XVI, mô tả một gia đình nông dân nghèo (tư liệu bổ trợ bên dưới) làm tư liệu cho HS viết về tình cảnh nghèo khổ của người nông dân.

Một bộ phận lớn chủ đất ở nông thôn cũng chuyển dần sang kinh doanh tư bản chủ nghĩa, lập các đồn điền, trang trại lớn, thuê mướn nhân công, dần trở thành tư sản nông nghiệp. Nông dân mất đất, phải vào làm thuê trong các đồn điền, trang trại, bán sức lao động, trở thành công nhân nông nghiệp.

Những công nhân đang sách lông cừu trong ngành công nghiệp len nội địa Hà Lan (tranh vẽ, thế kỉ XVII)

Em có biết?

Năm 1600, công ty Đông Ấn của Anh thành lập. Nữ hoàng Anh là Ê-li-da-bét I (Elizabeth I) ban cho họ đặc quyền có quản độc riêng, cũng bắt riêng vị nắm độc quyền giao thương trái – một sản phẩm được coi là tinh tuý của nước Anh và có giá trị cao thời bấy giờ.

Trong lĩnh vực thương mại, các thương nhân, chủ ngân hàng trở thành những nhà tư bản có thế lực lớn trong xã hội. Các công ty thương mại ra đời vào đầu thế kỉ XVII, thúc đẩy buôn bán giữa các quốc gia, đem lại quyền lợi kinh tế và chính trị cho giai cấp tư sản.

Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã này sinh trong lòng xã hội phong kiến Tây Âu, với sự hình thành của các giai cấp mới – tư sản và vô sản.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Hãy kể tên những giai cấp mới trong xã hội Tây Âu. Địa vị của các giai cấp này trong xã hội như thế nào?

Vận dụng

2. Tìm hiểu thêm về sự thay đổi trong cuộc sống của dân nghèo thành thị và người nông dân trong xã hội Tây Âu sau các cuộc phát kiến địa lí. Viết một đoạn văn ngắn khoảng 15 dòng nêu về sự thay đổi đó.

19

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Chân trời sáng tạo

Kiến thức bổ trợ cho GV

GV khai thác các tư liệu đính kèm để mở rộng thêm bài.

1.

Ăng-ghen – nhà lí luận nổi tiếng của giai cấp vô sản đã nhận định: *"Khi những người thợ cả các phường hội thời trung cổ phát triển thành những người tư sản cận đại, người thợ bạn các phường hội và người làm công nhật không ở trong phường hội cũng phát triển thành người vô sản theo một trình độ tương ứng".*

(*C.Mác và Ăng-ghen Toàn tập*, Tập II)

2. Sơ đồ mô tả sự chuyển biến quan hệ sản xuất phong kiến và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu

(Đây là sơ đồ cho HS khá giỏi, GV có thể tối giản để phù hợp với trình độ HS (bỏ phần quý tộc tư sản hoá)

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

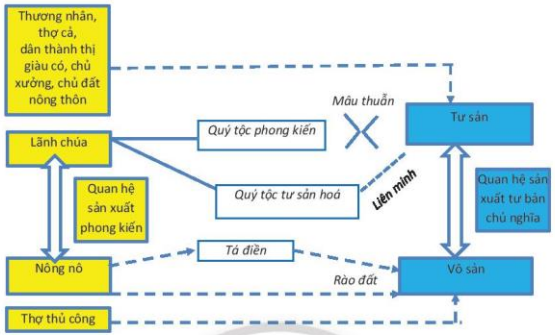

3. Tiền ở Lübeck, Đức (thế kỉ XVI)

4. Bữa ăn của người nông dân (tranh sơn dầu, L. Lơ Nanh (Louis le Nain), 1593 – 1645)

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.
- Những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng.
- Ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử đơn giản (dạng tranh vẽ, tư liệu 4.1, 4.2, đoạn thơ trong khung "Em có biết" và tư liệu 4.4) dưới sự hướng dẫn của GV để nhận thức một số vấn đề lịch sử liên quan đến phong trào Văn hoá Phục hưng.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

- Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.
- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng.
- Nhận biết được ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

Vận dụng kiến thức về nghệ thuật trong văn hoá Phục hưng để lựa chọn, sưu tầm các bức ảnh về nghệ thuật thời Phục hưng và viết đoạn văn ngắn để giới thiệu, chú thích nội dung tác phẩm (thể hiện qua yêu cầu trong phần Vận dụng).

4. Hình thành những phẩm chất

Nhân ái: Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác và sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc khác.

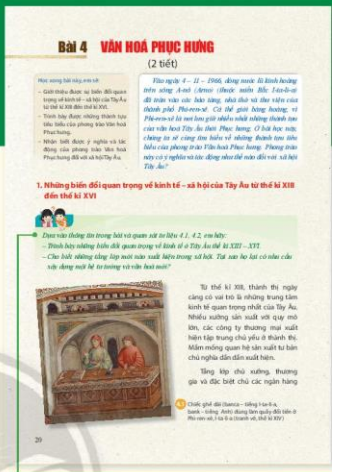

Bài 4 VĂN HOÁ PHỤC HƯNG

(2 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
- Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.
- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng.
- Nhận biết được ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu.

Vào ngày 6 – 11 – 1966, dòng nước lũ kinh hoàng trên sông Arno (thuộc miền Bắc Italia) đã tràn vào các bảo tàng, nhà thờ và thư viện của thành phố Phi-ren-xê. Có thể giải bằng hoàng vì Phi-ren-xê là nơi ban giữ nhiều nhất những thành tựu của văn hoá Tây Âu thời Phục hưng. Ở bài học này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng. Phong trào này có ý nghĩa và tác động như thế nào đối với xã hội Tây Âu?

1. Những biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI

Dựa vào thông tin trong bài và quan sát tư liệu 4.1, 4.2, em hãy:
– Trình bày những biến đổi quan trọng về kinh tế ở Tây Âu thế kỉ XIII – XVI.
– Cho biết những tầng lớp mới nào xuất hiện trong xã hội. Tại sao họ lại có nhu cầu xây dựng một hệ tư tưởng và văn hoá mới?

Từ thế kỉ XIII, thành thị ngày càng có vai trò là những trung tâm kinh tế quan trọng nhất của Tây Âu. Nhiều xưởng sản xuất với quy mô lớn, các công ty thương mại xuất hiện tập trung chủ yếu ở thành thị. Mầm mống quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dần dần xuất hiện.

Tầng lớp chủ xưởng, thương gia và đặc biệt chủ các ngân hàng

Chiếc ghế dài (banca – tiếng Ý-ta-li-a; bank – tiếng Anh) dùng làm quầy đổi tiền ở Phi-ren-xê, Ý-ta-li-a (tranh vẽ, thế kỉ XIV)

29

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

- **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** GV hướng dẫn HS khai thác tư liệu 4.1 và tư liệu 4.2 để nhận thức được những biến đổi quan trọng về kinh tế của Tây Âu trong các thế kỉ XIII – XVI là: *thành thị phát triển thịnh vượng (Phi-ren-xê (Florence) là một thị quốc tiêu biểu), mầm mống quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dần xuất hiện (biểu hiện qua hình ảnh về "quầy đổi tiền").*
- **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

HS cần xác định được những tầng lớp mới xuất hiện trong xã hội (*chủ xưởng, thương gia, chủ các ngân hàng*) và lí giải được lí do tầng lớp này có nhu cầu xây dựng một hệ tư tưởng văn hoá mới. GV chú ý tạo điều kiện để HS nhận ra mối liên hệ giữa các yếu

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

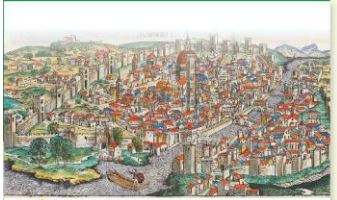

Phi-ren-xê (tranh vẽ, năm 1490)

trở nên vừa giàu có, vừa có thế lực nhưng lại chưa có địa vị xã hội tương xứng. Do vậy, họ ủng hộ và bảo trợ cho những tư tưởng mới trong các lĩnh vực khoa học, văn học và nghệ thuật. Một phong trào văn hoá mới đã ra đời, đi vào lịch sử với tên gọi là phong trào Văn hoá Phục hưng.

Phong trào bắt đầu vào thế kỉ XIV, diễn ra ở những thành phố tự trị, giàu có thuộc miền Bắc Ha-li-a như Phi-ren-xê, Mi-lan (Milan), Ve-ni-dơ (Venice),...

Sang thế kỉ XV, XVI, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện ở những quốc gia thống nhất như Anh, Pháp, Tây Ban Nha và nhiều thành phố thuộc Hà Lan, Đức,... nên phong trào Văn hoá Phục hưng có điều kiện lan rộng khắp châu Âu.

2. Những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng

Trình bày một số thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng. Em có ấn tượng với thành tựu nào nhất? Vì sao?

Trên hành trình tìm kiếm những giá trị cho một nền văn hoá mới, các nhà khoa học, nhà văn, nhà thơ hoạ vĩ,... đã khôi phục, làm sống lại những tinh hoa của văn hoá Hy Lạp – La Mã cổ đại. Từ thế kỉ XIV đến XVII, lịch sử đã chứng kiến sức sáng tạo rất đặc của con người, diễn ra trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

21

tố sau: Sự phát triển thịnh vượng về kinh tế – sự xuất hiện tầng lớp mới – nhu cầu khẳng định vị thế xã hội, thưởng thức cuộc sống; và chính sự giàu có là tiền đề quan trọng để nhu cầu xây dựng một hệ tư tưởng và văn hoá mới của tầng lớp mới đang đề cập có điều kiện thực hiện (thông qua các hoạt động ủng hộ và bảo trợ cho những tư tưởng mới trong các lĩnh vực khoa học, văn học và nghệ thuật.

Lưu ý tránh HS bị nhầm lẫn trong nhận thức và tư duy lịch sử:

Phong trào Văn hoá Phục hưng là phong trào do giai cấp tư sản khởi xướng và là cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống lại giai cấp phong kiến nhưng những nhà văn hoá Phục hưng và nhà tư bản là hai khái niệm khác nhau;

Nhà tư bản như thương nhân, chủ xưởng, chủ ngân hàng không phải là những nhà văn hoá Phục hưng).

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

– *Gợi ý 1:* GV dùng phần dẫn nhận trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.

– *Gợi ý 2:* GV có thể cùng HS xem một số đoạn clip giới thiệu về những địa điểm du lịch còn lưu lại các dấu ấn, tranh vẽ trong thời kì văn hoá Phục hưng.

Từ khoá tìm kiếm: thành Va-ti-căng (Vatican), nhà nguyện Xích-xtin (Sistine), greatest renaissance painting,…

– *Gợi ý 3:* GV chiếu hình ảnh bức tranh La Giô-công-đơ (La Joconde) và yêu cầu HS:

Hãy chia sẻ cảm nhận của em về vẻ đẹp của bức tranh La Giô-công-đơ.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** GV hướng dẫn HS khai thác các thông tin trong "Em có biết" và tư liệu 4.4 để tìm hiểu các thành tựu tiêu biểu của văn hoá Phục hưng.

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

GV hướng dẫn HS xác định các lĩnh vực chính trong phong trào Phục hưng. Sau đó, mới xác định các thành tựu tiêu biểu của từng lĩnh vực. Ở mỗi lĩnh vực, HS cần nhận biết được từ hai tác giả trở lên cùng với tác phẩm của họ (có thể sử dụng PPDH: Dạy học hợp tác; KTDH: sơ đồ tư duy (mindmap) trong khi dạy học nội dung này).

GV tổ chức cho HS lựa chọn và trình bày thành tựu mà HS ấn tượng. GV (và các HS khác) cần tôn trọng lựa chọn của HS.

Lưu ý quan trọng nhất cho yêu cầu này là GV cần hướng dẫn HS lí giải "Vì sao?" bằng các luận điểm có thể thuyết phục người nghe.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

- GV giới thiệu đến HS về Ph. Ăng-ghen (F. Engels) và nếu cần, giải thích một số từ ngữ: "cách mạng tiến bộ", "vĩ đại". GV tạo ấn tượng cho HS về thuật ngữ "con người khổng lồ".
- GV tổ chức HS thảo luận để tìm ra từ 2 lí do biện minh cho quan điểm mà HS chọn. GV cũng chú ý hướng dẫn HS trình bày lí do rõ ràng thành các luận điểm, chứ không trả lời chung chung, cảm tính. (Tương tự như hoạt động HS giải thích lí do ấn tượng với thành tựu văn hoá Phục hưng).
- Chẳng hạn: Đồng ý với quan điểm của Ph. Ăng-ghen. Lí do: (1) Để cao tự do cá nhân, khoa học – kĩ thuật; (2) Xuất hiện nhiều tác phẩm, tư tưởng khai sáng châu Âu trung cổ, đặt cơ sở và mở đường cho sự phát triển của văn hoá Tây Âu trong những thế kỉ tiếp theo; (3)…

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

- **Câu 1.** Gợi ý trả lời: GV yêu cầu HS (hay nhóm HS) kẻ bảng và hướng dẫn HS lựa chọn thông tin từ SGK để hoàn thành yêu cầu.
- **Câu 2.** Gợi ý trả lời:

  GV hướng dẫn HS sử dụng internet để lựa chọn, sưu tầm các bức ảnh về nghệ thuật thời Phục hưng.

  Nội dung đoạn văn chú thích về nội dung tác phẩm cần có:

  Tên tác giả, tên tác phẩm, thời gian tạo ra tác phẩm, nội dung chính của tác phẩm (và nếu có thể, nêu địa điểm đang lưu giữ hoặc triển lãm tác phẩm).

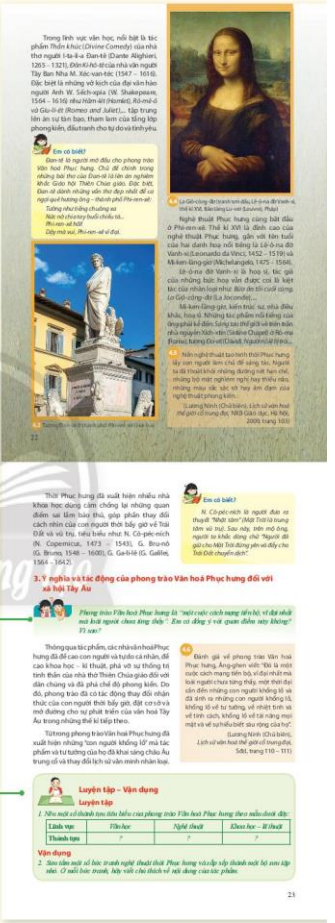

Trong lĩnh vực văn học, nổi bật là tác phẩm *Thần khúc* (*Divine Comedy*) của nhà thơ người I-ta-li-a Đan-tê (Dante Alighieri, 1265 – 1321), *Đêm Xô-hô-tí* của nhà văn người Tây Ban Nha M. Xéc-van-tét (1547 – 1616). Đặc biệt là những vở kịch của đại văn hào người Anh W. Sếch-spia (W. Shakespeare, 1564 – 1616) như *Hăm-lét* (*Hamlet*), *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* (*Romeo and Juliet*),... tập trung lên án sự tàn bạo, tham lam của tầng lớp phong kiến, đề cao tình cha tự do và tình yêu.

Em có biết?

Đan-tê là người mở đầu cho phong trào Văn hoá Phục hưng. Chủ đề chính trong những bài thơ của Đan-tê là lên án nghiêm khắc Giáo hội Thiên Chúa giáo. Đặc biệt, Đan-tê dành những vần thơ đẹp nhất để ca ngợi quê hương ông – thành phố Phi-ren-xê:

Tường như tiếng chuông xa
Nức nở chào tay buổi chiều tà...
Phi-ren-xê hỡi!
Dập mà vui, Phi-ren-xê vĩ đại.

La Gi-ô-công đơ (cảnh vườn đầu, Lê-ô-na đơ Vanh-xi, thế kỉ XV, Bảo tàng Lu-vơ (Louvre), Pháp)

Nghệ thuật Phục hưng cũng bắt đầu ở Phi-ren-xê. Thế kỉ XVI là đỉnh cao của nghệ thuật Phục hưng, gắn với tên tuổi của hai danh họ nổi tiếng là Lê-ô-na đơ Vanh-xi (Leonardo da Vinci, 1452 – 1519) và Mi-kem-lăng-giơ (Michelangelo, 1475 – 1564).

Lê-ô-na đơ Vanh-xi là họa sĩ, tác giả của những bức họa vẫn được coi là kiệt tác của nhân loại như: *Bức đa tài cuối cùng*, *La Gi-ô-công đơ* (L.a Joconde),...

Mi-kem-lăng-giơ, kiến trúc sư, nhà điêu khắc, hoạ sĩ. Những tác phẩm nổi tiếng của ông phải kể đến: Sự sáng tạo (trần nhà), nhà nguyện Xích-xtin (Sistine Chapel) ở Rô-ma (Rome), tượng Đa-vít (David, Người khổng lồ),...

Nền nghệ thuật tạo hình thời Phục hưng lấy con người làm chủ đề sáng tác. Người ta đã thoát khỏi những đường nét hạn chế, những bố cục nghiêm ngặt hay thiếu nhất, những màu sắc sặc sỡ hay ám đạm của nghệ thuật phong kiến.

(Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn hoá thế giới cổ trung đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2009, trang 1010)

Tượng Đa-vít (Người khổng lồ) của Mi-kem-lăng-giơ

22

Thời Phục hưng đã xuất hiện nhiều nhà khoa học dũng cảm chống lại những quan điểm sai lầm bảo thủ, góp phần thay đổi cách nhìn của con người thời bấy giờ về Trái Đất và vũ trụ, tiêu biểu như: N. Cô-péc-ních (N. Copernicus, 1473 – 1543), G. Bru-nô (G. Bruno, 1548 – 1600), G. Ga-li-lê (G. Galilei, 1564 – 1642).

Em có biết?

N. Cô-péc-ních là người đưa ra thuyết "Nhật tâm" (Mặt Trời là trung tâm vũ trụ). Sau này, trên mộ ông, người ta khắc dòng chữ "Người đã giữ cho Mặt Trời đứng yên và dẫy cho Trái Đất chuyển động".

3. Ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu

Phong trào Văn hoá Phục hưng là "một cuộc cách mạng tiến bộ, vĩ đại nhất mà loài người chưa từng thấy". Em có đồng ý với quan điểm này không? Vì sao?

Thông qua tác phẩm, các nhân vật hoá Phục hưng đã đề cao con người và tự do cá nhân, đề cao khoa học – kĩ thuật, phá vỡ sự thống trị tinh thần của nhà thờ Thiên Chúa giáo đối với dân chúng và đã phá chế độ phong kiến. Do đó, phong trào đã có tác động thay đổi nhận thức của con người thời bấy giờ, đặt cơ sở và mở đường cho sự phát triển của văn hoá Tây Âu trong những thế kỉ tiếp theo.

Từ trong phong trào Văn hoá Phục hưng đã xuất hiện những "con người khổng lồ" mà tác phẩm và tư tưởng của họ đã khai sáng châu Âu trung cổ và thay đổi lịch sử văn minh nhân loại.

Đánh giá về phong trào Văn hoá Phục hưng, Ăng-ghen viết: "Đó là một cuộc cách mạng tiến bộ, vĩ đại nhất mà loài người chưa từng thấy, một thời đại đẻn đẻn những con người khổng lồ về đà định và những con người khổng lồ, không lồ về tư tưởng, về nhiệt tình và về tính cách, không lồ về tài năng, về mặt và về sự hiểu biết sâu rộng của họ".

(Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn hoá thế giới cổ trung đại*, Sđd, trang 110 – 111)

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Nêu một số thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng theo mẫu bảng dưới đây:

Lĩnh vực	Văn học	Nghệ thuật	Khoa học – Kĩ thuật
Thành tựu	?	?	?

Vận dụng

2. Sưu tầm một số bức tranh nghệ thuật thời Phục hưng và viết vào khổ giấy thành một bộ sưu tập nhỏ. Ở mỗi bức tranh, hãy viết cho thích về nội dung của các phẩm.

23

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Nhân vật lịch sử

– Lê-ô-na đờ Vanh-xi (Leonardo da Vinci, 1452 – 1519)

Lê-ô-na đờ Vanh-xi là người có nhiều tài năng. Ông là kiến trúc sư, kĩ sư, hoạ sĩ, nhà điêu khắc và nhà khoa học. Ông đã có những bản phác hoạ về nhiều loài động, thực vật và nhiều bản vẽ chi tiết về máy bay, tàu ngầm. Những nghiên cứu về khoa học của đờ Vanh-xi (da Vinci) đã cải tiến chất lượng những tác phẩm hội hoạ của ông. Chẳng hạn, giải phẫu học đã giúp ông vẽ hình thể con người chân thực hơn; toán học được ứng dụng trong tổ chức không gian trong các bức tranh. Mọi người trên khắp thế giới vẫn không thôi ngạc nhiên về bức tranh tường *Bữa ăn tối cuối cùng* (*The Last Supper*). Tác phẩm hội hoạ nổi tiếng nhất của ông là bức chân dung tên *Mô-na Li-da* (*Mona Lisa*).

(Holt, Rinehart and Winston (2005), *Lịch sử Thế giới: Hành trình nhân loại*, Texas: Holt, Rinehart and Winston, trang 358)

– Mi-ken-lăng-giơ (Michelangelo, 1475 – 1564)

Mi-ken-lăng-giơ có tên đầy đủ là Michelangelo di Bounarroti Simoni, sinh tại Phi-ren-xê (Florence) nhưng sống và làm việc chủ yếu tại Rô-ma (Roma) và Bô-lô-na (Bologna). Mi-ken-lăng-giơ là tác giả của nhiều tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng trong lịch sử thế giới. Nhiều tác phẩm được ông tạo ra cho Giáo hội Công giáo Rô-ma. Các đức Giáo hoàng, Giám mục và nhiều chức sắc tôn giáo đã thuê Mi-ken-lăng-giơ trang hoàng cho nhà thờ bằng những bức tượng, tranh vẽ lộng lẫy của ông. Mi-ken-lăng-giơ đại diện cho tư tưởng của thời Phục hưng trong nhiều phương diện. Ông theo đuổi sự hoàn hảo trong công việc và chỉ cần ông tìm thấy một khiếm khuyết nhỏ, ông cho rằng tác phẩm đã bị huỷ hoại. Cuối cùng, chủ nghĩa hoàn hảo đã được đền đáp, những tác phẩm nghệ thuật của ông đã gây kinh ngạc cả trong giới nghệ sĩ đương thời lẫn công chúng ngày nay.

(Burstein, S.M & Shek, R (2006), *Lịch sử thế giới: Từ trung đại đến hiện đại*, NXB Holt, Rinehart and Winston, trang 311)

2. Một số bức tranh nổi tiếng nhất trong thời kì Phục hưng

– Mô-na Li-da của Lê-ô-na đờ Vanh-xi

Mô-na Li-da (*La Giô-công-đơ*) của danh hoạ Lê-ô-na đờ Vanh-xi là một trong những bức tranh nổi tiếng nhất trong lịch sử. Không thể phủ nhận, *Mô-na Li-da* là bức tranh được thảo luận nhiều nhất vì nụ cười bí ẩn: liệu nhân vật chính trong bức tranh có cười hay không?! Nét đặc sắc chính của bức tranh là đôi mắt được đờ Vanh-xi vẽ theo cách mà ngay cả khi bạn thay đổi góc nhìn, đôi mắt của Mô-na Li-da dường như vẫn đang dõi theo bạn. Bức tranh được vẽ bằng sơn dầu trên gỗ và hiện thuộc sở hữu của Chính phủ Pháp. *Mô-na Li-da* được trưng bày tại Lu-vrơ (Louvre), Pa-ri và thuộc về công chúng, nghĩa là sẽ không thể mua hoặc bán bức tranh này.

– *Sáng tạo A-đam* (*The Creation of Adam*) của Michelangelo Buonarroti

Sáng tạo A-đam được hoàn thành năm 1512, được vẽ trên trần nhà nguyện Xi-xtin (Sistine Chapel). Đây là một trong những tác phẩm mang tính biểu tượng của Mi-ken-lăng-giơ. Mặc dù đây là một trong những bức hoạ được phỏng lại nhiều nhất mọi thời đại nhưng về mức độ phổ biến thì chỉ đứng thứ hai, sau *Mô-na Li-da*. Tác phẩm là một biểu tượng của tính nhân văn khi vẽ tay của Thiên Chúa và A-đam sắp chạm được nhau.

Sáng tạo thế giới, một cảnh vẽ trên trần nhà nguyện Xi-xtin ở Rô-ma của Mi-ken-lăng-giơ

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

– Nguyên nhân của phong trào Cải cách tôn giáo.
– Nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo.
– Tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử đơn giản (tư liệu 5.2, 5.3 và "Em có biết") dưới sự hướng dẫn của GV để nhận thức một số vấn đề lịch sử liên hệ đến phong trào Cải cách tôn giáo.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

– Nêu và giải thích được nguyên nhân của phong trào Cải cách tôn giáo.
– Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo.
– Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

Sử dụng kiến thức lịch sử về phong trào Cải cách tôn giáo để tìm kiếm, chọn lọc thông tin, tư liệu về tiểu sử, tư tưởng của một trong những đại diện tiêu biểu của phong trào là Mác-tin Lu-thơ (Martin Luther, 1483 – 1546) (thể hiện qua phần Vận dụng).

4. Hình thành những phẩm chất

Nhân ái: Tôn trọng sự khác biệt trong quan điểm và niềm tin tôn giáo. Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

– *Gợi ý 1:* GV dùng phần dẫn nhập trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
– *Gợi ý 2:* GV tổ chức cho HS chia sẻ thông tin về đạo Tin Lành. Sau đó, đặt vấn đề: Đạo Tin Lành ra đời trong hoàn cảnh nào? Nội dung cơ bản của đạo Tin Lành là gì?

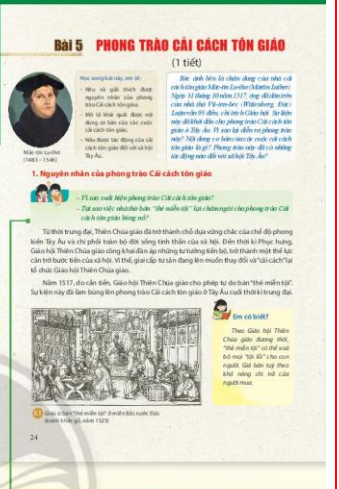

Bài 5 PHONG TRÀO CẢI CÁCH TÔN GIÁO

(1 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
– Nêu và giải thích được nguyên nhân của phong trào Cải cách tôn giáo.
– Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo.
– Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.

Bức tranh biếm họa châm chọc các nhà cải cách tôn giáo Mác-tin Lu-thơ (Martin Luther): Ngày 31 tháng 10 năm 1517, ông đã đóng trên cửa nhà thờ Vi-tơn-be (Wittenberg, Đức) 95 điều, chỉ trích Giáo hội. Sự kiện này đã khởi đầu cho phong trào Cải cách tôn giáo ở Tây Âu. Vì sao lại diễn ra phong trào này? Nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo là gì? Phong trào này đã có những tác động như thế nào với xã hội Tây Âu?

Mác-tin Lu-thơ (1483 – 1546)

1. Nguyên nhân của phong trào Cải cách tôn giáo

– *Vì sao xuất hiện phong trào Cải cách tôn giáo?*
– *Tại sao việc nhà thờ bán "tờ miễn tội" lại châm ngòi cho phong trào Cải cách tôn giáo bùng nổ?*

Từ thời trung đại, Thiên Chúa giáo đã trở thành chỗ dựa vững chắc của chế độ phong kiến Tây Âu và chi phối toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội. Đến thời kì Phục hưng, Giáo hội Thiên Chúa giáo công khai đàn áp những tư tưởng tiến bộ, trở thành một thế lực cản trở bước tiến của xã hội. Vì thế, giai cấp tư sản đang lên muốn thay đổi và "cải cách" lại tổ chức Giáo hội Thiên Chúa giáo.

Năm 1517, do cần tiền, Giáo hội Thiên Chúa giáo cho phép tự do bán "thế miễn tội". Sự kiện này đã làm bùng lên phong trào Cải cách tôn giáo ở Tây Âu cuối thời kì trung đại.

Giáo sĩ bán "thế miễn tội" ở nước Đức (tranh khắc gỗ, năm 1521)

Em có biết?

Theo Giáo hội Thiên Chúa giáo đương thời, "thế miễn tội" có thể xoá bỏ mọi "tội lỗi" cho con người. Giá bán tuỳ theo khả năng chi trả của người mua.

24

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động 1:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: GV tổ chức cho HS thảo luận để trả lời vấn đề: Vì sao xuất hiện phong trào Cải cách tôn giáo?

Nội dung trả lời có thể dựa trên thông tin của SGK và các trải nghiệm riêng của HS. Gợi ý phần trả lời sẽ phản ánh ý tưởng sau: *Giai cấp tư sản, dưới xung lực có được từ thời Phục hưng, muốn thay đổi, "cải cách" lại tổ chức Giáo hội vốn đang bị xem là thế lực cản bước tiến xã hội (vì đã công khai đàn áp những tư tưởng tiến bộ).*

Khi thảo luận và trả lời (nội dung này và tất cả các nội dung khác trong bài học này), GV và HS chú ý lựa chọn từ ngữ

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

2. Nội dung và tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu

– Nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo là gì? Theo em, tư liệu 5.2 và 5.3 để hiện nội dung nào của cải cách?
– Sự hội chiếu đã đề cố những thay đổi gì từ phong trào Cải cách tôn giáo?

Các nhà cải cách tôn giáo công khai phê phán những hành vi sai trái của Giáo hội Thiên Chúa giáo, chống lại việc Giáo hội tuỳ tiện giải thích Kinh Thánh. Họ cho rằng, chỉ cần đặt niềm tin vào Thiên Chúa và Kinh Thánh thì con người sẽ được cứu rỗi, không cần phải thông qua các giáo sĩ hay các nghi lễ phức tạp. Do vậy, họ phủ nhận vai trò Giáo hội Thiên Chúa giáo, Giáo hoàng và chủ trương không thờ tranh tượng, xây dựng một Giáo hội Thiên Chúa giáo đơn giản, tiện lợi và tiết kiệm thời gian.

Phong trào Cải cách tôn giáo đã dẫn đến sự phân chia Thiên Chúa giáo (Kí-tô giáo) thành hai giáo phái: Cựu giáo là Công giáo và Tân giáo là tôn giáo cải cách (Tin Lành, Anh giáo,...).

Các thế lực bảo thủ đã đàn áp những người theo Tân giáo dẫn đến tình trạng bất ổn trong xã hội Tây Âu thế kỉ XVI – XVII và châm ngòi cho cuộc chiến tranh nông dân ở Đức năm 1524. Đây là cuộc đấu tranh vũ trang đầu tiên của nông dân dưới ngọn cờ của tư sản chống phong kiến ở châu Âu.

Phong trào Cải cách tôn giáo cũng đã tác động đến hoạt động phát triển kinh tế của tư sản. Hầu hết các thành phố theo tôn giáo cải cách có nền kinh tế phát triển hơn so với các thành phố theo Công giáo.

Hình trong một nhà thờ Tin Lành (Lu-ông (Lyon), Pháp) thành lập đầu năm 1568

Em có biết?

Một tôn giáo nhỏ bị, phủ hợp với giai cấp tư sản, được thể hiện rõ rệt trong cách bài trí nhà thờ Tin Lành: không có tranh ảnh, tượng thờ. Chỉ ngồi bằng gỗ cứng. Thêm chỗ, bên cạnh bục giảng của mục sư còn treo chiếc đồng hồ cát để đếm thời gian thuyết giảng.

Đoạn thứ 43 trong Luận văn 95 điều của Lu-thơ "Các giáo dân được dạy rằng: Giúp đỡ kẻ nghèo khó là việc còn tốt hơn nhiều so với mua phiếu giải tội".

(Bob arten, S.M và Séc, R. Buerstein, S.M and Shuk, R.), Lịch sử thế giới: Từ trung đại đến hiện đại (World History: Medieval to Early Modern Times), NXB Hàu, 2006, trang 331)

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Tại sao nói cải cách tôn giáo là một phong trào chống lại chế độ phong kiến Tây Âu?

Vận dụng

2. Sưu tầm tư liệu về Mác-tin Lu-thơ và tư tưởng cải cách của ông.

25

phù hợp, tránh tạo ra những hiểu lầm, thương tổn về tôn giáo.

Hoạt động 2:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

GV mời HS đọc các thông tin trong SGK: Năm 1517,… và khung "Em có biết", sau đó, tổ chức cho HS thảo luận: *Tại sao việc nhà thờ bán "thẻ miễn tội" lại châm ngòi cho phong trào Cải cách tôn giáo bùng nổ?*

Gợi ý trả lời: Hành động nhà thờ bán *"thẻ miễn tội"* đơn thuần là để có tiền chứ không phải không phải từ niềm tin tôn giáo nên đã bị phản đối.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động 1:

- **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** GV hướng dẫn HS khai thác tư liệu 5.2 để nhận thức một khía cạnh trong chủ trương tổ chức Giáo hội của phong trào Cải cách tôn giáo; khai thác tư liệu 5.3 để nhận thức một nội dung trong tư tưởng của những nhà cải cách tôn giáo (mà trong trường hợp tư liệu 5.3 là M. Lu-thơ).
- **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** GV cần hướng dẫn để HS nhận thức được hai nội dung chính của phong trào cải cách tôn giáo là: (1) Cải cách tư tưởng, quan điểm về niềm tin vào Thiên Chúa; (2) Cải cách trong tổ chức Giáo hội.
- Sau khi xác định được hai nội dung khái quát vừa nêu, GV hướng dẫn HS chọn lọc thông tin từ SGK kết hợp với thông tin từ tư liệu 5.2 và tư liệu 5.3 để cung cấp các dẫn chứng cụ thể.

Hoạt động 2:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

Cần làm rõ được những thay đổi của xã hội châu Âu dưới tác động của phong trào Cải cách tôn giáo: *(1) Tôn giáo mới; (2) Chiến tranh nông dân ở Đức (1524); (3) Phát triển kinh tế*. Trong đó, GV chú ý có hai tác động quan trọng hơn. *Thứ nhất* là sự xuất hiện của tôn giáo mới và tình trạng phân chia Thiên Chúa giáo (Kí-tô giáo) thành hai phái (Cựu giáo/ Công giáo và Tân giáo/ tôn giáo cải cách (Tin Lành, Anh giáo,...)) vì những điều vừa kể vẫn còn tồn tại trong xã hội hiện nay. *Thứ hai* là phong trào cải cách tôn giáo cũng tác động thuận lợi đến hoạt động phát triển kinh tế tư bản vì nhận thức này là tiền đề lí giải một số vấn đề trong nội dung của chương trình Lịch sử 8.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

2. Nội dung và tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu

– Nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo là gì? Theo em, tư liệu 5.2 và 5.3 thể hiện nội dung nào của cải cách?
– Xã hội châu Âu đã có những thay đổi gì từ phong trào Cải cách tôn giáo?

Các nhà cải cách tôn giáo công khai phê phán những hành vi sai trái của Giáo hội Thiên Chúa giáo, chống lại việc Giáo hội tuỳ tiện giải thích Kinh Thánh. Họ cho rằng, chỉ cần đặt niềm tin vào Thiên Chúa và Kinh Thánh thì con người sẽ được cứu rỗi, không cần phải thông qua các giáo sĩ hay các nghi lễ phức tạp. Do vậy họ phủ nhận vai trò Giáo hội Thiên Chúa giáo, Giáo hoàng và chủ trương không thờ tranh tượng, xây dựng một Giáo hội Thiên Chúa giáo đơn giản, tiện lợi và tiết kiệm thời gian.

Phong trào Cải cách tôn giáo đã dẫn đến sự phân chia Thiên Chúa giáo (Bồ Đ giáo) thành hai giáo phái: Cựu giáo là Công giáo và Tân giáo là tôn giáo cải cách (Tin Lành, Anh giáo,...).

Các thế lực bảo thủ đã đàn áp những người theo Tân giáo dẫn đến tình trạng bất ổn trong xã hội Tây Âu thế kỉ XVI – XVII và châm ngòi cho cuộc chiến tranh nông dân ở Đức năm 1524. Đây là cuộc đấu tranh vũ trang đầu tiên của nông dân dưới ngọn cờ của tư sản chống phong kiến ở châu Âu.

Phong trào Cải cách tôn giáo cũng đã tác động đến hoạt động phát triển kinh tế của tư sản. Hầu hết các thành phố theo tôn giáo cải cách có nền kinh tế phát triển hơn so với các thành phố theo Công giáo.

Bên trong một nhà thờ Tin Lành ở Lübeck (Lübeck), Pháp thành lập năm 1806

Em có biết?

Một tôn giáo tiến bộ, phù hợp với giai cấp tư sản, được thể hiện rõ nét trong cách bài trí nhà thờ Tin Lành: không có tranh ảnh, tượng thờ. Chỉ ngồi bằng gỗ cứng. Thậm chí, bên cạnh bục giảng của mục sư còn treo chiếc đồng hồ cát để đếm thời gian thuyết giảng.

Điều thứ 43 trong Luận văn 95 điều của Lu-thơ: "Các giáo dân được dạy rằng: Giáp đã kẻ nghèo khó là việc còn tốt hơn nhiều so với mua phép giải tội".

(Bớt-xten, S.M và Sác, R. (Barstein, S.M and Sherk, R.), *Lịch sử thế giới: Từ trung đại đến hiện đại (World History: Medieval to Early Modern Times)*, NXB Hàn, 2006, trang 331)

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Tại sao nói cải cách tôn giáo là một phong trào chống lại chế độ phong kiến Tây Âu?

Vận dụng

2. Sưu tầm tư liệu về Mác-tin Lu-thơ và tư tưởng cải cách của ông

25

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** GV tổ chức cho HS thảo luận: *Tại sao cải cách tôn giáo là một phong trào chống lại chế độ phong kiến Tây Âu?*

Gợi ý trả lời:

GV lưu ý về: *1. Vị trí của Giáo hội Rô-ma là chỗ dựa vững chắc của chế độ phong kiến Tây Âu và chi phối toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội; 2. Giáo hội đã công khai đàn áp những tư tưởng tiến bộ trong thời Phục hưng, vốn đang được giai cấp tư sản đang lên ủng hộ và bảo trợ; 3. [Liên kết với bài 4] Giai cấp tư sản giàu có, vừa có thế lực nhưng lại chưa có địa vị xã hội tương xứng nên muốn thay đổi và "cải cách" lại tổ chức Giáo hội vừa tiến thêm một bước trong khẳng định vị thế trong địa hạt tư tưởng vừa tạo ra nếp thực hành tín ngưỡng mới phù hợp với hoạt động phát triển kinh tế của tư sản.*

Như vậy, **từ quan điểm duy vật lịch sử**, cải cách tôn giáo là cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến Tây Âu mà đối tượng trực tiếp của cuộc tấn công là Giáo hội Rô-ma – chỗ dựa của chế độ phong kiến.

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời: GV cung cấp cho HS từ khoá để tìm kiếm trên internet. Từ khoá có thể là: Mác-tin Lu-thơ (Martin Luther), Luận văn 95 điều (hay The 95 The-ses),...

Các tư liệu sưu tầm có thể bao gồm: tiểu sử của Mác-tin Lu-thơ, nội dung các tác phẩm nổi tiếng của Mác-tin Lu-thơ, các bài báo, mẩu chuyện,... về Mác-tin Lu-thơ.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Nhân vật lịch sử

Mác-tin Lu-thơ (1483 – 1546)

Mác-tin Lu-thơ được cho là người khởi sự phong trào Cải cách tôn giáo nhưng ông chưa từng có ý muốn li khai khỏi Giáo hội Công giáo (tại Rô-ma). Ông chỉ muốn sửa chữa những điều ông cho sai lầm của nhà thờ. Sau khi bị vạ tuyệt thông, Lu-thơ bắt đầu ngày càng rời xa giáo lí nhà thờ. Chẳng hạn, dù Giáo hội Công giáo Rô-ma không cho phép giáo sĩ kết hôn, năm 1525, ông đã lập gia đình với Ca-thơ-rin (Katherine) (Katharina von Bora), người từng là nữ tu. Tuy nhiên, khi về già, Lu-thơ hối hận vì những hành động của ông đã gây ra sự chia rẽ trong Giáo hội.

(Burstein, S.M & Shek, R (2006), *Lịch sử thế giới: Từ trung đại đến hiện đại*, NXB Holt, Rinehart and Winston, trang 330)

2. Thuật ngữ lịch sử

Phúc Âm và Tin Lành

Phúc: điều lành; Âm: tin báo. Phúc Âm: tin lành.

Phúc Âm có gốc là tiếng Hy Lạp, còn được gọi là Tin Mừng.

a. Trong Cựu Ước, danh từ Phúc Âm lúc đầu được dùng theo nghĩa bình thường là *phần thưởng* dành cho người đưa tin về một cuộc chiến thắng trên kẻ thù hay là chính *việc đưa tin đó*. Về sau động từ *"loan báo Phúc Âm"* được dùng theo nghĩa tôn giáo: đó là loan báo phúc cứu độ Thiên Chúa ban vào thời cánh chung.

b. *Phúc Âm* còn là lời rao giảng của các Tông đồ liên hệ đến cuộc đời và lời giảng dạy của Chúa Giê-su (Jesus).

c. *Phúc Âm* cũng chỉ bốn quyển sách đầu tiên trong bộ Thánh Kinh Tân Ước do bốn tác giả Matthêu, Maccô, Luca và Gioan ghi chép lại cuộc đời và lời giảng dạy của Chúa Giê-su.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Những nét chính về tiến trình lịch sử Trung Quốc từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX.
- Những đóng góp nổi bật của 3 triều đại tiêu biểu ở Trung Quốc thời kì này: nhà Đường, nhà Minh và nhà Thanh.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Giải mã được các tư liệu lịch sử (kênh chữ và kênh hình) có trong bài học.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

- Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).
- Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.
- Mô tả được sự phát triển kinh tế dưới thời Minh – Thanh.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

Vận dụng kiến thức đã học, liên hệ với thực tiễn lịch sử, phát triển kĩ năng sưu tầm tài liệu, thông tin để giải quyết câu hỏi 3 trong nội dung Luyện tập – Vận dụng "mô tả về nghề sản xuất gốm sứ nổi tiếng ở trấn Cảnh Đức".

4. Hình thành những phẩm chất

- Giáo dục phẩm chất nhân ái, căm ghét cái xấu, lên án chiến tranh phi nghĩa.

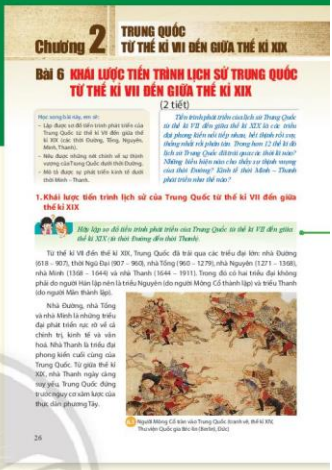

Chương 2 TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Bài 6 KHÁI LƯỢC TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

(2 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
- Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).
- Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.
- Mô tả được sự phát triển kinh tế dưới thời Minh – Thanh.

Tiến trình phát triển của lịch sử Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX là các triều đại phong kiến nối tiếp nhau, bởi thành rồi con, thống nhất rồi phân tán. Trong hơn 12 thế kỉ đó lịch sử Trung Quốc đã trải qua các thời kì nào? Những biểu hiện nào cho thấy sự thịnh vượng của thời Đường? Kinh tế thời Minh – Thanh phát triển như thế nào?

1. Khái lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX

Hãy lập sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (từ thời Đường đến thời Thanh).

Từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX, Trung Quốc đã trải qua các triều đại lớn: nhà Đường (618 - 907), thời Ngũ Đại (907 - 960), nhà Tống (960 - 1279), nhà Nguyên (1271 - 1368), nhà Minh (1368 - 1644) và nhà Thanh (1644 - 1911). Trong đó có hai triều đại không phải do người Hán lập nên là triều Nguyên (do người Mông Cổ thành lập) và triều Thanh (do người Mãn thành lập).

Nhà Đường, nhà Tống và nhà Minh là những triều đại phát triển rực rỡ về cả chính trị, kinh tế và văn hoá. Nhà Thanh là triều đại phong kiến cuối cùng của Trung Quốc. Từ giữa thế kỉ XIX, nhà Thanh ngày càng suy yếu, Trung Quốc đứng trước nguy cơ xâm lược của thực dân phương Tây.

Người Mông Cổ trên ngựa (Trung Quốc thành viễn, thế kỉ XIX, Thư viện Quốc gia Bắc Kinh (Bắc Kinh), Đức)

26

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

Có thể dùng nhiều cách để khởi động bài học (dùng phần dẫn nhập để dẫn dắt HS vào bài học, yêu cầu HS đọc, trả lời các câu hỏi liên quan đến phần dẫn nhập; hoặc giải ô chữ về những từ khoá cơ bản liên quan đến bài học trước; hoặc dùng bảng hỏi KWL; hoặc sử dụng trò chơi "Ô cửa bí mật",…)

Đây là 1 gợi ý về khởi động:

Hãy viết một điều em biết liên quan đến những từ, cụm từ về Trung Quốc thời phong kiến dưới đây:

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động 1:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: HS nắm được các triều đại cơ bản, thời gian tồn tại của từng triều đại. GV mở rộng thêm bằng các câu hỏi để cho HS nắm vững kiến thức: *Thời kì này gắn liền với những triều đại nào? Có mấy triều đại ngoại tộc? Vì sao gọi là triều đại ngoại tộc?...*

Trên cơ sở các sơ đồ đường thời gian đã được học ở lớp 6, GV tổ chức cho HS lập sơ đồ về tiến trình lịch sử Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX trên cơ sở thông tin được cung cấp trong SGK.

Lưu ý: Phát huy tính sáng tạo của HS: các em có thể vẽ sơ đồ theo trục thẳng đứng, hay trục nằm ngang, miễn là đúng thứ tự triều đại và thời gian tồn tại (HS có thể vẽ thêm minh hoạ cho từng triều đại).

Mẫu gợi ý:

Trên cơ sở sự trả lời của HS, dẫn dắt các em vào bài học.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động 1:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

- HS nắm được nội hàm khái niệm "thịnh vượng", nêu được biểu hiện thịnh vượng về cả chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội.
- Trước hết, GV giải thích khái niệm "thịnh vượng": *là quốc gia có kinh tế, văn hoá phát triển, chính trị lành mạnh và xã hội yên ổn.*
- Biểu hiện thịnh vượng: Chính trị (*bộ máy nhà nước được củng cố và hoàn thiện, quan lại hầu hết tuyển chọn qua thi cử, có thực tài; lãnh thổ mở rộng gần gấp đôi thời nhà Hán);* Kinh tế *(nông nghiệp; thủ công nghiệp và thương nghiệp đều phát triển, liên tiếp nhiều năm được mùa lớn);* Xã hội ổn định, không trộm cắp, giết người *(cổng ngoài mấy tháng không đóng).*

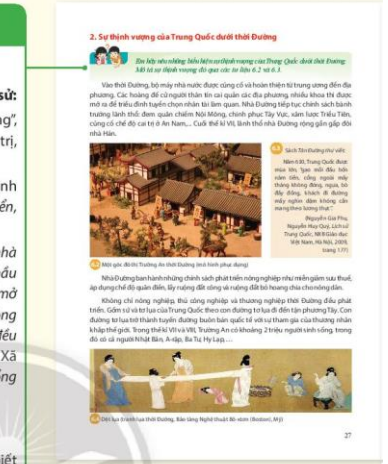

2. Sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường

Em hãy nêu những biểu hiện sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường. Mô tả sự thịnh vượng đó qua các tư liệu 6.2 và 6.3.

Vào thời Đường, bộ máy nhà nước được củng cố và hoàn thiện từ trung ương đến địa phương. Các hoàng đế cử người thân tín cai quản các địa phương, nhiều khoa thi được mở ra để triều đình tuyển chọn nhân tài làm quan. Nhà Đường tiếp tục chính sách bành trướng lãnh thổ đem quân chiếm Nội Mông, chinh phục Tây Vực, xâm lược Triều Tiên, củng cố chế độ cai trị ở An Nam,... Cuối thế kỉ VII, lãnh thổ nhà Đường rộng gần gấp đôi nhà Hán.

Một góc đô thị Trường An thời Đường (mô hình phục dựng)

Sách Tân Đường thư viết:

Năm 630, Trung Quốc được mùa lớn. Tục mỗi đầu hồi năm tiến, cống ngoài mấy tháng không đóng, ngựa, bò đầy đồng, khách đi đường mấy ngàn dặm không cần mang theo lương thực".

(Nguyễn Gia Phu, Nguyễn Huy Quý, Lịch sử Trung Quốc, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009, tr.177)

Nhà Đường ban hành những chính sách phát triển nông nghiệp như miễn giảm sưu thuế, áp dụng chế độ quân điền, lấy ruộng đất công và ruộng đất bỏ hoang chia cho nông dân.

Không chỉ nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Đường đều phát triển. Gốm sứ và tơ lụa của Trung Quốc theo con đường tơ lụa đi đến tận phương Tây. Con đường tơ lụa trở thành tuyến đường buôn bán quốc tế với sự tham gia của thương nhân khắp thế giới. Trong thế kỉ VII và VIII, Trường An có khoảng 2 triệu người sinh sống, trong đó có cả người Nhật Bản, Ả-rập, Ba Tư, Hy Lạp,...

Dòng họ Đường tựa thời Đường, Bảo tàng Nghệ thuật Bô-xtơn (Boston), Mỹ)

27

Hoạt động 2:

- **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** HS biết khai thác mô hình phục dựng 6.2 và đọc hiểu tư liệu 6.3 để mô tả biểu hiện của sự thịnh vượng về kinh tế và xã hội.
- **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Rút ra được nhận xét:

  GV đặt câu hỏi cho HS quan sát và trả lời: Hãy mô tả những gì em thấy trong bức hình? *(Nhà cửa san sát với những cửa hàng bán các sản phẩm khác nhau; người trong chợ đi lại tấp nập, có những con ngựa thồ hàng, có cả những con lạc đà. Nhiều cửa hàng bày hàng ra tận cửa để bán,…).*

  Em có nhận xét gì về những điều quan sát được? *(Cho thấy Trường An thời bấy giờ thật sự rất phát triển, đúng là trung tâm buôn bán, giao thương lớn nhất, nơi khởi đầu của con đường tơ lụa; không chỉ buôn bán với thương nhân trong nước mà cả với thương nhân nước ngoài (việc xuất hiện những con lạc đà thồ hàng; những người mua bán mặc trang phục không phải của người Trung Quốc,…)*

  (GV có thể mở rộng, nói thêm về bảo tàng chợ Tây Trường An – xem ở phần tư liệu)

  GV đặt câu hỏi khi cho HS đọc tư liệu 6.3: cụm từ nào cho thấy nông nghiệp được mùa lớn *(gạo mỗi đấu bốn năm tiến, khách đi đường mấy nghìn dặm không cần mang theo lương thực);* cụm từ nào cho thấy chăn nuôi cũng phát triển *(ngựa, bò đầy đồng);* cụm từ nào cho thấy xã hội yên bình, dân cư sống yên ổn *(cổng ngoài mấy tháng không đóng).*

  Rút ra kết luận: *Buổi đầu thời Đường (thế kỉ VII – VIII), Trung Quốc thật sự là một quốc gia thịnh vượng.*

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

3. Sự phát triển kinh tế thời Minh – Thanh

Em hãy nêu tóm tắt những biểu hiện của sự phát triển kinh tế thời thời Minh – Thanh. Từ đó, hãy rút ra nhận xét của em về hoạt động thương mại ở Trung Quốc thời Thanh?

Năm 1368, Chu Nguyên Chương lật đổ nhà Nguyên, lên ngôi hoàng đế, lập ra triều Minh. Ba thế kỉ sau, lợi dụng tình hình bất ổn cuối thời Minh, người Mãn từ phía Đông Bắc tràn xuống, chiếm toàn bộ Trung Quốc, lập ra triều Thanh (1644).

Thời kì Minh – Thanh, sản xuất nông nghiệp gia tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Các vua đầu triều Minh, Thanh thường giảm thuế khoá, chia ruộng đất cho nông dân đồng thời chú trọng công tác thuỷ lợi. Ngoài ra, việc áp dụng luân canh cây trồng, nhập nhiều giống cây trồng mới, xây dựng nhiều đồn điền chuyên canh trồng ngũ cốc hoặc chè, bông,... đã góp phần cho sự phát triển của nông nghiệp.

Em có biết?

Thế kỉ XV, thông qua các thương nhân Hồi Giáo Nhà Minh đã du nhập nhiều giống cây trồng mới (khoai lang, ngô, lạc, lúa mì,...). Khoai lang đã nhanh chóng trở thành lương thực chính của nhiều tỉnh phía nông dân Trung Quốc.

Đồ gốm men xanh Cảnh Đức (Giang Tây) thời nhà Minh (Bảo tàng Anh, Luân Đôn)

Thủ công nghiệp thời Minh – Thanh phát triển đa dạng. Những nghề thủ công nổi tiếng nhất của Trung Quốc thời kì này là nghề dệt tơ lụa, làm đồ sứ, đóng thuyền, làm giấy,... Các xưởng thủ công xuất hiện khắp nơi, phần lớn tập trung ở thành thị. Đến thời nhà Thanh đã hình thành nên những khu vực chuyên môn hoá sản xuất, đông đảo người làm thuê như nghề làm đồ sứ ở Cảnh Đức (Giang Tây), dệt ở Tô Châu,...

28

Hoạt động buôn bán trong và ngoài nước phát triển mạnh. Quảng Châu trở thành thương cảng lớn nhất thu hút nhiều thương nhân nước ngoài đến buôn bán. Thương nhân Trung Quốc đem hàng hoá, trao đổi buôn bán với thế giới, tập trung nhiều ở Ấn Độ, Ba Tư, Á-rập và các nước Đông Nam Á.

Buôn bán trên sông thời vua Càn Long (tranh giấy cuộn, thế kỉ XVIII, Bảo tàng Lịch Minh, Trung Quốc)

Tuy nhiên, từ cuối triều Minh, nhà nước bắt đầu áp dụng chính sách hạn chế ngoại thương, thậm chí cấm buôn bán bằng đường biển. Đến thời nhà Thanh, sự cấm đoán càng ngặt nghèo hơn. Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện nhưng không phát triển được.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Tại sao nói thời Đường là thời kì thịnh vượng của phong kiến Trung Quốc?

2. Hãy hoàn thành bảng thống kê về sự phát triển kinh tế thời Đường và thời Minh – Thanh theo mẫu dưới đây. Điểm khác biệt nổi bật nhất của kinh tế thời Minh – Thanh so với thời Đường là gì?

Lĩnh vực	Thời Đường	Thời Minh – Thanh
Nông nghiệp	?	?
Thủ công nghiệp	?	?
Thương nghiệp	?	?

Vận dụng

3. Thời Minh – Thanh, triều Cảnh Đức (Giang Tây) trở thành kinh đô đồ sứ của Trung Quốc. Em hãy sưu tầm tư liệu (trên sách báo, internet, với 1 bài khoảng 15 dòng, giới thiệu về nghề làm đồ sứ ở Cảnh Đức.

(Gợi ý tham khảo trang web: https://nghethuatvua.com/lich-su-phat-trien-va-quy-trinh-san-xuat-do-su-canh-duc-trung/.

29

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** HS phải mô tả được những biểu hiện sự phát triển kinh tế thời Minh – Thanh trên cả 3 lĩnh vực: nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp. Đưa ra các câu hỏi gợi ý: Biểu hiện sự phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp như thế nào? Nguyên nhân nào đưa đến sự phát triển đó?

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** HS khai thác được tư liệu 6.6 để mô tả, làm rõ sự phát triển kinh tế thời Thanh.

GV đặt các câu hỏi để HS mô tả những gì quan sát được: Em thấy những gì trong bức tranh? (*Dưới sông: hàng trăm thuyền lớn nhỏ, qua lại tấp nập kẹt cả một khúc sông, những người chèo thuyền dáng vẻ tất bật. Trên bờ: nhà cửa, cửa hàng khang trang, san sát,...*). Theo em, bức tranh cho biết điều gì? (*Cho thấy hoạt động nội thương thời Càn Long rất phát triển, mọi người được tự do đi lại, kinh doanh, buôn bán,...*)

Lưu ý cần nhấn mạnh: Từ cuối thời Minh trở đi, chỉ có nội thương tiếp tục phát triển, nhà nước ngày càng quản lí chặt chẽ các hoạt động buôn bán với bên ngoài.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời: Hướng dẫn HS từ những biểu hiện sự thịnh vượng ở thời Đường, phải giải thích được vì sao thời Đường là thời kì thịnh vượng của phong kiến Trung Quốc. (*Đó là do các chính sách, biện pháp tiến bộ của các vua đầu triều Đường (đặc biệt là Đường Thái Tông) nên chính trị ổn định, kinh tế phát triển, văn hoá khởi sắc, xã hội yên vui*).

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (tt)

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời: Dựa trên các thông tin đã được cung cấp trong bài, lập bảng so sánh. (Lưu ý: HS không được viết vào sách).

Lĩnh vực	Thời Đường	Thời Minh – Thanh
Nông nghiệp	Miễn giảm sưu thuế, thực hiện chế độ quân điền → Nông nghiệp liên tiếp được mùa.	Nhà nước không chỉ giảm sưu thuế, thực hiện quân điền mà còn chú trọng thuỷ lợi, nhập nhiều giống cây trồng mới, xây dựng nhiều đồn điền → Nông nghiệp phát triển mạnh cả về diện tích, năng suất và sản lượng.
Thủ công nghiệp	Nghề làm gốm sứ và sản xuất tơ lụa rất phát triển.	Thủ công nghiệp đa dạng nhiều ngành nghề, bắt đầu có sự chuyên môn hoá, tập trung đông người làm thuê.
Thương nghiệp	– Nội thương và ngoại thương đều phát đạt. – Con đường Tơ lụa trở thành tuyến đường buôn bán quốc tế.	– Nội thương và ngoại thương phát triển mạnh, đặc biệt thời nhà Minh và đầu thời nhà Thanh. – Hình thành và phát triển con đường Tơ lụa trên biển.

– Điểm khác biệt nổi bật nhất về kinh tế ở thời Minh – Thanh so với thời Đường là đã xuất hiện mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa (nổi bật nhất thể hiện trong các xưởng thủ công được chuyên môn hoá cao, thuê lượng nhân công lớn)

– **Câu 3.** Gợi ý trả lời: Trên cơ sở tham khảo trang web đã cho và 1 vài trang web khác như: https://songnguhoathaotra.com/su-linh-lung-canh-duc-tran/; https://www.vietnamplus.vn/kham-pha-nghe-thuat-san-xuat-gom-su-doc-dao-cua-trung-quoc/574443.vnp

GV hướng dẫn HS về nhà làm câu này vào vở bài tập, viết về nghề sứ ở Cảnh Đức theo đề cương:

1. Lịch sử hình thành và phát triển của nghề gốm sứ ở Cảnh Đức;

2. Những đặc điểm nổi bật của sứ Cảnh Đức;

3. Nghề sứ ở Cảnh Đức hiện nay.

(GV có thể khuyến khích HS trình bày bài của mình dạng PowerPoint, hoặc làm video).

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Chợ Tây Trường An

Tư liệu 6.2 trong bài là mô hình phục dựng 1 góc chợ Tây Trường An (1 trong 2 chợ lớn nhất ở Trung Quốc dưới thời Đường). Mô hình này nằm trong bảo tàng chợ Tây Trường An – một bảo tàng tư nhân được xây dựng trên nền địa điểm ban đầu của khu chợ cổ. Với diện tích trưng bày khoảng 8 000 m^2, bảo tàng có rất nhiều di vật văn hoá được khai quật từ khu chợ cổ, phản ánh sự buôn bán tấp nập, sự bùng nổ giao thương với nước ngoài trong thời nhà Đường và sự phát triển của con đường Tơ lụa. Trong số các đồ vật trưng bày, có nhiều đồ gốm, đồ đồng, các sản phẩm lụa và tiền cổ.

2. Trấn Cảnh Đức – kinh đô đồ sứ của Trung Quốc

Trấn Cảnh Đức nằm ở phía đông bắc tỉnh Giang Tây, giáp Chiết Giang, An Huy (Trung Quốc) là một nơi có lịch sử văn hoá lâu đời và ngày nay là một trong những địa điểm thu hút du lịch hàng đầu của Trung Quốc. Gốm sứ ở đây có lịch sử hơn 1 700 năm, Đồ sứ của trấn Cảnh Đức thường có chất lượng tốt, tạo hình tinh xảo, hoa văn trang trí đa dạng, chủng loại phong phú, phong cách độc đáo, trong đó nổi bật là sứ trắng với hơn 3 000 sản phẩm tuyệt mĩ, được ví là: "trắng như ngọc, sáng như gương, mỏng như giấy và vang như chuông". Ngày nay, gốm cổ nguồn gốc trấn Cảnh Đức vẫn được các nhà sưu tầm trên thế giới săn lùng. Năm 2016, một chiếc bình rồng sứ trắng xanh thời Minh đã bán được khoảng 18 triệu đô-la Mỹ tại Hồng Công.

Kĩ thuật sản xuất gốm ở trấn Cảnh Đức đã được Trung Quốc xếp hạng là Di sản phi vật thể quốc gia và đã được lập hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận là Di sản thế giới.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Những thành tựu tiêu biểu của văn hoá Trung Quốc trong thời kì phong kiến.
- Nhận xét về những thành tựu đó.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Giải mã các tư liệu lịch sử có trong các tư liệu 7.1, 7.2, 7.3 và trong mục "Em có biết" dưới sự hướng dẫn của GV để nắm bắt được những nội dung cơ bản về thành tựu tiêu biểu của văn hoá Trung Quốc.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

- Giới thiệu được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...).
- Nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

- Giải thích được vì sao Nho giáo lại trở thành hệ tư tưởng và đạo đức của giai cấp phong kiến Trung Quốc?
- Biết sưu tầm, chọn lọc tư liệu, khai thác thông tin để giới thiệu về một công trình kiến trúc tiêu biểu của Trung Quốc thời phong kiến mà HS yêu thích.

4. Hình thành những phẩm chất

- Giáo dục phẩm chất nhân ái, tôn trọng sự khác biệt về văn hoá, yêu thiên nhiên, yêu di sản.
- Củng cố năng lực giao tiếp, hợp tác trong các hoạt động nhóm.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

Có thể dùng nhiều cách để khởi động bài học (dùng phần dẫn nhập để dẫn dắt HS vào bài học, yêu cầu HS đọc, trả lời các câu hỏi liên quan đến phần dẫn nhập; hoặc giải ô chữ về những từ khoá cơ bản liên quan đến bài học trước; hoặc trò chơi "Ô cửa bí mật",...) hoặc GV mở nhạc phim Tây Du Ký: "Đường chúng ta đi" (Cảm vấn lộ tại hà phương), từ đó dẫn dắt vào bài học.

Bài 7 CÁC THÀNH TỰU VĂN HOÁ CHỦ YẾU CỦA TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

(2 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
- Giới thiệu được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...).
- Nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.

Trên nền tảng những thành tựu rực rỡ của văn hoá thời cổ đại, từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX, văn hoá Trung Quốc tiếp tục phát triển và đạt đến đỉnh cao trên nhiều lĩnh vực. Vậy đó là những thành tựu gì? Trên những lĩnh vực nào? Thành tựu nào có ảnh hưởng tới sự phát triển của nền minh nhân loại?

1. Nho giáo

Nhà những nội dung cơ bản của Nho giáo. Vì sao Nho giáo lại trở thành hệ tư tưởng và đạo đức của giai cấp phong kiến Trung Quốc?

Từ thời Hán, Nho giáo đã trở thành hệ tư tưởng và đạo đức của giai cấp phong kiến. Nho giáo chủ trương dùng đạo đức để cai trị và duy trì tôn ti trật tự xã hội. Từ thời Đường trở đi, việc tổ chức các khoa thi tuyển chọn quan lại đều lấy nội dung trong các sách của Nho giáo làm đề thi. Vì thế của Nho giáo ngày càng được củng cố vững chắc trong xã hội Trung Quốc.

Khổng Tử và các học trò (tranh lụa thời Tống, thế kỉ XII)

Em có biết?

Nho giáo chủ trương duy trì kỉ cương xã hội trên cơ sở phải tuân theo Tam cương, tức là các mối quan hệ cơ bản: vua – tôi, cha – con, chồng – vợ. Ngũ thường là 5 đức tính của người quân tử: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Phụ nữ phải tuân theo Tam tòng: tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử và Tứ đức: tư công, dung, ngôn, hạnh.

10

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** Khai thác và sử dụng được thông tin trong bài, trong mục "Em có biết", quan sát và mô tả những điều trông thấy trong bức tranh 7.1. Từ đó, rút ra kết luận.

(Gợi ý nội dung cơ bản: *Nho giáo chủ trương dùng đạo đức để cai trị và duy trì tôn ti trật tự xã hội trên cơ sở Tam cương, Ngũ thường, Tam tòng, Tứ đức.*)

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** HS phải nêu được: Nho giáo trở thành hệ tư tưởng và đạo đức của giai cấp phong kiến Trung Quốc bởi *nó giúp ổn định trật tự xã hội trên cơ sở những nguyên tắc mà bắt buộc mọi tầng lớp trong xã hội phải tuân theo,…*

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

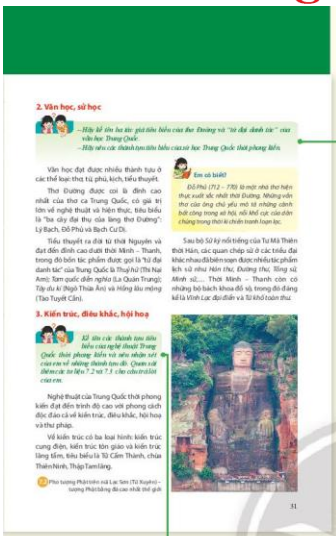

2. Văn học, sử học

– Hãy kể tên ba tác giả tiêu biểu của thơ Đường và "tứ đại danh tác" của văn học Trung Quốc.
– Hãy nêu các thành tựu tiêu biểu của sử học Trung Quốc thời phong kiến.

Văn học đạt được nhiều thành tựu ở các thể loại thơ, từ, phú, kịch, tiểu thuyết.

Thơ Đường được coi là đỉnh cao nhất của thơ ca Trung Quốc, có giá trị lớn về nghệ thuật và hiện thực, tiêu biểu là "ba cây đại thụ của làng thơ Đường": Lý Bạch, Đỗ Phủ và Bạch Cư Dị.

Tiểu thuyết ra đời từ thời Nguyên và đạt đến đỉnh cao dưới thời Minh – Thanh, trong đó bốn tác phẩm được gọi là "tứ đại danh tác" của Trung Quốc là *Thuỷ hử* (Thi Nại Am); *Tam quốc diễn nghĩa* (La Quán Trung); *Tây du kí* (Ngô Thừa Ân) và *Hồng lâu mộng* (Tào Tuyết Cần).

Em có biết!

Đỗ Phủ (712 – 770) là một nhà thơ hiện thực xuất sắc nhất thời Đường. Những vần thơ của ông phản ánh sâu sắc những cảnh bất công trong xã hội, nỗi khổ cực của dân chúng trong thời kì chiến tranh loạn lạc.

Sau bộ *Sử kí* nổi tiếng của Tư Mã Thiên thời Hán, các quan chép sử ở các triều đại khác nhau đã biên soạn được nhiều tác phẩm lịch sử như *Hán thư*, *Đường thư*, *Tống sử*, *Minh sử*,... Thời Minh – Thanh còn có những bộ bách khoa đồ sộ, trong đó đáng kể là *Vĩnh Lạc đại điển* và *Tứ khố toàn thư*.

3. Kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ

Kể tên các thành tựu tiêu biểu của nghệ thuật Trung Quốc thời phong kiến và nêu nhận xét của em về những thành tựu đó. Quan sát thêm các tư liệu 7.2 và 7.3 cho câu trả lời của em.

Nghệ thuật của Trung Quốc thời phong kiến đạt đến trình độ cao với phong cách độc đáo cả về kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ và thư pháp.

Về kiến trúc có ba loại hình: kiến trúc cung điện, kiến trúc tôn giáo và kiến trúc lăng tẩm, tiêu biểu là Tử Cấm Thành, chùa Thiên Ninh, Thập Tam lăng.

Pho tượng Phật trên núi Lạc Sơn (Tứ Xuyên) – tượng Phật lớn đã cao nhất thế giới

31

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

– HS kể tên được 3 nhà thơ nổi tiếng nhất thời Đường và tên của 4 tác phẩm văn học nổi tiếng.

GV cũng có thể mở rộng nói thêm về 2 nhà thơ lớn thời Đường: Đỗ Phủ và Lý Bạch bằng cách đọc cho HS nghe 2 bài thơ tiêu biểu của 2 ông, sau đó cho HS rút ra nhận xét về 2 phong cách sáng tác khác nhau của 2 nhà thơ này.

– HS kể tên được các bộ sử và 2 bộ bách khoa toàn thư nổi tiếng của Trung Quốc.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

– **Ý 1:** ***Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:*** Dưới sự hướng dẫn của GV, HS khai thác được 2 tư liệu 7.2 và 7.3 để làm rõ thêm đặc điểm về kiến trúc và điêu khắc của Trung Quốc (đồ sộ, hoành tráng, đa dạng, chủ yếu từ đá và gỗ,...). GV mở rộng thêm hiểu biết cho HS khi trình bày về Tử Cấm Thành (xem thêm phần Kiến thức bổ trợ).

– **Ý 2:** ***Rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:*** HS kể tên được các thành tựu trên 3 lĩnh vực: kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ và rút ra được nhận xét chung.

Gợi ý nhận xét: Nghệ thuật Trung Quốc thời phong kiến đạt đến trình độ cao với phong cách độc đáo trên cả 3 lĩnh vực:

+ ***Kiến trúc:*** *khác với phương Tây, kiến trúc Trung Quốc chú trọng chiều rộng hơn là chiều cao và rất đa dạng về loại hình; nhiều kiến trúc rất hoành tráng như Tử Cấm Thành được coi là quần thể kiến trúc cung điện lớn nhất và đẹp nhất Trung Quốc; Thập Tam lăng là quần thể lăng tẩm lớn nhất Trung Quốc; Vạn Lý Trường Thành – bức thành dài nhất thế giới; chùa Thiên Ninh – chùa có ngôi tháp cổ xây bằng gạch cao nhất thế giới;*

+ ***Hội hoạ:*** *phong phú về chất liệu: bích hoạ (vẽ trên tường); bạch hoạ (vẽ trên lụa); bản hoạ (vẽ trên giấy),... trong đó nổi tiếng nhất là tranh vẽ bằng mực tàu;*

+ ***Điêu khắc:*** *phong phú về đề tài và chất liệu (thạch điêu, mộc điêu) tiêu biểu là tượng Phật trên núi Lạc Sơn,...*

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (tt)

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời: Hoàn thành bảng thống kê theo mẫu:

HS liệt kê các thành tựu vào mẫu và rút ra nhận xét.

Lĩnh vực	Thành tựu	Nhận xét
Tư tưởng	Nho giáo	– Là hệ tư tưởng và đạo đức của giai cấp phong kiến Trung Quốc từ thời Hán trở đi, có ảnh hưởng mạnh đến nhiều nước láng giềng trong đó có Việt Nam.
Văn học và sử học	– Văn học: Nổi bật nhất là thơ Đường và tiểu thuyết. – Sử học: *Đường thư, Tống sử, Minh sử*,... – Các bộ sách đồ sộ: *Vĩnh Lạc đại điển*, *Tứ khố toàn thư*,...	– Được coi là 1 nền văn học lớn của thế giới, đến nay nhiều tác phẩm được dựng thành phim nổi tiếng khắp thế giới. – Phong cách viết sử ảnh hưởng đến nhiều quốc gia láng giềng. Ngoài ra, còn có nhiều bộ bách khoa đồ sộ.
Kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ	– Kiến trúc tôn giáo (chùa Thiên Ninh); cung điện (Tử Cấm Thành); lăng tẩm (Thập Tam lăng). – Điêu khắc: Tượng Phật trên núi Lạc Sơn. – Hội hoạ: tranh thuỷ mặc.	– Đạt đến trình độ cao trên tất cả các lĩnh vực, có ảnh hưởng cả đến các nước láng giềng (ví dụ, phong cách viết thư pháp; tranh thuỷ mặc,...).

– **Câu 2**. Gợi ý trả lời: Tìm hiểu về các công trình kiến trúc của Trung Quốc:

Lưu ý: HS có thể tuỳ chọn 1 công trình kiến trúc mà em có ấn tượng nhất (Tử Cấm Thành, Vạn Lý Trường Thành, Thập Tam lăng, Di Hoà Viên,... Nhưng GV chú ý gợi ý cho các em khi để cập lí do lựa chọn không phải do thích cảm tính mà ấn tượng do những đặc trưng của nó hoặc vai trò của nó trong lịch sử, trong hiện tại hoặc giá trị biểu tượng của quốc gia, giá trị kinh tế của nó trong phục vụ du lịch,...

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Tử Cấm Thành (Bắc Kinh)

Nghệ thuật điêu khắc, phong phú về đề tài và chất liệu, trong đó tiêu biểu nhất phải kể đến tượng Phật ngồi mặt nghiêm tay và tượng Phật trên núi Lạc Sơn.

Về hội hoạ, nổi tiếng nhất là tranh thuỷ mặc (tranh vẽ bằng mực tàu), trong đó nghệ thuật vẽ tranh (hoạ pháp), kết hợp chặt chẽ với nghệ thuật viết chữ (thư pháp).

Em có biết?

Nguyễn Án và dấu ấn trong xây dựng Tử Cấm Thành

Tử Cấm Thành là quần thể kiến trúc cung điện lớn nhất và đẹp nhất Trung Quốc. Nhưng ít ai biết việc xây dựng nó có dấu ấn một người Việt tài giỏi – Nguyễn Án. Khi nhà Minh thống trị nước ta, ông sử nhiều người Việt tài giỏi từ bỏ về Trung Quốc. Năm 1416, Minh Thành Tổ giao cho ông thiết kế và trực tiếp làm Tổng đốc công xây dựng Tử Cấm Thành. Ông được gọi là "kinnhân" (vị thợ).

Luyện tập - Vận dụng

Luyện tập

1. Hoàn thành bảng thống kê các thành tựu văn hoá chủ yếu của Trung Quốc theo mẫu dưới đây:

Lĩnh vực	Thành tựu	Nhận xét
?	?	?

Vận dụng

2. Hãy lựa chọn một số công trình kiến trúc của Trung Quốc thời phong kiến mà em yêu thích

32

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Các phát minh về kĩ thuật của Trung Quốc

Mặc dù yêu cầu cần đạt của bài không đòi hỏi HS phải biết về các thành tựu về khoa học và kĩ thuật, nhưng nếu có thời gian, GV nên nói thêm về một số thành tựu nổi bật trên lĩnh vực này của Trung Quốc, nhất là các phát minh thời Đường – Tống:

+ **Thuốc súng:** Qua việc luyện thuốc trường sinh, người Trung Quốc đã tình cờ phát hiện thuốc súng (thế kỉ VII). Nhưng người Trung Quốc chủ yếu dùng để chế tạo pháo hoa.
+ **Kĩ thuật in:** Năm 1044, Tất Thăng đã phát minh ra chữ in rời, chấm dứt thời kì chép tay tốn nhiều thời gian và sức lực. Nhờ đó, đời Tống ở Trung Quốc, người ta có thể mua sách dễ dàng với giá rẻ.
+ **La bàn nam châm:** Ra đời giữa thế kỉ XI và năm 1120 bắt đầu được sử dụng phổ biến để đi biển.

(Ba phát minh này cùng phát minh ra giấy thời Hán của Thái Luân đã tạo nên "Tứ đại phát minh" của người Trung Quốc)

+ **Đồ sứ:** Thời Đường – Tống, người Trung Quốc đã phát minh ra đồ sứ và đạt đỉnh cao thời Minh – Thanh
+ **Tiền giấy:** Ra đời khoảng cuối thế kỉ VIII, đầu thế kỉ IX. Ban đầu, người ta gọi là phi tiền (tiền bay) vì nó nhẹ đến nỗi gió có thể thổi bay khỏi tay.

2. Tử Cấm Thành

Tử Cấm Thành (ngày nay gọi là Cố cung), được xây dựng dưới triều nhà Minh trong suốt 16 năm (từ năm 1404 đến năm 1420), toạ lạc tại Đông Thành, Bắc Kinh.

Với tổng diện tích xây dựng là 720 000 m2, có 980 toà nhà và được cho là bao gồm 9999 phòng, Tử Cấm Thành được coi là quần thể kiến trúc cung điện có quy mô lớn nhất thế giới. Nơi đây từng là hoàng cung của các hoàng đế Trung Hoa từ triều Minh đến cuối triều Thanh, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của Trung Quốc suốt hơn 500 năm (từ năm 1420 đến năm 1924).

Năm 1987, Tử Cấm Thành được UNESCO công nhận là Di sản thế giới đồng thời còn được tổ chức này xếp vào danh sách các công trình kiến trúc cổ bằng gỗ được bảo tồn lớn nhất thế giới.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Điều kiện tự nhiên.
- Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ thời Gúp-ta.
- Một số thành tựu văn hoá tiêu biểu.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Khai thác và sử dụng được thông tin của các tư liệu hình ảnh và tư liệu văn bản để tìm hiểu về vương triều Gúp-ta.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

- Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ.
- Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời vương triều Gúp-ta.
- Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ dưới thời vương triều Gúp-ta.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

Vận dụng được kiến thức lịch sử để đánh giá và liên hệ những giá trị của thành tựu khoa học Ấn Độ thời Gúp-ta còn ảnh hưởng đến hiện tại.

4. Hình thành những phẩm chất

Trách nhiệm: Trân trọng những cống hiến của con người trong quá khứ và bảo vệ những giá trị văn hoá của nhân loại.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

GV dùng phần dẫn nhập trong sách để dẫn dắt HS: yêu cầu HS đọc, trả lời các câu hỏi liên quan đến phần dẫn nhập. Ghi lại những câu trả lời để sau khi học xong trả lời lại.

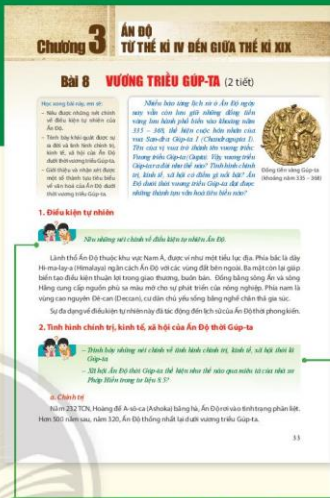

Chương 3 ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Bài 8 VƯƠNG TRIỀU GÚP-TA (2 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
- Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ.
- Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời vương triều Gúp-ta.
- Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ dưới thời vương triều Gúp-ta.

Nhiều bảo tàng lịch sử ở Ấn Độ ngày nay vẫn còn lưu giữ những đồng tiền vàng lưu hành phổ biến vào khoảng năm 335 – 360, thể hiện cuộc hôn nhân của vua Xa-mu-đra Gúp-ta I (Chandragupta I) – Tên của vị vua trở thành tên vương triều Vương triều Gúp-ta (Gupta). Vậy, vương triều Gúp-ta có đặc điểm thể nào? Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội có điểm gì nổi bật? Ấn Độ dưới thời vương triều Gúp-ta đạt được những thành tựu văn hoá tiêu biểu nào?

Đồng tiền vàng Gúp-ta (khoảng năm 335 – 360)

1. Điều kiện tự nhiên

Nêu những nét chính về điều kiện tự nhiên Ấn Độ.

Lãnh thổ Ấn Độ thuộc khu vực Nam Á, được ví như một tiểu lục địa. Phía bắc là dãy Hi-ma-lay-a (Himalaya) ngăn cách Ấn Độ với các vùng đất bên ngoài. Ba mặt còn lại giáp biển tạo điều kiện thuận lợi trong giao thương, buôn bán. Đồng bằng sông Ấn và sông Hằng cung cấp nguồn phù sa màu mỡ cho sự phát triển của nông nghiệp. Phía nam là vùng cao nguyên Đê-can (Deccan), cư dân chủ yếu sống bằng nghề chăn thả gia súc.

Sự đa dạng về điều kiện tự nhiên này đã tác động đến lịch sử của Ấn Độ thời phong kiến.

2. Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ thời Gúp-ta

– Trình bày những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội thời kì Gúp-ta

– Từ bức Ấn Độ thời Gúp-ta thể hiện như thế nào qua minh tá của nhà sư Pháp Hiển trong tư liệu 8.3?

a. Chính trị

Năm 232 TCN, Hoàng đế A-sô-ca (Ashoka) băng hà, Ấn Độ rơi vào tình trạng phân liệt. Hơn 500 năm sau, năm 320, Ấn Độ thống nhất lại dưới vương triều Gúp-ta.

33

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** HS bước đầu khai thác được một phần lược đồ 8.1 – Ấn Độ thời Gúp-ta. Hiểu các kí hiệu trên bản đồ, tự phát hiện đặc điểm nào về điều kiện tự nhiên có ấn tượng nhất với HS.

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** HS nêu được những nét chính về lãnh thổ, địa hình, đồng bằng, cao nguyên, biển,... của Ấn Độ.

Dẫn dắt HS nhận thức được đặc điểm điều kiện tự nhiên Ấn Độ bằng những câu hỏi gợi mở: Vì sao Ấn Độ được ví như một tiểu lục địa? (Chú ý: con đường bộ duy nhất nối Ấn Độ với thế giới bên ngoài sẽ đưa những người

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

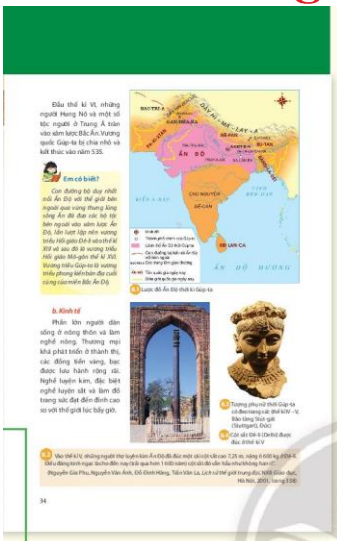

Đầu thế kỉ VI, những người Hung Nô và một số tộc người ở Trung Á tràn vào xâm lược Bắc Ấn. Vương quốc Gúp-ta bị chia nhỏ và kết thúc vào năm 535.

Em có biết?

Con đường bộ duy nhất nối Ấn Độ với thế giới bên ngoài qua vùng thung lũng sông Ấn đã đạo các bộ tộc bên ngoài vào xâm lược Ấn Độ, lần lượt lập nên vương triều Hồi giáo Đê-li vào thế kỉ XIII và sau đó là vương triều Hồi giáo Mô-gôn thế kỉ XVI. Vương triều Gúp-ta là vương triều phong kiến hàn đầu cuối cùng của miền Bắc Ấn Độ.

Lược đồ Ấn Độ thời kì Gúp-ta

b. Kinh tế

Phần lớn người dân sống ở nông thôn và làm nghề nông. Thương mại khá phát triển ở thành thị, các đồng tiền vàng, bạc được lưu hành rộng rãi. Nghề luyện kim, đặc biệt nghề luyện sắt và làm đồ trang sức đạt đến đỉnh cao so với thế giới lúc bấy giờ.

Tượng phụ nữ thời Gúp-ta có đeo trang sức (thế kỉ V - ?) (Bảo tàng Stuttgart, Đức)

Cột sắt Đê-li (Delhi) được đúc khoảng kỉ V

Vào thế kỉ V, những người thợ luyện kim Ấn Độ đã đúc một cột sắt cao 7,25 m, nặng 6 600 kg. Đến nay, cột vẫn đứng sừng sững (kể cả phần bị vùi dưới đất) mà không hề bị rỉ.

(Nguyễn Gia Phu, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hãng, Trần Văn Là, Lịch sử thế giới trung đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003, trang 338)

34

Tuốc và Mông Cổ đến Ấn Độ thành lập hai vương triều phong kiến lớn trong lịch sử Ấn Độ); Ấn Độ có thuận lợi gì cho phát triển nông nghiệp, thương nghiệp? Ấn Độ có khó khăn gì khi giao lưu với bên ngoài?...

Tư duy lịch sử: Điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng lớn đến lịch sử Ấn Độ thời cổ đại và trung đại.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ trong SGK của phần 2

Hoạt động 1:

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** HS khai thác và sử dụng được tư liệu 8.1, 8.2, 8.3, 8.4 để góp phần làm rõ thêm về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ thời Gúp-ta.

+ 8.1: Lược đồ Ấn Độ thời kì Gúp-ta, lãnh thổ Gúp-ta gồm toàn bộ Bắc Ấn, một phần Trung Ấn. (GV lưu ý kết hợp mục "Em có biết" để hướng dẫn HS tìm hiểu về con đường bộ duy nhất nối Ấn Độ với thế giới bên ngoài qua vùng thung lũng sông Ấn. Con đường này đã đưa các bộ tộc bên ngoài vào xâm lược Ấn Độ).

+ 8.2, 8.3, 8.4: Về sự phát triển của kinh tế Ấn Độ (luyện sắt và làm đồ trang sức).

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Vẽ được sơ đồ tư duy những nét chính trong các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hoá. (HS phải nhận thức được cái gì là chính, nói lên được những giá trị tiêu biểu nhất trong một nền văn hoá và phân biệt nền văn hoá đó với các nền văn hoá khác).

Hoạt động 2:

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** HS đọc hiểu văn bản 8.5, tìm các cụm từ miêu tả các thành phần trong xã hội Ấn Độ của nhà sư Pháp Hiển.

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Đặc điểm xã hội như thế nào? Sự phân chia đẳng cấp vẫn tồn tại nhưng khác thời cổ đại ở điểm nào?

Lí giải thêm: Tình hình xã hội như vậy là nhờ vào chính sách tích cực của các vị vua Gúp-ta.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

Hoạt động 1: Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: GV yêu cầu HS vẽ được sơ đồ tư duy về các thành tựu trên các lĩnh vực khác nhau của văn hoá Ấn Độ (không phân chia sẵn từng lĩnh vực). Rút ra nhận xét (cách HS tư duy đánh giá vấn đề, ví dụ: từ các thành tựu đó, các em hiểu được thời kì Gúp-ta là thời kì định hình và phát triển văn hoá truyền thống cổ điển Ấn Độ gắn với chữ Hin-đi, Hin-đu giáo và Phật giáo – điều này sẽ giúp các em phân biệt được đặc điểm văn hoá thời kì Đê-li, Mô-gôn).

Hoạt động 2: Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

Vấn đề để giúp HS tư duy lịch sử: Một trường Đại học Phật giáo (Na-lan-đa) lại dạy cả tri thức về Hin-đu giáo. Vậy, điều này nói lên đặc điểm gì trong nền chính trị thời kì Gúp-ta?

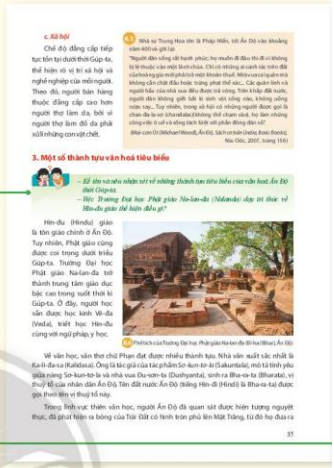

c. Xã hội

Chế độ đẳng cấp tiếp tục tồn tại dưới thời Gúp-ta, thể hiện rõ vị trí xã hội và nghề nghiệp của mỗi người. Theo đó, người bán hàng thuộc đẳng cấp cao hơn người thợ làm đá, bởi vì người thợ làm đồ đa phải xử lí những con vật chết.

Nhà sư Trung Hoa tên là Pháp Hiển, tới Ấn Độ vào khoảng năm 400 và ghi lại:

"Người dân sống rất hạnh phúc; họ muốn đi đâu thì đi và không bị bí thuộc vào một lãnh chúa. Chỉ có những ai cảnh sát trên đất cảnh khi giải một phạm tội một khoản thuế. Nhân vật cai quản mà không cần chặt đầu hoặc trừng phạt thể xác... Các quân lính và người hầu của nhà vua đều được trả công. Trên khắp đất nước, người dân không giết hại lẫn nhau, không uống nước sạy... Suy nhiên, trong xã hội có những người được gọi là chan-đa-la sơ sinh và sống ở những thế chạm vào, họ làm những công việc ô uế và sống tách biệt với phần đông dân số."

(Mai-cơn Ô (Michael Wood), Ấn Độ, Sách cơ bản (Indo, Basic Books), Nhà Xuất bản, 2007, trang 116)

3. Một số thành tựu văn hoá tiêu biểu

– Kể tên và nêu nhận xét về những thành tựu tiêu biểu của văn hoá Ấn Độ thời Gúp-ta.
– Hãy Trường Đại học Phật giáo Na-lan-đa (Nalanda) dạy tri thức về Hin-đu giáo thể hiện điều gì?

Hin-đu (Hindu) giáo là tôn giáo chính ở Ấn Độ. Tuy nhiên, Phật giáo cũng được coi trọng dưới triều Gúp-ta. Trường Đại học Phật giáo Na-lan-đa trở thành trung tâm giáo dục bậc cao trong suốt thời kì Gúp-ta. Ở đây, người học vẫn được học kinh Vê-đa (Veda), triết học Hin-đu cùng với ngữ pháp, y học.

Phế tích của Trường Đại học Phật giáo Na-lan-đa (Bi-har/Bihar), Ấn Độ

Về văn học, văn thơ chữ Phạn đạt được nhiều thành tựu. Nhà văn xuất sắc nhất là Ka-li-đa-sa (Kalidasa). Ông là tác giả của tác phẩm Sơ-kun-tơ-lá (Sakuntala), mô tả tình yêu giữa nàng Sơ-kun-tơ-lá và nhà vua Du-sơn-ta (Dushyanta), sinh ra Bha-ra-ta (Bharata), vị thuỷ tổ của nhân dân Ấn Độ. Tên đất nước Ấn Độ (tiếng Hin-đi (Hindi) là Bha-ra-tạ được gọi theo tên vị thuỷ tổ này.

Trong lĩnh vực thiên văn học, người Ấn Độ đã quan sát được hiện tượng nguyệt thực, đã phát hiện ra bóng của Trái Đất có hình tròn phủ lên Mặt Trăng, từ đó họ đưa ra

35

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (tt)

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời: HS dựa vào các thông tin trong bài để thực hiện.

	Thời gian	Tình hình chính trị	Tình hình kinh tế	Tình hình xã hội	Thành tựu văn hoá
Vương triều Gúp-ta	320 – 535	Được thống nhất qua chiến tranh chinh phục hoặc liên minh chính trị.	Nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương mại đều phát triển. Đặc biệt là trình độ luyện kim.	Xã hội vẫn phân chia đẳng cấp dựa trên cả nghề nghiệp, nhưng có sự hoà hợp tôn giáo.	– Tôn giáo. – Văn học. – Khoa học tự nhiên và y học. – Nghệ thuật (HS nêu thành tựu tiêu biểu từng lĩnh vực).

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời:

+ HS vận dụng các kiến thức đã học và quan sát trong đời sống để trả lời.

+ GV có thể gợi ý thêm về tình hình dịch Covid – 19 và tác dụng của vắc-xin.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

giả thuyết về Trái Đất hình tròn và tự quay quanh trục của nó. Trong khi, đến trước thế kỉ XVI, phần lớn người châu Âu vẫn tin Trái Đất có hình vuông hoặc nằm trên một mặt phẳng.

Về y học, các thầy thuốc thời Gúp-ta đã biết phẫu thuật và khử trùng vết thương. Đặc biệt, họ đã biết làm vắc-xin (vaccine) trên cơ sở tạo ra lây nhiễm cho một người ở dạng bệnh nhẹ để người đó không bị bệnh ở dạng nặng hơn.

Về kiến trúc và điêu khắc, thời kì này đã tạo nên một phong cách nghệ thuật điển hình mang tên vương triều sản sinh ra nó: Phong cách nghệ thuật Gúp-ta.

Những công trình được xây dựng từ thời cổ đại như chùa hang A-gian-ta (Ajanta), bảo tháp San-chi (Sanchi) được hoàn thiện vào thời kì này. Cùng với đó là sự xuất hiện của hàng loạt các công trình kiến trúc nổi tiếng như cụm đền tháp Ơn-lô-ra (Ellora), Đa-sa-va-ta-ra(Dashavatara),...

Đền Hin-đu giáo Đa-sa-va-ta-ra Ơn-lô-ra Pra-đét (Uttar Pradesh), thế kỉ VII)
Phong cách Gúp-ta ảnh hưởng nhiều trong nền nghệ thuật kiến trúc Châm-pa cổ

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Hoàn thành bảng: Khái quát về tình hình Ấn Độ thời kì trung triều Gúp-ta theo mẫu dưới đây.

	Thời gian	Tình hình chính trị	Tình hình kinh tế	Tình hình xã hội	Thành tựu văn hoá
Vương triều Gúp-ta	?	?	?	?	?

Vận dụng

2. Thành tựu văn hoá nào của Ấn Độ thời Gúp-ta còn có ảnh hưởng đến ngày nay?

36

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

GV khai thác các tư liệu đính kèm để mở rộng thêm bài:

1. Em có biết

Người Ấn, giàu hay nghèo, đều thích đồ trang sức, để đeo mà cũng để cất, chứa. Tại các thành thị, thời đó có vô số các cửa hàng đầy nghẹt các thợ thủ công cặm cụi chạm trổ để làm các đồ trang sức đủ loại như: móc, trâm, châu ngọc, dây đeo, dao, lược... bằng bạc, vàng, đá quý hay ngà voi, với đủ các kiểu dáng, có chạm hình hoa, loài vật hoặc thần thánh. Những đồ trang sức đó đạt đến một trình độ nghệ thuật rất cao.

(Nguyễn Gia Phu, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hãng, Trần Văn La (2006), *Lịch sử thế giới trung đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 339 – 340)

2. Về tác phẩm Sơ-cun-tla:

Đại thi hào Gớt (Goethe) của Đức đã viết về Sơ-cun-tla như sau:

"Bạn có muốn hưởng những đoá hoa của tuổi xuân và những trái ngọt của tuổi già không?
Muốn gom tất cả những gì bồi dưỡng tâm hồn, làm sao cho nó say mê, vui thích không?
Bạn có muốn diễn tất cả cái đẹp trên trời và dưới đất bằng một cái tên duy nhất không?
Nếu muốn, thì tôi chỉ cho bạn một cái tên này thôi cũng đủ, tên Sơ-cun-tla".

(Vũ Dương Ninh (Chủ biên – 2010), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, trang 35)

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

– Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội.

– Thành tựu tiêu biểu về văn hoá.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Khai thác và sử dụng được thông tin của các tư liệu hình ảnh và tư liệu văn bản để tìm hiểu về vương triều Hồi giáo Đê-li.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

– Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời vương triều Hồi giáo Đê-li.

– Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ dưới thời vương triều Đê-li.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

Tự tìm hiểu thêm được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ thời kì Đê-li.

4. Hình thành những phẩm chất

Nhân ái: Trân trọng những cống hiến của con người trong quá khứ và bảo vệ những giá trị văn hoá của nhân loại.

Bài 9 VƯƠNG TRIỀU HỒI GIÁO ĐÊ-LI

(1 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:

– Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời vương triều Hồi giáo Đê-li.

– Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ dưới thời vương triều Hồi giáo Đê-li.

Từ thế kỉ XII, nền văn minh Ấn Độ có sự tiếp xúc mạnh mẽ với nền văn minh Hồi giáo từ sự thống trị của vương triều Hồi giáo đầu tiên ở Ấn Độ – vương triều Đê-li (Delhi). Vương triều Đê-li ra đời như thế nào? Lịch sử Ấn Độ dưới thời kì Đê-li có những nét nổi bật gì về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá?

1. Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội

Vương triều Hồi giáo Đê-li đã được thành lập như thế nào? Nêu những nét nổi bật về chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ thời Đê-li.

a. Chính trị

Sau khi vương triều Gúp-ta sụp đổ, Ấn Độ rơi vào tình trạng chia cắt. Năm 1206, người Hồi giáo gốc Thổ Nhĩ Kì, chiếm miền Bắc Ấn Độ, lập nên vương triều Hồi giáo đầu tiên, lấy Đê-li làm kinh đô.

Vương triều Đê-li thống nhất lãnh thổ và giữ được sự phát triển ổn định trong phần lớn thế kỉ XIV. Sang đầu thế kỉ XVI, vương triều sụp đổ trước sự tấn công liên tục của một bộ phận người Mông Cổ đến từ Trung Á.

b. Kinh tế

Nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng. Nhà nước cho đào thêm kênh và hồ chứa nước. Sự phát triển của nhiều ngành thủ công nghiệp truyền thống tạo điều kiện cho giao thương phát triển. Thương nhân Ấn Độ đem những mặt hàng nổi tiếng như vải vóc, đồ trang sức và gia vị đổi đồ lấy hàng hoá, đặc biệt đổi lấy ngựa chiến từ các nước Trung Á và Tây Á.

c. Xã hội

Tầng lớp Bà La Môn vẫn được xem là đẳng cấp cao nhất, nhưng thực quyền trong xã hội thuộc về những người Hồi giáo. Những cư dân Ấn Độ không theo Hồi giáo phải nộp thuế ngoài đại tư phẩn, bết đối xử. Điều này gây nên nhiều bất bình trong dân chúng, dẫn đến những cuộc đấu tranh lớn góp phần làm vương triều Đê-li suy yếu.

Hình: Chinh phục Ran-thăm-bô-hơ (Ranthambhor), thắng lợi Ấn Độ năm 1301 (tranh vẽ, Ra-pút (Rajput), năm 1825, Bảo tàng Nghệ thuật Bô-xtơn, Mỹ)

Hình: Đồng tiền bạc hành dưới thời Thánh tổ của vương triều Đê-li (1325 – 1351)

37

Chân trời sáng tạo

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

– *Gợi ý 1:* GV dùng phần dẫn nhập trong sách để dẫn dắt HS: yêu cầu HS đọc, trả lời các câu hỏi liên quan đến phần dẫn nhập.

– *Gợi ý 2:* GV giới thiệu về nguồn gốc của vương triều Hồi giáo Đê-li để dẫn vào bài: Người Tuốc (Thổ) chiếm Bat-đa (Batda) (I-rắc (Iraq)), lập vương quốc Hồi giáo Tuốc, xâm lược Ấn Độ từ cuối thế kỉ XII. Đến đầu thế kỉ XIII, các tướng lĩnh Hồi giáo miền Bắc Ấn tách ra lập vương quốc riêng, lấy Đê-li làm kinh đô nên lịch sử gọi thời kì Đêli – nghĩa trong tiếng Ba Tư là: thời kì "vương quốc Hồi giáo gốc Thổ đóng đô ở Đê-li" (Xun-tan Đê-li (Sultanat Dehli)). Vậy, những người Hồi giáo gốc Thổ, nắm quyền trên một vùng đất có một nền văn hoá truyền thống phát triển rực rỡ, quê hương của hai tôn giáo lớn là Hin-đu giáo và Phật giáo từ thời cổ đại đến thời kì Gúp-ta. Lịch sử Ấn Độ dưới thời kì Đê-li có những nét nổi bật gì?

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

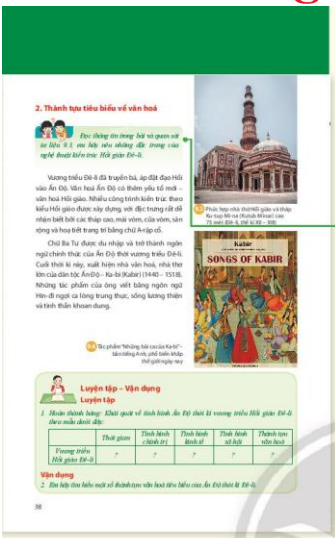

2. Thành tựu tiêu biểu về văn hoá

Học sinh tìm hiểu thêm tư liệu 9.3 và quan sát tư liệu 9.4 em hãy nêu những điểm nổi bật trong các nghệ thuật kiến trúc Hồi giáo Đê-li.

Vương triều Đê-li đã truyền bá, áp dụng đạo Hồi vào Ấn Độ. Văn hoá Ấn Độ có thêm yếu tố mới – văn hoá Hồi giáo. Nhiều công trình kiến trúc theo kiểu Hồi giáo được xây dựng, với đặc trưng rất dễ nhận biết bởi các tháp cao, mái vòm, cửa vòm, sân rộng và hoạ tiết trang trí bằng chữ A-rập cổ.

Chữ Ba Tư được du nhập và trở thành ngôn ngữ chính thức của Ấn Độ thời vương triều Đê-li. Cuối thời kì này, xuất hiện nhà văn hoá, nhà thơ lớn của dân tộc Ấn Độ – Ka-bi (Kabir) (1440 - 1518). Những tác phẩm của ông viết bằng ngôn ngữ Hin-đi ngoại ca lòng trung thực, sống lương thiện và tinh thần khoan dung.

Tác phẩm "Những bài ca của Ka-bir" – bản tiếng Anh, phổ biến khắp thế giới ngày nay

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Hoàn thành bảng: Khái quát về tình hình Ấn Độ thời kì vương triều Hồi giáo Đê-li theo mẫu dưới đây:

	Thời gian	Tình hình chính trị	Tình hình kinh tế	Tình hình xã hội	Thành tựu văn hoá
Vương triều Hồi giáo Đê-li	?	?	?	?	?

Vận dụng

2. Em hãy tìm hiểu một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ thời kì Đê-li.

38

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

HS khai thác tư liệu 9.3, kênh chữ trong bài và nêu được: Đặc trưng của nghệ thuật kiến trúc Hồi giáo Đê-li: rất dễ nhận biết bởi các tháp cao, mái vòm, cửa vòm, sân rộng và hoạ tiết trang trí bằng chữ A-rập cổ. (GV lưu ý cho HS: các công trình tuyệt nhiên không có tượng người, tranh ảnh người, muông thú vì đạo Hồi quan niệm rằng A-la (Allah) toả khắp mọi nơi, không 1 hình tượng nào có thể thể hiện được thánh A-la).

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ trong SGK của phần 1

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

- **Ý 1:** Sự thành lập vương triều Đê-li: Nhận thức được đây là vương triều ngoại tộc đầu tiên ở Ấn Độ, đồng thời thông qua chiến tranh để thành lập vương triều và thống nhất Ấn Độ.
- **Ý 2:** Vẽ sơ đồ tư duy về tình hình Ấn Độ dưới thời Đê-li trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội. Trên cơ sở đó nên nhận xét về những điểm khác biệt của vương triều này so với vương triều bản địa Súp-ta.

Lưu ý: Kênh hình mang tính chất minh hoạ cho chiến tranh thống nhất lãnh thổ vào đầu thế kỉ XIV, tuy nhiên GV có thể phát triển thêm năng lực tìm hiểu lịch sử cho HS như sau: Quan sát đồng tiền và cho biết đồng tiền thời Đê-li có điểm gì khác lạ so với những đồng tiền truyền thống của Ấn Độ? Từ đó, GV có thể mở rộng kiến thức cho HS về chữ viết A-rập (Arab) dùng để trang trí, giới hạn hình tượng con người – cơ sở để các em học phần văn hoá và hiểu trường phái hội hoạ Mô-gôn (Mogul) độc đáo mang đậm phong cách Ấn – Hồi ở bài tiếp theo.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (tt)

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời: HS dựa vào các thông tin trong bài để thực hiện.

	Thời gian	Tình hình chính trị	Tình hình kinh tế	Tình hình xã hội	Thành tựu văn hoá
Vương triều Hồi giáo Đê-li	Thế kỉ XIII – Thế kỉ XVI	– Là vương triều ngoại tộc đầu tiên. – Ấn Độ được thống nhất qua chiến tranh chinh phục của người Hồi giáo.	Nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương mại tiếp tục phát triển, đặc biệt là ngoại thương.	– Bà La Môn vẫn là đẳng cấp cao nhất, nhưng thực quyền trong tay người Hồi giáo. – Cư dân Ấn không theo đạo Hồi bị phân biệt đối xử.	– Đạo Hồi được du nhập vào Ấn Độ và trở thành quốc giáo. – Thành tựu nổi bật nhất là về kiến trúc với kiểu kiến trúc Hồi giáo đặc trưng. – Văn học viết bằng ngôn ngữ Hin-đi vẫn phát triển, dù chữ Ba Tư là ngôn ngữ chính ở thời kì này.

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời:

HS sưu tầm thêm thông tin về một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ thời kì Đê-li (thơ ca, kiến trúc,…) qua internet hoặc sách báo (sách *Lịch sử văn minh*, *Lịch sử văn hoá thế giới cổ trung đại*). Đặc biệt, GV gợi ý cho HS tìm hiểu về tác phẩm của nhà thơ Ka-bi (Kabir) đã giới thiệu trong sách. (Ví dụ: Trong tác phẩm "Những bài ca của Ka-bi" có đoạn viết: "Hãy tìm ngay trong trái tim mỗi người, A-la và Ra-ma đang ở đó". Dựa vào kiến thức đã học về Ấn Độ, tìm thông tin trên internet với từ khoá "Ka-bi", em hãy viết một đoạn văn khoảng 100 từ về khát vọng hoà hợp tôn giáo của nhà thơ Ka-bi, bắt đầu bằng câu trích trên).

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

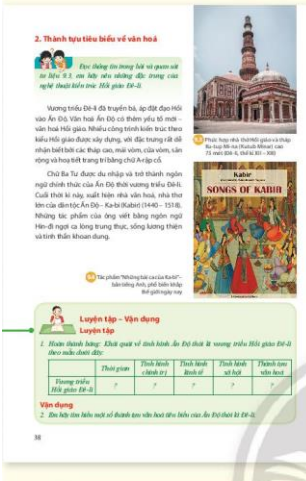

2. Thành tựu tiêu biểu về văn hoá

Học thông tin trong bài và quan sát tư liệu 9.3, em hãy nêu những đặc trưng của nghệ thuật kiến trúc Hồi giáo Đê-li.

Vương triều Đê-li đã truyền bá, áp đặt đạo Hồi vào Ấn Độ. Văn hoá Ấn Độ có thêm yếu tố mới – văn hoá Hồi giáo. Nhiều công trình kiến trúc theo kiểu Hồi giáo được xây dựng, với đặc trưng rất dễ nhận biết bởi các tháp cao, mái vòm, cửa vòm, sân vọng và hoạ tiết trang trí bằng chữ Ả-rập cổ.

Chữ Ba Tư được du nhập và trở thành ngôn ngữ chính thức của Ấn Độ thời vương triều Đê-li. Cuối thời kì này, xuất hiện nhà văn hoá, nhà thơ lớn của dân tộc Ấn Độ - Ka-bi (Kabir) (1440 – 1518). Những tác phẩm của ông viết bằng ngôn ngữ Hin-đi ngợi ca lòng trung thực, sống lương thiện và tinh thần khoan dung.

(1) Tác phẩm "Những bài ca của Kabir" – bản tiếng Anh, phổ biến khắp thế giới ngày nay.

Phức hợp nhà thờ Hồi giáo và tháp Ku-tup Mi-na (Kutub Minar): cao 73 mét (thế kỉ XII – XIII)

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. *Hoàn thành bảng: Khái quát về tình hình Ấn Độ thời kì vương triều Hồi giáo Đê-li theo mẫu dưới đây:*

	Thời gian	Tình hình chính trị	Tình hình kinh tế	Tình hình xã hội	Thành tựu văn hoá
Vương triều Hồi giáo Đê-li	?	?	?	?	?

Vận dụng

2. *Em hãy tìm hiểu một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ thời kì Đê-li.*

38

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Tháp xây bằng gạch cao nhất thế giới

Quần thể kiến trúc thánh đường Cu-goát tun I-xlam (Quwat ul Islam) và tháp Hồi giáo Cu-túp Mi-na (Kutub Minar,1199 – 1220) ở Đê-li là giáo đường đạo Hồi đầu tiên được xây dựng ở Ấn Độ bởi Cu-túp út đin Ai-bếch (Qutub-ud-din Aibak, 1206 – 1210) – Xun-tan (Sultan, vua) đầu tiên và chính thức của vương triều Đê-li. Ai-bếch đã phá huỷ 27 ngôi đền đạo Hin-đu và Giai-na (Jaina), dùng một phần vật liệu đó để xây nên ngôi đền này cùng tháp Chiến thắng (Cu-túp Mi-na). Tháp cao gần 73 m – được coi là tháp xây bằng gạch cao nhất thế giới.

Hoa văn được chạm khắc trên thân tháp Mi-na

2. Niên giám hoàng gia Đê-li, tài liệu lịch sử quan trọng viết bằng tiếng Ba Tư

Chữ Ba Tư đã du nhập vào Ấn Độ thời kì này và là ngôn ngữ chính thức của triều đình Đê-li. "Ta-oa-ri-khơ" (Tawarikh, Niên giám hoàng gia) đặc biệt có giá trị lịch sử. Các tác giả của "Ta-oa-ri-khơ" là những người đàn ông có học, nhà thơ, nhà thư pháp, thân cận với nhà vua. Họ viết lại những sự kiện và đưa ra những lời khuyên về cách trị nước.

Pha-khơ-rơ e Mu-đáp-bi (Fakhr-i Mudabbir) (khoảng 1157 – 1236) người Ba Tư, viết "Ta-oa-ri-khơ" cho hoàng gia Đê-li khuyên cho vua Đê-li là Sam-xút-đin In-tút-mít (Shamsuddin Iltutmish) (1210 – 1236):

"Một vị vua không thể tồn tại nếu không có binh lính. Và những người lính không thể sống không lương. Tiền lương đến từ tiền thuế thu được từ nông dân. Nhưng nông dân chỉ có thể trả thuế khi họ được thịnh vượng và hạnh phúc. Điều này xảy ra khi vua thúc đẩy công lí và cai quản đất nước một cách trung thực".

(A.C.S. Peack, *Lịch sử và văn hoá Thổ Nhĩ Kỳ ở Ấn Độ – bản sắc, nghệ thuật và kết nối xuyên quốc gia*, NXB Brill, Luân Đôn, trang 88)

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ thời đế quốc Mô-gôn.
- Thành tựu văn hoá tiêu biểu.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Khai thác và sử dụng được thông tin của các tư liệu hình ảnh và tư liệu văn bản để tìm hiểu về đế quốc Mô-gôn.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

- Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời đế quốc Mô-gôn.
- Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ dưới thời đế quốc Mô-gôn.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

Vận dụng được kiến thức lịch sử đã học và sưu tầm thông tin qua internet, qua sách báo để viết được đoạn văn giới thiệu về lăng Tai-giơ Ma-han (Taj Mahal).

4. Hình thành những phẩm chất

Trách nhiệm và nhân ái: Trân trọng những cống hiến của con người trong quá khứ, tôn trọng sự khác biệt về văn hoá và bảo vệ những giá trị văn hoá của nhân loại.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- *Gợi ý 1:* GV dùng phần dẫn nhập trong sách để dẫn dắt HS: yêu cầu HS đọc, trả lời các câu hỏi liên quan đến phần dẫn nhập.
- *Gợi ý 2:* GV chiếu hình hoặc video về lăng Tai-giơ Ma-han và dẫn vào bài.

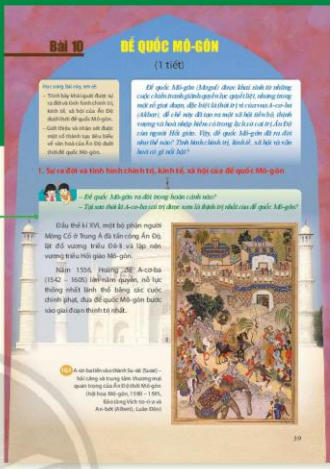
Bài 10

ĐẾ QUỐC MÔ-GÔN

(1 tiết)

1. Sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đế quốc Mô-gôn

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động 1:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

- Lưu ý cho HS so sánh để thấy sự giống nhau và khác nhau trong hoàn cảnh ra đời của đế quốc Mô-gôn với vương triều Hồi giáo Đê-li: Đây là vương triều ngoại tộc thứ 2 nhưng khác với vương triều Hồi giáo trước được lập bởi người Hồi gốc Thổ, còn vương triều này được lập bởi người Hồi gốc Mông Cổ và cũng thông qua chiến tranh chinh phạt để chiếm Ấn Độ và thống nhất Ấn Độ.
- GV có thể giới thiệu thêm: Tên gọi đế quốc Mô-gôn xuất hiện từ tên gọi người Mô-gôn. Người Ấn xưa và nay

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

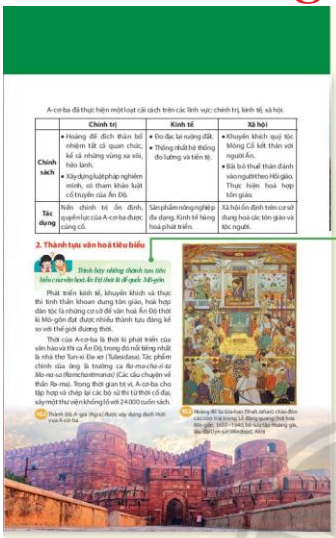

A-cơ-ba đã thực hiện một loạt cải cách trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội.

	Chính trị	Kinh tế	Xã hội
Chính sách	• Hoàng đế đích thân bổ nhiệm tất cả quan chức, kể cả những vùng xa xôi, hẻo lánh. • Xây dựng luật pháp nghiêm minh, có tham khảo luật cổ truyền của Ấn Độ.	• Đo đạc lại ruộng đất. • Thống nhất hệ thống đo lường và tiền tệ.	• Khuyến khích quý tộc Mông Cổ kết thân với người Ấn. • Bãi bỏ thuế thân đánh vào người theo Hồi giáo. Thực hiện hoà hợp tôn giáo.
Tác dụng	Nền chính trị ổn định, quyền lực của A-cơ-ba được củng cố.	Sản phẩm nông nghiệp đa dạng. Kinh tế hàng hoá phát triển.	Xã hội ổn định trên cơ sở dung hoà các tôn giáo và tộc người.

2. Thành tựu văn hoá tiêu biểu

Trình bày những thành tựu tiêu biểu của nền hoá Ấn Độ thời kì đế quốc Mô-gôn.

Phát triển kinh tế, khuyến khích và thực thi tinh thần khoan dung tôn giáo, hoà hợp dân tộc là những cơ sở để văn hoá Ấn Độ thời kì Mô-gôn đạt được nhiều thành tựu đáng kể so với thế giới đương thời.

Thời của A-cơ-ba là thời kì phát triển của văn hóa và thi ca Ấn Độ, trong đó nổi tiếng nhất là nhà thơ Tun-xi Đa-xơ (Tulsīdāsa). Tác phẩm chính của ông là trường ca *Ra-ma-cha-ri-tơ Mă-na-xơ* (Ramcharitmanas) (Các câu chuyện về thần Ra-ma). Trong thời gian trị vì, A-cơ-ba cho tập hợp và chép lại các bộ sử thi từ thời cổ đại, xây một thư viện không lồ với 24 000 cuốn sách.

Thành đô A-gra (Agra) được xây dựng dưới thời vua A-cơ-ba

Hoàng đế Sa-Gia-han (Shah Jahan) chào đón các nhà truyền giáo Tây Âu đang quỳ gối (tranh thế kỉ XVII, Thư viện Hoàng gia, Lâu đài Windsor, Anh)

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử và năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

GV yêu cầu HS khai thác tư liệu trong SGK để trả lời, GV có thể cho HS về sơ đồ tư duy về phần các thành tựu hoặc chia nhóm thiết kế các sản phẩm học tập để giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu.

GV có thể cho HS xem video về Thành Đỏ A-gra, Thành Đỏ La Ki-la (Lal Qila) ở Đê-li, lăng Ta-giơ Ma-han.

gọi tắt cả những người theo Hồi giáo ở Bắc Ấn Độ và miền nam của Trung Á là người Mô-gôn. Khi Ba-bua (Babur), một thủ lĩnh xuất thân ở Trung Á lập nên một vương triều mới, tên gọi Mô-gôn được đặt cho vương triều này. (Nguyễn Gia Phu, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hãng, Trần Văn La (2006), *Lịch sử thế giới trung đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 358)

Hoạt động 2:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Sử dụng được những thông tin trong bảng theo cột và hàng để nhận ra những đặc điểm nổi bật của Ấn Độ: Thời kì A-cơ-ba (Akbar) – được xem là thịnh trị nhất của Mô-gôn.

– Đọc tiêu đề và xác định được chủ đề của bảng. (Các cải cách của A-cơ-ba).

– Đọc tiêu đề cột và hàng – cung cấp chi tiết hơn thông tin của chủ đề. (Cải cách về chính trị, kinh tế, xã hội).

– So sánh, đối chiếu thông tin giữa các cột và hàng. (Cột chính sách và tác dụng).

– Rút ra thông tin từ trong các cột. (Tại sao thời kì A-cơ-ba là thời kì thịnh trị nhất?)

– Trả lời câu hỏi của GV để kiểm tra lại thông tin.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (tt)

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời: HS dựa vào các thông tin trong bài để thực hiện.

Thời gian	Tình hình chính trị	Tình hình kinh tế	Tình hình xã hội	Thành tựu văn hoá
Thế kỉ XVII – giữa thế kỉ XIX	– Là vương triều ngoại tộc thứ 2 ở Ấn Độ. – Ấn Độ bị xâm lược và được thống nhất qua chiến tranh chinh phục của người Mô-gôn – Thịnh trị nhất là dưới thời cai trị của Hoàng đế A-cơ-ba.	Hệ thống tiền tệ và cân đong đo lường được thống nhất trong cả nước → Sản phẩm đa dạng, kinh tế hàng hoá phát triển.	Thực hiện hoà hợp dân tộc, hoà hợp tôn giáo → Xã hội tương đối ổn định.	Nhiều thành tựu rực rỡ cả về thi ca và nghệ thuật, đặc biệt là kiến trúc.

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời: HS vận dụng các kiến thức đã học và sưu tầm thông tin trên internet, sách báo viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về lăng Ta-giơ Ma-han (chú ý các đặc trưng của kiến trúc Hồi giáo, câu chuyện lịch sử gắn liền với việc xây lăng, tình cảm của vua Sa Gia-han với Hoàng hậu,…)

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

GV khai thác các tư liệu đính kèm để mở rộng thêm bài:

1. Xã hội thời A-cơ-ba (Akbar):

Những người phương Tây khi đến Ấn Độ thời cai trị của A-cơ-ba đã thốt lên: "Tại đấy, tất cả cái gì cũng đầy đủ, dồi dào, nào trái cây, các loại đậu, các loại ngũ cốc, gấm vóc lụa là, nhất là giá cả lại rất thấp,... A-gra (Agra) so với Luân Đôn (London) lớn hơn rất nhiều, nhất là dân số thật đông đảo".

(Thẩm Kiên, *Thập đại tùng thư 10 đại hoàng đế thế giới*, trang 178 – 179)

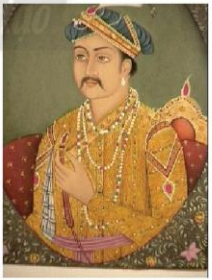

Tranh vẽ miêu tả vua Akbar

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Lăng Ta-giơ Ma-han (Taj Mahal) (A-gra, thế kỉ XVII)

Trong lĩnh vực nghệ thuật, nổi bật là những thành tựu về kiến trúc và hội hoạ. Nhiều công trình kiến trúc được xây dựng gắn với các trung tâm chính trị như Thành Đô ở A-gra, Thành Đô Lá Kô-la (Lal Qila) ở Đê-li. Đặc biệt, công trình kiến trúc lăng mộ Ta-giơ Ma-han ở A-gra là một kiệt tác của nghệ thuật.

Hội hoạ được khuyến khích trong hoàng tộc, những bức tranh thu nhỏ đầy màu sắc, mô tả những sự kiện lịch sử, cuộc sống cung đình và sống lộp quý tộc đã tạo nên một phong cách nghệ thuật độc đáo của hội hoạ Mô-gôn.

Ta-giơ Ma-han (cung điện tiếng đã trồng), được mệnh danh "là niềm mơ, lăng mơ đẹp nhất thế giới", do vua Sa Giơ-han xây cho hoàng hậu Mum-ta (Mumtaz) sau khi bà qua đời. Ta-giơ Ma-han là một trong những công trình vĩ hoà vì đại muốn đời của tình yêu và sự sống lạm mà con người có thể có được.

(Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn hoá thế giới cổ trung đại*, Sđd, trang 228)

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Hoàn thành bảng tóm tắt tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của lịch sử Ấn Độ thời kì quốc hầu-gôn theo mẫu dưới đây:

Thời gian	Tình hình chính trị	Tình hình kinh tế	Tình hình xã hội	Thành tựu văn hoá
?	?	?	?	?

2. Em hãy nhận xét thành tựu văn hoá Ấn Độ từ thế kỉ IV đến thế kỉ XIX.

Vận dụng

3. Tìm kiếm thêm có trong bài và tham khảo các nguồn tài liệu khác, em hãy viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về lăng Ta-giơ Ma-han.

41

2. Taj Mahah – biểu tượng của thiên đường nơi trần thế

Taj Mahah, "một bài thơ bằng cẩm thạch", "giấc mơ tiên hiện lên thành đá trắng". Thi hào Tagor, nhà thơ trí tuệ muôn màu của nhân loại đã từng thốt lên:

Ai đem sự sống cho người, hỡi đền bằng đá.
Ai tiếp cho người vĩnh viễn nhựa đời?
Để muôn năm người được dựng lên trời.
Đoá hoa rạng ngời mà đất sinh ra.

Còn Will Durand, một học giả người Anh đã nhận xét: Nếu Taj Mahal không phải là kiến trúc vĩ đại nhất, thì hẳn là đẹp nhất. Hãy thử hình dung và so sánh ngày nay, người ta làm những toà nhà cao tầng hàng trăm tầng trong một năm, với việc 20 000 người trong suốt 22 năm làm một công trình kiến trúc kích thước nhỏ xinh xắn, thì cái đọng lại hẳn là cái công phu tỉ mỉ và nghệ thuật. Đấy là chỗ khác nhau giữa nghệ thuật và kĩ nghệ. Tình thần đạt tới cái đẹp hẳn là vượt xa ý chí chinh phục không gian. Và ông kết luận: "Thời gian là huỷ hoại, nhưng thời gian vốn thông minh. Cầu mong sao vì một lẽ gì đó mà thời gian phải huỷ hoại tất cả thì xin hãy huỷ hoại Taj Mahal sau cùng, để nó tồn tại làm niềm an ủi cho con người cuối cùng còn lại trên mặt đất, làm chứng nhân cho tình yêu, lòng cao cả của con người".

Con người đã chết. Nhưng tình yêu vẫn nằm đó, cả Mahan và Giahan, như lăng quên thế giới phàm trần trong tấm đăng ten đá, và dường như cuộc đời này chưa hề trải qua đắng cay, nghiệt ngã. Người ta kể rằng, về cuối đời Sha Giahan bị một trong những người con của mình là Aureng Zep nổi loạn, bắt sống cha rồi đem giam vào tháp Jamine (tháp hoa nhài) trong thành Agra. Tại đó Jahan đã sống thêm 9 năm đau khổ. Ngày ngày, ông thui thủi trong khu mật thất, chẳng làm gì cả ngoài việc dõi mắt nhìn sang lăng tẩm trắng toát của hoàng hậu bên kia sông Jumna. Chẳng ai biết ông nghĩ gì. Khi chết rồi, mắt ông vẫn mở to trân trối hướng về lăng mộ vợ. Tình yêu ấy làm xúc động đến cả những trái tim băng giá nhất. Aureng Zep cho đem thi thể cha về đặt bên cạnh mẹ và Sha Giahan được phong là "cư dân của thiên đàng"...

(Lê Phụng Hoàng, Hà Bích Liên, Trần Hồng Ngọc (tái bản lần thứ tư), *Các công trình kiến trúc nổi tiếng trong lịch sử thế giới cổ trung đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003, trang 50 – 51)

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

– Quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á.

– Những thành tựu văn hoá tiêu biểu.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Khai thác và sử dụng được thông tin của các tư liệu hình ảnh và tư liệu văn bản để tìm hiểu về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

– Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.

– Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

Xác định được các quốc gia nào trong giai đoạn từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI là tiền thân của các quốc gia Đông Nam Á ngày nay.

4. Hình thành những phẩm chất

Trách nhiệm và nhân ái:

+ Tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá. Học hỏi để hoà nhập.

+ Có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá chung Đông Nam Á.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

– *Gợi ý 1:* GV dùng phần dẫn nhập trong sách để dẫn dắt HS.

– *Gợi ý 2:* GV cho HS xem những hình ảnh đặc trưng của một số quốc gia Đông Nam Á và dẫn dắt vào bài.

Chương 4 ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

Bài 11 KHÁI QUÁT VỀ ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

(2 tiết)

1. Quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á

Hình 11.1. Lược đồ các quốc gia phong kiến Đông Nam Á thế kỉ X – XIII

42

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

+ Khai thác và sử dụng được lược đồ 11.1, 11.2: Xác định được đường biên giới và tên các quốc gia hiện tại; Nhận biết kí hiệu của các quốc gia phong kiến trong phạm vi các quốc gia ngày nay; So sánh hai lược đồ, xác định những quốc gia có trước thế kỉ XIII và từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI. Những quốc gia không còn tồn tại, những quốc gia mới xuất hiện vào giai đoạn 2 và những quốc gia hiện diện trong cả hai giai đoạn.

+ Khai thác được tư liệu 11.3 và 11.4: Đọc – hiểu tư liệu 11.3 (Ma-lắc-ca (Malacca) phát triển dựa trên thương mại hay nông nghiệp? Biểu hiện của sự phát triển được thể hiện như thế

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

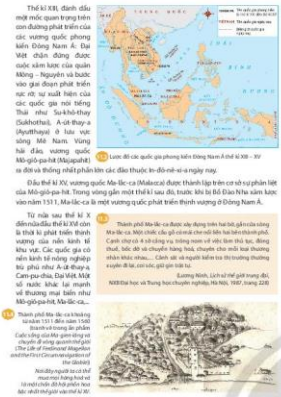

Thế kỉ XIII, đánh dấu một mốc quan trọng trên con đường phát triển của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á: Đại Việt chặn đứng được cuộc xâm lược của quân Mông – Nguyên và bước vào giai đoạn phát triển rực rỡ; sự xuất hiện của các quốc gia nói tiếng Thái như Su-khô-thay (Sukhothai), A-út-thay-a (Ayutthaya) ở lưu vực sông Mê Nam. Vùng hải đảo, vương quốc Mô-giô-pa-hít (Majapahit) ra đời và thống nhất phần lớn các đảo thuộc In-đô-nê-xi-a ngày nay.

Hình 11: Lược đồ các quốc gia phong kiến Đông Nam Á thế kỉ XIII – XV

Đầu thế kỉ XV, vương quốc Ma-lắc-ca (Malacca) được thành lập trên cơ sở sự phân liệt của Mô-giô-pa-hít. Trong vòng gần một thế kỉ sau đó, trước khi bị Bồ Đào Nha xâm lược vào năm 1511, Ma-lắc-ca là một vương quốc phát triển thịnh vượng ở Đông Nam Á.

Từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI, cũng là thời kì phát triển thịnh vượng của nền kinh tế khu vực. Các quốc gia có nền kinh tế nông nghiệp lúa gạo như Đại Việt, Cam-pu-chia, Đại Việt, Mô xứ nước khác lại mạnh về thương mại biển như Mô-giô-pa-hít, Ma-lắc-ca,...

Hình 12: Thành phố Ma-lắc-ca được xây dựng trên hai bờ, gồ ở của sông Ma-lắc-ca. Một chiếc cầu gỗ có mái che nối liền hai bờ thành phố. Cạnh chợ có 4 chữ cái vụ, trông nom về việc làm thủ tục, đóng thuế, bốc dỡ và chuyển hàng hoá, chuyển cho mỗi loại thương nhân khác nhau,... Cảnh sát và người kiểm tra thị trường thường xuyên đi lại, canh các, giữ gìn trật tự.

(Lương Ninh, Lịch sử thế giới trung đại, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1987, trang 228)

Hình 13.1: Thành phố Ma-lắc-ca khoảng từ năm 1511 đến năm 1560 (tranh vẽ trong tác phẩm Cuộc vòng vây Mi-gen-đông và chuyến đi vòng quanh thế giới (The Life of Ferdinand Magellan and the First Circumnavigation of the Globe))

Nơi đây người ta có thể mua một hàng hoá nổ từ một chân đến hết phẩm hoa lạc nhất thế giới vào thế kỉ XV.

43

2. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu

Dựa vào thông tin trong bài và các tư liệu 11.5, 11.6, em hãy trình bày những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI và rút ra nhận xét.

Phật giáo phát triển rực rỡ ở vương quốc Pa-gan (Mi-an-ma (Myanmar)), Đại Việt, các vương quốc nói tiếng Thái và Cam-pu-chia. Thế kỉ XII, Hồi giáo bắt đầu du nhập vào Đông Nam Á và trở thành quốc giáo của nhiều vương quốc vùng hải đảo.

Chữ viết xuất hiện sớm tạo cơ sở cho sự phát triển của văn học, sử học. Nhiều tác phẩm nổi tiếng đã ra đời trong giai đoạn này như: *Đàm cưới A-gia-na vì sa-ha (Ajanavikaha)* của nhà thơ người Gia-va (Java), Kam-va, thế kỉ XI; *Đại Việt sử ký toàn thư* (Đại Việt), thế kỉ XIV; sử thi Mô-ga-ra-ki-ta-ga-ma (Nagarakrtagama) của Mô-giô-pa-hít, thế kỉ XIV; Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi (Đại Việt), thế kỉ XV.

Hình 13.2: Kinh đô chùa Pa-gan (1044 – 1285)

Hình 13.3: Vũ nữ Áp-sa-ra (Apsara) (phù điêu, đền Ăng-co Vát, thế kỉ XII)

Đây cũng là giai đoạn phát triển rực rỡ của nền nghệ thuật truyền thống Đông Nam Á, trước hết phải kể đến các quần thể kiến trúc ở Pa-gan, Ăng-co, Thăng Long. Nhiều tác phẩm điêu khắc gỗ của Đại Việt, điêu khắc đá của Cam-pu-chia hay những bức bích hoạ màu các sực rỡ về trên những ngôi chùa Pa-gan vào các thế kỉ XII – XIII, vẫn được xem là những kiệt tác nghệ thuật của khu vực và thế giới.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Tại sao thế kỉ XIII là một mốc quan trọng trong giai đoạn lịch sử Đông Nam Á từ sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI?

Vận dụng

2. Tìm hiểu từ sách, báo và internet một thành tựu văn hoá tiêu biểu của các nước Đông Nam Á thời kì này mà em ấn tượng nhất và giới thiệu thành tựu đó.

3. Kể tên các quốc gia trong giai đoạn từ sau sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI là nền thuộc của các quốc gia Đông Nam Á ngày nay.

44

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1 (tt)

nào?); Bước đầu biết giải mã tư liệu 11.4 (Xuất xứ bức ảnh: ai vẽ? thời gian? về cái gì? Cấu gỗ nối liền hai bên thành phố, tháp canh, các toà nhà (cảng vụ, thu thuế); sông Ma-lắc-ca, sự sầm uất của chốn đô hội,…).

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Mô tả quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á: GV có thể cho HS lập đường thời gian hoặc bảng thống kê để mô tả các giai đoạn hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á theo các mốc: X, XIII, XV, XVI.

+ Thống kê các quốc gia phát triển dựa vào nông nghiệp và các quốc gia phát triển dựa vào thương nghiệp.

+ Xác định các quốc gia thuộc hải đảo và các quốc gia thuộc lục địa.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

Khai thác và sử dụng được tư liệu 11.5 và 11.6. Hình chụp lại kinh đô chùa Pa-gan (Pagan), tiêu biểu cho kiến trúc Phật giáo ở Đông Nam Á. Hình chụp vũ nữ Áp-sa-ra (Apsara) – thuộc nền nghệ thuật Hin-đu giáo của Cam-pu-chia vào thế kỉ XII.

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

Nhận thức được những thành tựu văn hoá chủ yếu trong ba lĩnh vực: tôn giáo (Phật giáo phổ biến ở các quốc gia Đông Nam Á lục địa; Hồi giáo phổ biến ở các quốc gia Đông Nam Á hải đảo); chữ viết và các tác phẩm văn học nổi tiếng (Đại Việt, Mô-giô-pa-hít (Majapahit)); nghệ thuật (nhất là kiến trúc) phát triển rực rỡ. Nhiều tác phẩm được coi là những kiệt tác nghệ thuật của khu vực và thế giới,...

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời: GV cho HS khai thác lại thông tin trong bài để trả lời: *Thế kỉ XIII là một mốc quan trọng trong giai đoạn lịch sử Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI vì thế kỉ này bản đồ khu vực đã có sự thay đổi căn bản. Bản đồ Đông Nam Á hiện tại về căn bản đã được hình thành sau thế kỉ XIII.*

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời: GV có thể hướng dẫn HS sử dụng một số từ khoá chung của khu vực Đông Nam Á hoặc từng quốc gia để tra cứu trên các website hoặc youtube thực hiện bài tập: kiến trúc Đông Nam Á, di sản văn hoá Đông Nam Á, Hoàng thành Thăng Long,… (Giới thiệu thành tựu theo gợi ý: Tên thành tựu; quốc gia; câu chuyện lịch sử gắn với thành tựu; mô tả vắn tắt về thành tựu; lí do em chọn thành tựu đó để giới thiệu,…)

– **Câu 3.** Gợi ý trả lời: GV lưu ý những quốc gia tiền thân, tức là những quốc gia có trước biến thành hay chuyển thành, phát triển thành quốc gia hiện tại.

+ Sử dụng lại lược đồ 11.1, 11.2 để xác định các quốc gia Đông Nam Á hiện tại và những quốc gia phong kiến trong phạm vi lãnh thổ của các quốc gia hiện tại.
+ Những quốc gia không còn xuất hiện sau thế kỉ XIII và không có sự tiếp nối: Ha-ri-pun-giay-a (Haripunjaya)
+ Những quốc gia sáp nhập hoặc thống nhất vào với những quốc gia lớn và mạnh hơn: Chăm-pa (Champa) sáp nhập vào Đại Việt, Su-khô-thay (Sukhothai) sáp nhập vào A-út-thay-a (Ayutthaya).
+ Những quốc gia tiền thân của các quốc gia Đông Nam Á hiện tại: Đại Việt (Việt Nam); Cam-pu-chia (Campuchia); A-út-thay-a (Thái Lan); Lan Xang (Lào); Ma-lắc-ca (Ma-lai-xi-a); Sri Vi-giay-a (Sri Vijaya), Mô-giô-pa-hít (Majapahit) (In-đô-nê-xi-a); Pa-gan, Tôn-gu (Tongu) (Mi-an-ma).

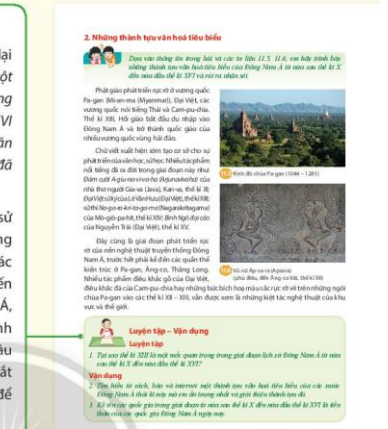
2. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu

Dựa vào thông tin trong bài và các tư liệu 11.5, 11.6, em hãy trình bày những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI và nêu ra nhận xét.

Phật giáo phát triển rực rỡ ở vương quốc Pa-gan (Mi-an-ma (Myanmar)), Đại Việt, các vương quốc nói tiếng Thái và Cam-pu-chia. Thế kỉ XIII, Hồi giáo bắt đầu du nhập vào Đông Nam Á và trở thành quốc giáo của nhiều vương quốc vùng hải đảo.

Chữ viết xuất hiện sớm tạo cơ sở cho sự phát triển của văn học, sử học. Nhiều tác phẩm nổi tiếng đã ra đời trong giai đoạn này như *Ramakien* (Râm cười A-giu-tơ-ri-a và hoàng hậu Xi-ta) của nhà thơ người Gia-va (Java), Kan-va, thế kỉ XI; *Đại Việt sử ký toàn thư* (Đại Việt), thế kỉ XIII; sử thi Ne-ga-ra-kri-ta-ga-ma (Nagarakritagama) của Mô-giô-pa-hít, thế kỉ XIV; *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi (Đại Việt), thế kỉ XV.

Đây cũng là giai đoạn phát triển rực rỡ của nền nghệ thuật truyền thống Đông Nam Á, trước hết phải kể đến các quần thể kiến trúc ở Pa-gan, Ăng-co, Thăng Long. Nhiều tác phẩm điêu khắc gỗ của Đại Việt, điêu khắc đá của Cam-pu-chia hay những bức bích hoạ màu sắc rực rỡ về triều những ngôi chùa Pa-gan vào các thế kỉ XII – XIII, vẫn được xem là những kiệt tác nghệ thuật của khu vực và thế giới.

Hình 11.5. Kinh đô chùa Pa-gan (1044 – 1301)

Hình 11.6. Vũ nữ Áp-sa-ra (Apsara) (phù điêu, đền Ăng-co Vát, thế kỉ XII)

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Tại sao thế kỉ XIII là một mốc quan trọng trong giai đoạn lịch sử Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI?

Vận dụng

2. Tìm hiểu từ sách, báo và internet một thành tựu văn hoá tiêu biểu của các nước Đông Nam Á thời kì này mà em ấn tượng nhất và giới thiệu thành tựu đó.

3. Kể tên các quốc gia trong giai đoạn từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI là tiền thân của các quốc gia Đông Nam Á ngày nay.

44

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Đường thời gian về giai đoạn ra đời và phát triển của các quốc gia Đông Nam Á

2. Bảng tóm tắt các đế chế ở Đông Nam Á (thế kỉ X – thế kỉ XVI)

11.3

Bảng tóm tắt các đế chế khu vực Đông Nam Á thế kỉ X – XVI

Tên đế chế	Giai đoạn	Kinh đô	Phạm vi kiểm soát
Cam-pu-chia	Thế kỉ IX – XV	Ăng-co	Cam-pu-chia ngày nay. Thế kỉ XII, kiểm soát cả hạ lưu sông Mê Nam, bán đảo Ma-lai-a (Malaya) và phía nam Chăm-pa.
A-út-thay-a	Thế kỉ XIV – XVIII	A-út-thay-a	Thái Lan, một phần Cam-pu-chia, bán đảo Ma-lai-xi-a.
Ma-lắc-ca	Thế kỉ XV – XVI	Ma-lắc-ca	Bán đảo Ma-lai-xi-a, đảo Ca-li-man-tan (Calimantan), đông bắc đảo Xu-ma-tra (Sumatra)

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Cam-pu-chia.
- Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co.
- Văn hoá của vương quốc Cam-pu-chia.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Khai thác và sử dụng được thông tin của các tư liệu hình ảnh và tư liệu văn bản để tìm hiểu về vương quốc Cam-pu-chia.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

- Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Cam-pu-chia.
- Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co.
- Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của vương quốc Cam-pu-chia.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

Vận dụng kiến thức có trong bài về Ăng-co Vát (Angkor Wat), quan sát cờ Cam-pu-chia hiện tại để biết được nguồn gốc và ý nghĩa biểu tượng trên quốc kì của quốc gia láng giềng Cam-pu-chia.

4. Hình thành những phẩm chất

Nhân ái: Có sự đồng cảm và tôn trọng cư dân nước láng giềng Cam-pu-chia.

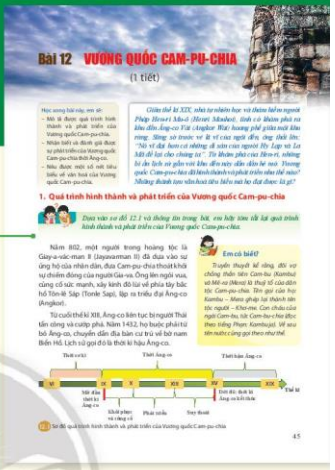

Bài 12 VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA

(1 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
- Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia.
- Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co.
- Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Cam-pu-chia.

Giữa thế kỉ XIX, nhà tự nhiên học và thám hiểm người Pháp Henri Mu-ô (Henri Mouhot, ảnh có thêm phía sau khu đền Ăng-co Vát (Angkor Wat) hoang phế giữa rừng rậm. Sững sờ trước vẻ lộ về của ngôi đền, ông thốt lên: "Nó vĩ đại hơn cả những gì xây của người Hy Lạp và La Mã để lại cho chúng ta". Tại khám phá của Hen-ri, những bí ẩn lịch sử gần với khu đền này dần dần hé mở. Vương quốc Cam-pu-chia đã hình thành và phát triển như thế nào? Những thành tựu văn hoá tiêu biểu mà họ đạt được là gì?

1. Quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia

Dựa vào sơ đồ 12.1 và thông tin trong bài, em hãy tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia.

Năm 802, một người trong hoàng tộc là Gây-a-vác-man II (Jayavarman II) đã đưa vào sử dụng hệ của nhân dân, đưa Cam-pu-chia thoát khỏi sự chiếm đóng của người Gia-va. Ông lên ngôi vua, củng cố sức mạnh, xây kinh đô lúc về phía tây bắc hồ Tôn-lê Sáp (Tonle Sap), lập ra triều đại Ăng-co (Angkor).

Từ cuối thế kỉ XII, Ăng-co liên tục bị người Thái tấn công và cướp phá. Năm 1432, họ buộc phải từ bỏ Ăng-co, chuyển dần địa bàn cư trú về bờ nam Biển Hồ. Lịch sử gọi đó là thời kì hậu Ăng-co.

Em có biết?

Truyền thuyết kể rằng, đời vợ chồng thần tiên Cam-bu (Kambu) và Mê-nê (Mera) là thuỷ tổ của dân tộc Cam-pu-chia. Tên gọi của họ Kambu – Mera ghép lại thành tên tộc người – Khơ-me. Cam chúa của người Cam-bu, tức Cam-bu-ri-ha (theo tiếng Phạn: Kambuja). Về sau tên nước cũng gọi theo như thế.

H Sơ đồ quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia

45

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết cách đọc một sơ đồ đường thời gian ngang, biểu đồ liệt kê, hiển thị các mốc sự kiện, thời gian theo thứ tự thời gian của lịch sử Cam-pu-chia:

- Đọc tiêu đề để khám phá chủ đề của dòng thời gian: Quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Cam-pu-chia.
- Xác định khoảng thời gian, dòng thời gian thể hiện (khoảng thế kỉ VI đến thế kỉ XIX), mốc thời gian sớm nhất được hiển thị ở đầu bên trái. (thế kỉ VI).
- Đọc các sự kiện và thế kỉ theo trình tự, lưu ý mốc thế kỉ IX và thế kỉ XV.
- Đọc các sự kiện gắn với các mốc thời gian.
- Sử dụng thông tin thu thập được, để trả lời các câu hỏi:

+ Khoảng thời gian nào triều đại Ăng-co (Angkor) đánh mất đi sự vĩ đại của nó?

+ Sự kiện nào kết thúc thời kì Ăng-co trong lịch sử Cam-pu-chia?

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

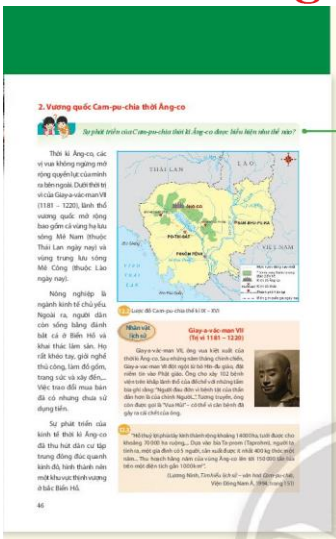

2. Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co

Sự phát triển của Cam-pu-chia thời kì Ăng-co được biểu hiện như thế nào?

Thời kì Ăng-co, các vị vua không ngừng mở rộng quyền lực của mình ra bên ngoài. Dưới thời trị vì của Giay-a-vác-man VII (1181 – 1220), lãnh thổ vương quốc mở rộng bao gồm cả vùng hạ lưu sông Mê Nam (thuộc Thái Lan ngày nay) và vùng trung lưu sông Mê Công (thuộc Lào ngày nay).

Nông nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu. Ngoài ra, người dân còn sống bằng đánh bắt cá ở Biển Hồ và khai thác lâm sản. Họ rất khéo tay, giỏi nghề thủ công, làm đồ gốm, trạng sức và xây đền,... Việc trao đổi mua bán đã có nhưng chưa sử dụng tiền.

Sự phát triển của kinh tế thời kì Ăng-co đã thu hút dân cư tập trung đông đúc quanh kinh đô, hình thành nên một khu vực thịnh vượng ở bắc Biển Hồ.

Lược đồ Cam-pu-chia thế kỉ IX – XV

Nhân vật lịch sử

Giay-a-vác-man VII
(Tri vì 1181 – 1220)

Giay-a-vác-man VII, ông vua kiệt xuất của thời kì Ăng-co. Sau những năm tháng chinh chiến, Giay-a-vác-man VII đã đưa người Cam-pu-chia đến niềm tin vào Phật giáo. Ông cho xây 102 bệnh viện trên khắp lãnh thổ của Đế chế và những lần ông ghi công "Người đau đớn vì bệnh tật của thần dân hơn là của chính Người,". Tương truyền, ông còn được gọi là "Vua Hủi" – có thể vì căn bệnh đã gây ra cái chết của ông.

"Hồ thuỷ lợi phía tây kinh thành vòng khoảng 1 600 ha, tuổi được cho khoảng 70 000 ha ruộng,... Dọc các bờ Ta-prom (Taprohm), người ta tính ra, một gia đình có 5 người, cần xuất được 4 tấn 400 kg thóc một năm... Thu hoạch hàng năm của vùng Ăng-co lên tới 150 000 tấn lúa trên một diện tích gần 1000 km²."

(Lương Ninh, *Tìm hiểu lịch sử – văn hoá Cam-pu-chia*, Việt Đông Nam Á, 1996, trang 151)

46

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** Khai thác và sử dụng được tư liệu 12.2, 12.3, 12.4.

+ Lược đồ 12.2: Yêu cầu HS xác định địa bàn cư trú chính của Cam-pu-chia thế kỉ IX đến thế kỉ XV gắn với Biển Hồ; xác định vị trí kinh đô Ăng-co, kinh đô thời kì hậu Ăng-co, khu vực "Vành cung thịnh vượng bắc Biển Hồ". (chú ý kết hợp phần "Em có biết") .

+ Đọc – hiểu tư liệu 12.3: Ý chính mà đoạn văn phản ánh là gì? Những số liệu cho thấy điều gì?.

+ Giải mã hình ảnh tư liệu 12.4: Bức phù điêu trên đền Bay-on (Bayon) thế kỉ XIII, mô tả điều gì? Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đó là cảnh sinh hoạt của một ngôi chợ vì có cảnh người cầm những cốc rượu, người bán gạo vào hũ (?), người đang bắt động vật,... Tuy nhiên, rõ ràng bức phù điêu miêu tả cảnh sinh hoạt của cư dân Ăng-co vào thế kỉ XIII là khá rõ (nghề thủ công nghiệp (xây gạch), săn bắt thú rừng, thu hoạch lúa gạo, nấu rượu?… phản ánh sự đông đúc, nhộn nhịp, sầm uất của kinh thành.

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Nêu được những biểu hiện về sự phát triển của Cam-pu-chia thời kì Ăng-co: chính trị, kinh tế.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

– *Gợi ý 1:* GV dùng phần dẫn nhập trong sách để dẫn dắt HS.

– *Gợi ý 2:* GV cho HS xem bản đồ và các hình ảnh về Biển Hồ Tôn-lê Sáp (Tonle Sap) và dẫn vào bài.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Nêu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu, điển hình cho nền văn hoá Cam-pu-chia: HS phải nhận thức được những thành tựu nào là thành tựu văn hoá tiêu biểu? (Chữ viết: Giá trị của bi kí trong các công trình kiến trúc và niên giám hoàng gia viết trên lá cọ đối với lịch sử của đất nước; Phật giáo là quốc giáo của Cam-pu-chia hiện nay; Campuchia là đất nước có nhiều công trình kiến trúc truyền thống nhất Đông Nam Á).

Em có biết?

"Vành cung thịnh vượng Biển Hồ" là một thuật ngữ lịch sử dùng để chỉ khu vực có nền nông nghiệp phát triển, dân cư đông đúc nhất thời kì Ăng-co, chủ yếu thuộc các tỉnh Xiêm Riệp (Siem Reap), Kom-pông Thom (Kampong Thom) và một phần tỉnh Bát-đom-boong (Battambang) ngày nay.

Đời sống sản xuất và sinh hoạt hằng ngày của người dân Ăng-co (phù điêu, đền Bay-on (Bayon), thế kỉ XIII)

3. Văn hoá của Vương quốc Cam-pu-chia

Nêu một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Cam-pu-chia.

Nhờ có chữ viết và sử dụng phổ biến chữ Phạn, Cam-pu-chia đã lưu giữ được lịch sử qua bi kí gắn với những công trình kiến trúc. Từ thế kỉ XIV trở đi, chữ Khơ-me dần dần thay thế chữ Phạn, niên giám hoàng gia được viết trên lá cọ. Ngoài ra, các tác phẩm văn học dân gian, truyện thơ, sử thi cũng phát triển khá phong phú, tiêu biểu như sử thi Riêm Kê (Reamker), Ju-te-ca (Jataka) – các bài kinh kể lại sự tích, tiền kiếp của đức Phật,...

Khoảng đầu thế kỉ XII, đạo Phật bắt đầu du nhập vào Cam-pu-chia, thay thế dần Hin-đu giáo và chiếm ưu thế trong xã hội Cam-pu-chia cho đến tận ngày nay.

Hàng trăm đền, tháp lớn nhỏ đã được xây dựng. Trong đó, hai công trình nổi bật là Ăng-co Vát và Ăng-co Thom (Angkor Thom).

Ăng-co Vát (Cam-pu-chia, thế kỉ XII)

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Em hãy đánh giá sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co.
2. Vì sao các vua Cam-pu-chia rất chú ý đến công tác thuỷ lợi?

Vận dụng

1. Hãy quan sát quốc kì của Vương quốc Cam-pu-chia ngày nay và cho biết: Hình ảnh trong quốc kì lấy ý tưởng từ công trình kiến trúc nào của Cam-pu-chia thời kì Ăng-co.

47

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời: Tóm tắt lại những biểu hiện của sự phát triển trước khi rút ra nhận xét:

Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co được coi là thời kì thịnh trị nhất, đặc biệt dưới triều vua Giay-a-vác-man VII (Jayavarman VII): lãnh thổ mở rộng, các sử gia gọi đây là thời kì "Đông Nam Á dưới bóng Ăng-co"; kinh tế phồn vinh "vành cung thịnh vượng bậc Biển Hồ"; xã hội ổn định (trên đền Ăng-co Vát, Bay-on còn lưu giữ lại những cảnh sinh hoạt đông vui nhộn nhịp của thời kì Ăng-co, tác phẩm *Chân Lạp phong thổ ký* của Chu Đạt Quan viết về đời sống sung túc của cư dân Ăng-co,...); văn hoá phát triển rực rỡ (các công trình kiến trúc trong đó có Ăng-co Vát và Ăng-co Thom (Angkor Thom)... đều được xây dựng vào thời kì này). Tuy nhiên, thời kì Ăng-co cũng là thời kì của các cuộc chiến tranh mở rộng lãnh thổ, xâm chiếm các quốc gia láng giềng như Chăm-pa,...

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời: GV cho HS khai thác lại thông tin trong bài để trả lời:

Vì nông nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu của cư dân. Các hồ chứa nước cung cấp nước cho các ruộng lúa, sản lượng thóc lúa dồi dào. (Theo cách tính của người Pháp dựa trên đi chỉ, chỉ tính riêng hệ thống hồ thuỷ lợi phía tây kinh thành đã cung cấp nước cho hơn 1 000 km^2 đất canh tác nông nghiệp).

GV lưu ý khai thác thêm lược đồ 12.2, HS quan sát các kí hiệu trên lược đồ về vị trí Biển Hồ, vị trí kinh đô, các khu vực quần cư, phát triển nông nghiệp (vành cung thịnh vượng), đặc biệt kí hiệu mực nước dâng cao nhất của Biển Hồ. Từ đó, nhận thức được vị trí kinh đô nằm trên bờ hồ và điều kiện tự nhiên là một lí do quan trọng để các hồ thuỷ lợi hiện diện trong lịch sử Cam-pu-chia.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (tt)

– **Câu 3.** Gợi ý trả lời: Câu hỏi vận dụng. HS quan sát hình 12.5, kết hợp với kiến thức trong bài về những công trình kiến trúc điển hình của thời kì Ăng-co, quan sát biểu tượng trên quốc kì của vương quốc Cam-pu-chia hiện nay để đưa ra câu trả lời. Tuy nhiên, do biểu tượng là hình phẳng, nhìn từ một mặt của cụm đền tháp, chỉ thể hiện được 3 cụm tháp, nên GV phải giải thích thêm để HS không thắc mắc giữa ngọn tháp trên thực tế và 3 ngọn tháp trên quốc kì.

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Lược sử về quá trình hình thành vương quốc Cam-pu-chia

Địa bàn sinh tụ đầu tiên của cư dân Cam-pu-chia là ở phía bắc nước Cam-pu-chia ngày nay, nơi sông Xê Mun đổ vào dòng Mê Công. Họ lập nước vào thế kỉ VI, sử Trung Hoa gọi là Chân Lạp còn họ tự gọi tên nước mình là Cam-pu-chia. Thế kỉ VII, họ chiếm Phù Nam, một bộ phận dân cư di chuyển xuống phía nam "vượt ra khỏi ranh giới của tổ tiên", kinh đô đóng ở Sam-bu-pu-ra (Shambhupura). Suốt thế kỉ VIII, họ bị người Gia-va (Java) xâm lược và chiếm đóng.

2. Ngày tàn của đế chế Angkor

…Trong phòng thiết triều ở Angkor Thom, cảnh điêu tàn vì chiến trận vẫn còn bao phủ. Vua Ponhea Yat gọi đông đủ hoàng gia và quần thần lại tuyên bố: "Vương quốc ta có kẻ thù là Siam. Xưa kia, các tỉnh phía tây đông đúc dân cư, nay đã bị mất về tay bọn Siam. Những tỉnh còn thuộc về ta, cũng bị chúng bắt mất nhiều dân, mà chúng ta thì không có đủ người để đưa đến đó. Nếu như muốn lấy lại các tỉnh đã bị mất thì các tỉnh đó đang bị chúng canh giữ cẩn thận, mà chúng ta thì chưa đủ sức bắt đầu lại cuộc chiến. Những tỉnh ở gần biên giới đã không còn đủ khả năng tổ chức lực lượng bảo vệ khi bị quân thù tấn công. Kinh đô rộng lớn có tường thành vững chắc nhưng ít người, không đủ phòng vệ. Nếu như bọn Siam lại tấn công, các thiện nam tín nữ và các người Bà La Môn ắt sẽ bị tổn hại.

Chúng ta hãy rời bỏ kinh đô mà chúng ta không bảo vệ được, chuyển về Srey Sar Thor. Chúng ta sẽ dựng kinh đô mới. Ở đó, nếu có giặc, ta có điều kiện phòng giữ từ xa, kịp tổ chức quân đội đánh lại trước khi chúng đến gần cung điện của ta".

Thế là đoàn người ra đi. Giã từ Angkor lần cuối! Angkor quang vinh và Angkor điêu tàn! Họ xuống những chiếc thuyền lớn trong tiếng trống, tiếng chiêng tiễn biệt bùi ngùi của đoàn quân nhạc. Rồi chính đoạn này cũng lên đường, bỏ lại sau lưng Angkor không một bóng người.

(Lê Vinh Quốc (Chủ biên), Hà Bích Liên, *Các nhân vật lịch sử trung đại, tập 1: Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997, trang 37 – 38)

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Lào.
- Vương quốc Lào thời Lan Xang.
- Một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Khai thác và sử dụng được thông tin của các tư liệu hình ảnh và tư liệu văn bản để tìm hiểu về vương quốc Lào.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

- Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Lào.
- Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của vương quốc Lào thời Lan Xang.
- Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của vương quốc Lào.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

Từ bức tranh khảm ở chùa Xiêng Thông, thế kỉ XVI, quan sát và xác định được giá trị văn hoá truyền thống nào của Lào đến nay vẫn được bảo tồn và phát triển.

4. Hình thành những phẩm chất

Yêu quý và tôn trọng cư dân láng giềng Lào.

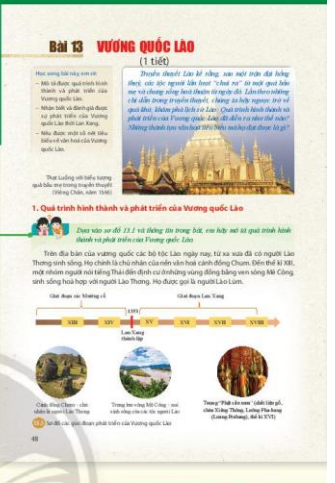

Bài 13 VƯƠNG QUỐC LÀO

(1 tiết)

1. Quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào

48

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết cách đọc một sơ đồ đường thời gian ngang, biểu đồ liệt kê, hiển thị các mốc sự kiện, thời gian theo thứ tự thời gian của lịch sử vương quốc các bộ tộc Lào:

- Đọc tiêu đề để khám phá chủ đề của dòng thời gian: Quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Lào.
- Xác định khoảng thời gian dòng thời gian thể hiện (khoảng thế kỉ XIII đến thế kỉ XVIII), mốc thời gian sớm nhất được hiển thị ở đầu bên trái. (khoảng trước thế kỉ XIII).
- Đọc các sự kiện và thế kỉ theo trình tự, lưu ý mốc giữa thế kỉ XIV – 1353: năm vương quốc Lan Xang thành lập.
- Đọc các sự kiện gắn với các mốc thời gian. (Mốc thế kỉ XIII: người Thái di cư đến, mốc thế kỉ XIV – 1353: Lan Xang thành lập, XVI – XVII: Lan Xang thịnh vượng, XVIII: suy tàn).
- Quan sát tư liệu hình ảnh thể hiện những sự kiện chính hay những đặc trưng tiêu biểu ở mỗi một giai đoạn: Cánh đồng Chum là thời kì các Mường Lào trước khi người Thái Lào (Lào Lùm) di cư xuống vùng trung lưu sông Mê Công, cũng là địa bàn cư trú chủ yếu của người Lào Lùm.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

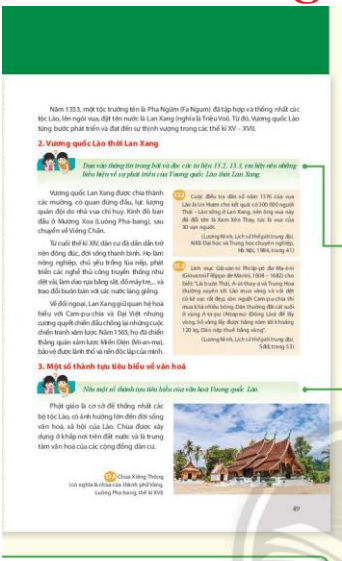

Năm 1353, một tộc trưởng tên là Pha Ngừm (Fa Ngum) đã tập hợp và thống nhất các tộc Lào, lên ngôi vua, đặt tên nước là Lan Xang (nghĩa là Triệu Voi, Vương quốc Lào từng bước phát triển và đạt đến sự thịnh vượng trong các thế kỉ XV – XVII.

2. Vương quốc Lào thời Lan Xang

Dựa vào thông tin trong bài và đặc các tư liệu 13.2, 13.3, em hãy nêu những biểu hiện về sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.

Vương quốc Lan Xang được chia thành các mường, có quan đứng đầu, lực lượng quân đội do nhà vua chỉ huy. Kinh đô ban đầu ở Mường Xoa (Luông Pha-bang), sau chuyển về Viêng Chăn.

Từ cuối thế kỉ XIV, dưới cai đã dần dần trở nên đông đúc, đời sống thanh bình. Họ làm nông nghiệp, chủ yếu trồng lúa nếp, phát triển các nghề thủ công truyền thống như dệt vải, làm đao rựa bằng sắt, đồ mây tre,... và trao đổi buôn bán với các nước láng giềng.

Về đối ngoại, Lan Xang giữ quan hệ hoà hiếu với Cam-pu-chia và Đại Việt nhưng cương quyết chiến đấu chống lại những cuộc chiến tranh xâm lược. Năm 1565, họ đã chiến thắng quân xâm lược Miến Điện (Mi-an-ma), bảo vệ được lãnh thổ và nền độc lập của mình.

3. Một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá

Nêu một số thành tựu tiêu biểu của văn hoá Vương quốc Lào.

Phật giáo là cơ sở để thống nhất các bộ tộc Lào, có ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hoá, xã hội của Lào. Chùa được xây dựng ở khắp nơi trên đất nước và là trung tâm văn hoá của các cộng đồng dân cư.

Chùa Xiêng Thông (nổi tiếng là chùa của thành phố Vàng, Luông Pha-bang, thế kỉ XVII)

Tượng "Phật cầu mưa" đặc sắc và duy nhất trong nghệ thuật Phật giáo trên thế giới thể hiện mối liên hệ gắn bó giữa Phật giáo với đời sống sản xuất nông nghiệp của nhân dân Lào. Tác phẩm nghệ thuật gắn với thời kì phát triển của vương quốc Lan Xang.

– Sử dụng thông tin thu thập được, để trả lời các câu hỏi:

+ Khoảng thời gian nào người Lào Lùm có mặt ở khu vực cư trú hiện nay của họ?

+ Khoảng thời gian nào vương quốc Lan Xang phát triển nhất?

(Giai đoạn các Mường cổ là giai đoạn dân tộc Thái người Lào vẫn còn được tổ chức một cách lỏng lẻo thành nhiều thực thể nhỏ gọi là muang (mường).

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

– *Gợi ý 1:* GV dùng phần dẫn nhập trong sách để dẫn dắt HS.

– *Gợi ý 2:* GV cho HS xem công trình Thạt Luổng và dẫn vào bài.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

+ Đọc – hiểu tư liệu 13.2 (dân số ở Lan Xang tăng vào cuối thế kỉ XIV – biểu hiện của sự thịnh vượng).

+ Đọc – hiểu tư liệu 13.3 (sự phát triển kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp vào thế kỉ XVI – XVII).

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Nêu được những biểu hiện về sự phát triển của vương quốc Lào thời kì Lan Xang: hành chính, dân số, kinh tế, đối ngoại.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

+ Khai thác và sử dụng được tư liệu 13.4 (Hình ảnh chùa Lào, biểu hiện cho sự phát triển của Phật giáo).

+ Giải mã những chi tiết trong bức tranh khảm bằng gạch màu 13.5: sự sùng kính Phật giáo phổ biến trong dân chúng (cầu nguyện và bố thí); lễ hội (hình người nhảy múa), âm nhạc (đàn trống,...) .

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Nêu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu, điển hình cho nền văn hoá Lào: HS phải nhận thức được những thành tựu nào là thành tựu văn hoá tiêu biểu? (Phật giáo có ảnh hưởng sâu đậm đến toàn bộ cuộc sống, sinh hoạt, tín ngưỡng của người Lào; dòng văn học truyền miệng có từ lâu đời và được truyền qua nhiều thế hệ; là xứ sở của hội hè, âm nhạc, ca hát và múa).

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời:

Thời gian thành lập	Tình hình chính trị	Tình hình kinh tế	Tình hình xã hội	Thành tựu văn hoá
1353	– Sự hoà hợp giữa người Lào Thơng và Lào Lùm. – Đơn vị hành chính là các mường, kinh đô là Viêng Chăn, vua trực tiếp chỉ huy quân đội. – Quan hệ hoà hiếu với các quốc gia láng giềng.	Nông nghiệp trồng lúa nếp; khai thác vàng, dệt vải, đồ mây tre,... giao thương với các nước trong khu vực.	Hoà thuận, dân số tăng nhanh.	Phật giáo, chùa chiền, âm nhạc, nhảy múa.

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời: Dựa vào bảng tóm tắt câu 1 để đánh giá sự phát triển của Lan Xang:

+ Ra đời muộn và phát triển vào các thế kỉ XVI – XVII, thời kì kinh đô ở Viêng Chăn;

+ Phát triển trên cơ sở hoà hợp giữa các tộc người, kinh tế nông nghiệp là nền kinh tế chủ đạo, xã hội yên bình, Phật giáo là quốc giáo.

Sự phát triển của vương quốc Lào thời kì Lan Xang là cơ sở cho sự phát triển của xã hội và văn hoá Lào ngày nay.

– **Câu 3.** Gợi ý trả lời: Giá trị văn hoá truyền thống nào của Lào đến nay vẫn được bảo tồn và phát triển qua tranh khảm 13.5: *Phật giáo, trang phục truyền thống, âm nhạc khèn và trống, hát Lăm-tơi và múa Lăm-vông truyền thống.*

(GV sưu tầm thêm video múa Lăm-vông trên Youtube để HS theo dõi).

Chân trời sáng tạo

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Tóm tắt lịch sử Lào

Thư tịch cổ Việt Nam gọi những tộc người láng giềng phía tây, sống bên kia dãy Trường Sơn là Ai Lao. Họ chính là người Lào Thơng, nhóm cư dân có mặt sớm nhất trên đất nước Lào và là chủ nhân của di tích văn hoá cánh đồng Chum (Xiêng Khoảng). Người Lào Thơng sống trên vùng cao nhiều hơn dưới đồng bằng, trồng lúa nếp như là cây lương thực chính và đã có những sản phẩm thủ công nghiệp độc đáo như dao rựa bằng sắt và đồ mây tre.

Thế kỉ XIII, một nhóm người nói tiếng Thái men theo dòng Mê Công, di cư tới, định cư ở những vùng đồng bằng ven sông, nơi dân cư còn thưa thớt, sinh sống hoà hợp với người Lào Thơng. Họ được gọi là người Lào Lùm.

Các tộc người cũ, mới cộng cư với nhau, tạo nên một cộng đồng dân cư mới, dẫn đến bước chuyển biến quan trọng diễn ra vào nửa sau thế kỉ XIV – sự thành lập vương quốc Lan Xang.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Dòng văn học truyền miệng với kho tàng truyện cổ tích, truyện thuyết,... đã có từ rất lâu. Đó là những truyện thuyết về quá trình khai thiên lập địa truyện Pu Nhơ - Nha Nhơ, hay truyện thuyết về nguồn gốc các tộc người Lào (Quí hảu Nậm). Vào khoảng thế kỉ XIV, chữ Lào ra đời với các nét chữ cong, cũng dựng chữ với Cam-pu-chia và Miến Điện. *Lời huấn thị của Pha Ngừm* hay truyện ca *Xin Xay*,... là những tác phẩm văn học lớn của Lào giai đoạn này.

Tranh khắm gạch mầu (chùa Xiêng Thông, thế kỉ XVI)

Lào còn là xứ sở của hội hè. Người Lào thích ca hát nhảy múa. Họ nổi tiếng với những điệu hát Lăm và điệu múa Lăm-vông truyền thống.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Hoàn thành bảng tóm tắt lịch sử Vương quốc Lào thời Lan Xang theo mẫu dưới đây:

Thời gian thành lập	Tình hình chính trị	Tình hình kinh tế	Tình hình xã hội	Thành tựu văn hoá
?	?	?	?	?

2. Dựa vào bảng tóm tắt đã hoàn thành trong câu 1, hãy đánh giá sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.

Vận dụng

3. Quan sát tư liệu 13.3, em hãy cho biết giá trị văn hoá truyền thống nào của Lào đã và đang được bảo tồn và phát triển.

50

Chân trời sáng tạo

Đến thế kỉ XVIII, Lan Xang suy yếu dần vì những cuộc tranh chấp ngôi báu trong hoàng tộc, phân liệt thành ba tiểu quốc, rồi lệ thuộc vào Thái Lan cho đến khi bị thực dân Pháp xâm lược vào năm 1893.

2. Nhân vật lịch sử

Xệt Thả Thi Lạt (Xaysethathirath), người anh hùng của dân tộc Lào, lãnh đạo nhân dân các mường Lào chiến thắng quân xâm lược Miến Điện và mở rộng lãnh thổ xuống vùng Nam Lào vào năm 1571. Sau chiến thắng, ông dời đô từ Mường Xoa về Viêng Chăn, xây Thạt Luổng, biểu tượng thống nhất của nhân dân Lào. Mường Xoa cũng mang tên mới – thành Luông Pha-bang (Kinh thành Phật) từ đây.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Quá trình xây dựng và củng cố nhà nước quân chủ sơ khai thời Ngô, Đinh, Tiền Lê.
- Quá trình giữ nước, chống quân Tống xâm lược, củng cố và bảo vệ độc lập dân tộc, thời Tiền Lê.
- Những nét chính về đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội Việt Nam trong thế kỉ X.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

- Biết cách thu thập, xử lí thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử Việt Nam thời Ngô, Đinh, Tiền Lê.
- Biết sử dụng tư liệu trong bài học để giải quyết các yêu cầu học tập do GV tổ chức.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

- Nêu được những nét chính về Việt Nam thời Ngô.
- Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh.
- Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981.
- Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.
- Nhận biết được đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.
- Giải thích được những việc làm thể hiện ý thức độc lập tự chủ của Ngô Quyền, Đinh Tiên Hoàng trong xây dựng đất nước.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

- Nhận xét được những điểm nổi bật về kinh tế, văn hoá, xã hội thời Đinh – Tiền Lê.
- Liên hệ thực tiễn cuộc sống và giới thiệu được một nhân vật lịch sử đã có công dựng nước hoặc giữ nước thời Ngô, Đinh, Tiền Lê khiến bản thân khâm phục, muốn học tập và noi gương.

4. Hình thành những phẩm chất

Yêu nước: Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc, ghi nhớ công ơn xây dựng đất nước của tổ tiên.

Chương 5 VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI

Bài 14 CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC THỜI NGÔ – ĐINH – TIỀN LÊ (938 – 1009)

(4 tiết)

1. Ngô Quyền dựng nền độc lập

Năm 939, Ngô Quyền xưng vương, bỏ chức Tiết độ sứ và đóng đô ở Cổ Loa (nay thuộc Đông Anh, Hà Nội). Vua đứng đầu triều đình, dưới có các chức quan văn, võ thiết lập bộ máy chính quyền mới và cử tướng lĩnh trấn giữ các châu quan trọng ở địa phương. Ngô Quyền ở ngôi được 6 năm, đất nước bình yên, nền độc lập dân tộc được củng cố, tạo nền tảng cơ bản cho sự phát triển ở các thế kỉ sau.

Em có biết?

Ngô Quyền và Phùng Hưng đều bắt đầu dấy binh khởi nghiệp ở Đường Lâm. Lịch sử gọi đây là vùng đất "hai vua". Chiếc cổng làng mà em thấy trong bức tranh bên cạnh vẫn còn khắc dòng chữ cổ, nghĩa là "Thời nào cũng có người giỏi".

Cổng làng cổ Đường Lâm (Hà Nội) – "Làng hai vua"

51

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động 1:

- **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** Đọc hiểu tư liệu 14.1 và "Em có biết" để tìm hiểu những nét chính về sự thành lập nhà Ngô.
- **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Nêu được nêu những việc làm thể hiện ý thức độc lập, tự chủ của Ngô Quyền trong xây dựng đất nước (xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa (nay thuộc Đông Anh, Hà Nội), bỏ chức Tiết độ sứ, đặt trăm quan, chế định triều nghi phẩm phục, thiết lập bộ máy chính quyền mới và cử tướng lĩnh trấn giữ các châu quan trọng ở địa phương,…).

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

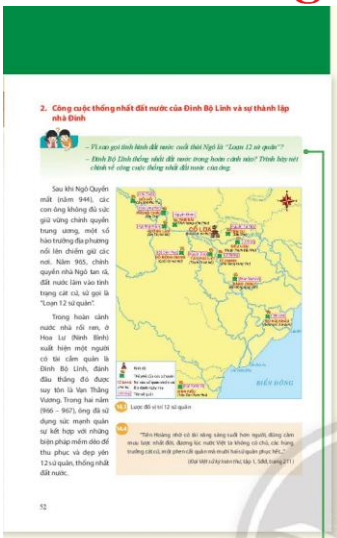

2. Công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh

– Em sẽ gọi tình hình đất nước cuối thời Ngô là "Loạn 12 sứ quân"?

– Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước trong hoàn cảnh nào? Trình bày nét chính về công cuộc thống nhất đất nước của ông.

Sau khi Ngô Quyền mất (năm 944), các con ông không đủ sức giữ vững chính quyền trung ương, một số hào trưởng địa phương nổi lên chiếm giữ các nơi. Năm 965, chính quyền nhà Ngô tan rã, đất nước lâm vào tình trạng cát cứ, sử gọi là "Loạn 12 sứ quân".

Trong hoàn cảnh nước nhà rối ren, ở Hoa Lư (Ninh Bình) xuất hiện một người có tài cầm quân là Đinh Bộ Lĩnh, dẹp dần đâu thẳng đó được suy tôn là Vạn Thắng Vương. Trong hai năm (966 – 967), ông đã sử dụng sức mạnh quân sự kết hợp với những biện pháp mềm dẻo để thu phục và dẹp yên 12 sứ quân, thống nhất đất nước.

Lược đồ sứ tử 12 sứ quân

"Tiên Hoàng nhờ có tài năng sáng suốt hơn người, dũng cảm mưu lược, nhất đời, dựng lúc nước Việt ta không có chủ, các hàng trưởng cát cứ, mỗi phen cất quân mà muốn hiệu lệnh quân phục, bèn [...]"

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1, NXB, trang 211)

52

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động 1:

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** Biết khai thác lược đồ 14.3 (Lưu ý HS chỉ rõ được các vùng cát cứ và tên các sứ quân cát cứ ở mỗi vùng trên lược đồ).

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử**: Giải thích được vì sao gọi tình hình đất nước cuối thời Ngô là "Loạn 12 sứ quân"? (Ngô Quyền mất, chính quyền nhà Ngô tan rã, một số hào trưởng địa phương nổi lên chiếm giữ các nơi, đất nước bị chia thành 12 vùng).

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

GV (có rất nhiều cách để GV bắt đầu giờ học, GV có thể xem để nghị dưới là một gợi ý)

– *Gợi ý 1:* Trò chơi ô chữ.

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1		D	I	N	H	B	O	L	I	N	H		
2				C	O	L	O	A					
3			N	G	O	Q	U	Y	E	N			
4	V	A	N	T	H	A	N	G	V	U	O	N	G
5				T	H	A	I	B	I	N	H		

1. (10 chữ cái) Vua sáng lập nhà Đinh (DINH BO LINH)
2. (6 chữ cái) Kinh đô Việt Nam thời Ngô (CO LOA)
3. (8 chữ cái) Vua sáng lập nhà Ngô, người đánh thắng quân Nam Hán (NGO QUYEN)
4. (13 chữ cái) Tên gọi tôn vinh tài năng quân sự của Đinh Bộ Lĩnh (VAN THANG VUONG)
5. (8 chữ cái) Niên hiệu của Đinh Tiên Hoàng (THAI BINH)

Ô chữ chủ: (9 chữ cái) **DAI CO VIET**

– *Gợi ý 2:* "Chiếc hộp âm nhạc"

GV sử dụng các bài hát, cho HS nghe nhạc đoán tên, HS nào đoán đúng tên bài hát nhanh nhất và đúng nhất sẽ thắng.

+ *Ngô Quyền*, sáng tác: Ngô Nguyễn Trấn và Tâm Thơ.
+ *Người anh hùng cờ lau*, sáng tác: Trương Quang Lục.
+ *Đinh Bộ Lĩnh*, sáng tác: Ngô Nguyễn Trấn và Tâm Thơ.
+ *Đinh Bộ Lĩnh*, sáng tác: Trầm Thiên Thu.
+ *Lê Đại Hành*, sáng tác: Ngô Nguyễn Trấn và Tâm Thơ. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: Những bài hát trên đề cập đến những nhân vật lịch sử nào? Những nhân vật này có điểm gì giống nhau?

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2 (tt)

Hoạt động 2:

– **Yêu cầu năng lực tìm hiểu lịch sử:** Biết khai thác lược đồ 14.3 và thông tin trong bài để tìm hiểu về hoàn cảnh đất nước trước khi Đinh Bộ Lĩnh tiến hành công cuộc thống nhất đất nước;

+ Đọc hiểu tư liệu 14.4, xác định chủ đề chính mà tư liệu phản ánh (Đinh Tiên Hoàng thống nhất đất nước), xác định được những từ và cụm từ thể hiện chủ đề (nước Việt ta không có chủ, cát cứ, cắt quân một phen mà 12 sứ quân phục hết).

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

+ Nêu được hoàn cảnh và những nét chính về công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh (Đinh Bộ Lĩnh khôn khéo sử dụng sức mạnh quân sự kết hợp với những biện pháp mềm dẻo để thu phục và dẹp yên các sứ quân thống nhất đất nước).

+ Nêu được những nét chính về sự thành lập nhà Đinh, giải thích được những việc làm thể hiện ý thức độc lập tự chủ của Đinh Bộ Lĩnh (xưng Hoàng đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư (Ninh Bình), lấy niên hiệu là Thái Bình, đúc tiền "Thái Bình hưng bảo",...)

– **Phát triển tư duy lịch sử:** HS làm rõ được mối liên hệ: nguyên nhân – hệ quả (Thắng lợi của Đinh Bộ Lĩnh dẹp yên loạn 12 sứ quân và sự thành lập nhà Đinh) dẫn đến hệ quả gì? (Khẳng định xu hướng thống nhất là tất yếu và khẳng định vị thế độc lập của Đại Cồ Việt).

– **Yêu cầu về năng lực vận dụng (mở rộng, nâng cao):** Từ kiến thức trong bài (tư liệu 14.5 và phần Em có biết) trong vai một người sống ở vùng Hoa Lư vào thế kỉ X, mô tả kinh đô Hoa Lư vào thời nhà Đinh.

Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng), đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư (Ninh Bình). Năm 970, vua đặt niên hiệu là Thái Bình, đúc tiền Thái Bình hưng bảo, khẳng định vị thế độc lập của Đại Cồ Việt.

Em có biết?

Những địa danh nổi tiếng của Thăng Long xưa, Hà Nội ngày nay như Ô Cầu Dền, phố Trống Tiến, phố Cầu Đông, chùa Một Cột, ngõ bà Bố Đề, thập Bát Thiên,... đều có nguồn gốc từ cố đô Hoa Lư.

Đồng tiền Thái Bình hưng bảo (thế kỉ X)

3. Cuộc kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê (năm 981)

Dựa vào lược đồ 14.8, em hãy nêu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê (năm 981).

Cuối thời Đinh, nội bộ triều đình lục đục, chia rẽ. Năm 979, Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị ám hại, con cả là Đinh Toàn nối ngôi khi mới sáu tuổi. Nhân cơ hội này, nhà Tống tăng cường xâm lược nước ta. Đất nước lâm nguy, tướng sĩ trong triều suy tôn Thập đạo tướng quân Lê Hoàn lên ngôi vua, lãnh đạo kháng chiến.

Trong khi triều đình đang họp bàn kế hoạch xuất quân thì Phạm Cự Lượng cùng các tướng quân khác đều mặc áo giáp trận đi thẳng vào Nội phủ yêu cầu tôn lập Thập đạo tướng quân Lê Hoàn làm Hoàng đế trước khi xuất quân đánh giặc (...). Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép: "Thái hậu thấy mọi người vui lòng quy phục bèn sai lấy áo long cổn khoác lên người Lê Hoàn, mời lên ngôi Hoàng đế". Nhà Tiền Lê thành lập.

(Phan Huy Lê (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005, trang 418)

53

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:**

+ Đọc hiểu tư liệu 14.7 để hiểu hoàn cảnh lịch sử cuộc kháng chiến chống Tống và sự hình thành nhà Tiền Lê.

+ Khai thác được lược đồ 14.8 để tìm hiểu về diễn biến cuộc kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê (năm 981).

(Lưu ý HS chỉ rõ được 2 hướng tấn công thuỷ bộ của quân Tống, vị trí xảy ra các trận đánh lớn,...).

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Mô tả được nét chính về cuộc kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê (năm 981).

+ GV có thể cho lập sơ đồ đường thời gian để làm rõ hơn về bối cảnh Lê Hoàn lên ngôi vua và nét chính diễn biến kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn.

Gợi ý sơ đồ đường thời gian với các mốc: 979, 981.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Đầu năm 981, Hầu Nhân Bảo chỉ huy quân Tống theo hai đường thuỷ, bộ tấn công Đại Cồ Việt. Lê Hoàn trực tiếp lãnh đạo kháng chiến, tổ chức mai phục, chặn đánh địch ở Lục Điầu Giang, Bạch Đằng, Tây Kết,... Tướng Hầu Nhân Bảo bị trận, quân Tống đại bại phải rút quân về nước. Nền độc lập của Đại Cồ Việt được giữ vững.

TỐNG
ĐẠI CỒ VIỆT
Lạng Châu
Vĩnh Bình
Châu Ung
Châu Khâm
Châu Liêm
Châu Quảng Nguyên
Châu Tư Lang
Châu Đô Kim
Châu Quy Hoá
Châu Vĩnh Thông
Châu Tô Mậu
Châu Thượng Kì
Châu Tư Nông
Châu Thăng Hoa
Châu Phong
Châu Thuận
Châu Hoan
Châu Diễn
Châu Cư Liên
Châu Lâm Bình
Châu Bố Chính
Châu Địa Lí
Châu Lâm Bình
Châu Ma Linh

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** GV có thể nêu vấn đề, gợi ý cho HS tìm hiểu câu hỏi mở rộng để trả lời phần luyện tập 1:

Gợi ý trả lời: HS có thể đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến trên. GV khuyến khích các em mạnh dạn nêu quan điểm của mình, miễn là hợp lí.

+ Có thể gợi ý bằng các câu hỏi: *Cổ Loa là kinh đô của vương quốc cổ nào? Vì sao Ngô Quyền chọn Cổ Loa làm kinh đô? Việc Ngô Quyền chọn Cổ Loa làm kinh đô có ý nghĩa như thế nào khi đất nước vừa khôi phục độc lập sau gần 1 000 năm Bắc thuộc? ⇒ khẳng định ý thức độc lập, tự chủ, kế tục sự nghiệp nước Âu Lạc xưa của An Dương Vương.*

+ *GV có thể lồng ghép các hoạt động trong mục này lên các phần hoạt động hoặc là bài tập, luyện tập kiểm tra kiến thức hoặc giao bài về nhà.*

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời: GV hướng dẫn HS hoàn thiện các thông tin ở cột sự kiện (A) tương ứng với (B) theo nội dung dưới đây:

	Sự kiện (A)	Ý nghĩa (B)
a	Năm 939, Ngô Quyền xưng vương, bỏ chức Tiết độ sứ và đóng đô ở Cổ Loa.	Mở đầu thời kì dựng nền độc lập.
b	Năm 966 – 967, Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân.	Khởi xướng quá trình thống nhất đất nước.
c	Năm 981, Lê Hoàn đánh thắng quân Tống.	Củng cố thống nhất đất nước.

– **Câu 3.** Hãy chọn và giới thiệu một nhân vật lịch sử đã có công dựng nước hoặc giữ nước thời Ngô, Đinh, Tiền Lê. Điều gì khiến em khâm phục, muốn học tập hoặc noi gương nhân vật đó? Hãy nêu ý kiến và giải thích (thực hiện ở Hoạt động 3).

Đây là câu hỏi HS tự làm, GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin trên internet, đọc một số tác phẩm giới thiệu các anh hùng dân tộc (Những vì sao đất nước; Những anh hùng làm nên lịch sử…)… suy nghĩ và tự làm bài tập ở nhà. Hoạt động này giúp HS phát triển năng lực vận dụng kiến thức để liên hệ thực tiễn cuộc sống. HS giới thiệu được một nhân vật lịch sử đã có công dựng nước hoặc giữ nước thời Ngô, Đinh, Tiền Lê khiến bản thân các em khâm phục, muốn học tập và noi gương, qua đó phát huy lòng yêu nước, biết ghi nhớ công ơn xây dựng đất nước của tổ tiên, từ đó có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc và có trách nhiệm với chính những hành động của mình ngày hôm nay.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Luyện tập – vận dụng

Luyện tập

1. Năm 939, Ngô Quyền xưng vương, chọn Cổ Loa làm kinh đô. Giải thích về quyết định này, nhiều ý kiến cho rằng Ngô Vương muốn tiếp nối truyền thống nước Âu Lạc xưa. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?

2. Hãy hoàn thiện các thông tin ở cột sự kiện (A) tương ứng với (B) theo mẫu dưới đây:

	Sự kiện (A)	Ý nghĩa (B)
a	?	Mở đầu thời kì dựng nền độc lập.
b	?	Khởi xướng quá trình thống nhất đất nước.
c	?	Củng cố thống nhất đất nước.

Vận dụng

3. Hãy chọn và giới thiệu một nhân vật lịch sử đã có công dựng nước hoặc giữ nước thời Ngô, Đinh, Tiền Lê. Điều gì khiến em khâm phục, muốn học tập hoặc nói gương nhân vật đó? Hãy nêu ý kiến và giải thích.

56

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

– Hình thành năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học

Chủ động lựa chọn, sưu tầm và lưu trữ các thông tin cần thiết về thời kì đấu độc lập dưới triều Ngô, Đinh, Tiền Lê để sử dụng trong việc thực hiện các yêu cầu học tập.

– Kiến thức bổ trợ cho GV

CÁC NHÂN VẬT LỊCH SỬ

1. ĐINH BỘ LĨNH (924 – 979)

Đinh Bộ Lĩnh là con Thứ sử châu Hoan Đinh Công Trứ, sinh tại Hoa Lư (nay thuộc tỉnh Ninh Bình), có tài năng quân sự, đánh trăm trận trăm thắng (Vạn Thắng Vương). Ông đã dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước, xưng Hoàng đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đúc tiền riêng (đồng Thái Bình hưng bảo), góp phần khẳng định độc lập tự chủ của dân tộc ta không chỉ về chính trị, ngoại giao, văn hoá mà cả kinh tế.

Nhà sử học Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* nhận xét:

"Xét nước ta từ thời Hùng Vương mới bắt đầu thông hiếu với Trung Quốc nhưng danh hiệu còn nhỏ không được dự vào hàng chư hầu triều hội... đến khi Đinh Tiên Hoàng bình định các sứ quân, khôi phục mở mang bờ cõi, bấy giờ điển lễ, sách phong của Trung Quốc mới cho đứng riêng là một nước".

Lê Tung trong nhận xét trong *Việt giám thông khảo tổng luận*:

"Đinh Tiên Hoàng nhân khi nhà Ngô loạn lạc mất nước, dẹp được mười hai sứ quân, trời cho người theo, nhất thông bờ cõi, dùng bọn Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lưu Cơ, Trình Tú làm người phù tá, sáng chế chiếu nghi, định lập quân đội, vua chính thống của nước Việt ta thực bắt đầu từ đấy. Kể về mặt dẹp giặc phá định, thì công to lắm".

2. LÊ HOÀN (941 – 1005)

Lê Hoàn có công giữ yên nội trị, đánh bại cuộc xâm lược của nhà Tống và bảo vệ vững chắc nền độc lập, thống nhất nước nhà. Ông là hoàng đế đầu tiên ở nước ta thực hiện nghi lễ cày Tịch điền, khuyến khích sản xuất nông nghiệp phát triển. Không chỉ là vị tổng chỉ huy quân sự lỗi lạc, ông còn là một nhà ngoại giao khôn khéo, mở ra trang sử đầu tiên của nền ngoại giao Đại Cồ Việt – Tống".

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, trang 321)

Sử gia Ngô Thì Sĩ nhận định: *"Vua Đại Hành là người anh minh, quả quyết, nhiều mưu trí, dụng binh khéo như thần, cho nên khu sách các anh hào, vang động cả quân Mán và người Tàu. Nhưng vì tính nghiêm khắc, ưa nịnh hót, chỉ cốt làm cung điện cho lộng lẫy xa xỉ, còn chỗ dinh thự và trại lính thì để chật hẹp quê kệch. Sứ thần Tống thấy thế chê cười".*

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN (tt)

Theo *Việt giám thông khảo tổng luận*, Lê Tung bàn rằng: *"Lê Đại Hành cầm quyền tướng quân mười đạo, giữ chức nhiếp chính, vua bé nước nguy, nhân thời chịu mệnh, giết vua Chiêm Thành để rửa cái nhục sứ thần bị bắt, phá quân Triệu Tống làm nhụt cái mưu tất thắng của chúng. Dùng bọn Hồng Hiến, Cự Lạng, Từ Mục, Từ An để làm tả hữu. Cày ruộng tịch điền ở Long Đội, mời người xử sĩ ở Tượng Sơn, kén dùng hiền tài, dựng mở trường học, có mưu lược to lớn của bậc đế vương. Nhưng làm lắm việc thổ mộc, lấy vàng ngọc trang sức cung lầu, gây nhiều việc can qua, coi nhân dân không khác cỏ rác, dẫu muốn không suy, có thể được không?".*

– Gợi ý tổ chức các hoạt động khác

GV có thể tổ chức cho HS các hoạt động kết thúc bài học để bổ trợ kiến thức, phát triển năng lực tự học và tự đánh giá.

1. Vẽ sơ đồ tư duy về tình hình chính trị, văn hoá, xã hội thời Ngô, Đinh, Tiền Lê
2. Lập bảng niên biểu (hoặc trục thời gian về các sự kiện chính trong bài học: 939, 944, 967 – 968, 979, 981.
3. Nhận xét về vai trò của Lê Hoàn trong kháng chiến chống Tống.
4. Nếu đóng vai Đinh Tiên Hoàng, em có chọn Hoa Lư là kinh đô không? Hãy giải thích lí do.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Quá trình xây dựng và phát triển nhà nước quân chủ phong kiến thời Lý.
- Quá trình giữ nước, chống quân Tống xâm lược, củng cố và bảo vệ độc lập dân tộc thời Lý.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

- Biết giải mã tư liệu lịch sử (đọc – hiểu văn bản 15.2 để lí giải nguyên nhân Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La và đánh giá được ý nghĩa của sự kiện này.
- Biết cách thu thập thông tin, đọc hiểu tư liệu tham khảo "Em có biết" để tìm hiểu về những biện pháp nhà Lý đã thi hành để củng cố chế độ quân chủ.
- Biết đọc lược đồ 15.4, 15.5. để tìm hiểu diễn biến cuộc chiến chống quân Tống thời Lý.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

- Trình bày được hoàn cảnh thành lập nhà Lý.
- Nêu được nguyên nhân Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La (Thăng Long).
- Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Lý (1075 – 1077) trên lược đồ.
- Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, mở khoa thi,...).
- Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Lý.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

- Đánh giá được ý nghĩa của sự kiện Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Đại La.
- Đánh giá được những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống và vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077).

4. Hình thành những phẩm chất

- **Trách nhiệm:** Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.
- **Yêu nước:** Ghi nhớ công ơn xây dựng và bảo vệ đất nước của tổ tiên.

Bài 15 CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC THỜI LÝ (1009 – 1225)

(5 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:

– Trình bày được sự thành lập nhà Lý. Đánh giá được sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn.

– Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Lý.

– Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, mở khoa thi,...).

– Đánh giá được những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống và vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077).

Năm 1009, vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về thành Đại La (Hà Nội). Theo sử cũ: "Khi thuyền đến dưới chân thành, có điềm may hình rồng vàng hiện lên, do đó vua đổi tên là Thăng Long" – nghĩa là rồng bay lên. Sự kiện đó nói nên có ý nghĩa như thế nào đối với lịch sử dân tộc? Nhà Lý đã làm những gì để xây dựng và phát triển đất nước? Hôm nay ta hãy cùng nhau giở viện sách dân tộc, nhà Lý đã lãnh đạo quân dân Đại Việt chống ngoại xâm, bảo vệ đất nước như thế nào?

1. Sự thành lập nhà Lý

Đọc văn bản, thông tin trong bài và tư liệu 15.2, em hãy:

– Cho biết nhà Lý được thành lập trong hoàn cảnh nào.

– Giải thích vì sao Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư về Đại La. Đánh giá ý nghĩa của sự kiện này.

Năm 1009, vua Lê Long Đĩnh mất, các nhà sư và đại thần trong triều đã suy tôn Lý Công Uẩn lên ngôi vua. Nhà Lý được thành lập. Năm 1010, Lý Thái Tổ đặt niên hiệu Thuận Thiên và mua thu năm ấy, vua quyết định dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La, đổi tên là Thăng Long (Hà Nội ngày nay). Sự kiện dời đô mở ra thời kì phát triển mới cho nước nhà.

Nhân vật lịch sử

Lý Công Uẩn (974 - 1028)

Lý Công Uẩn, người châu Cổ Pháp (Từ Sơn, Bắc Ninh), là học trò của sư Vạn Hạnh. Ông làm quan triều Tiền Lê, giữ chức Điện tiền chỉ huy sứ, chỉ huy cấm quân. Ông là người tài năng, chính trực, nên được triều thần và các nhà sư ủng hộ.

57

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

Gợi ý 1: **Bắt đầu từ hình tượng Rồng nhà Lý và sự kiện dời đô như trong dẫn nhập.**

Gợi ý 2: **"Chiếc hộp âm nhạc"**

GV sử dụng các bài hát, cho HS nghe nhạc đoán tên, HS nào đoán đúng tên bài hát nhanh nhất và đúng nhất sẽ thắng.

- *Lý Thường Kiệt, sáng tác:* Ngô Nguyễn Trần và Tâm Thơ.
- *Sấm vang dòng Như Nguyệt*, sáng tác: Lương Chí Cường.
- *Rồng Tiên ơi, xin giữ vẹn sơn hà*, sáng tác: HV check.

GV nêu vấn đề: *Những bài hát trên đề cập đến nhân vật lịch sử nào thời Lý?* Đáp án: Lý Thường Kiệt.

- GV có thể hỏi HS một số hiểu biết cá nhân của các em về nhân vật lịch sử này (qua sách, báo, truyện, internet...)

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC (tt)

– *Gợi ý 2:* **Trò chơi ô chữ**

Ô chữ chủ: (12 chữ cái) Danh tướng thời Lý đánh bại quân Tống.

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1		C	O	L	O	A			
2	D	A	I	C	O	V	I	E	T
3	T	O	N	G					
4	T	I	E	N	L	E			
5	L	Y	T	H	A	I	T	O	
6	H	O	A	L	U				
7	T	A	Y	K	E	T			

1. (5 chữ cái) Tên kinh đô Việt Nam thời Ngô.
2. (9 chữ cái) Tên nước Việt Nam do Đinh Tiên Hoàng đặt.
3. (4 chữ cái) Giặc ngoại xâm bị Lê Hoàn đánh bại.
4. (4 chữ cái) Tên triều đại tiếp sau nhà Đinh.
5. (8 chữ cái) Người sáng lập triều Lý, dời đô ra Thăng Long.
6. (5 chữ cái) Kinh đô nước Đại Cồ Việt.
7. (6 chữ cái) Lê Hoàn đánh thắng quân Tống ở địa danh này tại phòng tuyến Bình Lỗ.

Ô chữ chủ: (12 chữ cái): **LÝ THƯỜNG KIỆT**

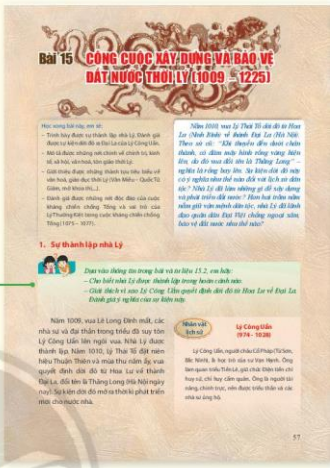

Bài 15 CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC THỜI LÝ (1009 – 1225)

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sự thành lập nhà Lý. Dành giải thích sự kiện dời đô từ Hoa Lư của Lý Công Uẩn.
- Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Lý.
- Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, mở khoa thi,...).
- Dành giải được những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống và vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077).

Năm 1010, vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về thành Đại La (Hà Nội). Theo sử sách: "Đất thuận lợi, địa thế rồng cuộn, hổ ngồi, chính giữa vùng trời đất, ở vào nơi trung tâm bốn phương tám hướng, tiện nghi thông thương của thuỷ bộ, đất cao ráo mà bằng phẳng, dân cư không khổ vì ngập lụt, muôn vật rất mực phồn thịnh, tươi tốt. Xem khắp đất Việt, chỗ này là nơi hiểm yếu, thắng địa, muôn đời kế thừa".

1. Sự thành lập nhà Lý

Dựa vào thông tin trong bài và tư liệu 15.2, em hãy:

– Cho biết nhà Lý được thành lập trong hoàn cảnh nào.

– Giải thích vì sao Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư về Đại La. Đánh giá ý nghĩa của sự kiện này.

Năm 1009, vua Lê Long Đĩnh mất, các nhà sư và đại thần trong triều đã suy tôn Lý Công Uẩn lên ngôi vua. Nhà Lý được thành lập. Năm 1010, Lý Thái Tổ đặt niên hiệu Thuận Thiên và mùa thu năm ấy, vua quyết định dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La, đổi tên là Thăng Long (Hà Nội ngày nay). Sự kiện dời đô mở ra thời kì phát triển mới cho nước nhà.

Nhân vật lịch sử

Lý Công Uẩn (974 – 1028)

Lý Công Uẩn, người châu Cổ Pháp (Từ Sơn, Bắc Ninh), là học trò của sư Vạn Hạnh. Ông làm quan triều Tiền Lê, giữ chức Điện tiền chỉ huy sứ, chỉ huy cấm quân. Ông là người tài năng, chính trực, nên được triều thần và các nhà sư ủng hộ.

57

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** Đọc – hiểu văn bản lịch sử (tư liệu 15.2) khai thác vấn đề dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long.

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

+ Trình bày được hoàn cảnh thành lập nhà Lý: Hoàn cảnh lịch sử cụ thể (Triều Tiền Lê kết thúc, Lý Công Uẩn là người có tài thao lược), sự xuất hiện của nhân vật lịch sử có uy tín (các tăng quan và đại thần trong triều đã suy tôn Lý Công Uẩn lên ngôi vua).

+ Giải thích được nguyên nhân Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La (Thăng Long): làm rõ từ đặc điểm về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên của Đại La thuận lợi thế nào cho phát triển đất nước?

– **Tư duy lịch sử:** Chỉ khi đủ mạnh, chính quyền mới rời từ nơi địa thế thuận lợi cho phòng thủ (Hoa Lư), đến nơi đồng bằng (Đại La: thuận lợi cho giao thương và phát triển mọi mặt,…)

– **Yêu cầu về năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng:** Đánh giá được ý nghĩa của ý nghĩa sự kiện Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Đại La (Thăng Long): Địa thế của thành Đại La rất thuận lợi về giao thông và phát triển kinh tế; thể hiện quyết định sáng suốt của vua Lý Thái Tổ, mở ra vận hội mới cho sự phát triển của quốc gia; người Việt không cần phải sống phòng thủ mà đã đủ lớn mạnh để lập đô ở đồng bằng, mở ra cơ hội để phát triển. Thực tế lịch sử cho thấy tài năng của một vị vua có tầm nhìn xa trông rộng: suốt hơn 10 thế kỉ, Thăng Long (Hà Nội) thực sự trở thành "kinh đô, nơi định đô bậc nhất của kinh sư muôn đời".

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Cung điện nhà Lý trong Hoàng thành Thăng Long (phục dựng, Viện nghiên cứu Kinh thành)

Tượng Lý Thái Tổ (cuốn sách của Thái Tổ, Hà Nội)

Chiếu dời đô năm 1010

"... thành Đại La... ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này rất đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ chịu ngập lụt lớn, muôn vật thế có lợi tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt đều là nơi thắng địa, thực là chốn tụ họp quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mà muôn đời thịnh vượng."

(Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 1, Sđd, trang 241)

2. Tình hình chính trị

Nhà Lý đã làm gì để củng cố chế độ quân chủ?

Năm 1054, Lý Thánh Tông đổi tên nước là Đại Việt, tổ chức bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương. Vua đứng đầu nhà nước, cha truyền con nối, có người thân giữ các chức vụ quan trọng. Các quan đại thần (quan văn, quan võ) giúp vua lo việc nước. Cả nước được chia thành 24 lộ, phủ, ở miền núi gọi là châu; dưới lộ là huyện, hương. Dưới nữa cấp cơ sở là xã.

58

Năm 1042, nhà Lý ban hành bộ Hình thư, bộ luật thành văn đầu tiên của Việt Nam. Các vua Lý còn cho đặt chuông trước điện Long Trì, người dân có điều gì oan ức về đánh chuông tâu lên vua.

Quân đội gồm hai bộ phận là cấm quân (bảo vệ vua, kinh thành) và quân địa phương. Triều đình thi hành chính sách "ngụ binh ư nông" – quân lính luân phiên vừa tuyển tập, vừa cày ruộng, sẵn sàng chiến đấu khi được huy động.

Nhà Lý thi hành chính sách đoàn kết dân tộc, ban chức tước và gả công chúa cho các tù trưởng miền núi. Về đối ngoại, triều đình chủ trương giữ quan hệ hoà hiếu với nhà Tống và Chăm-pa, nhưng kiên quyết đáp trả mọi âm mưu xâm lược.

Em có biết?

Năm 1042, nhà Lý ban hành bộ Hình thư, bộ luật thành văn đầu tiên của Việt Nam. Các vua Lý còn cho đặt chuông trước điện Long Trì, người dân có điều gì oan ức về đánh chuông tâu lên vua.

Quân đội gồm hai bộ phận là cấm quân (bảo vệ vua, kinh thành) và quân địa phương. Triều đình thi hành chính sách "ngụ binh ư nông" – quân lính luân phiên vừa tuyển tập, vừa cày ruộng, sẵn sàng chiến đấu khi được huy động.

Nhà Lý thi hành chính sách đoàn kết dân tộc, ban chức tước và gả công chúa cho các tù trưởng miền núi. Về đối ngoại, triều đình chủ trương giữ quan hệ hoà hiếu với nhà Tống và Chăm-pa, nhưng kiên quyết đáp trả mọi âm mưu xâm lược.

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1, Sđd, trang 251)

3. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 – 1077)

– Cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý (1075 – 1077) có những nét đặc sắc gì?
– Lý Thường Kiệt có vai trò như thế nào trong cuộc kháng chiến chống Tống?

a. Chủ động tiến công để phòng vệ (1075)

Lược đồ cuộc tấn công để phòng vệ của quân đội nhà Lý

Từ giữa thế kỉ XI, nhà Tống (Trung Quốc) gặp phải nhiều khó khăn chồng chất: ngân khố cạn kiệt, dân tình đói khổ, chiến tranh với các bộ tộc phía bắc. Vua Tống muốn gây chiến với Đại Việt để giải quyết tình trạng khủng hoảng trong nước.

Sớm phát hiện được mưu đồ xâm lược của kẻ thù, nhà Lý đã chủ động chuẩn bị đối phó. Thái uý Lý Thường Kiệt được cử làm người chỉ huy cuộc kháng chiến.

Lý Thường Kiệt nhận định: "Ngồi yên đợi giặc, không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của giặc". Tháng 10 – 1075, ông chỉ huy hơn 10 vạn quân thuỷ - bộ, chia làm hai đạo tấn công vào đất Tống. Sau khi hạ thành Ung Châu – căn cứ mạnh nhất của quân Tống, phá huỷ kho lương thực dự trữ của chúng, ông chủ động rút quân về nước.

59

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Trình bày được những biện pháp củng cố chế độ quân chủ của nhà Lý: củng cố quyền lực của vua, củng cố chính quyền từ trung ương đến địa phương, ban hành luật Hình thư, tổ chức quân đội chặt chẽ theo chế độ "ngụ binh ư nông"; tổ chức Hội thề Đồng Cổ.

+ Vấn đề tư duy lịch sử: Việc vua Lý Thái Tông cho dựng điện Long Trì, đúc chuông, để "dân có gì oan ức thì đánh chuông" tâu lên vua có hạ thấp vai trò "quân chủ" của vua?

– Yêu cầu về năng lực vận dụng (mở rộng, nâng cao):

+ Luật pháp là biểu hiện của một xã hội văn minh, góp phần ổn định chính trị – xã hội,... Hình thư, bộ luật thành văn đầu tiên của Việt Nam do Lý Thái Tông ban hành nên ngày nay hình tượng Lý Thái Tông vẫn được coi là một biểu tượng cho công lí của Việt Nam.

+ Hội thề Đồng Cổ nhằm răn dạy quần thần, tướng sĩ, con dân về lòng trung thành, góp phần duy trì sự ổn định của chế độ quân chủ. Lễ hội Đồng Cổ tiếp tục được duy trì vào thời Trần. HS tìm hiểu về lễ hội Đồng Cổ ngày nay, một hoạt động văn hoá của Hà Nội.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

Hoạt động 1:

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử: Khai thác được lược đồ 15.4, 15.5 để tìm hiểu cuộc tấn công để phòng vệ của quân đội nhà Lý (1075) và cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Lý (1075 – 1077).

(Lưu ý HS ở lược đồ 15.4 về các hướng tấn công thuỷ bộ của quân ta, các thành trì của quân Tống mà ta bao vây; ở lược đồ 15.5 vị trí của 2 phòng tuyến; nhấn mạnh đến vị trí hiểm yếu của sông Như Nguyệt trên lược đồ, các hướng tấn công và rút chạy của quân Tống,...).

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3 (tt)

- **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Mô tả được cuộc tấn công để phòng vệ của quân đội nhà Lý (1075) và cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077) trên lược đồ.
- **Yêu cầu về năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng:** Đánh giá được những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077). (nghệ thuật "Tiên phát chế nhân"; chủ động phòng thủ để tấn công; thuật "Tâm công" và chủ động kết thúc chiến tranh)

Hoạt động 2:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Đánh giá được nhân vật lịch sử – vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077):

- Trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến, chủ động phá âm mưu liên kết với Champa chuẩn bị xâm lược nhà Tống; chủ động cho quân Lý tấn công sang đất Tống để đánh vào sự chuẩn bị về lực lượng, hậu cần của đối phương, tạo tâm thế chủ động về phía ta, đẩy địch vào thế bị động;
- Xây dựng một trận địa phòng ngự chiến lược, chặn đứng, phá thế tiến công của địch, giam hãm quân Tống trong tình trạng bị tiêu hao, mệt mỏi, thiếu lương thực, không viện binh, tạo thời cơ để phản công, tiến công tiêu diệt chúng → Điểm độc đáo về mặt chiến lược chưa từng thấy trong lịch sử chiến tranh chống xâm lược của dân tộc ta; chứng tỏ tính chủ động, sáng tạo của tư tưởng quân sự Lý Thường Kiệt.

  Khi quân Tống đang ngày càng khó khăn, ông đã chớp lấy thời cơ, chuyển sang phản công, tiến công tiêu diệt quân địch, thể hiện tính chủ động và tài năng chỉ đạo chiến lược của ông.
- Chủ trương kết hợp giữa đánh địch và thương lượng, giữa quân sự và ngoại giao, buộc vua Tống ra lệnh bãi binh và từ bỏ ý đồ xâm lược Đại Việt, là nghệ thuật kết thúc chiến tranh độc đáo. Nét độc đáo trong cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý chính là chiến thuật phòng thủ tích cực, chủ động tấn công và nghệ thuật kết thúc chiến tranh.

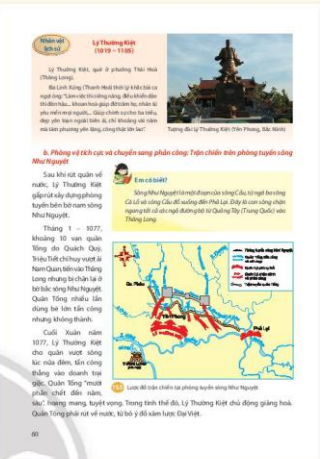

Nhân vật lịch sử

Lý Thường Kiệt (1019 – 1105)

Lý Thường Kiệt, quê ở phường Thái Hoà (Thăng Long).

Ái Lĩnh Xương (Thanh Hoá) thời lý khắc bài ca ngợi ông: "Làm việc thì công nặng, đều khiến dân thì đến hậu,... khoan hoà giúp đỡ kẻ hư, nhân từ yêu mến mọi người,... Giúp chính sự cho ba triều, đẹp yên bốn ngoài biên ải, chỉ khoảng vài năm mà làm phương yên lặng, công thật lớn lao".

Tượng đài Lý Thường Kiệt (Yên Phong, Bắc Ninh)

b. Phòng vệ tích cực và chuyển sang phản công: Trận chiến trên phòng tuyến sông Như Nguyệt

Sau khi rút quân về nước, Lý Thường Kiệt gấp rút xây dựng phòng tuyến bên bờ nam sông Như Nguyệt.

Em có biết?

Sông Như Nguyệt là một đoạn của sông Cầu, từ ngã ba sông Cà Lồ về sông Cầu đổ xuống đến Phả Lại. Đây là con sông chặn ngang bắt cứ đội ngũ địch nào từ Quảng Tây (Trung Quốc) vào Thăng Long.

Tháng 1 – 1077, khoảng 10 vạn quân Tống do Quách Quỳ, Triệu Tiết chỉ huy vượt ải Nam Quan, tiến vào Thăng Long nhưng bị chặn lại ở bờ bắc sông Như Nguyệt. Quân Tống nhiều lần dùng bè lớn tấn công nhưng không thành.

Cuối Xuân năm 1077, Lý Thường Kiệt cho quân vượt sông lúc nửa đêm, tấn công thẳng vào doanh trại giặc. Quân Tống "mười phần chết đến năm, sáu", hoang mang, tuyệt vọng. Trong tình thế đó, Lý Thường Kiệt chủ động giảng hoà. Quân Tống phải rút về nước, từ bỏ ý đồ xâm lược Đại Việt.

Lược đồ trận chiến tại phòng tuyến sông Như Nguyệt

60

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Em có biết?

Tương truyền, để động viên, khích lệ tinh thần chiến đấu của binh sĩ, đêm đêm, Lý Thường Kiệt cho người vào đền thờ Trương Hống, Trương Hát bên bờ sông Như Nguyệt, ngâm vang bài thơ "Nam quốc sơn hà":

"Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Như đẳng hạnh tự thủ khan thị bại hư."

"Sông núi nước Nam, vua Nam ở
Rành rành định phận ở sách trời
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Chúng bay sẽ tự đành rút lui!"

4. Tình hình kinh tế, xã hội

– Nhà Lý đã có những biện pháp gì để thúc mạnh sản xuất nông nghiệp?
– Trình bày những nét chính về tình hình phát triển thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Lý. Kể tên một số địa danh nổi tiếng về nghề thủ công và buôn bán thời kì này.
– Mô tả vài nét về đời sống xã hội thời Lý.

a. Tình hình kinh tế

Nông nghiệp được chú trọng phát triển. Hằng năm, vua thực hiện lễ cày ruộng tịch điền để khuyến khích nhân dân sản xuất. Nhà nước thực hiện nhiều biện pháp phát triển sản xuất nông nghiệp nên nhiều năm mùa màng bội thu.

Chính sách nông nghiệp

Đinh ra nhiều luật lệ để bảo vệ sản xuất và sức kéo cho nông nghiệp

Cho nông dân nhận ruộng đất công cày cấy và nộp thuế cho nhà nước.

Thực hiện chính sách "ngụ binh ư nông" đảm bảo sức lao động trong sản xuất nông nghiệp.

Tổ chức lao thoi lợi và đắp đê điều. Khuyến khích khai khẩn đất hoang.

Sơ đồ Chính sách nông nghiệp thời Lý

"Năm 1038, mùa xuân, vua (Thái Tông) ngự ra Bồ Đề. Nhiều cày ruộng tịch điền... Vua thân tế Thần Nông, tế xong tự cầm cày. Các quan sĩ hầu có người cao tổng: "Tôi là công việc của nông phu, bệ hạ việc gì làm thế". Vua nói: "Trẫm không tự mình cày cấy thì lấy gì làm xôi nông, lấy gì cho thiên hạ noi theo? Nói xong, cày bảo lần nữa".

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1, NXB Khoa học xã hội, 2015)

61

Thủ công nghiệp thời kì này khá phát triển, bao gồm hai bộ phận: Thủ công nghiệp nhà nước (đúc tiền, chế tạo vũ khí,...) và thủ công nghiệp nhân dân (làm tơ, dệt lụa, làm đồ gốm, gạch ngói, đúc đồng, rèn sắt,...). Nhiều làng nghề ra đời như làng gốm Bát Tràng, làng dệt Nhuộc Công,... Kinh thành Thăng Long thời bấy giờ đã có tầng trồng dâu nuôi tằm dệt lụa Nghi Tàm, làng trồng cây thuốc nam và chế biến thảo dược Đại Yên.

Một hộp gốm men lam thời Lý (Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Hà Nội)

"Tháng 2 – 1040, vua đi duy xuống núi đến được gần việc, Thăng Ấy xuống chiếu phát tiền gần việc của nước. Từng ở trong tiền để may áo ban cho các quan,... để rõ lỗi vua không đồng gần việc của nước Tổng nữa".

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1, 5,Hà Nội, 2015)

Em có biết?

Cách làm ra lụa truyền thống

Tương truyền đất Nghi Tàm (Hà Nội) là nơi Từ Thức công chúa nhà lý mở mọi dạy dân trồng vùng trồng dâu, nuôi tằm, che tằm kéo kén, nhờ từ đó dệt lên những tấm lụa mềm mại, tinh tế. Cách làm lụa truyền thống đó vẫn con được bảo tồn đến tận ngày nay.

Sự thịnh vượng của kinh tế nông nghiệp và các nghề thủ công nghiệp đã thúc đẩy thương nghiệp phát triển. Tiền đồng được sử dụng phổ biến hơn trước, việc buôn bán trao đổi trong và ngoài nước được mở rộng. Thăng Long có chợ Cửa Đông, chợ Tây Nhai, chợ Cửa Nam, nhiều chợ ở biên giới Việt – Tống được thành lập. Vân Đồn là cảng biển có vị trí tự nhiên thuận lợi, nằm trên trục hàng hải từ Trung Quốc xuống các nước Đông Nam Á, thuyền bè nước ngoài qua lại buôn bán tấp nập.

"Năm 1149, mùa xuân, tháng 2, thuyền buôn ba nước Trảo Oa (Gia-va), Lộ Lạc, Xiêm La (Thái Lan) vào Hải Đông xin cư trú buôn bán, bèn cho lập trang ở nơi hải đảo, gọi là Vân Đồn, để mua bán hàng hoá quý, đồng tiền vàng vật lạ đến phương".

"Năm 1184, người buôn các nước Xiêm La và Tam Phật Tề Sơ lễ vật quý và dâng lên Vân Đồn đông vật lạ để xin buôn bán".

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1, 5,Hà Nội, 317, 328)

Đồng tiền Chính Long nguyên bảo (thế kỉ XII)

62

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 4

Hoạt động 1:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

– Các mối quan hệ nhân – quả:

+ Kinh tế nông nghiệp là rường cột của nước nhà (vua thân chinh cày tịch điền) nên nhà nước chú trọng ban hành nhiều chính sách .

+ Chính sách, chủ trương đúng của nhà nước → Kết quả là nhiều năm mùa màng bội thu.

Hoạt động 2:

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:**

Đọc – hiểu khai thác được được thông tin trong tư liệu lịch sử, 15.9. (Đoạn tư liệu nói về tình hình phát triển của ngành nghề gì?)

Đọc – hiểu khai thác được được thông tin trong tư liệu lịch sử, 15.10 (Đoạn tư liệu nói về tình hình phát triển của ngành nghề gì?)

Hình ảnh 15.8 và 15.11 cho thấy sự phát triển của ngành nghề gì ?

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Trình bày được những nét chính về tình hình phát triển thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Lý và nhận xét được những điểm nổi bật về thủ công nghiệp và thương nghiệp. (Nhận xét: *Thủ công nghiệp phát triển, nhiều làng nghề xuất hiện. giao lưu buôn bán trong và ngoài nước được mở rộng, thuyền bè nước ngoài qua lại buôn bán tấp nập.*).

– **Yêu cầu về năng lực vận dụng (mở rộng, nâng cao):** Những làng nghề ngày nay có từ thời nhà Lý và tìm hiểu về nghề dệt lụa truyền thống của người dân.

Hoạt động 3:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: HS mô tả được về đời sống xã hội thời Lý, sự phân hoá sâu sắc và cuộc sống của từng bộ phận trong xã hội.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 5

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết cách thu thập thông tin bài học, khai thác tư liệu lịch sử 15.12, 15.13 và mục "Em có biết" để tìm hiểu các thành tựu văn hoá – giáo dục thời Lý (*HS quan sát và mô tả được vài nét về Khuê Văn Các và chùa Diên Hựu để thấy trình độ thẩm mĩ và tài năng kiến trúc thời nhà Lý*).

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Trình bày được các thành tựu giáo dục thời Lý (*năm 1070, Lý Thánh Tông xây dựng Văn Miếu ở Thăng Long. Năm 1075, triều đình tổ chức khoa thi đầu tiên và năm 1076, mở Quốc Tử Giám để dạy học cho con em quý tộc, quan lại*) nêu được ý nghĩa việc nhà Lý xây dựng Văn Miếu – Quốc Tử Giám và mở khoa thi đầu tiên (*Hình thành nền giáo dục Đại Việt; bắt đầu đề cao học vấn; Nho giáo bắt đầu có ảnh hưởng ở nước ta*).

+ Trình bày được các thành tựu văn hoá thời Lý (*Văn học chữ Hán bước đầu phát triển, nhiều tác phẩm vẫn còn giá trị giáo dục đến hiện nay như Chiếu dời đô (Lý Công Uẩn), Nam quốc sơn hà (khuyết danh), Cáo tật thị chúng (Mãn Giác Thiền sư),…*

+ Sự phát triển của tôn giáo: *Vua quan nhà Lý và nhân dân đều tôn sùng đạo Phật. Nhiều công trình nổi tiếng được ghi lại trong sử sách như chuông Quy Điền, tháp Báo Thiên, chùa Một Cột,... Nho giáo bước đầu có vai trò trong xã hội. Đạo giáo thịnh hành, gắn kết với các tín ngưỡng dân gian.*

+ Kiến trúc: *Nhiều công trình nổi tiếng được ghi lại trong sử sách, đặc biệt là Hoàng thành Thăng Long thể hiện nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc đa dạng, độc đáo, tinh tế.*

b. Tình hình xã hội

Thời Lý, xã hội ngày càng phân hoá. Vua, quý tộc, quan lại là tầng lớp thống trị, có nhiều đặc quyền. Địa chủ ngày càng giàu có thế lực lớn. Nông dân chiếm đa số, là lực lượng sản xuất chính, các đình nam được làng xã chia ruộng đất, phải nộp thuế và phục vụ nhà nước.

Thợ thủ công, thương nhân khá đông. Nô tì có địa vị thấp kém nhất, phục vụ trong triều đình và các gia đình quan lại.

5. Những thành tựu tiêu biểu về văn hoá – giáo dục

– Trình bày những thành tựu văn hoá – giáo dục tiêu biểu thời Lý.
– Việc xây dựng Văn Miếu – Quốc Tử Giám và mở khoa thi đầu tiên có ý nghĩa như thế nào?

Nhà Lý chú trọng phát triển giáo dục nhằm đào tạo người tài và tuyển chọn quan lại cho triều đình. Năm 1070, Lý Thánh Tông xây dựng Văn Miếu ở Thăng Long. Năm 1075, triều đình tổ chức khoa thi đầu tiên và năm 1076, mở Quốc Tử Giám để dạy học cho con em quý tộc, quan lại.

Văn học chữ Hán bước đầu phát triển, một số tác phẩm vẫn còn giá trị giáo dục đến hiện nay như Chiếu dời đô (Lý Công Uẩn), Nam quốc sơn hà (khuyết danh), Cáo tật thị chúng (Mãn Giác Thiền sư),...

Em có biết?

Một trong những bài thơ tiêu biểu cho dòng văn học viết thời Lý là bài **Cáo tật thị chúng** (*Cáo bệnh bảo mọi người*) của Mãn Giác Thiền sư (1052 – 1096). Hình tượng cành mai trong đêm cuối cùng của mùa xuân – như sự sống dài lâu của con người trên Trái Đất – đã trở thành hình tượng bất hủ của thơ ca thời Lý.

Xuân đi trăm hoa rụng,
Xuân đến trăm hoa cười.
Trước mắt đời đổi thay,
Trên đầu già đến rồi.
Đừng nói xuân đi hoa rụng hết,
Giêm qua, sân trước một cành mai.

(Văn học, Thơ văn Lý – Trần, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, trang 299)

Hình 15.12. Khuê Văn Các (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội)

63

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời: GV hướng dẫn HS tự vẽ sơ đồ tư duy theo năng lực cá nhân.

Câu 2. GV hướng dẫn HS sưu tập tư liệu và chọn giới thiệu một di sản lịch sử – văn hoá thời Lý mà em thích nhất và giải thích hợp lí vì sao lựa chọn di sản ấy.

– **Câu 3.** Cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý để lại những bài học gì cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay?

Nghệ thuật quân sự thời Lý: chiến thuật phòng thủ tích cực, chủ động tấn công và nghệ thuật kết thúc chiến tranh.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Vua quan nhà Lý và nhân dân đều tôn sùng đạo Phật. Việc xây chùa, đúc chuông, tạc tượng Phật,... được coi là việc của triều đình. Nho giáo bước đầu có vai trò trong xã hội. Đạo giáo thịnh hành, gắn kết với các tín ngưỡng dân gian. Nhiều công trình nổi tiếng được ghi lại trong sử sách như chuông Quy Điền, tháp Báo Thiên, chùa Một Cột, đặc biệt là Hoàng thành Thăng Long - quần thể kiến trúc rộng hàng chục ngàn mét vuông.

Nghệ thuật điêu khắc đa dạng, độc đáo, tinh tế được thể hiện trên các tượng Phật, các bệ đá hình hoa sen hay trên đồ gốm. Hình ảnh con rồng mình trơn, toàn thân uốn khúc mềm mại, uyển chuyển là một hình tượng nghệ thuật độc đáo của thời nhà Lý.

Hình 15.2 Chùa Diên Hựu (tranh vẽ dựa theo mô tả của thơ Vịnh cảnh chùa và bia Chùa Dọi, Trịnh Quang Vũ, năm 1996)

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Từ những tư liệu học, hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá, giáo dục thời Lý.

Vận dụng

2. Hãy sưu tập tư liệu và chọn giới thiệu một di sản lịch sử - văn hoá thời Lý mà em thích nhất. Giải thích vì sao.

3. Cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý để lại những bài học gì cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay?

Bài học:

+ Chủ động phòng vệ để bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa, chống mọi âm mưu xâm lược của kẻ thù.
+ Xây dựng lực lượng quốc phòng hùng mạnh và thế trận chiến tranh nhân dân.
+ Tăng cường khối đoàn kết toàn quân toàn dân.
+ Tăng cường phòng thủ biên cương.
+ Kháng chiến toàn dân: toàn dân tham gia đánh giặc
+ Kháng chiến toàn diện: đánh địch trên nhiều phương diện, bằng nhiều hình thức khác nhau…

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long và ý nghĩa, tác động của sự kiện này

Chọn kinh đô là việc cần thiết nhất trong những buổi đầu khai quốc, nhưng để chọn được vị trí đóng đô mang tầm chiến lược về nhiều mặt là điều không dễ. Để làm được điều này yêu cầu phải có là một nhà lãnh đạo tài ba, có tầm nhìn sáng suốt. Việc Lý Công Uẩn sau khi lên ngôi đã quyết định dời đô từ vùng đất Hoa Lư chật hẹp về Đại La có thể đất bằng phẳng đã chuyển vị thế đất nước từ phòng thủ sang thế phát triển lâu dài, đặt nền móng cho việc xây dựng kinh đô Thăng Long trở thành đô thị phát triển thịnh vượng, là trung tâm của đất nước về sau, mở ra bước ngoặt mới cho sự phát triển của dân tộc. Việc dời đô mang ý nghĩa chuyển từ thế phòng thủ sang thế phát triển quốc gia trên nhiều mặt

Về chính trị – văn hoá: một vùng đất là đầu mối giao thông, buôn bán quan trọng, địa hình rộng rãi là nơi hội tụ giao lưu phát triển văn hoá, đạt được nhiều thành tựu rực rỡ. Hoàng thành Thăng Long, đã trở thành trung tâm văn hoá, chính trị, điều hành mọi mặt của đất nước.

Về hành chính: do địa hình nằm giữa trung tâm của đất nước, thuận lợi thiết lập một mạng lưới hành chính một cách chặt chẽ từ trung ương lan tỏa ra những vùng xung quanh.

Về quân sự: Đại La địa hình bằng phẳng, có nhiều nhánh sông chằng chịt, nhiều sông đổ ra biển qua nhiều cửa sông, phù hợp với cách đánh vận động chiến của cả hai bộ phận quân thuỷ bộ, đặc biệt là thuỷ binh, thế mạnh quân sự của Đại Việt. Với địa hình như thế có thể đưa quân đi tác chiến ở các khu vực tỏa ra từ trung tâm Thăng Long.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN (tt)

Về kinh tế: vùng đồng bằng trù phú, cư dân đông đúc thuận lợi để phát triển nông nghiệp và nhiều ngành thủ công, có khả năng cung cấp dồi dào nguồn nhân lực, vật lực trong thời bình cũng như thời chiến. Trong thời bình, thì cung cấp lực lượng lao động phát triển kinh tế và nguồn lương thực thực phẩm nuôi sống bộ máy nhà nước và cư dân nơi đây. Trong thời chiến, thì cung cấp quân lực, lương thực thực phẩm, phương tiện chiến tranh và các loại vũ khí, trang thiết bị cho quân đội.

Việc chọn đóng đô tại Thăng Long, trước có sông, sau có núi đã biến nơi đây trở thành vùng đồng bằng trù phú, thu hút một bộ phận lớn nông dân về đây sinh sống lập nghiệp, góp phần tạo nên một Thăng Long sầm uất, nhộn nhịp với hệ thống nhà cửa, phố xá, đền đài, cung điện uy nghi; một trung tâm văn hoá, hành chính bật nhất của đất nước ta thời bấy giờ. Tầm nhìn xa trông rộng của Lý Thái Tổ đã tạo nên sự phát triển cho Thăng Long – Hà Nội, như hình ảnh rồng bay lên bầu trời xanh, tượng trưng cho sự phát triển của Đại Việt.

2. Tượng đài Lý Thái Tổ ở Hà Nội

Sáng 17 – 8, tại vườn hoa Chí Linh bên hồ Hoàn Kiếm, UBND TP. Hà Nội đã chính thức khởi công xây dựng tượng đài vua Lý Thái Tổ, người có công khai sáng kinh thành Thăng Long. Tượng đài vua Lý Thái Tổ do nhà điêu khắc Vi Thị Hoa sáng tác, được đúc bằng đồng, có chiều cao cả bệ là 9,5 m, khắc hoạ hình tượng vua Lý đầu đội mũ bình thiên, tay phải cầm "Chiếu dời đô", tay trái chỉ xuống nơi định đô. Tượng được đặt trên đài hình bát giác (tượng trưng cho tám hướng), phần trên đài cách điệu bốn cổng thành Hà Nội, đáy bệ giật cấp ba bậc thềm (tượng trưng cho thiên thời – địa lợi – nhân hoà, những yếu tố làm cơ sở để vua Lý Thái Tổ đặt niên hiệu Thuận Thiên). Tượng đài là một công trình kiến trúc văn hoá, nhằm tôn vinh vị vua Lý Thái Tổ (974 – 1028), người khởi lập Hoàng thành Thăng Long và tạo dựng nên mảnh đất ngàn năm văn hiến, đồng thời là công trình chào mừng 50 năm giải phóng Thủ đô (10/10/1954 – 10/10/2004).

3. Nét độc đáo của kháng chiến chống Tống

Nghệ thuật "Tiên phát chế nhân": Chủ động tấn công sang đất Tống để đánh vào sự chuẩn bị về lực lượng, hậu cần của đối phương, tạo tâm thế chủ động về phía ta, đẩy địch vào thế bị động.

Phòng thủ để tiến công: Lựa chọn và xây dựng phòng tuyến phòng ngự vững chắc trên sông Như Nguyệt, ngăn chặn bước tiến của địch, bảo vệ kinh thành Thăng Long.

Thuật "Tâm công" (Tấn công vào lòng người): Khi đánh sang đất Tống, ra "thảo phạt" để nhân dân Tống hiểu được mục đích của cuộc tấn công mà quân Đại Việt tiến hành. Đọc bài thơ "Thần" ở đền Trương Hống, Trương Hát nhằm khích lệ lòng quân sĩ.

Thực hiện phản công đúng lúc: Khi quân giặc mệt mỏi, tinh thần bất an do bị tiêu hao, bệnh tật, nhà Lý tổ chức đợt phản công quyết định sang bờ Bắc sông Như Nguyệt, khiến quân địch thiệt hại nặng.

Chủ động kết thúc chiến tranh: Lý Thường Kiệt cho người đưa thư sang trại giặc cầu hoà.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Sự thành lập của nhà Trần.
- Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và tôn giáo thời Trần.
- Những thành tựu văn hoá tiêu biểu thời Trần.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Khai thác và sử dụng được các nguồn tư liệu hình ảnh và tư liệu văn bản trong bài học.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

- Mô tả được sự thành lập nhà Trần.
- Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Trần.
- Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

HS phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học qua việc hoàn thành hoạt động 3 trang 70 về: giới thiệu một di tích lịch sử thời Trần tại địa phương).

4. Hình thành những phẩm chất

- Trân trọng công sức của cha ông trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước.
- Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

Gợi ý 1: GV sử dụng hình 16.1 để đưa HS vào tình huống và sử dụng phần dẫn nhập để khởi động bài học.

Gợi ý 2: Giải thích từ "Hào khí Đông A", một thuật ngữ quen thuộc trên phương tiện truyền thông nhưng HS chưa thể hiểu hết nghĩa. Sử dụng bức tranh 17.1 trang 76 sách GV để hỗ trợ giải nghĩa từ và dẫn vào bài: *Nhà Trần đã đi vào lịch sử với hào khí Đông A cuốn cuộn thác lũ quét sạch quân xâm lược Mông – Nguyên, với sự thành công của một vương triều biết chú trọng xây dựng nội lực, kiến thiết triều đình, quốc gia, xã tắc. "Thái bình nên gắng sức. Non nước ấy ngàn thu".* Giao nhiệm vụ học tập cả bài: Nhà Trần đã kiến thiết triều đình, quốc gia xã tắc như thế nào?

Bài 16 CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC THỜI TRẦN (1226 – 1400)

(3 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
- Mô tả được sự thành lập nhà Trần.
- Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Trần.
- Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá.

Cuối thế kỉ XII, triều Lý bắt đầu suy yếu. Chớp ngay thời cơ đó, họ Trần nhanh chóng nắm lấy vận nước, viết nên một trang sử mới cho Đại Việt. Vậy nhà Trần đã được thành lập như thế nào? Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá thời Trần có gì nổi bật?

1. Nhà Trần thành lập

Mô tả sự thành lập của nhà Trần. Theo em, Trần Thái Tông có vai trò như thế nào đối với sự thành lập của nhà Trần?

Từ cuối thế kỉ XII, nhà Lý ngày càng suy yếu nên phải dựa vào thế lực họ Trần trong triều đợ tri quyền lực. Năm 1224, vua Lý Huệ Tông xuất gia đi tu, truyền ngôi cho Lý Chiêu Hoàng. Theo sự sắp xếp của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng xuống chiếu nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh vào đầu năm 1226. Sự chuyển giao quyền lực giữa hai triều đại bằng hòn nhân đã chính thức kết thúc 216 năm tồn tại của nhà Lý. Thời đại nhà Trần bắt đầu.

Nhân vật lịch sử: Trần Thủ Độ (1194 – 1264)

Trần Thủ Độ là người có công sáng lập triều Trần. Theo sử cũ, Trần Thủ Độ "... có lược hơn người, làm quan triều Lý được mọi người suy tôn. Thái Tông nhà Trần lấy được thiên hạ đều là nhờ vào mưu xúc của ông cả ..."

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, trang 34)

Đền thờ Lê vua Trần ở Thiên Trường (Nam Định)

65

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

+ Khai thác thông tin trong tư liệu 16.1: Họ Trần vốn sống bằng nghề chài cá, cư trú ven các cửa sông, cửa biển vùng Tức Mạc (Thiên Trường, Nam Định), trở thành một dòng họ có thế lực và tham gia vào triều chính của nhà Lý.

+ Đọc hiểu tư liệu *Đại Việt sử ký toàn thư* viết về Trần Thủ Độ: Ca ngợi hay chê trách? Từ hay cụm từ nào thể hiện rõ nhất đánh giá của sử cũ về vai trò của Trần Thủ Độ đối với sự thành lập nhà Trần ?

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

+ HS nêu ra những sự kiện: sự suy yếu của nhà Lý, phải dựa vào thế lực của

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1 (tt)

họ Trần duy trì quyền lực, Lý Huệ Tông xuất gia, truyền ngôi cho Lý Chiêu Hoàng.

+ HS xác định được sự tham gia vào hệ thống quyền lực triều Lý của họ Trần đã tạo ra cục diện "thay đổi triều đại", là cơ sở dẫn đến sự chuyển giao quyền lực giữa hai triều đại bằng hôn nhân.

+ Giải thích được tại sao sử cũ lại chép: Thái Tông (nhà Trần) lấy được thiên hạ đều nhờ vào mưu sức của ông (Trần Thủ Độ) cả…"?

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

+ Khai thác được tư liệu văn bản 16.2 (về việc thăng thưởng): Tính quy củ trong hệ thống quan lại thể hiện như thế nào? Thời hạn 10 năm và 15 năm (mới xét lí lịch quan lại) nói lên đặc điểm gì trong hệ thống quan lại nhà Trần?

+ Giải mã hình vẽ trên bình gốm (về cảnh binh sĩ thời Trần tập luyện võ nghệ)? Hình vẽ đó thể hiện nội dung lịch sử gì? ("binh lính cốt tinh nhuệ, không cốt đông" hay chính sách "ngụ binh ư nông"?)

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Điểm độc đáo của bộ máy nhà nước thời Trần so với các triều đại trước là gì ? (chức Thái thượng hoàng, các đại thần, quan văn, võ trong triều đều do người trong hoàng tộc nắm giữ).

+ Vì sao các đại thần, quan văn, võ trong triều đều do người trong hoàng tộc nắm giữ?

+ Cách tổ chức các đơn vị hành chính dưới thời Trần có gì khác so với nhà Lý?

+ Vấn đề kì cương phép nước thời nhà Trần như thế nào?

+ Nhà Trần có đội quân như thế nào?

– Tư duy lịch sử khi đánh giá tình hình chính trị nhà Trần:

+ Chế độ độc đáo của nhà Trần trong việc thực thi quyền lực nhà nước (chức Thái Thượng Hoàng nhằm đảm bảo quyền kế vị không tranh chấp, cũng là đảm bảo nền thống trị lâu dài của dòng họ);

+ Chế độ chính trị là chế độ nhà nước trung ương tập quyền huyết thống;

+ Hệ thống chính quyền các cấp hoàn chỉnh hơn nhà Lý;

+ Pháp luật nghiêm minh;

+ Quân đội chính quy.

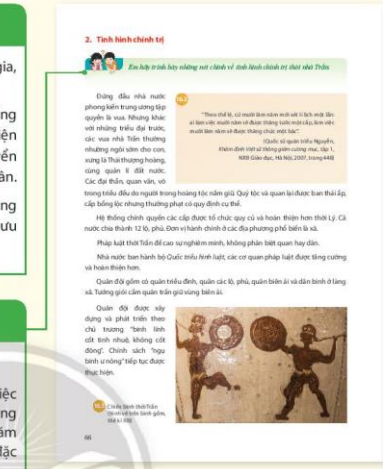

2. Tình hình chính trị

Em hãy trình bày những nét chính về tình hình chính trị thời nhà Trần

Đứng đầu nhà nước phong kiến trung ương tập quyền là vua. Nhưng khác với những triều đại trước, các vua nhà Trần thường nhường ngôi sớm cho con, xưng là Thái thượng hoàng, cùng quản lí đất nước. Các đại thần, quan văn, võ trong triều đều do người trong hoàng tộc nắm giữ. Quý tộc và quan lại được ban thái ấp, cấp bổng lộc nhưng thường phạt có quy định cụ thể.

Hệ thống chính quyền các cấp được tổ chức quy củ và hoàn thiện hơn thời Lý. Cả nước chia thành 12 lộ, phủ. Đơn vị hành chính ở các địa phương phổ biến là xã.

Pháp luật thời Trần đề cao sự nghiêm minh, không phân biệt quan hay dân.

Nhà nước ban hành bộ *Quốc triều hình luật*, các cơ quan pháp luật được tăng cường và hoàn thiện hơn.

Quân đội gồm có quân triều đình, quân các lộ, phủ, quân biên ải và dân binh ở làng xã. Tướng giỏi cầm quân trấn giữ vùng biên ải.

Quân đội được xây dựng và phát triển theo chủ trương "binh lính cốt tinh nhuệ, không cốt đông". Chính sách "ngụ binh ư nông" tiếp tục được thực hiện.

Chiến binh thời Trần (Trích vẽ trên bình gốm, thế kỉ XIII)

66

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

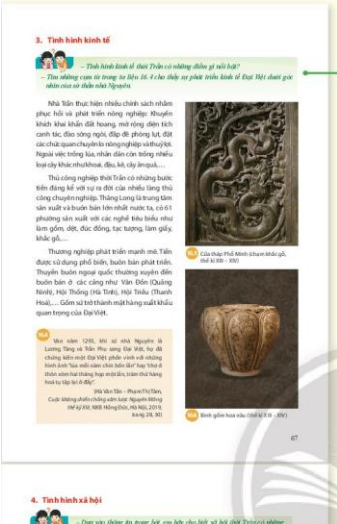

3. Tình hình kinh tế

– Tình hình kinh tế thời Trần có những điểm gì nổi bật?

– Tìm những cụm từ trong tư liệu 16.4 cho thấy sự phát triển kinh tế Đại Việt dưới góc nhìn của sử thần nhà Nguyên.

Nhà Trần thực hiện nhiều chính sách nhằm phục hồi và phát triển nông nghiệp: Khuyến khích khai khẩn đất hoang, mở rộng diện tích canh tác, đào sông ngòi, đắp đê phòng lụt, đặt các chức quan chuyên lo nông nghiệp và thủy lợi. Ngoài việc trồng lúa, nhân dân còn trồng nhiều loại cây khác như khoai, đậu, lạc, cây ăn quả,...

Thủ công nghiệp thời Trần có những bước tiến đáng kể với sự ra đời của nhiều làng thủ công chuyên nghiệp. Thăng Long là trung tâm sản xuất và buôn bán lớn nhất nước ta, có 61 phường sản xuất với các nghề tiêu biểu như làm gốm, dệt, đúc đồng, tạc tượng, làm giấy, khắc gỗ,...

Thương nghiệp phát triển mạnh mẽ. Tiền được sử dụng phổ biến, buôn bán phát triển. Thuyền buôn ngoại quốc thường xuyên đến buôn bán ở các cảng như Vân Đồn (Quảng Ninh), Hội Thống (Hà Tĩnh), Hội Triều (Thanh Hoá),... Gốm sứ trở thành mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Đại Việt.

Tư liệu

Vào năm 1293, khi sứ nhà Nguyên là Lương Tăng và Trần Phu sang Đại Việt, họ đã chứng kiến một Đại Việt phồn vinh với những hình ảnh "bia mới vừa chôn bên lầu" hay "thị ở thôn xóm hai tháng họp một lần, trâm thứ hàng hoá tụ tập lại ở đấy".

(Hà Văn Tấn – Phạm Thị Tâm, Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên-Mông thế kỉ XIII, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2015, trang 29, 30)

Cửa khập Phổ Minh (chạm khắc gỗ, thế kỉ XIII – XIV)

Bình gốm hoa nâu (thế kỉ XIII – XIV)

4. Tình hình xã hội

– Dựa vào thông tin trong bài, em hãy cho biết xã hội thời Trần có những tầng lớp nào

– Đọc tư liệu 16.7 và cho biết: Theo quan điểm của Hưng Đạo Vương, những yếu tố nào sẽ giúp triều đình tạo niềm tin của dân và bền vững của một xã hội.

Xã hội thời Trần tiếp tục phân hoá. Tầng lớp quý tộc, quan lại hưởng nhiều đặc quyền, đặc lợi, làm chủ những điền trang, thái ấp rộng lớn. Địa chủ ngày càng nhiều do sự phát triển của ruộng đất tư nhân. Nông dân vẫn là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội, cày ruộng công làng xã và lĩnh canh ruộng đất của địa chủ. Ngoài ra, còn có thợ thủ công và thương nhân. Nô tì là tầng lớp thấp kém nhất trong xã hội, phục vụ trang các gia đình quý tộc, quan lại.

Tư liệu

Hưng Đạo Vương dặn, khi người tôi nhà thần, nói rằng: "Nếu có điều chẳng vừa, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược, thì kể cả nhà cũng thế vậy!".

Vương trả lời: "(...) bụi thời loạn thế, có được đội quân mới lòng như cha con thì mới dùng được, lời lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thường sách giữ nước vậy".

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, NXB, trang 80)

Nhờ các chính sách trọng dân và gần gũi với dân của nhà Trần nên về cơ bản xã hội yên bình và hoà thuận.

5. Tình hình văn hoá

Nêu những thành tựu chủ yếu về văn hoá thời Trần.

a. Tư tưởng – tôn giáo

Tín ngưỡng cổ truyền vẫn phổ biến trong dân, như tục thờ tổ tiên, các anh hùng có công với dân tộc.

Thời Trần, Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo đều được coi trọng. Tầng lớp nho sĩ đỗ đạt qua các kì thi được triều đình trọng dụng. Đặc biệt, thời kì này đánh dấu sự phát triển của Phật giáo dân tộc với sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử do Trần Nhân Tông sáng lập. Chùa Vĩnh Nghiêm (tên dân gian là Dức La), nay thuộc Bắc Giang trở thành trung tâm đào tạo tăng đồ Phật giáo lớn nhất thời Trần.

Nhân vật lịch sử

Trần Nhân Tông (1258 – 1308)

Trần Nhân Tông, vị vua thứ ba của nhà Trần. Ông là người lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi trong hai lần kháng chiến chống quân Nguyên. Sau khi nhường ngôi cho con, ông xuất gia tu hành, trở thành một vị tổ của Thiền phái Trúc Lâm, dòng Phật giáo chính thống của đất nước.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

Hoạt động 1:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

(Lưu ý: Trong sách trình bày tình hình kinh tế, yêu cầu chỉ trình bày những đặc điểm nổi bật).

– Xác định đặc điểm nổi bật về tình hình nông nghiệp;
– Xác định đặc điểm nổi bật về tình hình thủ công nghiệp;
– Xác định đặc điểm nổi bật về tình hình thương nghiệp.

Hoạt động 2:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

HS khai thác được tư liệu văn bản 16.6:

– Xác định chủ đề của đoạn tư liệu.
– Đoạn tư liệu phản ánh quan điểm của ai. Họ có khách quan khi miêu tả không? Tại sao?
– Những từ, cụm từ nào thể hiện rõ nhất chủ đề của đoạn tư liệu?
– Ngành kinh tế nào của Đại Việt được miêu tả trong đoạn tư liệu?

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 4

Hoạt động 1:

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Từ thông tin trong bài HS đọc hiểu, điền vào được sơ đồ theo gợi ý đáp án bên dưới.

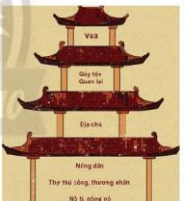

16.1 Sơ đồ các tầng lớp trong xã hội thời Trần

– **Phát triển tư duy lịch sử:** Thời Trần, sự phân hoá các tầng lớp trong xã hội có điểm khác biệt gì so với với thời Lý?

+ Tại sao tầng lớp địa chủ xuất hiện ngày càng nhiều?
+ Nông dân có mấy bộ phận? (Lưu ý, HS hai cụm từ "cày ruộng công làng xã" và "lĩnh canh ruộng đất của địa chủ")
+ Tầng lớp nào có địa vị thấp nhất trong xã hội?
+ Tại sao xã hội thời Trần phân hoá như vậy nhưng vẫn giữ được yên bình hoà thuận?

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 4 (tt)

Hoạt động 2:

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

HS khai thác tư liệu văn bản 16.7 theo các bước sau:

+ Xác định chủ đề của đoạn tư liệu.
+ Tình huống lịch sử đoạn tư liệu phản ánh?
+ Những khái niệm mới trong đoạn tư liệu: "Tuỳ thời tạo thế" (tuỳ hoàn cảnh mà có chính sách ứng đối thích hợp); "Khoan thư sức dân" (làm những gì cho nhân dân đỡ khổ, đỡ lao lực để mà chăm lo cho cái "gốc rễ" của một quốc gia là nhân dân).
+ Cụm từ, câu văn nào thể hiện quan điểm chính của Hưng Đạo Vương?
+ Quan điểm đó chú trọng điều gì?

– Yêu cầu năng lực vận dụng (nâng cao):

Kể sách "khoan thư sức dân" là chăm lo cho đời sống nhân dân, tránh lãng phí sức lực của nhân dân là 1 quốc sách trị nước mà ngày nay vẫn còn áp dụng. Trong cuộc sống ngày nay, nhà nước vẫn luôn có chính sách quan tâm đến đời sống vật chất, sức khoẻ của người dân, đặc biệt là người dân những vùng kinh tế khó khăn, miễn giảm thuế sau đại dịch,... Mọi công dân đều được hưởng đời sống bình đẳng, ấm no và hạnh phúc, được chăm lo và tự do phát triển. Làm được điều đó, tức là "khoan thư sức dân".

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 5

Hoạt động 1:

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử (GV mở rộng):

+ Khai được thông tin về nhân vật Trần Nhân Tông để làm rõ hơn nhận thức về thành tựu tôn giáo – người khai sinh ra dòng Phật giáo dân tộc. Khai thác được thông tin về nhân vật Chu Văn An để nhận thức rõ hơn thành tựu về giáo dục.
+ Tư liệu hình ảnh 16.8, công trình kiến trúc tiêu biểu của thời nhà Trần ở Tức Mặc, Nam Định. Lưu ý kết nối với tư liệu 16.4, hình rồng trên cánh cửa tháp Phổ Minh – tiêu biểu cho hình tượng rồng thời Trần.

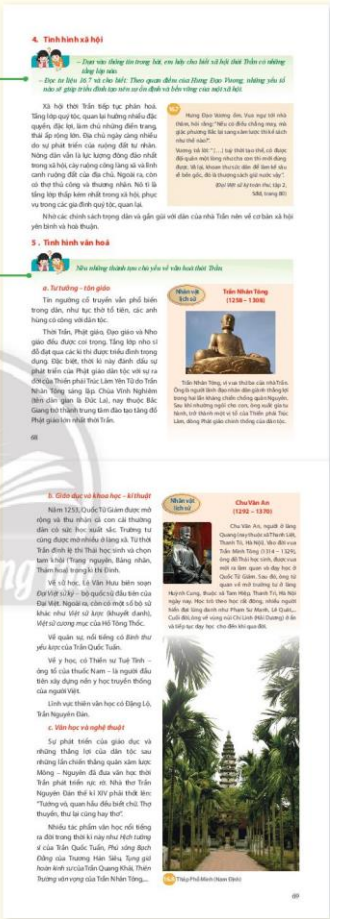

4. Tình hình xã hội

– Đọc tư liệu 16.7 và cho biết: Theo quan điểm của Hưng Đạo Vương: những yếu tố nào sẽ giúp triều đình tạo nên sự ổn định và bền vững của một xã hội.

Xã hội thời Trần tiếp tục phân hoá. Tầng lớp quý tộc, quan lại hưởng nhiều đặc quyền, đặc lợi, làm chủ những điền trang, thái ấp rộng lớn. Địa chủ ngày càng nhiều do sự phát triển của ruộng đất tư nhân. Nông dân vẫn là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội, cày ruộng công làng xã và lĩnh canh ruộng đất của địa chủ. Ngoài ra, còn có thợ thủ công và thương nhân. Nói tí là tầng lớp thấp kém nhất trong xã hội, phục vụ trong các gia đình quý tộc, quan lại.

Nhà vua chính sách trọng dân và gần gũi với dân của nhà Trần nên về cơ bản xã hội yên bình và hoà thuận.

5. Tình hình văn hoá

Nêu những thành tựu chủ yếu về văn hoá thời Trần

a. Tư tưởng – tôn giáo

Tín ngưỡng cổ truyền vẫn phổ biến trong dân, như tục thờ tổ tiên, các anh hùng có công với dân tộc.

Thời Trần, Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo đều được coi trọng. Tầng lớp nhà sư đã đạt qua các kì thi được triều đình trọng dụng. Đặc biệt, thời kì này đánh dấu sự phát triển của Phật giáo dân tộc với sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử do Trần Nhân Tông sáng lập. Chùa Vĩnh Nghiêm (tên dân gian là Bút Lại, nay thuộc Bắc Giang) trở thành trung tâm đào tạo tăng đồ Phật giáo lớn nhất thời Trần.

Nhân vật lịch sử: Trần Nhân Tông (1258 – 1308)

Trần Nhân Tông, vị vua thứ ba của nhà Trần. Ông là người lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi trong hai lần kháng chiến chống quân Nguyên. Sau khi nhường ngôi cho con, ông xuất gia tu hành, trở thành một vị Sư của Thiền phái Trúc Lâm, dòng Phật giáo chính thống của dân tộc.

68

b. Giáo dục và khoa học – kĩ thuật

Năm 1253, Quốc Tử Giám được mở rộng và thu nhận cả con cái thường dân có sức học xuất sắc. Trường tư cũng được mở nhiều ở làng xã. Từ thời Trần đình kì thi Thái học sinh và chọn tam khôi (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa) trong kì thi Đình.

Về sử học, Lê Văn Hưu biên soạn *Đại Việt sử ký* – bộ quốc sử đầu tiên của Đại Việt. Ngoài ra, còn có một số bộ sử khác như *Việt sử lược* (khuyết danh), *Việt sử cương mục* của Hồ Tông Thốc.

Về quân sự, nổi tiếng có *Binh thư yếu lược* của Trần Quốc Tuấn.

Về y học, có Thiền sư Tuệ Tĩnh – ông tổ của thuốc Nam – là người đầu tiên xây dựng nền y học truyền thống của người Việt.

Lĩnh vực thiên văn học có Đặng Lộ, Trần Nguyên Đán.

c. Văn học và nghệ thuật

Sự phát triển của giáo dục và những thắng lợi của dân tộc sau những lần chiến thắng quân xâm lược Mông – Nguyên đã đưa văn học thời Trần phát triển rực rỡ. Nhà thơ Trần Nguyên Đán thế kỉ XIV phải thốt lên: "Tướng võ, quan hầu đều biết chữ. Thơ thuyền, thư lại cũng hay thơ".

Nhiều tác phẩm văn học nổi tiếng ra đời trong thời kì này như *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn, *Phú sông Bạch Đằng* của Trương Hán Siêu, *Tụng giá hoàn kinh sư* của Trần Quang Khải, *Thiên Trường vãn vọng* của Trần Nhân Tông,...

Nhân vật lịch sử: Chu Văn An (1292 – 1370)

Chu Văn An, người ở làng Quang Liệt, huyện Thanh Liêm, Thanh Tri, Hà Nội, làm đến chức Tư nghiệp Quốc Tử Giám. Sau đó, ông từ quan về mở trường tư ở làng Huỳnh Cung, thuộc xã Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội ngày nay. Học trò theo học rất đông, nhiều người trở thành đại thần dưới thời Trần Dụ Mạnh, Lê Quát,... Cuối đời, ông về sống một thời gian ở Kiếp Bạc và tiếp tục dạy học cho đến khi qua đời.

Tháp Phổ Minh (Nam Định)

69

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Các công trình kiến trúc tôn giáo được xây dựng khá nhiều, tiêu biểu như tháp Phổ Minh (Nam Định), tháp Bình Sơn (Vĩnh Phúc), chùa Thái Lạc (Hưng Yên). Ngoài ra, các tác phẩm điêu khắc bằng đá như tượng hổ ở lăng Trần Thủ Độ, chạm khắc gỗ trên cánh cửa ở chùa Phổ Minh,... được coi là những kiệt tác của nghệ thuật dân tộc.

Thời Trần, hát chèo và múa rối nước phổ biến từ đình làng cho tới cung đình. Nhiều nhạc cụ như trống cơm, sáo, tiêu, đàn cầm đã phổ biến vào thời kì này.

Nhạc công chơi đàn cầm cưỡi trên lưng chim (điêu khắc gỗ, chùa Thái Lạc, Hưng Yên, thế kỉ XII)

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Nêu những biểu hiện về sự củng cố chế độ phong kiến tập quyền dưới thời nhà Trần.

2. Lập bảng tóm tắt về những thành tựu văn hoá tiêu biểu của thời Trần theo mẫu dưới đây:

Lĩnh vực	Nội dung tóm tắt	Danh nhân tiêu biểu
Tư tưởng, tôn giáo	?	?
Giáo dục, khoa học	?	?
Văn học, nghệ thuật	?	?

Vận dụng

3. Tìm hiểu ở địa phương nơi em đang sống, hoặc qua sách báo, internet, hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 100 từ giới thiệu một di tích lịch sử tiêu quan đến công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ độc lập dân tộc của nhà Trần.

70

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời: (Tham khảo hoạt động phát triển năng lực phần 2)

+ Nhà Trần đã tăng cường củng cố bộ máy nhà nước: Đặt ra chế độ Thái thượng hoàng, cùng vua (con) cùng trông coi việc nước. Hệ thống quan lại chủ chốt phần lớn là tôn thất nhà Trần. Nhà nước còn định lệ khen thưởng rõ ràng và nghiêm minh.

+ Cải tổ bộ máy hành chính địa phương, từ 24 lộ thành 12 lộ, phủ với chức quan An phủ sứ đứng đầu. Đơn vị hành chính cơ bản giống thời Lý nhưng có sự thay đổi về chức quản lí (theo Hồ Tông Thốc, thời Trần quản lí xã có các xã quan (Xã chính, Xã sử và Xã giám).

+ Ban hành bộ luật mới – *Quốc triều hình luật*, đặc thêm các cơ quan và chức quan lo việc xét xử.

+ Trên nền tảng phát triển từ thời Lý, thời Trần quân đội được tăng cường và cải tổ, đặc biệt là chủ trương mới "binh cốt tinh nhuệ, không cốt đông", thường xuyên được luyện tập.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 5 (tt)

+ Giải mã hình ảnh trong tư liệu 16.9 với các thông tin cần bản: Trình độ điêu khắc tinh tế, chuyên nghiệp, phản ánh nền nghệ thuật âm nhạc hàn lâm cung đình của Việt Nam.

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: HS đọc và chọn lọc các thông tin trong bài để làm rõ những thành tựu văn hoá thời Trần: tư tưởng – tôn giáo, giáo dục và khoa học – kĩ thuật, văn học và nghệ thuật theo sơ đồ bên dưới (Lưu ý cho HS về hiện tượng "Tam giáo đồng nguyên", những điểm nổi trội về giáo dục và sự phát triển mạnh mẽ của văn học. Chú ý lí giải nguyên nhân của các hiện tượng đó).

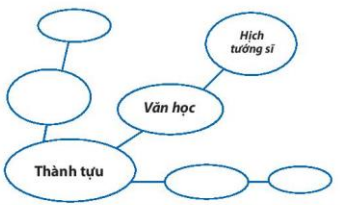

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời: (Tham khảo phần hướng dẫn phát triển năng lực phần 5)

Lĩnh vực	Nội dung tóm tắt	Danh nhân tiêu biểu
Tư tưởng, tôn giáo	– Tín ngưỡng cổ truyền vẫn phát triển: thờ tổ tiên, anh hùng dân tộc. – Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo đều được coi trọng. Dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử do Trần Nhân Tông sáng lập, trở thành thiền phái lớn nhất nước ta thời đó.	Trần Nhân Tông (1258 – 1308)
Giáo dục, khoa học	– Giáo dục, khoa cử được chú trọng: Mở rộng Quốc Tử Giám cho con cái bình dân có sức học xuất sắc. Định lệ thi Thái học sinh và chọn tam khôi. – Sử học: *Đại Việt sử ký* (Lê Văn Hưu), *Việt sử lược* (khuyết danh), *Việt sử cương mục* (Hồ Tông Thốc),… – Quân sự: *Binh thư yếu lược* (Trần Quốc Tuấn). – Y học: Xây dựng nền y học truyền thống của người Việt (Tuệ Tĩnh). – Thiên văn học, lịch pháp: Đặng Lộ, Trần Nguyên Đán.	Chu Văn An (1292 – 1370)
Văn học, nghệ thuật	– Văn học phát triển rực rỡ với các tác phẩm tiêu biểu: *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Tụng giá hoàn kinh sư* (Trần Quang Khải), *Phú sông Bạch Đằng* (Trương Hán Siêu), *Thiên Trường văn vọng* (Trần Nhân Tông),… – Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc với nhiều công trình tiêu biểu: Tháp Phổ Minh, tháp Bình Sơn, chùa Thái Lạc, tượng hổ ở lăng Trần Thủ Độ,…cùng với các nhạc cụ: trống cơm, sáo, tiêu, đàn cầm,…	Trần Quốc Tuấn (? – 1300) Trần Nhân Tông (1258 – 1308) Trần Quang Khải (1241 – 1294) Trương Hán Siêu (? – 1354)

– **Câu 3.** Gợi ý trả lời: HS tập làm một nhà sử học, viết một đoạn văn ngắn khoảng 100 chữ về một di tích lịch sử, làm rõ nội dung kiến thức:

+ Công trình ấy liên quan đến công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ độc lập dân tộc của nhà Trần, qua đó giáo dục HS ý thức tôn trọng quá khứ, đặc biệt là công sức của tiền nhân trong quá trình dựng nước và giữ nước thời Trần, thể hiện trách nhiệm của thế hệ sau gìn giữ di sản của quá khứ.

+ Để làm tốt câu hỏi này, GV có thể gợi mở theo các ý: *Di tích lịch sử đó ở đâu? Có gần nơi em sống hay không? Di tích ghi lại sự kiện gì liên quan đến nước ta thời Trần? Di tích này liên quan đến nhân vật lịch sử nào? Hoặc sự kiện lịch sử nào thời Trần?*

(Đối với HS ở các vùng miền không có các di tích liên quan, HS có thể tìm hiểu và viết về các di tích nổi tiếng thời Trần như: *lăng mộ Trần Thủ Độ, đền thờ các vua Trần, di tích đền Kiếp Bạc, Văn Miếu Quốc Tử Giám, đền thờ Huyền Trân công chúa,…)*

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN (tt)

1. Họ Trần từng bước nắm lấy quyền lực

Cuối năm 1223, Trần Tự Khánh – người có công nhiều nhất trong việc dọn đường cho họ Trần nắm chính quyền, chết ở Phù Liệt (được truy phong Kiến Quốc Đại Vương). Đầu năm 1224, Trần Thừa được cử làm Phụ quốc Thái uý, Trần Thủ Độ làm Điện tiến chỉ huy sứ, thống lĩnh các quân hộ vệ cấm thành. Huệ Tông từ lâu đã phát cuồng, không có con trai, chỉ có hai con gái (con cả là công chúa Thuận Thiên, đã gả cho Trần Liễu – con cả Trần Thừa), con thứ là công chúa Chiêu Thánh, mới lên 7 tuổi. Tháng 7 – 1225, Huệ Tông nhường ngôi cho Chiêu Thánh – tức Lý Chiêu Hoàng – tự mình làm Thái thượng hoàng. Quyền bính trong triều hoàn toàn nằm trong tay quan Điện tiến Trần Thủ Độ.

(Trương Hữu Quỳnh (Chủ biên), *Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2008, trang 171)

2. Chế độ Thái thượng hoàng

Chế độ Thượng hoàng (Thái thượng hoàng) được nhà Trần duy trì từ đầu cho đến khi kết thúc vương triều, với mục đích chính là để bảo vệ ngôi báu cho dòng họ, phòng khi bất trắc xảy ra. Các công việc triều chính đều do Thượng hoàng quyết định. Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: "Gia pháp nhà Trần..., con đã lớn thì cho nối ngôi chính, cha lui ở cung Thánh Từ, xưng là thượng hoàng, cùng trông coi chính sự. Thực ra chỉ truyền ngôi để yên việc sau, phòng khi thảng thốt mà thôi, chứ mọi việc đều do ở thượng hoàng quyết định cả. Vua nối không khác gì hoàng thái tử cả...".

(Viện Sử học, Trần Thị Vinh (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam tập 2*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2017, trang 359)

3. Bức thư hoạ Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn chi đồ

Bức thư hoạ nổi tiếng trên thế giới được vẽ vào thời nhà Trần – *Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn chi đồ* miêu tả cảnh Thượng hoàng Trần Nhân Tông rời động Vũ Lâm (Ninh Bình) về lại Thăng Long trước khi lên Yên Tử. Những chi tiết được mô tả trong bức hoạ cho thấy cảnh Thượng hoàng xuống núi, vua Trần Anh Tông đón cha. Ngoài ra, nhiều tầng lớp xã hội, phong cảnh Đại Việt cũng được thể hiện. Đặc biệt, nhiều nhà nghiên cứu nhất trí rằng, hình ảnh chim hạc, đạo sĩ cưỡi trâu và voi trắng chở kinh Phật là sự thể hiện tinh thần "Tam giáo đồng nguyên" trong xã hội nước ta thời Trần.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

– Diễn biến của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.

– Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Khai thác và sử dụng được các sơ đồ, lược đồ, nguồn tư liệu hình ảnh và tư liệu văn bản trong bài học.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

– Lập được lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.

– Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt.

– Đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Quốc Tuấn, Trần Thủ Độ,….

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

HS phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học qua việc hoàn thành hoạt động 3 trang 76

4. Hình thành những phẩm chất

Hình thành lòng yêu nước, ý thức và trách nhiệm sẵn sàng góp sức mình vào việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

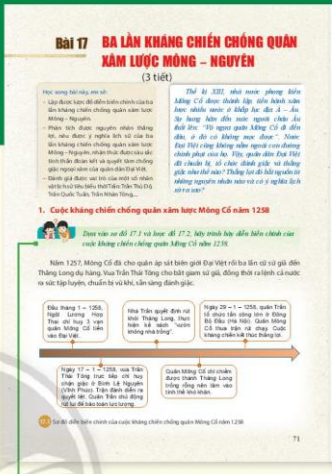

Bài 17 BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG – NGUYÊN

(3 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:

- Lập được lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.
- Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt.
- Đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông,...

Thế kỉ XIII, nhà nước phong kiến Mông Cổ được thành lập, liên tiếp xâm lược nhiều nước ở khắp lục địa Á – Âu. Sự bùng nổ dữ dội này ngoài chủ ý đe dọa, ở đó có không mục đích?

Trước tình hình đó, Việt Nam có những chính sách gì để bảo vệ độc lập, chủ quyền của mình? Những bài học kinh nghiệm nào có ý nghĩa lịch sử và sâu sắc?

1. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ năm 1258

Dựa vào sơ đồ 17.1 và lược đồ 17.2, hãy trình bày diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258.

Năm 1257, Mông Cổ đã cho quân áp sát biên giới Đại Việt rồi ba lần cử sứ giả đến Thăng Long dụ hàng, Vua Trần Thái Tông cho bắt giam sứ giả, động thời ra lệnh cả nước ra sức tập luyện, chuẩn bị vũ khí, sẵn sàng đánh giặc.

Đầu tháng 1 – 1258, Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy 3 vạn quân Mông Cổ tiến vào Đại Việt.

Nhà Trần quyết định rút khỏi Thăng Long, thực hiện kế sách "vườn không nhà trống".

Ngày 29 – 1 – 1258, quân Trần tổ chức tấn công tiến lí Đông Bộ Đầu (Hà Nội). Quân Mông Cổ thua trận rút chạy. Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi.

Ngày 17 – 1 – 1258, vua Trần Thái Tông trực tiếp chỉ huy chặn giặc ở Bình Lệ Nguyên (Vĩnh Phúc). Trận đánh diễn ra quyết liệt. Quân Trần chủ động tổ lực để bảo toàn lực lượng.

Quân Mông Cổ phải chiếm được thành Thăng Long trong vòng ba tháng, nếu không thì khó khăn.

Sơ đồ diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258

71

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

+ Biết cách khai thác thông tin của một sơ đồ đường thời gian ngang, biểu đồ liệt kê, hiển thị các mốc sự kiện, thời gian theo thứ tự thời gian của các sự kiện xảy ra trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

Gợi ý 1: GV sử dụng phần dẫn nhập để bắt đầu khởi động bài học.

Gợi ý 2: GV có thể khởi động bằng câu nói của Trần Thủ Độ khi được vua Trần Thái Tông hỏi về thế giặc: "Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ đừng lo gì khác". Và trong lúc 50 vạn đại quân Nguyên ra sức truy đuổi, muốn bắt cho bằng được hai vua Trần thì Trần Quốc Tuấn đã có một câu trả lời còn kiên quyết hơn: "Nếu bệ hạ muốn hàng, xin chém đầu thần trước rồi hãy hàng". Cách nhau gần 30 năm cả hai nhân vật là rường cột của quốc gia xã tắc đều có chung một quyết tâm? Phải chăng đó là ý nguyện của cả dân tộc và vì điều đó mà giặc Mông – Nguyên hùng mạnh như thế nhưng không khuất phục được quốc gia Đại Việt nhỏ bé?

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

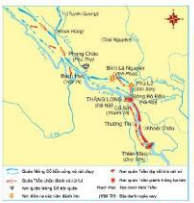

2. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên năm 1285

– Khai thác thông tin trong bài và bảng đồ 17.1, em hãy sử sự đồ tả cục diện biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285.

– Khai thác tư liệu 17.3 và 17.4, em hãy nêu ra diễn biến chung về tình thần chống giặc ngoại xâm của vua quan và nhân dân thời Trần.

Năm 1271, Hốt Tất Liệt lập ra nhà Nguyên. Năm 1279, sau khi chiếm toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc, nhà Nguyên tập trung lực lượng, sáo riết chuẩn bị xâm lược Đại Việt.

Trước tình hình đó, vua Trần triệu tập hội nghị Bình Than (Bắc Ninh) năm 1282, hội nghị Diên Hồng (Thăng Long) năm 1285 để bàn kế sách đánh giặc. Trần Quốc Tuấn được cử làm Quốc công tiết chế – Tổng chỉ huy các lực lượng kháng chiến. Trước trận chiến, để động viên khích lệ tinh thần chiến đấu của binh lính, Hưng Đạo Vương đã viết Hịch tướng sĩ.

Cuối tháng 1 năm 1285, Thoát Hoan dẫn 50 vạn quân từ phía bắc, Toa Đô dẫn 10 vạn quân từ phía nam (Chăm-pa) tấn công Đại Việt. Trước thế giặc mạnh, quân Trần lui quân về Vạn Kiếp (Chí Linh, Hải Dương). Vua tôi nhà Trần thiết lập mưu thực hiện kế sách "vườn không nhà trống", rút từ Thăng Long về Thiên Trường (Nam Định).

72

Em có biết?

Trước thế giặc mạnh, vua Trần Thái Tông tổ ý lo lắng và hỏi ý kiến Thái sư Trần Thủ Độ. Ông khẳng khái trả lời: "Bệ hạ đem lòng nhân ái mà cho nó xuống đất, bệ hạ đứng lùi lại thì được." (Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, Sđd, trang 28).

Lược đồ kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ năm 1258

Thượng hoàng Trần Thánh Tông họp bàn với các vương hầu, tướng lĩnh về kế hoạch đánh giặc. Các yếu nhân họp bàn ở điện Diên Hồng, bàn bạc rất sôi nổi, ý kiến đều nhất trí: đánh, nhưng cần phải có sự thống nhất cao như một người. Vua hỏi ý kiến các bô lão, họ đều tâu: "Bệ hạ muốn hỏi kế giặc, chúng tôi xin dâng kế ấy. Nếu bệ hạ muốn hàng thì nên chém đầu chúng tôi trước đã rồi hãy hàng!". Vua phấn khởi, truyền lệnh đánh giặc.

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, Sđd, trang 53)

+ Đọc tiêu đề để khám phá chủ đề của dòng thời gian: Diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258.
+ Xác định khoảng thời gian, dòng thời gian thể hiện: Các sự kiện xảy ra trong năm 1258 và trong một tháng (tháng 1 năm 1258). Mốc thời gian sớm nhất được hiển thị ở đầu bên trái (đầu tháng 1 năm 1258).
+ Đọc các sự kiện và theo trình tự.
+ Đọc các sự kiện gắn với các mốc thời gian quan trọng: 17 – 1 và 29 – 1.
+ Sử dụng thông tin thu thập được, để trả lời các câu hỏi:

1. Khoảng thời gian nào quân Mông Cổ bắt đầu xâm lược và khoảng thời gian quân Mông Cổ thua trận rút chạy?
2. Những trận đánh nào tiêu biểu trong diễn biến cuộc kháng chiến năm 1258?
3. Biết cách khai thác thông tin lược đồ 17.2.

+ Xác định chủ đề lược đồ: Lược đồ kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ năm 1258 (về khái niệm tương đương cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống đế chế Mông – Nguyên).
+ Kí hiệu khu vực chính lược đồ diễn tả: Dòng sông Hồng đoạn chảy từ Lào Cai đến đến Bạch Hạc (Việt Trì), còn gọi là sông Thao, đoạn chảy qua Thăng Long (Hà Nội) gắn với địa danh Đông Bộ Đầu (Hà Nội) và đoạn chảy qua Hà Nam, Thái Bình. (Thiên Mạc (Duy Tiên, Hà Nam), nơi đồn trú quân, nơi xây dựng một số chốt chặn quan trọng của vua tôi triều Trần trên chặng đường rút lui chiến lược sau trận Bình Lệ Nguyên). Kí hiệu và màu của kí hiệu thể hiện trên bản đồ (màu xanh của quân Mông Cổ, màu đỏ của quân nhà Trần,...).

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Trình bày được âm mưu của quân Mông Cổ, hoạt động chuẩn bị kháng chiến và thái độ quyết tâm của vua quan và nhân dân thời Trần.

Có thể cho HS nắm diễn biến qua những câu hỏi gợi ý khi đọc hiểu sơ đồ 17.1.

+ Trận đụng độ lớn giữa quân Mông Cổ và quân nhà Trần diễn ra tại đâu?
+ Vì sao quân nhà Trần chủ động rút lui? Nhà Trần đã thực hiện kế sách gì để đẩy quân địch vào tình thế khốn quẫn?
+ Trận đánh quyết định địch phải rút chạy diễn ra tại đâu?

– Tư duy lịch sử: GV có thể mở rộng cho HS trao đổi:

+ Theo em, vì sao trong vòng 1 tháng, kháng chiến chống quân Mông Cổ đã giành được thắng lợi? (lực lượng quân Nguyên không nhiều – có 3 vạn; những kế sách đúng đắn của nhà Trần (chủ động rút lui bảo toàn lực lượng (GV sử dụng kiến thức bổ trợ về kế sách của Lê Tấn); kế sách "vườn không nhà trống" đẩy quân Nguyên vào tình thế khốn quẫn do không có sự chuẩn bị về lương thực,...).
+ Trong lần tấn công Đại Việt lần thứ nhất, quân Mông Cổ do ai chỉ huy và có bao nhiêu quân xâm lược Đại Việt?

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động 1:

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

Biết khai thác lược đồ 17.5:

+ Xác định chủ đề lược đồ: Lược đồ kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285 (về khái niệm tương đương cuộc kháng chiến lần thứ hai chống đế chế Mông – Nguyên).

+ Kí hiệu khu vực chính lược đồ diễn tả: Đường biên giới quốc gia ngày nay (xác định vị trí nhà Nguyên ở phía bắc nước ta); Khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay, cụ thể: Vị trí các tỉnh Lạng Sơn, Tuyên Quang (cánh quân thứ nhất và thứ 2 của quân Nguyên tràn vào theo đường bộ); vị trí phía Nam Đại Việt, vùng Bắc Trung Bộ (Sông Giang, Bố Chính, Thuận Châu…thuộc các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị ngày nay).

+ Kí hiệu và màu của kí hiệu thể hiện trên bản đồ (màu xanh của quân Nguyên, màu đỏ của quân nhà Trần,...); kí hiệu nơi diễn ra các trận đánh lớn và các sự kiện lớn (Bình Than, Diên Hồng).

– Yêu cầu về năng lực vận dụng: Tham khảo hai sơ đồ bên dưới.

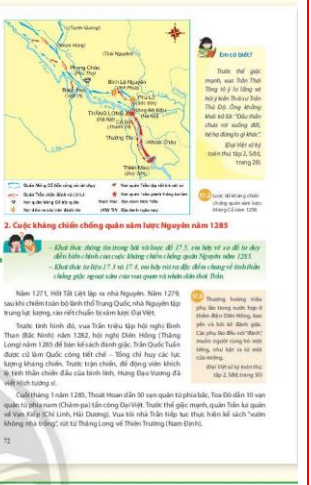

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Em có biết?

Trong kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên năm 1288, Trần Bình Trọng đã chặn đánh kìm chân quân giặc suốt 7 ngày để vua Trần có thời gian rút lui an toàn về Thiên Trường. Do quá chênh lệch lực lượng, cuối cùng ông bị bắt. Thoát Hoan muốn dụ hàng ông, nhưng Trần Bình Trọng đã khẳng khái trả lời: "Ta thà làm ma nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc".

Vua Thánh Tông đến gặp Quốc Tuấn và cởi ý đó hỏi: "Thế giặc như vậy, ta phải hàng thôi". Quốc Tuấn tâu rằng: "Bệ hạ chém đầu tôi trước đã hãy hàng".

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, NXB trang 81)

Tháng 5 năm 1285, quân Trần phản công, đánh bại quân địch ở Tây Kết, Hàm Tử (Hưng Yên), Chương Dương (Hà Nội), tiến về giải phóng kinh đô. Toa Đô tử trận, Thoát Hoan phải chui ống đồng, bắt quân lính khiêng chạy về nước. Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi.

Lược đồ kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285

3. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên năm 1287 – 1288

– Dựa vào sơ đồ 17.7 và lược đồ 17.8, em hãy trình bày những diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288.

– Từ sau thất bước xâm lăng chiến trước thế giặc rất mạnh, Hốt Tất Liệt Hoàng đã không định với vua Trần: "Nẫm nay đánh giặc nhàm"?

Hoạt động 2:

– Yêu cầu năng lực tìm hiểu lịch sử:

HS khai thác tư liệu văn bản 17.3 và 17.4 theo các bước sau:

+ Xác định chủ đề của đoạn tư liệu.

+ Tình huống lịch sử đoạn tư liệu phản ánh? (Thế giặc mạnh và tàn bạo).

+ Cụm từ, câu văn nào thể hiện tinh thần chống giặc ngoại xâm của vua quan và nhân dân thời Trần?

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Tinh thần trân trọng và lắng nghe tiếng nói từ dân chúng Đại Việt của vua Trần. Qua đó, đã khơi dậy tinh thần đoàn kết chống giặc của toàn dân tộc. Tinh thần quyết tâm của người đứng đầu quân đội.

HS rút ra đặc điểm chung: Tinh thần đoàn kết và quyết tâm chiến đấu đến cùng.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

Hoạt động 1:

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

+ Biết cách khai thác thông tin của một sơ đồ đường thời gian ngang, biểu đồ liệt kê, hiển thị các mốc sự kiện, thời gian theo thứ tự thời gian của các sự kiện xảy ra trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287.

+ Đọc tiêu đề để khám phá chủ đề của dòng thời gian: Diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287.

+ Xác định khoảng thời gian dòng thời gian thể hiện: Các sự kiện xảy ra trong 2 năm 1287 – 1288, trong khoảng thời gian 5 tháng. Mốc thời gian sớm nhất được hiển thị ở đầu bên trái (đầu tháng 12 năm 1287).

+ Đọc các sự kiện và theo trình tự.

+ Sử dụng thông tin thu thập được, để trả lời các câu hỏi:

1. Khoảng thời gian nào quân Nguyên bắt đầu xâm lược và khoảng thời gian quân Nguyên thua trận rút chạy?
2. Trận Vân Đồn và Bạch Đằng xảy ra vào giai đoạn nào của cuộc kháng chiến?
3. Biết cách khai thác thông tin lược đồ 17.6.

+ Xác định chủ đề lược đồ: Lược đồ kháng chiến chống quân Nguyên 1287 – 1288 (về khái niệm tương đương cuộc kháng chiến lần thứ ba chống đế chế Mông – Nguyên.

+ Kí hiệu khu vực chính lược đồ diễn tả: Đông Bắc Bộ, tập trung nhiều ở các tỉnh ngày nay: Lạng Sơn, Bắc Giang, Hải Dương (Vạn Kiếp), Hải Phòng (cửa sông Bạch Đằng), Quảng Ninh (Vân Đồn). Kí hiệu và màu của kí hiệu thể hiện trên bản đồ (màu xanh của quân Nguyên, màu đỏ của quân nhà Trần, các địa danh gắn với những trận đánh lớn,...).

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3 (tt)

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Cuộc kháng chiến đã diễn ra như thế nào? Những diễn biến chính?
+ Sau trận Vân Đồn, tình thế của quân Nguyên như thế nào?
+ Vì sao Hưng Đạo Vương chọn sông Bạch Đằng làm nơi huỷ diệt đạo quân thuỷ của nhà Nguyên?
+ Quân ta đã sử dụng chiến thuật gì ở sông Bạch Đằng? Em có nhận xét gì về cách đánh đó?

Hoạt động 2:

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Đây là một câu hỏi mở mang tính suy luận và phát triển tư duy phân tích lịch sử, phát triển trí tưởng tượng lịch sử cho HS. HS có thể trả lời theo nhiều cách khác nhau, GV chú ý tư duy logic trong câu trả lời của HS hơn chú trọng nội dung trả lời.

Gợi ý:

+ Vì sao trước thế giặc mạnh, Hưng Đạo Vương lại trả lời như vậy? Có phải đó là sự chủ quan hay không? Em nghĩ sao về câu trả lời của ông? *Hưng Đạo Vương biết rõ kẻ thù qua hai cuộc kháng chiến "biết người biết ta, trăm trận trăm thắng".*
+ Quân dân nhà Trần đã có những kinh nghiệm thu được sau lần đánh bại quân Nguyên 2 năm về trước.
+ Quân dân nhà Trần có sự chuẩn bị chu đáo và nắm rõ tình hình quân Nguyên. Hưng Đạo Vương tự tin trong chỉ đạo kháng chiến.
+ Quân Nguyên xâm lược sau hai lần thất bại liên tiếp trong tâm thế phục thù. Thất bại lần 2 (1285) vẫn còn dấu ấn và ảnh hưởng đến tinh thần trong quan quân nhà Nguyên.

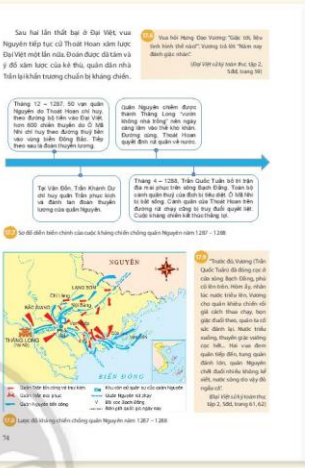
Sau hai lần thất bại ở Đại Việt, vua Nguyên tiếp tục cử Thoát Hoan xâm lược Đại Việt một lần nữa. Đoàn được đã tâm và ý đồ xâm lược của kẻ thù, quân dân nhà Trần lại khẩn trương chuẩn bị kháng chiến.

Vua bảo Hưng Đạo Vương: "Giặc tới, liệu binh kiểu thế nào?" Vương tâu tới "Năm nay đánh giặc nhàn".

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, NXB, trang 98)

Tháng 12 – 1287, 50 vạn quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy theo đường bộ tiến vào Đại Việt, hơn 800 chiến thuyền do Ô Mã Nhi chỉ huy theo đường thuỷ tiến vào vùng biển Đông Bắc. Tiếp theo sau là đoàn thuyền lương.

Quân Nguyên chiếm được thành Thăng Long "thành không nhà trống" nên ngày càng lâm vào thế khó khăn. Đương đầu, Thoát Hoan quyết định rút quân về nước.

Tại Vân Đồn, Trần Khánh Dư chỉ huy quân Trần phục kích và đánh tan đoàn thuyền lương của quân Nguyên.

Tháng 4 – 1288, Trần Quốc Toản bố trí trận địa cọc ở pháo hiệu sông Bạch Đằng. Toàn bộ cánh quân thuỷ của địch bị tiêu diệt. Ô Mã Nhi bị bắt sống. Cánh quân của Thoát Hoan trên đường rút theo công lộ truy đuổi quyết liệt. Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi.

Sơ đồ diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288

NGUYÊN
LẠNG SƠN
CHI LĂNG
BẠCH ĐẰNG
VÂN ĐỒN
THĂNG LONG (HÀ NỘI)
BIỂN ĐÔNG

Quân Nguyên rút chạy
Khu vực rút quân ta của quân Nguyên
Bãi cọc Bạch Đằng
Bãi cọc quân ta phục kích

Lược đồ kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288

"Trước đó, Vương (Trần Quốc Tuấn) đã dặng cọc ở cửa sông Bạch Đằng, phá cả lưỡi sắt. Hôm ấy, nhân lúc nước triều lên, Vương cho quân khiêu chiến rồi giả cách thua chạy, bỏ giặc đuổi theo, quân ta cứ sức đánh lại. Nước triều xuống, thuyền giặc vướng cọc, hết... Hai vua đem quân tiếp đến, tung quân đánh lớn, quân Nguyên chết đuối nhiều không kể xiết, nước sông đỏ vì đó ngầu cả".

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, NXB, trang 61, 62)

74

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 4

Hoạt động 1:

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử: HS tham khảo tư liệu 17.10 để tìm thông tin. (Gợi ý HS tìm ra những cụm từ thể hiện nguyên nhân thắng lợi: Vua tôi đồng tâm; anh em hoà mục; cả nước góp sức; tuỳ thời tạo thế: đội quân một lòng như cha con).

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: HS xác định được 3 nguyên nhân cơ bản:

+ Tinh thần yêu nước và đoàn kết toàn dân cùng chống giặc, được thể hiện qua kế sách "vườn không nhà trống", hội nghị Diên Hồng.
+ Chính sách "trọng dân", "khoan thư sức dân",... đã gắn kết tầng lớp nhân dân cùng đồng lòng chống giặc giữ nước.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

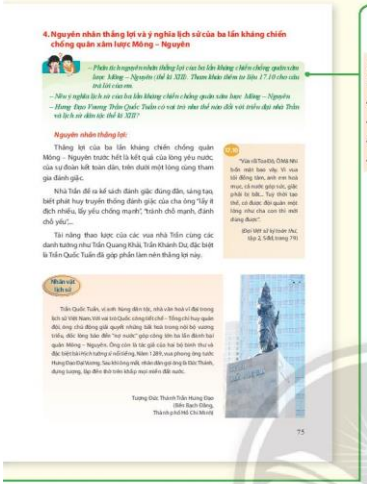

4. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên

– Phân tích nguyên nhân thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên (thế kỉ XIII). Tham khảo thêm tư liệu 17.1b cho câu trả lời của em.
– Nêu ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên
– Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn có vai trò như thế nào đối với triều đại nhà Trần và lịch sử dân tộc thế kỉ XIII?

Nguyên nhân thắng lợi:

Thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên trước hết là kết quả của lòng yêu nước, của sự đoàn kết toàn dân, trên dưới một lòng cùng tham gia đánh giặc.

Nhà Trần đề ra kế sách đánh giặc đúng đắn, sáng tạo, biết phát huy truyền thống đánh giặc của cha ông "Lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh", "Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu"...

Tài năng thao lược của các vua nhà Trần cùng các danh tướng như Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư, đặc biệt là Trần Quốc Tuấn đã góp phần làm nên thắng lợi này.

Q.tr

"Vua tôi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hoà mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt... Tuy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới đáng đươn."

(Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2, NXB, trang 79)

Nhân vật lịch sử

Trần Quốc Tuấn, vì anh hùng dân tộc, nhà văn hoá vĩ đại trong lịch sử Việt Nam. Với vai trò Quốc công tiết chế – Tổng chỉ huy quân đội, ông chủ động giải quyết nhiều bất hoà trong nội bộ vương triều, đốc lòng toàn dân "sự nước" góp công lớn ba lần đánh bại quân Mông – Nguyên. Ông còn là tác giả của hai bộ binh thư và đặc biệt bài Hịch tướng sĩ nổi tiếng. Năm 1289, vua phong ông tước Hưng Đạo Đại Vương. Sau khi ông mất, nhân dân gọi ông là Đức Thánh, dựng tượng, lập đền thờ trên khắp mọi miền đất nước.

Tượng Đức Thánh Trần Hưng Đạo (Bến Bạch Đằng, Thành phố Hồ Chí Minh)

75

+ Nhà Trần có rất nhiều tướng tài như Lê Tần, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư, Trần Bình Trọng, Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu,...đặc biệt là Trần Quốc Tuấn – vị tổng chỉ huy kháng chiến trong lần 2 và lần 3, người viết *Binh thư yếu lược* dạy tướng lĩnh, viết *Hịch tướng sĩ* động viên tinh thần chiến đấu của binh sĩ và người tạo ra trận địa cọc ở sông Bạch Đằng chặn đứng đường rút lui của quân Nguyên, kết thúc tham vọng xâm lược của đế chế Mông – Nguyên.

Hoạt động 2:

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

+ Nhận thức ý nghĩa lịch sử đối với dân tộc và tác động của chiến thắng dân tộc có được đối với thế giới và với kẻ đi xâm lược.

+ Dựa vào sơ đồ tư duy sau để triển khai hoạt động này

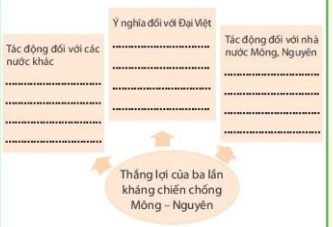

– **Yêu cầu về năng lực vận dụng (mở rộng, nâng cao):** Những ngày diễn ra cuộc kháng chiến tự vệ của dân tộc là những ngày tháng chạp năm Mậu Ngọ (tức những ngày đầu năm 1258). Ngày 29 tháng 1 là ngày 24 tháng Chạp năm Mậu Ngọ.

Trong vai một người dân kinh thành Thăng Long, hãy miêu tả kinh thành trong những ngày chiến thắng đó để hiểu rõ hơn ý nghĩa chiến thắng của kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258 (Tham khảo thêm đoạn trích bài viết của GS Lê Văn Lan bên dưới như là gợi ý cho HS).

Hoạt động 3:

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** HS khai thác được các tư liệu 16.7, 17.4, 17.6, 17.9 và mục NVLS (trang 75) để thực hiện nhiệm vụ học tập.

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử – mức độ hiểu:** Đây là một câu hỏi tổng hợp đòi hỏi HS phải có cái nhìn toàn diện về nhân vật này trong hai bài 16 và 17. GV gợi ý cho HS đánh giá vai trò của ông về 3 lĩnh vực: Chính trị; Quân sự; Văn hoá (Xem thêm tư liệu bổ trợ).

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời:

Các cuộc kháng chiến	Các trận đánh tiêu biểu
Kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ (1258)	Bình Lệ Nguyên
	Đông Bộ Đầu
Kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên (1285)	Chương Dương
	Hàm Tử
	Tây Kết
Kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên (1287 – 1288)	Vân Đồn
	Bạch Đằng

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời: Đây là câu hỏi đánh giá, HS tham khảo phần NVLS Trần Thủ Độ (bài 16) và Trần Quốc Tuấn (bài 17). Từ phần khởi động bài và hoạt động 2 trong phần phát triển năng lực 2, GV có thể định hướng cho HS nắm các ý chính:

+ Tinh thần quyết tâm chống giặc của hai ông qua câu nói lịch sử khi được hỏi về thế giặc.
+ Là điểm tựa và lãnh tụ chỉ huy của quân dân nhà Trần chiến đấu chống giặc ngoại xâm.

– **Câu 3.** Gợi ý trả lời: Dựa vào câu trả lời "nguyên nhân thắng lợi", HS xác định nhân tố quyết định tạo nên chiến thắng là nhân tố gì? Tuỳ quan điểm của các em để phát triển yêu cầu liên hệ với thực tiễn trong về hai của câu hỏi.

Ví dụ, nếu HS chọn tinh thần đoàn kết, HS sẽ viết về tinh thần đoàn kết qua chống dịch Covid hay khi đất nước có thiên tai lũ lụt, bão giông,... (nếu HS chọn)

Ý nghĩa lịch sử

Thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên của quân dân Đại Việt đã đập tan tham vọng, ý chí xâm lược của quân Mông – Nguyên, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, mở ra nền thái bình hơn một thế kỉ cho Đại Việt. Chiến thắng này góp phần quyết định chặn đứng làn sóng xâm lược của quân Mông – Nguyên đối với Nhật Bản và các nước Đông Nam Á.

Thắng lợi này đã khẳng định tinh thần quật cường, kết phách của một dân tộc kháng chiu khuất phục trước bất kì kẻ thù nào và để lại nhiều bài học lịch sử quý giá về xây dựng khối đoàn kết quân dân trong công cuộc đấu tranh và bảo vệ Tổ quốc.

Hào khí Đông A – Bạch Đằng 1288 (tranh sơn mài, Nguyễn Trường Linh)

Chương Dương cướp giáo giặc,
Hàm Tử bắt quân thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy ngàn thu.

(Lê Bảo Duyên chọn và biên soạn), Thơ văn Lý – Trần, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999, trang 351)

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Từ thông tin trong bài, em hãy điền các trận đánh tiêu biểu vào các ô trống tương ứng với từng cuộc kháng chiến.
2. Từ kiến thức đã học, em hãy đánh giá vai trò của Trần Thủ Độ và Trần Quốc Tuấn trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược Mông – Nguyên.

Kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ (1258) ? ?
Kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên (1285) ? ? ?
Kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên (1287 – 1288) ? ?

Vận dụng

1. Theo em, nhân tố quyết định tạo nên chiến thắng trong các cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên là gì? Nhân tố đó được kế thừa và phát huy như thế nào trong thời hiện?

76

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Sức mạnh của đế chế Mông Cổ khi xâm lược châu Âu

Đầu năm 1242, đội quân tiên phong của quân Mông Cổ truy kích vua Hung đến gần cuối đảo Dalmatia (bờ biển Nam Tư) gần thành Venice nước Ý. Cả châu Âu chấn động.

Theo sử biên niên của Pháp thì mối lo sợ trước quân Mông Cổ đã làm đình trệ cả sự buôn bán. Các sử gia biên niên của Anh cho chúng ta biết rằng bấy giờ việc thông thương giữa nước Anh và lục địa bị gián đoạn. Ở Đức, xuất hiện bài kinh cầu nguyện: "Chúa cứu vớt chúng con khỏi cơn thịnh nộ Tatar (tức Mông Cổ)". Trong thư gửi các tín đồ, Giáo hoàng La Mã Grégoire IX đã viết: "..., sợ rằng hiện

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

nay uy danh của đạo Cơ Đốc sẽ bị bọn Tatar tiêu diệt hết. Nghĩ đến đó là ta xương nát tuỷ khô, thân gầy kiệt sức, đau xót vô cùng, khiến ta không biết làm gì đây".

(Hà Văn Tấn, Nguyễn Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông thế kỉ XIII*, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2019, trang 51)

2. Kế sách của Lê Tấn

Ngay trận đụng độ tại Bình Lệ Nguyên, vua Trần Thái Tông có ý định dốc toàn lực để đánh trận quyết định với quân Mông Cổ, Lê Tấn khuyên vua tạm rút lui để bảo toàn lực lượng, chờ cơ hội chắc thắng để đánh trận quyết định với kẻ thù: "Nếu bây giờ bệ hạ làm như thế, thì chỉ như người dốc hết túi tiền để đánh nốt tiếng bạc mà thôi. Tôi tưởng hãy nên lánh đi, không nên khinh thường mà nghe người ta được".

(Quốc sử quán triều Nguyễn, Viện Sử học biên dịch, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007, trang 461)

3. Sông Bạch Đằng

Là một con sông lớn do sông Đá Bạc, sông Giá và nhiều nhánh sông khác đổ vào. Dòng sông rộng mênh mông, bên phải có dãy núi đá vôi Tràng Kênh ăn sát bờ, bên trái rừng cây um tùm che lấp bờ bến. Theo kế hoạch của Trần Quốc Tuấn, quân dân ta đẵng gỗ lim, gỗ táu trên rừng về, đẽo nhọn, cắm xuống sông tạo thành một bãi chướng ngại vật lớn. Chiến thuật của Ngô Quyền từ thuở phá quân Nam Hán lại một lần nữa được vận dụng sáng tạo trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên. Ghềnh Cốc là một dãi đá ngầm chạy ngang qua sông Bạch Đằng phía dưới cửa sông Chanh, có thể được lợi dụng như một chướng ngại vật tự nhiên để phối hợp với bãi cọc, ngăn chặn chiến thuyền địch khi nước triều xuống. Thuỷ quân của ta mai phục sẵn trong các nhánh sông, vũng sông, từ sông Đá Bạc được mở rộng cho quân thủ tiến vào đất chết. Bộ binh tận dụng địa hình giấu quân trong núi đá Tràng Kênh và rừng rậm bên tả ngạn. đại quân do vua Trần thống lĩnh cũng sẵn sàng tiếp ứng cho trận quyết chiến chiến lược này.

(Uỷ ban Khoa học Xã hội Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam tập 1*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971, trang 211)

4. Về Trần Quốc Tuấn

Về chính trị: Trần Quốc Tuấn là một tôn thất dòng trưởng của nhà Trần (con Trần Liễu, cháu gọi vua mở đầu triều đại – Trần Thái Tông bằng chú ruột). Ông đã có những hành động xóa bỏ những hiềm khích bên trong dòng tộc, tạo nên một vương triều đoàn kết và gắn bó từ bên trong. Ông đã chủ động làm hoà với Trần Quang Khải (con vua Trần Thái Tông), phối hợp cùng vị tướng này chỉ huy cuộc kháng chiến chống giặc cứu nước.

Về quân sự: Được vua trao chức Quốc công tiết chế – Tổng chỉ huy quân đội cả nước, ông đã thống lĩnh quân dân thời Trần tạo nên những chiến công hiển hách như trận Chương Dương, Hàm Tử, Tây Kết, Vân Đồn, đặc biệt là trận Bạch Đằng vang dội.

Về văn hoá: Bằng tài năng của mình, ông viết *Hịch tướng sĩ* động viên tinh thần chiến đấu của quân sĩ. Ông còn tập hợp cách đánh giặc của trăm nhà để soạn ra bộ *Binh thư yếu lược, Vạn Kiếp tông bí truyền thư* là những quyển binh pháp có giá trị lớn lúc bấy giờ.

Về nhân cách đáng quý: Bản thân ông luôn nghĩ cho nước cho dân. Khi trả lời cháu ngoại ông, vua Anh Tông về kế sách giữ nước, ông đã để lại lời tâm huyết đến nay vẫn còn nguyên giá trị: Đó là "khoan thư sức dân, làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước".

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN (tt)

5. Dấu ấn lịch sử của chiến thắng 1258

"Trận quyết chiến chiến lược ngày giáp Tết năm Mậu Ngọ này chỉ còn được rất ít thông tin về diễn biến chiến sự trong sử sách chính thống cổ truyền. Nhưng hiệu quả và kết quả cụ thể, rõ rệt của nó thì đã rất đầy đủ để chứng minh thực chất của hoạt động chiến đấu và chiến tranh này: Nhanh chóng đánh bại cuộc đề kháng, bị dồn vào đấy, của một đạo quân vốn chỉ quen rầm rộ tấn công! Không những thế, còn kích bật giặc ra khỏi kinh thành, buộc chúng phải cuống cuống tháo chạy theo đường ven bờ phải sông Hồng, một mạch mà ngược ra khỏi nước Việt!

Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông lần thứ nhất đã thành công rực rỡ, để lại những bài học, kinh nghiệm quý báu, được đúc rút và thực hành trong các lần kháng chiến thứ hai, thứ ba, sau đó. Ngay lúc bấy giờ, một tuần sau ngày đánh trận quyết chiến chiến lược Đông Bộ Đầu, thì đã là ngày Mồng Một, Tết năm Mậu Ngọ (5 – 2 – 1258). Một buổi thiết đại triều, mừng xuân mới, mừng đại thắng, đã được tổ chức tưng bừng và trọng thể ở toà chính điện Thiên An, giữa kinh thành Thăng Long vừa được giải phóng.

Bấy giờ là năm thứ bảy và là năm cuối cùng, niên hiệu Nguyên Phong của hoàng soái Trần Thái Tông. Ngay sau đó, đã là năm thứ nhất, niên hiệu Thiệu Long của vua Trần Thánh Tông – chính là vị tướng trẻ 18 tuổi – hoàng tử trưởng của Trần Thái Tông – được vua cha sớm nhường ngôi cho, do sự xứng đáng đã được thử thách vào lúc vừa theo phụ hoàng đánh trận Đông Bộ Đầu.

30 năm sau nữa thì đến niên hiệu Trùng Hưng của vua Trần Nhân Tông – Anh hùng dân tộc của hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông các năm 1284 – 1285 và 1287 – 1288. Vào một ngày đầu xuân, từ Thăng Long đi viếng toà Chiêu Lăng của ông nội Trần Thái Tông ở Ngự Thiên – Long Hưng, vua Trần Nhân Tông vẫn thấy còn những người lính già, từng đã dự trận Đông Bộ Đầu năm 1258, bây giờ đi theo hộ giá. Ký ức hào hùng về trận quyết chiến chiến lược ngày giáp Tết năm Mậu Ngọ – năm thứ bảy niên hiệu Nguyên Phong – vẫn rực rỡ ở nơi những "bạch đầu quân" này, vậy là đã khiến Trần Nhân Tông viết ngay được hai câu tuyệt bút trong bài thơ "Xuân nhật yết Chiêu Lăng" (Ngày xuân viếng Chiêu Lăng) của mình:

Bạch đầu quân sĩ tại
Văng vẳng thuyết Nguyên Phong
(Còn có những người lính đầu bạc
Vẫn luôn kể chuyện thời Nguyên Phong).

(Lược trích theo GS Lê Văn Lan, bài viết *Trận quyết chiến chiến lược ngày 24 Tết năm Mậu Ngọ* đăng trên báo Quân đội nhân dân, ngày 18 tháng 1 năm 2016)

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Sự ra đời của nhà Hồ.
- Một số nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và tác động của những cải cách ấy đối với xã hội.
- Cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ.
- Nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Khai thác và sử dụng được các sơ đồ, lược đồ, nguồn tư liệu hình ảnh và chữ viết trong bài học.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

- Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ.
- Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý Ly và nêu được tác động của những cải cách ấy đối với xã hội thời nhà Hồ.
- Mô tả được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh.
- Giải thích được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

HS phát triển năng lực vận dụng kiến thức đã học, tìm hiểu về kiến trúc nhà Hồ được UNESCO công nhận (thành Đa Bang hay Tây Đô), viết giới thiệu về công trình đó dưới góc độ để phục vụ cho ngành du lịch.

4. Hình thành những phẩm chất

- Giáo dục lòng yêu nước qua tình thần sáng tạo, tìm tòi cái mới trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.
- Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.

Bài 18 NHÀ HỒ VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MINH (1400 – 1407)

(2 tiết)

1. Nhà Hồ thành lập

Nhà Hồ được thành lập như thế nào?

Cuối thế kỉ XIV, nhà Trần bước vào thời kì khủng hoảng, suy yếu, không chăm lo phát triển kinh tế, nạn mất mùa xảy ra liên tiếp. Các cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp cả nước.

Trước tình hình đó, năm 1400, Hồ Quý Ly phế truất vua Trần (Trần Thiếu Đế) và lên làm vua, lập ra nhà Hồ, đổi tên nước là Đại Ngu (có nghĩa là niềm vui lớn).

Nhân vật lịch sử

Hồ Quý Ly sinh năm 1336, chưa rõ năm mất, là một người có tài và nhiều tham vọng. Hồ Quý Ly lấy em gái vua Trần Nghệ Tông. Con gái ông là Hoàng hậu của vua Trần Thuận Tông (1377 – 1398). Nhờ những mối quan hệ đó, ông rất được vua Trần trọng dụng. Năm 1394, ông đã nắm giữ chức vụ cao nhất trong triều đình là Nhập nội phụ chính Thái sư Bình chương quân quốc trọng sự (tương đương với chức Tể tướng).

77

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Xác định qua đoạn văn vấn đề câu hỏi yêu cầu giải quyết:

- Nhà Hồ được thành lập như thế nào?
- Bối cảnh lịch sử chính dẫn đến nhà Hồ thành lập là gì?
- Những dấu hiệu nào cho thấy nhân dân không còn ủng hộ nhà Trần như thế kỉ XIII?
- Vai trò của cá nhân Hồ Quý Ly như thế nào?

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

Gợi ý 1: GV sử dụng phần Dẫn nhập để khởi động bài học.

Gợi ý 2: GV có thể khởi động bằng một đoạn phim tư liệu **Di sản thành nhà Hồ** và đặt vấn đề về triều đại tồn tại ngắn ngủi nhưng chứa đựng rất nhiều vấn đề của lịch sử dân tộc: Vậy nhà Hồ được thành lập như thế nào? Hồ Quý Ly đã có những cải cách táo bạo nào? Vì sao cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại dù có quân đội đông, vũ khí hiện đại, thành Đa Bang kiên cố, kinh đô An Tôn vững chãi?

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động 1:

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Sử dụng những thông tin trong sơ đồ bảng theo từng ô để xác định những nội dung chính trong cải cách của Hồ Quý Ly.

+ Đọc tiêu đề và xác định được chủ đề của sơ đồ bảng (cải cách).
+ Đọc tiêu 4 ô – cung cấp chi tiết hơn thông tin của chủ đề (cải cách trên những lĩnh vực nào?).
+ Rút ra thông tin trong từng ô:

1. Những cải cách căn bản các triều đại đều phải thực hiện;
2. Những cải cách đột phá chỉ có ở nhà Hồ;
3. Những cải cách đối lập, ngược lại với nhà Trần.

Từ đó, nêu những nội dung chính trong cải cách theo từng ô, mỗi ô tương ứng với một lĩnh vực.

2. Cải cách của Hồ Quý Ly

a. Nội dung cải cách

Nhà Hồ đã thực hiện những cải cách gì?

Hồ Quý Ly đã thực hiện nhiều chính sách và biện pháp cải cách trên mọi lĩnh vực.

Chính trị – Hành chính

- Đổi tên một số đơn vị hành chính cấp trấn. Đặt chức An phủ sứ ở các lộ để quản mọi việc trong phủ, châu, huyện.
- Thông qua thi cử tuyển chọn người đỗ đạt, bổ nhiệm làm quan.
- Dời đô về thành An Tôn (thành Tây Đô, Thanh Hoá).

Kinh tế – Xã hội

- Ban hành tiền giấy (Thông bảo hội sao). Lấy đồng tiền giấy được sử dụng ở Việt Nam.
- Ban hành chính sách hạn nô và hạn điền (quy định số lượng ruộng đất và nô tì của quan lại, quý tộc).
- Ban hành chính sách thuế mới.

Quân sự – Quốc phòng

- Cử những tôn lại (quản độ), xây dựng tuyến phòng thủ, xây thành Đa Bang, thành An Tôn,...
- Chú trọng chế tạo nhiều vũ khí mới: súng thần cơ (loại đại bác đầu tiên ở nước ta), cỗ lầu thuyền (loại thuyền chiến lớn có hai tầng),...

Văn hoá – Giáo dục

- Chấn chỉnh lại Phật giáo (bước các nhà sư dưới 50 tuổi phải hoàn tục); sửa đổi chế độ thi cử, học tập.
- Lần đầu tiên dùng chữ Nôm để chấn hưng văn hoá dân tộc. Dịch sách chữ Hán sang chữ Nôm, khuyến khích sáng tác thơ bằng chữ Nôm.

Sơ đồ nội dung cải cách của Hồ Quý Ly

Cổng Nam thành Tây Đô (còn gọi là thành nhà Hồ, Thanh Hoá)

78

Hoạt động 2:

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

Khai thác tư liệu 18.4:

+ Xuất xứ tư liệu (Phan Huy Chú là ai?).
+ Những từ và cụm từ thể hiện quan điểm của Phan Huy Chú về chính sách cải cách tiền giấy của Hồ Quý Ly.
+ Phan Huy Chú đồng tình hay phản đối việc phát hành tiền giấy? Vì sao?

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

Những điểm tích cực:

+ Công cuộc cải cách của Hồ Quý Ly khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực (chính trị – hành chính, kinh tế – xã hội, quân sự – quốc phòng, văn hoá – giáo dục). Cải cách của ông nhằm cố gắng giải quyết những khủng hoảng xã hội cuối thời Trần: Các biện pháp đó đã loại bỏ bớt những quý tộc bất tài (dựa vào thân thế – con cháu hoàng thất Trần), bổ sung đội ngũ Nho sĩ mới, có thực tài vào bộ máy nhà nước (chủ yếu là người thông qua thi cử đỗ đạt, như Nguyễn Trãi, Nguyễn Phi Khanh,...).
+ Hạn chế được nạn tập trung ruộng đất và tăng cường sức mạnh quân sự của đất nước (chính sách hạn điền và chú trọng tuyển binh, chế tạo vũ khí, xây dựng thành luỹ,...). Đặc biệt trong lĩnh vực văn hoá – giáo dục có nhiều điểm tiến bộ, mang tính dân tộc rõ nét. Nổi bật nhất là tinh thần tự tôn dân tộc, qua việc đề cao chữ Nôm (dịch sách sang chữ Nôm, sáng tác thơ Nôm).

Những điểm hạn chế, có cải cách chưa triệt để.

GV có thể mở rộng thông tin qua chính sách hạn điền: số ruộng quá quy định phải nộp cho nhà nước, theo như hành khiển Hà Đức Lân chỉ trích: "Đặt ra phép này chỉ để cướp ruộng của dân mà thôi"; chính sách hạn nô: nô tì không được giải phóng, trở thành công nô – nô tì của nhà nước; tiền giấy gây khó khăn trong cất giữ, dễ làm giả,...

– **Mở rộng:** Theo ý kiến riêng em, em có đồng tình với ý kiến của Phan Huy Chú không? Vì sao?

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

b. Tác động của cải cách đến đời sống xã hội thời Hồ

Những cải cách của Hồ Quý Ly đã tác động thế nào đến xã hội đương thời? Tham khảo thêm tư liệu 15.4 cho câu trả lời của em.

Công cuộc cải cách của Hồ Quý Ly khá toàn diện và có tác động tích cực nhằm củng cố giải quyết những khủng hoảng xã hội cuối thời Trần. Các biện pháp của ông đã loại bỏ bớt những quy lộc bất tài, bổ sung đội ngũ Nho sĩ mới, có thực tài vào bộ máy nhà nước; hạn chế được nạn tập trung ruộng đất và tăng cường sức mạnh quân sự của đất nước. Đặc biệt lĩnh vực văn hoá – giáo dục có nhiều điểm tiến bộ, mang tính dân tộc rõ nét.

Tuy nhiên, cải cách của Hồ Quý Ly còn bộc lộ nhiều hạn chế, có cải cách chưa triệt để như chính sách hạn nô,...

Tư liệu 15.4 Đạo đã phát hiện trong khu vực thành nhà Hồ đựng chu sáng thần công (Trưng bày Bảo tồn di sản thành nhà Hồ, Thanh Hoá)

Nói về việc, phát hành tiền giấy, Phan Huy Chú nhận xét: "... người có tiền giấy cất giữ cũng dễ dịch nát, mà kẻ làm giả mạo sinh ra khôn cùng, thực không phải là cách tránh ốn vật giả mà kéo thông của chi vậy. Quý Ly không xét kĩ đến cái gốc bất hợp, chỉ hám chuộng hư danh sáng chế... khiến dân nghe thấy đã sợ, thêm mối xôn xao, thế có phải chỉ để lĩnh trò đâu".

(Nhân Sử học, Phan Huy Chú Lịch triều hiến chương loại chí (tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tương 11-2)

3. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh (1406 – 1407)

a. Cuộc xâm lược của quân Minh và thất bại của nhà Hồ

Một số những nét chính về cuộc kháng chiến của nhà Hồ chống quân xâm lược Minh

Cuối thế kỉ XIV, nhận thấy nước ta đang rơi vào khủng hoảng, nhà Minh chuẩn bị lực lượng xâm chiếm. Tháng 11 – 1406, lấy cớ "phù Trần, diệt Hồ", hơn 20 vạn quân Minh do Trương Phụ, Mộc Thạnh chỉ huy tiến vào nước ta.

Sau những thất bại ở biên giới, quân nhà Hồ lui về thành Đa Bang (Ba Vì, Hà Nội cũ thủ. Tháng 1 – 1407, nhiều trận chiến ác liệt giữa hai bên diễn ra trước thành Đa Bang. Cuối cùng, thành Đa Bang thất thủ, Đông Đô sau đó cũng nhanh chóng bị chiếm. Quân nhà Hồ rút về cố thủ ở Tây Đô. Tháng 6 – 1407, Hồ Quý Ly và các con bị bắt. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh của nhà Hồ hoàn toàn thất bại.

79

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

Hoạt động 1:

– **Yêu cầu về năng lực năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** HS trình bày được nhà Hồ ra đời trong bối cảnh rối ren ấy cùng với các chính sách không được lòng dân, đã được nhà Minh (vừa mới lập ra ở Trung Quốc năm 1368) tận dụng triệt để với ngọn cờ "Phù Trần, diệt Hồ", tấn công đúng vào điểm yếu của nhà Hồ. Các mốc chính của diễn biến:

+ Tháng 11 – 1406, 20 vạn quân Minh tràn vào nước ta, tuyến phòng thủ biên giới của nhà Hồ thất bại.

+ Tháng 1 – 1407, Đa Bang và sau đó Đông Đô đều thất thủ.

+ Tháng 6 – 1407, Hồ Quý Ly và các con bị bắt, cuộc kháng chiến của nhà Hồ hoàn toàn thất bại.

Hoạt động 2:

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Giải thích nguyên nhân thất bại của nhà Hồ (Không được dân ủng hộ; chỉ chú trọng cố thủ dựa vào phòng tuyến, thành luỹ; tư tưởng trong quân bị chia rẽ)

– **Mở rộng, nâng cao:** Đánh giá nhận định của Nguyễn Trãi: "Quân của họ Hồ trăm vạn người, trăm vạn lòng". Tìm hiểu thêm về nguyên nhân khách quan: Nhà Minh đã mang sang hơn 20 vạn quân cùng hàng chục vạn dân phu cùng những viên tướng giỏi trận mạc như Trương Phụ, Mộc Thạnh. Họ không chỉ giỏi đánh trận mà còn quỷ quyệt khi dựng lên ngọn cờ "phù Trần, diệt Hồ" (Tiêu diệt họ Hồ, khôi phục nhà Trần, lấy lí do Hồ Quý Ly cướp ngôi và tàn sát quý tộc Trần.

Hoạt động 3:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Câu hỏi mở nên HS có thể diễn đạt nhiều cách khác nhau. Những ý chính cần có trong câu trả lời :

– Giải thích được khái niệm " lòng dân" trong câu nói của Hồ Nguyên Trừng.

– Trình bày suy nghĩ của bản thân về một nhận định:

+ Nhận định đó ra đời trong hoàn cảnh lịch sử nào?

+ Tại sao Hồ Nguyên Trừng lại sợ lòng dân không theo nhà Hồ?

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời: Dựa trên bảng 18. 1 để vẽ sơ đồ tư duy.

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời: GV có thể hướng HS lập niên biểu theo 3 mốc sự kiện sau:

Thời gian	Sự kiện chính
Tháng 11 – 1406	
Tháng 1 – 1407	
Tháng 6 – 1407	

– Câu 3. Gợi ý trả lời:

+ HS đóng vai, tập làm hướng dẫn viên du lịch, tìm hiểu và giới thiệu về một công trình kiến trúc thời Hồ.

+ Thông tin và tư liệu trong bài cho biết về hai công trình kiến trúc nhà Hồ là thành Đa Bang, thành Tây Đô (thành nhà Hồ). Xác định di sản trước khi viết.

+ Gợi ý bài viết của HS theo dàn ý: Tên và hình ảnh công trình kiến trúc; địa điểm; thời gian xây dựng; mục đích xây dựng; những điểm độc đáo của công trình,…)

b. Nguyên nhân thất bại

– *Vì sao cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược của nhà Hồ bị thất bại nhanh chóng?*

– *Em có suy nghĩ gì về câu nói của Hồ Nguyên Trừng: "Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo"?*

Cuộc kháng chiến thất bại là do những chính sách của nhà Hồ không được nhân dân ủng hộ. Nhà Hồ không đề ra được đường lối kháng chiến đúng đắn, quá chú trọng xây dựng phòng tuyến quân sự và lực lượng quân đội chính quy.

Hồ Nguyên Trừng (tr) vua cuối cùng của nhà Hồ,... cùng với các quan (hành hạp bắn nên đành hạp nên hoà (giặc Minh). Có người khuyên nên đánh, chỉ để làm nổi lòng người. Trần thủ Bắc Giang Nguyễn Quán cho là nên tạm hoà, chiều theo những điều chúng muốn để hoãn binh thì hơn. Tả sương quốc Trừng (Hồ Nguyên Trừng) nói:

"Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo".

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, NXB, trang 305)

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. *Hoàn thành sơ đồ tư duy về những chính sách cải cách của Hồ Quý Ly.*

2. *Lập niên biểu những sự kiện tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ.*

Vận dụng

3. *Năm 2011, tổ chức UNESCO đã công nhận một công trình kiến trúc thời nhà Hồ là Di sản văn hoá thế giới. Theo em, đó là công trình nào? Trong vai một hướng dẫn viên du lịch, em hãy viết một bài giới thiệu về công trình đó.*

80

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Quân sự – quốc phòng

Hồ Quý Ly thường ao ước làm sao xây dựng một đội quân lớn tới 100 vạn quân. Tất cả con trai từ 2 tuổi trở lên đều phải đăng ký vào sổ hộ để đến tuổi thì tuyển lính. Tổ chức quân đội được chấn chỉnh lại, phiên chế thành các quân hiệu gồm có các vệ đội. Nhiều xưởng đóng chiến thuyền, đúc vũ khí và kho quân nhu được thiết lập. Kỹ thuật quân sự cũng được cải tiến. chiến thuyền thời Hồ là loại thuyền lớn đóng bằng đinh sắt, phía trên có

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

sàn đi lại để tiện chiến đấu, phía dưới hai người chèo một mái chèo. Hồ Nguyên Trừng sáng chế ra một loại súng nổi tiếng là súng thần cơ. Đó là loại súng có nhiều cỡ lớn nhỏ khác nhau, có sức sát thương và công phá hơn hẳn các loại súng đương thời kể cả hoả pháo của quân Minh.

2. Chính sách hạn điền

Ban hành năm 1397. Theo chính sách này thì đại vương và công chúa trưởng được quyền chiếm hữu ruộng đất vô hạn, đến thứ dân (tầng lớp bình dân) chỉ được chiếm hữu dưới 10 mẫu. Người nào có ruộng quá số quy định trên phải đem nộp cho nhà nước hoặc dùng để chuộc tội nếu phạm pháp. Chính sách hạn điền có hạn chế quyền chiếm hữu ruộng đất của một số quý tộc, nhưng chủ yếu là nhằm thu hồi một số lớn ruộng đất vào tay nhà nước đúng như một viên quan đương thời là hành khiển Hà Đức Lân đã chỉ trích: "Đặt ra phép này chỉ để cướp ruộng của dân mà thôi".

3. Chính sách hạn nô

Quy định: quý tộc quan lại tuỳ theo phẩm tước cao thấp, được nuôi một số gia nô nhất định và phải thích vào trán những dấu hiệu riêng. Quá số quy định đó, triều đình sung công và trả tiền 5 quan mỗi gia nô nếu người chủ có chúc thư thừa kế ba đời. Chính sách hạn nô thi hành từ năm 1401, nhằm hạn chế quyền bóc lột nô tì của quý tộc và tập trung nô tì vào tay nhà nước. Người nô tì chỉ chuyển chủ từ tư nhân sang nhà nước, trước sau vẫn không hoàn toàn được giải phóng.

4. Chính sách phát hành tiền giấy

Bắt đầu thi hành từ năm 1396. Tiền giấy in ra gồm bảy loại gọi là "thông bảo hội sao" và quy định 1 quan tiền đồng đổi lấy 1 quan 2 tiền giấy. Trong lịch sử nước ta, đây là lần đầu tiên tiền giấy xuất hiện. Nhưng việc phát hành tiền giấy của Hồ Quý Ly chủ yếu xuất phát từ lợi ích của nhà nước phong kiến nhằm tăng thêm ngân quỹ của chính quyền thu hồi đồng về để làm vật tư và đúc vũ khí. Nhà Hồ cũng có đúc một số tiền đồng nhưng số lượng không nhiều.

5. Tác động của các biện pháp cải cách

Tầng lớp địa chủ bị xâm phạm vì việc hạn chế quyền chiếm hữu ruộng đất dưới 10 mẫu và việc tăng thuế ruộng từ từ 3 thăng lên 5 thăng mỗi mẫu. Nô tì vẫn không được giải phóng mà chỉ tập trung vào tay nhà nước. Thương nhân làm ăn khó khăn vì tiền giấy mất giá trị. Nông dân công xã là tầng lớp đông đảo nhất trong xã hội tuy có được giảm nhẹ phần nào về thuế đinh (người không có ruộng, trẻ mồ côi và đàn bà goá được miễn thuế) nhưng quanh năm lại phải chịu binh dịch và lao dịch vất vả.

(Uỷ ban Khoa học Xã hội Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam tập 1*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971, trang 232 – 233)

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Các sự kiện tiêu biểu của khởi nghĩa Lam Sơn.
- Nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Vai trò của một số nhân vật tiêu biểu.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Khai thác và sử dụng được các sơ đồ, lược đồ, nguồn tư liệu hình ảnh và chữ viết trong bài học.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

- Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

- Vận dụng kiến thức: Từ kiến thức trong bài, tìm hiểu về một người anh hùng Lam Sơn theo quan điểm của HS.
- Vận dụng kĩ năng: Biết cách viết về một nhân vật lịch sử.

4. Hình thành những phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào dân tộc và ý chí không khuất phục và sẵn sàng đứng lên đấu tranh khi Tổ quốc lâm nguy.
- Tinh thần yêu chuộng hòa bình, tấm lòng nhân đạo giữa người với người.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

Gợi ý 1: Sử dụng phần dẫn nhập và hình ảnh khu di tích Lam Sơn.

Gợi ý 2: Tiếp nối bài 18, với sự thất bại của nhà Hồ và gợi mở bằng hai câu thơ của Nguyễn Trãi khi nói về chính sách đô hộ tàn bạo của nhà Minh: "Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn. Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ" qua đó tạo cho HS có cái nhìn toàn diện về tinh thần yêu nước, ý chí cầm thù giặc đã hình thành nên tinh thần đấu tranh bền bỉ của các thủ lĩnh Lam Sơn kéo dài suốt 10 năm.

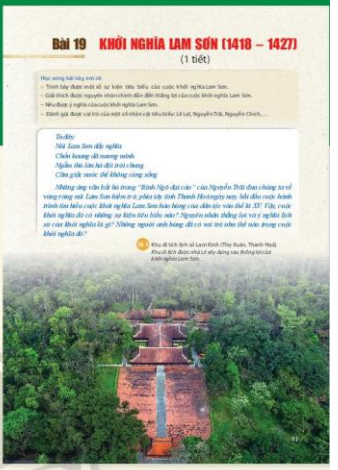

Bài 19 KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 – 1427)

(1 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...

Trời/Đất
Một Lam Sơn dậy nghĩa
Chiến hoàng đế nương mình
Ngẩng thù làm hai đội trời chung
Cũng giải nước thề không cùng sống

Những ông vẫn hát bài thơ trong "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi thay chúng ta vô vàng rằng mà Lam Sơn hiện ra là, phảo tây tình Thanh Hoá nguyên nay, bắt đầu cuộc hành trình tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Lam Sơn hào hùng của dân tộc vào thế kỉ XV. Vậy, cuộc khởi nghĩa đó có những sự kiện tiêu biểu nào? Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của khởi nghĩa là gì? Những người anh hùng đã có vai trò như thế nào trong cuộc khởi nghĩa đó?

Khu di tích lịch sử Lam Kinh (Thọ Xuân, Thanh Hoá). Khu di tích được nhà Lê xây dựng sau thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động 1:

- **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** Khai thác tư liệu văn bản 19.2 (Lời thề ở Lũng Nhai) như sau:

+ Đọc chủ đề đoạn tư liệu, ghi chú từ "Lời thề".

+ Sự kiện xảy ra ở đâu? Vào khoảng thời gian nào? Những ai tham gia hội thề?

+ Nội dung chính của lời thề (cam kết "tình như cùng chung một họ" và mục đích của việc họ tụ nghĩa về Lam Sơn).

+ Nêu vấn đề mở rộng: Lời thề này sẽ được các anh hùng hào kiệt thể hiện như thế nào trong khởi nghĩa Lam Sơn ?

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

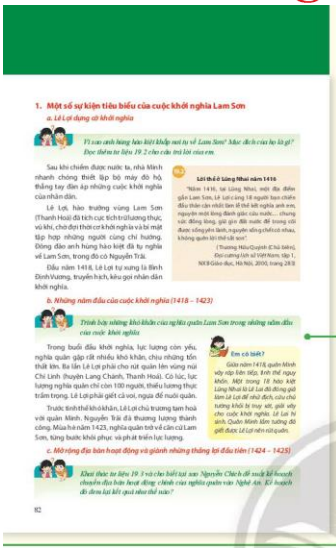

1. Một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

a. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa

Tì sao anh hùng hào kiệt khắp nơi tụ về Lam Sơn? Mục đích của họ là gì? Đọc thêm tư liệu 19.2 cho câu trả lời của em.

Sau khi chiếm được nước ta, nhà Minh nhanh chóng thiết lập bộ máy đô hộ, thẳng tay đàn áp những cuộc khởi nghĩa của nhân dân.

Lê Lợi, hào trưởng vùng Lam Sơn (Thanh Hoá) đã tích cực tích trữ lương thực, vũ khí, chờ đợi thời cơ khởi nghĩa và bí mật tập hợp những người cùng chí hướng. Đông đảo anh hùng hào kiệt đã tụ nghĩa về Lam Sơn, trong đó có Nguyễn Trãi.

Đầu năm 1418, Lê Lợi tự xưng là Bình Định Vương, truyền hịch, kêu gọi nhân dân khởi nghĩa.

Lời thề ở Lũng Nhai năm 1416

"Năm 1416, tại Lũng Nhai, một địa điểm gần Lam Sơn, Lê Lợi cùng 18 người bạn chiến đấu thân cận nhất làm lễ thề kết nghĩa anh em, nguyện một lòng đánh giặc cứu nước,... chung sức đồng lòng, giải giáo dân nước để trong cõi được sống yên lành, nguyện sống chết có nhau, không quên lời thề sắt son".

(Trương Hữu Quỳnh (Chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2010, trang 283)

b. Những năm đầu của cuộc khởi nghĩa (1418 – 1423)

Trình bày những khó khăn của nghĩa quân Lam Sơn trong những năm đầu của cuộc khởi nghĩa.

Trong buổi đầu khởi nghĩa, lực lượng còn yếu, nghĩa quân gặp rất nhiều khó khăn, chịu nhiều tổn thất lớn. Ba lần Lê Lợi phải cho rút quân lên vùng núi Chí Linh (huyện Lang Chánh, Thanh Hoá). Có lúc, lực lượng nghĩa quân chỉ còn 100 người, thiếu lương thực trầm trọng, Lê Lợi phải giết cả ngựa để nuôi quân.

Trước tình thế khó khăn, Lê Lợi chủ trương tạm hoà với quân Minh. Nguyễn Trãi đã thương lượng thành công. Mùa hè năm 1423, nghĩa quân trở về căn cứ Lam Sơn, từng bước khôi phục và phát triển lực lượng.

Em có biết?

Giữa năm 1418, quân Minh vây nặp liên tiếp, tình thế nguy khốn. Một trong 18 hào kiệt Lũng Nhai là Lê Lai đã đứng giả làm Lê Lợi để nhử địch, cứu chủ tướng khỏi bị truy sát, giải vây cho cuộc khởi nghĩa. Lê Lai hi sinh. Quận Minh tôn tượng để giết được Lê Lợi nên rút quân.

c. Mở rộng địa bàn hoạt động và giành những thắng lợi đầu tiên (1424 – 1425)

Khai thác tư liệu 19.3 và cho biết tại sao Nguyễn Chích đề xuất kế hoạch chuyển địa bàn hoạt động chính của nghĩa quân vào Nghệ An. Kế hoạch đó đem lại kết quả như thế nào?

82

Hoạt động 2:

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

– Trình bày được những khó khăn của nghĩa quân?

– Giải thích tại sao nghĩa quân gặp khó khăn.

– Lê Lợi và nghĩa quân đã phải làm gì để giải quyết những khó khăn đó.

– **Mở rộng:** HS đọc thông tin trong mục "Em có biết", để minh chứng cho khó khăn.

Từ đó, GV cho HS biết: Vì sao dân gian truyền tụng câu nói "hăm mốt Lê Lai, hăm hai Lê Lợi" (là ngày giỗ của Lê Lai và Lê Lợi). Tương truyền, sau khi Lê Lai hi sinh, Lê Lợi cảm cái nghĩa tử cao cả đã nhắc nhở tướng sĩ rằng: sau này khi ông mất, thì phải giỗ Lê Lai trước, giỗ Lê Lợi sau. Ngày 22/8/1433, Lê Lợi mất, các vua nối ngôi theo lời dặn của ông đã cúng Lê Lai vào ngày 21/8).

Hoạt động 3:

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

Khai thác và sử dụng thông tin từ tư liệu 19.3:

+ Tìm những cụm từ cho thấy tại sao Nguyễn Chích lại đề xuất địa bàn lui quân về là Nghệ An? (vị trí đắc địa của Nghệ An).

+ Cụm từ nào cho thấy những lợi thế của nghĩa quân nếu chiếm được Nghệ An?...

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Phân tích được mối quan hệ giữa chủ chương đúng đắn với kết quả của việc thực hiện chủ trương đó (Chỉ trong vòng 10 tháng (từ tháng 10 – 1424 đến tháng 8 – 1425) nghĩa quân đã giải phóng một vùng rộng lớn từ Thanh Hoá vào đến đèo Hải Vân, đẩy quân Minh vào tình thế cố thủ trong các thành trì (phía nam).

+ Nhận định được tình thế quân Minh ở phía Nam và khả năng mở rộng lực lượng hoặc chuyển sang giai đoạn phản công của nghĩa quân Lam Sơn.

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Giải thích được mối quan hệ giữa lòng yêu nước, căm thù giặc với sự kiện tụ nghĩa, tại sao những người anh hùng hào kiệt có cùng chung chí hướng tụ nghĩa về Lam Sơn.

+ Giải thích được mối quan hệ giữa bối cảnh lịch sử đất nước lúc bấy giờ (sự thống trị tàn bạo của nhà Minh) dẫn đến việc thôi thúc anh hùng hào kiệt tìm cách cứu nước, có chung mục đích, tụ về Lam Sơn là *"muốn chung sức đồng lòng, giữ gìn đất nước để trong cõi được sống yên lành, nguyện sống chết có nhau, không quên lời thề sắt son".*

+ Trình bày được quan điểm của cá nhân về vai trò của Lê Lợi trong việc tập trung anh hùng hào kiệt về Lam Sơn.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1 (tt)

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** HS có thể sử dụng thêm sơ đồ 19.6 kết hợp cùng hai lược đồ 19.4 và 19.5 để có cái nhìn xuyên suốt về cuộc khởi nghĩa.

Khai thác sơ đồ 19.6:

+ Khai thác khoảng thời gian, dòng thời gian thể hiện (1407 – 1427)
+ Mốc thời gian sớm nhất được hiển thị ở đầu bên trái (1407).
+ Đọc các sự kiện và các mốc thời gian theo trình tự (lưu ý mốc 1424, 1426 và 1427).
+ Đọc các sự kiện gắn với các mốc thời gian.
+ Sử dụng thông tin thu thập được, để trả lời các câu hỏi:

1. Sự kiện nào đánh dấu bước ngoặt cho cuộc khởi nghĩa?
2. Sự kiện nào kết thúc thắng lợi cuộc khởi nghĩa?

+ Khai thác lược đồ 19.4 (yêu cầu HS xác định được vị trí của Cao Bộ, Tốt Động, Chúc Động; các hướng tấn công của địch; nơi diễn ra các trận đánh lớn,…)
+ Khai thác lược đồ 19.5 (yêu cầu HS xác định được vị trí của ải Chi Lăng, Cầu Trạm, Phố Cát, Xương Giang; nơi diễn ra các trận đánh lớn,…).

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

+ Mô tả được những nét chính của trận Tốt Động – Chúc Động và Chi Lăng – Xương Giang (Thời gian, địa điểm, diễn biến trên lược đồ của trận đánh).
+ Trình bày được kết quả cụ thể của hai trận đánh và kết quả của cuộc khởi nghĩa được quyết định bởi hai trận đánh trên (Hiểu đúng sự kiện Hội thề Đông Quan).

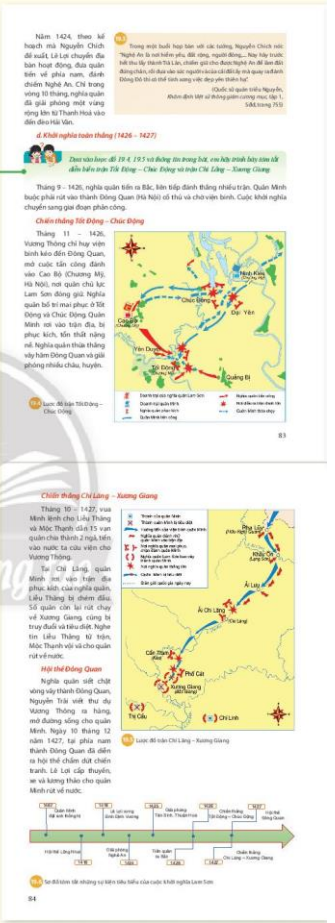

Năm 1424, theo kế hoạch mà Nguyễn Chích đề xuất, Lê Lợi chuyển địa bàn hoạt động, đưa quân tiến về phía nam, đánh chiếm Nghệ An. Chỉ trong vòng 10 tháng, nghĩa quân đã giải phóng một vùng rộng lớn từ Thanh Hoá vào đến đèo Hải Vân.

Trong một buổi họp bàn với các tướng, Nguyễn Chích nói: "Nghệ An là nơi hiểm yếu, đất rộng, người đông,... Nay lấy trước hết thu lấy thành Tây Đô, chiếm giữ cho được Nghệ An để làm đất đứng chân, rồi đưa vào tất nguyên súc của cả Đế vị mà quay ra đánh Đông Đô thì cơ thế tính xong việc đẹp yên thiên hạ".

(Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, NXB, trang 75-5)

d. Khởi nghĩa toàn thắng (1426 – 1427)

Dựa vào lược đồ 19.4, 19.5 và thông tin trong bài, em hãy trình bày tóm tắt diễn biến trận Tốt Động – Chúc Động và trận Chi Lăng – Xương Giang.

Tháng 9 - 1426, nghĩa quân tiến ra Bắc, liên tiếp đánh thắng nhiều trận. Quân Minh buộc phải rút vào thành Đông Quan (Hà Nội) cố thủ và chờ viện binh. Cuộc khởi nghĩa chuyển sang giai đoạn phản công.

Chiến thắng Tốt Động – Chúc Động

Tháng 11 – 1426, Vương Thông chỉ huy viện binh kéo đến Đông Quan, mở cuộc tấn công đánh vào Cao Bộ (Chương Mỹ, Hà Nội), nơi quân chủ lực Lam Sơn đóng giữ. Nghĩa quân bố trí mai phục ở Tốt Động và Chúc Động. Quân Minh rơi vào trận địa, bị phục kích, tổn thất nặng nề. Nghĩa quân thừa thắng xây hầm Đông Quan và giải phóng nhiều châu, huyện.

Lược đồ trận Tốt Động – Chúc Động

Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang

Tháng 10 – 1427, viện Minh lĩnh cho Liễu Thăng và Mộc Thạnh cửa 15 vạn quân chia thành 2 ngả, tiến vào nước ta cứu viện cho Vương Thông.

Tại Chi Lăng, quân Minh rơi vào trận địa phục kích của nghĩa quân. Liễu Thăng bị chém đầu. Số quân còn lại rút chạy về Xương Giang, cũng bị truy đuổi và tiêu diệt. Nghe tin Liễu Thăng tử trận, Mộc Thạnh vội vã cho quân rút về nước.

Hội thề Đông Quan

Nghĩa quân siết chặt vòng vây thành Đông Quan. Nguyễn Trãi viết thư dụ Vương Thông ra hàng, mở đường sống cho quân Minh. Ngày 10 tháng 12 năm 1427, tại phía nam thành Đông Quan đã diễn ra hội thề chấm dứt chiến tranh. Lê Lợi cấp thuyền, ngựa và lương thảo cho quân Minh rút về nước.

Lược đồ trận Chi Lăng – Xương Giang

Sơ đồ tóm tắt những sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

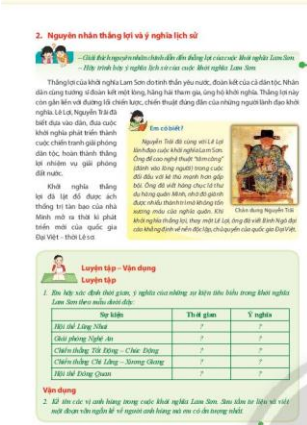

2. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử

– Giải thích nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
– Hãy trình bày ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn do tinh thần yêu nước, đoàn kết của cả dân tộc. Nhân dân cùng hướng về đoàn kết một lòng, hăng hái tham gia, ủng hộ khởi nghĩa. Thắng lợi này còn gắn liền với đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn của những người lãnh đạo khởi nghĩa, Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã biết dựa vào dân, đưa cuộc khởi nghĩa phát triển thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ giải phóng đất nước.

Em có biết?

Nguyễn Trãi đã cùng với Lê Lợi lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Ông đề cao nghệ thuật "tâm công" (đánh vào lòng người) trong cuộc đối đầu với kẻ thù mạnh hơn gấp bội. Ông đã viết hàng chục lá thư dụ hàng quân Minh, nhờ đó giảm được nhiều thành trì long lừng lẫy lừng nhiều của nghĩa quân. Khi khởi nghĩa thắng lợi, thay mặt Lê Lợi, ông đã viết Bình Ngô đại cáo khẳng định về nền độc lập, chủ quyền của quốc gia Đại Việt.

Chân dung Nguyễn Trãi

Khởi nghĩa thắng lợi đã lật đổ được ách thống trị tàn bạo của nhà Minh mở ra thời kì phát triển mới của quốc gia Đại Việt – thời Lê sơ.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Em hãy xác định thời gian, ý nghĩa của những sự kiện tiêu biểu trong khởi nghĩa Lam Sơn theo mẫu dưới đây:

Sự kiện	Thời gian	Ý nghĩa
Hội thề Lũng Nhai	?	?
Giải phóng Nghệ An	?	?
Chiến thắng Tốt Động – Chúc Động	?	?
Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang	?	?
Hội thề Đông Quan	?	?

Vận dụng

2. Kể tên các vị anh hùng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Sưu tầm tư liệu và viết một đoạn văn ngắn kể về người anh hùng mà em có ấn tượng nhất.

85

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động 1:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Từ bối cảnh lịch sử, những sự kiện lịch sử diễn ra, giải thích nguyên nhân thắng lợi:

+ Tinh thần yêu nước và đoàn kết dân tộc (Lê Lợi là biểu tượng của cuộc khởi nghĩa, tập hợp quanh mình những người yêu nước, sẵn sàng hi sinh vì nghiệp lớn – qua sự kiện hội thề Lũng Nhai và Lê Lai cứu chúa…)
+ Bộ chỉ huy Lam Sơn có chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo (qua sự kiện dời lên núi Chí Linh, dời căn cứ về Nghệ An…)
+ Đội ngũ lãnh đạo khởi nghĩa có nhiều người tài giỏi. (Nguyễn Trãi với nghệ thuật "tâm công" (đánh vào lòng người), bằng cách viết thư dụ hàng tướng lĩnh Minh, do Nguyễn Trãi đề xướng, vẫn còn nguyên giá trị cho đến ngày nay…)

Hoạt động 2:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Nhận xét về cuộc khởi nghĩa – Ý nghĩa đối với dân tộc (3 ý nghĩa: Lật đổ ách thống trị tàn bạo của nhà Minh; Giải phóng đất nước; Mở ra thời kì phát triển mới của quốc gia Đại Việt).

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Câu 1: Gợi ý trả lời: (Tham khảo hoạt động phát triển năng lực phần II, đặc biệt là sơ đồ 19.6)

Sự kiện	Thời gian	Ý nghĩa
Hội thề Lũng Nhai	1416	Chuẩn bị lực cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn
Giải phóng Nghệ An	10 – 1424	Nghĩa quân chuyển sang giai đoạn mở rộng địa bàn
Chiến thắng Tốt Động – Chúc Động	11 – 1426	Nghĩa quân chuyển sang giai đoạn phản công
Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang	10 – 1427	Tiêu diệt viện binh, quân Minh buộc phải đầu hàng
Hội thề Đông Quan	12 – 1427	Kết thúc chiến tranh, giải phóng đất nước

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (tt)

Câu 2: Gợi ý trả lời: Trong bài học đã nhắc đến 3 vị anh hùng: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích. Tuỳ ý HS có thể chọn nhân vật mà em có ấn tượng nhất và giải thích lí do vì sao em chọn nhân vật đó.

+ Để làm tốt câu hỏi này, ngoài SGK, GV có thể cung cấp thêm một số đầu sách (*Đại cương Lịch sử Việt Nam, Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, trang web di tích Lam Kinh,…*).
+ GV gợi ý cho HS viết dựa trên các ý:

1. Tiểu sử của nhân vật.
2. Đóng góp của nhân vật cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và cho đất nước.
3. Những di sản văn hoá khác: thơ, văn,… của nhân vật để lại.
4. Giải thích vì sao em có ấn tượng nhất với nhân vật đó.
5. Em học tập được nhân vật đó ở điểm nào?

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Về nhân vật Lê Lợi và sự ủng hộ của nhân dân với khởi nghĩa Lam Sơn

– Lê Lợi: "Vua hăng hái dấy nghĩa binh đánh dẹp giặc Minh, 20 năm mà thiên hạ đại định. Đến khi lên ngôi, định luật lệ, chế lễ nhạc, mở khoa thi, đặt cấm vệ, lập quan chức, lập phủ huyện, thu góp sách vở, mở trường học, có thể gọi là có mưu lớn, sáng nghiệp".

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, trang 239)

– Tinh thần nhân đạo: "Vua dấy nghĩa binh, chưa từng giết bừa một người nào. Chỉ biết lấy mềm chống cứng, lấy yếu địch mạnh, lấy ít thắng nhiều, không đánh mà khuất phục được người, cho nên có thể đổi vận bĩ sang vận thái, chuyển thế nguy thành thế yên, đổi cuộc loạn thành cuộc trị. Câu "Người có nhân, thiên hạ không ai địch nổi" chính hợp với vua. Cho nên, vua lấy được thiên hạ, truyền cơ nghiệp đến muôn đời là phải lắm".

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, trang 308)

– Sự ủng hộ của nhân dân: "Vua đến Đông Đô. Trong ba ngày đầu, nhân dân kinh, lộ và các phủ, châu, huyện cùng các tù trưởng ở các biên trấn đều tấp nập đến cửa quân, nguyện ra sức liều chết đánh thành giặc ở các nơi. Vua đem lòng thành để phủ dụ, úy lạo, bảo cho họ biết lẽ thuận nghịch. Phàm sĩ dân và quân nhân đến cửa quân, vua đều nhún lời hậu lễ mà đãi, đều tùy tài cao thấp cất đặt làm các chức. Thưởng tước để khuyến khích khiến người ta tự gắng, lại dùng hình phạt thêm vào khiến người ta tự răn. Bởi thế ai nấy đều cảm kích nguyện hết sức liều chết, cho nên đến đâu là lập được công ngay".

(Viện Sử học, *Nguyễn Trãi toàn tập*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976, trang 63)

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

2. Ải Chi Lăng

Chi Lăng là một cửa ải hiểm yếu nằm trên đường từ Lạng Sơn đến Đông Quan. Đó là một thung lũng nhỏ, dài khoảng 4 ki-lô-mét, rộng khoảng 1 ki-lô-mét, phía tây là một dãi núi đá vôi lởm chởm, vách núi dựng đứng, phía đông cũng là núi rừng trùng điệp. Giữa thung lũng đó, có năm ngọn núi nhỏ và những cánh đồng lầy lội. Do vị trí và địa hình của nó, Chi Lăng đã chứng kiến nhiều chiến công của dân tộc trong các cuộc kháng chiến chống Tống, chống Nguyên trước đây. Nhưng Chi Lăng nổi tiếng nhất trong lịch sử là do chiến công của nghĩa quân Lam Sơn cuối năm 1427. Nghĩa quân đã bố trí mai phục sẵn sàng trong ải và trên đường tiến vào cửa ải. … Trong các trận đánh ở Chi Lăng, những đội dân binh của nhân dân địa phương đã tham gia tích cực, cùng sát cánh chiến đấu với nghĩa quân Lam Sơn. Đặc biệt đội dân binh vùng Chi Lăng do Lý Huề chỉ huy đã lập nhiều chiến công xuất sắc.

(Uỷ ban Khoa học Xã hội Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971, trang 251)

3. Kế sách "vây thành, diệt viện"

Kế sách *"vây thành, diệt viện"*: Bàn về kế sách đánh giặc, Lê Lợi nói: *"Đánh thành là hạ sách. Ta đánh thành bền vững hàng năm hàng tháng không hạ được, khi ấy quân ta sức mỏi chí nhụt, nếu viện binh của giặc lại đến thì trước mặt, sau lưng đều bị tấn công, đó là con đường nguy hiểm. Chi bằng nuôi sức quân, mài giũa tinh thần sắc bén, để đợi viện binh của giặc. Viện binh giặc bị phá thì thành giặc nhất định phải hàng. Như thế là nhất cử lưỡng tiện, là mưu chước vẹn toàn."*

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, trang 275)

4. Chiến lược "tâm công"

… Nguyễn Trãi nhân danh nghĩa quân Lam Sơn, nhân danh Lê Lợi viết thư dụ hàng gửi cho các tướng chỉ huy quân Minh như Trần Trí, Sơn Thọ, Phương Chính, Lý An, Thái Phúc, Đà Trung, Vương Thông và các nguỵ quan cao cấp như Trần Phong, Lương Nhữ Hốt,… Qua các thư từ đó, Nguyễn Trãi đã tiến hành một cuộc đấu tranh tâm lí với kẻ thù một cách có hệ thống, bền bỉ và hiệu quả. Rất nhiều thành luỹ của quân Minh bị thu phục bởi chính sách dụ hàng. Đầu Đinh Mùi (1427), quân tướng nhà Minh trong các thành Tân Bình, Thuận Hoá, Nghệ An, Diễn Châu, Điêu Diêu đã lần lượt nộp thành đầu hàng. Sau đó, các thành Thị Cầu, Tam Giang cũng chịu ra hàng.

(Viện Khoa học Xã hội tại TP. HCM, *Lịch sử Việt Nam tập 3*, NXB Trẻ, TP. HCM, 2006, trang 237).

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

– Sự thành lập nhà Lê sơ.
– Tình hình kinh tế và xã hội thời Lê sơ.
– Sự phát triển văn hoá, giáo dục và một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

HS khai thác và sử dụng được những thông tin của tư liệu lịch sử (hình lược đồ 20.2; tư liệu 20.4; 20.6; 20. 8 và 20.9); đọc hiểu văn bản (20.5) và các mục Em có biết để làm rõ thêm về Đại Việt thời Lê sơ.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

– Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ
– Nhận biết được tình hình kinh tế – xã hội thời Lê sơ.
– Trình bày được tình hình giáo dục, văn hoá thời Lê sơ (mức độ nhận biết).
– Giới thiệu được sự phát triển của văn hoá, giáo dục và một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

Vận dụng kiến thức đã học và những hiểu biết trong cuộc sống để nêu lên suy nghĩ của bản thân về câu nói " Hiền tài là nguyên khí của quốc gia…" (Câu vận dụng)

4. Hình thành những phẩm chất

Giáo dục cho HS niềm tự hào về thời thịnh trị của đất nước, có ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

Gợi ý 1: GV có thể cho HS chơi trò chơi "Nhà lịch sử tài ba", đưa những hình ảnh thuộc về thời Lê sơ như hình ảnh về Nguyễn Trãi, rồng đá điện Kính Thiên,… và yêu cầu HS đoán xem những hình ảnh đó là hình ảnh gì? Nội dung của những hình ảnh đó?...

Gợi ý 2: GV có thể đọc 1 đoạn câu đố nói về Lê Lợi để dẫn dắt vào bài:

"Đố ai gian khó chẳng lùi,
Chí Linh mấy lượt nếm mùi đắng cay,
Mười năm Bình Định ra tay,
Thành Đông Quan mất vía bầy Vương Thông". – Là ai?

Bài 20 ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1428 – 1527) (3 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
– Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ.
– Nhận biết được tình hình kinh tế – xã hội thời Lê sơ.
– Giới thiệu được sự phát triển văn hoá, giáo dục và một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ.

Đất nước đã trải thêm đến Kinh Thiên trong Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội), một tuyệt tác của nghệ thuật điêu khắc gắn với vương triều Lê sơ còn lại tới ngày nay. Hãy chỉ ra biểu hiện của rồng và vương triều này. Triều Lê sơ đã được thành lập như thế nào? Tình hình kinh tế, xã hội, sự phát triển của văn hoá, giáo dục ra sao? Những danh nhân văn hoá tiêu biểu của vương triều này là ai?

1. Nhà Lê sơ thành lập

– Em hãy nêu sự thành lập chính về sự thành lập nhà Lê sơ.
– Đọc tư liệu 20.1 và cho biết cha trong bảo về chủ quyền lãnh thổ quốc gia của triều Lê sơ thể hiện như thế nào qua lời cảm dặn của vua Lê Thánh Tông.

Tháng 4 năm 1428, sau thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, khôi phục quốc hiệu Đại Việt, lập ra nhà Lê sơ, đóng đô ở Đông Kinh (tức thành Thăng Long).

Bậc thềm điện Kính Thiên (Hoàng thành Thăng Long, Hà Nội) thời Lê sơ (cuối thế kỉ XV)

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động 1:

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

Khai thác thông tin từ tư liệu hình ảnh 20.1:

+ Nhà Lê chọn Thăng Long làm kinh đô, xây điện Kính Thiên, nơi vua thiết triều, đưa ra những quyết sách cho cả dân tộc cùng trong năm 1428.
+ Hình ảnh đôi rồng 7 khúc uốn lượn, chầu trước điện thể hiện rõ uy quyền của nền quân chủ.

Khai thác thông tin từ lược đồ 20.2:

+ Hãy kể tên 13 Đạo thừa tuyên thời Lê Thánh Tông?
+ Dưới thời Lê Thánh Tông, biên giới Đại Việt kéo dài đến đâu?

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

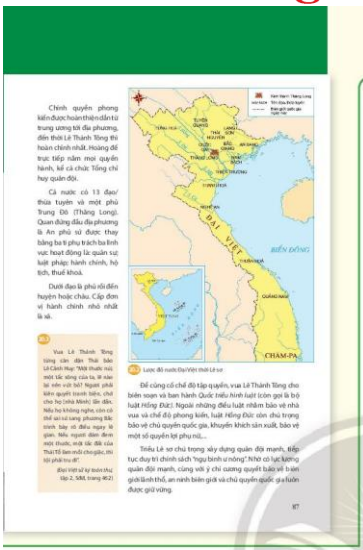

Chính quyền phong kiến được hoàn thiện một cấp từ trung ương tới địa phương, đến thời Lê Thánh Tông thì hoàn chỉnh nhất. Hoàng đế trực tiếp nắm mọi quyền hành, kể cả chức Tổng chỉ huy quân đội.

Cả nước có 13 đạo/thừa tuyên và một phủ Trung Đô (Thăng Long). Quan đứng đầu địa phương là An phủ sứ được thay bằng ba lí phụ trách ba lĩnh vực hoạt động là: quản sự, luật pháp, hành chính, hộ tịch, thuế khoá.

Dưới đạo là phủ, rồi đến huyện hoặc châu. Cấp đơn vị hành chính nhỏ nhất là xã.

Vua Lê Thánh Tông từng cần đến Thái bảo Lê Cảnh Huy: "Một thước núi một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ? Ngoài phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ (nhà Minh) lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc trình bày về điều ngay lẽ gián. Nếu người đem đến một thước, một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru đi".

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, trang 462)

Lược đồ nước Đại Việt thời Lê sơ

Để củng cố chế độ tập quyền, vua Lê Thánh Tông cho biên soạn và ban hành *Quốc triều hình luật* (còn gọi là bộ luật *Hồng Đức*). Ngoài những điều luật nhằm bảo vệ nhà vua và chế độ phong kiến, luật *Hồng Đức* còn chú trọng bảo vệ chủ quyền quốc gia, khuyến khích sản xuất, bảo vệ một số quyền lợi phụ nữ,...

Triều Lê sơ chú trọng xây dựng quân đội mạnh, tiếp tục duy trì chính sách "ngụ binh ư nông". Nhờ có lực lượng quân đội mạnh, cùng với ý chí cương quyết bảo vệ toàn giới lãnh thổ, an ninh biên giới và chủ quyền quốc gia luôn được giữ vững.

87

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

Mô tả được: bối cảnh; cơ cấu tổ chức nhà nước thời Lê sơ; luật pháp và quân đội.

+ Thiết chế nhà nước quân chủ mang tính tập quyền cao được thể hiện như thế nào? (*vua trực tiếp nắm mọi quyền hành và là Tổng chỉ huy quân đội; các quan đại thần, các bộ các cơ quan chuyên môn chỉ có chức năng giúp việc cho vua*)

+ Tính tập quyền cao có gì khác so với thời nhà Trần? (*thời Trần tính tập quyền chưa cao: quân lí đất nước vừa có vua, vừa có Thái thượng hoàng; các chức quan trong triều đình do người họ Trần nắm giữ,...*)

Hoạt động 2:

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

Đọc – hiểu văn bản:

+ Xuất xứ và bối cảnh lịch sử của tư liệu (liên quan đến 2 nhân vật: Lê Thánh Tông và Thái bảo Lê Cảnh Huy. Chỉ dụ của Lê Thánh Tông liên quan đến việc cử Lê Cảnh Huy đi sứ qua nhà Minh trước việc nhà Minh hay gây hấn chủ quyền lãnh thổ với Đại Việt).

+ Cụm từ nào cho thấy nhà Lê rất mềm dẻo trong bảo vệ chủ quyền?

+ Cụm từ nào cho thấy sự cương quyết của nhà Lê sơ?

+ Sự trừng phạt nghiêm khắc của nhà Lê với kẻ nếu "dám đem một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc" thể hiện ở cụm từ nào?,...

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Trình bày được nhận thức của cá nhân về vấn đề bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của nhà Lê (Kiên quyết bảo vệ chủ quyền (một thước núi, một tấc sông của ta lẽ nào lại nên vứt bỏ); Bằng mọi biện pháp phải bảo vệ chủ quyền Tổ quốc (mềm dẻo: giải thích, tranh biện, bằng biện pháp ngoại giao; cứng rắn: cương quyết không vứt bỏ dù một thước núi một tấc sông, nghiêm khắc trừng trị tội tru di nếu đem cho giặc dù chỉ một tấc đất....)

– Yêu cầu về năng lực vận dụng (nâng cao): Xác định nhiệm vụ của HS trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động 1:

- **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**
- Nêu được nét chính về tình hình kinh tế thời Lê sơ (thể hiện trong nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp)
- HS nêu một thành tựu kinh tế ấn tượng với nhận thức của bản thân:

+ Câu hỏi mở – có thể về nông nghiệp (với những con đê Hồng Đức ngày nay vẫn còn), hoặc với sự trù phú no đủ của dân chúng từ 2 câu thơ:

"Đời vua Thái Tổ, Thái Tông,
Thóc lúa đầy đồng, trâu chẳng buồn ăn".

+ HS có thể ấn tượng về thành tựu của thủ công nghiệp như sản xuất gốm sứ ở Chu Đậu (kiến thức đã chú trọng mở rộng trong phần Em có biết)

- **Chú ý:** Khuyến khích HS trình bày lí do của mình, không áp đặt, miễn là hợp lí, có tính thuyết phục.

Hoạt động 2:

- **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** HS kể tên được các tầng lớp: quý tộc (vua, quan lại, địa chủ); nông dân, thợ thủ công, thương nhân và nô tỳ.
- **Tư duy lịch sử:** Suy luận từ 1 quốc gia kinh tế nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo thì tầng lớp nào là lực lượng sản xuất chính?

Hoạt động 3:

- **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** HS đọc hiểu văn bản ở tư liệu 20.5, tìm những cụm từ cho thấy sự nghiêm minh của pháp luật thời Lê sơ với những người thay mặt vua thu thuế dân và quản lí chợ.
- **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Trình bày quan điểm cá nhân về mối quan hệ giữa những điều luật dành cho quan chức có trách nhiệm "coi chợ trong kinh thành" với sự ổn định xã hội – tác động của điều luật đối với sự ổn định xã hội.

2. Tình hình kinh tế – xã hội

– Em hãy trình bày những nét chính về tình hình kinh tế thời Lê sơ. Em có ấn tượng với thành tựu kinh tế nào nhất? Lí giải sự lựa chọn của em.
– Xã hội thời Lê sơ có những tầng lớp cơ bản nào? Tầng lớp nào là lực lượng sản xuất chính?
– Đọc tư liệu 20.5, theo em những biện pháp được nêu trong bộ Quốc triều hình luật có giúp ổn định trật tự xã hội thời Lê sơ không?

a. Kinh tế thời Lê sơ

Em có biết?

Nhà Lê cho đắp nhiều con đê ngăn nước mặn, cả kè đá chắc chắn. Những đoạn đê đó vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay, nhân dân thường gọi là "đê Hồng Đức".

Em có biết?

Gốm Chu Đậu (Nam Sách, Hải Dương) phát triển rực rỡ dưới triều Lê sơ. Ngày nay, sản phẩm gốm Chu Đậu vẫn là một mặt hàng quý, giá trị cao và thấm đẫm chất văn hoá Việt.

"Cả gốm Chu Đậu trong nhà
Như là có cả bóng bà tổ cô".

Gốm Chu Đậu hiện được trưng bày tại 46 bảo tàng danh tiếng của 32 quốc gia trên thế giới.

Sự phát triển của nông nghiệp và thủ công nghiệp đã góp phần thúc đẩy kinh tế hàng hoá thời Lê sơ phát triển.

Gốm sứ Chu Đậu thế kỉ XV, Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh

Văn học thời Lê sơ cũng có nhiều thành tựu nổi bật. Chiếm ưu thế là văn học chữ Hán với các tác phẩm Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi), Quỳnh uyển cửu ca (Lê Thánh Tông),... Bên cạnh đó là các tác phẩm văn học chữ Nôm, tiêu biểu như Quốc âm thi tập (Nguyễn Trãi), Hồng Đức quốc âm thi tập (Lê Thánh Tông),...

Về sử học, có Ngô Sĩ Liên với Đại Việt sử ký toàn thư, Hồ Sĩ Dương với Lê triều danh thần lục, Phan Phu Tiên với Việt sử tiêu án, Lương Thế Vinh với Toàn thư,...

Từ thời vua Lê Thái Tông, nhã nhạc cung đình chính thức ra đời, bước đầu quy định về nhạc khí và các bài biểu diễn đơn giản. Các loại hình nghệ thuật như chèo, tuồng rất phát triển và giữ một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của dân chúng.

Bản đồ Đông Kinh (Thăng Long) trong tập Hồng Đức bản đồ

Đầu rồng thời Lê sơ bằng đá xanh (đền Kính Thiên, Hà Nội)

Tượng voi chầu bằng đá (Lam Kinh, Thanh Hoá)

Nghệ thuật kiến trúc thời Lê sơ tập trung chủ yếu trong các công trình lăng tẩm, cung điện, Điện Lam Kinh (Thanh Hoá), điện Kính Thiên (Hà Nội) là những công trình kiến trúc đặc sắc thời kì này. Nghệ thuật điêu khắc sử dụng chất liệu đá, trau chuốt, tỉ mỉ, khối hình hoà quyện trong không gian là một phong cách điển hình của thời Lê sơ.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

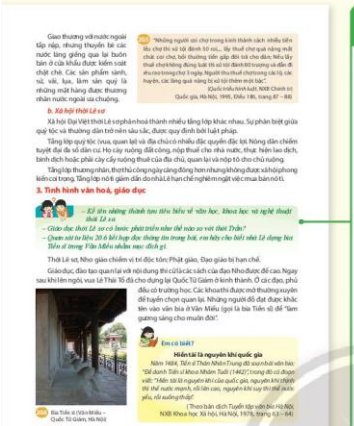

Giao thương với nước ngoài tập nập, nhưng thuyền bè các nước láng giềng qua lại buôn bán ở cửa khẩu được kiểm soát chặt chẽ. Các sản phẩm sành, sứ, vải, lụa, lâm sản quý là những mặt hàng được thương nhân nước ngoài ưa chuộng.

b. Xã hội thời Lê sơ

Xã hội Đại Việt thời Lê sơ phân hoá thành nhiều tầng lớp khác nhau. Sự phân biệt giữa quý tộc và thường dân trở nên sâu sắc, được quy định bởi luật pháp.

Tầng lớp quý tộc (vua, quan lại) và địa chủ có nhiều đặc quyền đặc lợi. Nông dân chiếm tuyệt đại đa số dân cư. Họ cày ruộng, đắp công, nộp thuế cho nhà nước, thực hiện lao dịch, binh dịch hoặc phải cày cấy ruộng thuế của địa chủ, quan lại và nộp tô cho chủ ruộng.

Tầng lớp thương nhân, thợ thủ công ngày càng đông hơn nhưng không được xã hội phong kiến coi trọng. Tầng lớp nô tì: giảm dần dần khi Lê hạn chế nghiêm ngặt việc mua bán nô tì.

3. Tình hình văn hoá, giáo dục

– Kể tên những thành tựu tiêu biểu về văn học, khoa học và nghệ thuật thời Lê sơ.

– Giáo dục thời Lê sơ có được phát triển như thế nào so với thời Trần?

– Quan sát tư liệu 20.6 hãy cho biết những tấm bia trong hình, em hiểu chủ nhân Lê thánh Tông muốn lưu lại điều gì trong Văn Miếu nhằm mục đích gì.

Thời Lê sơ, Nho giáo chiếm vị trí độc tôn; Phật giáo, Đạo giáo bị hạn chế.

Giáo dục, đào tạo quan lại có vị trí quan trọng. Khi cả các sách của đạo Nho được đề cao. Ngay sau khi lên ngôi, vua Lê Thái Tổ đã cho dựng lại Quốc Tử Giám ở kinh thành. Ở các đạo, phủ đều có trường học. Các khoa thi được mở thường xuyên để tuyển chọn quan lại. Những người đỗ đạt được khắc tên vào văn bia ở Văn Miếu (gọi là bia Tiến sĩ) để "làm gương sáng cho muôn đời".

Bia Tiến sĩ (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội)

Em có biết?

Hiền tài là nguyên khí quốc gia

Năm 1484, Tiến sĩ Thân Nhân Trung đã soạn bài văn bia "Đề danh Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442)" trong đó có đoạn viết: "Nhân tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, nền tảng cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rễ xiêu gốc đổ".

(Theo bản dịch Tuyển tập văn bia Hà Nội, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978, trang 63 – 64)

89

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

Hoạt động 1:

– **Yêu cầu về năng lực năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

+ HS kể được tên các thành tựu tiêu biểu về cả 3 lĩnh vực: văn học, khoa học, nghệ thuật thời Lê sơ. Lí giải vì sao chọn đó là thành tựu tiêu biểu.

+ GV mở rộng: Vì sao thời Lê sơ đạt được nhiều thành tựu tiêu biểu trên các lĩnh vực? (Nhiều người tài năng; chính sách khuyến khích phát triển văn hoá của nhà nước, nhất là dưới thời Lê Thánh Tông,…).

Hoạt động 2:

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

+ So sánh được sự phát triển của giáo dục ở hai triều đại Trần – Lê và những điểm phát triển hơn (theo quan điểm của HS) so với giáo dục thời Trần.

+ Trên cơ sở so sánh, rút ra được những điểm tiến bộ của thời Lê sơ trong giáo dục: Các đạo phủ trong cả nước đều có trường học; Các khoa thi được mở thường xuyên cho mọi người có học để tuyển chọn quan lại (không bó buộc trong nội bộ dòng tộc); Có chính sách vinh danh những người đỗ đạt; Đề cao tầng lớp trí thức, Có học "Hiền tài là nguyên khí quốc gia".

Hoạt động 3:

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** Khai thác được chi tiết trong tư liệu hình ảnh 20.6 (Những con rùa chở trên lưng tấm bia, hình tượng những con rùa tượng trưng cho điều gì? Nhà bia mới chỉ được bắt đầu xây dựng vào thời kì nào, Ý nghĩa của những tấm bia trên lưng rùa là gì) .

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:** Biết suy luận một vấn đề dựa trên thông tin có được từ khai thác hình ảnh 20.6 và thông tin trong bài phần giáo dục: nhà Lê đã phát triển giáo dục như thế nào? Giáo dục phục vụ gì cho hệ thống chính trị của nhà Lê?

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 4

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

Trình bày được chủ kiến của mình về một số danh nhân ở từng lĩnh vực văn hoá. Phân biệt được nhân vật lịch sử và danh nhân văn hoá.

Chứng minh được tại sao những nhân vật lựa chọn lại được gọi là danh nhân văn hoá.

Nếu được những đóng góp của họ theo từng lĩnh vực: Văn học, khoa học, sử học,...

– **Tư duy phản biện (Mở rộng, nâng cao):**

Tại sao thời Lê sơ có nhiều thành tựu trong lĩnh vực nghệ thuật tạo hình nhưng lại không có danh nhân văn hoá trong lĩnh vực này.

4. Một số danh nhân văn hoá tiêu biểu

Đọc văn thông tin trong bài, em hãy giới thiệu một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ.

Nguyễn Trãi (1380 – 1442), ảnh hưởng gia phong dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới. Cả cuộc đời của Nguyễn Trãi, khi đánh giặc cũng như khi xây dựng đất nước luôn để cao tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước, thương dân. Nguyễn Trãi để lại cho đời những tác phẩm có giá trị, tiêu biểu như: Quân trung từ mệnh tập, Bình Ngô đại cáo, Lam Sơn thực lục, Dư địa chí,...

Vua Lê Thánh Tông (1442 – 1497) lên ngôi năm 1460, đặt niên hiệu là Quang Thuận, năm 1470 đổi niên hiệu là Hồng Đức. 37 năm trị vì của ông là giai đoạn đất nước thịnh vượng về mọi mặt. Ngoài tài trị nước, ông còn là nhà văn, nhà thơ lớn của Đại Việt. Di sản thơ văn của ông khá đồ sộ với nhiều tác phẩm như Hồng Đức quốc âm thi tập, Quỳnh uyển cửu ca,... Ông lập hội "Tao đàn" (Nhóm các nhà thơ), tạo nên trào lưu văn học cung đình, đánh dấu bước phát triển cao của văn chương đương thời.

Lương Thế Vinh (1441 – 1496), nhà toán học. Ông đỗ Trạng nguyên năm 1463, do giỏi tính toán nên người ta thường gọi là Trạng Lường. Công trình tiêu biểu của ông là Đại thành toán pháp. Lương Thế Vinh còn là tác giả của tác phẩm Hi phương phả lục, trong đó mô tả các môn nghệ thuật thời bấy giờ như chèo, tuồng, múa rối,...

Ngô Sĩ Liên (thế kỉ XV), nhà sử học thời Lê sơ. Ông đỗ Tiến sĩ năm 1442, từng đảm nhận các vị trí quan trọng ở Hàn lâm viện. Ông đóng vai trò trưởng ban trong việc biên soạn bộ quốc sử Đại Việt sử ký toàn thư.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Em hãy cho biết các vua nhà Lê sơ đã có những biện pháp gì để khẳng định và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Đại Việt.
2. Lập bảng thống kê về tình hình xã hội và văn hoá thời Lê sơ.
3. Kể tên những tác phẩm tiêu biểu của các danh nhân văn hoá thời Lê sơ theo từng lĩnh vực: văn học, sử học, toán học.

Vận dụng

4. Năm 1484, Thân Nhân Trung theo lệnh của vua Lê Thánh Tông đã soạn bài văn cho bia Tiến sĩ đầu tiên khoa Nhâm Tuất (năm 1442) ở Văn Miếu, trong đó có câu: "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia". Theo em, câu nói này có ý nghĩa gì? Hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của mình.

91

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời:

+ Hoàn chỉnh phân chia hành chính quốc gia 13 Đạo thừa tuyên và một phủ Trung Đô (Thăng Long).
+ Vẽ bản đồ lãnh thổ và lãnh hải (Hồng Đức bản đồ), vẽ từng địa phương (các thừa tuyên), tập hợp lại tại bộ Hộ, ban hành thống nhất toàn quốc.
+ Hoàng đế trực tiếp nắm quyền và chỉ huy quân đội.
+ Kịp thời ra các chỉ dụ bảo vệ chủ quyền quốc gia.

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời: Lập bảng thống kê về tình hình xã hội và văn hoá thời Lê sơ

	Tình hình xã hội	Tình hình văn hoá
Thời Lê sơ	**Xã hội Đại Việt thời Lê sơ phân hoá thành nhiều tầng lớp khác nhau.** + Tầng lớp quý tộc (vua, quan lại) và địa chủ có nhiều đặc quyền đặc lợi. + Nông dân chiếm tuyệt đại đa số dân cư. Họ cày ruộng đất công, nộp thuế cho nhà nước, thực hiện lao dịch, binh dịch hoặc phải cấy cấy ruộng thuê của địa chủ, quan lại và nộp tô cho chủ ruộng.	+ Thời Lê sơ, Nho giáo chiếm vị trí độc tôn; Phật giáo, Đạo giáo bị hạn chế. + Giáo dục phát triển và có nhiều tiến bộ hơn nhà Trần. + Đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực văn học, sử học, toán học,... + Nghệ thuật kiến trúc thời Lê sơ tập trung chủ yếu trong các công trình lăng tẩm, cung điện.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

	Tình hình xã hội	Tình hình văn hoá
Thời Lê sơ	+ Tầng lớp thương nhân, thợ thủ công ngày càng đông hơn nhưng không được xã hội phong kiến coi trọng. + Tầng lớp nô tì giảm dần do nhà Lê hạn chế nghiêm ngặt việc mua bán nô tì. **Sự phân biệt giữa quý tộc và thường dân trở nên sâu sắc, được quy định bởi luật pháp.**	+ Nghệ thuật điêu khắc sử dụng chất liệu đá, trau chuốt, tỉ mỉ, khối hình hoà quyện trong không gian là một phong cách điển hình của thời Lê sơ. + Từ thời vua Lê Thái Tông, nhã nhạc cung đình chính thức ra đời, bước đầu quy định về nhạc khí và các bài biểu diễn đơn giản. + Các loại hình nghệ thuật như chèo, tuồng rất phát triển và giữ một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của dân chúng.

– **Câu 3**. Gợi ý trả lời: Kể tên những tác phẩm tiêu biểu của các danh nhân văn hoá thời Lê sơ theo từng lĩnh vực: văn học, sử học, toán học.

	Những tác phẩm tiêu biểu của các danh nhân văn hoá thời Lê sơ
Văn học	*Bình Ngô đại cáo, Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi), *Quỳnh uyển cửu ca, Hồng Đức quốc âm thi tập* (Lê Thánh Tông)
Sử học	*Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên)
Toán học	*Đại thành toán pháp* (Lương Thế Vinh), *Lập thành toán pháp* (Vũ Hữu)

– **Câu 4.** Gợi ý trả lời:

+ **Ý nghĩa của câu nói:** Hiền tài là trụ cột của đất nước, là phần cốt lõi để làm nên sự sống còn và phát triển của đất nước. Quốc gia có nhiều hiền tài và biết sử dụng hiền tài thì sẽ phát triển vững mạnh.

+ **Viết một đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của bản thân:** Câu hỏi mở, HS viết được đoạn văn dựa trên hai tiêu chí chủ yếu: Hiểu được khái niệm " hiền tài", "nguyên khí" và diễn tả được ý nghĩa của câu nói.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Gốm Chu Đậu

Chu Đậu là một trong những cái nôi nghề gốm Việt Nam. Thôn Chu Đậu thuộc xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (xưa là huyện Thanh Liêm, châu Nam Sách, trấn Hải Dương). Theo tiếng Hán, Chu là thuyền, Đậu là bến, Chu Đậu là thuyền đậu bến. Chu Đậu là một làng quê nhỏ, bên tả ngạn sông Thái Bình, một nhánh sông Lục Đầu, nơi thông thương với Thăng Long và ra biển rất thuận lợi.

Gốm Chu Đậu là một dòng gốm cao cấp xuất hiện khoảng thế kỉ XIII – XIV, phát triển rực rỡ vào thế kỉ XV – XVI, tàn lụi vào thế kỉ XVII. Gốm Chu Đậu được mệnh danh là dòng gốm bác học phản ánh chân thực, sinh động đời sống văn hoá và tâm linh của con người Việt Nam. Sản phẩm gốm Chu Đậu rất đa dạng, được tráng nhiều loại men như trắng trong, hoa lam, men ngọc; hoa văn chủ đạo là sen, cúc và cách điệu. Đáy hiện vật gốm Chu Đậu thường có một chữ, nhiều nhất là chữ Phúc.

Gốm Chu Đậu là mặt hàng xuất khẩu số lượng rất lớn vì được nhiều trên thế giới yêu thích.

Nguồn:

1. https://laodong.vn/lao-dong-cuoi-tuan/gom-chu-dau-tinh-hoa-van-hoa-viet-toa-sang-khap-nam-chau-985398.ldo
2. Viện Sử học, Tạ Ngọc Liễn chủ biên (2017), *Lịch sử Việt Nam*, Tập 3 (Từ cuối thế kỉ XV đến thế kỉ XVI), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, trang 310 – 311.

2. Vua Lê Thánh Tông

Vua Lê Thánh Tông (1460 – 1497) tên thật là Tư Thành, là con thứ tư của Thái Tông và là vị vua thứ 4 thời Lê sơ. Lê Thánh Tông lên ngôi năm 1460, đặt niên hiệu là Quang Thuận, năm 1470 đổi niên hiệu là Hồng Đức và ông ở ngôi vua 38 năm.

Triều đại ông là giai đoạn thịnh vượng, thực hiện nhiều cải cách về kinh tế, chính trị, văn hoá. Các nhà Sử học trong *Đại Việt sử ký toàn thư* nhận xét Lê Thánh Tông "sáng lập chế độ, văn vật, mở mang đất đai, bờ cõi khá rộng, là bậc vua anh hùng tài lược". Ông đã mở rộng bờ cõi nước Đại Việt vào tận núi Thạch Bi, Đại Lãnh, ban hành bộ *luật Hồng Đức*, đặt lệ dựng bia ghi tên các Tiến sĩ ở Văn Miếu. Đặc biệt, ông cho hoàn thành vẽ bản đồ toàn quốc gồm 13 xứ thừa tuyên (gọi là bộ *Hồng Đức bản đồ*) tích hợp tất cả vùng đất liền, biển đảo vào lãnh thổ Đại Việt. Tên gọi Biển Đông (Đông Hải) lần đầu tiên được đánh dấu trên bản đồ.

Vua Lê Thánh Tông còn là một nhà thơ tài hoa, sáng lập ra hội thơ Tao Đàn, để lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị, đặc biệt là *Hồng Đức quốc âm thi tập*,...

Nguồn:

1. Viện KHXHVN (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, trang 387.
   Trần Trọng Kim (1999), *Việt Nam Sử lược*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, trang 257.
2. Nguyễn Quang Ngọc (2018), *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa, Tư liệu và sự thật lịch sử*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, trang 113.
3. https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Ten-duong-tinh-thua-thien-hue/tid/Le-Tu-Thanh-Le-Thanh-Tong/newsid/4AD2FB9F-6D3C-44D3-95CB-B8FE0B9427A8/cid/EA5192A6-59A9-4478-8B0D-5341BB106837

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

3. Rồng đá điện Kính Thiên

Năm 1428, vua Thái Tổ (Lê Lợi) cho xây dựng điện Kính Thiên. Điện Kính Thiên là điện chính trong Hoàng thành, nơi thiết triều, vua, quan họp bàn việc nước và là nơi cử hành các nghi lễ long trọng nhất của triều đình, nơi đón tiếp sứ giả nước ngoài. Năm 1465, vua Lê Thánh Tông cho sửa sang điện Kính Thiên đẹp hơn trước.

Đến năm 1886, điện bị phá huỷ, hiện chỉ còn di tích thềm bậc và nền điện (trong khu Thành cổ Hà Nội ngày nay). Rồng đá trong hệ thống thành bậc điện Kính Thiên là một di sản kiến trúc nghệ thuật tuyệt tác, tiêu biểu cho nghệ thuật điêu khắc thời Lê sơ.

Được chạm trổ bằng đá xanh, rồng đá có đầu nhỏ cao, đầu to, mắt tròn lồi, sừng dài có nhánh, bờm lượn ra sau. Thân rồng uốn lượn mềm mại thành nhiều vòng cung, nhỏ dần về phía nền điện, trên lưng có đường vây dài nhấp nhô như vân mây, tia lửa.

Nguồn:

1. Viện KHXHVN (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, trang 404.
2. Viện Sử học, Tạ Ngọc Liễn chủ biên (2017), *Lịch sử Việt Nam*, Tập 3 (Từ cuối thế kỉ XV đến thế kỉ XVI), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, trang 352.
3. https://baoxaydung.com.vn/thanh-bac-da-dien-kinh-thien-tuyet-tac-kien-truc-dieu-khac-thoi-le-so-301102.html

4. Lời "dụ" truyền đời của vua Lê Thánh Tông

Theo quan chế đời Hồng Đức (1470 – 1497) thì Thái bảo là chức quan "Nhất phẩm triều đình". Nhà bác học Phan Huy Chú ở thiên "Quan chức chí" của sách Lịch triều hiến chương loại chí, cho biết cụ thể: "Quan chế đời Hồng Đức, hai ban văn – võ (của triều đình) đều có chức Thái bảo và đều ở trật Chánh nhất phẩm".

... Đến tháng Tư năm Quý Tỵ 1473 – hẳn là trong việc cất cử Thái bảo Lê Cảnh Huy đi đàm phán việc bang giao và biên giới với nhà Minh – vua Lê Thánh Tông đã có tiếp lời "dụ", nổi tiếng cả về nội dung ý tứ lẫn văn chương chữ nghĩa sau đây: "Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ? Ngươi phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc trình bày rõ điều ngay lẽ gian. Nếu ngươi dám đem một thước, một tấc đất của Thái tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di!".

Không thấy sử cũ chép việc Thái bảo Lê Cảnh Huy đã vâng lời "Dụ" này mà hành động ra sao, kết quả như thế nào. Cũng không thấy sử cũ chép việc ngoại bang năm ấy và cả những năm sau, có thêm cuộc gây hấn nào. Như vậy, có thể suy ra sự thế: Thái bảo Lê Cảnh Huy đã đấu tranh lí lẽ thành công với đối phương.

Vì thế, đọc tiếp các đoạn biên niên sử cũ, mới thấy chép việc cuối năm Ất Mùi 1475: Thái bảo Lê Cảnh Huy được làm thêm chức "Đề hình giám sát ngự sử", với tước phong không phải là "Kiến Dương bá" nữa mà là "Kiến Dương hầu". Tiếp đến năm Bính Thân 1476, thì khi lại được vua Lê Thánh Tông giao cho việc làm "Lưu thủ kinh đô" lần nữa để nhà vua ngự về thăm lại Lam Kinh (Thanh Hoá), thì "hầu tước" (đứng thứ hai trong hàng Ngũ tước) đã thành tước vị chắc chắn của Thái bảo Lê Cảnh Huy, trong câu sử bút nói về chức và tước của quan "Lưu thủ kinh đô" lúc này là: Thái bảo, Kiến Dương hầu!

(GS Lê Văn Lan, *Sự kiện và Nhân chứng*, Nguyệt san báo Quân Đội Nhân Dân, 14 – 08 – 2014)

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ

Những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hoá ở vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

HỌC SINH HỌC ĐỂ

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử đơn giản (21.3, 21.4, 21.5, 21.6, 21.7, 21.8) dưới sự hướng dẫn của GV để nhận thức một số vấn đề về lịch sử vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

Mô tả và bước đầu trình bày được những nét chính về về chính trị, kinh tế, văn hoá ở vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

3. Phát triển năng lực vận dụng

Vận dụng kiến thức về "văn hoá vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI" để lựa chọn và sưu tầm các tư liệu, tìm hiểu về một công trình kiến trúc của Chăm-pa mà hiện nay vẫn còn là nơi tổ chức lễ hội hay thờ cúng của cư dân địa phương các tỉnh miền Trung Việt Nam (thể hiện qua yêu cầu trong phần Vận dụng).

4. Hình thành những phẩm chất

Nhân ái: Tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

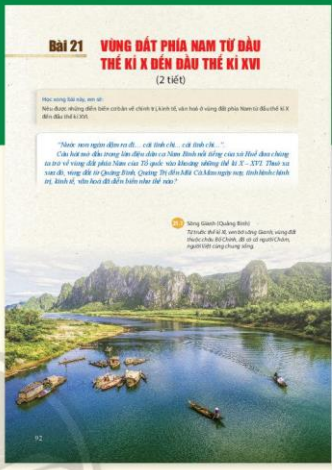
Bài 21 VÙNG ĐẤT PHÍA NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI
(2 tiết)

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

– GV dùng phần dẫn nhập trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học hoặc gợi mở về câu chuyện mở đất về phương Nam của người Việt.

Lưu ý GV: Cần xác định khái niệm "phương Nam":

+ *Vùng đất thuộc vương quốc cổ Chăm-pa, biên giới thiên nhiên là Hoành Sơn thuộc về nam tỉnh Nghệ Tĩnh và bắc tỉnh Quảng Bình. Cư dân Việt và Chăm sinh sống đan xen ở khu vực châu Bố Chính (năm 1075, nhà Lý đổi Địa Lý thành Lâm Bình, Ma Linh thành Minh Linh, nhưng giữ nguyên tên Bố Chính vì đó là vùng đất cả Việt và Chăm sinh sống lâu đời).*
+ *Vùng đất Nam Bộ Việt Nam ngày nay được tính từ lưu vực sông Đồng Nai đổ về Mũi Cà Mau, thuộc lưu vực hai sông Đồng Nai và Cửu Long (Ranh giới lịch sử thuộc giai đoạn thế kỉ X – XVI, là vùng đất tiếp giáp biên giới phía Nam của Chăm-pa thuộc tỉnh Bình Thuận ngày nay).*

Như vậy: Vùng đất phía Nam – tên của bài phản ánh lịch sử của một vùng đất chứ không phải lịch sử của Vương quốc Chăm-pa mặc dù những diễn biến xảy ra trên vùng đất này có liên quan đến lịch sử Chăm-pa và quá trình Nam tiến của người Việt.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

1. Diễn biến cơ bản về chính trị của vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

Nêu những diễn biến cơ bản về chính trị của vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

Từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI, trên vùng đất thuộc Vương quốc Chăm-pa, chiến tranh thường xuyên xảy ra giữa Chăm-pa với hai nước láng giềng là Cam-pu-chia và Đại Việt. Năm 1069, vào thời Lý, sau một cuộc chiến, vua Chăm-pa đã nhượng lại ba châu là Bố Chính, Địa Lý (Quảng Bình) và Ma Linh (phía bắc tỉnh Quảng Trị) cho Đại Việt. Từ năm 1113 đến năm 1220, chiến tranh giữa Chăm-pa và Cam-pu-chia kéo dài hơn 100 năm, trong đó có hai lần Cam-pu-chia chiếm đóng kinh đô của Chăm-pa lúc bấy giờ là Vijaya (Vijaya, Bình Định).

Cuối thế kỉ XIII, Chăm-pa cùng với Đại Việt kháng chiến chống quân Mông – Nguyên và thiết lập mối quan hệ hoà hiếu. Năm 1306, vua Chăm-pa là Chế Mân kết hôn với công chúa Huyền Trân của Đại Việt. Chế Mân đã cắt châu Ô, châu Rí (phía nam Quảng Trị và Thừa Thiên – Huế) làm sính lễ. Năm 1307, châu Ô, châu Rí đổi tên thành châu Thuận, châu Hoá.

Lễ hội đền Huyền Trân công chúa (Thừa Thiên – Huế)

Núi Đá Bia – cảnh giới phía nam của nước Đại Việt cuối thế kỉ XV, đầu thế kỉ XVI (nay thuộc tỉnh Phú Yên)

Nửa sau thế kỉ XV, diễn cuối thế kỉ XV, những xung đột giữa hai nhà nước phong kiến Chăm-pa và Đại Việt lại tái diễn, dẫn đến sự sáp nhập dần các vùng Chiêm Động (Quảng Nam), Cổ Luỹ (Quảng Ngãi) và Vi-gay-a (Bình Định) vào Đại Việt. Lãnh thổ Chăm-pa bị thu hẹp dần, chỉ còn từ phía nam đèo Cả đến sông Dinh (Bình Thuận).

Năm 1471, vua Lê chia Đạo Quảng Nam, bao gồm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định ngày nay. Cùng năm đó, với ý định tạo nên sự yên ổn lâu dài ở phía nam, vua Lê chia lộ phía nước đến Hoa Anh (thuộc Phú Yên) và Nam Bàn – phía lưu Hoà Anh – vùng Cheo Reo (thuộc Gia Lai). Cư dân hai nước Chăm-pa và Đại Việt có thể sống xen kẽ với nhau.

(Lương Ninh, Lịch sử Trung quốc Chăm-pa, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, trang 114, 186)

93

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

GV hướng dẫn HS khai thác tư liệu 21.1 để định vị vùng đất phía Nam và hình dung được dòng chảy chính của lịch sử là sự giao thoa giữa hai cộng đồng Chăm và Việt.

– Quan sát hình ảnh tư liệu 21.2 để hiểu tại sao ngày nay ở Thừa Thiên – Huế, người ta lại xây dựng đền thờ tưởng niệm Huyền Trân Công chúa, hiểu ý nghĩa sự kiện 1306.

– Quan sát tư liệu 21.3, biết rút ra thông tin liên quan đến biên giới nhà Lê sơ cuối thế kỉ XV.

– Đọc – hiểu tư liệu 21.4. Mức độ đọc – hiểu như sau:

+ Đạo Quảng Nam được thành lập vào năm nào, bao gồm những địa phương nào ngày nay?

+ Tại sao vua Lê Thánh Tông lại lập nước đệm là Hoa Anh và Nam Bàn? Bao gồm những địa phương nào ngày nay?

– Đọc hiểu tư liệu 21.5. Mức độ đọc – hiểu như sau:

+ Chu Đạt Quan mô tả về
a. Lũ lụt ở một vùng đất.
b. Cuộc sống ở một vùng đất.
c. Cảnh hoang vu không có sự hiện diện của con người.
d. Cách đi vào bằng đường sông.

– Câu nào thể hiện rõ nhất ý tưởng chính của đoạn kí sự?
a. Sông này có hàng chục ngả nhưng người ta chỉ có thể vào được ngả thứ tư.
b. Xa hơn tầm mắt chỉ toàn là cỏ kê rờn rờn. Hàng trăm hàng ngàn trâu rừng họp từng bầy.
c. Các thuỷ thủ cho rằng rất khó mà tìm đúng cửa sông.
d. Nhìn lên bờ chúng tôi thấy toàn là cây mây cao vút

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

– "Vùng đất phía Nam" trong yêu cầu này có thể phân chia thành hai khu vực địa lí gồm vùng lãnh thổ của vương quốc cổ Chăm-pa (tương ứng với vùng đất từ tỉnh Quảng Bình đến tỉnh Bình Thuận hiện nay như đã lưu ý ở phần trên) và vùng đất Nam Bộ Việt Nam hiện nay.

Trong quãng thời gian từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI, diễn biến cơ bản về chính trị của "vùng đất phía Nam" căn bản là diễn biến lịch sử mối quan hệ giữa vương quốc cổ Chăm-pa với Đại Việt và vương quốc cổ Chăm-pa với Chân Lạp, đan xen giữa xung đột và hoà hiếu.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1 (tt)

– Mốc thời gian tương ứng với các diễn biến quan trọng của lịch sử:

+ 1069: Chiến tranh với Đại Việt, ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh sáp nhập vào Đại Việt;

1113 – 1220: Chiến tranh 100 năm với Cam-pu-chia.

+ 1306: Quan hệ hoà hiếu giữa Chăm-pa với Đại Việt, Đại Việt mở rộng lãnh thổ về phía Nam, sáp nhập hai châu Ô, Rí (Nam Quảng Trị và Thừa Thiên – Huế) thông qua hôn nhân.

+ Đến cuối thế kỉ XV (năm 1471): Chiêm Động (Quảng Nam), Cổ Luỹ (Quảng Ngãi), Vi-giay-a (Vijaya, Bình Định) chính thức trở thành đạo Quảng Nam của Đại Việt sau sự kiện vua Lê Thánh Tông đánh thành Chà Bàn, kinh đô của Chăm-pa năm 1471. Lê Thánh Tông lập vùng đất đệm là Hoa Anh (Phú Yên) và Nam Bàn (Gia Lai).

– Lãnh thổ Chăm-pa thu hẹp lại trong phạm vi từ núi đá Bia tới lưu vực sông Đồng Nai, hết tỉnh Bình Thuận ngày nay.

– Từ lưu vực sông Đồng Nai đến tận Mũi Cà Mau, lịch sử bị đứt đoạn, không có sự hiện diện của bất cứ cộng đồng dân cư nào.

Kết luận: Bức tranh lịch sử đối lập giữa hai khu vực của vùng đất phía Nam: Trên địa bàn của vương quốc cổ Chăm-pa xưa (chủ yếu là vùng duyên hải miền Trung Việt Nam ngày nay) xảy ra nhiều biến cố lịch sử sôi động; vùng Nam Bộ trước thế kỉ VII là địa bàn của Vương quốc Phù Nam, từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI, sự hoang dã hoàn toàn ngự trị, vùng đất không dấu chân người – không có lịch sử của các cộng đồng dân cư.

Năm ngoài những biến động chính trị đó, từ lưu vực sông Đồng Nai trở vào (thuộc Nam Bộ Việt Nam ngày nay) từ thế kỉ X đến thế kỉ XV gần như không có dấu chân người.

Trước đó, vào thế kỉ VII, Vương quốc Phù Nam sụp đổ và là Chân Lạp (Campuchia) xâm chiếm, vùng đất Nam Bộ thuộc quyền cai quản của triều đình Chân Lạp. Tuy nhiên, Chân Lạp hơn một thế kỉ sau đó cũng không quản lí được vùng đất này. Vào thời kì Ăng-co, triều đình chỉ tập trung phát triển vương quốc ở khu vực Biển Hồ, dân cư cũng theo đó mà tập trung về. Vùng đất Nam Bộ bị bỏ hoang từ thuở đó.

Từ Bến Tre, Tiền Giang, Đồng Tháp ngày nay, xuống phía nam, sang bên kia sông,

"... Nhìn lên bờ sông, chúng tôi thấy toàn là cây mây cao vút, cổ thụ, cát vàng, lau sậy trắng,... Hàng loạt đường trong cửa sông, người ta chỉ thấy cảnh đồng ruộng bỏ hoang, không có một gốc cây nào. Xa hơn tầm mắt chỉ toàn là cỏ lát rậm rạp. Hàng trăm hàng ngàn trâu rừng tạo hợp từng bầy trong vùng này".

(Chu Đạt Quan, Chân Lạp phong thổ kí, bản dịch Lê Hương, NXB Kí nguyên mới, Sài Gòn, 1973, trang 80)

dọc theo những vùng đất bến bờ lầy sông Hậu cho đến tận Mũi Cà Mau,... là những vùng đầm lầy, những màng rừng dước, kiểng, rạch quanh co, chằng chịt.

Tình trạng hoang dã này vẫn tiếp tục tồn tại cho đến cuối thế kỉ XVI, khi có sự xuất hiện và khai phá của người Việt.

2. Tình hình kinh tế, văn hoá vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

Trình bày những diễn biến chính về kinh tế, văn hoá của vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

Việc trồng lúa vẫn tiếp tục giữ vai trò nuôi sống dân Chăm-pa và những lớp dân di cư từ Đại Việt vào phía nam sau thế kỉ X. Nhờ biết khơi và kĩ thuật đóng thuyền nên nghề đánh cá phát triển từ trước thế kỉ X, vẫn tiếp tục là một ngành kinh tế quan trọng của cư dân thời kì này. Một số nghề thủ công vẫn được duy trì và phát triển như làm đồ gốm và dệt vải, đóng thuyền,... Bên cạnh đó, các cộng đồng cư dân ven biển còn buôn bán sản vật, trao đổi hàng hoá với thương nhân nước ngoài.

Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XV, triều đình phong kiến Đại Việt đã tổ chức nhiều đợt di dân vào vùng đất phía Nam.

Hình ảnh những con thuyền của người Chăm khắc trên tường điện Ăng-co Vật (Cam-pu-chia, thế kỉ XII)

Linh mục người Hà Lan là Ô-đô-ri-đờ Bô-đê-nô-xê (Odoric Bodenone) đến thăm Trung Hoa thế kỉ XIV và mô tả "... một xứ sở rất đẹp,... Ở đây người ta gặp một điều rất lạ lạ, vì mọi loài cá tươi tiếm đều đến đây, tựa như người ta không thấy gì trên biển ngoài cá..".

(Lương Ninh, Lịch sử Vương quốc Chăm-pa, NXB, trang 1,21)

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

+ GV hướng dẫn HS khai thác tư liệu 21.7 để khai thác thông tin về một trong các hoạt động kinh tế chính của cư dân vương quốc cổ Chăm-pa: nghề đánh cá.

+ GV hướng dẫn HS khai thác nguồn tư liệu 21.8 để nhận thức về tình trạng tăng nhanh dân số ở vùng đất từ đèo Ngang đến đèo Hải Vân vào nửa sau thế kỉ XV, thông tin về sự hoàn nhập giữa hai cộng đồng dân cư Chăm – Việt.

+ Tư liệu 21.9 là một kênh thông tin gợi ý cho câu hỏi vận dụng: một công trình kiến trúc Chăm-pa vẫn là nơi thờ cúng hiện nay của cư dân địa phương.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

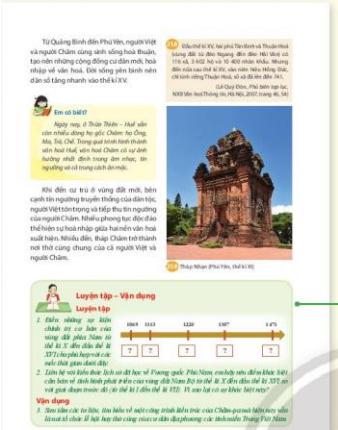

Từ Quảng Bình đến Phú Yên, người Việt và người Chăm cùng sinh sống hoà thuận, tạo nên những cộng đồng cư dân mới, hoà nhập về văn hoá. Đời sống phi lãnh nền dân số tăng nhanh vào thế kỉ XV.

Em có biết?

Ngày nay, ở Thừa Thiên – Huế vẫn còn nhiều dòng họ gốc Chăm họ Ông, Mà, Tá, Chế. Trong quá trình hình thành văn hoá Huế, văn hoá Chăm có sự ảnh hưởng nhất định trong ẩm thực, tín ngưỡng và cả trong cách ăn mặc.

Khi đến cư trú ở vùng đất mới, bên cạnh tín ngưỡng truyền thống của dân tộc, người Việt tồn trọng và tiếp thu tín ngưỡng của người Chăm. Nhiều phong tục độc đáo thể hiện sự hoà nhập giữa hai nền văn hoá xuất hiện. Nhiều đền, tháp Chăm trở thành nơi thờ cúng chung của cả người Việt và người Chăm.

Đầu thế kỉ XV, hai phủ Tân Bình và Thuận Hoá (vùng đất từ đèo Ngang đến đèo Hải Vân) có 115 xã, 3 602 hộ và 10 400 nhân khẩu. Nhưng đến năm sau thế kỉ XV, cảo niên, Nếu Hồng Đức, chỉ tính riêng Thuận Hoá, số xã đã lên đến 161.

(Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2007, trang 46, 54)

Tháp Nhạn (Phú Yên, thế kỉ XI)

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Điền những sự kiện chính trị cơ bản của vùng đất phía Nam từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI cho phù hợp với các mốc thời gian dưới đây:

2. Liên hệ với kiến thức lịch sử đã học về Vương quốc Phù Nam, em hãy nêu điểm khác biệt cơ bản về tình hình phát triển của vùng đất Nam Bộ từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI so với giai đoạn trước đó (từ thế kỉ I đến thế kỉ VII). Vì sao lại có sự khác biệt này?

Vận dụng

3. Sưu tầm các tư liệu, tìm hiểu về một công trình kiến trúc của Chăm-pa mà hiện nay vẫn là nơi thờ cúng của cư dân địa phương các tỉnh miền Trung Việt Nam.

95

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

+ GV chú ý hướng dẫn HS xác định được hai ngành kinh tế chính của vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI là trồng lúa và đánh cá.

+ Dưới tác động của các diễn biến chính trị, người Việt đã di dân vào vùng đất phía Nam, cộng cư với cư dân bản địa. Quá trình này diễn ra đồng thời với quá trình trao đổi, giao lưu kinh tế, văn hoá một cách ôn hòa giữa hai dân tộc Việt – Chăm.

Từ nhận thức này, GV tổ chức các hoạt động học để HS hiểu được tình trạng gia tăng dân số vào nửa sau thế kỉ XV (theo tư liệu 21.8) và các thông tin mà SGK đề cập về sự tiếp nhận tín ngưỡng, phong tục văn hoá Chăm của người Việt (cơ sở cần thiết để HS thực hiện yêu cầu của mục Vận dụng).

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời: GV hướng dẫn HS lựa chọn thông tin từ SGK để thực hiện yêu cầu:

+ 1069: Bố Chính – Địa Lý – Ma Linh sáp nhập vào nhà Lý.

+ 1113: Bắt đầu cuộc chiến tranh 100 năm giữa Chăm-pa và Cam-pu-chia.

+ 1220: Kết thúc chiến tranh 100 năm.

+ 1307: Châu Ô, châu Rí đổi tên thành châu Thuận, châu Hoá.

+ 1471: Đạo Quảng Nam được thành lập.

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời: GV gợi HS nhớ lại sự phát triển thịnh vượng về kinh tế và văn hoá của Vương quốc Phù Nam (GV có thể trình chiếu hình ảnh) và hướng dẫn HS khai thác tư liệu 21.5 để thực hiện yêu cầu:

+ Điểm khác biệt căn bản: từ thế kỉ I đến thế kỉ VII là vùng đất sôi động nhất khu vực Đông Nam Á với trung tâm là cảng thị Óc Eo; từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI: là vùng đất hoang vu, không có sự hiện diện của cộng đồng dân cư.

+ Vì sao có sự khác biệt: Câu hỏi mở tuỳ cá nhân các em suy luận, hoặc trả lời theo SGK trang 94.

– **Câu 3.** Gợi ý trả lời: GV hướng dẫn HS sử dụng internet để thực hiện yêu cầu. Hầu hết các tỉnh miền Trung Việt Nam ngày nay vẫn còn bảo tồn những di sản của văn hoá Chăm. (Xem lại nội dung **HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN II**).

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Sự hoà hợp văn hoá Việt – Chăm

Quá trình giao thoa, tiếp biến văn hoá Việt – Chăm diễn ra tự nhiên, thuận chiều, êm thấm. Một trăm năm sau sự kiện 1471, Dương Văn An đã mô tả vùng Quảng Nam – Thừa Thiên ngày nay trong *Ô Châu cận lục: "Nói tiếng Chiêm có thổ dân làng La Giang, mặc áo Chiêm có con gái làng Thuỷ Bạn, nhiều xã còn giữ thói dâm – phong, mây mưa, thói quen cổ truyền cũng đã lâu lắm, có nơi nói tiếng Huế quần Chiêm, thói càng bỉ ổi".* Lăng kính nhà Nho đôi khi cứng nhắc nhưng qua đó hậu thế cảm nhận được cuộc sống chan hoà giữa người Việt và người Chăm phía sau những cuộc chiến của các vương triều phong kiến.

Dọc theo lộ trình từ Bắc vào Nam, người Việt gặp không ít những đền tháp, tượng thờ của một hệ thống tôn giáo tín ngưỡng khác biệt, xa lạ. Nhưng họ không phá huỷ hay chối bỏ mà tiếp nhận và chuyển hoá, dung hoà với tín ngưỡng truyền thống của mình. Nhiều đền tháp trở thành nơi thờ cúng thiêng liêng của người Việt và người Chăm. Có những vị thần Hin-đu (Hindus) giáo trở thành Thành hoàng của địa phương như việc thờ cúng bà Dàng ở Thừa Thiên – Huế, Nữ thần Yana Inư Po Nagar của người Chăm trở thành Thiên Yana Diễn Đà Ngọc Phi hay Bà Chúa Ngọc, Bà Chúa Xứ được thờ cúng nhiều nơi ở miền Trung Việt Nam… Tự nhận là kẻ đến sau, người Việt đã lập trước cửa nhà "am Tiền chủ" (Huế) – "am Thủ kỳ" (Phú Yên) để bày tỏ lòng tôn kính với những người Chăm đã từng cư trú và duy trì tục "Tá thổ" trước mỗi vụ mùa – cắm xuống 4 góc ruộng những hòn đá cuội về những hình người kì dị xem như là một "hợp đồng" thuê ruộng với những người chủ đầu tiên.

(Theo Hà Bích Liên (2000), *Quan hệ giữa vương quốc cổ Champa với các nước trong khu vực*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

2. Miền Trung Việt Nam, nơi bắt đầu Mặt Trời mọc

"…Chính điều kiện tự nhiên là sự gợi ý đương nhiên cho những người dân sống ở vùng này (vùng duyên hải Nam Trung Bộ) thiên về đời sống biển khơi hơn. Họ thức dậy sớm hơn vì mặt trời mọc sớm nhất khu vực Đông Nam Á lục địa. Họ dễ dàng chạm đến đại dương sâu thẳm trong hành trình xa khơi của mình hơn những vùng đất khác trong lục địa Đông Nam Á… Trong dòng giao lưu văn hoá khu vực, sự hiện diện của những cộng đồng dân cư vùng duyên hải Nam Trung Bộ mang đậm nét của một cộng đồng dân cư sinh sống ở biển và gắn bó với kinh tế biển nhiều hơn là nông nghiệp. Biển là yếu tố quan trọng để họ tồn tại và phát triển... và đó cũng chính là số phận của vùng đất này."

(Hà Bích Liên, *Lược trích theo báo cáo khoa học "Vùng duyên hải Nam Trung Bộ trong hệ thống mậu dịch khu vực thời cổ*, Tạp chí Phát triển kinh tế Đà Nẵng, ISSN 1859 – 3417, số 26/ 2012)

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

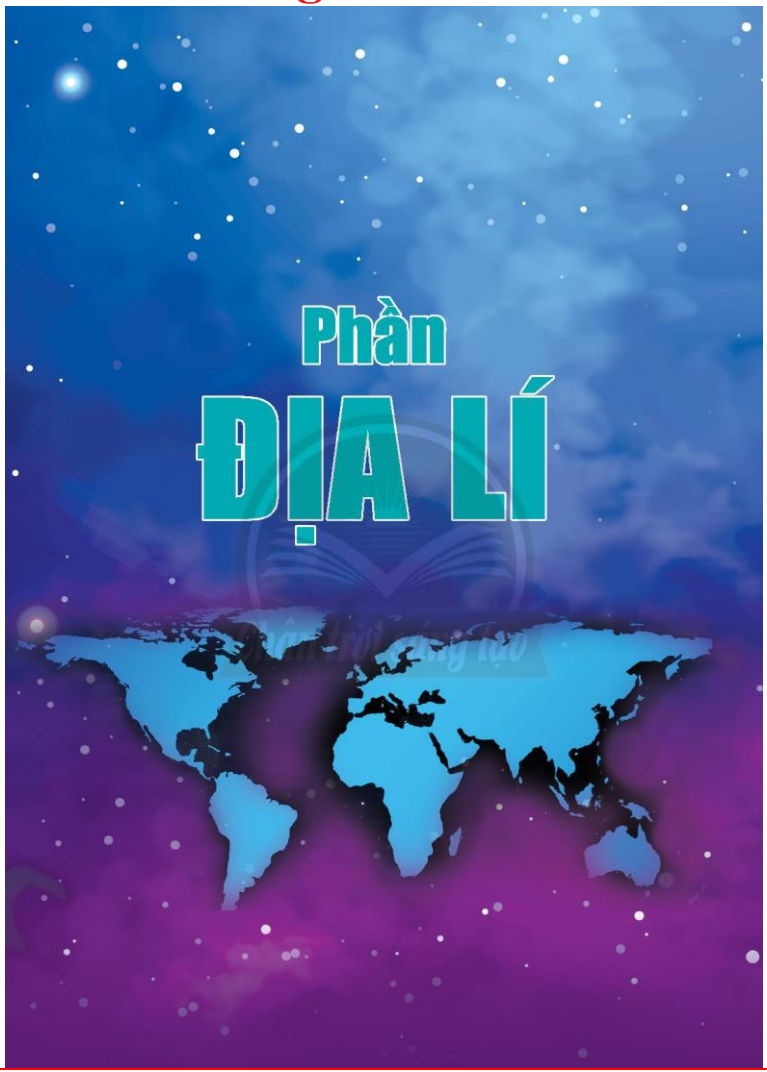

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.
- Đặc điểm các khu vực địa hình chính, đặc điểm phân hoá khí hậu của châu Âu.
- Đặc điểm các sông của châu Âu.
- Các đới thiên nhiên ở châu Âu.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Xác định được vị trí địa lí, các dạng địa hình, sông ngòi chính của châu Âu.
- Đọc được lược đồ tự nhiên, lược đồ khí hậu, biểu đồ khí hậu, các thảm thực vật theo độ cao ở dãy An-pơ.
- Nhận xét sự phân hoá của khí hậu, các đới thiên nhiên ở châu Âu.
- Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các văn bản tài liệu về thiên nhiên châu Âu.

2. Phát triển năng lực chung

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.

3. Hình thành phẩm chất

Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào học tập và cuộc sống.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn dẫn nhập của SGK.

+ Cách thứ hai: GV thiết kế trò chơi "Vòng quanh châu Âu" để HS đoán và trả lời nhanh 10 hình ảnh về các địa danh, thắng cảnh thiên nhiên ở châu Âu.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

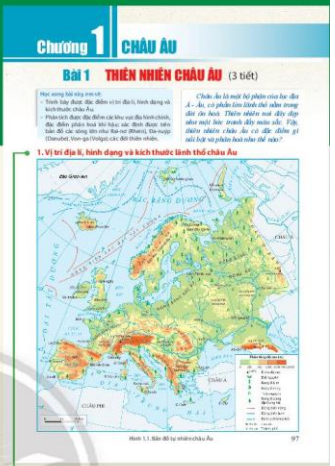
Chương 1 CHÂU ÂU

Bài 1 THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU (3 tiết)

1. Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lãnh thổ châu Âu

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lãnh thổ châu Âu

- Thời gian: 15 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm từ 4 HS trở lên.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: hoạt động nhóm, sử dụng phương tiện trực quan (bản đồ/ lược đồ trống).
- Phương tiện dạy học: hình 1.1 SGK, lược đồ trống châu Âu.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành các nhóm (số lượng nhóm tuỳ thuộc vào HS trong lớp),

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Châu Âu là châu lục ở phía tây của lục địa Á - Âu, nằm hoàn toàn trên bán cầu Bắc. Lãnh thổ trên đất liền trải dài từ khoảng 36°B đến 71°B.

Châu Âu có ba mặt giáp biển và đại dương: phía bắc giáp Bắc Băng Dương; phía tây giáp Đại Tây Dương; phía nam giáp Địa Trung Hải. Phía đông có dãy U-ran (Ural), là ranh giới tự nhiên ngăn cách châu Âu với châu Á.

Châu Âu có diện tích nhỏ, khoảng 10,5 triệu km², chỉ lớn hơn châu Đại Dương. Đường bờ biển dài khoảng 43 000 km, bị cắt xẻ mạnh, biển ăn sâu vào đất liền, tạo nhiều bán đảo, vũng vịnh. Ngoài ra, châu Âu còn có nhiều đảo và quần đảo.

2. Đặc điểm tự nhiên châu Âu

a. Địa hình

Dựa vào hình 1.1 và thông tin trong bài, em hãy:
– Kể tên và xác định các đồng bằng, các dãy núi chính ở châu Âu.
– Phân tích đặc điểm các khu vực địa hình đồng bằng và miền núi ở châu Âu.

Nhìn chung, địa hình châu Âu khá đơn giản, chia làm hai khu vực: địa hình chính:

– Địa hình đồng bằng: chiếm phần lớn diện tích, phân bố chủ yếu ở phía đông và trung tâm, tạo thành một dải. Đồng Âu là đồng bằng lớn nhất, chiếm hơn 50% diện tích châu Âu.

– Địa hình miền núi:

+ Địa hình núi già: nằm ở phía bắc và trung tâm chạy theo hướng bắc – nam như: dãy núi Xcan-đi-na-vi (Scandinavia), U-ran,...

+ Địa hình núi trẻ: chỉ chiếm 1,5% diện tích lãnh thổ, phân bố chủ yếu ở phía nam như: dãy núi Pi-rê-nê (Pyrenees), An-pơ (Alpi), Các-pát (Carpat), Ban-căng (Balkan),... Đỉnh En-brút (Elbrus) là đỉnh núi cao nhất châu Âu (5 642 m).

b. Khí hậu

Dựa vào hình 1.2 và thông tin trong bài, em hãy:
– Kể tên các đới và kiểu khí hậu của châu Âu.
– Trình bày đặc điểm phân bố khí hậu ở châu Âu.

98

phân chia chỗ ngồi cho các nhóm. Đánh số thứ tự các thành viên trong mỗi nhóm.

Bước 2. GV thông báo thể lệ, thời gian cho các nhóm để điền tên các bán đảo, biển và đại dương tiếp giáp châu Âu ở lược đồ trống.

Bước 3. GV gọi ngẫu nhiên các số thứ tự của mỗi nhóm, yêu cầu xác định địa danh bất kì đã đề cập như trên lược đồ. Nhóm nào có bạn trả lời nhanh hơn sẽ ghi điểm.

Bước 4. GV nhận xét, tổng kết và mời một bạn xung phong lên xác định lại cho cả lớp.

Hoạt động này cũng là một cách đánh giá nội dung kiến thức mục I.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm tự nhiên châu Âu

– Thời gian: 75 phút.

– Hình thức dạy học: nhóm HS.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: sử dụng kĩ thuật mảnh ghép, phân công nhiệm vụ cho các nhóm HS hoàn thành các phiếu học tập về thiên nhiên châu Âu.

– Phương tiện dạy học: hình 1.1. và hình 1.2. SGK.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV phân công lớp thành các nhóm. Quy định số thứ tự các thành viên trong nhóm. Tuỳ vào số lượng HS mà phân công số lượng nhóm thực hiện các nhiệm vụ được giao:

Nhóm 1: Nội dung 1. Địa hình châu Âu.

Nhóm 2: Nội dung 2. Khí hậu châu Âu.

Nhóm 3: Nội dung 3. Sông ngòi châu Âu.

Nhóm 4: Nội dung 4. Các đới thiên nhiên châu Âu.

Bước 2. Mỗi HS trong nhóm làm việc độc lập, ghi lại phần trình bày của mình và thảo luận cùng nhóm.

Bước 3. GV hình thành 4 nhóm mới từ HS của 4 nhóm nội dung trên gọi là các nhóm mảnh ghép.

Bước 4. HS ở các nhóm mảnh ghép chia sẻ lần lượt những nội dung ở bước 1 đã thực hiện.

Bước 5. Các nhóm mảnh ghép trình bày kết quả tìm hiểu của nhóm mình.

Bước 6. GV bổ sung, chốt các nội dung và tuyên dương những nhóm trình bày tốt.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2 (tt)

PHIẾU HỌC TẬP 1
Nhóm .....

Dựa vào hình 1.1, hãy:

- Kể tên và xác định các đồng bằng ở châu Âu.

.....

- Kể tên và xác định các dãy núi trẻ ở châu Âu.

.....

- Cho biết dạng địa hình nào chiếm ưu thế ở châu Âu. Đặc điểm và phân bố của dạng địa hình đó.

.....

- Chọn đáp án Đúng (Đ) hoặc đáp án Sai (S) vào các câu sau, nếu sai hãy gạch chân chỗ sai và sửa lại.

+ Núi già tập trung thành dải, tương đối thấp như dãy An-pơ.

+ Núi trẻ đỉnh nhọn, sườn dốc, nhiều thung lũng sâu.

+ Núi ở châu Âu cao trên 2 000 m.

+ Đồng bằng Đông Âu là đồng bằng lớn nhất châu Âu.

Hình 1.2. Bản đồ khí hậu châu Âu

Khí hậu châu Âu phân hoá đa dạng thành các đới và kiểu khí hậu:

– Đới khí hậu cực và cận cực: phân bố ở phía bắc châu lục và các đảo vùng cực. Khí hậu lạnh giá quanh năm, lượng mưa rất ít.

– Đới khí hậu ôn đới: chiếm diện tích lớn nhất, bao gồm hai kiểu khí hậu:

+ Kiểu khí hậu ôn đới hải dương: phân bố ở các đảo và vùng ven biển phía tây. Khí hậu điều hoà, mùa hạ mát, mùa đông không lạnh lắm; nhiệt độ trung bình năm thường trên 0°C; mưa quanh năm và lượng mưa tương đối lớn.

+ Kiểu khí hậu ôn đới lục địa: phân bố ở vùng trung tâm và phía đông châu lục. So với kiểu khí hậu ôn đới hải dương, kiểu khí hậu này có mùa hạ nóng hơn, mùa đông lạnh hơn, có tuyết rơi nhiều; lượng mưa ít, giảm dần từ tây sang đông.

99

Chân trời sáng tạo

PHIẾU HỌC TẬP 2
Nhóm .....

Dựa vào hình 1.2, hãy:

- Cho biết châu Âu có những đới và kiểu khí hậu nào.

.....

.....

- Trình bày đặc điểm chính của các kiểu khí hậu ở châu Âu.

Khí hậu	Đặc điểm chính	Nhiệt độ	Lượng mưa
Cực và cận cực	.....	.....	.....
Ôn đới hải dương	.....	.....	.....
Ôn đới lục địa	.....	.....	.....
Cận nhiệt địa trung hải	.....	.....	.....
Khí hậu núi cao	.....	.....	.....

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

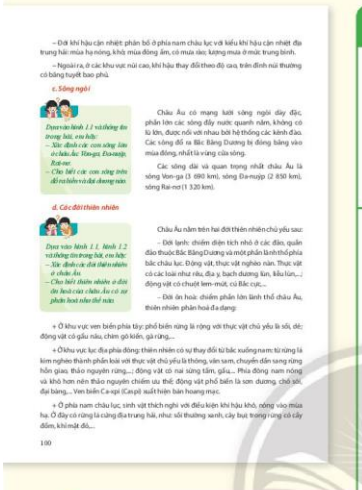

– Đới khí hậu cận nhiệt: phân bố ở phía nam châu lục với kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải: mùa hạ nóng, khô; mùa đông ấm, có mưa; lượng mưa ở mức trung bình.

– Ngoài ra, ở các khu vực núi cao, khí hậu thay đổi theo độ cao, trên đỉnh núi thường có băng tuyết bao phủ.

c. Sông ngòi

Dựa vào hình 1.1 và thông tin trong bài, em hãy:
– Xác định các con sông lớn ở châu Âu: Von-ga, Đa-nuýp, Rai-nơ.
– Cho biết các con sông trên đổ ra biển và đại dương nào.

Châu Âu có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phần lớn các sông đầy nước quanh năm, không có lũ lớn, được nối với nhau bởi hệ thống các kênh đào. Các sông đổ ra Bắc Băng Dương bị đóng băng vào mùa đông, nhất là vùng của sông.

Các sông dài và quan trọng nhất châu Âu là sông Von-ga (3 690 km), sông Đa-nuýp (2 850 km), sông Rai-nơ (1 320 km).

d. Các đới thiên nhiên

Dựa vào hình 1.1, hình 1.2 và thông tin trong bài, em hãy:
– Xác định các đới thiên nhiên ở châu Âu.
– Cho biết thiên nhiên ở đới ôn hoà của châu Âu có sự phân hoá như thế nào.

Châu Âu nằm trên hai đới thiên nhiên chủ yếu sau:

– Đới lạnh: chiếm diện tích nhỏ ở các đảo, quần đảo thuộc Bắc Băng Dương và một phần lãnh thổ phía bắc châu lục. Động vật, thực vật nghèo nàn. Thực vật có các loài như rêu, địa y, bạch dương lùn, liễu lùn,...; động vật có chuột lem-mút, cú Bắc cực,...

– Đới ôn hoà: chiếm phần lớn lãnh thổ châu Âu, thiên nhiên phân hoá đa dạng:

+ Ở khu vực ven biển phía tây: phổ biến rừng là rộng với thực vật chủ yếu là sồi, dẻ; động vật có gấu nâu, chim gõ kiến, gà rừng,...

+ Ở khu vực lục địa phía đông: thiên nhiên có sự thay đổi từ bắc xuống nam: từ rừng lá kim nghèo thành phần loài với thực vật chủ yếu là thông, vân sam, chuyển dần sang rừng hỗn giao, thảo nguyên rừng,...; động vật có nai sừng tấm, gấu,... Phía đông nam nóng và khô hơn nên thảo nguyên chiếm ưu thế; động vật phổ biến là sơn dương, chồn sói, đại bàng,... Ven biển Ca-xpi (Caspi) xuất hiện bán hoang mạc.

+ Ở phía nam châu lục, sinh vật thích nghi với điều kiện khí hậu khô, nóng vào mùa hạ. Ở đây có rừng lá cứng địa trung hải, như: sồi thường xanh, cây bụi trong rừng có cây đốm, khi mật đó,...

100

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2 (tt)

– Nhận xét sự phân hoá khí hậu của châu Âu.

Nhiệt độ: .....

Lượng mưa: .....

– Cho biết kiểu khí hậu nào chiếm diện tích chủ yếu ở châu Âu.

.....

PHIẾU HỌC TẬP 3
Nhóm .....

Dựa vào hình 1.1, hãy:

– Xác định các con sông lớn ở châu Âu: Von-ga, Đa-nuýp, Rai-nơ trên bản đồ.

.....

– Cho biết các con sông trên đổ ra biển và đại dương nào.

.....

– Cho biết sông ở Bắc Băng Dương có đặc điểm gì.

.....

– Điền vào chỗ trống những thông tin còn thiếu về đặc điểm sông ngòi châu Âu:

Châu Âu có mạng lưới sông ngòi (1)....., phần lớn các sông (2)..... quanh năm, không có (3)....., được nối với nhau bởi hệ thống (4).....

PHIẾU HỌC TẬP 4
Nhóm .....

Dựa vào hình 1.1, hình 1.2 và hình 1.3, hãy:

– Cho biết châu Âu có những đới thiên nhiên chủ yếu nào.

.....

– Nhận xét sự phân hoá của các đới thiên nhiên ở châu Âu từ tây sang đông, từ bắc xuống nam.

Từ tây sang đông: .....

Từ bắc xuống nam: .....

– Giải thích tại sao lại có sự phân hoá các đới thiên nhiên như vậy.

.....

.....

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2 (tt)

– Nêu tên các vành đai thảm thực vật theo độ cao ở dãy An-pơ.

Dưới 200 m: .....

Từ 200 đến 800 m: .....

Từ 800 đến 1 800 m: .....

Từ 1 800 đến 2 200 m: .....

Từ 2 200 đến 3 000 m: .....

Từ 3 000 m trở lên: .....

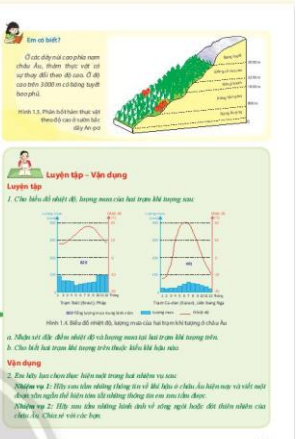

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập:

– Thời gian: 20 phút.

– Hình thức dạy học: nhóm nhỏ khoảng 4 HS.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: trò chơi, sử dụng phương tiện trực quan (bản đồ), sử dụng bài tập.

– Phương tiện dạy học: hình 1.2. và hình 1.4. SGK.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, giao nhiệm vụ cho các nhóm nhỏ HS. HS xác định các kiểu khí hậu của các trạm khí tượng châu Âu.

Bước 2. Tổ chức cho HS thi đua với nhau để củng cố kiến thức về các kiểu khí hậu ở châu Âu thông qua trò chơi trắc nghiệm.

Bước 3. HS lên xác định các kiểu khí hậu của một số trạm khí tượng châu Âu trên hình 1.2, GV chuẩn xác.

Bước 4. GV nhận xét, tổng kết toàn bộ buổi học.

Đánh giá: GV cho điểm bài tập dựa vào kết quả trò chơi sau khi đã cung cấp đáp án, hoặc cho các nhóm HS đánh giá lẫn nhau.

Vận dụng:

– Thời gian: 15 phút.

– Hình thức dạy học: cá nhân.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.

– Phương tiện dạy học: Một số hình ảnh thiên nhiên châu Âu.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

LƯU Ý VỚI GV

GV cần chuẩn bị

– Bản đồ châu Âu (bản đồ trống).
– Bảng phụ/giấy A0 để HS ghi kết quả thảo luận nhóm.
– Hình ảnh về thiên nhiên châu Âu.

Bước 1. Giao nhiệm vụ: HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ.

Bước 2. HS có thể thực hiện nhiệm vụ theo gợi ý sau:

+ Sưu tầm trên các trang mạng.

+ Dựa vào những hình ảnh trong bài tìm thêm thông tin về khí hậu hay các hình ảnh sông ngòi hoặc đới thiên nhiên châu Âu.

Bước 3. HS có thể nộp sản phẩm cho GV và thuyết trình về đặc điểm khí hậu và hình ảnh sông ngòi hoặc đới thiên nhiên ở châu Âu ở buổi học tiếp theo.

Bước 4. GV đánh giá, nhận xét sản phẩm của HS vào buổi học sau.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Đặc điểm dân cư châu Âu.
- Di cư ở châu Âu.
- Đô thị hoá ở châu Âu.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Đọc được biểu đồ quy mô dân số, tỉ lệ nam và nữ trong tổng số dân ở châu Âu.
- Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư châu Âu.
- Trình bày được đặc điểm di cư và đô thị hoá ở châu Âu.
- Xác định trên bản đồ một số đô thị lớn ở châu Âu.

2. Phát triển năng lực chung

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.
- Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành các phần việc được giao.

3. Hình thành phẩm chất

- Tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm dân cư ở châu Âu.
- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào học tập và cuộc sống.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn mở đầu để đặt vấn đề cho bài học.

+ Cách thứ hai: Cho HS quan sát và trả lời nhanh các hình ảnh/video về đất nước, con người ở châu Âu có liên quan đến nội dung của bài học.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

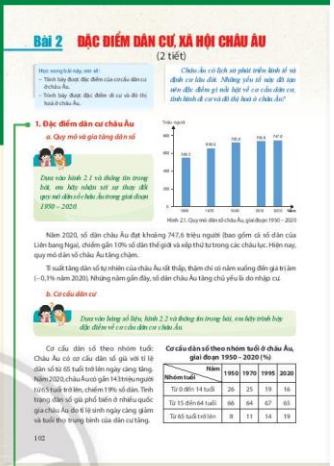

Bài 2 ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU ÂU

(2 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
- Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư ở châu Âu.
- Trình bày được đặc điểm di cư và đô thị hoá ở châu Âu.

Châu Âu có lịch sử phát triển lãnh tổ và định cư lâu đời. Những yếu tố nào đã tạo nên đặc điểm gì nổi bật về cơ cấu dân cư, tình hình di cư và đô thị hoá ở châu Âu?

1. Đặc điểm dân cư châu Âu

a. Quy mô và gia tăng dân số

Dựa vào hình 2.1 và thông tin trong bài, em hãy nhận xét sự thay đổi quy mô dân số châu Âu trong giai đoạn 1950 – 2020.

Hình 2.1. Quy mô dân số châu Âu, giai đoạn 1950 – 2020

Năm 2020, số dân châu Âu đạt khoảng 747,6 triệu người (bao gồm cả số dân của Liên bang Nga), chiếm gần 10% số dân thế giới và xếp thứ tư trong các châu lục. Hiện nay, quy mô dân số châu Âu tăng chậm.

Tỉ suất tăng dân số tự nhiên của châu Âu rất thấp, thậm chí có năm xuống dần giá trị âm (– 0,1% năm 2020). Nhưng năm gần đây, số dân châu Âu tăng chủ yếu là do nhập cư.

b. Cơ cấu dân cư

Dựa vào bảng số liệu, hình 2.2 và thông tin trong bài, em hãy trình bày đặc điểm về cơ cấu dân cư châu Âu.

Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi: Châu Âu có cơ cấu dân số già với tỉ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên ngày càng tăng. Năm 2020, châu Âu có gần 143 triệu người từ 65 tuổi trở lên, chiếm 19% số dân. Tình trạng dân số già phổ biến ở nhiều quốc gia châu Âu do tỉ lệ sinh ngày càng giảm và tuổi thọ trung bình của dân cư tăng.

Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở châu Âu, giai đoạn 1950 – 2020 (%)

Nhóm tuổi \ Năm	1950	1970	1995	2020
Từ 0 đến 14 tuổi	26	25	19	16
Từ 15 đến 64 tuổi	66	64	67	65
Từ 65 tuổi trở lên	8	11	14	19

102

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm dân cư châu Âu

- Thời gian: 30 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: hình 2.1, bảng *Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở châu Âu, giai đoạn 1950 – 2020* và hình 2.2 SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành nhóm nhỏ 4 – 6 HS tuỳ vào số lượng.

Bước 2. GV yêu cầu các nhóm HS hoàn thành nhiệm vụ học tập trong SGK:

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

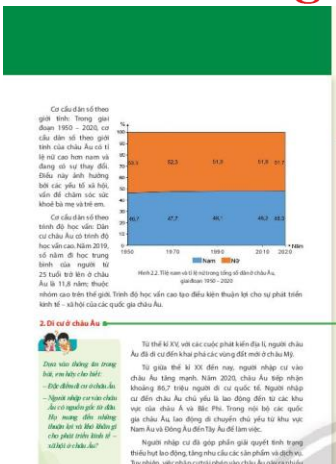

Cơ cấu dân số theo giới tính. Trong giai đoạn 1950 – 2020, cơ cấu dân số theo giới tính của châu Âu có tỉ lệ nữ cao hơn nam và đang có sự thay đổi. Điều này ảnh hưởng bởi các yếu tố xã hội, vấn đề chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em.

Cơ cấu dân số theo trình độ học vấn. Dân cư châu Âu có trình độ học vấn cao. Năm 2019, số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên ở châu Âu là 11,8 năm; thuộc nhóm cao trên thế giới. Trình độ học vấn cao tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế – xã hội của các quốc gia châu Âu.

Hình 2.2. Tỉ lệ nam và tỉ lệ nữ trong tổng số dân ở châu Âu, giai đoạn 1950 – 2020

2. Di cư ở châu Âu

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy cho biết:

– Đặc điểm di cư ở châu Âu.

– Người nhập cư vào châu Âu có nguồn gốc từ đâu. Họ mang đến những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế – xã hội ở châu Âu?

Từ thế kỉ XV, với các cuộc phát kiến địa lí, người châu Âu đã đi cư đến khai phá các vùng đất mới ở châu Mỹ.

Từ giữa thế kỉ XX đến nay, người nhập cư vào châu Âu tăng mạnh. Năm 2020, châu Âu tiếp nhận khoảng 86,7 triệu người đi cư quốc tế. Người nhập cư đến châu Âu chủ yếu là lao động đến từ các khu vực của châu Á và Bắc Phi. Trong nội bộ các quốc gia châu Âu, lao động di chuyển chủ yếu từ khu vực Nam Âu và Đông Âu đến Tây Âu để làm việc.

Người nhập cư đã góp phần giải quyết tình trạng thiếu hụt lao động, tăng nhu cầu các sản phẩm và dịch vụ. Tuy nhiên, việc nhập cư tuỳ ý vào châu Âu gây ra nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế – xã hội và an ninh, trật tự đối với các quốc gia.

103

+ Dựa vào nội dung trong SGK và hình 2.1, cho biết sự thay đổi quy mô dân số châu Âu trong giai đoạn 1950 – 2020.

+ Dựa vào bảng số liệu, hình 2.2 và thông tin trong SGK, hãy trình bày đặc điểm về cơ cấu dân cư châu Âu.

Bước 3. Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu thảo luận nhóm.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm di cư ở châu Âu

– Thời gian: 20 phút.

– Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phiếu học tập.

– Phương tiện dạy học: phiếu học tập.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV tổ chức cho các nhóm HS đã chia trong hoạt động khám phá 1 và yêu cầu các em dựa vào thông tin trong bài để hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP

1. Di cư ở châu Âu diễn ra từ lâu trong lịch sử và trở nên phổ biến từ thế kỉ ..... do ..... và .....

2. Hiện nay, châu Âu có ..... lớn nhất thế giới.

3. Nhập cư đến châu Âu chủ yếu là lao động từ ..... và ..... Ở châu Âu, lao động di chuyển từ ..... đến Tây Âu.

4. Thuận lợi và khó khăn của người nhập cư ở châu Âu:

– Thuận lợi: .....

.....

– Khó khăn: .....

.....

Bước 2. HS thảo luận và hoàn thành phiếu học tập.

Bước 3. Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu học tập.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm quá trình đô thị hoá ở châu Âu

– Thời gian: 20 phút.
– Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan, phiếu học tập.
– Phương tiện dạy học: hình 2.3, phiếu học tập.
– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV tổ chức cho các nhóm HS đã chia trong hoạt động khám phá 1 và yêu cầu các em dựa vào thông tin trong bài để hoàn thành phiếu học tập sau:

3. Đô thị hoá ở châu Âu

Quan sát hình 2.3 và đọc văn thông tin trong bài, em hãy:
– Trình bày đặc điểm đô thị hoá ở châu Âu.
– Kể tên một số đô thị có quy mô trên 5 triệu dân ở châu Âu.

Hình 2.3. Bản đồ phân bố dân cư và một số đô thị ở châu Âu, năm 2020

Dân cư châu Âu phân bố không đều. Những vùng có mật độ dân số cao thường là các đồng bằng, các thung lũng lớn và các vùng duyên hải. Trong khi đó, dân cư phân bố thưa thớt ở vùng có khí hậu lạnh giá phía bắc.

104

PHIẾU HỌC TẬP

1. Xác định trên hình 2.3:
– Các vùng có mật độ dân số cao (trên 100 người/km²).
.....
– Các vùng có mật độ dân số thấp (dưới 25 người/km²).
.....
– Kể tên một số đô thị có quy mô trên 10 triệu dân.
.....

2. Đặc điểm đô thị hoá ở châu Âu:
– Đô thị hoá bắt đầu từ thời ..... và phát triển mạnh trong .....
– Đô thị hoá không ngừng gia tăng ..... và hình thành nhiều .....
– Mức độ đô thị hoá cao với ....., nhất là ở Tây Âu.
– Mạng lưới đô thị phát triển rộng khắp với ....., xuất hiện nhiều ....., đô thị hoá ở nông thôn ngày càng .....
– Lối sống đô thị ..... ở châu Âu.

Bước 2. HS thảo luận và hoàn thành phiếu học tập.
Bước 3. Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.
Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu học tập.

Kết nối tri thức với cuộc sống sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

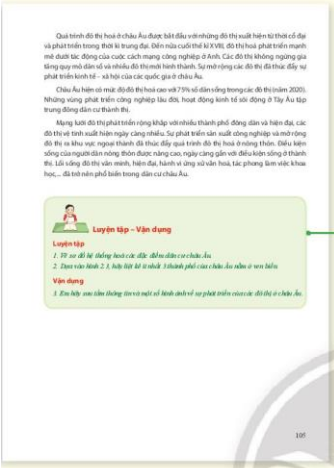

Quá trình đô thị hoá ở châu Âu được bắt đầu với những đô thị xuất hiện từ thời cổ đại và phát triển trong thời kì trung đại. Đến nửa cuối thế kỉ XVIII, đô thị hoá phát triển mạnh mẽ dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh. Các đô thị không ngừng gia tăng quy mô dân số và nhiều đô thị mới hình thành. Sự mở rộng các đô thị đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội của các quốc gia ở châu Âu.

Châu Âu hiện có mức độ đô thị hoá cao với 75% số dân sống trong các đô thị (năm 2020). Những vùng phát triển công nghiệp tập đôi, hoạt động kinh tế sôi động ở Tây Âu tập trung đông dân cư thành thị.

Mạng lưới đô thị phát triển rộng khắp với nhiều thành phố đông dân và hiện đại, các đô thị vệ tinh xuất hiện ngày càng nhiều. Sự phát triển sản xuất công nghiệp và mở rộng đô thị ra khu vực ngoại thành đã thúc đẩy quá trình đô thị hoá ở nông thôn. Điều kiện sống của người dân nông thôn được nâng cao, ngày càng gần với điều kiện sống ở thành thị. Lối sống đô thị văn minh, hiện đại, hành vi ứng xử văn hoá, tác phong làm việc khoa học,... đã trở nên phổ biến trong dân cư châu Âu.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Hãy sơ đồ hệ thống hoá các đặc điểm dân cư châu Âu.

2. Dựa vào hình 2.3, hãy liệt kê ít nhất 3 thành phố của châu Âu nằm ở ven biển.

Vận dụng

3. Em hãy sưu tầm thông tin và một số hình ảnh về sự phát triển của các đô thị ở châu Âu.

105

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

– Thời gian: 10 phút.

– Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.

– Phương tiện dạy học: hình 2.3 SGK.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV tổ chức cho các nhóm HS đã chia trong hoạt động khám phá 1 và yêu cầu các em dựa vào thông tin trong bài để hoàn thành nhiệm vụ học tập trong SGK:

+ Vẽ sơ đồ hệ thống hoá các đặc điểm dân cư châu Âu.

+ Dựa vào hình 2.3, hãy liệt kê ít nhất 3 thành phố của châu Âu nằm ở ven biển.

Bước 2. HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Bước 3. GV mời một nhóm HS trình bày, các nhóm còn lại, GV sẽ nhận sản phẩm của nhóm để chấm (nếu không đủ thời gian).

Đánh giá: GV nhận xét và cho điểm sản phẩm của nhóm.

Lưu ý sơ đồ hệ thống hoá các đặc điểm dân cư châu Âu phải đảm bảo:

– Tính chính xác.

– Tính trực quan.

– Tính thẩm mĩ.

Chân trời sáng tạo

Vận dụng

– Thời gian: 5 phút.

– Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.

– Phương tiện dạy học: hình ảnh.

– Các bước tiến hành: GV hướng dẫn HS về tự thực hiện. GV giới thiệu cho HS một số từ khoá và địa chỉ trang web để HS tiện tra cứu.

Đánh giá: GV kiểm tra sự phù hợp và chính xác của các thông tin HS tìm được.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Bảo vệ môi trường nước.
- Bảo vệ môi trường không khí.
- Bảo vệ đa dạng sinh học.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.
- Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hoá các thông tin về hoạt động bảo vệ thiên nhiên ở châu Âu từ các trang web.

2. Phát triển năng lực chung

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.
- Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành các phần việc được giao.

3. Hình thành phẩm chất

- Sống hoà hợp, thân thiện với thiên nhiên.
- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào học tập và cuộc sống.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn mở đầu để đặt vấn đề cho bài học. GV có thể đặt một số câu hỏi gợi mở cho HS trả lời nhằm thăm dò khả năng của HS.

+ Cách thứ hai: Cho HS trả lời câu hỏi định hướng khai thác thông tin từ đoạn video clip về hoạt động bảo vệ môi trường ở châu Âu (đã cung cấp ở tiết học trước), từ đó dẫn dắt vào nội dung bài học.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

Bài 3 PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU

(2 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu

Các quốc gia ở châu Âu luôn hướng đến mục tiêu bảo vệ môi trường trong việc khai thác, sử dụng thiên nhiên để phát triển bền vững. Vậy, châu Âu bảo vệ môi trường như thế nào nhằm duy trì sự phát triển lâu dài và bền vững?

Việc khai thác, sử dụng thiên nhiên ở châu Âu đã có nhiều tiến bộ nhờ trình độ khoa học - kĩ thuật tiên tiến và các biện pháp tổ chức, quản lí chặt chẽ. Điều này thể hiện qua các hoạt động bảo vệ môi trường nước, môi trường không khí và đa dạng sinh học.

1. Bảo vệ môi trường nước

Dựa vào hình 3.1 và thông tin trong bài, em hãy trình bày thực trạng khai thác và bảo vệ môi trường nước ở châu Âu.

Nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất ở châu Âu phong phú, trong đó, lượng nước từ sông và nước ngầm chiếm khoảng 88%, từ các hồ chiếm khoảng 12%. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản là ngành sử dụng nhiều nước nhất, chiếm hơn 60% tổng lượng nước ngọt sử dụng hàng năm ở châu Âu.

Hình 3.1. Một đoạn sông Thêm (Thames) chảy qua trung tâm Luân Đôn, Anh

Trước đây, tình trạng khai thác nguồn nước quá mức, các hoá chất từ sản xuất nông nghiệp, nước thải từ sản xuất công nghiệp và sinh hoạt... đã làm môi trường nước ở châu Âu bị ô nhiễm, chỉ khoảng 44% nguồn nước sông, hồ và 75% nguồn nước ngầm đạt chất lượng tốt.

Trước thực trạng đó, các quốc gia châu Âu đã nỗ lực cải thiện chất lượng môi trường nước với các biện pháp như ban hành các quy định về nước, nước thải đô thị, nước uống để kiểm soát chất lượng; cải tiến kĩ thuật, đổi mới công nghệ xử lí nước thải; giảm sử dụng hoá chất trong sản xuất nông nghiệp; nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường nước;...

106

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá. Hướng dẫn HS tìm hiểu vấn đề bảo vệ môi trường nước, không khí, bảo vệ đa dạng sinh học ở châu Âu

- Thời gian: 70 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan, kĩ thuật khăn trải bàn.
- Phương tiện dạy học: hình 3.1 và hình 3.2 SGK, bảng *Tỉ lệ che phủ rừng bình quân của châu Âu và một số quốc gia châu Âu, năm 2020*, phiếu học tập.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành nhóm nhỏ 4 – 6 HS, tuỳ vào số lượng HS mà phân công số

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Việc thực hiện có hiệu quả các biện pháp trên đã giúp giảm lượng nước sử dụng cho các ngành kinh tế, giảm nồng độ các chất gây ô nhiễm như các chất hoá học, chất thải rắn,... đảm bảo cung cấp đủ nước với chất lượng tốt cho sinh hoạt và sản xuất.

2. Bảo vệ môi trường không khí

Quan sát hình 3.2 và dựa vào thông tin trong bài, em hãy:
– Nhận xét sự thay đổi tỉ lệ một số chất gây ô nhiễm không khí ở châu Âu năm 2019 so với năm 2005. Giải thích vì sao có sự thay đổi đó.
– Nêu các biện pháp bảo vệ môi trường không khí ở châu Âu.

Trước đây, hoạt động giao thông vận tải (đường bộ, hàng không, đường biển,...), hoạt động sản xuất công nghiệp, sản xuất điện, sinh hoạt của hộ gia đình, sản xuất nông nghiệp thải ra một lượng đáng kể chất gây ô nhiễm không khí ở châu Âu như điôxit (NO_2), amôniac (NH_3), sunfua điôxit (SO_2), bụi mịn ($PM_{2,5}$)...

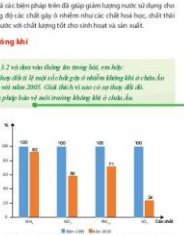

Hình 3.2. So sánh tỉ lệ một số chất gây ô nhiễm không khí ở châu Âu, năm 2019 so với năm 2005 (lấy năm 2005 = 100%)

Chính vì vậy, châu Âu đã triển khai các biện pháp để làm giảm lượng phát thải chất gây ô nhiễm không khí. Từ năm 2005 đến năm 2019, chất lượng môi trường không khí đã được cải thiện rõ rệt, mức độ ô nhiễm đã giảm dần.

Kết quả này có được nhờ các biện pháp:
– Giảm sử dụng than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên,... trong sản xuất điện.
– Làm sạch khí thải nhà máy điện và các nhà máy công nghiệp.
– Xây dựng các khu phát thải thấp (các thành phố, sử dụng xe ô tô đạt tiêu chuẩn khí thải của châu Âu để hạn chế nguồn khí phát thải.
– Phát triển nông nghiệp sinh thái giúp giảm thiểu ô nhiễm từ chất thải của sản xuất nông nghiệp.
– Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để kiểm soát chất lượng không khí.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

PHIẾU HỌC TẬP 2
Nhóm .....

1. Kể tên các nguồn gây ô nhiễm không khí ở châu Âu.

.....

.....

2. Nhận xét sự thay đổi tỉ lệ phần trăm một số chất gây ô nhiễm không khí ở châu Âu năm 2019 so với năm 2005. Giải thích vì sao có sự thay đổi đó.

.....

.....

3. Nêu các biện pháp bảo vệ môi trường không khí ở châu Âu.

.....

.....

lượng nhóm thực hiện các nhiệm vụ được giao. Mỗi nhóm sẽ có một tờ giấy A0.

Bước 2. GV yêu cầu các nhóm HS dựa vào thông tin trong bài hoàn thành nhiệm vụ học tập sau:
+ Nhiệm vụ 1. Bảo vệ môi trường nước ở châu Âu (Phiếu học tập 1).
+ Nhiệm vụ 2. Bảo vệ môi trường không khí ở châu Âu (Phiếu học tập 2).
+ Nhiệm vụ 3. Bảo vệ đa dạng sinh học ở châu Âu (Phiếu học tập 3).

PHIẾU HỌC TẬP 1
Nhóm .....

1. Nguồn cung cấp nước ngọt ở châu Âu chủ yếu đến từ đâu?

.....

.....

2. Trình bày thực trạng khai thác nguồn nước ở châu Âu.

.....

.....

3. Nêu các biện pháp bảo vệ môi trường nước ở châu Âu.

.....

.....

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

PHIẾU HỌC TẬP 3

Nhóm .....

1. Vai trò của đa dạng sinh học (rừng và biển) ở châu Âu.

.....

.....

.....

2. Nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học ở châu Âu.

.....

.....

.....

3. Nêu các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở châu Âu.

.....

.....

.....

4. Nhận xét tỉ lệ che phủ rừng ở châu Âu và một số quốc gia ở châu Âu năm 2020. Điều này có ý nghĩa gì cho vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu?

.....

.....

.....

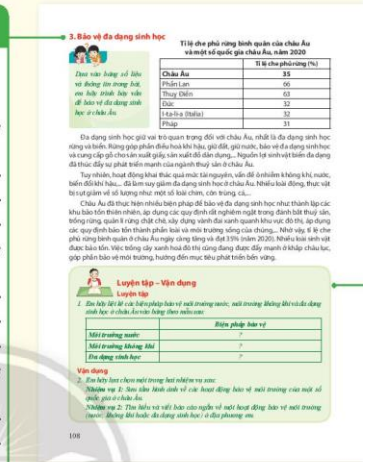

3. Bảo vệ đa dạng sinh học

Tỉ lệ che phủ rừng bình quân của châu Âu và một số quốc gia châu Âu, năm 2020

	Tỉ lệ che phủ rừng (%)
Châu Âu	35
Phần Lan	66
Thụy Điển	63
Đức	32
I-ta-li-a (Italia)	32
Pháp	31

Đa dạng sinh học giữ vai trò quan trọng đối với châu Âu, nhất là đa dạng sinh học rừng và biển. Rừng góp phần điều hoà khí hậu, giữ đất, giữ nước, bảo vệ đa dạng sinh học và cung cấp gỗ cho sản xuất giấy, sản xuất đồ dân dụng,... Nguồn lợi sinh vật biển đa dạng đã thúc đẩy sự phát triển mạnh của ngành thuỷ sản ở châu Âu.

Tuy nhiên, hoạt động khai thác quá mức tài nguyên, vấn đề ô nhiễm không khí, nước, biến đổi khí hậu,... đã làm suy giảm đa dạng sinh học ở châu Âu. Nhiều loài động, thực vật bị sụt giảm về số lượng như: một số loài chim, côn trùng, cá,...

Châu Âu đã thực hiện nhiều biện pháp để bảo vệ đa dạng sinh học như thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, áp dụng các quy định rất nghiêm ngặt trong đánh bắt thuỷ sản, trồng rừng, quản lí rừng chặt chẽ, xây dựng vành đai xanh quanh khu vực đô thị, áp dụng các quy định bảo tồn thành phần loài và môi trường sống của chúng,... Nhờ vậy, tỉ lệ che phủ rừng bình quân ở châu Âu ngày càng tăng và đạt 33% (năm 2020). Nhiều loài sinh vật được bảo tồn. Việc trồng cây xanh hoà đô thị cũng đang được đẩy mạnh ở khắp châu lục, góp phần bảo vệ môi trường, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Em hãy lập kế hoạch biện pháp bảo vệ môi trường nước, môi trường không khí và đa dạng sinh học ở châu Âu vào bảng theo mẫu sau:

	Biện pháp bảo vệ
Môi trường nước	?
Môi trường không khí	?
Đa dạng sinh học	?

Vận dụng

2. Em hãy lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ 1: Sưu tầm hình ảnh về các hoạt động bảo vệ môi trường của một số quốc gia ở châu Âu.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu và viết báo cáo ngắn về một hoạt động bảo vệ môi trường (nước, không khí hoặc đa dạng sinh học) ở địa phương em.

108

Bước 3. HS thảo luận và hoàn thành phiếu học tập.

+ Giai đoạn 1: HS làm việc độc lập, ghi lại phần trình bày của mình vào phần cạnh của tờ A0 trước mặt mình.

+ Giai đoạn 2: HS thảo luận nhóm, tìm ra ý tưởng chung và viết vào phần chính giữa tờ A0.

Bước 4. Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua sản phẩm của nhóm.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

- Thời gian: 10 phút.
- Hình thức dạy học: cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu HS xem lại nội dung bài học để giải quyết câu hỏi trong mục Luyện tập.

Bước 2. HS hệ thống lại kiến thức và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

Bước 3. HS trình bày kết quả hoàn thành bài tập.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập thông qua bài tập.

Vận dụng

- Thời gian: 5 phút.
- Hình thức dạy học: cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.
- Phương tiện dạy học: hình ảnh.
- Các bước tiến hành:

+ GV yêu cầu HS về nhà tự thực hiện một trong hai nhiệm vụ ở mục Vận dụng.
+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin trong mục Em có biết và giới thiệu cho HS một số từ khoá, địa chỉ trang web để HS tiện tra cứu.

Đánh giá: GV kiểm tra sự phù hợp, chính xác các thông tin mà HS tìm được.

Chân trời sáng tạo

LƯU Ý VỚI GV

GV cần chuẩn bị

- Phiếu học tập.
- Các đoạn video clip về vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu và câu hỏi định hướng.
- Chuẩn bị giấy A0, bút.

GV yêu cầu HS chuẩn bị

- Xem trước video, chuẩn bị các câu trả lời cho câu hỏi định hướng.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Khái quát về Liên minh châu Âu.
- Trung tâm kinh tế lớn.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Đọc được bản đồ các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU).
- Trình bày được khái quát về Liên minh châu Âu (EU).
- Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.

2. Phát triển năng lực chung

Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong những tình huống mới.

3. Hình thành những phẩm chất

Tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc, các nền văn hoá trên thế giới.

Bài 4 LIÊN MINH CHÂU ÂU (1 tiết)

1. Khái quát về Liên minh châu Âu

Hình 4. Bản đồ các nước thuộc Liên minh châu Âu, năm 2020

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn mở đầu bài 4 SGK để đặt vấn đề cho bài học.

+ Cách thứ hai: Sử dụng kĩ thuật KWLH.

Bước 1. GV sử dụng kĩ thuật KWLH, yêu cầu các nhóm HS điền vào các cột K và cột W trong bảng liên quan về Liên minh châu Âu.

K (đã biết)	W (muốn biết)	L (học được)	H (cách học)
?	?	?	?

Bước 2. Nhóm HS thảo luận và hoàn thành cột K và W, có thể dự kiến câu trả lời cho cột L.

Bước 3. HS trao đổi và hoàn thành bảng.

Bước 4. Các nhóm HS trình bày, góp ý, bổ sung. GV dẫn dắt vào bài mới.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

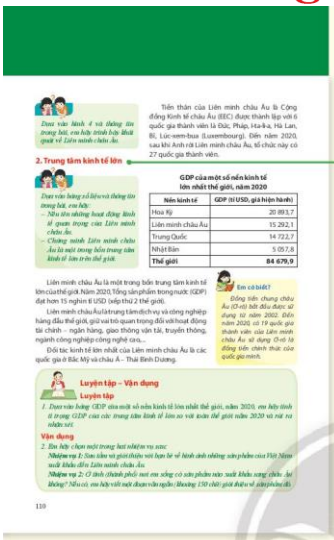

Dựa vào hình 4 và thông tin trong bài, em hãy trình bày khái quát về Liên minh châu Âu.

Tiền thân của Liên minh châu Âu là Cộng đồng Kinh tế châu Âu (EEC) được thành lập với 6 quốc gia thành viên là Đức, Pháp, Ha-lê-a, Hà Lan, Bỉ, Lúc-xem-bua (Luxembourg). Đến năm 2020, sau khi Anh rời Liên minh châu Âu, tổ chức này có 27 quốc gia thành viên.

2. Trung tâm kinh tế lớn

Dựa vào bảng số liệu và thông tin trong bài, em hãy:
– Nêu tên những hoạt động kinh tế quan trọng của Liên minh châu Âu.
– Chứng minh Liên minh châu Âu là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.

GDP của một số nền kinh tế lớn nhất thế giới, năm 2020

Nền kinh tế	GDP (tỉ USD, giá hiện hành)
Hoa Kì	20 893,7
Liên minh châu Âu	15 292,1
Trung Quốc	14 722,7
Nhật Bản	5 057,8
Thế giới	**84 679,9**

Liên minh châu Âu là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn của thế giới. Năm 2020, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt hơn 15 nghìn tỉ USD (xếp thứ 2 thế giới).

Liên minh châu Âu là trung tâm dịch vụ và công nghiệp hàng đầu thế giới, giữ vai trò quan trọng đối với hoạt động tài chính – ngân hàng, giao thông vận tải, truyền thông, ngành công nghiệp công nghệ cao,...

Đối tác kinh tế lớn nhất của Liên minh châu Âu là các quốc gia ở Bắc Mỹ và châu Á – Thái Bình Dương.

Em có biết?

Đồng tiền chung châu Âu (Ơ-rô) bắt đầu được sử dụng từ năm 2002. Đến năm 2020, có 19 quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu sử dụng Ơ-rô là đồng tiền chính thức của quốc gia mình.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Dựa vào bảng GDP của một số nền kinh tế lớn nhất thế giới, năm 2020, em hãy tính tỉ trọng GDP của các trung tâm kinh tế lớn so với toàn thế giới năm 2020 và rút ra nhận xét.

Vận dụng

2. Em hãy chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

***Nhiệm vụ 1:** Sưu tầm và giới thiệu với bạn bè về hình ảnh những sản phẩm của Việt Nam xuất khẩu đến Liên minh châu Âu.*

***Nhiệm vụ 2:** Ở tỉnh (thành phố) nơi em sống có sản phẩm nào xuất khẩu sang châu Âu không? Nếu có, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) giới thiệu về sản phẩm đó.*

110

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu Liên minh châu Âu là trung tâm kinh tế lớn

- Thời gian: 20 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan, phiếu học tập.
- Phương tiện dạy học: phiếu học tập.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành nhóm nhỏ từ 4 – 6 HS tuỳ vào số lượng và yêu cầu các em dựa vào thông tin trong bài để hoàn thành phiếu học tập sau:

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu khái quát về Liên minh châu Âu

- Thời gian: 10 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm 2 HS.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: hình 4 SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu hai HS ngồi gần nhau thực hiện nhiệm vụ trong SGK: Dựa vào hình 4 và thông tin trong bài, em hãy trình bày khái quát về Liên minh châu Âu.

Bước 2. HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Bước 3. GV mời đại diện một nhóm HS trình bày kết quả và xác định các nước thành viên EU bằng cách chỉ trên hình vẽ treo tường/màn chiếu, các HS khác nhận xét/bổ sung.

Đánh giá: GV yêu cầu hai nhóm ngồi cạnh nhau kiểm tra kết quả bài tập cho nhau dựa vào đáp án GV cung cấp.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

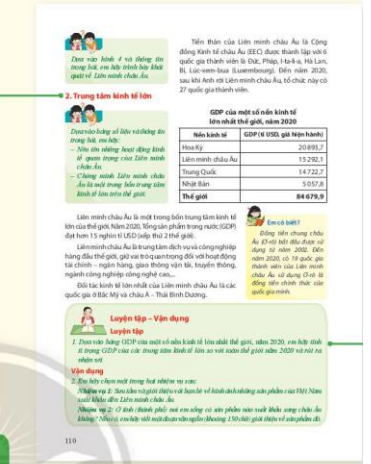

Tiền thân của Liên minh châu Âu là Cộng đồng Kinh tế châu Âu (EEC) được thành lập với 6 quốc gia thành viên là Đức, Pháp, I-ta-li-a, Hà Lan, Bỉ, Lúc-xem-bua (Luxembourg). Đến năm 2020, sau khi Anh rời Liên minh châu Âu, tổ chức này có 27 quốc gia thành viên.

Đọc văn bản 4 và thông tin trong bài, em hãy trình bày khái quát về Liên minh châu Âu.

2. Trung tâm kinh tế lớn

Dựa vào bảng số liệu và thông tin trong bài, em hãy:

– *Nêu tên những hoạt động kinh tế quan trọng của Liên minh châu Âu.*

– *Chứng minh Liên minh châu Âu là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.*

GDP của một số nền kinh tế lớn nhất thế giới, năm 2020

Nền kinh tế	GDP (tỉ USD, giá hiện hành)
Hoa Kỳ	20893,7
Liên minh châu Âu	15292,1
Trung Quốc	14722,7
Nhật Bản	5057,8
Thế giới	**84 679,9**

Liên minh châu Âu là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn của thế giới. Năm 2020, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt hơn 15 nghìn tỉ USD (xếp thứ 2 thế giới).

Liên minh châu Âu là trung tâm dịch vụ và công nghiệp hàng đầu thế giới, giữ vai trò quan trọng đối với hoạt động tài chính – ngân hàng, giao thông vận tải, truyền thông, ngành công nghiệp công nghệ cao,...

Đối tác kinh tế lớn nhất của Liên minh châu Âu là các quốc gia ở Bắc Mỹ và châu Á - Thái Bình Dương.

Em có biết?

Đồng tiền chung châu Âu (Ơ-rô) bắt đầu được sử dụng từ năm 2002. Đến năm 2020, có 19 quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu sử dụng Ơ-rô là đồng tiền chính thức của quốc gia mình.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Dựa vào bảng GDP của một số nền kinh tế lớn nhất thế giới, năm 2020, em hãy tính tỉ trọng GDP của các trung tâm kinh tế lớn so với toàn thế giới năm 2020 và rút ra nhận xét.

Vận dụng

2. Em hãy chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ 1: Sưu tầm và giới thiệu với bạn bè về hình ảnh những sản phẩm của Việt Nam xuất khẩu đến Liên minh châu Âu.

Nhiệm vụ 2: Ở thành phố nơi em sống có sản phẩm nào xuất khẩu sang châu Âu không? Nếu có, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) giới thiệu về sản phẩm đó.

110

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2 (tt)

PHIẾU HỌC TẬP

1. Nêu tên những hoạt động kinh tế quan trọng của Liên minh châu Âu.

.....

.....

.....

2. Chứng minh Liên minh châu Âu là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn của thế giới.

.....

.....

.....

Bước 2. HS thảo luận và hoàn thành phiếu học tập.

Bước 3. Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu học tập.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

- Thời gian: 5 phút
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: bảng *GDP của một số nền kinh tế lớn nhất thế giới, năm 2020.*
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV tổ chức cho các nhóm HS đã chia trong hoạt động khám phá 2 và yêu cầu các em dựa vào thông tin trong bài để hoàn thành nhiệm vụ học tập trong SGK: Dựa vào bảng GDP của một số nền kinh tế lớn nhất thế giới, năm 2020, em hãy tính tỉ trọng GDP của các nền kinh tế lớn so với toàn thế giới năm 2020 và rút ra nhận xét.

Bước 2. HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Bước 3. GV mời một nhóm HS trình bày, các nhóm còn lại, GV sẽ nhận sản phẩm của nhóm để chấm.

Đánh giá: GV nhận xét và cho điểm sản phẩm của nhóm.

Vận dụng

- Thời gian: 5 phút.
- Hình thức dạy học: cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.
- Các bước tiến hành:

GV hướng dẫn HS về tự thực hiện. GV giới thiệu cho HS một số từ khoá và địa chỉ trang web để HS tiện tra cứu.

Đánh giá: GV kiểm tra sự phù hợp và chính xác của các thông tin HS tìm được.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.
- Đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
- Các khu vực địa hình và khoáng sản chính ở châu Á.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.
- Trình bày được một trong những đặc điểm của thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
- Xác định được các khu vực địa hình và khoáng sản chính ở châu Á.

2. Phát triển năng lực chung

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.

3. Hình thành những phẩm chất

- Chăm chỉ, vượt khó, thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Sẵn sàng giúp đỡ các bạn cùng thực hiện nhiệm vụ học tập viết báo cáo.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn dẫn nhập của SGK.

+ Cách thứ hai: GV sử dụng kĩ thuật *"Tia chớp"*, nêu một số địa danh tự nhiên ở châu Á.

Bước 1. GV đưa nội dung yêu cầu: *"Hãy kể tên các địa danh tự nhiên ở châu Á".*

Bước 2. GV gọi 10 bạn HS lần lượt kể tên các địa danh tự nhiên ở châu Á.

Bước 3. GV nhận xét, từ đó dẫn dắt HS vào nội dung bài học.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

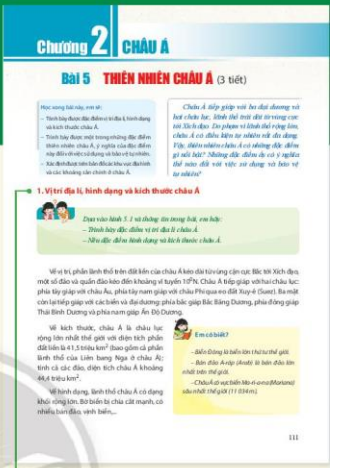

Chương 2 CHÂU Á

Bài 5 THIÊN NHIÊN CHÂU Á (3 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.
- Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.

Châu Á tiếp giáp với ba đại dương và hai châu lục, lãnh thổ trải dài từ vùng cực tới Xích đạo. Do phạm vi lãnh thổ rộng lớn, châu Á có điều kiện tự nhiên rất đa dạng. Vậy, thiên nhiên ở châu Á có những đặc điểm gì nổi bật? Những đặc điểm đó có ý nghĩa thế nào đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên?

1. Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á

Dựa vào hình 5.1 và thông tin trong bài, em hãy:
- Trình bày đặc điểm vị trí địa lí châu Á.
- Nêu đặc điểm hình dạng và kích thước châu Á.

Về vị trí, phần lãnh thổ trên đất liền của châu Á kéo dài từ vùng cận cực Bắc tới Xích đạo, một số đảo và quần đảo kéo đến khoảng vĩ tuyến 10°N. Châu Á tiếp giáp với hai châu lục: phía tây giáp với châu Âu, phía tây nam giáp với châu Phi qua eo đất Xuy-ê (Suez). Ba mặt còn lại tiếp giáp với các biển và đại dương: phía bắc giáp Bắc Băng Dương, phía đông giáp Thái Bình Dương và phía nam giáp Ấn Độ Dương.

Về kích thước, châu Á là châu lục rộng lớn nhất thế giới với diện tích phần đất liền là 41,5 triệu km² (bao gồm cả phần lãnh thổ của Liên bang Nga ở châu Á; tính cả các đảo, diện tích châu Á khoảng 44,4 triệu km²).

Về hình dạng, lãnh thổ châu Á có dạng khối rộng lớn. Bờ biển bị chia cắt mạnh, có nhiều bán đảo, vịnh biển,...

Em có biết?
- Biển Đông là biển lớn thứ tư thế giới.
- Bán đảo Ả-rập (Arab) là bán đảo lớn nhất trên thế giới.
- Châu Á có vực biển Ma-ri-a-na (Mariana) sâu nhất Thế giới (11 034 m).

111

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu vị trí địa lí và phạm vi châu Á

- Thời gian: 15 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm từ 6 HS trở lên.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: trò chơi "Nhanh tay, nhanh mắt" để tìm hiểu về vị trí địa lí và phạm vi châu Á, hoạt động nhóm, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: hình 5.1 SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành các nhóm (số lượng nhóm tuỳ thuộc vào HS trong lớp),

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

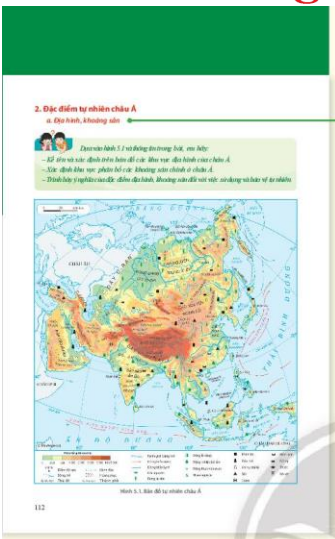
2. Đặc điểm tự nhiên châu Á

a. Địa hình, khoáng sản

Quan sát hình 5.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Kể tên và xác định trên bản đồ các khu vực địa hình của châu Á.

– Xác định khu vực phân bố các khoáng sản chính ở châu Á.

– Trình bày ý nghĩa của đặc điểm địa hình, khoáng sản đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên

Hình 5.1. Bản đồ tự nhiên châu Á

112

phân chia chỗ ngồi cho các nhóm. Đánh số thứ tự các thành viên trong mỗi nhóm.

Bước 2. GV thông báo thể lệ, thời gian cho các nhóm quan sát hình 5.1 các đảo, bán đảo, quần đảo, vịnh, biển, đại dương, các châu lục châu Á tiếp giáp.

Bước 3. Gọi ngẫu nhiên các số thứ tự của mỗi nhóm, yêu cầu xác định tên địa danh bất kì trên hình 5.1, ví dụ: "Phía bắc châu Á tiếp giáp với đại dương nào?", "Kể tên 3 vịnh biển ở phía nam châu Á",... Nhóm nào có bạn trả lời nhanh hơn sẽ ghi điểm.

Bước 4. GV nhận xét, tổng kết điểm của các nhóm và mời một bạn xung phong lên xác định lại cho cả lớp.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm tự nhiên châu Á: địa hình, khoáng sản

– Thời gian: 20 phút.

– Hình thức dạy học: nhóm đôi.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Sử dụng kĩ thuật *"Think – Pair – Share"* phân tích ý nghĩa của đặc điểm địa hình, khoáng sản, thảo luận cặp đôi, thuyết trình.

– Phương tiện dạy học: hình 5.1 SGK.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV phân công lớp thành các nhóm đôi. Yêu cầu các nhóm đôi HS thảo luận giải quyết các câu hỏi trong SGK.

1. Xác định các khu vực địa hình của châu Á.

2. Xác định khu vực phân bố khoáng sản chính ở châu Á.

3. Trình bày đặc điểm của địa hình, khoáng sản đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

Bước 2. Các nhóm đôi thảo luận, chia sẻ ý tưởng và thống nhất.

Bước 3. Các nhóm đôi lại tiếp tục chia sẻ với nhóm đôi gần mình nhất.

Bước 4. GV gọi 2 – 4 nhóm lên trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV chốt các nội dung. GV tuyên dương những nhóm HS hoạt động tích cực và có những ý kiến hay.

GV cho HS khai thác mục Em có biết và nội dung kiến thức trong bài để nhận xét về hình dạng lãnh thổ châu Á.

Hoạt động này cũng là một cách đánh giá nội dung kiến thức mục 1: Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, đặc điểm hình dạng và kích thước châu Á.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2 (tt)

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm tự nhiên châu Á: khí hậu, sông ngòi và hồ, các đới thiên nhiên

- Thời gian: 45 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm từ 5 HS trở lên.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn phân công nhiệm vụ cho các nhóm HS hoàn thành các phiếu học tập về thiên nhiên châu Á (dựa vào SGK, sơ đồ, hình ảnh để trả lời các câu hỏi), thảo luận cặp đôi, thuyết trình.
- Phương tiện dạy học: hình 5.1 và hình 5.2 SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV phân công lớp thành các nhóm. Quy định mỗi nhóm 4 thành viên trong nhóm. Tuỳ vào số lượng HS mà phân công số lượng nhóm thực hiện các nhiệm vụ được giao:

Nhóm 1: Nội dung 1. Khí hậu châu Á.

Nhóm 2: Nội dung 2. Sông ngòi châu Á.

Nhóm 3: Nội dung 3. Các đới thiên nhiên châu Á.

Bước 2. Các HS ở các nhóm cùng giải đáp nội dung 1 – 3 ở các phiếu học tập.

Bước 3. Với câu hỏi 4, mỗi HS trong nhóm làm việc độc lập, ghi lại phần trình bày của mình và thảo luận cùng nhóm. Các thành viên ngồi theo vị trí như sau:

Bước 4. Kết thúc thảo luận, các HS ghi lại ý kiến chung của nhóm về nội dung câu hỏi 4 vào giấy A0.

Bước 5. Các nhóm đại diện dán kết quả của mình lên bảng và các nhóm khác bổ sung, nhận xét.

Bước 6. GV bổ sung, chốt các nội dung và tuyên dương những nhóm trình bày tốt.

GV giới thiệu những hình ảnh và thông tin về thiên nhiên châu Á để thấy được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên châu Á: sông ngòi, hồ đầm, các hiện tượng thời tiết, các đới thiên nhiên ở châu Á.

Châu Á có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên, cao nguyên đồ sộ và nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới:

– Khu vực núi, sơn nguyên và cao nguyên chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ, trong đó có sơn nguyên Tây Tạng đồ sộ nhất thế giới, cao trên 4 500 m so với mực nước biển. Càng về phía biển, địa hình càng thấp dần. Một số dãy núi ở châu Á có hướng đông – tây hoặc gần đông – tây, bắc – nam hoặc gần bắc – nam. Dãy là khu vực địa hình thuận lợi cho phát triển chăn nuôi du mục, trồng cây dặc sản tuy nhiên trong quá trình khai thác cần lưu ý vấn đề chống xói mòn, sạt lở đất,...

– Khu vực đồng bằng: chiếm 1/4 diện tích châu Á, trong đó có các đồng bằng rộng lớn nhất thế giới, phần bồ chủ yếu ven biển. Các đồng bằng là nơi thuận lợi cho sản xuất và định cư. Đây là nơi dân cư tập trung đông đúc, nhiều nền văn minh đã ra đời ở khu vực này.

Châu Á có nguồn khoáng sản rất phong phú và trữ lượng lớn. Các khoáng sản quan trọng gồm: dầu mỏ, than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên,... có trữ lượng bậc nhất thế giới. Các khoáng sản này có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế của nhiều quốc gia trong châu lục. Tuy nhiên, hoạt động khai thác khoáng sản của nhiều nước còn chưa gắn với bảo vệ, giữ lành phí và ô nhiễm môi trường.

b. Khí hậu

Dựa vào hình 5.2 và thông tin trong bài, em hãy:

– Kể tên các đới và kiểu khí hậu ở châu Á.

– Cho biết khí hậu nào Á phân bố nhiều thế nào. Khí hậu nào là phổ biến nhất?

Khí hậu châu Á phân hoá đa dạng thành nhiều đới. Mỗi đới lại gồm nhiều kiểu khí hậu, có sự khác biệt về nhiệt độ, chế độ gió và lượng mưa. Phổ biến là kiểu khí hậu gió mùa và kiểu khí hậu lục địa.

Kiểu khí hậu gió mùa phân bố ở phía đông và đông nam châu Á, một năm có hai mùa rõ rệt: mùa đông lạnh và khô; mùa hạ nóng, ẩm, mưa nhiều.

Kiểu khí hậu lục địa phân bố ở trung tâm châu Á, rất khô hạn, lượng mưa trung bình năm dưới 300 mm; mùa đông lạnh và khô, mùa hạ nóng và khô.

Những vùng khí hậu khô hạn, khắc nghiệt chiếm tỉ lệ lớn so với toàn bộ diện tích châu Á, gây khó khăn cho sản xuất, sinh hoạt của dân cư. Những vùng khí hậu ẩm thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp nhưng thường có bão, lũ gây nhiều thiệt hại cho người dân.

113

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Hình 5.2. Bản đồ khí hậu châu Á

c. Sông ngòi và hồ

Dựa vào hình 5.1 và thông tin trong bài, em hãy:
– Kể tên một số sông và hồ lớn ở châu Á.
– Trình bày đặc điểm sông ngòi châu Á.
– Nêu ý nghĩa của sông, hồ đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2 (tt)

PHIẾU HỌC TẬP 1
Nhóm .....

Dựa vào hình 5.2 SGK, hãy:

– Kể tên các đới và kiểu khí hậu ở châu Á.

.....

.....

– Trình bày đặc điểm các kiểu khí hậu gió mùa và khô hạn ở châu Á.

+ Kiểu khí hậu gió mùa: .....

+ Kiểu khí hậu khô hạn: .....

– Phân tích ý nghĩa đặc điểm khí hậu đối với sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Á.

+ Thuận lợi: .....

.....

+ Khó khăn: .....

.....

Chân trời sáng tạo

PHIẾU HỌC TẬP 2
Nhóm .....

Dựa vào hình 5.1 SGK, hãy:

– Xác định các con sông và hồ lớn ở châu Á trên bản đồ.

.....

– Trình bày đặc điểm sông ngòi ở châu Á.

.....

– Nêu ý nghĩa đặc điểm sông ngòi và hồ đối với sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Á.

+ Thuận lợi .....

.....

+ Khó khăn: .....

.....

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2 (tt)

PHIẾU HỌC TẬP 3

Nhóm .....

Dựa vào hình 5.1 SGK, hãy:

- Cho biết châu Á có những đới thiên nhiên chủ yếu nào.

.....

- Trình bày sự phân hoá của các đới thiên nhiên ở châu Á từ tây sang đông, từ bắc xuống nam.

Từ tây sang đông: .....

Từ bắc xuống nam: .....

- Cho biết trong việc khai thác và sử dụng các đới thiên nhiên cần chú ý vấn đề gì để bảo vệ môi trường.

.....

.....

.....

Châu Á có nhiều hệ thống sông lớn bậc nhất thế giới như: Ô-bi (Obi), Hoàng Hà, Trường Giang, Mê Công,... Tuy nhiên, sông ngòi ở châu Á phân bố không đều. Ở các khu vực mưa nhiều (Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á), sông có lượng nước lớn; mùa lũ tương ứng với mùa mưa, mùa cạn tương ứng với mùa khô. Ở những khu vực khô hạn (Tây Nam Á, Trung Á), mạng lưới sông thưa thớt, nhiều nơi sâu trong nội địa không có dòng chảy.

Sông ngòi ở châu Á tạo điều kiện phát triển thuỷ điện, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản, giao thông đường thuỷ,... Tuy nhiên, vào mùa mưa thường có lũ, lụt gây nhiều thiệt hại lớn.

Châu Á có khí nhiều hồ, trong đó có các hồ sâu và lớn nhất thế giới như hồ Bai-can (Baikal), A-ran (Aral), Ban-khát (Balkhash),... Những hồ lớn của châu lục giúp điều hoà không khí, tạo phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp và là nơi cư trú của nhiều loài sinh vật.

d. Các đới thiên nhiên

Dựa vào hình 5.1, hình 5.2 và thông tin trong bài, em hãy:

– Trình bày sự phân hoá của các đới thiên nhiên châu Á.

– Cho biết trong việc khai thác và sử dụng các đới thiên nhiên cần chú ý vấn đề gì để bảo vệ môi trường.

Do đặc điểm địa hình và khí hậu nên châu Á có đới thiên nhiên đa dạng, cụ thể:

– Đới lạnh: ở phía bắc châu lục, thời tiết khắc nghiệt và có gió mạnh; phổ biến là hoang mạc cực, đồng rêu và đồng rêu rừng; động vật chủ yếu là các loài chịu lạnh, về mùa hạ có nhiều loài chim từ phương Nam di cư lên.

– Đới ôn hoà: chiếm diện tích lớn nhất, có sự phân hoá từ rừng lá kim sang rừng hỗn giao và rừng lá rộng, thảo nguyên rừng và thảo nguyên; càng vào sâu trong lục địa, khí hậu khô hạn nên chủ yếu là bán hoang mạc và hoang mạc. Khu vực núi cao phổ biến là thảo nguyên và băng tuyết.

– Đới nóng: ở vùng khí hậu gió mùa, xích đạo thực vật điển hình là rừng nhiệt đới. Rừng có nhiều tầng và thường xanh; ở những nơi khuất gió hoặc khô hạn có rừng thưa, savan, cây bụi và hoang mạc.

Ngày nay, đa số các đới thiên nhiên ở châu Á đều chịu ảnh hưởng bởi sự khai phá của con người. Vì vậy, việc bảo vệ và phục hồi rừng là nhiệm vụ rất quan trọng của các quốc gia.

115

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

- Thời gian: 15 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm đôi.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: thảo luận nhóm đôi, kĩ thuật trình bày "1 phút", sử dụng phương tiện trực quan (bản đồ), sử dụng bài tập.
- Phương tiện dạy học: hình 5.2. SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho các nhóm đôi.

1. Xác định vị trí hai trạm khí tượng E Ri-át và Y-an-gun trên hình 5.2 thuộc đới và kiểu khí hậu nào.
2. Nhận xét đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa của hai trạm khí tượng.

Bước 2. Các nhóm đôi HS xác định vị trí hai trạm và lên trình bày 1 phút đặc điểm của hai trạm khí tượng đó.

Bước 3. GV gọi ngẫu nhiên một số HS sau thảo luận lên xác định và trình bày 1 phút đặc điểm nhiệt độ, lượng mưa hai trạm khí tượng.

Bước 4. GV nhận xét, tổng kết toàn bộ buổi học.

Đánh giá: GV cho điểm bài tập dựa vào phần trình bày 1 phút của các nhóm đôi.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Cho bảng số liệu sau:

Nhiệt độ (°C) và lượng mưa (mm) của hai trạm khí tượng ở châu Á

Địa điểm	Tháng / Yếu tố	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Ri-át (Ả-rập Xê-út)	Nhiệt độ	14,2	15,2	21,2	26,9	29,5	34,1	34,5	34,5	30,7	25,9	20,5	15,5
	Lượng mưa	17	19	18	17	10	0	0	0	0	0	4	12
Vân-gun (Mi-an-ma)	Nhiệt độ	25,1	25,6	28,5	30,4	29,1	27,5	27	27	27,4	27,0	27,2	25,6
	Lượng mưa	4	5	8	448	609	502	578	548	391	190	53	13

Dựa vào bảng số liệu trên, em hãy:

a. Xác định vị trí của hai trạm khí tượng Ri-át (Ar Riyadh) và Vân-gun (Yangon) trên hình 5.2.

b. Nhận xét đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa ở hai trạm khí tượng.

Vận dụng

2. Em hãy lựa chọn thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ 1: *Tìm hiểu và viết một đoạn văn ngắn mô tả đặc điểm của một đồng bằng hoặc cao nguyên ở châu Á.*

Nhiệm vụ 2: *Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về một con sông, hồ lớn hoặc đới thiên nhiên ở châu Á.*

116

LƯU Ý VỚI GV

GV cần chuẩn bị

- Bản đồ tự nhiên châu Á (bản đồ trống).
- Bảng phụ/giấy A0 để HS ghi kết quả thảo luận nhóm.
- Phiếu học tập.
- Hình ảnh về thiên nhiên châu Á: địa hình đồng bằng, cao nguyên, khí hậu và các hiện tượng thời tiết, sông ngòi, các đới thiên nhiên.

Vận dụng

- Thời gian: 15 phút.
- Hình thức dạy học: cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, đóng vai, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: Một số hình ảnh thiên nhiên châu Á.

Bước 1. Giao nhiệm vụ: HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:

1. Viết đoạn văn ngắn mô tả đặc điểm một đồng bằng hoặc cao nguyên ở châu Á.

2. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu một con sông, hồ lớn hoặc đới thiên nhiên ở châu Á.

Bước 2. Giao nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ngoài giờ học.

Bước 3. HS có thể thực hiện nhiệm vụ theo gợi ý sau:

+ Sưu tầm trên các trang mạng.
+ Sưu tầm những thông tin về đặc điểm thiên nhiên châu Á.
+ Đóng vai hướng dẫn viên với kịch bản xây dựng sẵn và trình bày trong 2 – 3 phút.

Bước 4. HS có thể nộp sản phẩm cho GV và thuyết trình về nội dung HS lựa chọn.

Bước 5. GV đánh giá, nhận xét sản phẩm của HS vào buổi học sau.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Đặc điểm dân cư, tôn giáo châu Á.
- Sự phân bố dân cư và các đô thị lớn.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao, lắng nghe và phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.
- Đọc được bản đồ phân bố dân cư và các đô thị lớn ở châu Á.
- Thu thập được các nguồn tài liệu tin cậy về đặc điểm dân cư, xã hội của châu Á.

2. Phát triển năng lực chung

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.
- Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành các phần việc được giao.

3. Hình thành những phẩm chất

- Tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc, các nền văn hoá trên thế giới.
- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào học tập và cuộc sống.
- Tìm hiểu các đặc điểm dân cư xã hội, các đô thị lớn ở châu Á.

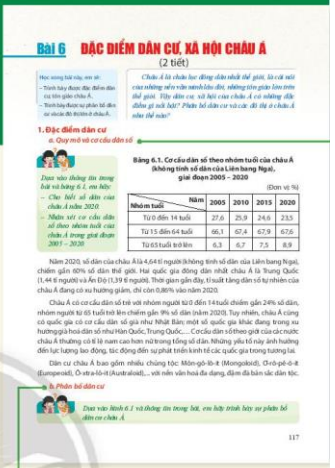

Bài 6 ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á

(2 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
- Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo châu Á.
- Trình bày được sự phân bố dân cư và các đô thị lớn ở châu Á.

Châu Á là châu lục đông dân nhất thế giới, là cái nôi của những nền văn minh lâu đời, những tôn giáo lớn trên thế giới. Vậy dân cư, xã hội của châu Á có những đặc điểm gì nổi bật? Phân bố dân cư và các đô thị ở châu Á như thế nào?

1. Đặc điểm dân cư

a. Quy mô và cơ cấu dân số

Dựa vào thông tin trong bài và bảng 6.1, em hãy:
- *Cho biết số dân của châu Á năm 2020.*
- *Nhận xét cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của châu Á trong giai đoạn 2005 – 2020.*

Bảng 6.1. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của châu Á (không tính số dân của Liên bang Nga), giai đoạn 2005 – 2020

(Đơn vị: %)

Nhóm tuổi \ Năm	2005	2010	2015	2020
Từ 0 đến 14 tuổi	27,6	25,9	24,6	23,5
Từ 15 đến 64 tuổi	66,1	67,4	67,9	67,6
Từ 65 tuổi trở lên	6,3	6,7	7,5	8,9

Năm 2020, số dân của châu Á là 4,64 tỉ người (không tính số dân của Liên bang Nga), chiếm gần 60% số dân thế giới. Hai quốc gia đông dân nhất châu Á là Trung Quốc (1,44 tỉ người) và Ấn Độ (1,39 tỉ người). Thời gian gần đây, tỉ suất tăng dân số tự nhiên của châu Á đang có xu hướng giảm, chỉ còn 0,86% vào năm 2020.

Châu Á có cơ cấu dân số trẻ với nhóm người từ 0 đến 14 tuổi chiếm gần 24% số dân, nhóm người từ 65 tuổi trở lên chiếm gần 9% số dân (năm 2020). Tuy nhiên, châu Á cũng có quốc gia có cơ cấu dân số già như Nhật Bản; một số quốc gia khác đang trong xu hướng già hoá dân số như Hàn Quốc, Trung Quốc,... Cơ cấu dân số theo giới của các nước châu Á thường có tỉ lệ nam cao hơn nữ trong tổng số dân. Những yếu tố này ảnh hưởng đến lực lượng lao động, tác động đến sự phát triển kinh tế các quốc gia trong tương lai.

Dân cư châu Á bao gồm nhiều chủng tộc Môn-gô-lô-it (Mongoloid), Ơ-rô-pê-ô-it (Europeoid), Ô-xtra-lô-it (Australoid),... với nền văn hoá đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc.

b. Phân bố dân cư

Dựa vào hình 6.1 và thông tin trong bài, em hãy trình bày sự phân bố dân cư châu Á.

117

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

- Cách thứ nhất: GV cung cấp một số hình ảnh về châu Á và yêu cầu HS nhận biết theo cặp đôi. HS quan sát các hình ảnh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết để trả lời. GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**
- Cách thứ hai: GV sử dụng đoạn mở đầu, để giới thiệu vào bài học.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về sự phân bố dân cư châu Á

- Thời gian: 15 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan, phiếu học tập.
- Phương tiện dạy học: phiếu học tập.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu các nhóm HS đã chia trong hoạt động khám phá 1 đọc kênh chữ kết hợp quan sát và phân tích hình ảnh mà GV cung cấp để hoàn thành phiếu học tập sau:

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm dân cư châu Á

- Thời gian: 20 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: phiếu học tập.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV giao cho HS làm việc theo nhóm, tuỳ vào số lượng HS. Dựa và hiểu biết và bảng thông tin SGK trả lời các câu hỏi:

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm tuổi	Tăng/giảm 2005 – 2020
Dưới 15 tuổi (%)	.....
Từ 15 – 64 tuổi (%)	.....
Trên 65 tuổi (%)	.....
Nhận xét	Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của châu Á giai đoạn 2005 – 2020 có xu hướng: ....
Cơ cấu dân số	Cơ cấu dân số theo giới có đặc điểm: .....
Chủng tộc	Dân cư châu Á bao gồm nhiều chủng tộc như: .....

Bước 2. Hoạt động nhóm: Dựa vào bảng số liệu so sánh, tính và trả lời câu hỏi. HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và ghi vào giấy. Trong quá trình HS làm việc, GV quan sát, theo dõi, điều chỉnh:

- Nhận xét sự biến động cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của châu Á, giai đoạn 2005 – 2020. Tính mức biến động cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của châu Á giai đoạn 2005 – 2020.
- Nhận xét về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của châu Á, giai đoạn 2005 – 2020. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của châu Á biến động theo xu hướng nào?
- Nhận xét về cơ cấu dân số theo giới của châu Á. Cơ cấu dân số theo giới của châu Á có tác động gì đến các vấn đề xã hội?
- Dân cư châu Á bao gồm những chủng tộc nào?

Bước 3. HS trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét bổ sung.

Bước 4. GV chuẩn xác kiến thức, nhận xét, kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ qua phiếu thảo luận nhóm. Đánh giá thái độ, tinh thần làm việc của HS.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1 (tt)

PHIẾU HỌC TẬP

1. Xác định trên hình 6.1 SGK:

– Các quốc gia mật độ dân số cao (trên 100 người/km^2).

.....

.....

– Các quốc gia mật độ dân số trung bình (từ 51 đến 100 người/km^2).

.....

.....

– Các quốc gia mật độ dân số thấp (từ 25 đến 50 người/km^2).

.....

.....

– Các quốc gia mật độ dân số rất thấp (dưới 25 người/km^2).

.....

.....

2. Nhận xét đặc điểm phân bố dân cư ở châu Á.

.....

.....

3. Dân cư châu Á phân bố không đồng đều trong không gian vì

.....

.....

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. Trong quá trình HS làm việc, GV quan sát theo dõi, hỗ trợ.

Bước 3. HS báo cáo kết quả làm việc, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4. GV chuẩn xác kiến thức, nhận xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu học tập, đánh giá về thái độ làm việc của các nhóm HS.

Năm 2020, châu Á (không tính Liên bang Nga) có mật độ dân số cao nhất trong các châu lục (150 người/km^2). Dân cư châu Á phân bố không đồng đều giữa các quốc gia và khu vực do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội khác nhau.

Hình 6.1. Bản đồ phân bố dân cư và mật độ đô thị châu Á, năm 2020

c. Các đô thị lớn

Dựa vào hình 6.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Xác định 10 đô thị đông dân nhất ở châu Á (không tính Liên bang Nga).

– Cho biết các đô thị lớn của châu Á thường tập trung tại khu vực nào. Vì sao?

118

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1 (tt)

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về các đô thị lớn ở châu Á

– Thời gian: 20 phút.

– Hình thức dạy học: cặp đôi.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan, phiếu học tập.

– Phương tiện dạy học: hình 6.2 SGK.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV đặt câu hỏi thảo luận theo cặp đôi. Dựa vào hiểu biết và kết hợp quan sát các bản đồ hoàn thành câu hỏi trong SGK.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

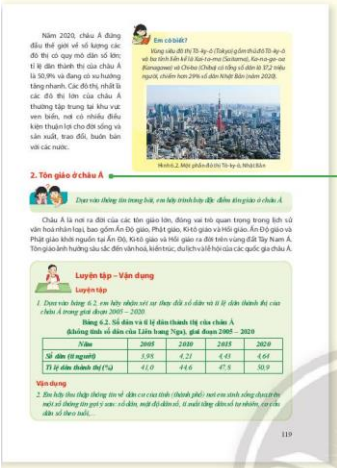

Năm 2020, châu Á đứng đầu thế giới về số lượng các đô thị có quy mô dân số lớn; tỉ lệ dân thành thị của châu Á là 50,9% và đang có xu hướng tăng nhanh. Các đô thị, nhất là các đô thị lớn của châu Á thường tập trung tại khu vực ven biển, nơi có nhiều điều kiện thuận lợi cho đời sống và sản xuất, trao đổi, buôn bán với các nước.

Em có biết?

Vùng siêu đô thị Tô-ky-ô (Tokyo) gồm thủ đô Tô-ky-ô và ba tỉnh lân cận là Ka-na-ga-oa (Kanagawa), Sai-tam-a (Saitama), Ka-na-gaw-oa (Kanagawa) và Chi-ba (Chiba) có tổng số dân là 37,2 triệu người, chiếm hơn 29% số dân Nhật Bản (năm 2020).

Hình 6.2. Một phần đô thị Tô-ky-ô, Nhật Bản

2. Tôn giáo ở châu Á

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy trình bày đặc điểm tôn giáo ở châu Á.

Châu Á là nơi ra đời của các tôn giáo lớn, đóng vai trò quan trọng trong lịch sử văn hoá nhân loại, bao gồm Ấn Độ giáo, Phật giáo, Kí-tô giáo và Hồi giáo. Ấn Độ giáo và Phật giáo khởi nguồn tại Ấn Độ, Kí-tô giáo và Hồi giáo ra đời trên vùng đất Tây Nam Á. Tôn giáo ảnh hưởng sâu sắc đến văn hoá, kiến trúc, du lịch và lễ hội của các quốc gia châu Á.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Dựa vào bảng 6.2, em hãy nhận xét sự thay đổi số dân và tỉ lệ dân thành thị của châu Á trong giai đoạn 2005 – 2020.

Bảng 6.2. Số dân và tỉ lệ dân thành thị của châu Á (không tính số dân của Liên bang Nga), giai đoạn 2005 – 2020

Năm	2005	2010	2015	2020
Số dân (tỉ người)	3,95	4,21	4,45	4,64
Tỉ lệ dân thành thị (%)	41,0	44,6	47,5	50,9

Vận dụng

2. Em hãy thu thập thông tin về dân cư của tỉnh (thành phố) nơi em sinh sống (hoặc nơi một số thông tin gợi ý sau: số dân, mật độ dân số, tỉ suất tăng dân số tự nhiên, cơ cấu dân số theo tuổi,...

119

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 4. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm các tôn giáo ở châu Á

- Thời gian: 15 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: phiếu học tập.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu các nhóm HS đã chia trong hoạt động khám phá 1. Mỗi nhóm thảo luận tìm hiểu một tôn giáo lớn.

Dựa vào hiểu biết và kết hợp quan sát các hình ảnh trong SGK hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP

1. Kể tên 10 đô thị có quy mô trên 10 triệu người (không tính Liên bang Nga).

.....

.....

2. Đặc điểm đô thị hoá ở châu Á:

- Châu Á đứng đầu thế giới.....
- Tỉ lệ dân thành thị của châu Á.....
- Các đô thị, nhất là các đô thị lớn của châu Á có xu hướng.....

.....

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ, sau đó trao đổi theo cặp để cùng thống nhất phương án trả lời.

Bước 3. HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4. GV chuẩn xác kiến thức, nhận xét, đánh giá về thái độ làm việc của HS. GV liên hệ về các đô thị ở Việt Nam, giải thích về sự tập trung của các đô thị tại khu vực ven biển và đồng bằng.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

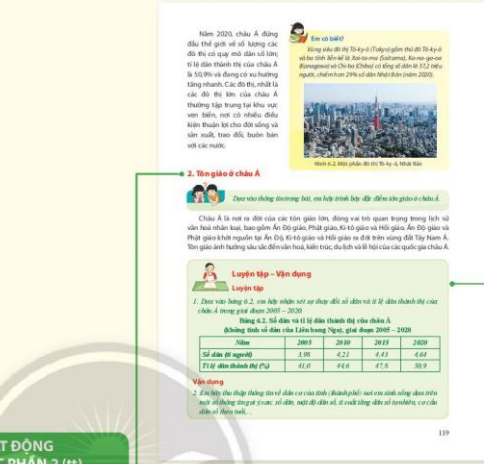

Năm 2020, châu Á đứng đầu thế giới về số lượng các đô thị có quy mô dân số lớn; tỉ lệ dân thành thị của châu Á là 50,9% và đang có xu hướng tăng nhanh. Các đô thị, nhất là các đô thị lớn của châu Á thường tập trung tại khu vực ven biển, nơi có nhiều điều kiện thuận lợi cho đời sống và sản xuất, trao đổi, buôn bán với các nước.

Em có biết?

Vùng vịnh đô thị Tô-ky-ô (Tokyo) gồm thủ đô Tô-ky-ô và ba tỉnh lân kề là Xai-ta-ma (Saitama), Ka-na-ga-oa (Kanagawa) và Chi-ba (Chiba) có tổng số dân là 37,2 triệu người, chiếm hơn 29% số dân Nhật Bản (năm 2020).

Hình 6.2. Một phần đô thị Tô-ky-ô, Nhật Bản

2. Tôn giáo ở châu Á

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy trình bày đặc điểm tôn giáo ở châu Á.

Châu Á là nơi ra đời của các tôn giáo lớn, đóng vai trò quan trọng trong lịch sử văn hoá nhân loại, bao gồm Ấn Độ giáo, Phật giáo, Ki-tô giáo và Hồi giáo. Ấn Độ giáo và Phật giáo khởi nguồn tại Ấn Độ, Ki-tô giáo và Hồi giáo ra đời trên vùng đất Tây Nam Á. Tôn giáo ảnh hưởng sâu sắc đến văn hoá, kiến trúc, du lịch và lễ hội của các quốc gia châu Á.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Dựa vào bảng 6.2, em hãy nhận xét sự thay đổi số dân và tỉ lệ dân thành thị của châu Á trong giai đoạn 2005 – 2020.

Bảng 6.2. Số dân và tỉ lệ dân thành thị của châu Á
(Không tính số dân của Liên bang Nga), giai đoạn 2005 – 2020

Năm	2005	2010	2015	2020
Số dân (tỉ người)	3,95	4,21	4,43	4,64
Tỉ lệ dân thành thị (%)	41,0	44,6	47,5	50,9

Vận dụng

2. Em hãy thu thập thông tin về dân cư của tỉnh (thành phố) nơi em sinh sống qua trên một số trang thông tin điện tử: số dân, mật độ dân số, tỉ suất tăng dân số tự nhiên, cơ cấu dân số theo tuổi,...

119

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2 (tt)

PHIẾU HỌC TẬP

Tôn giáo	Ấn Độ giáo	Phật giáo	Ki-tô giáo	Hồi giáo
Nơi ra đời	.....	.....	.....	.....
Một số đặc điểm tiêu biểu	.....	.....	.....	.....

Chân trời sáng tạo

Bước 2. Các nhóm thực hiện nhiệm vụ, sau đó trao đổi trong nhóm để cùng thống nhất phương án trả lời.

Bước 3. Đại diện từng nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4. GV chuẩn xác kiến thức, nhận xét, đánh giá về thái độ làm việc của các nhóm.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

– Thời gian: 10 phút.

– Hình thức dạy học: cặp đôi.

– Phương tiện dạy học: bảng 6.2 SGK.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ theo cặp đôi: Dựa vào bảng 6.2, em hãy nhận xét về sự thay đổi số dân và tỉ lệ dân thành thị của châu Á trong giai đoạn 2005 – 2020.

Bước 2. HS hỏi và đáp ngắn gọn. GV nhận xét và củng cố kiến thức.

Bước 3. GV chuẩn lại kiến thức.

Bước 4. GV chuẩn xác kiến thức, nhận xét.

Vận dụng

– Thời gian: 10 phút.

– Hình thức dạy học: cá nhân.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ: Em hãy thu thập thông tin về dân cư của tỉnh, thành phố nơi HS sinh sống dựa trên một số thông tin gợi ý như: số dân, mật độ dân số, tỉ suất tăng dân số tự nhiên, tỉ lệ gia tăng tự nhiên, cơ cấu dân số theo độ tuổi,…

Bước 2. HS về nhà làm và sưu tầm các thông tin liên quan trên internet hoặc đọc sách, báo, tài liệu tham khảo. GV giới thiệu các trang thông tin tin cậy để HS có thể tìm hiểu.

Bước 3. GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

Bước 4. GV kiểm tra sự phù hợp và chính xác của các thông tin HS tìm được.

Chân trời sáng tạo

LƯU Ý VỚI GV

GV cần chuẩn bị

– Phiếu học tập.

– Các đoạn video clip, hình ảnh về châu Á và câu hỏi định hướng.

– Giấy A0, bút viết bảng nhóm.

GV yêu cầu HS chuẩn bị

– Xem trước video, chuẩn bị các câu trả lời cho câu hỏi định hướng.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Các khu vực của châu Á trên bản đồ chính trị.
- Đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao, giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.
- Đọc được bản đồ chính trị châu Á để xác định các khu vực của châu Á.
- Thu thập được các nguồn tài liệu tin cậy về đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.
- Thực hiện chủ đề học tập tìm hiểu một khu vực ở châu Á.

2. Phát triển năng lực chung

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.
- Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành các phần việc được giao.

3. Hình thành những phẩm chất

- Thích đọc sách, báo; tìm tư liệu trên mạng internet để hiểu được đặc điểm kinh tế – xã hội của các nước ở châu Á. Tìm hiểu, phân tích các điều kiện tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.
- Tôn trọng sự đa dạng về các khu vực ở châu Á. Thông cảm, sẻ chia với các quốc gia thường xuyên chịu nhiều thiên tai.
- Trách nhiệm bảo vệ môi trường tự nhiên. Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên; phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên.

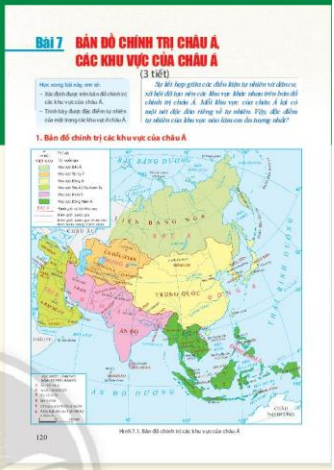

Bài 7 BẢN ĐỒ CHÍNH TRỊ CHÂU Á. CÁC KHU VỰC CỦA CHÂU Á

(3 tiết)

1. Bản đồ chính trị các khu vực của châu Á

120

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn dẫn nhập của SGK.

+ Cách thứ hai: GV cho HS xem một số hình ảnh (hoặc đoạn clip) về một khu vực của châu Á và yêu cầu HS trả lời câu hỏi. GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục : **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Dựa vào hình 7.1, em hãy xác định các khu vực của châu Á và các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ trong từng khu vực.

Hiện nay, châu Á có 49 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trên bản đồ chính trị, châu Á được phân chia thành sáu khu vực:

CÁC KHU VỰC CỦA CHÂU Á

Khu vực	Các quốc gia và vùng lãnh thổ
Bắc Á	Phần lãnh thổ châu Á của Liên bang Nga
Trung Á	Ca-dắc-xtan, U-dơ-bê-ki-xtan, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan, Cư-rơ-gư-xtan
Đông Á	Mông Cổ, Trung Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản
Tây Á (Tây Nam Á)	A-rập Xê-út, Thổ Nhĩ Kỳ, Gru-dơ-a, Ác-mê-ni-a, A-dec-bai-gian, Pa-le-xtin, I-xra-en, Xi-ri, Li-băng, Gioóc-đa-ni, I-rắc, Ca-ta, Các tiểu vương quốc Ả-rập Thống Nhất (UAE), Ba-ranh, Cô-oét, Ô-man, Y-ê-men
Nam Á	Ấn Độ, Pa-kí-xtan, I-ran, Áp-ga-ni-xtan, Nê-pan, Bu-tan, Băng-la-đét, Xri Lan-ca, Man-đi-vơ
Đông Nam Á	Việt Nam, Mi-an-ma, Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Bru-nây, Đông Ti-mo

Trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các quốc gia ở châu Á rất khác nhau, có nước phát triển hàng đầu thế giới như Nhật Bản, nước công nghiệp mới như Hàn Quốc, Xin-ga-po,... và các nước đang phát triển. Trong những năm gần đây, tình hình kinh tế – xã hội của nhiều nước châu Á đang có chuyển biến tích cực.

2. Đặc điểm tự nhiên các khu vực của châu Á

Quan sát bản đồ tự nhiên của từng khu vực của châu Á và các thông tin trong bài, em hãy trình bày đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, các đới thiên nhiên chính,...) của một trong các khu vực ở châu Á: Bắc Á, Trung Á, Đông Á, Tây Á, Nam Á hoặc Đông Nam Á.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu bản đồ chính trị các khu vực của châu Á

- Thời gian: 30 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm từ 4 HS trở lên.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: hoạt động nhóm, sử dụng phương tiện trực quan (bản đồ, lược đồ trống).
- Phương tiện dạy học: hình 7.1 SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành các nhóm (số lượng nhóm tuỳ thuộc vào HS trong lớp), phân chia chỗ ngồi cho các nhóm. Đánh số thứ tự các thành viên trong mỗi nhóm. Giao nhiệm vụ cho nhóm, GV cung cấp một số tranh ảnh và bản đồ chính trị các khu vực của châu Á. Các nhóm quan sát các hình GV cung cấp và điền vào phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP

STT	Khu vực	Các quốc gia và thủ đô
1	Bắc Á	.....
2	Trung Á	.....
3	Đông Á	.....
4	Tây Á (Tây Nam Á)	.....
5	Nam Á	.....
6	Đông Nam Á	.....

Bước 2. GV thông báo thể lệ, thời gian cho các nhóm để quan sát bản đồ và trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3. GV gọi ngẫu nhiên các số thứ tự của mỗi nhóm, yêu cầu xác định tên nước bất kì đã để cập như trên lược đồ. Nhóm nào có bạn trả lời nhanh thuộc khu vực nào sẽ ghi điểm.

Bước 4. GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức theo SGK.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm tự nhiên các khu vực của châu Á

- Thời gian: 75 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm HS.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: sử dụng kĩ thuật mảnh ghép, phân công nhiệm vụ cho các nhóm HS hoàn thành các phiếu học tập về đặc điểm tự nhiên các khu vực của châu Á.
- Phương tiện dạy học: các hình từ 7.2 đến 7.6.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV phân công lớp thành các nhóm. Quy định số thứ tự các thành viên trong nhóm. Tuỳ vào số lượng

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2 (tt)

HS mà phân công số lượng nhóm thực hiện các nhiệm vụ được giao:

Nhóm 1: Nội dung 1. Khu vực Bắc Á.

Nhóm 2: Nội dung 2. Khu vực Trung Á.

Nhóm 3: Nội dung 3. Khu vực Đông Á.

Nhóm 4: Nội dung 4. Khu vực Tây Á.

Nhóm 5: Nội dung 5. Khu vực Nam Á.

Nhóm 6: Nội dung 6. Khu vực Đông Nam Á.

PHIẾU HỌC TẬP

Khu vực Bắc Á

Nhóm .....

Dựa vào hình 7.2 SGK và thực hiện các nội dung dưới đây:

1. Bắc Á có ba khu vực địa hình chính là:

.....

.....

2. Phần lớn lãnh thổ của vùng có khí hậu gì?

.....

.....

3. Cho biết sông ngòi chính của Bắc Á.

.....

.....

4. Hồ nước ngọt lớn và sâu nhất thế giới là:

.....

.....

5. Các loại khoáng sản chính của Bắc Á là:

.....

.....

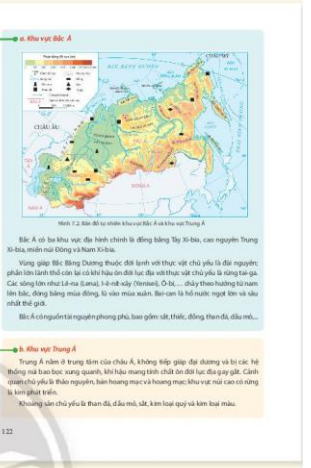

a. Khu vực Bắc Á

Hình 7.2. Bản đồ tự nhiên khu vực Bắc Á và khu vực Trung Á

Bắc Á có ba khu vực địa hình chính là đồng bằng Tây Xi-bia, cao nguyên Trung Xi-bia, miền núi Đông và Nam Xi-bia.

Vùng giáp Bắc Băng Dương thuộc đới lạnh với thực vật chủ yếu là đài nguyên; phần lớn lãnh thổ còn lại có khí hậu ôn đới lục địa với thực vật chủ yếu là rừng tai-ga. Các sông lớn như Lê-na (Lena), I-ê-nit-xây (Yenisei), Ô-bi, ... chảy theo hướng từ nam lên bắc, đóng băng mùa đông, lũ vào mùa xuân. Bai-can là hồ nước ngọt lớn và sâu nhất thế giới.

Bắc Á có nguồn tài nguyên phong phú, bao gồm sắt, thiếc, đồng, than đá, dầu mỏ,...

b. Khu vực Trung Á

Trung Á nằm ở trung tâm của châu Á, không tiếp giáp đại dương và bị các hệ thống núi bao bọc xung quanh, khí hậu mang tính chất ôn đới lục địa gay gắt. Cảnh quan chủ yếu là thảo nguyên, bán hoang mạc và hoang mạc; khu vực núi cao có rừng là kim phát triển.

Khoáng sản chủ yếu là than đá, dầu mỏ, sắt, kim loại quý và kim loại màu.

122

PHIẾU HỌC TẬP

Khu vực Trung Á

Nhóm .....

Dựa vào hình 7.2 và thực hiện các nội dung dưới đây:

1. Vị trí của Trung Á.

.....

2. Cho biết các cảnh quan chính của vùng.

.....

.....

3. Phần lớn lãnh thổ của vùng có khí hậu gì?

.....

.....

4. Các loại khoáng sản chính của Trung Á là:

.....

.....

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

c. Khu vực Đông Á

Đông Á có thể chia thành hai bộ phận lục địa và hải đảo. Phần lớn khu vực này thuộc đới ôn hoà, ở phía nam có khí hậu cận nhiệt đới; phía đông phần lục địa và phần hải đảo chịu ảnh hưởng của gió mùa.

– Phần lục địa gồm Trung Quốc, Mông Cổ, Triều Tiên và Hàn Quốc.

+ Ở phía tây Trung Quốc có các hệ thống núi, sơn nguyên đồ sộ và các bồn địa khí hậu ôn đới lục địa: cảnh quan thảo nguyên, bán hoang mạc và hoang mạc là chủ yếu.

+ Ở phía đông là các vùng đồi núi thấp xen các đồng bằng rộng, khí hậu ấm hơn, có thảo nguyên rừng ở phía bắc, rừng cận nhiệt ở miền Trung và rừng nhiệt đới ẩm ở phía nam. Các sông lớn là Hoàng Hà, Trường Giang,...

– Phần hải đảo gồm quần đảo Nhật Bản, đảo Đài Loan và đảo Hà Nam. Quần đảo Nhật Bản là nơi có nhiều núi lửa còn hoạt động.

Đông Á có nhiều khoáng sản như: than, đồng, chì, kẽm, thiếc, than đá, dầu mỏ,...

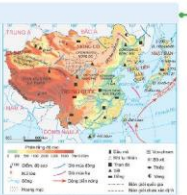

Hình 7.3. Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Á

d. Khu vực Tây Á

Tây Á có ba khu vực địa hình chính: các sơn nguyên ở bán đảo Ả-rập, đồng bằng Lưỡng Hà và miền núi cao.

Khí hậu Tây Á chủ yếu là cận nhiệt địa trung hải ở phía bắc và nhiệt đới khô ở phía nam nên khô hạn và nóng; hoang mạc và bán hoang mạc chiếm phần lớn diện tích. Trên các vùng núi cao (từ 1 000 m trở lên) phát triển rừng thưa và cây bụi do khí hậu dịu mát hơn.

123

PHIẾU HỌC TẬP

Khu vực Đông Á

Nhóm .....

Dựa vào hình 7.3 SGK và thực hiện các nội dung dưới đây:

1. Đông Á có thể chia thành hai bộ phận nào?

.....

2. Phần lớn lãnh thổ của vùng có khí hậu gì? Phía đông phần lục địa và phần hải đảo chịu ảnh hưởng của khí hậu gì?

.....

.....

3. Cho biết sông ngòi chính của Đông Á.

.....

.....

4. Cho biết các cảnh quan chính của Đông Á.

.....

.....

5. Các loại khoáng sản chính của Đông Á là:

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP

Khu vực Tây Á

Nhóm .....

Dựa vào hình 7.4 SGK và thực hiện các nội dung dưới đây:

1. Tây Á có ba khu vực địa hình nào?

.....

2. Tây Á nằm trong đới khí hậu nào?

.....

3. Hai sông lớn trong khu vực là:

.....

4. Hồ nước mặn nổi tiếng trên thế giới, nằm dưới mực nước biển 427 m là:

.....

5. Các loại khoáng sản của Tây Á là:.....

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

PHIẾU HỌC TẬP

Khu vực Nam Á

Nhóm ……

Dựa vào hình 7.5 SGK và thực hiện các nội dung dưới đây:

1. Nam Á có ba miền địa hình nào?

……

2. Hệ thống núi trẻ cao và đồ sộ nhất thế giới là:

……

……

3. Nam Á nằm trong đới khí hậu nào?

……

……

4. Hai sông lớn trong khu vực là:……

……

5. Cho biết các cảnh quan chính của Nam Á.

……

……

6. Các loại khoáng sản chính của Nam Á là:

……

……

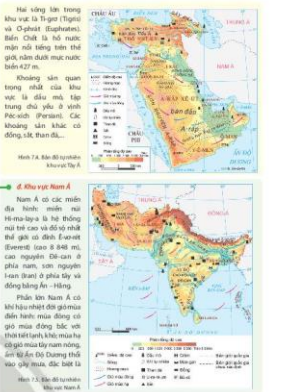

Hai sông lớn trong khu vực là Ti-grơ (Tigris) và Ơ-phrát (Euphrates). Biển Chết là hồ nước mặn nổi tiếng trên thế giới, nằm dưới mực nước biển 427 m.

Khoáng sản quan trọng nhất của khu vực là dầu mỏ, tập trung chủ yếu ở vịnh Pec-xich (Persian). Các khoáng sản khác có đồng, sắt, than đá,...

Hình 7.4. Bản đồ tự nhiên khu vực Tây Á

d. Khu vực Nam Á

Nam Á có các miền địa hình: miền núi Hi-ma-lay-a là hệ thống núi trẻ cao và đồ sộ nhất thế giới có đỉnh Ê-vơ-rét (Everest) (cao 8 848 m), cao nguyên Đê-can ở phía nam, sơn nguyên I-ran (Iran) ở phía tây và đồng bằng Ấn – Hằng.

Phần lớn Nam Á có khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình: mùa đông có gió mùa đông bắc với thời tiết lạnh, khô; mùa hạ có gió mùa tây nam nóng, ẩm từ Ấn Độ Dương thổi vào gây mưa, đặc biệt là sườn nam dãy Hi-ma-lay-a. Phía tây nam có khí hậu nhiệt đới khô. Trên các khu vực núi cao có sự phân hoá theo độ cao địa hình, các sườn phía nam có khí hậu nóng ẩm, các sườn phía bắc có khí hậu khô và lạnh hơn.

Nam Á có hai sông lớn là sông Ấn và sông Hằng bồi đắp nên đồng bằng Ấn – Hằng màu mỡ.

Nam Á có rừng nhiệt đới ẩm ở phía đông; xavan, hoang mạc ở phía tây và cảnh quan núi cao ở Hi-ma-lay-a.

Khoáng sản chủ yếu là dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, sắt,...

e. Khu vực Đông Nam Á

Hình 7.6. Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á

Lãnh thổ Đông Nam Á bao gồm hai bộ phận: phần đất liền và các quần đảo. Địa hình phần đất liền bao gồm các dãy núi nối tiếp dãy Hi-ma-lay-a chạy dài hướng bắc – nam hoặc tây bắc – đông nam, bao quanh những khối cao nguyên thấp. Đồng bằng phù sa màu mỡ tập trung ở ven biển và hạ lưu các sông lớn. Các quần đảo thuộc

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

PHIẾU HỌC TẬP

Khu vực Đông Nam Á

Nhóm .....

Dựa vào hình 7.6 SGK và thực hiện các nội dung dưới đây:

1. Đông Nam Á có hai bộ phận lãnh thổ nào?

.....

2. Đông Nam Á nằm trong đới khí hậu nào?

.....

.....

3. Các sông lớn trong khu vực là:.....

.....

4. Cho biết các cảnh quan chính của Đông Nam Á.

.....

.....

5. Các loại khoáng sản của Đông Nam Á là:

.....

.....

Bước 2. Mỗi HS trong nhóm làm việc độc lập, ghi lại phần trình bày của mình và thảo luận cùng nhóm.

Bước 3. GV hình thành 6 nhóm mới từ HS của 6 nhóm nội dung trên gọi là các nhóm mảnh ghép.

Bước 4. HS ở các nhóm mảnh ghép chia sẻ lần lượt những nội dung ở bước 1 đã thực hiện.

Bước 5. Các nhóm mảnh ghép trình bày kết quả tìm hiểu của nhóm mình.

Bước 6. GV bổ sung, chốt các nội dung và tuyên dương những nhóm trình bày tốt. GV cho điểm bài tập dựa vào kết quả trò chơi sau khi đã cung cấp đáp án hoặc cho các nhóm HS đánh giá lẫn nhau.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

- Thời gian: 15 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ khoảng 4 HS.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: trò chơi, sử dụng phương tiện trực quan, sử dụng bài tập.
- Phương tiện dạy học: bản đồ trong SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV cho HS hoạt động theo nhóm và trả lời các câu hỏi trong SGK.

+ Dựa vào các hình trong nội dung bài, em hãy lựa chọn một trong các khu vực của châu Á để kể tên ít nhất 3 quốc gia trong khu vực đó.
+ Hoàn thành bảng tổng hợp khí hậu và thực vật chính ở các khu vực của châu Á theo mẫu sau:

Khu vực	Khí hậu	Thực vật
?	?	?
?	?	?
?	?	?

In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin nằm trên vùng có động đất và núi lửa hoạt động (In-đô-nê-xi-a có tới 500 núi lửa, trong đó khoảng 170 núi lửa đang hoạt động).

Đông Nam Á có khí hậu xích đạo, cận xích đạo và nhiệt đới ẩm gió mùa. Mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều; mùa đông khô. Một số khu vực có thời tiết lạnh do có gió mùa mùa đông hoạt động như phía bắc của Mi-an-ma và Việt Nam. Trên các đảo và phần phía nam của lục địa có khí hậu xích đạo và cận xích đạo. Quần đảo Phi-líp-pin bị ảnh hưởng nhiều của bão nhiệt đới.

Các sông lớn là sông Hồng, sông Mê Công, sông I-ra-oa-đi (Irrawaddy),... Biển Hồ là hồ nước ngọt lớn nhất Đông Nam Á.

Phần lớn lãnh thổ Đông Nam Á là rừng nhiệt đới ẩm, phía tây có rừng rụng lá theo mùa. Trên các đảo phổ biến là rừng xích đạo ẩm và rừng gió mùa.

Khoáng sản khá phong phú, quan trọng là dầu mỏ, thiếc, sắt, than đá,...

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Dựa vào hình 7.1, em hãy lựa chọn một trong các khu vực của châu Á và kể tên ít nhất 3 quốc gia trong khu vực đó.

2. Hoàn thành bảng tổng hợp thể hiện đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á theo mẫu sau:

Đặc điểm / Khu vực	Địa hình	Khí hậu	Sông ngòi	Thực vật
?	?	?	?	?

Vận dụng

3. Em hãy sưu tầm thông tin hoặc hình ảnh về một khu vực của châu Á mà em yêu thích.

126

Bước 2. HS thảo luận theo nhóm.

Bước 3. Đại diện các nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét.

Bước 4. GV chốt lại kiến thức của bài, liên hệ thực tế, tổng kết toàn bộ buổi học.

Vận dụng

- Thời gian: 15 phút.
- Hình thức dạy học: cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: Một số hình ảnh thiên nhiên châu Á.

Bước 1. GV giao nhiệm vụ sưu tầm thêm thông tin và hình ảnh về một khu vực ở châu Á mà em yêu thích.

Bước 2. HS về nhà làm và hoàn thành vào tuần sau. HS có thể sử dụng máy tính hoặc điện thoại tìm kiếm thông tin và hình ảnh trên internet hoặc đọc sách, báo tham khảo. Sưu tầm trên các trang mạng với từ khoá trong bài.

Bước 3. GV dặn dò HS tự làm ở nhà, tiết sau nhận xét, hướng dẫn một số khu vực ở châu Á mà HS có thể chọn lựa. HS có thể nộp sản phẩm cho GV ở buổi học tiếp theo.

Bước 4. GV đánh giá, nhận xét sản phẩm của HS vào buổi học sau.

LƯU Ý VỚI GV

GV cần chuẩn bị

- Bản đồ chính trị các khu vực của châu Á (bản đồ trống).
- Bản đồ tự nhiên các khu vực của châu Á.
- Bảng phụ/giấy A0 để HS ghi kết quả thảo luận nhóm.
- Hình ảnh về thiên nhiên châu Á.
- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po).

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Trình bày ý tưởng, phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.
- Liên hệ tình hình phát triển của các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á.

2. Phát triển năng lực chung

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.
- Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành các phần việc được giao.

3. Hình thành những phẩm chất

- HS trân trọng, thể hiện thái độ khách quan về sự khác biệt kinh tế giữa các nước ở châu Á.
- Chăm chỉ tìm hiểu về một trong các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của các nước ở châu Á.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn mở đầu để đặt vấn đề cho bài học. GV có thể đặt một số câu hỏi gợi mở cho HS trả lời nhằm thăm dò khả năng của HS.

+ Cách thứ hai: GV cho HS xem một video clip hoặc hình ảnh về những công ty nổi tiếng ở châu Á như Sam-sung, Hy-un-đai của Hàn Quốc; Tô-dô-ta, Hon-đa của Nhật Bản. GV đặt câu hỏi cho HS: Trình bày những hiểu biết của em về các công ty này thuộc các nền kinh tế nào của châu Á.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

Bài 8 THỰC HÀNH: TÌM HIỂU CÁC NỀN KINH TẾ LỚN VÀ KINH TẾ MỚI NỔI Ở CHÂU Á (1 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po).

1. Chuẩn bị

a. Lựa chọn nội dung

Lựa chọn một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po để viết báo cáo.

b. Lập đề cương báo cáo và phân công nhiệm vụ

- Lập đề cương báo cáo (bao gồm các đề mục và nội dung cần thể hiện trong báo cáo).
- Phân công viết báo cáo theo nội dung.

c. Thực hiện sưu tầm tài liệu

Thực hiện sưu tầm tài liệu qua internet, sách, báo, tạp chí,...

d. Xử lí thông tin

- Chọn lọc tư liệu từ các nguồn thu thập được.
- Xử lí số liệu, thông tin, hình ảnh,...
- Sắp xếp các thông tin, tư liệu theo đề cương đã xây dựng.

2. Viết báo cáo

Gợi ý nội dung báo cáo:

TÊN QUỐC GIA

1. Khái quát về nền kinh tế của quốc gia
2. Đặc điểm nền kinh tế
   a. Lịch sử phát triển nền kinh tế
   b. Cơ cấu nền kinh tế
   c. Một số ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ)

3. Trình bày báo cáo

- Trình bày báo cáo theo nội dung được phân công.
- Hình thức trình bày: chọn một trong các hình thức như: bài thuyết trình, áp-phích, sân khấu hóa,...

127

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS chuẩn bị báo cáo

- Thời gian: 25 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm từ 5 HS trở lên.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn phân công nhiệm vụ cho các nhóm HS, thảo luận nhóm, thuyết trình.
- Phương tiện dạy học: tư liệu GV cung cấp cho HS hoặc yêu cầu HS chuẩn bị trước cho buổi học về một trong các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po).

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1 (tt)

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV phổ biến nhiệm vụ học tập lựa chọn một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po dựa trên nội dung HS thực hiện sưu tầm tài liệu qua internet, sách, báo, tạp chí,… Mỗi nhóm cùng quan sát, suy nghĩ.

Bước 2. HS các nhóm thảo luận:

- Lập đề cương báo cáo (bao gồm các nội dung, các đề mục cần thể hiện trong báo cáo).
- Phân công viết báo cáo theo nội dung.

Bước 3. HS xử lí thông tin:

- Chọn lọc tư liệu từ các nguồn thu thập được.
- Xử lí số liệu, thông tin, hình ảnh,…
- Sắp xếp các thông tin, tư liệu theo đề cương đã xây dựng.

Bước 4. GV chốt lại kiến thức, nhận xét cho các nhóm.

Bài 8 THỰC HÀNH: TÌM HIỂU CÁC NỀN KINH TẾ LỚN VÀ KINH TẾ MỚI NỔI Ở CHÂU Á

Học xong bài này em sẽ:
Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po).

1. Chuẩn bị

a. Lựa chọn nội dung

Lựa chọn một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po để viết báo cáo.

b. Lập đề cương báo cáo và phân công nhiệm vụ

- Lập đề cương báo cáo (bao gồm các đề mục và nội dung cần thể hiện trong báo cáo).
- Phân công viết báo cáo theo nội dung.

c. Thực hiện sưu tầm tài liệu

Thực hiện sưu tầm tài liệu qua internet, sách, báo, tạp chí,...

d. Xử lí thông tin

- Chọn lọc tư liệu từ các nguồn thu thập được.
- Xử lí số liệu, thông tin, hình ảnh,...
- Sắp xếp các thông tin, tư liệu theo đề cương đã xây dựng.

2. Viết báo cáo

Gợi ý nội dung báo cáo:

TÊN QUỐC GIA

1. Khái quát về nền kinh tế của quốc gia
2. Đặc điểm nền kinh tế
   a. Lịch sử phát triển nền kinh tế
   b. Cơ cấu nền kinh tế
   c. Một số ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ)

3. Trình bày báo cáo

- Trình bày báo cáo theo nội dung được phân công.
- Hình thức trình bày: chọn một trong các hình thức như bài thuyết trình, áp-phích, sân khấu hóa,...

127

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS trình bày báo cáo

- Thời gian: 15 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm từ 5 HS trở lên.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, thuyết trình.
- Phương tiện dạy học: báo cáo của HS.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. HS trình bày đề cương báo cáo.

Yêu cầu: nội dung báo cáo theo mẫu đề cương, đầy đủ các nội dung như trong đề cương như: tên quốc gia, khái quát nền kinh tế của quốc gia (vị trí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội,…); đặc điểm nền kinh tế (lịch sử phát triển nền kinh tế, cơ cấu kinh tế, một số ngành kinh tế như nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ).

Bước 2. HS trình bày theo nhóm, các nhóm nhận xét. GV mời đại diện các nhóm trình bày theo nội dung được phân công. Hình thức trình bày: bài thuyết trình, áp-phích, sân khấu,… Đại diện nhóm HS khác nhận xét.

Bước 3. GV nhận xét chốt lại kiến thức của bài.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.
- Đặc điểm tự nhiên châu Phi.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí châu Phi.
- Đọc được bản đồ tự nhiên và khí hậu châu Phi.
- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.
- Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi.
- Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, số liệu, hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng về một vấn đề khoa học, đời sống đơn giản ở châu Phi.

2. Phát triển năng lực chung

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.
- Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành các phần việc được giao.

3. Hình thành những phẩm chất

Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên; phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn dẫn nhập đầu bài 9 SGK để giới thiệu bài học (sử dụng câu hỏi đã có trong đoạn dẫn nhập hoặc câu hỏi khác theo mục đích của GV).

+ Cách thứ hai: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Vượt chướng ngại vật" với các câu hỏi liên quan đến châu Phi.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

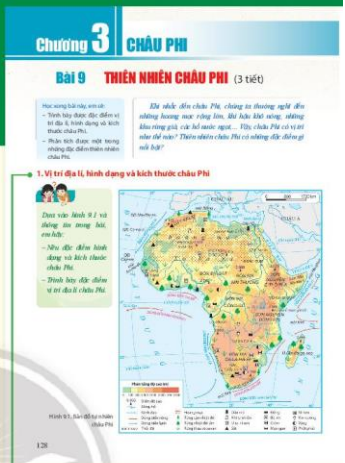
Chương 3 CHÂU PHI

Bài 9 THIÊN NHIÊN CHÂU PHI (3 tiết)

1. Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi

- Thời gian: 20 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm 2 HS.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: hình 9.1 SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu hai HS ngồi cạnh nhau dựa vào thông tin trong mục 1 và hình 9.1 SGK để trả lời câu hỏi:

+ Cho biết châu Phi nằm ở những bán cầu nào.

+ Xác định các châu lục, đại dương, biển, vịnh biển xung quanh châu Phi.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1 (tt)

+ So sánh diện tích châu Phi với các châu khác trên thế giới.
+ Nêu đặc điểm hình dạng của châu Phi.

Bước 2. HS thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Đại diện nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu thảo luận nhóm.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm tự nhiên châu Phi

– Thời gian: 90 phút.
– Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn, sử dụng phương tiện trực quan, sử dụng phiếu học tập.
– Phương tiện dạy học: hình 9.1 và hình 9.2 SGK, phiếu học tập.
– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành nhóm nhỏ 4 – 6 HS tuỳ vào số lượng, phát mỗi nhóm một tờ giấy A0.

Bước 2. GV phân công mỗi nhóm thực hiện tương ứng với các nhiệm vụ học tập thông qua phiếu học tập sau:

+ Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu địa hình châu Phi.
+ Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu khoáng sản châu Phi.
+ Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu khí hậu châu Phi.
+ Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu sông, hồ châu Phi.
+ Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu các môi trường tự nhiên châu Phi.

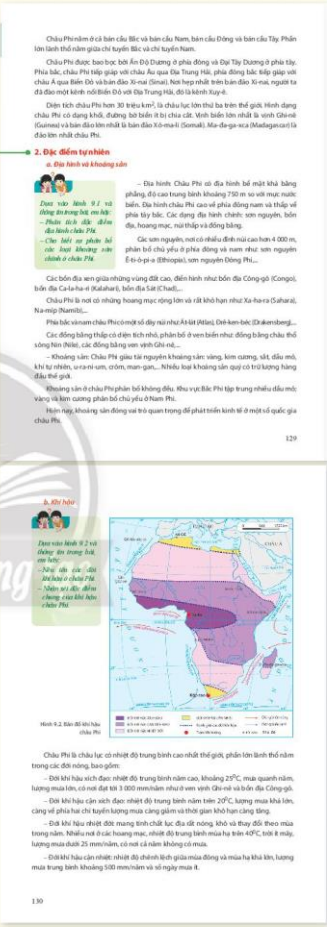

Châu Phi nằm ở cả bán cầu Bắc và bán cầu Nam, bán cầu Đông và bán cầu Tây. Phần lớn lãnh thổ nằm giữa chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam.

Châu Phi được bao bọc bởi Ấn Độ Dương ở phía đông và Đại Tây Dương ở phía tây. Phía bắc, châu Phi tiếp giáp với châu Âu qua Địa Trung Hải, phía đông bắc tiếp giáp với châu Á qua Biển Đỏ và bán đảo Xi-nai (Sinai). Nơi hẹp nhất trên bán đảo Xi-nai, người ta đã đào một kênh nối Biển Đỏ với Địa Trung Hải, đó là kênh Xuy-ê.

Diện tích châu Phi hơn 30 triệu km², là châu lục lớn thứ ba trên thế giới. Hình dạng châu Phi có dạng khối, đường bờ biển ít bị chia cắt. Vịnh biển lớn nhất là vịnh Ghi-nê (Guinea) và bán đảo lớn nhất là bán đảo Xô-ma-li (Somali). Ma-đa-ga-xca (Madagascar) là đảo lớn nhất châu Phi.

2. Đặc điểm tự nhiên

a. Địa hình và khoáng sản

Dựa vào hình 9.1 và thông tin trong bài, em hãy:
– Phân tích đặc điểm địa hình châu Phi.
– Cho biết sự phân bố các loại khoáng sản chính ở châu Phi.

– Địa hình: Châu Phi có địa hình bề mặt khá bằng phẳng, độ cao trung bình khoảng 750 m so với mực nước biển. Địa hình châu Phi cao về phía đông nam và thấp về phía tây bắc. Các dạng địa hình chính: sơn nguyên, bồn địa, hoang mạc, núi thấp và đồng bằng.

Các sơn nguyên, nơi có nhiều đỉnh núi cao hơn 4 000 m, phân bố chủ yếu ở phía đông và nam như: sơn nguyên Ê-ti-ô-pi-a (Ethiopia), sơn nguyên Đông Phi,...

Các bồn địa xen giữa những vùng đất cao, điển hình như bồn địa Công-gô (Congo), bồn địa Ca-la-ha-ri (Kalahari), bồn địa Sát (Chad),...

Châu Phi là nơi có những hoang mạc rộng lớn và rất khô hạn như: Xa-ha-ra (Sahara), Na-mip (Namib),...

Phía bắc và nam châu Phi có một số dãy núi như: Át-lát (Atlas), Đrê-ken-bec (Drakensberg),...

Các đồng bằng thấp có diện tích nhỏ, phân bố ở ven biển như: đồng bằng châu thổ sông Nin (Nile), các đồng bằng ven vịnh Ghi-nê,...

– Khoáng sản: Châu Phi giàu tài nguyên khoáng sản: vàng, kim cương, sắt, dầu mỏ, khí tự nhiên, u-ra-ni-um, crôm, man-gan,... Nhiều loại khoáng sản quý có trữ lượng hàng đầu thế giới.

Khoáng sản ở châu Phi phân bố không đều. Khu vực Bắc Phi tập trung nhiều dầu mỏ; vàng và kim cương phân bố chủ yếu ở Nam Phi.

Hiện nay, khoáng sản đóng vai trò quan trọng để phát triển kinh tế ở một số quốc gia châu Phi.

129

b. Khí hậu

Dựa vào hình 9.2 và thông tin trong bài, em hãy:
– Nêu tên các đới khí hậu ở châu Phi.
– Nhận xét đặc điểm chung của khí hậu châu Phi.

Hình 9.2. Bản đồ khí hậu châu Phi

Châu Phi là châu lục có nhiệt độ trung bình cao nhất thế giới, phần lớn lãnh thổ nằm trong các đới nóng, bao gồm:

– Đới khí hậu xích đạo: nhiệt độ trung bình năm cao, khoảng 25°C, mưa quanh năm, lượng mưa lớn, có nơi đạt tới 3 000 mm/năm như ở ven vịnh Ghi-nê và bồn địa Công-gô.

– Đới khí hậu cận xích đạo: nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, lượng mưa khá lớn, càng về phía hai chí tuyến lượng mưa càng giảm và thời gian khô hạn càng tăng.

– Đới khí hậu nhiệt đới mang tính chất lục địa rất nóng, khô và thay đổi theo mùa trong năm. Nhiều nơi ở các hoang mạc, nhiệt độ trung bình mùa hạ trên 40°C, trời ít mây, lượng mưa dưới 25 mm/năm, có nơi cả năm không có mưa.

– Đới khí hậu cận nhiệt: nhiệt độ chênh lệch giữa mùa đông và mùa hạ khá lớn, lượng mưa trung bình khoảng 500 mm/năm và số ngày mưa ít.

130

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

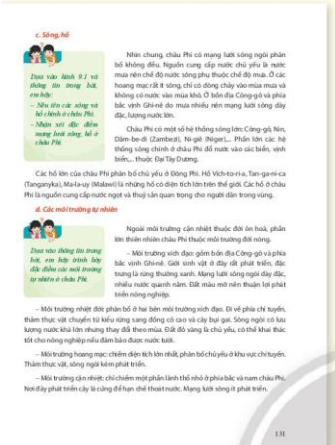

c. Sông, hồ

Dựa vào hình 9.1 và thông tin trong bài, em hãy:
– Nêu tên các sông và hồ ở hình ở châu Phi.
– Nhận xét đặc điểm mạng lưới sông, hồ ở châu Phi.

Nhìn chung, châu Phi có mạng lưới sông ngòi phân bố không đều. Nguồn cung cấp nước chủ yếu là nước mưa nên chế độ nước sông phụ thuộc chế độ mưa. Ở các hoang mạc rất ít sông, chỉ có dòng chảy vào mùa mưa và không có nước vào mùa khô. Ở bồn địa Công-gô và phía bắc vịnh Ghi-nê do mưa nhiều nên mạng lưới sông dày đặc, lượng nước lớn.

Châu Phi có một số hệ thống sông lớn: Công-gô, Nin, Dăm-be-đi (Zambezi), Ni-giê (Niger),... Phần lớn các hệ thống sông chính ở châu Phi đổ nước vào các biển, vịnh biển,... thuộc Đại Tây Dương.

Các hồ lớn của châu Phi phần lớn có chủ yếu ở Đông Phi. Hồ Vích-tô-ri-a, Tan-ga-ni-ca (Tanganyka), Ma-la-uy (Malawi) là những hồ có diện tích lớn trên thế giới. Các hồ ở châu Phi là nguồn cung cấp nước ngọt và thuỷ sản quan trọng cho người dân trong vùng.

d. Các môi trường tự nhiên

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy trình bày đặc điểm các môi trường tự nhiên ở châu Phi.

Ngoài môi trường cận nhiệt thuộc đới ôn hoà, phần lớn thiên nhiên châu Phi thuộc môi trường đới nóng.

– Môi trường xích đạo gồm bồn địa Công-gô và phía bắc vịnh Ghi-nê. Giới sinh vật ở đây rất phát triển, đặc trưng là rừng thường xanh. Mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều nước quanh năm. Đất màu mỡ nên thuận lợi phát triển nông nghiệp.

– Môi trường nhiệt đới phân bố ở hai bên môi trường xích đạo. Đi về phía chí tuyến, thảm thực vật chuyển từ kiểu rừng sang đồng cỏ cao và cây bụi gai. Sông ngòi có lưu lượng nước khá lớn nhưng thay đổi theo mùa. Đất đỏ vàng là chủ yếu, có thể khai thác tốt cho nông nghiệp nếu đầm bảo được nước tưới.

– Môi trường hoang mạc chiếm diện tích lớn nhất, phân bố chủ yếu ở khu vực chí tuyến. Thảm thực vật, sông ngòi kém phát triển.

– Môi trường cận nhiệt: chỉ chiếm một phần lãnh thổ nhỏ ở phía bắc và nam châu Phi. Nơi đây phát triển cây ăn quả đặc trưng cho vùng Địa Trung Hải.

131

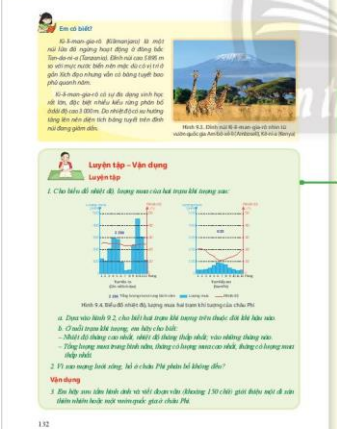

Em có biết?

Ki-li-man-gia-rô (Kilimanjaro) là một núi lửa đã ngừng hoạt động ở đông bắc Tan-da-ni-a (Tanzania). Đỉnh núi cao 5895 m so với mực nước biển nên mặc dù có vị trí ở gần lãnh địa nhưng vẫn có băng tuyết bao phủ quanh năm.

Ki-li-man-gia-rô có sự đa dạng sinh học rất lớn, đặc biệt nhiều kiểu rừng phân bố (khỏi độ cao 3 000 m. Do nhiệt độ có xu hướng tăng lên nên diện tích băng tuyết trên đỉnh núi đang giảm dần.

Hình 9.2. Đỉnh núi Ki-li-man-gia-rô nhìn từ vườn quốc gia Am-bô-xê-li (Amboseli), Ki-ni-a (Kenya)

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Cho biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của hai trạm khí tượng sau:

Hình 9.4. Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa hai trạm khí tượng của châu Phi

a. Dựa vào hình 9.2, cho biết hai trạm khí tượng trên thuộc đới khí hậu nào.

b. Ở mỗi trạm khí tượng, em hãy cho biết:
– Nhiệt độ tháng cao nhất, nhiệt độ tháng thấp nhất; vào những tháng nào.
– Tổng lượng mưa trung bình năm, tháng có lượng mưa cao nhất, tháng có lượng mưa thấp nhất.

2. Vì sao mạng lưới sông, hồ ở châu Phi phân bố không đều?

Vận dụng

1. Em hãy sưu tầm hình ảnh và viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) giới thiệu một di sản thiên nhiên hoặc một vườn quốc gia ở châu Phi.

132

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2 (tt)

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm ……

1. Những đặc điểm chính của ..... châu Phi.

.....

.....

.....

.....

2. Kể tên và xác định nơi phân bố của một số loại ..... châu Phi.

.....

.....

.....

Bước 2. HS thảo luận và hoàn thành phiếu học tập.

+ Giai đoạn 1: HS làm việc độc lập, ghi lại phần trình bày của mình vào phần cạnh của tờ A0 trước mặt mình.
+ Giai đoạn 2: HS thảo luận nhóm, tìm ra ý tưởng chung và viết vào phần chính giữa tờ A0.

Bước 3. GV mời đại diện nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu học tập của nhóm.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

– Thời gian: 20 phút.
– Hình thức dạy học: cá nhân/cặp.
– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
– Phương tiện trực quan: hình 9.2 và hình 9.4 SGK.
– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu HS dựa vào hình 9.2, hình 9.4 và vận dụng kiến thức bài học để trả lời câu hỏi phần Luyện tập.

Bước 2. GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

Bước 3. GV mời đại diện HS trình bày kết quả.

Đánh giá: GV nhận xét và cho điểm bài tập sau khi đã cung cấp đáp án hoặc yêu cầu các HS ngồi cạnh nhau kiểm tra kết quả cho nhau.

Vận dụng

GV hướng dẫn HS về nhà tự thực hiện, giới thiệu cho HS một số từ khoá, địa chỉ trang web để HS tiện tra cứu.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Vấn đề nổi cộm về dân cư châu Phi.
- Vấn đề nổi cộm về xã hội châu Phi.
- Vấn đề nổi cộm về di sản lịch sử châu Phi.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Đọc được biểu đồ tỉ suất tăng dân số tự nhiên và tuổi thọ trung bình của châu Phi qua một số giai đoạn.
- Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội, di sản lịch sử châu Phi.

2. Phát triển năng lực chung

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.
- Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành các phần việc được giao.

3. Hình thành những phẩm chất

- Tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm dân cư ở châu Phi.
- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào học tập và cuộc sống.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn mở đầu để đặt vấn đề cho bài học.

+ Cách thứ hai: GV cho HS tham gia trò chơi ghép nối thông tin về dân cư, xã hội châu Phi.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

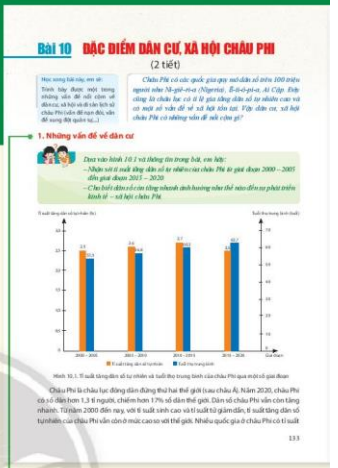

Bài 10 ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU PHI

(2 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi (vấn đề nạn đói, vấn đề bùng nổ dân số,...).

Châu Phi có các quốc gia quy mô dân số trên 100 triệu người như Ni-giê-ri-a (Nigeria), Ê-ti-ô-pi-a, Cộng hòa Công hòa Dân chủ Công-gô. Đây là khu vực có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao và có một số vấn đề về xã hội lớn tại. Vậy dân cư, xã hội châu Phi có những vấn đề nổi cộm gì?

1. Những vấn đề về dân cư

Dựa vào hình 10.1 và thông tin trong bài, em hãy:
– Nhận xét tỉ suất tăng dân số tự nhiên của châu Phi từ giai đoạn 2000 – 2005 đến giai đoạn 2015 – 2020.
– Cho biết dân số châu lục tăng nhanh ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội châu Phi.

Hình 10.1. Tỉ suất tăng dân số tự nhiên và tuổi thọ trung bình của châu Phi qua một số giai đoạn

Châu Phi là châu lục đông dân đứng thứ hai thế giới (sau châu Á). Năm 2020, châu Phi có số dân hơn 1,3 tỉ người, chiếm hơn 17% số dân thế giới. Dân số châu Phi vẫn còn tăng nhanh. Từ năm 2000 đến nay, với tỉ suất sinh cao và tỉ suất tử giảm dần, tỉ suất tăng dân số tự nhiên của châu Phi vẫn còn ở mức cao so với thế giới. Nhiều quốc gia ở châu Phi có tỉ suất

133

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu những vấn đề về dân cư châu Phi

- Thời gian: 30 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: hình 10.1 SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành nhóm nhỏ 4 – 6 HS tuỳ vào số lượng.

Bước 2. GV yêu cầu các nhóm HS hoàn thành nhiệm vụ học tập trong SGK:

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

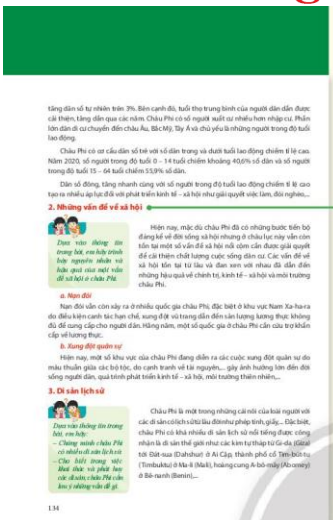

tăng dân số tự nhiên trên 3%. Bên cạnh đó, tuổi thọ trung bình của người dân dần được cải thiện, tăng dần qua các năm. Châu Phi có số người xuất cư nhiều hơn nhập cư. Phần lớn dân di cư chuyển đến châu Âu, Bắc Mỹ, Tây Á và chủ yếu là những người trong độ tuổi lao động.

Châu Phi có cơ cấu dân số trẻ với số dân trong và dưới tuổi lao động chiếm tỉ lệ cao. Năm 2020, số người trong độ tuổi 0 – 14 tuổi chiếm khoảng 40,6% số dân và số người trong độ tuổi 15 – 64 tuổi chiếm 55,9% số dân.

Dân số đông, tăng nhanh cùng với số người trong độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ cao tạo ra nhiều áp lực đối với phát triển kinh tế – xã hội như giải quyết việc làm, đói nghèo,...

2. Những vấn đề về xã hội

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy trình bày nguyên nhân và hậu quả của một vấn đề xã hội ở châu Phi.

Hiện nay, mặc dù châu Phi đã có những bước tiến bộ đáng kể về đời sống xã hội nhưng ở châu lục này vẫn còn tồn tại một số vấn đề xã hội nổi cộm cần được giải quyết để cải thiện chất lượng cuộc sống dân cư. Các vấn đề về xã hội tồn tại từ lâu và đan xen với nhau đã dẫn đến những hậu quả về chính trị, kinh tế – xã hội và môi trường châu Phi.

a. Nạn đói

Nạn đói vẫn còn xảy ra ở nhiều quốc gia châu Phi, đặc biệt ở khu vực Nam Xa-ha-ra do điều kiện canh tác hạn chế, xung đột vũ trang dẫn đến sản lượng lương thực không đủ để cung cấp cho người dân. Hằng năm, một số quốc gia ở châu Phi cần cứu trợ khẩn cấp về lương thực.

b. Xung đột quân sự

Hiện nay, một số khu vực của châu Phi đang diễn ra các cuộc xung đột quân sự do mâu thuẫn các bộ tộc, do cạnh tranh về tài nguyên,... gây ảnh hưởng lớn đến đời sống người dân, quá trình phát triển kinh tế – xã hội, môi trường thiên nhiên,...

3. Di sản lịch sử

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:
– Chứng minh châu Phi có nhiều di sản lịch sử nổi tiếng.
– Cho biết trong việc khai thác và phát huy các di sản, châu Phi cần lưu ý những vấn đề gì.

Châu Phi là một trong những cái nôi của loài người với các di sản có lịch sử lâu đời như pháp tính, giấy,... Đặc biệt, châu Phi có khá nhiều di sản lịch sử nổi tiếng được công nhận là di sản thế giới như: các kim tự tháp từ Gi-da, Gizeh tới Đát sua (Dahshur) ở Ai Cập, thành phố cổ Tom-bút-tu (Timbuktu) ở Ma-li (Mali), hoàng cung A-bô-mây (Abomey) ở Bê-nanh (Benin),...

+ Nhận xét tỉ suất tăng dân số tự nhiên của châu Phi từ giai đoạn 2000 – 2005 đến giai đoạn 2015 – 2020.
+ Cho biết dân số còn tăng nhanh ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội châu Phi.

Bước 3. Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu học tập/thảo luận nhóm.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu những vấn đề về xã hội châu Phi

– Thời gian: 30 phút.
– Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
– Phương tiện dạy học: hình 10.1 SGK.
– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành nhóm nhỏ 4 – 6 HS tuỳ vào số lượng.

Bước 2. GV yêu cầu các nhóm HS hoàn thành nhiệm vụ học tập trong SGK:

+ Nhận xét tỉ suất tăng dân số tự nhiên của châu Phi từ giai đoạn 2000 – 2005 đến giai đoạn 2015 – 2020.
+ Cho biết dân số còn tăng nhanh ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội châu Phi.

Bước 3. Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu học tập/thảo luận nhóm.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm di sản lịch sử châu Phi

– Thời gian: 20 phút.
– Hình thức dạy học: cặp đôi.
– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
– Phương tiện dạy học: hình 10.2 SGK, một số hình ảnh về di sản lịch sử SGK đã đề cập do GV sưu tập.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3 (tt)

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV tổ chức cho các cặp đôi HS và yêu cầu các em dựa vào thông tin trong bài để thực hiện các nhiệm vụ học tập:

+ Chứng minh châu Phi có nhiều di sản lịch sử.
+ Cho biết trong việc khai thác và phát huy các di sản, châu Phi cần lưu ý những vấn đề gì?

Bước 2. HS thảo luận theo cặp đôi và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Bước 3. Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Việc chăm sóc và bảo vệ các di sản như công tác trùng tu, bảo tồn gặp khó khăn do nguồn kinh phí lớn, ngày càng xuất hiện các hoạt động không bền, ảnh hưởng của thiên tai,... làm cho các công trình bị phá huỷ, xuống cấp. Để bảo vệ và phát huy giá trị của các di sản này đòi hỏi sự chung tay bảo vệ của chính quyền và nhân dân các nước châu Phi cũng như cộng đồng quốc tế.

Em có biết?

Kim tự tháp ở Ai Cập

Các nhà khoa học đã tìm ra 138 kim tự tháp ở Ai Cập. Trong đó, Đại kim tự tháp Gi-da (một trong bảy kì quan thế giới cổ đại) là kim tự tháp lớn nhất. Đại kim tự tháp Gi-da được xây dựng từ hơn 2,3 triệu khối đá, mỗi khối đá có trọng lượng từ 2,5 đến 15 tấn. Quá trình xây dựng các kim tự tháp vẫn là một ẩn số cho đến ngày nay.

Hình 10.2. Quần thể kim tự tháp Gi-da

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Em hãy hoàn thành bảng tổng hợp thông tin về các vấn đề xã hội nổi cộm ở châu Phi theo mẫu sau:

Vấn đề xã hội	Ảnh hưởng đến đời sống người dân
?	?

Vận dụng

2. Hãy sưu tầm thông tin, hình ảnh từ sách báo và mạng internet về một di sản lịch sử của châu Phi và chia sẻ với các bạn cùng lớp.

135

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

– Thời gian: 10 phút.
– Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.
– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV tổ chức cho các nhóm HS đã chia trong hoạt động khám phá 1 và yêu cầu các em dựa vào thông tin trong bài để hoàn thành nhiệm vụ học tập trong SGK: hoàn thành bảng tổng hợp thông tin về các vấn đề xã hội nổi cộm ở châu Phi.

Bước 2. HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Bước 3. GV mời một nhóm HS trình bày, các nhóm còn lại hoàn thiện theo nhận xét của GV.

Vận dụng

– Thời gian: 5 phút.
– Hình thức dạy học: cá nhân.
– Các bước tiến hành:

GV hướng dẫn HS về tự thực hiện. GV giới thiệu cho HS một số từ khoá và địa chỉ trang web để HS tiện tra cứu về các di sản lịch sử của châu Phi.

Đánh giá: GV kiểm tra sự phù hợp và chính xác của các thông tin HS tìm được.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau.
- Những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau.
- Phân tích một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên (ví dụ: vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,...).

2. Phát triển năng lực chung

- Phân tích được tác động của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến việc lựa chọn phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Phi.
- Phân tích được cách thức mà con người ở các khu vực của châu Phi đã khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

3. Hình thành những phẩm chất

Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên; phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên.

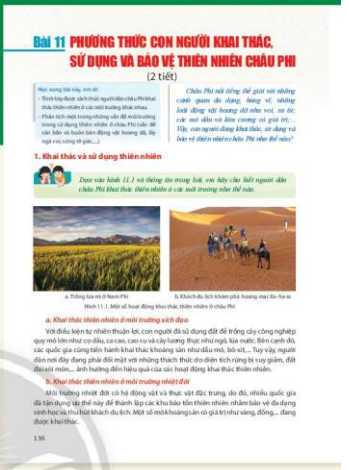

Bài 11 PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN CHÂU PHI

(2 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
- Trình bày được cách thức người dân ở Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau.
- Phân tích một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên ở châu Phi (việc đi săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,...).

Châu Phi nổi tiếng thế giới với những cảnh quan đa dạng, từng về những loài động vật hoang dã như voi, sư tử, các mỏ dầu và khí tự nhiên có giá trị,... Vậy, con người đang khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Phi như thế nào?

1. Khai thác và sử dụng thiên nhiên

Dựa vào hình 11.1 và thông tin trong bài, em hãy cho biết người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường như thế nào.

a. Trồng lúa mì ở Nam Phi

b. Khách du lịch khám phá hoang mạc Ba-ha-ra

Hình 11.1. Một số hoạt động khai thác thiên nhiên ở châu Phi

a. Khai thác thiên nhiên ở môi trường xích đạo

Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, con người đã sử dụng đất để trồng cây công nghiệp quy mô lớn như cọ dầu, ca cao, cao su và cây lương thực như ngô, lúa nước. Bên cạnh đó, các quốc gia cũng tiến hành khai thác khoáng sản như dầu mỏ, bô-xít,... Tuy vậy, người dân nơi đây đang phải đối mặt với những thách thức do diện tích rừng bị suy giảm, đất đai bị xói mòn,... ảnh hưởng đến hậu quả của các hoạt động khai thác thiên nhiên.

b. Khai thác thiên nhiên ở môi trường nhiệt đới

Môi trường nhiệt đới có hệ động vật và thực vật đặc trưng, do đó, nhiều quốc gia đã tận dụng ưu thế này để thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên nhằm bảo vệ đa dạng sinh học và thu hút khách du lịch. Một số mỏ khoáng sản có giá trị như vàng, đồng,... đang được khai thác.

136

Chân trời sáng tạo

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn mở đầu để đặt vấn đề cho bài học.

+ Cách thứ hai: GV cho HS tham gia trò chơi ô chữ, GV nhận xét.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

- Thời gian: 10 phút.
- Hình thức dạy học: cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV giao cho HS hoàn thành nhiệm vụ học tập trong SGK: hoàn thành bảng tổng hợp thông tin về phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Phi.

Bước 2. HS đọc lại tài liệu và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Bước 3. GV mời đại diện HS trình bày, các HS còn lại hoàn thiện bảng theo nhận xét của GV.

Vận dụng

- Thời gian: 5 phút.
- Hình thức dạy học: giao việc cá nhân.
- Các bước tiến hành:

GV hướng dẫn HS vẽ tự thực hiện một bức tranh hoặc một đoạn văn thể hiện thông điệp kêu gọi bảo vệ động vật hoang dã ở châu Phi.

Đánh giá: GV kiểm tra sự phù hợp sản phẩm do HS thực hiện.

Khu vực Đông Nam châu Phi với lượng ẩm tương đối lớn, đang được khai thác để trồng cây công nghiệp (cà phê, chè,...), cây ăn quả xuất khẩu. Ở các vùng ven sa mạc, người dân tham gia các dự án trồng rừng ngăn chặn hiện tượng sa mạc hoá. Dải và khu vực xavan Nam Xa-ha-ra, các loại cây trồng như lạc, bông,... và vật nuôi như dê, cừu,... được lựa chọn để phù hợp với điều kiện tự nhiên. Tuy vậy, thoái hoá đất và nguồn nước hạn chế là những khó khăn đáng kể của người dân sinh sống trong môi trường này.

c. Khai thác thiên nhiên ở môi trường hoang mạc

Với hoang mạc chiếm phần lớn diện tích và đang có xu hướng mở rộng, hoạt động khai thác thiên nhiên nơi đây diễn ra không thuận lợi như các môi trường khác. Vì vậy, một số quốc gia đã ứng dụng công nghệ mới có thể thích ứng với điều kiện khắc nghiệt của tự nhiên nhằm khai thác tiềm thế có hiệu quả như: khai thác, chế biến dầu mỏ và khí tự nhiên trong hoang mạc Xa-ha-ra, nhất là phần lãnh thổ thuộc Li-bi (Libya) và An-giê-ri (Algeria); dùng công nghệ tưới tiết kiệm nước và công nghệ nhà kính để thành lập các trang trại ở ốc đảo; xây dựng các nhà máy điện mặt trời; tổ chức các giải thể thao như đua xe trên hoang mạc; tổ chức các hoạt động du lịch khám phá,...

d. Khai thác thiên nhiên ở môi trường cận nhiệt

Ở khu vực ven Địa Trung Hải và rìa Nam Phi có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển các loại cây trồng cận nhiệt như ôa mi, nhọ, ô liu,... và chăn nuôi cừu. Hoạt động du lịch nghỉ dưỡng cũng được phát triển mạnh với các trung tâm du lịch nổi tiếng như Cai-rô (Cairo), Kếp-tao (Cape Town),...

Ngoài ra, hoạt động khai thác khoáng sản ở môi trường này diễn ra khá mạnh với khai thác dầu khí ở phía bắc và vàng, kim cương ở phía nam. Tuy vậy, môi trường này hiện đang bị đe doạ bởi hiện tượng hoang mạc hoá, nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay.

Em có biết?

Châu Phi chiếm tới 12% trữ lượng dầu mỏ, 10% trữ lượng khí tự nhiên và 10% nguồn nước sạch có thể khai thác của thế giới. Châu lục này cũng cung cấp tới 80% nhu cầu bạch kim, 40% nhu cầu kim cương, 25% nhu cầu vàng và 27% cô-ban (cobalt) cho thế giới. Đồng thời có hầu như đủ tất cả các loại khoáng sản phục vụ hệ thống công nghiệp phong phú và hệ thống thực vật quý giá.

Hình 11.2. Đường ống dẫn dầu ở Na-mi-bi-a (Nam Phi)

137

2. Vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên

Quan sát hình 11.3 và dựa vào thông tin trong bài, em hãy phân tích vấn đề xâm hại và thuật hiện động vật hoang dã hiện nay từ góc độ châu Phi.

Hình 11.3. Voi ở vườn quốc gia tại Kê-ni-a

Châu Phi nổi tiếng với sự đa dạng của các loài động vật hoang dã. Tuy nhiên, nạn săn trộm và mua bán bất hợp pháp các sản phẩm như ngà voi, sừng tê giác,... làm cho số lượng các loài động vật hoang dã của châu lục này giảm đáng kể. Đây chính là vấn đề nan giải của châu Phi trong công cuộc bảo vệ thiên nhiên.

Trước thực trạng đó, các quốc gia châu Phi đã và đang thực thi nhiều chính sách bảo vệ động vật hoang dã như:

– Một số quốc gia đã thành lập các khu bảo tồn tự nhiên, các vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển để bảo vệ các loài động vật quý hiếm. Tính đến năm 2020, châu Phi có 218 vườn quốc gia và khu bảo tồn phân bố trên 35 quốc gia, trong đó có 79 khu dự trữ sinh quyển được công nhận.

– Tại một số quốc gia, việc săn bắn động vật hoang dã trong danh mục cấp phép với số lượng giới hạn là hợp pháp. Phần lớn các quốc gia đều có quy định rất nghiêm đối với việc săn bắn, mua bán động vật hoang dã.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Em hãy hoàn thành bảng tổng hợp thông tin về phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Phi theo mẫu sau:

	Môi trường xích đạo	Môi trường nhiệt đới	Môi trường hoang mạc	Môi trường cận nhiệt
Những vấn đề cần chú ý trong khai thác và sử dụng, bảo vệ thiên nhiên	?	?	?	?

Vận dụng

2. Em hãy vẽ tranh hoặc viết một đoạn văn thể hiện thông điệp kêu gọi bảo vệ động vật hoang dã ở châu Phi.

138

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

Sưu tầm tư liệu và trình bày một số sự kiện lịch sử về Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày được một số sự kiện lịch sử về Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây.

2. Phát triển năng lực chung

– Biết xác định và tìm hiểu thông tin, biết phân tích, tóm tắt thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

– Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, số liệu, hình ảnh để trình bày thông tin.

3. Hình thành những phẩm chất

Tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc, các nền văn hoá trên thế giới.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

– GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn mở đầu để đặt vấn đề cho bài học.

+ Cách thứ hai: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Hiểu ý đồng đội" với các câu hỏi liên quan về Cộng hoà Nam Phi.

– GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

Bài 12 THỰC HÀNH: SƯU TẦM TƯ LIỆU VỀ CỘNG HOÀ NAM PHI

(1 tiết)

Cộng hoà Nam Phi
- Diện tích: 1.220.813 km²
- Số dân (2020): 59,3 triệu người
- Thủ đô: Pre-tô-ri-a (Pretoria)

1. Chuẩn bị
a. Lựa chọn nội dung
Lựa chọn một trong những nội dung về sự kiện lịch sử của Cộng hoà Nam Phi sau đây:
1. Giành độc lập, tách khỏi khối Liên hiệp Anh và thành lập nước Cộng hoà Nam Phi.
2. Bãi bỏ chế độ A-pác-thai (Apartheid).
3. Lần bầu cử đa chủng tộc đầu tiên ở Cộng hoà Nam Phi.
4. Tổng thống đa màu đầu tiên ở Cộng hoà Nam Phi.
b. Lập đề cương báo cáo và phân công nhiệm vụ
– Lập đề cương báo cáo (bao gồm các đề mục và nội dung cần thể hiện trong báo cáo).
– Phân công viết báo cáo theo nội dung.
c. Thực hiện sưu tầm tài liệu
Thực hiện sưu tầm tài liệu qua internet, sách, báo, tạp chí,...
d. Xử lí thông tin
– Chọn lọc tư liệu từ các nguồn thu thập được.
– Xử lí số liệu, thông tin, hình ảnh,...
– Sắp xếp các thông tin, tư liệu theo đề cương đã xây dựng.
2. Viết báo cáo
Gợi ý nội dung báo cáo

TÊN SỰ KIỆN
1. Khái quát về sự kiện
a. Thời gian, địa điểm xảy ra sự kiện.
b. Bối cảnh ra đời của sự kiện.
2. Nội dung chính của sự kiện
3. Ý nghĩa chính trị, kinh tế – xã hội của sự kiện

3. Trình bày báo cáo
– Trình bày báo cáo theo nội dung được phân công.
– Hình thức trình bày: chọn một trong các hình thức như: bài thuyết trình, hộp thông tin, áp-phích, sơ đồ, hình vẽ,...

139

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS sưu tầm và ghi lại một số sự kiện lịch sử của Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây

– Thời gian: 30 phút/tiết thực hành tại lớp và thời gian tự học tại nhà.

– Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.

– Phương tiện dạy học: phiếu học tập/ hình ảnh, các tài liệu có liên quan.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành các nhóm nhỏ từ 4 – 6 HS tuỳ số lượng. Giao nhiệm vụ mỗi nhóm phụ trách một chủ đề và thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Lập đề cương báo cáo: xác định các đề mục, các nội dung cần thể hiện trong bài báo cáo.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1 (tt)

+ Phân công nội dung cho các thành viên.
+ Thực hiện sưu tầm tài liệu qua internet, sách, báo, tạp chí,…
+ Xác định từ khoá.
+ Lựa chọn trang web tìm kiếm thông tin.
+ Lựa chọn và lưu trữ thông tin cần tìm.
+ Xử lí thông tin.
+ Chọn lọc thông tin từ các nguồn thu thập được.
+ Xử lí số liệu, thông tin, hình ảnh,…
+ Sắp xếp các thông tin theo đề cương đã xây dựng.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

HS trình bày nội dung với các hình thức gợi ý: bài thuyết trình, hộp thông tin, áp-phích, sơ đồ, hình vẽ,…

Bước 3. HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

+ Báo cáo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ.
+ Báo cáo nội dung đã thực hiện.

Đánh giá: GV nhận xét và đánh giá bài báo cáo của nhóm.

Bài 12 THỰC HÀNH: SƯU TẦM TƯ LIỆU VỀ CỘNG HOÀ NAM PHI

Học xong bài này, em sẽ:
Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày được một số sự kiện lịch sử về Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây.

Cộng hoà Nam Phi
– Diện tích: 1 220 813 km²
– Số dân (2020): 59,3 triệu người
– Thủ đô: Prê-tô-ri-a (Pretoria)

1. Chuẩn bị
a. Lựa chọn nội dung
Lựa chọn một trong những nội dung về sự kiện lịch sử của Cộng hoà Nam Phi sau đây:
1. Giành độc lập, tách khỏi khối Liên hiệp Anh và thành lập nước Cộng hoà Nam Phi.
2. Bãi bỏ chế độ A-pác-thai (Apartheid).
3. Lần bầu cử đa chủng tộc đầu tiên ở Cộng hoà Nam Phi.
4. Tổng thống đa màu đầu tiên ở Cộng hoà Nam Phi.
b. Lập đề cương báo cáo và phân công nhiệm vụ
– Lập đề cương báo cáo (bao gồm các đề mục và nội dung cần thể hiện trong báo cáo).
– Phân công viết báo cáo theo nội dung.
c. Thực hiện sưu tầm tài liệu
Thực hiện sưu tầm tài liệu qua internet, sách, báo, tạp chí,...
d. Xử lí thông tin
– Chọn lọc tư liệu từ các nguồn thu thập được.
– Xử lí số liệu, thông tin, hình ảnh,...
– Sắp xếp các thông tin, tư liệu theo đề cương đã xây dựng.
2. Viết báo cáo
Gợi ý nội dung báo cáo
TÊN SỰ KIỆN
1. Khái quát về sự kiện
a. Thời gian, địa điểm xảy ra sự kiện.
b. Bối cảnh ra đời của sự kiện.
2. Nội dung chính của sự kiện
3. Ý nghĩa của sự kiện đối với lịch sử
3. Trình bày báo cáo
– Trình bày báo cáo theo nội dung được phân công.
– Hình thức trình bày: chọn một trong các hình thức như bài thuyết trình, hộp thông tin, áp-phích, sơ đồ, hình vẽ,...
139

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS trình bày một số sự kiện lịch sử của Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây

– Thời gian: 40 phút.
– Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
– Phương tiện dạy học: máy chiếu, máy tính.
– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV tổ chức cho các nhóm đã chia trong hoạt động khám phá yêu cầu các nhóm chuẩn bị nội dung, hình thức trình bày bài báo cáo theo kế hoạch.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

Chuẩn bị của HS:

+ Cả nhóm đưa ra và thống nhất lựa chọn ý tưởng thiết kế bài báo cáo.
+ Nhóm trưởng lên kế hoạch trình bày bài báo cáo và phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

Lưu ý chuẩn bị đầy đủ phương tiện phù hợp với hình thức trình bày bài báo cáo: như giấy A0, bút chì, bút màu, máy tính nối mạng,…

+ Tiến hành thực hiện bài báo cáo.
+ Tham khảo ý kiến GV về bài báo cáo của nhóm.

Bước 3. Đại diện một đến hai nhóm HS trình bày kết quả bài báo cáo, các nhóm còn lại GV thu bài về chấm.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua bài báo cáo của nhóm.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

– Phát kiến ra châu Mỹ – Tân thế giới.
– Vị trí địa lí và phạm vi châu Mỹ.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

– Đọc được lược đồ các cuộc hải trình đến châu Mỹ của Cri-xtô-phơ Cô-lôm-bô.
– Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí của châu Mỹ.
– Phân tích được các hệ quả địa lí – lịch sử của việc Cri-xtô-phơ Cô-lôm-bô phát kiến ra châu Mỹ (1492 – 1502).
– Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.

2. Phát triển năng lực chung

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.

3. Hình thành những phẩm chất

Tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc, các nền văn hoá trên thế giới.

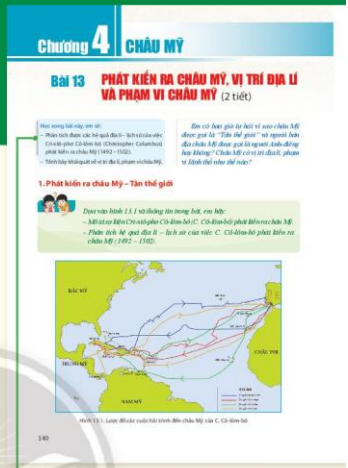

Chương 4 CHÂU MỸ

Bài 13 PHÁT KIẾN RA CHÂU MỸ. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI CHÂU MỸ (2 tiết)

1. Phát kiến ra châu Mỹ – Tân thế giới

Hình 13.1. Lược đồ các cuộc hải trình đến châu Mỹ của C. Cô-lôm-bô

140

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

– GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn mở đầu để đặt vấn đề cho bài học.

+ Cách thứ hai: Sử dụng kĩ thuật KWLH.

Bước 1. GV sử dụng kĩ thuật KWLH, yêu cầu các nhóm HS điền vào các cột K và cột W trong bảng về các điều liên quan đến quá trình phát kiến ra châu Mỹ.

K (đã biết)	W (muốn biết)	L (học được)	H (cách học)
?	?	?	?

Bước 2. Nhóm HS thảo luận và hoàn thành cột K và W, có thể dự kiến câu trả lời cho cột L.
Bước 3. HS trao đổi và hoàn thành bảng.
Bước 4. Các nhóm HS trình bày, góp ý, bổ sung. GV dẫn dắt vào bài mới.
– GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu phát kiến ra châu Mỹ – Tân thế giới

– Thời gian: 15 phút.
– Hình thức dạy học: nhóm 2 HS.
– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
– Phương tiện dạy học: hình 13.1.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1 (tt)

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu 2 HS ngồi cạnh nhau thực hiện nhiệm vụ trong SGK.

Dựa vào hình 13.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– *Mô tả sự kiện C. Cô-lôm-bô phát hiện ra châu Mỹ.*

– *Phân tích hệ quả địa lí – lịch sử của việc C. Cô-lôm-bô phát hiện ra châu Mỹ (1492 – 1502).*

Bước 2. HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Đại diện một cặp HS trình bày kết quả thảo luận.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu thảo luận nhóm.

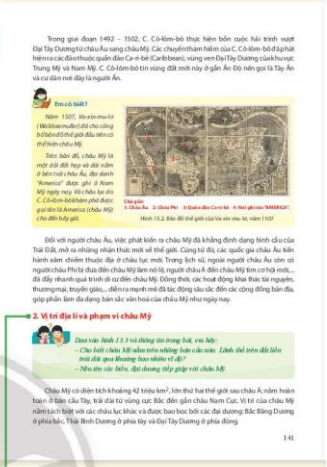

Trong giai đoạn 1492 – 1502, C. Cô-lôm-bô thực hiện bốn cuộc hải trình vượt Đại Tây Dương từ châu Âu sang châu Mỹ. Các chuyến thám hiểm của C. Cô-lôm-bô đã phát hiện ra các đảo thuộc quần đảo Ca-ri-bê (Caribbean), vùng ven Đại Tây Dương của khu vực Trung Mỹ và Nam Mỹ. C. Cô-lôm-bô tin rằng đất mới này ở gần Ấn Độ nên gọi là Tây Ấn và cư dân nơi đây là người Ấn.

Em có biết?

Năm 1507, Vа-xin-mu-lơ (Waldseemuller) đã cho công bố bản đồ thế giới đầu tiên có thể hiện châu Mỹ.

Trên bản đồ, châu Mỹ là một dải đất hẹp và dài nằm ở bên trái châu Âu, địa danh "America" được ghi ở Nam Mỹ ngày nay. Vì châu lục đó C. Cô-lôm-bô khám phá được gọi tên là America (châu Mỹ) cho đến bây giờ.

Hình 13.2. Bản đồ thế giới của Vа-xin-mu-lơ, năm 1507

Chú giải: 1- Châu Âu 2- Châu Phi 3- Quần đảo Ca-ri-bê 4- Nơi gốc của "AMERICA"

Đối với người châu Âu, việc phát kiến ra châu Mỹ đã khẳng định dạng hình cầu của Trái Đất, mở ra những nhận thức mới về thế giới. Cùng từ đó, các quốc gia châu Âu tiến hành xâm chiếm thuộc địa ở châu lục mới. Trong lịch sử, ngoài người châu Âu còn có người châu Phi bị đưa đến châu Mỹ làm nô lệ, người châu Á đến châu Mỹ tìm cơ hội mới,... đã đẩy nhanh quá trình di cư đến châu Mỹ. Đồng thời, các hoạt động khai thác tài nguyên, thương mại, truyền giáo,... diễn ra mạnh mẽ đã tác động sâu sắc đến các cộng đồng bản địa, góp phần làm đa dạng bản sắc văn hoá của châu Mỹ như ngày nay.

2. Vị trí địa lí và phạm vi châu Mỹ

Dựa vào hình 13.3 và thông tin trong bài, em hãy:
– Cho biết châu Mỹ nằm trên những bán cầu nào. Lãnh thổ trên đất liền trải dài qua khoảng bao nhiêu vĩ độ?
– Nêu tên các biển, đại dương tiếp giáp với châu Mỹ.

Châu Mỹ có diện tích khoảng 42 triệu km², lớn thứ hai thế giới sau châu Á, nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, trải dài từ vùng cực Bắc đến gần châu Nam Cực. Vị trí của châu Mỹ nằm tách biệt với các châu lục khác và được bao bọc bởi các đại dương: Bắc Băng Dương ở phía bắc, Thái Bình Dương ở phía tây và Đại Tây Dương ở phía đông.

141

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu lịch sử vị trí địa lí và phạm vi châu Mỹ

– Thời gian: 15 phút.

– Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan, sử dụng trò chơi "Tinh mắt – Nhanh tay".

– Phương tiện dạy học: hình 13.1 SGK.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành nhóm nhỏ 4 – 6 HS tuỳ vào số lượng, đánh số thứ tự HS trong mỗi nhóm.

Bước 2. GV thông báo thể lệ, thời gian cho các nhóm quan sát hình 13.3 SGK để trả lời các câu hỏi:

+ Vị trí địa lí của châu Mỹ thuộc những bán cầu nào?

+ Từ điểm cực Bắc đến điểm cực Nam của châu Mỹ trải dài bao nhiêu vĩ độ?

+ Xác định các đại dương, biển, vịnh biển xung quanh châu Mỹ.

Bước 3. GV nêu câu hỏi và gọi ngẫu nhiên các số thứ tự HS của mỗi nhóm trả lời. Nhóm nào có HS trả lời nhanh hơn, đúng hơn sẽ ghi điểm.

Đánh giá: GV nhận xét, tổng kết điểm của mỗi nhóm.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

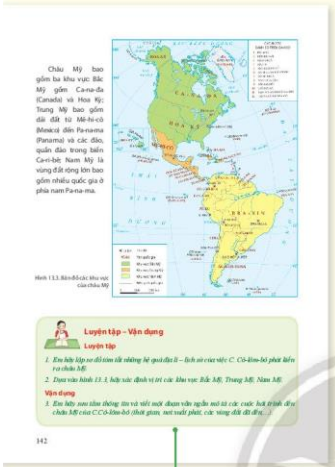

Châu Mỹ bao gồm ba khu vực: Bắc Mỹ gồm Ca-na-đa (Canada) và Hoa Kỳ; Trung Mỹ bao gồm đất đặt từ Mê-hi-cô (Mexico) đến Pa-nama (Panama) và các đảo, quần đảo trong biển Ca-ri-bê; Nam Mỹ là vùng đất rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia ở phía nam Pa-na-ma.

Hình 13.3. Bản đồ các khu vực của châu Mỹ

Luyện tập - Vận dụng

Luyện tập

1. Em hãy lập sơ đồ tóm tắt những hệ quả địa lí – lịch sử của việc C. Cô-lôm-bô phát hiện ra châu Mỹ.

2. Dựa vào hình 13.3, hãy xác định vị trí các khu vực Bắc Mỹ, Trung Mỹ, Nam Mỹ.

Vận dụng

3. Em hãy sưu tầm thông tin và viết một đoạn văn ngắn mô tả các cuộc hải trình đầu tiên châu Mỹ của C.Cô-lôm-bô (thời gian, nơi xuất phát, các vùng đất đã đến,...)

142

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

– Thời gian: 10 phút.

– Hình thức dạy học: cá nhân.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.

– Phương tiện trực quan: hình 13.1 và hình 13.3 SGK.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu HS dựa vào hình 13.1, hình 13.3 và vận dụng kiến thức bài học để giải quyết các câu hỏi ở phần Luyện tập.

Bước 2. GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

Bước 3. GV mời đại diện HS trình bày kết quả.

Đánh giá: GV nhận xét và cho điểm bài tập sau khi đã cung cấp đáp án hoặc yêu cầu các HS ngồi cạnh nhau kiểm tra kết quả cho nhau.

Sơ đồ phải đảm bảo:

– Tính chính xác.

– Tính trực quan.

– Tính thẩm mĩ.

Vận dụng

GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục Em có biết và hướng dẫn HS về nhà tự thực hiện.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Đặc điểm chung của thiên nhiên Bắc Mỹ.
- Dân cư, xã hội Bắc Mỹ.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Đọc được bản đồ tự nhiên và khí hậu khu vực Bắc Mỹ.
- Đọc được biểu đồ cơ cấu thành phần người nhập cư vào Bắc Mỹ, biểu đồ tỉ lệ dân đô thị và bản đồ phân bố một số đô thị ở Bắc Mỹ.
- Trình bày một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình, khí hậu, sông, hồ; các đới thiên nhiên ở Bắc Mỹ.
- Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội: vấn đề nhập cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hoá Bắc Mỹ.

2. Phát triển năng lực chung

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.
- Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành các phần việc được giao.

3. Hình thành những phẩm chất

Tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc, các nền văn hoá trên thế giới.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn dẫn nhập đầu bài 14 SGK để giới thiệu bài học (sử dụng câu hỏi đã có trong đoạn dẫn nhập hoặc câu hỏi khác theo mục đích của GV).

+ Cách thứ hai: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Chiếc nón kì diệu" với các câu hỏi liên quan về Bắc Mỹ.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

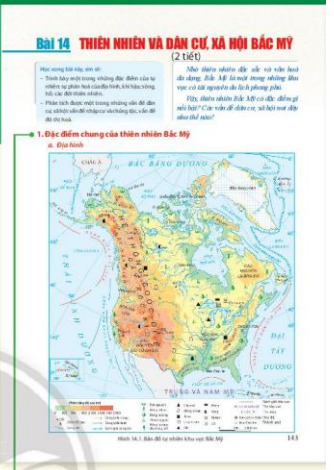
Bài 14 THIÊN NHIÊN VÀ DÂN CƯ, XÃ HỘI BẮC MỸ
(2 tiết)
1. Đặc điểm chung của thiên nhiên Bắc Mỹ
a. Địa hình
BẮC BĂNG DƯƠNG
ĐẠI TÂY DƯƠNG
TRUNG VÀ NAM MĨ
Hình 14.1. Bản đồ tự nhiên khu vực Bắc Mỹ
143

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm chung của thiên nhiên Bắc Mỹ

- Thời gian: 75 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan, sử dụng phiếu học tập.
- Phương tiện dạy học: hình 14.1 và hình 14.2 SGK, phiếu học tập.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành nhóm nhỏ 4 – 6 HS tuỳ vào số lượng và giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm ứng với các chủ đề: địa hình, khí hậu, sông và hồ, các đới thiên nhiên thông qua phiếu học tập sau:

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Dựa vào hình 14.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Kể tên các cao nguyên, bồn địa, dãy núi và đồng bằng ở Bắc Mỹ.

– Trình bày sự phân hoá địa hình Bắc Mỹ theo chiều đông – tây.

Khu vực Bắc Mỹ có địa hình đa dạng, phân hoá theo chiều đông – tây:

– Miền núi thấp và trung bình ở phía đông, bao gồm dãy núi già A-pa-lát (Appalachian), cao nguyên La-bra-đo (Labrador).

– Miền đồng bằng là khu vực rộng lớn ở giữa, cao trung bình 200 – 500 m, thấp dần từ tây bắc xuống đông nam, bao gồm đồng bằng Ca-na-đa, đồng bằng Lớn, đồng bằng Trung Tâm và đồng bằng Duyên Hải.

– Miền núi cao phân bố ở phía tây là địa hình hiểm trở nhất Bắc Mỹ, kéo dài 9 000 km theo chiều bắc – nam. Hệ thống núi Cooc-đi-e (Cordillera) chiếm ưu thế, xen giữa các dãy núi là cao nguyên, bồn địa,... Ở đây có nhiều đỉnh núi cao hơn 4 000 m.

b. Khí hậu

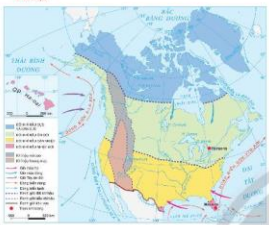

Hình 14.2. Bản đồ khí hậu khu vực Bắc Mỹ

144

Dựa vào hình 14.2 và thông tin trong bài, em hãy trình bày sự phân hoá khí hậu Bắc Mỹ theo chiều bắc – nam và theo chiều đông – tây.

Khí hậu của Bắc Mỹ có sự phân hoá đa dạng cả theo chiều bắc – nam và theo chiều đông – tây, bao gồm:

– Đới khí hậu cực và cận cực: phân bố từ 60°B trở lên vùng cực. Nhiệt độ trung bình năm thấp, mùa đông rất lạnh, lượng mưa rất ít.

– Đới khí hậu ôn đới: chiếm diện tích lớn nhất, ở khoảng vĩ độ 40°B – 60°B.

Ở vùng ven biển, khí hậu ôn hoà, lượng mưa tương đối lớn. Vào sâu trong nội địa, mùa hạ nóng, nhiệt độ tăng dần từ bắc xuống nam. Mùa đông ở phía bắc lạnh, tuyết phủ dày; ở phía nam ít lạnh hơn. Lượng mưa ít, nhiều nơi không mưa trong thời gian dài.

– Đới khí hậu cận nhiệt: chiếm diện tích lớn ở phía nam. Ven biển phía tây có khí hậu cận nhiệt địa trung hải, mùa hạ nóng, khô; mùa đông ấm, lượng mưa khá lớn. Ven biển phía đông có khí hậu cận nhiệt ẩm, mùa hạ nóng, ẩm; mùa đông tương đối lạnh, khô, lượng mưa khá nhiều và tăng dần về phía biển.

– Đới khí hậu nhiệt đới: chiếm diện tích nhỏ nhất, ở phía nam bán đảo Phlo-ri-đa (Florida) và quần đảo Ha-oai (Hawaii); nhiệt độ cao quanh năm; lượng mưa nhiều nhưng phân bố không đều.

c. Sông, hồ

Dựa vào hình 14.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Kể tên các sông và hồ chính ở Bắc Mỹ.

– Nhận xét đặc điểm phân bố mạng lưới sông ngòi của Bắc Mỹ.

Bắc Mỹ có hệ thống sông, hồ khá phát triển. Sông, hồ có nguồn cung cấp nước dồi dào từ tuyết tan và do mưa.

Bắc Mỹ có một số hệ thống sông lớn như: Xanh Lô-răng (Saint Laurent), Mi-xi-xi-pi (Mississippi), Ri-ô Gran-đê (Rio Grande),... Phần lớn các hệ thống sông đổ ra Đại Tây Dương. Mi-xi-xi-pi là hệ thống sông lớn nhất Bắc Mỹ với nhiều phụ lưu lớn, Chế độ dòng chảy của sông phụ thuộc nhiều vào chế độ mưa.

Bắc Mỹ còn nhiều hồ, phần lớn phân bố ở phía bắc. Vùng Hồ Lớn là hệ thống hồ quan trọng nhất, gồm 5 hồ nối liền nhau: hồ Thượng, Hu-rôn (Huron), Mi-si-gân (Michigan), Ê-ri (Erie), Ôn-ta-ri-ô (Ontario).

145

PHIẾU HỌC TẬP 1

Địa hình và sông, hồ

1. Sự phân hoá của ..... Bắc Mỹ theo chiều đông – tây:

– Đông: .....

.....

– Trung tâm: .....

.....

– Tây: .....

.....

2. Kể tên một số dạng địa hình/sông, hồ chính của Bắc Mỹ.

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP 2

Khí hậu, các đới thiên nhiên

1. Kể tên theo thứ tự các đới khí hậu/ các đới thiên nhiên Bắc Mỹ theo chiều bắc – nam và theo chiều đông – tây:

– Theo chiều bắc – nam: .....

– Theo chiều đông – tây: .....

2. Một số đặc điểm chính của các đới khí hậu/các đới thiên nhiên Bắc Mỹ:

– .....

– .....

– .....

– .....

Bước 2. HS thảo luận và hoàn thành phiếu học tập.

Bước 3. GV mời đại diện nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu học tập của nhóm.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm dân cư, xã hội Bắc Mỹ

- Thời gian: 35 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn, sử dụng phương tiện trực quan, sử dụng phiếu học tập.
- Phương tiện dạy học: các hình từ 14.3 đến 14.6 SGK và phiếu học tập.

Bước 1. GV tổ chức cho các nhóm HS đã chia ở hoạt động khám phá 1 và giao nhiệm vụ cho các nhóm ứng với chủ đề nhập cư, chủng tộc và chủ đề đô thị hoá. GV yêu cầu các em dựa vào thông tin trong bài và các hình từ 14.3 đến 14.6 để hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP 3

Nhập cư và chủng tộc

1. Lịch sử nhập cư vào Bắc Mỹ được thúc đẩy từ năm nào và nguyên nhân?

.....

.....

.....

.....

2. Nguồn gốc của người di cư đến Bắc Mỹ năm 2020.

.....

.....

.....

.....

3. Bắc Mỹ rất đa dạng về chủng tộc vì:

.....

.....

.....

.....

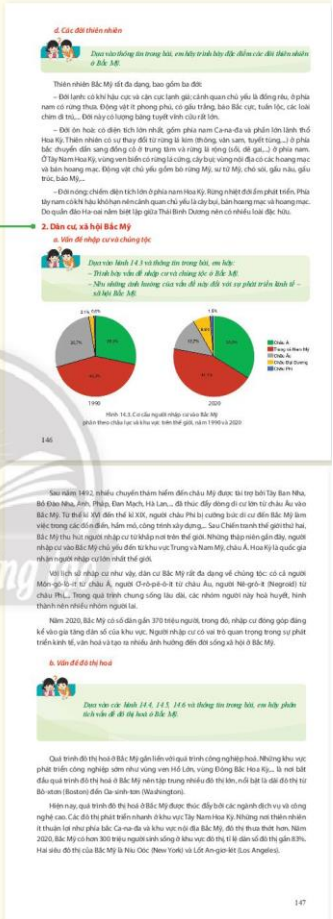

d. Các đới thiên nhiên

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy trình bày đặc điểm các đới thiên nhiên ở Bắc Mỹ.

Thiên nhiên Bắc Mỹ rất đa dạng, bao gồm ba đới:

– Đới lạnh: có khí hậu cực và cận cực lạnh giá; cảnh quan chủ yếu là đồng rêu, ở phía nam có rừng thưa. Động vật ít phong phú, có gấu trắng, báo Bắc cực, tuần lộc, các loài chim di trú,... Đới này có lượng băng tuyết vĩnh cửu rất lớn.

– Đới ôn hoà: có diện tích lớn nhất, gồm phía nam Ca-na-đa và phần lớn lãnh thổ Hoa Kì. Thiên nhiên có sự thay đổi từ rừng lá kim (thông, vân sam, tuyết tùng,...) ở phía bắc chuyển dần sang đồng cỏ ở trung tâm và rừng lá rộng (sồi, dẻ gai,...) ở phía nam. Ở Tây Nam Hoa Kì, vùng ven biển có rừng lá cứng; cây bụi; vùng nội địa có các hoang mạc và bán hoang mạc. Động vật chủ yếu gồm bò rừng Mĩ, sư tử Mĩ, chó sói, gấu nâu, gấu trúc, báo Mỹ,...

– Đới nóng: chiếm diện tích lớn ở phía nam Hoa Kì. Rừng nhiệt đới ẩm phát triển, Phía tây nam có khí hậu khô hạn nên cảnh quan chủ yếu là cây bụi, bán hoang mạc và hoang mạc. Do quần đảo Ha-oai nằm biệt lập giữa Thái Bình Dương nên có nhiều loài đặc hữu.

2. Dân cư, xã hội Bắc Mỹ

a. Vấn đề nhập cư và chủng tộc

Dựa vào hình 14.3 và thông tin trong bài, em hãy:
– Trình bày vấn đề nhập cư và chủng tộc ở Bắc Mỹ.
– Nêu những ảnh hưởng của vấn đề này đối với sự phát triển kinh tế – xã hội Bắc Mỹ.

Hình 14.3. Cơ cấu người nhập cư vào Bắc Mỹ phân theo châu lục và khu vực trên thế giới, năm 1990 và 2020

146

Sau năm 1492, nhiều chuyến thám hiểm đến châu Mỹ được tài trợ bởi Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh, Pháp, Đan Mạch, Hà Lan,... đã thúc đẩy dòng di cư lớn từ châu Âu vào Bắc Mỹ. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, người châu Phi bị cưỡng bức đi cư đến Bắc Mỹ làm việc trong các đồn điền, hầm mỏ, công trình xây dựng,... Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Bắc Mỹ thu hút người nhập cư từ khắp nơi trên thế giới. Những thập niên gần đây, người nhập cư vào Bắc Mỹ chủ yếu đến từ khu vực Trung và Nam Mỹ, châu Á. Hoa Kì là quốc gia nhận người nhập cư lớn nhất thế giới.

Với lịch sử nhập cư như vậy, dân cư Bắc Mỹ rất đa dạng về chủng tộc: có cả người Môn-gô-lô-it từ châu Á, người Ơ-rô-pê-ô-it từ châu Âu, người Nê-grô-it (Negroid) từ châu Phi,... Trong quá trình chung sống lâu dài, các nhóm người này hoà huyết, hình thành nên nhiều nhóm người lai.

Năm 2020, Bắc Mỹ có số dân gần 370 triệu người, trong đó, nhập cư đóng góp đáng kể vào gia tăng dân số của khu vực. Người nhập cư có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế, văn hoá và tạo ra nhiều ảnh hưởng đến đời sống xã hội ở Bắc Mỹ.

b. Vấn đề đô thị hoá

Dựa vào các hình 14.4, 14.5, 14.6 và thông tin trong bài, em hãy phân tích vấn đề đô thị hoá ở Bắc Mỹ.

Quá trình đô thị hoá ở Bắc Mỹ gắn liền với quá trình công nghiệp hoá. Những khu vực phát triển công nghiệp sớm như vùng ven Hồ Lớn, vùng Đồng Bắc Hoa Kì,... là nơi bắt đầu quá trình đô thị hoá ở Bắc Mỹ nên tập trung nhiều đô thị lớn, nổi bật là dải đô thị từ Bô-xtơn (Boston) đến Oa-sinh-tơn (Washington).

Hiện nay, quá trình đô thị hoá ở Bắc Mỹ được thúc đẩy bởi các ngành dịch vụ và công nghệ cao. Các đô thị phát triển nhanh ở khu vực Tây Nam Hoa Kì. Những nơi thiên nhiên ít thuận lợi như phía bắc Ca-na-đa và khu vực nội địa Bắc Mỹ, đô thị thưa thớt hơn. Năm 2020, Bắc Mỹ có hơn 300 triệu người sinh sống ở khu vực đô thị, tỉ lệ dân số đô thị gần 83%. Hai siêu đô thị của Bắc Mỹ là Niu Óóc (New York) và Lốt An-giơ-lét (Los Angeles).

147

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2 (tt)

PHIẾU HỌC TẬP 4

Đô thị hoá

1. Đô thị hoá ở Bắc Mỹ gắn liền với quá trình gì?

.....

.....

2. Khu vực tập trung nhiều đô thị trên 5 triệu người ở Bắc Mỹ.

.....

.....

3. Tỉ lệ đô thị hoá của Bắc Mỹ so với các khu vực khác trên thế giới.

.....

.....

Bước 2. HS thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Đại diện nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu học tập nhóm.

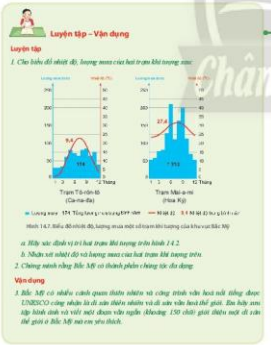

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Cho biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của hai trạm khí tượng sau:

Trạm Tô-rôn-tô (Ca-na-đa)

Trạm Mai-a-mi (Hoa Kỳ)

Hình 14.2. Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa một số trạm khí tượng của khu vực Bắc Mỹ

a. Hãy xác định vị trí hai trạm khí tượng trên hình 14.2.

b. Nhận xét nhiệt độ và lượng mưa của hai trạm khí tượng trên.

2. Chứng minh rằng Bắc Mỹ có thành phần chủng tộc đa dạng.

Vận dụng

1. Bắc Mỹ có nhiều cảnh quan thiên nhiên và công trình văn hoá nổi tiếng được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên và di sản văn hoá thế giới. Em hãy sưu tập hình ảnh và viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) giới thiệu một di sản thế giới ở Bắc Mỹ mà em yêu thích.

149

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

- Thời gian: 20 phút.
- Hình thức dạy học: cá nhân/cặp.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện trực quan: hình 14.2 và hình 14.7 SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu HS dựa vào hình 14.2, hình 14.7 SGK và vận dụng kiến thức bài học để trả lời câu hỏi phần Luyện tập.

Bước 2. GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

Bước 3. GV mời đại diện HS trình bày kết quả.

Đánh giá: GV nhận xét và cho điểm bài tập sau khi đã cung cấp đáp án hoặc yêu cầu các HS ngồi cạnh nhau kiểm tra kết quả cho nhau.

Vận dụng

GV hướng dẫn HS về nhà tự thực hiện, giới thiệu cho HS một số từ khoá, địa chỉ trang web để HS tiện tra cứu.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

Phương thức khai thác tự nhiên theo hướng bền vững ở Bắc Mỹ.

- Khai thác tài nguyên đất.
- Khai thác tài nguyên nước.
- Khai thác tài nguyên khoáng sản.
- Khai thác các tài nguyên khác.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Phân tích được phương thức khai thác tự nhiên theo hướng bền vững ở Bắc Mỹ.
- Đọc bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng của Bắc Mỹ.

2. Phát triển năng lực chung

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.

3. Hình thành phẩm chất

- Sống hoà hợp, thân thiện với thiên nhiên.
- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào học tập và cuộc sống.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn mở đầu để đặt vấn đề cho bài học. GV có thể đặt một số câu hỏi gợi mở cho HS trả lời nhằm thăm dò khả năng của HS.

+ Cách thứ hai: Cho HS trả lời câu hỏi định hướng, khai thác thông tin từ video clip (hoặc hình ảnh) về phương thức khai thác tự nhiên ở Bắc Mỹ, từ đó dẫn dắt vào nội dung bài học.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

Bài 15 PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC TỰ NHIÊN BỀN VỮNG, MỘT SỐ TRUNG TÂM KINH TẾ CỦA BẮC MỸ

(2 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
- Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ.
- Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng của Bắc Mỹ.

Nguồn tài nguyên thiên nhiên ở Bắc Mỹ rất phong phú và đa dạng. Vậy có phương thức khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên hợp lí, Bắc Mỹ đã phát triển trở thành khu vực kinh tế lớn và hiện đại hàng đầu thế giới. Vậy khu vực này đã áp dụng những phương thức nào để khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên? Nói đến có những trung tâm kinh tế quan trọng nào?

1. Phương thức khai thác các nguồn tài nguyên theo hướng bền vững

Dựa vào hình 15.1, hình 15.2 và thông tin trong bài, em hãy phân tích phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ thông qua việc sử dụng các nguồn tài nguyên.

a. Khai thác tài nguyên đất

Hình 15.1. Cánh đồng ngô ở Hoa Kỳ

Bắc Mỹ có nhiều đồng bằng rộng lớn, đất đai màu mỡ và đã được khai thác từ lâu để trồng trọt. Sản xuất nông nghiệp được tiến hành chuyên canh trong các trang trại lớn. Tuy nhiên, do thời gian dài sử dụng lượng phân hoá học lớn nên đất đai bị thoái hoá.

Gần đây, các nước Bắc Mỹ đã áp dụng khoa học – kĩ thuật hiện đại kết hợp với các phương thức khai thác đa canh và luân canh, trồng trọt kết hợp chăn nuôi, tăng cường sử dụng nguồn phân bón sinh học nên năng suất tăng đáng kể, động thời bảo vệ và chống thoái hoá đất.

150

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu phương thức khai thác tự nhiên theo hướng bền vững ở Bắc Mỹ

- Thời gian: 45 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ, cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan, kĩ thuật khăn trải bàn,…
- Phương tiện dạy học: hình 15.1 và hình 15.2 SGK, phiếu học tập,…
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành nhóm nhỏ 4 – 6 HS tuỳ vào số lượng.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

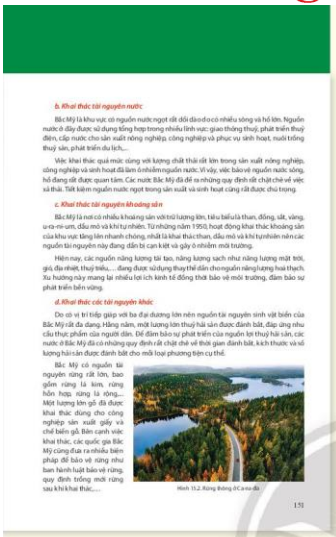

b. Khai thác tài nguyên nước

Bắc Mỹ là khu vực có nguồn nước ngọt rất dồi dào có nhiều sông và hồ lớn. Nguồn nước ở đây được sử dụng tổng hợp trong nhiều lĩnh vực: giao thông thuỷ, phát triển thuỷ điện, cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và phục vụ sinh hoạt, nuôi trồng thuỷ sản, phát triển du lịch,...

Việc khai thác quá mức cùng với lượng chất thải rất lớn trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt đã làm ô nhiễm nguồn nước. Vì vậy, việc bảo vệ nguồn nước sông, hồ đang rất được quan tâm. Các nước Bắc Mỹ đã đề ra những quy định rất chặt chẽ về việc xả thải. Tiết kiệm nguồn nước ngọt trong sản xuất và sinh hoạt cũng rất được chú trọng.

c. Khai thác tài nguyên khoáng sản

Bắc Mỹ là nơi có nhiều khoáng sản với trữ lượng lớn, tiêu biểu là than, đồng, sắt, vàng, u-ra-ni-um, dầu mỏ và khí tự nhiên. Từ những năm 1950, hoạt động khai thác khoáng sản của khu vực tăng lên nhanh chóng, nhất là khai thác than, dầu mỏ và khí tự nhiên nên các nguồn tài nguyên này đang dần bị cạn kiệt và gây ô nhiễm môi trường.

Hiện nay, các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch như năng lượng mặt trời, gió, địa nhiệt, thuỷ triều,... đang được sử dụng thay thế dần cho nguồn năng lượng hoá thạch. Xu hướng này mang lại nhiều lợi ích kinh tế đồng thời bảo vệ môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững.

d. Khai thác các tài nguyên khác

Do có vị trí tiếp giáp với ba đại dương lớn nên nguồn tài nguyên sinh vật biển của Bắc Mỹ rất đa dạng. Hàng năm, một lượng lớn thuỷ hải sản được đánh bắt, đáp ứng nhu cầu thực phẩm của người dân. Để đảm bảo sự phát triển của nguồn lợi thuỷ hải sản, các nước ở Bắc Mỹ đã có những quy định rất chặt chẽ về thời gian đánh bắt, kích thước và số lượng hải sản được đánh bắt cho mỗi loại phương tiện cụ thể.

Bắc Mỹ có nguồn tài nguyên rừng rất lớn, bao gồm rừng lá kim, rừng hỗn hợp rừng lá rộng,... Một lượng lớn gỗ đã được khai thác dùng cho công nghiệp sản xuất giấy và chế biến gỗ. Bên cạnh việc khai thác, các quốc gia Bắc Mỹ cũng đưa ra nhiều biện pháp để bảo vệ rừng như ban hành luật bảo vệ rừng, quy định trồng mới rừng sau khi khai thác,...

Hình 15.2. Rừng thông ở Ca-na-đa

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

PHIẾU HỌC TẬP 1

Nhóm .....

Phương thức con người khai thác tài nguyên đất

1. Tài nguyên đất ở Bắc Mỹ đã được khai thác như thế nào?

.....

.....

2. Thực trạng nguồn tài nguyên đất ở Bắc Mỹ.

.....

.....

3. Nêu các biện pháp bảo vệ tài nguyên đất ở Bắc Mỹ.

.....

.....

Bước 2. GV yêu cầu các nhóm HS dựa vào thông tin trong bài hoàn thành nhiệm vụ học tập sau:

+ Nhiệm vụ 1: Phân tích phương thức khai thác tài nguyên đất theo hướng bền vững ở Bắc Mỹ (Phiếu học tập 1).
+ Nhiệm vụ 2: Phân tích phương thức khai thác tài nguyên nước theo hướng bền vững ở Bắc Mỹ (Phiếu học tập 2).
+ Nhiệm vụ 3: Phân tích phương thức khai thác tài nguyên khoáng sản theo hướng bền vững ở Bắc Mỹ (Phiếu học tập 3).
+ Nhiệm vụ 4: Phân tích phương thức khai thác các tài nguyên khác theo hướng bền vững ở Bắc Mỹ (Phiếu học tập 4).

PHIẾU HỌC TẬP 2

Nhóm .....

Phương thức con người khai thác tài nguyên nước

1. Tài nguyên nước ở Bắc Mỹ đã được khai thác như thế nào?

.....

.....

2. Thực trạng nguồn tài nguyên nước ở Bắc Mỹ.

.....

.....

3. Nêu các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước ở Bắc Mỹ.

.....

.....

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1 (tt)

PHIẾU HỌC TẬP 3

Nhóm .....

Phương thức con người khai thác tài nguyên khoáng sản

1. Tài nguyên khoáng sản ở Bắc Mỹ đã được khai thác như thế nào?

.....

.....

2. Thực trạng nguồn tài nguyên khoáng sản ở Bắc Mỹ.

.....

.....

3. Nêu các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản ở Bắc Mỹ.

.....

.....

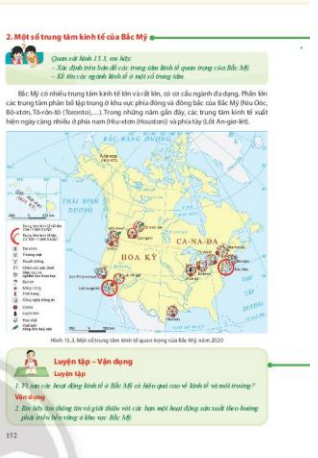

2. Một số trung tâm kinh tế của Bắc Mỹ

Quan sát hình 15.3, em hãy:
– Xác định trên bản đồ các trung tâm kinh tế quan trọng của Bắc Mỹ.
– Kể tên các ngành kinh tế ở một số trung tâm.

Bắc Mỹ có nhiều trung tâm kinh tế lớn và rất lớn, có cơ cấu ngành đa dạng. Phần lớn các trung tâm phân bố tập trung ở khu vực phía Đông và đông bắc của Bắc Mỹ (Niu-Oóc, Bô-xtơn, Tô-rôn-tô (Toronto), ...). Trong những năm gần đây, các trung tâm kinh tế xuất hiện ngày càng nhiều ở phía nam (Hu-xtơn (Houston)) và phía tây (Lốt An-giơ-lét).

Hình 15.3. Một số trung tâm kinh tế quan trọng của Bắc Mỹ, năm 2020

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Kể tên các hoạt động kinh tế ở Bắc Mỹ có hiệu quả cao về kinh tế và môi trường?

Vận dụng

2. Sưu tầm tài liệu (thông tin và giới thiệu với các bạn một hoạt động sản xuất theo hướng phát triển bền vững ở khu vực Bắc Mỹ.

152

PHIẾU HỌC TẬP 4

Nhóm .....

Phương thức con người khai thác tài nguyên khác

1. Tài nguyên biển, tài nguyên rừng ở Bắc Mỹ đã được khai thác như thế nào?

.....

.....

2. Thực trạng nguồn tài nguyên biển, tài nguyên rừng ở Bắc Mỹ.

.....

.....

3. Nêu các biện pháp bảo vệ tài nguyên biển, tài nguyên rừng ở Bắc Mỹ.

.....

.....

Bước 3. HS làm việc cá nhân hoàn thành từng phiếu học tập.

+ Giai đoạn 1: HS làm việc độc lập, ghi lại phần trình bày của mình vào phiếu cá nhân.
+ Giai đoạn 2: HS thảo luận nhóm, tìm ra ý tưởng chung và viết phiếu chung.

Bước 4. Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

Bước 5. GV yêu cầu các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhóm khác. GV chốt lại kiến thức nếu còn thiếu, chưa chuẩn xác. Tuỳ theo các đối tượng HS, GV có thể cho HS thực hiện lần lượt từng nhiệm vụ hoặc có thể gộp 2 nhiệm vụ.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua sản phẩm của nhóm.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu một số trung tâm kinh tế của Bắc Mỹ

– Thời gian: 25 phút.

– Hình thức dạy học: cá nhân.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan (bản đồ).

– Phương tiện dạy học: hình 15.3 SGK, bảng thống kê theo mẫu như bên dưới,…

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua việc hoàn thành bảng.

Bước 2. GV yêu cầu HS dựa vào hình 15.3 và thông tin trong bài hoàn thành nhiệm vụ: Đọc bản đồ một số trung tâm kinh tế của Bắc Mỹ và hoàn thành bảng vào vở theo mẫu sau:

MỘT SỐ TRUNG TÂM KINH TẾ QUAN TRỌNG Ở BẮC MỸ

STT	Tên trung tâm	Các ngành kinh tế chính
?	?	?
?	?	?
?	?	?
?	?	?
?	?	?

Bước 3. HS làm việc cá nhân hoàn thành bảng (điền thông tin của 3 – 5 trung tâm).

Bước 4. GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả.

Bước 5. GV yêu cầu một số HS khác nhận xét, bổ sung (nếu còn thiếu). GV chốt lại kiến thức nếu còn chưa chuẩn xác.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua sản phẩm của HS.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

– Thời gian: 15 phút.

– Hình thức dạy học: cá nhân.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu HS xem lại nội dung bài học để giải quyết câu hỏi trong mục Luyện tập.

Bước 2. HS hệ thống lại kiến thức và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

Bước 3. HS trình bày kết quả hoàn thành bài tập. GV yêu cầu một số HS nhận xét, bổ sung (nếu có). GV chốt lại kiến thức.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập thông qua bài tập mà HS đã hoàn thành.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (tt)

Vận dụng

- Thời gian: 5 phút.
- Hình thức dạy học: cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.
- Phương tiện dạy học: hình ảnh.
- Các bước tiến hành:

+ GV yêu cầu HS về nhà tự thực hiện một trong hai nhiệm vụ ở mục Vận dụng trong SGK.
+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin trong mục Em có biết và giới thiệu cho HS một số từ khoá, địa chỉ trang web để HS tiện tra cứu.

Đánh giá: GV kiểm tra sự phù hợp, chính xác các thông tin mà HS tìm được.

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

GV cần chuẩn bị

- Phiếu học tập.
- Các video clip, hình ảnh về phương thức con người khai thác tự nhiên ở Bắc Mỹ.

GV yêu cầu HS chuẩn bị

- Xem trước video, chuẩn bị các câu trả lời cho câu hỏi định hướng.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

Sự phân hoá theo chiều đông – tây, theo chiều bắc – nam và theo chiều cao (trên dãy núi An-đét).

- Phân hoá tự nhiên theo chiều đông – tây.
- Phân hoá tự nhiên theo chiều bắc – nam.
- Phân hoá tự nhiên theo chiều cao (trên dãy núi An-đét).

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Đọc bản đồ tự nhiên khu vực Trung và Nam Mỹ; bản đồ khí hậu khu vực Trung và Nam Mỹ để phân tích các yếu tố địa lí.
- Phân tích được sự phân hoá các yếu tố tự nhiên của khu vực Trung và Nam Mỹ.

2. Phát triển năng lực chung

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.

3. Hình thành những phẩm chất

- Sống hoà hợp, thân thiện với thiên nhiên.
- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào học tập và cuộc sống.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn mở đầu để đặt vấn đề cho bài học. GV có thể đặt một số câu hỏi gợi mở cho HS trả lời nhằm thăm dò khả năng của HS.

+ Cách thứ hai: Cho HS trả lời câu hỏi định hướng, khai thác thông tin từ video clip (hoặc hình ảnh) về cảnh quan tự nhiên Trung và Nam Mỹ, từ đó dẫn dắt vào nội dung bài học.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

Bài 16 THIÊN NHIÊN TRUNG VÀ NAM MỸ

(2 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
Trình bày được sự phân hoá tự nhiên theo chiều đông – tây, theo chiều bắc – nam và theo chiều cao (trên dãy núi An-đét).

Trung và Nam Mỹ là một trong những khu vực có lượng mưa dồi dào, tạo điều kiện thuận lợi cho giới tự nhiên phát triển phong phú. Vậy, thiên nhiên Trung và Nam Mỹ phân hoá như thế nào theo chiều đông – tây, chiều bắc – nam và theo chiều cao?

Khu vực Trung và Nam Mỹ bao gồm eo đất Trung Mỹ, các đảo và quần đảo trong biển Ca-ri-bê và toàn bộ lục địa Nam Mỹ. Do lãnh thổ rộng lớn lại trải dài trên nhiều vĩ độ nên tự nhiên có sự phân hoá theo chiều đông – tây, theo chiều bắc – nam và theo chiều cao.

1. Phân hoá tự nhiên theo chiều đông – tây

Quan sát hình 16.1 và dựa thông tin trong bài, em hãy trình bày sự phân hoá theo chiều đông – tây của tự nhiên khu vực Trung và Nam Mỹ.

– Ở Trung Mỹ, các sườn núi phía đông eo đất Trung Mỹ và các quần đảo có mưa nhiều, rừng rậm nhiệt đới bao phủ. Sườn núi phía tây eo đất Trung Mỹ mưa ít nên phát triển xavan và rừng thưa, cây bụi.

– Ở Nam Mỹ, sự phân hoá tự nhiên theo chiều đông – tây theo các khu vực địa hình rất rõ nét: các sơn nguyên ở phía đông, đồng bằng ở giữa và núi ở phía tây.

+ Phía đông là các sơn nguyên: sơn nguyên Guy-a-na (Guyana) được hình thành từ lâu đời và bị bào mòn mạnh, trở thành miền đồi và núi thấp; khí hậu nóng ẩm, rừng rậm rạp. Sơn nguyên Bra-xin (Brazil) có bề mặt bị cắt xẻ, ria phía đông có núi thấp xen các cao nguyên núi lửa; đất tốt nhưng khí hậu khô hạn hơn nên cảnh quan rừng thưa và xavan là chủ yếu.

+ Ở giữa là các đồng bằng, bao gồm đồng bằng La-nốt (Llanos), đồng bằng A-ma-dôn (Amazon), đồng bằng La Pla-ta (La Plata) và đồng bằng Pam-pe (Pampa). Đồng bằng A-ma-dôn là đồng bằng rộng và bằng phẳng nhất thế giới, nằm trong khu vực khí hậu xích đạo nóng ẩm, mưa quanh năm nên toàn bộ đồng bằng được rừng rậm bao phủ. Các đồng bằng còn lại có mưa ít nên thực vật chủ yếu là xavan và cây bụi.

+ Phía tây là miền núi trẻ An-đét (Andes) cao trung bình từ 3 000 – 5 000 m, gồm nhiều dãy núi song song so le nhau, xen giữa là các thung lũng và cao nguyên. Cảnh quan có sự khác biệt giữa sườn đông và sườn tây.

153

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu sự phân hoá tự nhiên theo chiều đông – tây

- Thời gian: 20 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ, cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan, kĩ thuật khăn trải bàn.
- Phương tiện dạy học: hình 16.1 SGK, phiếu học tập 1.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành nhóm nhỏ 4 – 6 HS tuỳ vào số lượng.

Bước 2. GV yêu cầu các nhóm HS dựa vào thông tin trong bài hoàn thành

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1 (tt)

nhiệm vụ học tập sau: Tìm hiểu sự phân hoá tự nhiên theo chiều đông – tây của khu vực Trung và Nam Mỹ (Phiếu học tập 1).

PHIẾU HỌC TẬP 1

Nhóm .....

Phân hoá tự nhiên theo chiều đông – tây

Trung Mỹ	Nam Mỹ
.....	.....
.....	.....
.....	.....

Bước 3. HS làm việc cá nhân hoàn thành phiếu học tập.

+ Giai đoạn 1: HS làm việc độc lập, ghi lại phần trình bày của mình vào phiếu cá nhân.
+ Giai đoạn 2: HS thảo luận nhóm, tìm ra ý tưởng chung và viết phiếu chung.

Bước 4. Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

Bước 5. GV yêu cầu các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhóm khác. GV chốt lại kiến thức nếu còn thiếu, chưa chuẩn xác.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua sản phẩm của nhóm.

Hình 16.1. Bản đồ tự nhiên khu vực Trung và Nam Mỹ

2. Phân hoá tự nhiên theo chiều bắc – nam

Quan sát hình 16.2 và đọc thông tin trong bài, em hãy trình bày sự phân hoá tự nhiên của lục địa Trung và Nam Mỹ theo chiều bắc – nam.

Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ phân hoá đa dạng theo chiều bắc – nam, thể hiện rõ nét ở khí hậu và cảnh quan như sau:

154

– Đới khí hậu xích đạo và cận xích đạo: ở quần đảo Ăng-ti (Antilles), sơn nguyên Guy-a-na, đồng bằng La-nốt và đồng bằng A-ma-dôn với đặc điểm nóng quanh năm, lượng mưa tăng dần từ tây sang đông. Cảnh quan phổ biến là rừng nhiệt đới ẩm và xavan.

– Đới khí hậu nhiệt đới chiếm phần lớn ở đất Trung Mỹ và khu vực chí tuyến Nam ở lục địa Nam Mỹ với đặc điểm nóng quanh năm, lượng mưa tăng dần từ tây sang đông. Cảnh quan thay đổi từ hoang mạc, cây bụi đến xavan và rừng nhiệt đới ẩm.

– Đới khí hậu cận nhiệt chiếm diện tích nhỏ ở phía nam lục địa Nam Mỹ, mùa hạ nóng và mưa đông ấm; ven biển phía đông có mưa nhiều hơn, thảm thực vật điển hình là rừng cận nhiệt và thảo nguyên rừng, ven biển phía tây mưa rất ít, cảnh quan hoang mạc và bán hoang mạc.

– Đới khí hậu ôn đới: ở phần cực nam của lục địa Nam Mỹ, mùa hạ mát và mùa đông không quá lạnh. Nhưng nơi mưa nhiều, cảnh quan điển hình là rừng hỗn hợp, nhưng nơi ít mưa có cảnh quan hoang mạc và bán hoang mạc.

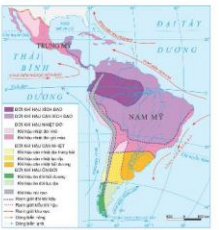

Hình 16.2. Bản đồ khí hậu Trung và Nam Mỹ

155

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu sự phân hoá tự nhiên theo chiều bắc – nam

- Thời gian: 25 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ, cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan, kĩ thuật khăn trải bàn.
- Phương tiện dạy học: hình 16.2 SGK, phiếu học tập 2.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV có thể duy trì các nhóm ở hoạt động 1.

Bước 2. GV yêu cầu các nhóm HS dựa vào thông tin trong bài hoàn thành nhiệm vụ học tập sau: Tìm hiểu sự phân hoá tự nhiên theo chiều bắc – nam của khu vực Trung và Nam Mỹ (Phiếu học tập 2).

PHIẾU HỌC TẬP 2

Nhóm .....

Phân hoá tự nhiên theo chiều bắc – nam

Các đới khí hậu	Cảnh quan
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

Bước 3. HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập.

+ Giai đoạn 1: HS làm việc độc lập, ghi lại phần trình bày của mình vào phiếu cá nhân.

+ Giai đoạn 2: HS thảo luận nhóm, tìm ra ý tưởng chung và viết phiếu chung.

Bước 4. Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

Bước 5. GV yêu cầu các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhóm khác. GV chốt lại kiến thức nếu còn thiếu, chưa chuẩn xác.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua sản phẩm của nhóm.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu sự phân hoá tự nhiên theo chiều cao (trên dãy núi An-đét)

- Thời gian: 20 phút.
- Hình thức dạy học: cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: hình 16.3 SGK, phiếu học tập 3.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV hướng dẫn HS xem hình 16.3, xác định các đai thực vật theo chiều cao của dãy An-đét (thuộc lãnh thổ Pê-ru).

Bước 2. HS làm việc cá nhân, ghi kết quả vào vở theo mẫu sau:

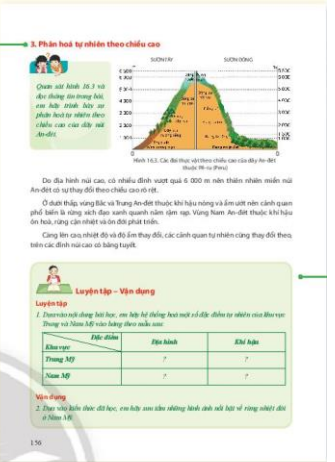

3. Phân hoá tự nhiên theo chiều cao

Quan sát hình 16.3 và đọc thông tin trong bài, em hãy trình bày sự phân hoá tự nhiên theo chiều cao của dãy núi An-đét.

SƯỜN TÂY SƯỜN ĐÔNG

Hình 16.3. Các đai thực vật theo chiều cao của dãy An-đét (thuộc Pê-ru) (Peru)

Do địa hình núi cao, có nhiều đỉnh vượt quá 6 000 m nên thiên nhiên miền núi An-đét có sự thay đổi theo chiều cao rõ rệt.

Ở dưới thấp, vùng Bắc và Trung An-đét thuộc khí hậu nóng và ẩm ướt nên cảnh quan phổ biến là rừng xích đạo xanh quanh năm rậm rạp. Vùng Nam An-đét thuộc khí hậu ôn hoà, rừng cận nhiệt và ôn đới phát triển.

Càng lên cao, nhiệt độ và độ ẩm thay đổi, các cảnh quan tự nhiên cũng thay đổi theo, trên các đỉnh núi cao có băng tuyết.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Dựa vào nội dung bài học, em hãy hệ thống hoá một số đặc điểm tự nhiên của khu vực Trung và Nam Mĩ vào bảng theo mẫu sau:

Đặc điểm / Khu vực	Địa hình	Khí hậu
Trung Mĩ	?	?
Nam Mĩ	?	?

Vận dụng

2. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy sưu tầm những hình ảnh nói lên vẻ đẹp rừng nhiệt đới ở Nam Mĩ.

156

PHIẾU HỌC TẬP 3

Nhóm .....

Phân hoá tự nhiên theo chiều cao (trên dãy núi An-đét)

SƯỜN TÂY		SƯỜN ĐÔNG	
Độ cao (m)	Đai thực vật	Độ cao (m)	Đai thực vật
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

Bước 3. GV gọi một số HS báo cáo kết quả làm việc của cá nhân. GV chốt lại kiến thức.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua sản phẩm của HS; nhận xét kết quả bài tập.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

- Thời gian: 20 phút.
- Hình thức dạy học: cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu HS xem lại nội dung bài học để giải quyết câu hỏi trong mục Luyện tập.

Bước 2. HS hệ thống lại kiến thức và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

Bước 3. HS trình bày kết quả hoàn thành bài tập. GV yêu cầu một số HS nhận xét, bổ sung (nếu có). GV chốt lại kiến thức.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập thông qua bài tập mà HS đã hoàn thành.

Vận dụng

- Thời gian: 5 phút.
- Hình thức dạy học: cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.
- Phương tiện dạy học: hình ảnh.
- Các bước tiến hành:

GV yêu cầu HS về nhà tự thực hiện một trong hai nhiệm vụ ở mục Vận dụng.

GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin trong mục Em có biết và giới thiệu cho HS một số từ khoá, địa chỉ trang web để HS tiện tra cứu.

Đánh giá: GV kiểm tra sự phù hợp, chính xác các thông tin mà HS tìm được.

Chân trời sáng tạo

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

GV cần chuẩn bị

- Phiếu học tập.
- Các video clip, hình ảnh về cảnh quan khu vực Trung và Nam Mỹ.

GV yêu cầu HS chuẩn bị

- Xem trước video, chuẩn bị các câu trả lời cho câu hỏi định hướng.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

Đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Phân tích được bảng số liệu thống kê, nhận xét bảng số liệu, nhận định và rút ra nhận xét về đặc điểm dân cư – xã hội Trung và Nam Mỹ.
- Kĩ năng quan sát, giải thích, chỉ lược đồ, khai thác kiến thức qua kênh hình và lược đồ.
- Biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

2. Phát triển năng lực chung

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.
- Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành các phần việc được giao.

3. Hình thành phẩm chất

- Tích cực, chủ động trong các hoạt động học.
- Tôn trọng sự khác biệt về văn hoá của các dân tộc ở Trung và Nam Mỹ.
- Yêu con người, văn hoá Mỹ Latinh.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

- Cách thứ nhất: GV cho HS xem một video clip hoặc hình ảnh về những nét đặc sắc của dân cư, xã hội và văn hoá Mỹ Latinh. GV đặt câu hỏi cho HS trình bày những hiểu biết của HS về khu vực này. GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học.
- Cách thứ hai: GV sử dụng đoạn mở đầu, để giới thiệu vào bài học.

Bài 17 ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ TRUNG VÀ NAM MỸ, VẤN ĐỀ ĐÔ THỊ HOÁ, VĂN HOÁ MỸ LATINH

(2 tiết)

Học xong bài này, em sẽ: Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ; vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh.

Nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ đã hình thành văn hoá Mỹ Latinh như thế nào? Tại sao khu vực này có các đô thị với quy mô lớn và mức độ đô thị hoá cao?

1. Đặc điểm nguồn gốc dân cư

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy cho biết đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ.

Dân cư Trung và Nam Mỹ bao gồm người bản địa, người nhập cư và người lai. Người bản địa chủ yếu là người Anh-điêng thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it di cư từ châu Á sang. Từ cuối thế kỉ XVI, đa số người nhập cư là người châu Âu gốc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Đến thế kỉ XIX, người nhập cư chủ yếu là người châu Phi. Sự hoà huyết giữa người gốc Âu, người gốc Phi và người Anh-điêng bản địa đã tạo nên sự đa dạng trong nguồn gốc dân cư của Trung và Nam Mỹ.

Trung và Nam Mỹ có quy mô dân số lớn (gần 654 triệu người, năm 2020), tỉ suất tăng dân số tự nhiên thấp (0,9%, năm 2020) và đang có xu hướng giảm. Dân cư Trung và Nam Mỹ tập trung chủ yếu ở khu vực đồng bằng ven biển có điều kiện tự nhiên thuận lợi, các vùng ở sâu trong nội địa, đặc biệt ở khu vực rừng A-ma-dôn, dân cư phân bố rất thưa thớt. Năm 2020, mật độ dân số trung bình của khu vực là 33 người/km².

2. Đô thị hoá

Dựa vào hình 17.1 và thông tin trong bài, em hãy trình bày vấn đề đô thị hoá ở Trung và Nam Mỹ.

Trung và Nam Mỹ có tốc độ đô thị hoá cao. Năm 2020, tỉ lệ dân thành thị của khu vực chiếm hơn 80% số dân. Tuy vậy, đô thị hoá ở khu vực Trung và Nam Mỹ mang tính chất tự phát. Một trong những nguyên nhân là do quá trình cải cách ruộng đất không triệt để, khiến cho dân nghèo không có ruộng đất phải di dân từ nông thôn ra các thành phố lớn để tìm việc làm. Họ phải sống trong điều kiện khó khăn, chất lượng cuộc sống không đảm bảo.

157

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ

- Thời gian: 15 phút.
- Hình thức dạy học: cặp đôi.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: phiếu học tập.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. Giao nhiệm vụ HS làm việc theo cặp đôi, trả lời phiếu học tập.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu về đô thị hoá ở Trung và Nam Mỹ

- Thời gian: 25 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: trò chơi "Nhanh tay, nhanh mắt" để tìm hiểu về các đô thị ở Trung và Nam Mỹ, hình 17.1 SGK. HS trình bày theo nhóm kiến thức đã được phân công.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành các nhóm (số lượng nhóm tuỳ thuộc vào HS trong lớp), phân chia chỗ ngồi cho các nhóm. Đánh số thứ tự các thành viên trong mỗi nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm thực hiện.

Bước 2. GV thông báo thể lệ, thời gian cho các nhóm quan sát hình 17.1 SGK.

+ Nhóm 1 – 2: Xác định các đô thị trên 10 triệu người. Đô thị hoá ở khu vực này có đặc điểm gì?
+ Nhóm 3 – 4: Xác định các đô thị trên 5 triệu người đến 10 triệu người. Nguyên nhân của quá trình đô thị hoá của Trung và Nam Mỹ.
+ Nhóm 5 – 6: Xác định các đô thị từ 1 triệu người đến 5 triệu người. Nêu những vấn đề xã hội này sinh do đô thị hoá ở Trung và Nam Mỹ.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3. GV gọi ngẫu nhiên các số thứ tự của mỗi nhóm, yêu cầu xác định các đô thị bất kì trên bản đồ. Nhóm nào có bạn trả lời nhanh hơn sẽ ghi điểm.

Bước 4. GV chuẩn xác kiến thức, tổng kết điểm của các nhóm, nhận xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ và đánh giá về thái độ làm việc của HS.

PHIẾU HỌC TẬP

- Dân cư Trung và Nam Mỹ bao gồm:

.....

- Người bản địa có đặc điểm:

.....

- Người nhập cư vào Trung và Nam Mỹ có nguồn gốc từ châu lục nào?

.....

- Quy mô dân số Trung và Nam Mỹ là .....
- Mật độ dân số trung bình của khu vực là .....
- Dân cư Trung và Nam Mỹ tập trung chủ yếu ở khu vực nào? Vì sao?

.....

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ điền phiếu học tập. GV quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3. HS trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét bổ sung.

Bước 4. GV chuẩn xác kiến thức, nhận xét, kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ qua phiếu thảo luận. Đánh giá thái độ, tinh thần làm việc của HS.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu văn hoá Mỹ Latinh

- Thời gian: 20 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: sử dụng phương tiện trực quan, đàm thoại gợi mở.
- Phương tiện dạy học: phiếu học tập.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu các nhóm HS đã chia trong hoạt động khám phá 2 đọc kênh chữ kết hợp quan sát và phân tích hình ảnh mà GV cung cấp, để hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP

- Nguồn gốc của tên gọi "Mỹ Latinh".

.....

.....

- Tiếng Bồ Đào Nha được sử dụng ở quốc gia nào của khu vực Trung và Nam Mỹ?

.....

.....

- Tiếng Tây Ban Nha được sử dụng ở quốc gia nào của khu vực Trung và Nam Mỹ?

.....

.....

- Nền văn hoá Mỹ Latinh có những nét gì đặc sắc?

.....

.....

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3. HS trình bày, HS khác nhận xét bổ sung.

Bước 4. GV nhận xét, chuẩn kiến thức, liên hệ thực tế, đánh giá về thái độ làm việc của HS.

Trung và Nam Mỹ có các đô thị lớn trên 10 triệu dân như Mê-hi-cô Xi-ti (Mexico City), Xao Pao-lô (Sao Paulo), Ri-ô đê Gia-nê-rô (Rio de Janeiro),... Đô thị hoá tự phát đang tạo ra nhiều sức ép về kinh tế – xã hội và môi trường cho các quốc gia trong khu vực.

Hình 17.1. Bản đồ phân bố dân cư và một số đô thị ở Trung và Nam Mỹ, năm 2020

158

3. Văn hoá Mỹ Latinh

Dựa vào hình 17.2 và thông tin trong bài, em hãy trình bày một số nét đặc sắc trong văn hoá Mỹ Latinh.

Người dân Trung và Nam Mỹ sử dụng ngôn ngữ hệ Latinh. Tiếng Bồ Đào Nha được sử dụng chủ yếu ở Bra-xin, tiếng Tây Ban Nha được sử dụng ở đa số các quốc gia còn lại.

Sự kết hợp của các nền văn hoá trên thế giới với nền văn hoá bản địa đã tạo nên nền văn hoá Mỹ Latinh đặc sắc, phong phú với lễ hội Ca-na-van (Carnival); các vũ điệu như tăng-gô (tango), xam-ba (salsa), rum-ba (rumba), cha-cha-cha (chachacha),...

Hình 17.2. Lễ hội Ca-na-van, Bra-xin

Luyện tập - Vận dụng

Luyện tập

1. Giải thích vì sao dân cư Trung và Nam Mỹ có nguồn gốc đa dạng.
2. Dựa vào hình 17.1, em hãy nhận xét đặc điểm phân bố các đô thị ở Trung và Nam Mỹ.

Vận dụng

3. Em hãy sưu tầm tư liệu và viết một đoạn văn giới thiệu những nét đặc sắc của văn hoá Mỹ Latinh.

159

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

- Thời gian: 10 phút
- Hình thức dạy học: cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: hình 17.1 SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. Giao nhiệm vụ. HS trả lời dựa vào hình 17.1 SGK.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4. GV nhận xét, chốt kiến thức.

Vận dụng

- Thời gian: 15 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.
- Phương tiện dạy học: hình ảnh.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ:

Em hãy vận dụng kiến thức đã học để sưu tầm tư liệu và viết một đoạn văn giới thiệu những nét đặc sắc của văn hoá Mỹ Latinh.

Bước 2. GV giới thiệu các trang thông tin tin cậy để HS có thể tìm hiểu. HS về nhà làm bài và sưu tầm các thông tin liên quan trên internet hoặc đọc sách, báo, tài liệu tham khảo.

Bước 3. HS trình bày trước lớp vào tiết sau, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4. GV nhận xét, chốt kiến thức cho HS về nội dung đoạn văn.

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

GV cần chuẩn bị

- Bản đồ phân bố dân cư và một số đô thị ở Trung và Nam Mỹ, năm 2020.
- Bảng phụ/giấy A0 để HS ghi kết quả thảo luận nhóm.
- Phiếu học tập.
- Hình ảnh về văn hoá Mỹ Latinh.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn.
- Vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng A-ma-dôn.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Phân tích được bảng số liệu thống kê, nhận xét bảng số liệu, nhận định và rút ra nhận xét về đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn.
- Đề xuất được các giải pháp cho vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng A-ma-dôn.
- Kĩ năng quan sát, giải thích, chỉ bản đồ, khai thác kiến thức qua kênh hình và bản đồ.
- Biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

2. Phát triển năng lực chung

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.
- Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành các phần việc được giao.

3. Hình thành phẩm chất

- Tích cực, chủ động trong các hoạt động học.
- Yêu thiên nhiên và biết bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng A-ma-dôn.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn mở đầu để đặt vấn đề cho bài học. GV có thể đặt một số câu hỏi gợi mở cho HS trả lời nhằm thăm dò khả năng của HS.

+ Cách thứ hai: Cho HS trả lời câu hỏi định hướng khai thác thông tin từ đoạn video clip về hoạt động bảo vệ rừng A-ma-dôn. GV đặt câu hỏi cho HS trình bày những hiểu biết của em về rừng A-ma-dôn.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

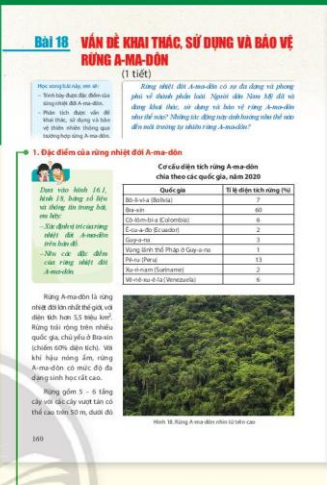

Bài 18 VẤN ĐỀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ RỪNG A-MA-DÔN

(1 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
- Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn.
- Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng A-ma-dôn.

Rừng nhiệt đới A-ma-dôn có sự đa dạng và phong phú về thành phần loài. Người dân Nam Mĩ đã và đang khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng A-ma-dôn như thế nào? Những tác động này ảnh hưởng như thế nào đến môi trường tự nhiên rừng A-ma-dôn?

1. Đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn

Dựa vào hình 16.1, hình 18, bảng số liệu và thông tin trong bài, em hãy:
- Xác định vị trí của rừng nhiệt đới A-ma-dôn trên bản đồ.
- Nêu các đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn.

Cơ cấu diện tích rừng A-ma-dôn chia theo các quốc gia, năm 2020

Quốc gia	Tỉ lệ diện tích rừng (%)
Bô-li-vi-a (Bolivia)	7
Bra-xin	60
Cô-lôm-bi-a (Colombia)	6
Ê-cu-a-đo (Ecuador)	2
Gay-a-na	3
Vùng lãnh thổ Pháp ở Gay-a-na	1
Pê-ru (Peru)	13
Xu-ri-nam (Suriname)	2
Vê-nê-xu-ê-la (Venezuela)	6

Rừng A-ma-dôn là rừng nhiệt đới lớn nhất thế giới, với diện tích hơn 5,5 triệu km², Rừng trải rộng trên nhiều quốc gia, chủ yếu ở Bra-xin (chiếm 60% diện tích). Với khí hậu nóng ẩm, rừng A-ma-dôn có mức độ đa dạng sinh học rất cao.

Rừng gồm 5 – 6 tầng cây với các cây vượt tán có thể cao trên 50 m, dưới đó

Hình 18. Rừng A-ma-dôn nhìn từ trên cao

169

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn

- Thời gian: 20 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: HS khai thác đoạn thông tin kết hợp quan sát Bản đồ tự nhiên khu vực Trung và Nam Mỹ (bài 16) và bảng *Cơ cấu diện tích rừng A-ma-dôn chia theo các quốc gia, năm 2020* trong SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ khai thác đoạn văn và trả lời các câu hỏi trong SGK:

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

là các cây gỗ lớn, các cây bụi thấp cùng hệ thống dây leo chằng chịt. Thành phần loài động, thực vật trong rừng hết sức phong phú, đa dạng với hàng triệu loài côn trùng; hàng nghìn loài chim, thú, bò sát và hàng chục nghìn loài thực vật.

Rừng A-ma-dôn được xem là "lá phổi xanh" của Trái Đất, cung cấp oxy cho sự sống, đóng vai trò quan trọng trong điều hoà khí hậu, là nguồn dự trữ sinh học quý giá của toàn cầu.

2. Vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng A-ma-dôn

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy phân tích vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên rừng A-ma-dôn hiện nay.

Trong nhiều năm, rừng A-ma-dôn được khai thác và sử dụng để canh tác nông nghiệp, khai thác khoáng sản, lấy gỗ, làm đường giao thông và phát triển thuỷ điện trong lưu vực sông. Vì vậy, diện tích rừng đang bị mất dần. Năm 2016, rừng nhiệt đới A-ma-dôn đã mất khoảng 3,4 triệu ha diện tích rừng nguyên sinh và năm 2020 mất khoảng 2,3 triệu ha. Hoạt động khai thác rừng quá mức gây hậu quả nghiêm trọng cho môi trường, là một trong những nguyên nhân làm biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, các vụ cháy rừng cũng làm suy giảm số lượng loài động, thực vật nơi đây.

Năm 2019, các quốc gia trong khu vực gồm Bô-li-vi-a, Bra-xin, Cô-lôm-bi-a, Ê-cu-a-đo, Guy-a-na, Pê-ru, Xu-ri-nam đã kí Hiệp ước bảo vệ rừng A-ma-dôn với các biện pháp hạn chế khai thác gỗ, trồng lại rừng, đẩy mạnh vai trò của cộng đồng bản địa trong phát triển bền vững, hỗ trợ về tài chính để thực hiện các cam kết và sáng kiến bảo vệ rừng,...

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Chứng minh rừng nhiệt đới A-ma-dôn có vai trò sinh thái rất quan trọng.

Vận dụng

2. Em hãy sưu tầm những thông tin về các biện pháp bảo vệ rừng nhiệt đới A-ma-dôn của các nước trong khu vực hiện nay.

161

+ Xác định vị trí của rừng nhiệt đới A-ma-dôn trên bản đồ.
+ Nêu các đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn.
+ Rừng A-ma-dôn phân bố chủ yếu ở các quốc gia nào?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3. HS trình bày, HS khác nhận xét bổ sung.

Bước 4. GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức.

Bước 5. Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua sản phẩm của nhóm.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2: Vấn đề khai thác, sử dụng, bảo vệ tự nhiên rừng A-ma-dôn

- Thời gian: 15 phút.
- Hình thức dạy học: cặp đôi.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: đoạn thông tin kết hợp bảng số liệu bài 18 cùng với các hình ảnh về rừng A-ma-dôn trong SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV cho HS xem hình ảnh hoặc đoạn clip về hiện trạng rừng hoặc các vụ cháy rừng tại A-ma-dôn, đặt câu hỏi cho HS:

+ Hiện trạng rừng A-ma-dôn hiện nay như thế nào?
+ Nhận xét về diện tích rừng A-ma-dôn đã mất đi và hậu quả khi rừng A-ma-dôn bị tàn phá.
+ Biện pháp bảo vệ rừng A-ma-dôn.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi. GV quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ.

Bước 3. HS trình bày, HS khác nhận xét bổ sung.

Bước 4. GV nhận xét, chuẩn xác. GV mở rộng kiến thức.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

– Thời gian: 5 phút.

– Hình thức dạy học: cá nhân.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. Giao nhiệm vụ. HS dựa vào kiến thức đã học chứng minh rừng A-ma-đôn có vai trò sinh thái rất quan trọng.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4. GV nhận xét, chốt kiến thức.

Vận dụng

– Thời gian: 5 phút.

– Hình thức dạy học: cá nhân.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. Giao nhiệm vụ cho HS trình bày một đoạn văn ngắn về các biện pháp bảo vệ rừng nhiệt đới A-ma-đôn của các nước trong khu vực hiện nay.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ bài tập tại nhà. HS có thể sử dụng máy tính hoặc điện thoại tìm kiếm thông tin và hình ảnh trên internet hoặc đọc sách, báo tham khảo. GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin trong mục Em có biết và giới thiệu cho HS một số từ khoá, địa chỉ trang web để HS tiện tra cứu.

Bước 3. HS trình bày trước lớp vào tiết sau, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4. GV nhận xét, chốt kiến thức cho HS về đoạn văn. GV kiểm tra sự phù hợp, chính xác các thông tin mà HS tìm được.

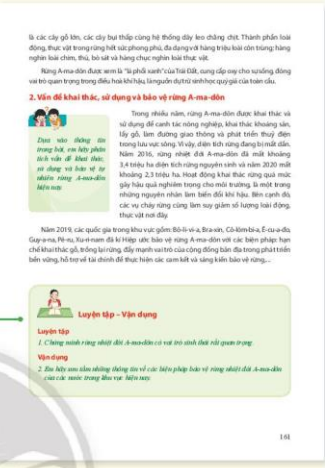

là các cây gỗ lớn, các cây bụi thấp cùng hệ thống dây leo chằng chịt. Thành phần loài động, thực vật trong rừng hết sức phong phú, đa dạng với hàng trăm loài thú, hàng nghìn loài chim, thú, bò sát và hàng chục nghìn loài thực vật.

Rừng A-ma-đôn được xem là "lá phổi xanh" của Trái Đất, cung cấp oxy cho sự sống, đóng vai trò quan trọng trong điều hoà khí hậu, là nguồn dự trữ sinh học quý giá của toàn cầu.

2. Vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng A-ma-đôn

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy phân tích vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên rừng A-ma-đôn hiện nay.

Trong nhiều năm, rừng A-ma-đôn được khai thác và sử dụng để canh tác nông nghiệp, khai thác khoáng sản, lấy gỗ, làm đường giao thông và phát triển thuỷ điện trong lưu vực sông. Vì vậy, diện tích rừng đang bị mất dần. Năm 2016, rừng nhiệt đới A-ma-đôn đã mất khoảng 3,4 triệu ha diện tích rừng nguyên sinh và năm 2020 mất khoảng 2,3 triệu ha. Hoạt động khai thác rừng quá mức gây hậu quả nghiêm trọng cho môi trường, là một trong những nguyên nhân làm biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, các vụ cháy rừng cũng làm suy giảm số lượng loài động, thực vật nơi đây.

Năm 2019, các quốc gia trong khu vực gồm Bô-li-vi-a, Bra-xin, Cô-lôm-bi-a, Ê-cu-a-đo, Guy-a-na, Pê-ru, Xu-ri-nam đã kí Hiệp ước bảo vệ rừng A-ma-đôn với các biện pháp hạn chế khai thác gỗ, trồng lại rừng, đẩy mạnh vai trò của cộng đồng bản địa trong phát triển bền vững, hỗ trợ về tài chính để thực hiện các cam kết và sáng kiến bảo vệ rừng,...

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Chứng minh rừng nhiệt đới A-ma-đôn có vai trò sinh thái rất quan trọng.

Vận dụng

2. Em hãy sưu tầm những thông tin về các biện pháp bảo vệ rừng nhiệt đới A-ma-đôn của các nước trong khu vực hiện nay.

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

GV cần chuẩn bị

– Bản đồ tự nhiên khu vực Trung và Nam Mỹ.

– Các hình ảnh về rừng A-ma-đôn.

– Máy tính, máy chiếu.

– Phiếu học tập.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Các bộ phận của châu Đại Dương.
- Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Ô-xtrây-li-a (Australia).
- Các khu vực địa hình và khoáng sản.
- Đặc điểm khí hậu, tài nguyên sinh vật Ô-xtrây-li-a.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Ô-xtrây-li-a.
- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản.
- Phân tích được đặc điểm khí hậu Ô-xtrây-li-a, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Ô-xtrây-li-a.

2. Phát triển năng lực chung

Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành các phần việc được giao.

3. Hình thành những phẩm chất

Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên; phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn mở đầu để đặt vấn đề cho bài học.

+ Cách thứ hai: HS tham gia trò chơi ghép hình các mảnh bản đồ Ô-xtrây-li-a.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

Chương 5 CHÂU ĐẠI DƯƠNG

Bài 19 THIÊN NHIÊN CHÂU ĐẠI DƯƠNG

(2 tiết)

1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

Hình 19.1. Bản đồ tự nhiên châu Đại Dương

142

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

- Thời gian: 20 phút.
- Hình thức dạy học: cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: hình 19.1 SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu HS khai thác hình 19.1 và trả lời các câu hỏi trong SGK.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. HS khai thác bản đồ hình 19.1, trình bày câu trả lời.

Đánh giá: GV nhận xét.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm tự nhiên

- Thời gian: 40 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: hình 19.1 và hình 19.2 SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia lớp thành các nhóm từ 4 – 6 HS, mỗi nhóm tìm hiểu một trong các đặc điểm (địa hình, khoáng sản, khí hậu, sinh vật) theo phân công thực hiện nhiệm vụ trong SGK.

Bước 2. HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm còn lại nhận xét, góp ý.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu thảo luận nhóm.

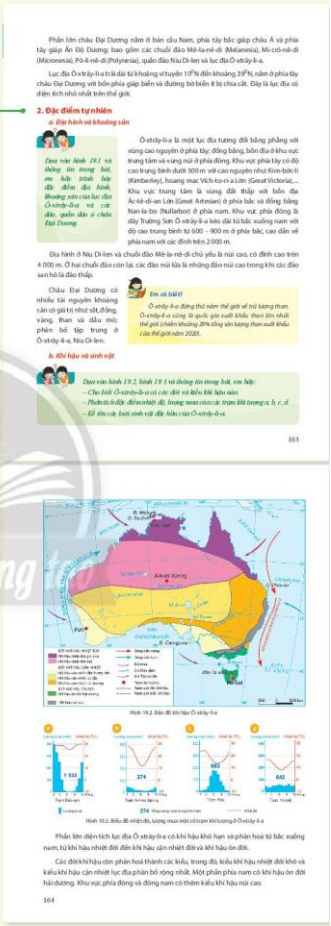

Phần lớn châu Đại Dương nằm ở bán cầu Nam, phía tây bắc giáp châu Á và phía tây giáp Ấn Độ Dương; bao gồm các chuỗi đảo Mê-la-nê-di (Melanesia), Mi-crô-nê-di (Micronesia), Pô-li-nê-di (Polynesia), quần đảo Nu Di-len và lục địa Ô-xtrây-li-a.

Lục địa Ô-xtrây-li-a trải dài từ khoảng vĩ tuyến 10°N đến khoảng 39°N, nằm ở phía tây châu Đại Dương với bốn phía giáp biển và đường bờ biển ít bị chia cắt. Đây là lục địa có diện tích nhỏ nhất trên thế giới.

2. Đặc điểm tự nhiên

a. Địa hình và khoáng sản

Dựa vào hình 19.1 và thông tin trong bài, em hãy trình bày đặc điểm địa hình, khoáng sản của lục địa Ô-xtrây-li-a và các dãy, quần đảo ở châu Đại Dương.

Ô-xtrây-li-a là một lục địa tương đối bằng phẳng với vùng cao nguyên ở phía tây; đồng bằng, bồn địa ở khu vực trung tâm và vùng núi ở phía đông. Khu vực phía tây có độ cao trung bình dưới 500 m với các nguyên nhóm Kim-bơ-li (Kimberley), hoang mạc Vích-to-ri-a-Lớn (Great Victoria),... Khu vực trung tâm là vùng đất thấp với bốn địa Ác-tê-di-an Lớn (Great Artesian) ở phía bắc và đồng bằng Nan-la-bo (Nullarbor) ở phía nam. Khu vực phía đông là dãy Trường Sơn Ô-xtrây-li-a kéo dài từ bắc xuống nam với độ cao trung bình từ 600 – 900 m ở phía bắc, cao dần về phía nam với các đỉnh trên 2 000 m.

Địa hình ở Nu Di-len và chuỗi đảo Mê-la-nê-di chủ yếu là núi cao, có đỉnh cao trên 4 000 m. Ở hai chuỗi đảo còn lại, các đảo núi lửa là những đảo núi cao trong khi các đảo san hô là đảo thấp.

Châu Đại Dương có nhiều tài nguyên khoáng sản có giá trị như: sắt, đồng, vàng, than và dầu mỏ; phần bờ tập trung ở Ô-xtrây-li-a, Nu Di-len.

Em có biết?

Ô-xtrây-li-a đứng thứ năm thế giới về trữ lượng than. Ô-xtrây-li-a cũng là quốc gia xuất khẩu than lớn nhất thế giới (chiếm khoảng 28% tổng sản lượng than xuất khẩu của thế giới năm 2020).

b. Khí hậu và sinh vật

Dựa vào hình 19.2, hình 19.3 và thông tin trong bài, em hãy:
– Cho biết Ô-xtrây-li-a có các đới và kiểu khí hậu nào.
– Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của các trạm khí tượng a, b, c, d.
– Kể tên các loài sinh vật đặc hữu của Ô-xtrây-li-a.

163

Hình 19.2. Bản đồ khí hậu Ô-xtrây-li-a

Hình 19.3. Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa một số trạm khí tượng ở Ô-xtrây-li-a

Phần lớn diện tích lục địa Ô-xtrây-li-a có khí hậu khô hạn và phân hoá từ bắc xuống nam, từ khí hậu nhiệt đới điển hình sang cận nhiệt đới và khí hậu ôn đới.

Các đới khí hậu còn phân hoá thành các kiểu, trong đó, kiểu khí hậu nhiệt đới khô và kiểu khí hậu cận nhiệt lục địa phân bố rộng nhất. Một phần phía nam có khí hậu ôn đới hải dương. Khu vực phía đông và đông nam có thêm kiểu khí hậu núi cao.

164

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

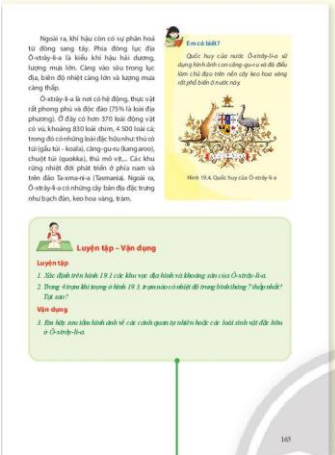

Ngoài ra, khí hậu còn có sự phân hoá từ đông sang tây. Phía đông lục địa Ô-xtrây-li-a là kiểu khí hậu hải dương, lượng mưa lớn. Càng vào sâu trong lục địa, biên độ nhiệt càng lớn và lượng mưa càng thấp.

Ô-xtrây-li-a là nơi có hệ động, thực vật rất phong phú và độc đáo (75% là loài địa phương). Ở đây có hơn 370 loài động vật có vú, khoảng 830 loài chim, 4 500 loài cá; trong đó có những loài đặc hữu như: thú có túi (gấu túi - koala), căng-gu-ru (kang-aroo), chuột túi (quokka), thú mỏ vịt,... Các khu rừng nhiệt đới phát triển ở phía nam và trên đảo Ta-xma-ni-a (Tasmania). Ngoài ra, Ô-xtrây-li-a có những cây bản địa đặc trưng như bạch đàn, keo hoa vàng, tràm.

Em có biết?

Quốc huy của nước Ô-xtrây-li-a sử dụng hình ảnh con căng-gu-ru và đà điểu làm chỉ dạo tiến nền cây keo hoa vàng rất phổ biến ở nước này.

Hình 19.4. Quốc huy của Ô-xtrây-li-a

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Xác định trên hình 19.1 các khu vực địa hình và khoáng sản của Ô-xtrây-li-a.

2. Trong 4 trạm khí tượng ở hình 19.3, trạm nào có nhiệt độ trung bình tháng 7 thấp nhất? Tại sao?

Vận dụng

3. Em hãy sưu tầm hình ảnh về các cảnh quan tự nhiên hoặc các loài sinh vật đặc hữu ở Ô-xtrây-li-a.

165

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

– Thời gian: 10 phút.

– Hình thức dạy học: cá nhân.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức bài học để giải quyết các câu hỏi ở phần Luyện tập.

Bước 2. GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

Bước 3. GV mời đại diện HS trình bày kết quả.

Đánh giá: GV nhận xét và cho điểm bài tập sau khi đã cung cấp đáp án hoặc yêu cầu các HS ngồi cạnh nhau kiểm tra kết quả cho nhau.

Vận dụng

GV hướng dẫn HS về nhà tự thực hiện yêu cầu sưu tầm hình ảnh về các cảnh quan tự nhiên hoặc các loài sinh vật đặc hữu ở Ô-xtrây-li-a.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Đặc điểm dân cư Ô-xtrây-li-a.
- Lịch sử và văn hoá độc đáo của Ô-xtrây-li-a.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Trình bày được đặc điểm dân cư Ô-xtrây-li-a.
- Trình bày được một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Ô-xtrây-li-a.

2. Phát triển năng lực chung

Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề đơn giản của đời sống, khoa học, nghệ thuật, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với số liệu.

3. Hình thành phẩm chất

Tôn trọng sự khác biệt về văn hoá của các dân tộc ở Ô-xtrây-li-a.

Bài 20 ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI Ô-XTRÂY-LI-A

(2 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
- Trình bày được đặc điểm dân cư Ô-xtrây-li-a.
- Trình bày được một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Ô-xtrây-li-a.

Ô-xtrây-li-a là một trong những quốc gia có mật độ dân số thấp nhất thế giới, có những nét đặc sắc về lịch sử và văn hoá. Vậy dân cư, xã hội của Ô-xtrây-li-a có những đặc điểm gì nổi bật?

1. Đặc điểm dân cư

a. Quy mô, giai tăng và cơ cấu dân số

Dựa vào bảng số liệu và thông tin trong bài, em hãy:
- *Nhận xét quy mô và sự gia tăng dân số Ô-xtrây-li-a giai đoạn 2000 – 2020*
- *Trình bày cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Ô-xtrây-li-a.*

Số dân và tỉ suất tăng dân số tự nhiên của Ô-xtrây-li-a, giai đoạn 2000 – 2020

Năm	Số dân (triệu người)	Tỉ suất tăng dân số tự nhiên (%)
2000	19,1	0,6
2005	20,2	0,6
2010	21,9	0,7
2015	23,8	0,6
2020	25,7	0,5

Ô-xtrây-li-a có quy mô dân số không lớn và tỉ suất tăng dân số tự nhiên duy trì ở mức thấp (0,5% năm 2020). Số dân Ô-xtrây-li-a tăng chủ yếu do nhập cư. Từ thế kỉ XVIII, dân nhập cư chủ yếu là người châu Âu. Nửa sau thế kỉ XX, có thêm người châu Á. Những làn sóng di cư khác nhau từ nhiều quốc gia đã làm hưởng quan trọng đến sự đa dạng về đặc điểm dân cư Ô-xtrây-li-a.

Từ cuối thế kỉ XX, mức sinh thấp, tỉ lệ tử vong giảm, số lượng người cao tuổi ngày càng nhiều dẫn đến tuổi thọ trung bình tăng. Năm 2020, Ô-xtrây-li-a có cơ cấu dân số già khi dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm tỉ lệ hơn 15% tổng số dân và dự báo có xu hướng tăng trong tương lai; trong khi nhóm từ 0 đến 14 tuổi chiếm khoảng 19% và ngày càng giảm. Về cơ cấu giới tính, cứ 100 nữ thì có 98 nam.

166

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn mở đầu để đặt vấn đề cho bài học.

+ Cách thứ hai: HS tham gia trò chơi đoán ô chữ.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm dân cư của Ô-xtrây-li-a

- Thời gian: 40 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: hình 20.1 SGK, bảng *Số dân và tỉ suất tăng dân số tự nhiên của Ô-xtrây-li-a, giai đoạn 2000 – 2020.*
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia các nhóm từ 4 đến 6 HS, yêu cầu HS khai thác hình 20.1 và bảng số liệu cùng thông tin trả lời các câu hỏi trong SGK.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. Đại diện nhóm HS trình bày câu trả lời.

Đánh giá: GV nhận xét.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

b. Phân bố dân cư và đô thị

Quan sát hình 20.1 và thông tin trong bài, em hãy:
– Xác định khu vực có mật độ dân số cao nhất và thấp nhất.
– Kể tên một số đô thị ở Ô-xtrây-li-a. Cho biết các đô thị thường tập trung tại khu vực nào.

VÙNG LÃNH THỔ PHÍA BẮC
Ô-XTRÂY-LI-A
QUỐC KLIN
NAM Ô-XTRÂY-LI-A
NEW CALEDONIA
TÂY THỦ ĐÔ
CANBERRA
SYDNEY
MELBOURNE
ADELAIDE
PERTH
DARWIN
BRISBANE
HOBART

Hình 20.1. Bản đồ phân bố dân cư và một số đô thị ở Ô-xtrây-li-a, năm 2020

Dân cư Ô-xtrây-li-a phân bố không đều, mật độ dân số bình quân của Ô-xtrây-li-a là 3 người/km² (năm 2020). Dân cư tập trung chủ yếu ở khu vực Đông Nam (chiếm gần 60% số dân cả nước), thưa thớt ở vùng trung tâm. Ô-xtrây-li-a là quốc gia có mức độ đô thị hoá cao với tỉ lệ dân thành thị chiếm khoảng 86% (năm 2020). Các đô thị phân bố chủ yếu ở khu vực ven biển phía đông nam.

167

2. Lịch sử và văn hoá độc đáo

Dựa vào hình 20.2, hình 20.3 và thông tin trong bài, em hãy trình bày:
– Một số sự kiện lịch sử nổi bật của Ô-xtrây-li-a.
– Những biểu hiện cho thấy Ô-xtrây-li-a có nền văn hoá độc đáo.

Cư dân đầu tiên là người bản địa

Vào thế kỉ XVII, người Hà Lan phát hiện ra Ô-xtrây-li-a

Sau năm 1770, chính phủ Anh đã đưa dân đến khai phá và định cư ở Ô-xtrây-li-a

Những năm 1850, làn sóng di dân đến khai thác vàng

Năm 1901, thành lập Nhà nước Liên bang Ô-xtrây-li-a

Hình 20.2. Một số mốc sự kiện liên quan đến lịch sử khai phá Ô-xtrây-li-a

Ô-xtrây-li-a có nền văn hoá lâu đời với các cộng đồng thổ dân được hình thành từ hàng nghìn năm trước. Ô-xtrây-li-a có nền văn hoá độc đáo kết hợp văn hoá của người bản địa và văn hoá của người nhập cư.

Nền văn hoá bản địa vẫn được bảo tồn bản sắc với các lễ hội lớn hàng năm như: lễ hội truyền thống Ô Va-lây (Ord Valley), lễ hội thổ dân Lê-ra (Laura); hoà nhập cùng với các lễ hội, sự kiện hiện đại mang tầm thế giới như lễ hội ánh sáng, tuần lễ thời trang quốc tế,...

Hình 20.3. Bu-mơ-rang (Boomerang)

168

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu lịch sử và văn hoá độc đáo của Ô-xtrây-li-a

- Thời gian: 20 phút.
- Hình thức dạy học: cặp đôi.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: hình 20.2, hình 20.3 và hình 20.4 SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS theo cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ trong SGK.

Bước 2. HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Đại diện các cặp đôi HS trình bày kết quả thảo luận. Các HS còn lại nhận xét, góp ý.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua sản phẩm của HS.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Về ngôn ngữ, ngoài tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức, Ô-xtrây-li-a còn khoảng 300 ngôn ngữ được sử dụng trong giao tiếp. Ô-xtrây-li-a là quốc gia có hệ thống nhà hát, bảo tàng lưu giữ và trình diễn các tác phẩm nhiếp ảnh, điêu khắc, tranh vẽ và nghệ thuật đặc trưng có giá trị.

Em có biết?

Khởi nguồn từ tín ngưỡng của người bản địa, một nụ cười vùng eo biển Tô-rét (Torres) được làm thủ công từ những vật liệu của địa phương như mai rùa, vỏ trứng nhỏ, sáp ong hoang dã và thường được sử dụng trong các nghi lễ cũng tế. Ngày nay, các mặt nạ được coi là tích thực phục hưng nền nghệ thuật, văn hoá cổ xưa và những nghi lễ sống động này cho các thế hệ sau.

Hình 214. Mặt nạ vùng Tô-rét (Torres)

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Dựa vào bảng Số dân và tỉ suất tăng dân số tự nhiên của Ô-xtrây-li-a, giai đoạn 2000 – 2020, em hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện quy mô dân số của Ô-xtrây-li-a.

2. Vì sao Ô-xtrây-li-a có nền văn hoá đặc sắc?

Vận dụng

3. Dựa vào hình 20.1, em hãy sưu tầm thêm thông tin về một nét văn hoá đặc trưng của Ô-xtrây-li-a, viết một báo cáo ngắn và trao đổi với bạn cùng lớp.

169

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

– Thời gian: 20 phút.

– Hình thức dạy học: cá nhân.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các câu hỏi ở phần Luyện tập (vẽ biểu đồ và trả lời câu hỏi).

Bước 2. GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập, HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. GV mời đại diện HS trình bày kết quả.

Đánh giá: GV nhận xét và cho điểm bài tập hoặc yêu cầu các HS ngồi cạnh nhau kiểm tra kết quả cho nhau.

Vận dụng

GV hướng dẫn HS về nhà tự thực hiện yêu cầu sưu tầm thêm thông tin về một nét văn hoá đặc trưng của Ô-xtrây-li-a, viết một báo cáo ngắn. Sau khi thực hiện xong, HS có thể trao đổi sản phẩm với bạn cùng lớp.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a.

2. Phát triển năng lực chung

Hiểu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

3. Hình thành những phẩm chất

Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:
  + Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn mở đầu để đặt vấn đề cho bài học.
  + Cách thứ hai: HS tham gia trò chơi ghép hình về cách thức khai thác tự nhiên ở Ô-xtrây-li-a.
- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

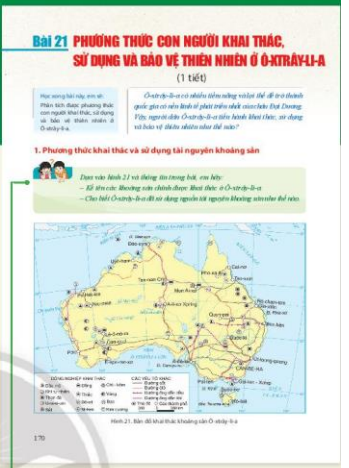

Bài 21 PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN Ở Ô-XTRÂY-LI-A

(1 tiết)

1. Phương thức khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản

Hình 21. Bản đồ khai thác khoáng sản Ô-xtrây-li-a

170

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Phương thức khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản

- Thời gian: 30 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ (tiến hành đồng thời hoạt động khám phá 2 và 3).
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: hình 21 SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia các nhóm từ 4 đến 6 HS, yêu cầu HS khai thác hình 21 và thông tin trả lời các câu hỏi trong SGK.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. Đại diện nhóm HS trình bày câu trả lời.

Đánh giá: GV nhận xét.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

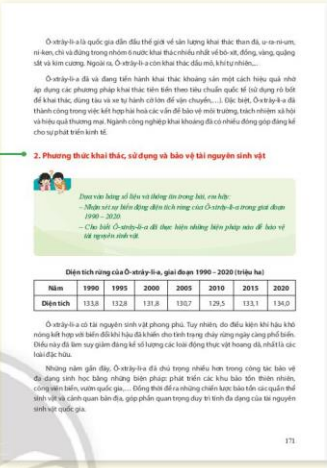

Ô-xtrây-li-a là quốc gia dẫn đầu thế giới về sản lượng khai thác than đá, u-ra-ni-um, ni-ken, chì và đứng trong nhóm 6 nước khai thác nhiều nhất về bô-xít, đồng, vàng, quặng sắt và kim cương. Ngoài ra, Ô-xtrây-li-a còn khai thác dầu mỏ, khí tự nhiên,...

Ô-xtrây-li-a đã và đang tiến hành khai thác khoáng sản một cách hiệu quả nhờ áp dụng các phương pháp khai thác tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế (sử dụng rô bốt để khai thác, dùng tàu vũ trụ tự hành cỡ lớn để vận chuyển,...). Đặc biệt, Ô-xtrây-li-a đã thành công trong việc kết hợp hài hoà các vấn đề bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội và hiệu quả thương mại. Ngành công nghiệp khai khoáng đã có nhiều đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế.

2. Phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên sinh vật

Dựa vào bảng số liệu và thông tin trong bài, em hãy:
– Nhận xét sự biến động diện tích rừng của Ô-xtrây-li-a trong giai đoạn 1990 – 2020.
– Cho biết Ô-xtrây-li-a đã thực hiện những biện pháp nào để bảo vệ tài nguyên sinh vật.

Diện tích rừng của Ô-xtrây-li-a, giai đoạn 1990 - 2020 (triệu ha)

Năm	1990	1995	2000	2005	2010	2015	2020
Diện tích	133,8	132,8	131,8	130,7	129,5	133,1	134,0

Ô-xtrây-li-a có tài nguyên sinh vật phong phú. Tuy nhiên, do điều kiện khí hậu khô nóng kết hợp với biến đổi khí hậu đã khiến cho tình trạng cháy rừng ngày càng phổ biến. Điều này đã làm suy giảm đáng kể số lượng các loài động thực vật hoang dã, nhất là các loài đặc hữu.

Những năm gần đây, Ô-xtrây-li-a đã chú trọng nhiều hơn trong công tác bảo vệ đa dạng sinh học bằng những biện pháp: phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, công viên biển, vườn quốc gia,... Đồng thời đề ra những chiến lược bảo tồn các quần thể sinh vật và cảnh quan bản địa, góp phần quan trọng duy trì tính đa dạng của tài nguyên sinh vật quốc gia.

171

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên sinh vật

– Thời gian: 30 phút.

– Hình thức dạy học: nhóm nhỏ (tiến hành đồng thời hoạt động khám phá 1 và 3).

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.

– Phương tiện dạy học: bảng *Diện tích rừng của Ô-xtrây-li-a, giai đoạn 1990 – 2020.*

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia các nhóm từ 4 đến 6 HS, yêu cầu HS khai thác bảng số liệu và thông tin trả lời các câu hỏi trong SGK.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. Đại diện nhóm HS trình bày câu trả lời.

Đánh giá: GV nhận xét

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

3. Phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy phân tích những biện pháp khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên đất của Ô-xtrây-li-a.

Do nguồn nước hạn chế, phần lớn diện tích đất của Ô-xtrây-li-a thường bị khô hạn, kém màu mỡ. Với điều kiện này, ngành chăn nuôi gia súc (đặc biệt là cừu) được chú trọng phát triển.

Các loài cây chịu hạn được trồng theo hình thức quảng canh. Tuy nhiên, đất dễ bị suy thoái do phải sử dụng nhiều phân bón và cơ để thay thế. Trước thực trạng đó, từ năm 1989, Ô-xtrây-li-a triển khai Chương trình quốc gia về chăm sóc đất để thực hiện các phương pháp canh tác mới, phủ xanh đất trống, phổ biến các giải pháp kĩ thuật,... Chương trình đã thu hút đông đảo nông dân tham gia nhờ sự hỗ trợ tích cực của chính quyền liên bang, các bang cũng như các tổ chức môi trường quốc gia, góp phần bảo vệ tài nguyên đất, thúc đẩy sự phát triển ngành nông nghiệp theo hướng mới với nhiều triển vọng.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Em hãy vẽ sơ đồ thể hiện các phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a.

Vận dụng

2. Em hãy tìm các thông tin về khai thác, sử dụng và bảo vệ một loại tài nguyên đất ở nhiều khác ở Ô-xtrây-li-a

172

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất

- Thời gian: 30 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ (tiến hành đồng thời hoạt động khám phá 1 và 2).
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia các nhóm từ 4 đến 6 HS, yêu cầu HS khai thác thông tin trả lời các câu hỏi trong SGK.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. Đại diện nhóm HS trình bày câu trả lời.

Đánh giá: GV nhận xét

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

- Thời gian: 5 phút.
- Hình thức dạy học: cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức đã học vẽ sơ đồ thể hiện các phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. GV mời đại diện HS trình bày nhanh kết quả.

Đánh giá: GV nhận xét hoặc yêu cầu các HS ngồi cạnh nhau kiểm tra kết quả cho nhau.

Vận dụng

GV hướng dẫn HS về nhà tự tìm các thông tin về khai thác, sử dụng và bảo vệ một loại tài nguyên thiên nhiên khác ở Ô-xtrây-li-a.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Vị trí địa lí châu Nam Cực.
- Lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí của châu Nam Cực.
- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.
- Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.

2. Phát triển năng lực chung

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.
- Lựa chọn hình thức làm việc nhóm phù hợp, chủ động hoàn thành các phần việc được giao.

3. Hình thành phẩm chất

Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, bảo vệ thiên nhiên châu Nam Cực

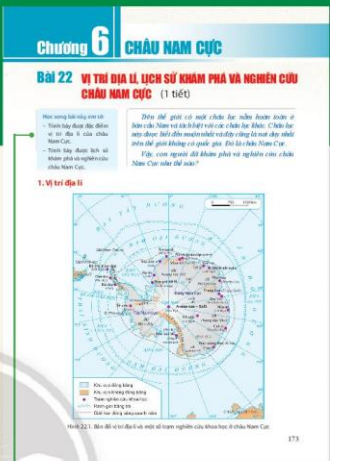
Chương 6 CHÂU NAM CỰC

Bài 22 VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LỊCH SỬ KHÁM PHÁ VÀ NGHIÊN CỨU CHÂU NAM CỰC (1 tiết)

1. Vị trí địa lí

Hình 22.1. Bản đồ vị trí địa lí và một số trạm nghiên cứu khoa học ở châu Nam Cực

173

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV sử dụng đoạn dẫn nhập đầu bài 22 SGK để giới thiệu bài học (sử dụng câu hỏi đã có trong đoạn dẫn nhập hoặc câu hỏi khác theo mục đích của GV).
- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm vị trí địa lí châu Nam Cực

- Thời gian: 15 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan, sử dụng trò chơi "Phản ứng nhanh".
- Phương tiện dạy học: hình 22.1 SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành nhóm nhỏ 4 – 6 HS tuỳ vào số lượng, đánh số thứ tự HS trong mỗi nhóm.

Bước 2. GV thông báo thể lệ, thời gian cho các nhóm quan sát hình 22.1 để xác định vị trí các đảo, quần đảo, bán đảo; các biển và đại dương bao quanh châu Nam Cực, yêu cầu các nhóm HS hoàn thành nhiệm vụ học tập trong SGK.

Bước 3. GV nêu câu hỏi và gọi ngẫu nhiên các số thứ tự HS của mỗi nhóm trả lời. Nhóm nào có HS trả lời nhanh hơn, đúng sẽ ghi điểm.

Đánh giá: GV nhận xét, tổng kết điểm của mỗi nhóm.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Dựa vào hình 22.1 và thông tin trong bài, em hãy:
- *Xác định vị trí địa lí của châu Nam Cực.*
- *Cho biết châu Nam Cực bao gồm những bộ phận nào.*
- *Kể tên các biển và đại dương bao quanh châu Nam Cực.*

Châu Nam Cực gồm lục địa Nam Cực và các đảo, quần đảo ven lục địa. Đây là châu lục có diện tích lớn thứ tư thế giới với 14,1 triệu km². Đại bộ phận lãnh thổ nằm trong phạm vi của vòng cực Nam.

Châu Nam Cực nằm cách xa các châu lục khác, bao bọc xung quanh bởi các biển và đại dương, được phân thành hai bộ phận: phần phía đông và phần phía tây. Phần phía tây có một bộ phận kéo dài tạo thành bán đảo Nam Cực và một số đảo, quần đảo.

2. Lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực

Dựa vào hình 22.2, hình 22.3 và thông tin trong bài, em hãy:
- *Kể tên một số trạm nghiên cứu khoa học của các quốc gia ở châu Nam Cực.*
- *Trình bày lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.*

a. Trạm A-mun-xen – Xcốt (Amundsen – Scott) của Hoa Kỳ (thành lập năm 1956)

b. Trạm Đa-vít (Davis) của Ô-xtrây-li-a (thành lập năm 1957)

c. Trạm Bê-lin-hao-den (Bellingshausen) của Liên bang Nga (thành lập năm 1968)

Hình 22.2. Hình ảnh một số trạm nghiên cứu khoa học ở châu Nam Cực

Nam Cực là châu lục được phát hiện và nghiên cứu muộn nhất. Con người lần đầu tiên phát hiện ra châu Nam Cực là hai nhà hàng hải người Nga. Đến đầu thế kỉ XX, một số nhà thám hiểm mới đặt chân lần lực địa Nam Cực và sau đó tiến sâu vào các vùng nội địa.

Từ năm 1957, việc nghiên cứu châu Nam Cực được tiến hành một cách toàn diện. Nhiều nước như Liên bang Nga, Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Ô-xtrây-li-a, Đức, Nhật Bản, Ác-hen-ti-na,... đã xây dựng các trạm nghiên cứu ở đây.

Những hoạt động của con người ở châu Nam Cực ngày càng gia tăng, đe dọa đến môi trường. Ngày 1 – 12 – 1959, Hiệp ước Nam Cực

đã được 12 quốc gia kí kết, thừa nhận châu Nam Cực phải được sử dụng cho mục đích hoà bình, không cộng nhận những đòi hỏi phân chia lãnh thổ, tài nguyên ở châu Nam Cực. Đến năm 2020, Hiệp ước Nam Cực có tổng cộng 54 quốc gia thành viên.

Hiện nay, châu Nam Cực có một mạng lưới các trạm nghiên cứu khoa học, đang tiến hành nghiên cứu tổng hợp các điều kiện tự nhiên bằng các phương tiện kĩ thuật hiện đại.

Em có biết?

Hiệp ước Nam Cực được kí kết năm 1959 và có hiệu lực kể từ năm 1961. Hiệp ước bao gồm 14 Điều với các nội dung chính như sau:
- *Thừa nhận trách nhiệm chung trong sử dụng và quản lí châu Nam Cực.*
- *Duy trì tình trạng phi quân sự hoá ở Nam Cực.*
- *Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu khoa học.*
- *Bảo vệ môi trường Nam Cực.*
- *Dừng lại các yêu sách về lãnh thổ của các quốc gia thành viên trong giai đoạn Hiệp ước có hiệu lực.*

Bên cạnh Hiệp ước Nam Cực, các quốc gia thành viên còn tham gia kí kết các thoả thuận liên quan khác, nhằm hỗ trợ cho việc thực thi Hiệp ước hiệu quả như Công ước về bảo tồn các loài sinh vật biển sống ở Nam Cực năm 1980, Nghị định thư về bảo vệ môi trường gắn liền với Hiệp ước Nam Cực năm 1991,...

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Chứng minh châu Nam Cực có vị trí địa lí đặc biệt.
2. Liệt kê các mốc thời gian chính trong lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.

Vận dụng

3. Em hãy tìm hiểu về Hiệp ước Nam Cực (1959) và viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) với thông điệp: Nam Cực sẽ hoà bình để giữ.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực

- Thời gian: 15 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm 2 HS.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
- Phương tiện dạy học: hình 22.1 và hình 22.2 SGK.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu 2 HS ngồi cạnh nhau thực hiện nhiệm vụ trong SGK.

Dựa vào hình 22.1, hình 22.2 và thông tin trong bài, em hãy:
- *Kể tên một số trạm nghiên cứu khoa học của các quốc gia ở châu Nam Cực.*
- *Trình bày lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.*

Bước 2. HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Đại diện một cặp HS trình bày kết quả thảo luận.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu thảo luận nhóm.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

- Thời gian: 10 phút.
- Hình thức dạy học: cá nhân.
- Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.
- Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức bài học để giải quyết các câu hỏi ở phần Luyện tập.

Bước 2. GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

Bước 3. GV mời đại diện HS trình bày kết quả.

Đánh giá: GV nhận xét và cho điểm bài tập sau khi đã cung cấp đáp án hoặc yêu cầu các HS ngồi cạnh nhau kiểm tra kết quả cho nhau.

Vận dụng

GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục Em có biết và hướng dẫn HS về nhà tự thực hiện.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ:

- Đặc điểm tự nhiên châu Nam Cực.
- Kịch bản về sự thay đổi thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.

HỌC SINH HỌC ĐỂ:

1. Phát triển năng lực địa lí

- Đọc được bản đồ địa hình và khoáng sản, lát cắt địa hình ở châu Nam Cực.
- Phân tích được bản đồ phân bố lượng mưa và biểu đồ nhiệt độ tại một số địa điểm ở châu Nam Cực.
- Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực.
- Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.
- Thu thập, hệ thống hoá các thông tin về đặc điểm tự nhiên châu Nam Cực từ internet, sách, báo.

2. Phát triển năng lực chung

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong tình huống mới.
- Chủ động hoàn thành nhiệm vụ, biết lắng nghe, đề xuất và phản hồi ý kiến tích cực trong hoạt động chung của nhóm.

3. Hình thành phẩm chất

Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm góp phần bảo vệ môi trường thiên nhiên châu Nam Cực.

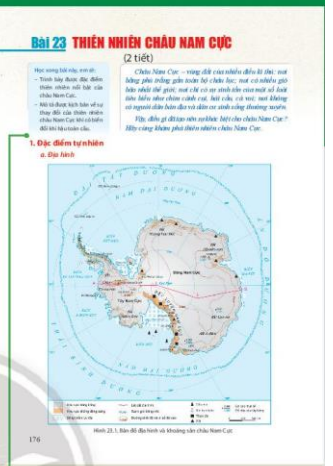
Bài 23 THIÊN NHIÊN CHÂU NAM CỰC

(2 tiết)

1. Đặc điểm tự nhiên

a. Địa hình

176

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm tự nhiên châu Nam Cực

- Thời gian: 50 phút.
- Hình thức dạy học: nhóm nhỏ.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể chọn một trong hai cách sau để khởi động bài học này:

+ Cách thứ nhất: GV sử dụng đoạn dẫn nhập đầu bài 23 SGK để giới thiệu bài học (sử dụng câu hỏi đã có trong đoạn dẫn nhập hoặc câu hỏi khác theo mục đích của GV).

+ Cách thứ hai: GV sử dụng kĩ thuật "Tia chớp", GV yêu cầu HS nêu một đặc điểm về thiên nhiên châu Nam Cực mà HS biết. GV mời lần lượt 5 – 8 HS trả lời, GV ghi tóm tắt các ý HS trình bày lên bảng, từ các câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học.

- GV giới thiệu cho HS về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: **"Học xong bài học này, em sẽ:"**

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Dựa vào hình 23.1, hình 23.2 và thông tin trong bài, em hãy cho biết đặc điểm nổi bật của địa hình bề mặt châu Nam Cực.

Hình 23.2. Lát cắt địa hình ở châu Nam Cực

Gần như toàn bộ địa hình châu Nam Cực được bao phủ bởi lớp băng dày. Lớp phủ băng làm cho bề mặt châu lục trở nên bằng phẳng, tạo thành các cao nguyên băng rộng lớn, có dạng như những chiếc khiên khổng lồ; ở phần trung tâm địa hình cao, càng đi ra ngoài rìa càng thấp dần.

Ngoài lớp băng bao phủ lục địa, ở Nam Cực còn có các băng thềm lục địa, hình thành chủ yếu trong các vịnh biển và các vùng bờ biển nông. Hai băng thềm lục địa lớn nhất ở Nam Cực là băng thềm Phan-xne (Filchner) và băng thềm Rốt (Ross).

Em có biết?

Bề dày trung bình của tầng băng ở lục địa Nam Cực là 1 720 m, nhưng có nhiều nơi đạt tới 3000 – 4000 m. Với lớp băng bao phủ đó, độ cao trung bình của bề mặt lục địa đạt tới 2 040 m và Nam Cực trở thành lục địa cao nhất Địa Cầu.

b. Khí hậu

Dựa vào hình 23.3, hình 23.4 và thông tin trong bài, em hãy:

– Nhận xét lượng mưa hằng năm và sự phân bố lượng mưa ở châu Nam Cực.

– Nhận xét nhiệt độ trung bình năm tại các trạm. Cho biết sự chênh lệch nhiệt độ giữa các tháng trong năm như thế nào.

Châu Nam Cực còn được gọi là hoang mạc lạnh của thế giới. Khí hậu giá buốt với nhiệt độ thấp (không bao giờ vượt quá 0°C) và đỉnh kéo dài trong suốt năm. Càng vào sâu trong lục địa, nhiệt độ càng khắc nghiệt. Nhiệt độ trung bình trong năm có sự dao động lớn giữa các tháng mùa đông và các tháng mùa hạ. Mùa đông (từ tháng 3 đến tháng 10) là thời kì lạnh nhất, nhiệt độ trung bình tháng ở rìa lục địa xuống tới – 15°C đến – 20°C còn ở vùng trung tâm đạt tới – 60°C đến – 70°C. Vì thế, lượng mưa hằng năm ở châu Nam Cực rất thấp, trung bình chỉ khoảng 166 mm/năm. Mưa chủ yếu xảy ra vào mùa hạ ở các khu vực ven biển và các đảo xung quanh, vùng nội địa gần như không có mưa. Phần lớn mưa ở châu Nam Cực dưới dạng tuyết rơi.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan, sử dụng kĩ thuật mảnh ghép.

– Phương tiện dạy học: hình 23.1, hình 23.2, hình 23.3, hình 23.4 và hình 23.5 SGK, phiếu học tập.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV chia HS thành nhóm nhỏ 4 – 6 HS tuỳ vào số lượng, đánh số thứ tự HS từ 1 đến 4 trong mỗi nhóm (lặp lại số thứ tự nếu số HS trong nhóm lớn hơn 4 HS). Tuỳ vào số lượng HS mà phân công số lượng nhóm thực hiện các nhiệm vụ.

Bước 2. GV giao nhiệm vụ cho các nhóm, dựa vào thông tin và hình trong SGK hoàn thành nhiệm vụ học tập sau:

+ Nhiệm vụ 1. Địa hình châu Nam Cực (Phiếu học tập 1).

+ Nhiệm vụ 2. Khí hậu châu Nam Cực (Phiếu học tập 2).

+ Nhiệm vụ 3. Sinh vật châu Nam Cực (Phiếu học tập 3).

+ Nhiệm vụ 4. Khoáng sản châu Nam Cực (Phiếu học tập 4).

Chân trời sáng tạo

PHIẾU HỌC TẬP 1

Nhóm .....

Dựa vào thông tin trong bài, hình 23.1 và hình 23.2 SGK, hãy cho biết:

1. Địa hình bề mặt châu Nam Cực được bao phủ bởi gì.

.....

2. Bề dày của lớp phủ băng ở châu Nam Cực

trung bình đạt: .....

nơi dày nhất đạt: .....

3. Ảnh hưởng của lớp phủ băng đến địa hình bề mặt châu Nam Cực.

.....

4. Tên các băng thềm lục địa lớn nhất ở châu Nam Cực.

.....

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1 (tt)

PHIẾU HỌC TẬP 2

Nhóm .....

Dựa vào thông tin trong bài, hình 23.3 và hình 23.4 SGK, hãy:

1. Nhận xét lượng mưa hằng năm và sự phân bố lượng mưa ở châu Nam Cực.

.....

.....

.....

2. Nhận xét nhiệt độ trung bình năm tại các trạm. Cho biết sự chênh lệch nhiệt độ giữa các tháng trong năm như thế nào.

.....

.....

.....

3. Điền vào chỗ trống những thông tin còn thiếu về đặc điểm khí hậu châu Nam Cực.

Châu Nam Cực là ..... khí hậu ..... nhiệt độ luôn ..... và ổn định. Lượng mưa hằng năm ..... và có nhiều ..... nhất thế giới.

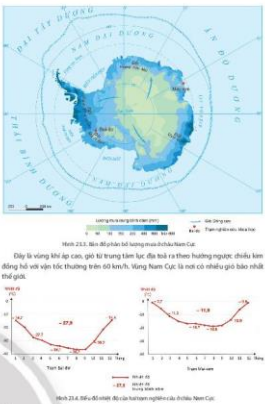

PHIẾU HỌC TẬP 3

Nhóm .....

Dựa vào thông tin trong bài và hình 23.5 SGK, hãy:

1. Kể tên một số loài sinh vật tiêu biểu ở Nam Cực.

.....

.....

2. Cho biết ảnh hưởng của lớp phủ băng đến địa hình bề mặt châu Nam Cực.

.....

.....

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

c. Sinh vật

Dựa vào hình 23.5 và thông tin trong bài, em hãy:
– Kể tên một số loài sinh vật chính ở châu Nam Cực.
– Cho biết tại sao các sinh vật tồn tại được trong điều kiện môi trường khắc nghiệt ở châu Nam Cực.

Hình 23.5. Chim cánh cụt

Trên lục địa, do khí hậu giá buốt, băng phủ quanh năm nên thực vật và động vật không thể tồn tại. Vùng lục địa có một ít thực vật bậc thấp như rêu, địa y, tảo, nấm và động vật như thú chân vịt, chim cánh cụt và chim biển.

Chim cánh cụt, hải cẩu, hải báo và các loài chim biển sống ở vùng lục địa và trên các đảo, dựa vào nguồn tôm, cá, sinh vật phù du dồi dào trong các biển bao quanh. Cá voi xanh ở vùng biển Nam Cực trước kia rất nhiều, nhưng do con người đánh bắt quá mức nên chúng đang có nguy cơ tuyệt chủng, cần được bảo vệ nghiêm ngặt.

d. Khoáng sản

Dựa vào hình 23.1 và thông tin trong bài, em hãy:
– Kể tên các loại khoáng sản ở châu Nam Cực.
– Cho biết dầu mỏ và khí tự nhiên phân bố chủ yếu ở đâu.

Châu Nam Cực có nhiều than đá và sắt, phân bố chủ yếu ở dãy Xuyên Nam Cực và vùng núi ở phía đông,... Ngoài ra, vùng thềm lục địa còn có tiềm năng về dầu mỏ và khí tự nhiên. Các khoáng sản nói đây hiện đang trong quá trình nghiên cứu và thăm dò.

2. Kịch bản về sự thay đổi thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu

Quan sát hình 23.6 và dựa vào thông tin trong bài, em hãy nêu kịch bản về sự thay đổi thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.

179

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1 (tt)

PHIẾU HỌC TẬP 4

Nhóm .....

Dựa vào thông tin trong bài và hình 23.1, hãy:

1. Kể tên và nơi phân bố các loại khoáng sản ở châu Nam Cực.

.....

.....

.....

2. Cho biết dầu mỏ và khí tự nhiên phân bố chủ yếu ở đâu.

.....

.....

.....

Bước 3. Mỗi HS trong nhóm làm việc độc lập, ghi lại phần trình bày của mình và thảo luận cùng nhóm.

Bước 4. GV hình thành 4 nhóm mới từ HS của các nhóm nội dung trên gọi là các nhóm mảnh ghép.

Bước 5. HS ở các nhóm mảnh ghép chia sẻ lần lượt những nội dung ở bước 1 đã thực hiện và thảo luận.

Bước 6. Các nhóm mảnh ghép trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu thảo luận nhóm

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu kịch bản về sự thay đổi thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu

– Thời gian: 20 phút.
– Hình thức dạy học: nhóm 2 HS.
– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan.
– Phương tiện dạy học: hình 23.6 SGK.
– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu 2 HS ngồi cạnh nhau thực hiện nhiệm vụ trong SGK.

Dựa vào thông tin trong bài và hình 23.6, hãy:
– Cho biết kịch bản biến đổi khí hậu toàn cầu.
– Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến lớp băng ở châu Nam Cực.
– Nêu sự thay đổi thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.

Bước 2. HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Đại diện nhóm/ cặp HS trình bày kết quả thảo luận.

Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu thảo luận nhóm.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Luyện tập

– Thời gian: 10 phút.

– Hình thức dạy học: cá nhân.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.

– Các bước tiến hành:

Bước 1. GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức bài học để giải quyết các câu hỏi ở phần Luyện tập.

Bước 2. GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

Bước 3. GV mời đại diện HS trình bày kết quả.

Đánh giá: GV nhận xét và cho điểm bài tập sau khi đã cung cấp đáp án hoặc yêu cầu các HS ngồi cạnh nhau kiểm tra kết quả cho nhau.

Lưu ý sơ đồ hệ thống hoá các đặc điểm tự nhiên châu Nam Cực phải đảm bảo:

– Tính chính xác.

– Tính trực quan.

– Tính thẩm mĩ.

Vận dụng

– Thời gian: 5 phút.

– Hình thức dạy học: cá nhân.

– Phương pháp, kĩ thuật dạy học: đàm thoại.

– GV hướng dẫn HS về nhà tự thực hiện. GV giới thiệu cho HS một số từ khoá và địa chỉ trang web để HS tiện tra cứu.

Biến đổi khí hậu diễn ra ngày càng nhanh trên phạm vi toàn cầu. Theo kịch bản biến đổi khí hậu toàn cầu, trong thế kỉ XXI, nhiệt độ trung bình toàn cầu vào cuối thế kỉ XXI tăng 1,1°C – 2,6°C (dao động đến 2,6°C - 4,8°C) so với trung bình giai đoạn 1986 – 2005. Mực nước biển toàn cầu tiếp tục tăng, lượng mưa và các hiện tượng thời tiết cực đoan cũng gia tăng.

Hình 23.6. Băng tan ở Nam Cực

Nhiệt độ Trái Đất tăng lên dẫn đến lớp băng ở Nam Cực tan chảy ngày càng nhiều hơn. Lớp băng có xu hướng di chuyển từ vùng trung tâm ra xung quanh, khi đến bờ, băng bị vỡ ra, cùng với các khối băng thềm lục địa tạo thành các núi băng trôi trên biển, rất nguy hiểm cho tàu thuyền qua lại.

Băng tan làm thu hẹp địa bàn sinh sống của loài chim cánh cụt, làm giảm số lượng loài chim này ở châu Nam Cực. Ngoài ra, băng tan còn làm thay đổi độ mặn của nước biển, làm giảm sút khối lượng các sinh vật phù du, các loài nhuyễn thể vỏ là thức ăn của cá voi, hải cẩu, chim cánh cụt.

Điều kiện khí hậu ấm lên cũng làm các loài tảo, nấu, địa y phát triển, dẫn đến cảnh quan môi trường bị thay đổi. Hơn nữa, các loài thực vật này hấp thụ ánh nắng mặt trời, làm nhiệt độ xung quanh tăng lên khiến băng tan nhanh hơn.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Lập sơ đồ tóm tắt những đặc điểm chính của thiên nhiên châu Nam Cực.

2. Giải thích vì sao châu Nam Cực được gọi là hoang mạc lạnh của thế giới.

Vận dụng

3. Đặc điểm nào về tự nhiên của châu Nam Cực làm em ấn tượng nhất? Hãy thu thập thêm thông tin về đặc điểm đó.

180

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

GV cần chuẩn bị

– Bảng phụ/giấy A0 để HS ghi kết quả thảo luận nhóm.

– Hình ảnh về thiên nhiên châu Nam Cực.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ

- Nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.
- Hành trình hai cuộc đại phát kiến địa lí: C. Cô-lôm-bô tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502) và cuộc thám hiểm của Ph. Ma-gien-lăng vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).
- Những tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử.

HỌC SINH HỌC ĐỂ

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

Biết đọc thông tin trên lược đồ, các kí hiệu, biểu tượng liên quan đến hành trình của hai cuộc đại phát kiến địa lí.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

- Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.
- Mô tả được hai cuộc đại phát kiến địa lí: C. Cô-lôm-bô tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502) và cuộc thám hiểm của Ph. Ma-gien-lăng vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).
- Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

- Tìm hiểu tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí trong cuộc sống hàng ngày.
- Biết cách sử dụng la bàn.
- Xác định được những địa danh ngày nay liên quan đến những cuộc đại phát kiến địa lí.

4. Hình thành những phẩm chất

Bồi dưỡng tinh thần dũng cảm, khám phá cái mới và tôn trọng các dân tộc khác nhau trên thế giới.

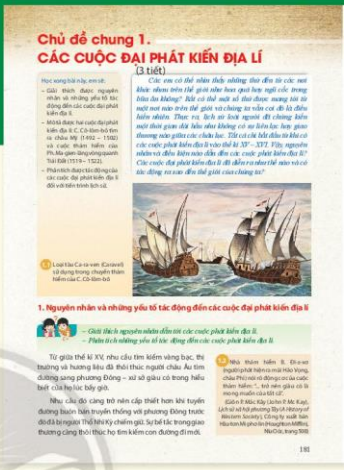

Chủ đề chung 1.
CÁC CUỘC ĐẠI PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ
(3 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
- Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.
- Mô tả được hai cuộc đại phát kiến địa lí: C. Cô-lôm-bô tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502) và cuộc thám hiểm của Ph. Ma-gien-lăng vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).
- Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử.

Các em có thể nhìn thấy những thứ đến từ các nơi khác nhau trên thế giới như hoa quả hay ngũ cốc trong bữa ăn không? Tất cả thế mới có thể được mang tới từ một nơi nào trên thế giới và chúng ta vẫn coi đó là điều hiển nhiên. Thực ra, lịch sử loài người đã chứng kiến một thời gian dài hầu như không có sự liên lạc hay giao thương nào giữa các châu lục. Tất cả đã bắt đầu từ khi có các cuộc phát kiến địa lí vào thế kỉ XV – XVI. Vậy nguyên nhân và diễn biến nào dẫn đến các cuộc phát kiến địa lí? Các cuộc đại phát kiến địa lí đã diễn ra như thế nào và có tác động ra sao đến thế giới của chúng ta?

Loại tàu Ca-ra-ven (Caravel) từ đương trong chuyến thám hiểm của C. Cô-lôm-bô

1. Nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí

– Giải thích nguyên nhân dẫn tới các cuộc phát kiến địa lí.
Phân tích những yếu tố tác động đến các cuộc phát kiến địa lí.

Từ giữa thế kỉ XV, nhu cầu tìm kiếm vàng bạc, thị trường và hương liệu đã thôi thúc người châu Âu tìm đường sang phương Đông – xứ sở giàu có trong hiểu biết của họ lúc bấy giờ.

Nhu cầu đó càng trở nên cấp thiết hơn khi tuyến đường buôn bán truyền thống với phương Đông trước đó đã bị người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm giữ. Sự bế tắc trong giao thương càng thôi thúc họ tìm kiếm con đường đi mới.

Nhà thám hiểm B. Đi-a-xơ người phát hiện ra mũi Hảo Vọng, châu Phi) nói rõ động cơ của cuộc thám hiểm: "... trẫm nên giàu có là mong muốn của tất cả".

(Gác-xi Mắc Kây (Jurhe P. Mc Kay), Lịch sử thế giới phương Tây (A History of Western Society), Công ty xuất bản Houton Mi-phơ-lin (Houghton Mifflin), Nư Óc, trang 508)

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

Gợi ý 1: GV dùng phần dẫn nhập trong sách kết hợp với tư liệu 1.8: sự trao đổi cây trồng, vật nuôi... để dẫn dắt HS vào bài: Ví dụ đường đi của củ khoai tây?

Gợi ý 2: Có thể bắt đầu bằng câu chuyện về đám mây Ma-gien-lăng (Magellan):

Khi đoàn thám hiểm của Ma-gien-lăng vượt qua đường xích đạo xuống Nam bán cầu, họ đã phát hiện ra những ngôi sao nhỏ tụ lại với nhau, giống như hai đám mây cách xa nhau một chút và hơi mờ đi. Hai chòm sao đó sau này được gọi là "đám mây Ma-gien-lăng". Em có thể nhìn thấy chúng trên bầu trời đêm quang đãng ở bất kì vị trí nào thuộc Nam bán cầu vào khoảng từ cuối tháng 10 đến tháng 1 hằng năm (sử dụng hình phần tài liệu bổ trợ).

Những đóng góp của các nhà thám hiểm với lịch sử nhân loại thật lớn lao. Do vậy, năm 2017, Bồ Đào Nha nộp hồ sơ lên UNESCO vinh danh "con đường Ma-gien-lăng" là di sản văn hoá thế giới. Theo em, UNESCO có thể phê duyệt hồ sơ này không? Quan điểm của em như thế nào: đồng ý vinh danh hoặc không đồng ý. Bài học này sẽ giúp các em có những quyết định đúng đắn và hợp lí.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động 1:

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** Biết cách khai thác thông tin từ các tư liệu 1.2, 1.3, 1.4 cho câu hỏi hoạt động 1.

Tư liệu 1.2 và 1.3:

+ Xác định chủ đề mà tư liệu đề cập tới (động cơ thực sự của những cuộc đại phát kiến).
+ Xác định những nhân vật lịch sử được nhắc đến trong tư liệu (họ là ai? là những nhà thám hiểm hay kẻ đi xâm lược?).
+ Những từ và cụm từ nào trong tư liệu phản ánh chủ đề của tư liệu?

Trả lời được câu hỏi: Động cơ thực sự của những chuyến thám hiểm là gì? Điều gì khiến các nhà thám hiểm nghĩ rằng chuyến đi của họ là thất bại hay thành công?

Tư liệu 1.4:

+ Xác định chủ đề tư liệu đề cập tới (vấn đề giao thương và nhu cầu gia vị hương liệu của châu Âu).
+ Tại sao người châu Âu phải tìm đường sang phương Đông?
+ Những thông tin nào trong tư liệu cho thấy nhu cầu tìm kiếm gia vị và lợi nhuận từ gia vị phương đông lớn như thế nào đối với châu Âu?

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

+ Bước đầu giải thích được mối liên hệ giữ nhu cầu thị trường, hương liệu với các cuộc đại phát kiến địa lí.
+ Trình bày được bối cảnh lịch sử của châu Âu thế kỉ XV và đưa ra được nhận xét về những tác động của nó dẫn đến các cuộc đại phát kiến địa lí.
+ Rút ra nguyên nhân thực sự của các cuộc đại phát kiến địa lí là gì? Lựa chọn một trong hai khái niệm sau: Khám phá hay tìm kiếm vàng bạc, hương liệu? Điểm đến của các cuộc đại phát kiến địa lí là gì? Khám phá những vùng đất mới hay phương Đông (các nước châu Á)?

Hoạt động 2:

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử**: Giải thích những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí:

+ Tại sao những yếu tố trong nhận thức của người đương thời lại thúc đẩy những cuộc đại phát kiến địa lí?

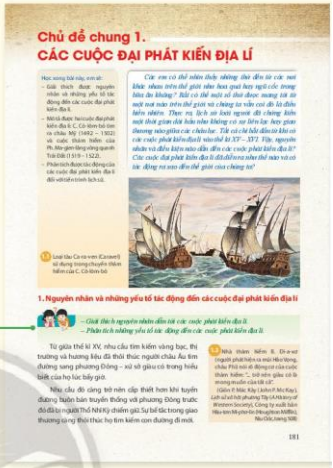
Chủ đề chung 1.
CÁC CUỘC ĐẠI PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ

1. Nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

V. Gama gặp gỡ hoàng tộc Ấn Độ (tranh vẽ, năm 1898)

Khi nhà thám hiểm kiêu ngạo Va-xcô đơ Ga-ma tới được cảng Ca-li-cút của Ấn Độ vào năm 1498, người Ấn hỏi: "Người đến đây theo mệnh lệnh của ai mà lại dám đi vào vùng biển của chúng tôi?" Va-xcô đơ Ga-ma trả lời: "Thiên Chúa và ông vua của chúng tôi".

(Kiến Ph Mác Kây, Lịch sử xã hội phương Tây, SĐd, trang 508)

Lúc bấy giờ, người châu Âu cũng đã có quan niệm đúng đắn hơn về hình dạng Trái Đất, họ cũng đã vẽ được bản đồ, hải đồ đi biển, có khái niệm về đường hải lưu hay hướng gió... Đặc biệt, sự tiến bộ của kĩ thuật đóng tàu - đã xuất hiện những con tàu có bánh lái, với những cánh buồm lớn và buồm hình tam giác đủ điều kiện vượt đại dương. Bên cạnh đó, sự bảo trợ của một số nhà nước phong kiến ở châu Âu cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà thám hiểm tiến hành các cuộc phát kiến địa lí.

Hình chụp một la bàn xác định phương hướng

Trong bảng điện nơi mà của bảng khắc, người ta chọn vào kim nam châm. Khi chuyển động của kim đồng hồ, điểm của nó chỉ về hướng bắc.

2. Một số cuộc đại phát kiến địa lí

Dựa vào lược đồ 1.6, 1.7 và thông tin trong bài, em hãy nêu tóm tắt các phát kiến địa lí của C. Cô-lôm-bô (1492 – 1502) và Ph. Ma-gien-lăng (1519 – 1522).

a. Cuộc phát kiến địa lí của C. Cô-lôm-bô

Tháng 8 - 1492, Cô-lôm-bô và đoàn thuỷ thủ bắt đầu rời cảng Pa-lốt (Palos) của Tây Ban Nha, đi về phía Tây, băng qua Đại Tây Dương. Tháng 10 - 1492, họ đặt chân lên một hòn đảo, sau được đặt tên là Xan Xan-va-đo. Trong vài tháng sau đó, họ khám phá

bờ biển phía đông bắc của Cu-ba và bờ biển phía bắc của Hi-xpan-i-ô-la. Cô-lôm-bô tin rằng ông đã tới được Đông Ấn Độ, nhưng thực ra đó là vùng đất mới - châu Mỹ. Sau đó, ông còn tiến hành thêm ba chuyến thám hiểm tới châu Mỹ vào các năm 1493, 1498 và 1502.

Nhân vật lịch sử

C. Cô-lôm-bô (1451 – 1506)

C. Cô-lôm-bô, một thuỷ thủ người I-ta-li-a, từ nhỏ đã say mê tìm hiểu hành trình của nhà thám hiểm M. Pô-lô (Marco Polo) sang phương Đông. Những tưởng thuật vùng đông của M. Pô-lô đã thôi thúc Cô-lôm-bô quyết tâm vượt một con đường biển đến vùng đất ki diệu và giàu có này.

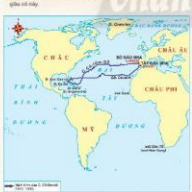

Lược đồ hành trình khám phá châu Mỹ của Cô-lôm-bô

Em có biết?

Xan Xan-va-đo của cô tên gọi là đảo Da-lin (Watling) nay thuộc Cộng hoà Ba-ha-ma (Bahama); Hi-xpa-ni-ô-la hòn đảo tìm thứ hai sau Cu-ba ở biển Ca-ri-bê thuộc Cộng hoà Hai-ti (Haiti) và Đô-mi-ni-ca (Dominica) ngày nay.

b. Cuộc phát kiến địa lí của Ph. Ma-gien-lăng

Đầu thế kỉ XVI, vua Tây Ban Nha là Ca-lốt I (Carlos I) tiếp tục khuyến khích các nhà thám hiểm tìm đường sang phương Đông vì mục đích giá trị và hương liệu. Năm 1519, nhận được sự hỗ trợ của hoàng gia Tây Ban Nha, Ma-gien-lăng cùng với đoàn thuỷ thủ tìm đường đến quần đảo hương liệu Ma-lu-ku (ngày nay thuộc In-đô-nê-xi-a).

Tháng 9 – 1519, đoàn thuyền 5 chiếc của Ma-gien-lăng bắt đầu rời Tây Ban Nha. Họ đi về phía tây, băng qua Đại Tây Dương, đến được mũi cực nam của châu Mỹ. Tại điểm hẹp nhất, nay là eo biển Ma-gien-lăng, họ vượt Đại Tây Dương, tiến vào một đại dương lớn trong cảnh sóng yên biển lặng. Ma-gien-lăng gọi là Thái Bình Dương.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1 (tt)

+ Tại sao với những tiến bộ về kĩ thuật (la bàn và buồm hình tam giác, tàu có bánh lái) lại tạo điều kiện cho những cuộc đại phát kiến địa lí xảy ra? Sự ủng hộ của những nhà nước phong kiến tập quyền như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha có ý nghĩa gì?

– **Yêu cầu về năng lực vận dụng (mở rộng):** Trên cơ sở kiến thức về la bàn (tư liệu 1.5), HS biết cách đọc và sử dụng la bàn.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** Nhận biết được các kí hiệu mô tả một cuộc hải trình: cảng biển xuất phát, vị trí cảng biển, hướng đi, đường đi, các đại dương và địa danh hai đoàn thám hiểm đặt chân đến như các đảo trong vùng biển Ca-ri-bê (Caribbean), eo Ma-gien-lăng, Thái Bình Dương, đảo Mác-tan (Mactan), quần đảo Ma-lu-ku (Maluku),...

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

+ Miêu tả được hành trình của 2 cuộc đại phát kiến dựa trên lược đồ. Trên cơ sở miêu tả hành trình của các cuộc đại phát kiến, xác định kết quả của các cuộc đại phát kiến liên quan đến sự kết nối đường biển giữa châu Âu và châu Mỹ (C. Cô-lôm-bô (C. Columbus)) và sự kết nối đường biển tất cả các châu lục chuyến đi vòng quanh Trái Đất đầu tiên của nhân loại.

+ Nhận thức và đánh giá được theo chủ kiến của mình về sự kiện Ma-gien-lăng chết trên đảo Mác-tan (Phi-líp-pin (Philippines)): Người Phi-líp-pin đánh giá như thế nào về sự kiện này?

– **Yêu cầu về năng lực vận dụng (mở rộng):**

Xác định được những vùng đất, vùng biển và các đảo mà hai nhà thám hiểm với hai cuộc đại phát kiến đặt chân tới và là những phát hiện mới đối với sự hiểu biết của người đương thời thuộc quốc

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2 (tt)

gia nào ngày nay; Phân biệt được những địa danh trùng tên Xan Xan-va-đo (San Salvado) (đảo Oa-lin (Watling)) thuộc cộng hoà Ba-ha-ma (Bahamas) và Xan Xan-va-đo thủ đô của En Xa-va-đo (El Salvado), thành phố lớn thứ 2 của Trung Mỹ, nằm bên bờ Thái Bình Dương, giữa Goa-tê-ma-la (Guatamala) và Hôn-đu-rát (Honduras).

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3

Hoạt động 1:

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Bước đầu giải thích được mối quan hệ giữa việc tìm ra những vùng đất mới, con đường đi mới của người châu Âu với hoạt động trao đổi hàng hoá, vận chuyển một khối lượng lớn vàng bạc,nguyên liệu về châu Âu, thúc đẩy sự phát triển sản xuất trong nội địa châu Âu.

+ Hiểu khái niệm tiếp xúc,trao đổi giữa các châu lục qua ví dụ về sự trao đổi vật nuôi và cây trồng từ châu Mỹ, châu lục mới trong sự hiểu biết của người đương thời với các châu lục cũ (Á, Phi, Âu) và ngược lại.

– Yêu cầu về năng lực vận dụng:

+ Những loại thực phẩm, ngũ cốc, hoa quả nào em đang dùng hằng ngày có được nhờ các cuộc đại phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI?

+ Hãy miêu tả đường đi của cú khoái tây tới Việt Nam (dựa vào tư liệu 1.8 và sự suy luận của bản thân)

Hoạt động 2:

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

Đọc – hiểu tư liệu 1.9:

+ Xác định chủ đề tư liệu.

+ Ghi nhớ những con số quan trọng (thời gian từ năm nào đến năm nào? số lượng người da đen bị đem từ châu Phi qua châu Mỹ?...).

+ Hệ quả trực tiếp của việc buôn bán nô lệ da đen đối với lịch sử nước Mỹ là gì?

Quan sát tư liệu 1.8: Vật nuôi và cây trồng từ châu Mỹ ra bên ngoài, kể cả qua châu Phi và ngược lại (hệ quả tích cực).

Quan sát tư liệu 1.10: Rút ra những từ ngữ mô tả chính xác bức tranh vẽ gì?

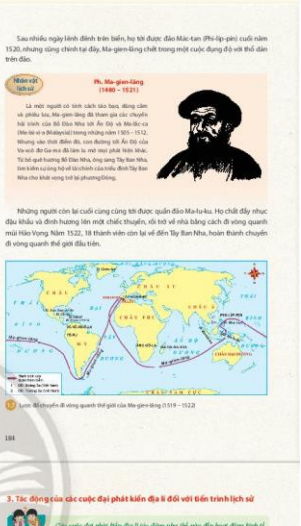

Sau nhiều ngày lênh đênh trên biển, họ tới được đảo Mác-tan (Phi-líp-pin) cuối năm 1520, nhưng cũng chính tại đây, Ma-gien-lăng chết trong một cuộc đụng độ với thổ dân trên đảo.

Nhân vật lịch sử

Ph. Ma-gien-lăng (1480 – 1521)

Là một người có tính cách táo bạo, dũng cảm và phiêu lưu, Ma-gien-lăng đã tham gia các chuyến hải trình của Bồ Đào Nha tới Ấn Độ và Mi-lắc-ca (Ma-lai-xi-a (Malaysia)) trong những năm 1505 – 1512. Nhưng vào thời điểm đó, con đường tới Ấn Độ của Va-xcô đa Ga-ma đã làm ta mờ mại phát triển khác. Từ bỏ quê hương Bồ Đào Nha, ông sang Tây Ban Nha, tìm kiếm sự ủng hộ về tài chính của triều đình Tây Ban Nha cho khát vọng trở lại phương Đông.

Những người còn lại cuối cùng cùng tới được quần đảo Ma-lu-ku. Họ chất đầy nhục đậu khấu và đinh hương lên một chiếc thuyền, rồi trở về nhà bằng cách đi vòng quanh mũi Hảo Vọng. Năm 1522, 18 thành viên còn lại về đến Tây Ban Nha, hoàn thành chuyến đi vòng quanh thế giới đầu tiên.

Lược đồ chuyến đi vòng quanh thế giới của Ma-gien-lăng (1519 – 1522)

184

3. Tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử

– Các cuộc đại phát kiến địa lí tác động như thế nào đến hoạt động kinh tế và sự tiếp xúc, trao đổi giữa các châu lục?

– Dựa vào thông tin trong bài và các tư liệu 1.9, 1.10, em hãy cho biết hệ quả của phát kiến địa lí đối tác động thế nào tới châu Phi và châu Mĩ. Từ đó rút ra suy nghĩ về sự thay đổi trong tiến trình lịch sử của các nước châu Á sau cuộc thám hiểm của Ma-gien-lăng.

Nhận thức của con người thay đổi sau những cuộc phát kiến địa lí. Họ có hiểu biết mới về những vùng đất, đại dương, những con đường,... từ đó mở ra một thời kì giao lưu, tiếp xúc văn hoá, trao đổi hàng hoá, cây trồng, vật nuôi,... giữa các châu lục.

Sự trao đổi cây trồng, vật nuôi giữa các châu lục sau các cuộc phát kiến địa lí

Châu Âu được hưởng lợi nhiều nhất từ các cuộc phát kiến địa lí. Một khối lượng lớn vàng bạc, nguyên liệu được mang về châu Âu, thúc đẩy sản xuất, thương nghiệp phát triển, đẩy nhanh quá trình khủng hoảng, tan rã của quan hệ sản xuất phong kiến và sự nảy sinh của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở châu Âu.

Tuy nhiên, các cuộc phát kiến địa lí cũng dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa thực dân. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và sau đó là Hà Lan, Anh, Pháp,... lần lượt chiếm đóng và phân chia thuộc địa ở châu Mỹ, châu Phi, châu Á. Cùng với đó, là nạn buôn bán nô lệ da đen, sự huỷ diệt người bản địa châu Mỹ và nền văn hoá của họ.

Từ năm 1518 đến 1880, gần 11 000 000 người da đen đã bị đẩy xuống thuyền bán qua châu Mỹ. 100 000 người, tức 5% trong số đó bị bán vào Mĩ nhưng ngày nay là nước Mỹ. Chính điều này đã là nguyên gốc của nạn phân biệt chủng tộc đáng lên án.

(Lâm Lê Mác Kây, *Lịch sử nô lệ phương Tây*, Sđd, trang 51 ff)

185

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Một khoảng lâu chỗ nói về dân cư châu Phi qua châu Mỹ (tranh khắc gỗ, thế kỉ XVIII)

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời: Đây là câu hỏi mở, chú ý tính hợp lí trong lập luận của HS khi giải thích.Tuy nhiên nên lưu ý đoạn quan trọng nhất của SGK về vấn đề này: "Nhận thức của con người thay đổi sau những cuộc phát kiến địa lí. Họ có hiểu biết mới về những vùng đất, đại dương, những con đường,... từ đó mở ra một thời kì giao lưu, tiếp xúc văn hoá, trao đổi hàng hoá, cây trồng, vật nuôi,... giữa các châu lục."

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời:

1. Bắc Mỹ, 2: Bán đảo I-bê-ri-a (Iberia) (Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha); 3. Ấn Độ; 4. Phi-líp-pin; 5. Thái Bình Dương; 6. Cu-ba (Cuba); 7. Mũi Hảo Vọng; 8. Ấn Độ Dương.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 3 (tt)

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức lịch sử:**

+ Đưa ra được nhận xét về tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với châu Phi và châu Mỹ (dẫn đến sự thay đổi thành phần dân cư, dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa thực dân, các nước châu Phi bị đô hộ, gây ra sự huỷ diệt người bản địa châu Mỹ và nền văn hoá của họ) .

Hoạt động 3:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Giải thích được mối quan hệ giữa việc Ma-gien-lăng xác lập con đường biển (băng qua Thái Bình Dương, nối châu Mỹ với châu Á, vượt Ấn Độ Dương trở về châu Phi và vòng qua mũi Hảo Vọng vào Đại Tây Dương về lại châu Âu) với việc những sự kiện xảy ra sau đó đối với châu Á. Sự có mặt của chủ nghĩa thực dân ở châu Á là sự thay đổi quan trọng nhất trong tiến trình lịch sử của các nước châu Á sau cuộc đại phát kiến địa lí này.

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

Khi đoàn thám hiểm của Ma-gien-lăng vượt qua đường xích đạo xuống Nam bán cầu, họ đã phát hiện ra những ngôi sao nhỏ tụ lại với nhau, giống như hai đám mây cách xa nhau một chút, và hơi mờ đi. Hai chòm sao đó sau này được gọi là "đám mây Ma-gien-lăng". Em có thể nhìn thấy chúng trên bầu trời đêm quang đãng ở bất kì vị trí nào thuộc Nam Bán cầu vào khoảng từ cuối tháng 10 đến tháng 1 hằng năm.

Nguồn: https://phys.org/news/2019-01-magellanic-clouds-late.html

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

HỌC SINH HỌC VỀ

- Những điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một số đô thị cổ đại và trung đại.
- Mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh cổ đại
- Vai trò của giới thương nhân trong sự phát triển của đô thị châu Âu trung đại.

HỌC SINH HỌC ĐỂ

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử

- Biết đọc thông tin trên lược đồ, biểu đồ.
- Giải mã và bước đầu khai thác được tư liệu hình ảnh và chữ viết có trong bài học.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

- Phân tích được các điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một số đô thị cổ đại và trung đại (qua một số trường hợp cụ thể).
- Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh cổ đại.
- Trình bày được vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu trung đại.

3. Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

- Sử dụng kiến thức về các thành phố cổ đại, đánh giá những tác động hay sự ảnh hưởng của nó đối với thế giới ngày nay.
- Vận dụng kiến thức lịch sử về cấu trúc của các thành phố cổ đại, rút ra bài học cần thiết cho sự phát triển của vùng đất em đang sống (cần học hỏi gì từ người xưa).
- Vận dụng kiến thức lịch sử về vai trò của thương nhân và tổ chức thương mại Hanseatic để giải thích những vấn đề thời sự đang diễn ra trong nước và trên thế giới, ví dụ: sự đóng góp của các doanh nghiệp đối với sự phát triển của đất nước; vai trò của Tổ chức Thương mại thế giới.

4. Hình thành những phẩm chất

Trách nhiệm: Tôn trọng di sản của những thành phố trong lịch sử, những toà nhà cổ, những con đường cổ, tinh thần doanh nhân,... để kế thừa và phát triển.

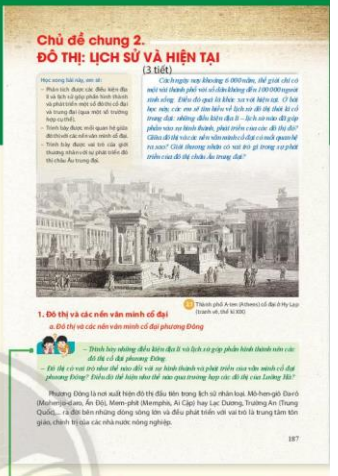

Chủ đề chung 2.
ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI
(3 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:
– Phân tích được các điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một số đô thị cổ đại và trung đại (qua một số trường hợp cụ thể).
– Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh cổ đại.
– Trình bày được vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu trung đại.

Cách ngày nay khoảng 6 000 năm, thế giới chỉ có một vài thành phố với số dân không đến 100 000 người sinh sống. Điều đó quả là khác xa với hiện tại. Ở bài học này, các em sẽ tìm hiểu về lịch sử đô thị thời kì cổ trung đại: những điều kiện địa lí – lịch sử nào đã góp phần vào sự hình thành, phát triển của các đô thị đó? Giữa đô thị và các nền văn minh cổ đại có mối quan hệ ra sao? Giới thương nhân có vai trò gì trong sự phát triển của đô thị châu Âu trung đại?

1. Đô thị và các nền văn minh cổ đại

a. Đô thị và các nền văn minh cổ đại phương Đông

– Trình bày những điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành nên các đô thị cổ đại phương Đông.
– Đô thị có vai trò như thế nào đối với sự hình thành và phát triển của văn minh cổ đại phương Đông? Điều đó thể hiện như thế nào qua trường hợp các đô thị của Lưỡng Hà?

Phương Đông là nơi xuất hiện đô thị đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Mô-hen-giô Đa-rô (Mohenjo-d'aro, Ấn Độ), Mem-phit (Memphis, Ai Cập), hay Lạc Dương, Trường An (Trung Quốc),... là đại diện những dòng sông lớn và đều phát triển với vai trò là trung tâm tôn giáo, chính trị của các nhà nước nông nghiệp.

187

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1

Hoạt động 1:

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

+ Nêu được những tác động của điều kiện tự nhiên đối với lịch sử các đô thị phương Đông (ra đời sớm, tại sao ra đời sớm? ra đời ở đâu?)

+ Các dòng sông: nền văn minh phương Đông còn gọi là nền văn minh của các dòng sông và các đô thị phương Đông đều nằm bên lưu vực những dòng sông, thuận lợi phát triển nông nghiệp: ra đời sớm.

+ Trường hợp điển hình: Các đô thị ở vùng Tây Á: Lưỡng Hà gần với những dòng sông nhưng địa hình mở và là vùng bình nguyên bằng phẳng nên là

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

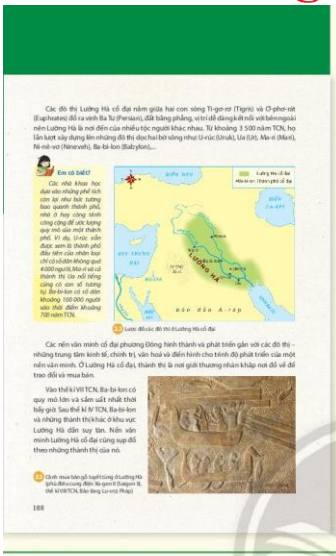

Các đô thị Lưỡng Hà cổ đại nằm giữa hai con sông Ti-gơ-rơ (Tigris) và Ơ-phơ-rát (Euphrates) đổ ra vịnh Ba Tư (Persian), dải bằng phẳng, vị trí rất thuận lợi để giao lưu với bên ngoài nên Lưỡng Hà là nơi đến của nhiều tộc người khác nhau. Từ khoảng 3 500 năm TCN, họ lần lượt xây dựng lên những đô thị đọc hai bờ sông như U-rúc (Uruk), Ua (Ur), Ma-ri (Mari), Ni-nê-vơ (Nineveh), Ba-bi-lon (Babylon),...

Em có biết?

Các nhà khảo học dựa vào những phế tích còn lại như bức tường bao quanh thành phố, nhà ở hay công trình công cộng để ước lượng quy mô của một thành phố. Ví dụ, U-rúc vẫn được xem là thành phố đầu tiên các nhân loại chỉ có khoảng quanh 40 000 người. Mà ở mỗi đô thành thị Ua nổi tiếng cũng có con số tương tự. Ba-bi-lon có số dân khoảng 100 000 người vào thời điểm khoảng 700 năm TCN.

Lược đồ các đô thị cổ đại ở Lưỡng Hà cổ đại

Các nền văn minh cổ đại phương Đông hình thành và phát triển gắn với các đô thị – những trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá và điển hình cho trình độ phát triển của một nền văn minh. Ở Lưỡng Hà cổ đại, thành thị là nơi giới thương nhân khắp nơi đổ về để trao đổi và mua bán.

Vào thế kỉ VIII TCN, Ba-bi-lon có quy mô lớn và sầm uất nhất thời bấy giờ. Sau thế kỉ IV TCN, Ba-bi-lon và những thành thị khác ở khu vực Lưỡng Hà dần suy tàn. Nền văn minh Lưỡng Hà cổ đại cũng sụp đổ theo những thành thị của nó.

Cảnh mua bán gỗ tại chợ ở thành thị Lưỡng Hà (phù điêu cung điện Xa-gon II (Sargon II), thế kỉ VIII TCN, Bảo tàng Lu-vơ, Pháp)

188

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

Gợi ý 1: GV dùng phần dẫn nhập trong sách kết hợp với tư liệu 2.1

Gợi ý 2: GV thiết kế dẫn nhập dựa trên những ý chính sau: Các thành phố ngày nay đem lại cho cư dân nhiều sự lựa chọn: thể thao, giải trí, bảo tàng, nhà hát và nhà hàng. Người ta cũng tìm đến thành phố để tìm cơ hội để có được một nền giáo dục tốt hoặc một công việc đầy hứa hẹn. Như chúng ta sẽ thấy trong bài học này, ngay cả những thành phố đầu tiên trong lịch sử nhân loại cũng đem lại nhiều cơ hội cho cư dân, đó là nơi tập trung văn hoá và văn minh của mỗi một thời đại.

nơi xuất hiện những đô thị đầu tiên trên thế giới với chức năng tập trung dân cư và phát triển thương mại. Mật độ đô thị ở Lưỡng Hà nhiều nhất thời cổ đại (tham khảo lược đồ 2.2).

– **Mở rộng:** Những bằng chứng lịch sử nào để xác định một đô thị cổ đại?

Hoạt động 2:

– **Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:** Bức phù điêu 2.3 cho chúng ta những thông tin gì để trả lời câu hỏi 2?

+ Đọc tiêu đề của tài liệu để khám phá chủ đề được đề cập trong câu hỏi 2: Cảnh buôn bán gỗ tuyết tùng ở Lưỡng Hà có thể hiện vai trò của thành thị với văn minh Lưỡng Hà không?

+ Nghiên cứu và phân tích bức phù điêu:

1. Ghi chú những gì nhìn thấy (thuyền chở gỗ, những cư dân chuyên làm nghề khuân vác gỗ lên xuống thuyền, thể hiện sự buôn bán tấp nập,...).
2. Ghi chú xuất xứ (trong cung điện của vua Xa-gon (Sargon) thế kỉ VIII TCN, ở Kho-sa-bát (Khorsabad), cách thành phố Mô-sun (Mosul), I-rắc (Iraq) khoảng 15 km về phía bắc).

+ Đọc câu hỏi và sau đó nghiên cứu lại bức phù điêu để tìm câu trả lời (bức phù điêu thể hiện sự phát triển trong lĩnh vực gì của nền văn minh Lưỡng Hà? Nhập khẩu gỗ về xây cung điện ở thành phố: thành phố là trung tâm chính trị, văn hoá, kinh tế, nơi có càng, có cung điện hoàng gia,...).

– **Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

+ Giải thích được mối liên hệ giữa các đô thị phương Đông nói chung và Lưỡng Hà nói riêng với nền văn minh cổ đại (Đô thị là nơi tập trung các thương nhân tới trao đổi hàng hoá, (trung tâm kinh tế) là nơi có cung điện, triều đình (trung tâm chính trị), các công trình văn hoá (trung tâm văn hoá – ở Lưỡng Hà cổ đại nổi tiếng với vườn treo Ba-bi-lon (Babylon),...).

+ Giải thích được những nền văn minh phát triển hay suy tàn phụ thuộc vào các đô thị của nó (dẫn chứng trường hợp Ba-bi-lon. Những đặc điểm của Ba-bi-lon là một ví dụ điển hình về nền văn minh phát triển như thế nào (xin xem kiến thức bổ trợ).

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 1 (tt)

Hoạt động 1:

Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Bước đầu giải thích được mối liên hệ giữa điều kiện tự nhiên (vùng Địa Trung Hải, không trồng được ngũ cốc, biển đóng vai trò quan trọng,…) với sự hình thành các đô thị (trường hợp A-ten (Athens) và Rô-ma (Roma)).
+ Trình bày được những sự kiện lịch sử căn bản gắn với A-ten và Rô-ma: A-ten ra đời vào thế kỉ VII TCN, phát triển rực rỡ vào thế kỉ V TCN; thế kỉ II TCN bị người La Mã chinh phục; Rô-ma giữ vai trò là trung tâm của vùng Địa Trung Hải cho đến năm 476; Cả A-ten và Rô-ma đều phát triển dựa trên thủ công nghiệp và thương nghiệp, xây dựng những thành thị với trung tâm là cảng biển.

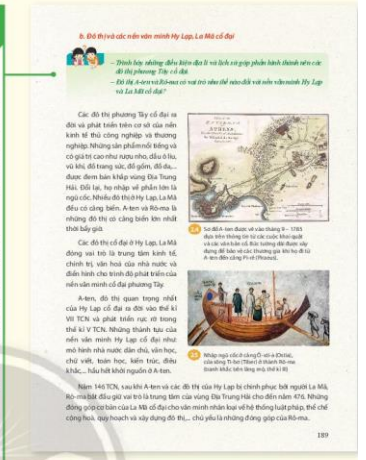

b. Đô thị và các nền văn minh Hy Lạp, La Mã cổ đại

– Trình bày những điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành nên các đô thị phương Tây cổ đại.
– Đô thị A-ten và Rô-ma có vai trò như thế nào đối với nền văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại?

Các đô thị phương Tây cổ đại ra đời và phát triển trên cơ sở của nền kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp. Những sản phẩm nổi tiếng và có giá trị cao như: rượu nho, dầu ô liu, vũ khí, đồ trang sức, đồ gốm, đồ dệ,... được đem bán khắp vùng Địa Trung Hải. Đối lại, họ nhập về phần lớn là ngũ cốc. Nhiều đô thị ở Hy Lạp, La Mã đều có cảng biển. A-ten và Rô-ma là những đô thị có cảng biển lớn nhất thời bấy giờ.

Các đô thị cổ đại ở Hy Lạp, La Mã đóng vai trò là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của nhà nước và điển hình cho trình độ phát triển của nền văn minh cổ đại phương Tây.

A-ten, đô thị quan trọng nhất của Hy Lạp cổ đại ra đời vào thế kỉ VII TCN và phát triển rực rỡ trong thế kỉ V TCN. Những thành tựu của nền văn minh Hy Lạp cổ đại như: mô hình nhà nước dân chủ, văn học, chữ viết, toán học, kiến trúc, điêu khắc,... hầu hết khởi nguồn ở A-ten.

Năm 146 TCN, sau khi A-ten và các đô thị của Hy Lạp bị chinh phục bởi người La Mã, Rô-ma bắt đầu giữ vai trò là trung tâm của vùng Địa Trung Hải cho đến năm 476. Những đóng góp cơ bản của La Mã cổ đại cho văn minh nhân loại về hệ thống luật pháp, thể chế công hoà, quy hoạch và xây dựng đô thị,... chủ yếu là những đóng góp của Rô-ma.

Sơ đồ A-ten được vẽ vào tháng 9 – 1785 dựa trên thông tin từ các cuộc khai quật và các văn bản cổ. Đặc trưng đồ thành xây dựng để bảo vệ các thương gia khi họ đi từ A-ten đến cảng Pi-rê (Piraeus).

Nhập ngũ cốc ở cảng Ô-xti-a (Ostia), của sông Ti-bơ (Tiber) ở thành Rô-ma (tranh khắc trên lăng mộ, thế kỉ II)

189

Hoạt động 2:

– Yêu cầu về năng lực tìm hiểu lịch sử:

+ Tư liệu 2.4: Đọc được những hình vẽ căn bản trên sơ đồ: Trung tâm đô thị A-ten với bức tường thành, vùng nông thôn phụ cận trồng nho, ô liu, chăn thả dê và những xưởng sản xuất thủ công nghiệp; chi tiết con đường từ trung tâm thành phố ra cảng với hai bức tường thành bảo vệ.
+ Tư liệu 2.5: Nhận biết chi tiết quan trọng trong hình vẽ phản ánh đời sống kinh tế của thành Rô-ma cổ đại – cảnh vận chuyển ngũ cốc, một hoạt động buôn bán phổ biến ở cảng Ô-xti-a (Ostia).

– Yêu cầu về năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Trình bày được A-ten và Rô-ma là trung tâm kinh tế (cảng biển, bảo vệ thương nhân và hàng hoá, coi trọng kinh tế công thương); trung tâm chính trị (nơi có các đền thờ và công trình công cộng), trung tâm văn hoá (những thành tựu văn hoá đều bắt nguồn ở A-ten và Rô-ma).
+ Trình bày được quan điểm của bản thân về những di sản của thành phố A-ten và kinh thành Rô-ma đối với nền văn minh thế giới.

– Yêu cầu về năng lực vận dụng: Vận dụng kiến thức lịch sử về cấu trúc của các thành phố cổ đại, rút ra bài học cần thiết cho sự phát triển của vùng đất em đang sống (cần học hỏi gì từ người xưa).

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

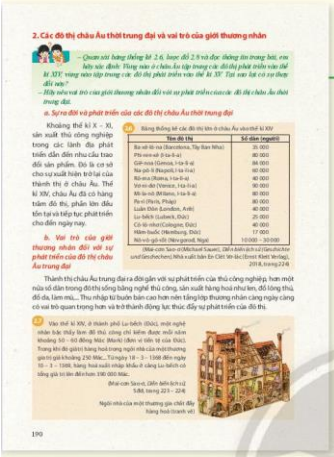

2. Các đô thị châu Âu thời trung đại và vai trò của giới thương nhân

– Quan sát bảng thống kê 2.6, lược đồ 2.8 và đọc thông tin trong bài, em hãy xác định: Từng nào ở châu Âu tập trung các đô thị phát triển nào thế kỉ XIV, vùng nào tập trung các đô thị phát triển vào thế kỉ XV. Tại sao lại có sự thay đổi này?
– Hãy nêu vai trò của giới thương nhân đối với sự phát triển của các đô thị châu Âu thời trung đại.

a. Sự ra đời và phát triển của các đô thị châu Âu thời trung đại

Khoảng thế kỉ X – XI, sản xuất thủ công nghiệp trong các lãnh địa phát triển dần dẫn nhu cầu trao đổi sản phẩm. Đó là cơ sở cho sự xuất hiện trở lại của thành thị ở châu Âu. Thế kỉ XIV, châu Âu đã có hàng trăm đô thị, phần lớn đều tồn tại và tiếp tục phát triển cho đến ngày nay.

Bảng thống kê các đô thị lớn ở châu Âu vào thế kỉ XIV

Tên đô thị	Số dân (người)
Ba-xê-lô-na (Barcelona, Tây Ban Nha)	35 000
Phi-rơ-nê-xê (I-ta-li-a)	40 000
Giê-nơ-va (Genoa, I-ta-li-a)	84 000
Na-pôli (Napoli, I-ta-li-a)	60 000
Rô-ma (Roma, I-ta-li-a)	40 000
Vơ-nê-dơ (Venice, I-ta-li-a)	90 000
Mi-la-nô (Milano, I-ta-li-a)	80 000
Pa-ri (Paris, Pháp)	80 000
Luân Đôn (London, Anh)	40 000
Lu-bếch (Lubeck, Đức)	25 000
Cô-lô-nhơ (Cologne, Đức)	40 000
Năm-bước (Nürnberg, Đức)	17 000
Nô-vi-gô-rốt (Novgorod, Nga)	10 000 – 30 000

(Mặt cắt Sao-rô (Michael Sauer), Dữ liệu lịch sử (Geschichte und Geschechter), Nhà xuất bản Ét-Ghét Tê-bắc (Ernst Klett Verlag), 2018, trang 224)

b. Vai trò của giới thương nhân đối với sự phát triển của đô thị châu Âu trung đại

Thành thị châu Âu trung đại ra đời gắn với sự phát triển của thủ công nghiệp, hơn một nửa số dân trong đô thị sống bằng nghề thủ công, sản xuất hàng hoá như len, đồ tổng thủ, đồ da, làm mũ,... Thu nhập từ buôn bán cao hơn nên tầng lớp thương nhân càng ngày càng có vai trò quan trọng hơn và trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển của đô thị.

Vào thế kỉ XIV, ở thành phố Lu-bếch (Đức), một nghệ nhân bậc thầy làm đồ thủ công chỉ kiếm được mỗi năm khoảng 50 – 60 đồng Mác (Mark) (đơn vị tiền tệ của Đức). Trong khi đó giới hàng hoá trong ngôi nhà của một thương gia có giá khoảng 250 Mác,... Từ ngày 18 – 3 – 1368 đến ngày 10 – 3 – 1369, hàng hoá xuất nhập khẩu ở cảng Lu-bếch có tổng giá trị lên đến hơn 190 000 Mác.

(Mai-cơn Sao-rô, Diễn đàn lịch sử, tập 1, Sđd, trang 223 – 224)

Ngôi nhà của một thương gia chất đầy hàng hoá (tranh vẽ)

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2

Hoạt động 1:

– Yêu cầu năng lực tìm hiểu lịch sử:

Bảng thống kê 2.6:

+ Đọc tiêu đề và xác định được chủ đề của bảng thống kê (Các thành phố lớn của châu Âu thế kỉ XIV – lưu ý thời gian)
+ Đọc tiêu đề cột và hàng – cung cấp chi tiết hơn thông tin của chủ đề (Tên các thành phố – số dân)
+ So sánh, đối chiếu thông tin giữa các cột và hàng (Tên các thành phố ứng với số dân).
+ Rút ra thông tin từ trong các cột: Những thành phố nào đông dân nhất vào thế kỉ XIV? Những thành phố đó tập trung ở khu vực nào của châu Âu?

Lược đồ 2.8:

+ Xác định tên của lược đồ (lược đồ các thành phố thuộc liên minh Han-xe-tíc (Hanseatic) đầu thế kỉ XV)
+ Xác định ý nghĩa của các kí hiệu trên lược đồ (2 kí hiệu quan trọng: trong liên minh và ngoài liên minh). Xác định kí hiệu về địa lí (biển, các dòng sông, hướng).
+ Rút ra thông tin từ lược đồ: Các thành phố trong liên minh Han-xe-tíc nằm ở khu vực nào của châu Âu, gần với vùng biển nào?

– Yêu cầu năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

+ Phân tích được mối quan hệ giữa dân số và sự phát triển của thành phố. Xác định những thành phố vào thế kỉ XIV có số dân trên 60 000 người là những thành phố phát triển.
+ Vào thế kỉ XIV, những thành phố phát triển nhất chủ yếu tập trung ở nước I-ta-li-a (Italia) ngày nay (bán đảo I-ta-li-a, thuộc Nam Âu), gần với con đường thương mại truyền thống Địa Trung Hải và Tây Á.
+ Liên hệ được với kiến thức đã học (những thành phố ở I-ta-li-a là nơi bắt đầu của phong trào Văn hoá Phục hưng vào thế kỉ XIV, là nơi đầu tiên nhận hàng hoá vận chuyển từ phương Đông qua Thổ Nhĩ Kỳ,... Thương nhân I-ta-li-a giàu có nhờ buôn bán hương liệu với phương Đông, giá cả lời gấp đôi khi chuyển lên các nước Bắc Âu).
+ Phân tích được vai trò của liên minh Han-xe-tíc và hiện tượng dịch chuyển trung tâm thương mại từ bán đảo I-ta-li-a và Địa Trung Hải về vùng biển Ban-tích (Baltic).
+ Giải thích được lí do của sự thay đổi (sự phát triển của thương mại, những thành phố phát triển gắn với liên minh Han-xe-tíc).

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN 2 (tt)

Hoạt động 2:

– **Yêu cầu năng lực tìm hiểu lịch sử:** Đọc – hiểu tư liệu 2.7.

+ Xác định được chủ đề của tư liệu: Doanh thu của nghề thủ công và nghề buôn bán hàng hoá.

+ Ghi chú những con số quan trọng. Tính toán được sự chênh lệch giữa thu nhập của một người thợ thủ công và thu nhập của một thương nhân.

– **Yêu cầu năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

+ Trình bày được vai trò của thợ thủ công đối với sự ra đời và hoạt động của thành thị.

+ Giải thích được tại sao thợ thủ công dần mất vai trò và thương nhân càng ngày càng giữ vị trí quyết định đối với sự phát triển của thành thị.

+ Phân tích được mối liên hệ giữa vị trí của thương nhân và sự phát triển của thành phố.

+ Trình bày được tổ chức Han-xe-tíc của thương nhân trong thế kỉ XV như là nhân tố quyết định sự phát triển của các thành thị trung đại châu Âu.

– **Yêu cầu về năng lực vận dụng:**

Vận dụng kiến thức lịch sử về vai trò của thương nhân và tổ chức thương mại Han-xe-tíc để giải thích những vấn đề thời sự đang diễn ra trong nước và trên thế giới, ví dụ: sự đóng góp của các doanh nghiệp đối với sự phát triển của đất nước; vai trò của tổ chức thương mại thế giới,...

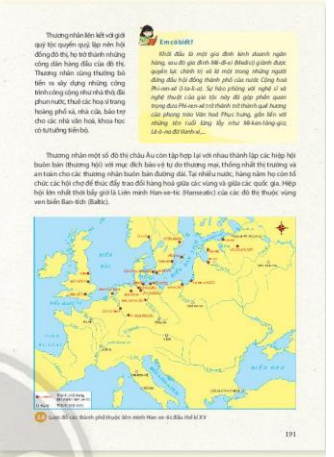

Thương nhân lên kết với giới quý tộc quyền quý, lập nên hội đồng đô thị, họ trở thành những công dân hàng đầu của đô thị. Thương nhân cũng thường bỏ tiền ra xây dựng những công trình công cộng như nhà thị, đài phun nước, thuê các họa sĩ trang hoàng phố xá, nhà cửa, bảo trợ cho các nhà văn hoá, khoa học có tư tưởng tiến bộ.

Em có biết?

Khởi đầu là một gia đình kinh doanh ngân hàng, sau đó gia đình Mê-đi-xi (Medici) giành được quyền lực chính trị và là một trong những người đứng đầu hội đồng thành phố của nước Cộng hoà Phi-ren-xê (Lô-ren-xô). Sự bảo phòng với nghệ sĩ về nghệ thuật của gia tộc này đã góp phần quan trọng đưa Phi-ren-xê trở thành trở thành quê hương của phong trào Văn hoá Phục hưng, gắn liền với những tên tuổi lừng lẫy như Mê-kan-lăng-giơ, Lê-ô-na đô Vanh-xi,...

Thương nhân một số đô thị châu Âu còn tập hợp lại với nhau thành lập các hiệp hội buôn bán (thương hội) với mục đích bảo vệ tự do thương mại, thống nhất thị trường và an toàn cho các thương nhân buôn bán đường dài. Tại nhiều nước, hàng năm họ còn tổ chức các hội chợ để thúc đẩy trao đổi hàng hoá giữa các vùng và giữa các quốc gia. Hiệp hội lớn nhất thời bấy giờ là Liên minh Han-xe-tíc (Hanseatic) của các đô thị thuộc vùng ven biển Ban-tích (Baltic).

17 Lược đồ các thành phố thuộc liên minh Han-xe-tíc đầu thế kỉ XV

191

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Kiến thức bổ trợ cho GV

1. Nền văn minh đô thị Lưỡng Hà.

Ở vị trí thuận lợi – nơi gặp gỡ giữa dòng sông, biển và những con đường, các thành thị Lưỡng Hà phát triển buôn bán với các vùng đất láng giềng ngay từ khi bắt đầu của lịch sử. Họ bán ngũ cốc, dầu, vải và nhập về gỗ, đá, rượu, kim loại quý. Nhà buôn khắp nơi tụ tập về, dân cư đông đúc, buôn bán sầm uất. Nền văn minh cũng theo đó mà phát triển.

Năm 539 TCN, Ba-bi-lon thuộc về đế chế Ba Tư. Nền văn minh cổ đại Lưỡng Hà kết thúc, nhưng Ba-bi-lon

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

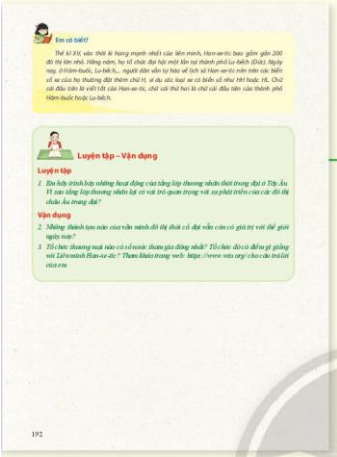

Em có biết?

Thế kỉ XV, vào thời kì hùng mạnh nhất của liên minh, Han-xe-tic bao gồm gần 200 đô thị lớn nhỏ. Hồng năm, họ tổ chức đại hội một lần tại thành phố Lu-bếch (Đức). Ngày nay, ở Hàm-buốc, Lu-bếch,... người dân vẫn tự hào về lịch sử Han-xe-tic nên trên các biển số xe của họ thường đặt thêm chữ H, vì dụ các loại xe có biển số như HH hoặc HL. Chữ cái đầu tiên là viết tắt của Han-xe-tic, chữ cái thứ hai là chữ cái đầu tiên của thành phố Hàm-buốc hoặc Lu-bếch.

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Em hãy trình bày những hoạt động của tầng lớp thương nhân thời trung đại ở Tây Âu. Vì sao tầng lớp thương nhân lại có vai trò quan trọng với sự phát triển của các đô thị châu Âu trung đại?

Vận dụng

2. Những thành tựu nào của văn minh đô thị thời cổ đại vẫn còn có giá trị với thế giới ngày nay?

3. Tổ chức thương mại nào có số nước tham gia đông nhất? Tổ chức đó có điểm gì giống với Liên minh Han-xe-tic? Tham khảo trang web: https://www.wto.org/ để tìm hiểu thêm.

192

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

– **Câu 1.** Gợi ý trả lời:

– Những hoạt động của tầng lớp thương nhân thời trung đại ở Tây Âu:

+ Liên kết với giới quý tộc quyền quý, lập nên hội đồng đô thị, trở thành những công dân hàng đầu của đô thị.

+ Bỏ tiền xây dựng những công trình công cộng như nhà thờ, đài phun nước, thuê các hoạ sĩ trang hoàng phố xá, nhà cửa, bảo trợ cho các nhà văn hoá, khoa học có tư tưởng tiến bộ.

+ Thành lập các hiệp hội buôn bán (thương hội) với mục đích bảo vệ tự do thương mại, thống nhất thị trường và an toàn cho các thương nhân buôn bán đường dài.

+ Tổ chức các hội chợ để thúc đẩy trao đổi hàng hoá giữa các vùng và giữa các quốc gia.

– Tầng lớp thương nhân có vai trò quan trọng với sự phát triển của các đô thị châu Âu trung đại vì: thương nhân tham gia và chi phối nhiều hoạt động ở các đô thị châu Âu, trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển của đô thị.

– **Câu 2.** Gợi ý trả lời: Những thành tựu của văn minh đô thị thời cổ đại vẫn còn có giá trị với thế giới ngày nay: hệ thống luật pháp, thể chế cộng hoà, quy hoạch và xây dựng đô thị,...

– **Câu 3.** Gợi ý trả lời: Tổ chức thương mại có số nước tham gia đông nhất: WTO (164 thành viên tính đến năm 2020).

WTO giống với Liên minh Han-xe-tic ở việc các nước thành viên cùng tham gia nhằm mục đích: Thúc đẩy tăng trưởng thương mại, buôn bán hàng hoá giữa các nước thành viên, thống nhất thị trường và bảo vệ tự do thương mại.

và những thành phố của vùng đất này vẫn còn tiếp tục đời sống đô thị của nó. Người Ba Tư đã tiếp tục phát triển Ba-bi-lon thành một trung tâm khoa học và văn hoá lớn nhất thế giới cổ đại.

Thế kỉ IV TCN, A-lếch-xăng-đơ Đại đế (Alexander) chinh phục Ba-bi-lon và sống ở thành phố giàu có này cho đến lúc chết. Sau thời kì A-lếch-xăng-đơ Đại đế, Ba-bi-lon và những thành phố khác đều suy tàn dần. Nền văn minh Tây Á cổ đại cũng "chết" theo những thành phố của nó.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN (tt)

2. Tại sao Han-xe-tíc mất vai trò lịch sử?

Sau phát kiến địa lí, các thành phố bên bờ Đại Tây Dương phát triển nhanh chóng cùng với sự ra đời của tam giác mậu dịch giữa ba châu lục: châu Âu, châu Phi và châu Mỹ. Các thành phố thuộc vùng biển Ban-tích mất vai trò, thời kì hoàng kim của Liên minh Han-xe-tíc cũng kết thúc. Thế kỉ XVI – XVII, vai trò lịch sử thuộc về các công ty tư bản thương mại như Đông Ấn, Tây Ấn. Một bộ phận tầng lớp thương nhân châu Âu trở thành nhà tư bản, phần lớn số còn lại chỉ là những nhà buôn bán nhỏ lẻ trong thành phố, nhiều người bị phá sản trở thành những người vô sản.

Chân trời sáng tạo

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU 3
PHẦN MỘT. HƯỚNG DẪN CHUNG 5
PHẦN HAI. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ 23

Phần LỊCH SỬ

Chương 1. TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI 24
Bài 1. Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu 24
Bài 2. Các cuộc phát kiến địa lí 30
Bài 3. Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu trung đại 34
Bài 4. Văn hoá Phục hưng 38
Bài 5. Phong trào Cải cách tôn giáo 42
Chương 2. TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX 46
Bài 6. Khái lược tiến trình lịch sử Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX 46
Bài 7. Các thành tựu văn hoá chủ yếu của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX 52
Chương 3. ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX 56
Bài 8. Vương triều Gúp-ta 56
Bài 9. Vương triều Hồi giáo Đê-li 60
Bài 10. Đế quốc Mô-gôn 64
Chương 4. ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI 68
Bài 11. Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI 68
Bài 12. Vương quốc Cam-pu-chia 72
Bài 13. Vương quốc Lào 76
Chương 5. VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI 80
Bài 14. Công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước thời Ngô – Đinh – Tiền Lê (938 – 1009) 80
Bài 15. Công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước thời Lý (1009 – 1225) 87
Bài 16. Công cuộc xây dựng đất nước thời Trần (1226 – 1400) 95
Bài 17. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên 102
Bài 18. Nhà Hồ và cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh (1400 – 1407) 111
Bài 19. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) 116
Bài 20. Đại Việt thời Lê sơ (1428 – 1527) 122
Bài 21. Vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI 130

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Phần ĐỊA LÍ

Trang

Chương 1. CHÂU ÂU 136
Bài 1. Thiên nhiên châu Âu 136
Bài 2. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu 142
Bài 3. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Âu 146
Bài 4. Liên minh châu Âu 150

Chương 2. CHÂU Á 154
Bài 5. Thiên nhiên châu Á 154
Bài 6. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á 160
Bài 7. Bản đồ chính trị châu Á, các khu vực của châu Á 166
Bài 8. Thực hành: Tìm hiểu các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á 173

Chương 3. CHÂU PHI 175
Bài 9. Thiên nhiên châu Phi 175
Bài 10. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Phi 178
Bài 11. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Phi 181
Bài 12. Thực hành: Sưu tầm tư liệu về Cộng hoà Nam Phi 183

Chương 4. CHÂU MĨ 185
Bài 13. Phát kiến ra châu Mỹ, vị trí địa lí và phạm vi châu Mỹ 185
Bài 14. Thiên nhiên và dân cư, xã hội Bắc Mỹ 188
Bài 15. Phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững, một số trung tâm kinh tế của Bắc Mỹ 192
Bài 16. Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ 197
Bài 17. Đặc điểm dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh 202
Bài 18. Vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng A-ma-dôn 206

Chương 5. CHÂU ĐẠI DƯƠNG 209
Bài 19. Thiên nhiên châu Đại Dương 209
Bài 20. Đặc điểm dân cư, xã hội Ô-xtrây-li-a 212
Bài 21. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a 215

Chương 6. CHÂU NAM CỰC 218
Bài 22. Vị trí địa lí, lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực 218
Bài 23. Thiên nhiên châu Nam Cực 220

Chủ đề chung 1. Các cuộc đại phát kiến địa lí 225
Chủ đề chung 2. Đô thị: Lịch sử và hiện tại 230

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TRẦN THỊ KIM NHUNG – VÕ ĐỨC DI LINH
Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ CÚC PHƯƠNG
Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG – TRẦN DUY THANH
Sửa bản in: ĐỖ XUÂN GIANG – VÕ ĐỨC DI LINH
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 — SÁCH GIÁO VIÊN (Chân trời sáng tạo)

Mã số: G2HG7U001M22

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19x26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 593-2022/CXBIPH/40-397/GD

Số QĐXB:..... ngày .... tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ....năm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-31999-9

Blog Tailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc

BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 7 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. NGỮ VĂN 7, TẬP MỘT
   Sách giáo viên
2. NGỮ VĂN 7, TẬP HAI
   Sách giáo viên
3. TOÁN 7
   Sách giáo viên
4. TIẾNG ANH 7
   Friends Plus - Teacher's Guide
5. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7
   Sách giáo viên
6. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7
   Sách giáo viên
7. KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7
   Sách giáo viên
8. CÔNG NGHỆ 7
   Sách giáo viên
9. TIN HỌC 7
   Sách giáo viên
10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 7
    Sách giáo viên
11. ÂM NHẠC 7
    Sách giáo viên
12. MĨ THUẬT 7 (BẢN 1)
    Sách giáo viên
13. MĨ THUẬT 7 (BẢN 2)
    Sách giáo viên
14. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 1)
    Sách giáo viên
15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 2)
    Sách giáo viên

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

ISBN 978-604-0-31999-9

9 786040 319999

Giá: 46.000 đ

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.

Blog Tailieu.com

Toàn bộ Ebook có trên website Blogtailieu.com đều có bản quyền thuộc về tác giả,

Blog Tài Liệu **không thu hay yêu cầu khoản phí nào, khuyến khích các bạn nếu có khả năng hãy mua sách để ủng hộ tác giả. Blog Tài Liệu Trân trọng cám on các bạn quan tâm trang** blogtailieu.com

SHOPEE.VN

TIKI.VN

HƯỚNG DẪN TẢI BẢN ĐẸP

https://youtu.be/sHSyMSeQmd0

Nội dung cập nhật mới nhất trên blogtailieu.com

Sách chia sẻ tại blogtailieu.com/day-va-hoc